SINUHE
EGYPTILÄINEN

Người Ai Cập

Quyền lực & Tình yêu

★

Nguyên tác của ***Dấu Chân Trên Cát***

MIKA WALTARI

Võ Xuân Quế & Bùi Việt Hoa *dịch*

NHÀ XUẤT BẢN DÂN TRÍ
First News

Duong Kobo's Book Club

Tủ sách Kỹ thuật số
dành cho
Kindle & Kobo

SCAN TO JOIN

NGƯỜI AI CẬP - TẬP 1

Quyền lực và Tình yêu

Mika Waltari

NHÀ XUẤT BẢN DÂN TRÍ

Số 9 - Ngõ 26 - Phố Hoàng Cầu - Q. Đống Đa - TP. Hà Nội

VPGD: Số 278 Tôn Đức Thắng - Q. Đống Đa - TP. Hà Nội

ĐT: (024). 66860751 - (024). 66860752

Email: nxbdantri@gmail.com

Website: nxbdantri.com.vn

Chịu trách nhiệm xuất bản:

BÙI THỊ HƯƠNG

Chịu trách nhiệm nội dung:

LÊ QUANG KHÔI

Biên tập : xxxxxxxxxxx

Trình bày : Văn Đông

Bìa : Phương Thảo

Thực hiện liên kết:

CÔNG TY TNHH VĂN HÓA SÁNG TẠO TRÍ VIỆT (First News)

Địa chỉ: 11H Nguyễn Thị Minh Khai, Q. 1, TP. HCM

Mười lăm sách kể về cuộc đời danh y Sinuhe vào những năm 1390-1335 trước Công lịch

Sách thứ nhất
Chiếc thuyền sậy

1

Tôi, Sinuhe, con trai của ông Senmut và vợ ông là bà Kipa, viết quyển sách này không phải để ngợi ca thần linh xứ Kemet, vì tôi đã chán ngấy các thần linh. Cũng không phải để ca tụng các pharaon bởi tôi quá thất vọng với những việc họ đã làm. Tôi viết quyển sách này chỉ để cho riêng tôi. Tôi không bợ đỡ thần linh, không xu nịnh các bậc đế vương, không vì sợ hãi và cũng không vì một niềm hy vọng cho tương lai. Bởi lẽ tôi đã nếm trải và mất mát quá nhiều trong cuộc đời mình nên tôi không còn bận tâm tới nỗi sợ hãi phù phiếm, và tôi cũng chán ngấy, không còn hy vọng vào sự bất tử cũng như các đấng thần linh hay các bậc đế vương. Tôi viết quyển sách này chỉ để cho riêng tôi và trong việc này tôi nghĩ mình khác với tất cả những ai từng viết sách trước đây cũng như từ nay về sau.

Bởi lẽ tất cả những gì đã được viết ra từ trước đến nay đều hoặc dành cho thần linh hoặc dành cho con người. Tôi muốn các pharaon cũng được xem như con người vì họ cũng như chúng ta, giận hờn và sợ hãi, ham muốn và thất vọng. Họ không có gì khác chúng ta, cho dù hàng ngàn lần họ đã được ghi tên vào thế giới thần linh. Cho dù hàng ngàn lần họ được xếp vào hàng ngũ của thần thánh thì họ vẫn là con người như mọi người khác. Họ có quyền lực để làm thỏa mãn cơn giận dữ hay trốn chạy khỏi nỗi sợ hãi của mình, nhưng quyền lực không giúp họ tránh được ham muốn và thất vọng. Những gì đã được ghi lại đều được ghi theo

mệnh lệnh của các đế vương, để xu nịnh các đấng thần linh hay để lừa phỉnh con người, buộc họ tin vào những điều chưa hề xảy ra. Hoặc tất cả những điều đã xảy ra khác với thực tế. Hoặc một phần của một hay hai điều đã xảy ra lớn hơn hay nhỏ hơn thực tế. Ý tôi muốn nói là từ xưa đến nay, tất cả những gì được viết ra đều là cho thần linh hoặc cho con người.

Tất cả cứ lặp lại như cũ, không có gì mới dưới bầu trời và con người không thay đổi, cho dù trang phục và ngôn từ có khác đi. Vì vậy tôi tin rằng những điều con người viết ra trong tương lai cũng sẽ không có gì thay đổi so với những điều đã được viết ra cho tới lúc này, bởi vì chính bản thân con người không thay đổi. Người ta lượn lờ từng đoàn quanh những điều giả dối giống như bầy ruồi bu quanh những chiếc bánh mật; lời người kể chuyện tỏa hương thơm ngát dù góc phố nơi anh ta ngồi đầy phân súc vật, còn sự thật thì người ta trốn chạy.

Tôi, Sinuhe, con trai của ông Senmut, đã chán ngấy sự giả dối trong những ngày tháng già nua và thất vọng ê chề của mình. Vì vậy tôi chỉ viết cho riêng mình và chỉ viết những gì chính mình từng mắt thấy tai nghe và biết đó là sự thật. Như vậy tôi khác với tất cả những ai từng sống trước tôi cũng như tất cả những ai sinh ra sau tôi. Bởi lẽ người viết những lời của mình ra giấy, nhất là người cho khắc tên và những việc làm của mình vào đá, hy vọng rằng người đời sau sẽ đọc được chúng, sẽ ngợi ca những việc làm và sự thông thái của mình. Nhưng trong từ ngữ của tôi không có sự ngợi ca, cũng như việc làm của tôi không đáng được hàm ơn và sự thông thái của tôi chỉ khiến trái tim tôi đau khổ chứ chẳng làm ai vui thích. Trẻ em không viết lời của tôi xuống bảng đất sét khi luyện chữ. Người ta cũng không nhắc lại lời của tôi, mượn sự thông thái của tôi để ra vẻ hiểu biết. Khi viết quyển sách này, tôi từ bỏ hy vọng sẽ có ai đó đọc và hiểu mình.

Bởi vì con người về bản chất còn xấu xa, độc ác và tàn bạo hơn cả cá sấu ở dưới sông. Trái tim của anh ta cứng hơn đá. Sự hợm hĩnh của anh ta nhẹ hơn khói bụi. Hãy dìm anh ta xuống sông, khi quần áo khô cong, anh ta lại hệt như trước. Hãy dìm anh ta vào nỗi buồn và thất vọng nhưng nếu gượng dậy được, anh ta vẫn không đổi thay. Suốt cuộc đời mình, tôi, Sinuhe, đã chứng kiến biết bao thay đổi, nhưng tất cả lại vẫn tiếp tục như trước và con người không hề thay đổi. Cũng nhiều người nói rằng những điều đã xảy ra chưa từng xảy ra trước đó, nhưng đó là lời nói thật sự vớ vẩn.

Tôi, Sinuhe, từng nhìn thấy một thằng con trai đấm đá cha mình

đến chết nơi góc phố. Tôi từng nhìn thấy người nghèo đứng lên chống lại kẻ giàu và thần linh chống lại thần linh. Tôi từng thấy một người đàn ông uống rượu bằng cốc vàng, khi nghèo khó đã phải cúi xuống dòng sông dùng tay vốc nước uống. Những người trước đây từng cân đong vàng giờ đi xin ăn nơi góc phố và vợ của họ phải bán mình cho những gã da đen vẽ mặt với giá một chiếc vòng đồng để có tiền mua bánh mì cho con.

Thế nhưng trước đây cũng từng như thế. Vẫn có người phải ngủ qua đêm trên nền đất sét dưới lọng che xa hoa lộng lẫy vào thời các vị vua du mục. Cũng khi ấy những kẻ lạ xông vào nhà, đập đầu trẻ vào ngưỡng cửa nhà cho đến nát bét và bắt trói những người đàn bà mặc váy áo bằng vải lanh hoàng gia về làm nô lệ. Cũng vào thời đó người ta đánh chết những người đàn ông quyền uy từng xây cho mình khu mộ ở dãy núi phía tây và ném xác họ xuống sông.

Như vậy những gì mắt tôi nhìn thấy không hề mới, mà chỉ là những điều đã từng xảy ra và cũng sẽ xảy ra trong tương lai. Giống như con người ta không thay đổi trong quá khứ và cũng sẽ không thay đổi trong tương lai. Những người sinh ra sau tôi rồi cũng sẽ giống những người từng sống trước tôi. Làm sao họ có thể hiểu được sự thông thái của tôi? Sao tôi lại hy vọng họ đọc những lời tôi viết?

Nhưng tôi, Sinuhe, viết quyển sách này cho mình, bởi vì sự hiểu biết như nước kiềm ăn mòn tim tôi và tôi đã đánh mất tất cả những niềm vui mình có được trong đời. Tôi bắt đầu viết quyển sách này vào năm lưu đày thứ ba tại bờ biển phía đông, nơi mà từ đó các con thuyền dong buồm về hướng xứ Punt, gần sa mạc, gần những ngọn núi mà các vị hoàng đế xưa thường cho lấy đá để tạc tượng cho mình. Tôi viết cuốn sách này bởi vị rượu đắng chát trong cổ họng mình. Tôi viết cuốn sách này vì tôi đã không còn muốn vui thú với đàn bà và những vườn cây, ao cá không còn làm tôi thấy vui mắt. Vào những đêm đông giá lạnh, có một con bé da đen sưởi ấm giường tôi, nhưng tôi không còn khoái cảm với nó. Tôi đã đuổi những người hát rong ra khỏi phòng mình và tiếng đàn dây cũng như tiếng sáo đều khiến đôi tai tôi khó chịu. Vì vậy tôi viết cuốn sách này khi tôi, Sinuhe, không làm gì với sự giàu sang, với những chiếc cốc vàng, với thảo mộc thơm, với gỗ mun và ngà voi.

Bởi vì tất cả những thứ đó tôi đã có, những thứ không ai dám lấy đi. Những kẻ nô lệ vẫn sợ chiếc gậy của tôi và trước mặt tôi, những người lính canh phải cúi đầu và đặt tay lên đầu gối của họ. Nhưng

lãnh địa của tôi bị khoanh vùng và không con thuyền nào được cập vào những con sóng ven bờ. Vì thế tôi, Sinuhe, sẽ không bao giờ được hít thở mùi bùn đen trong đêm xuân sang và bởi thế nên tôi viết sách này.

Dĩ nhiên tên tôi đã từng một lần được viết vào sách vàng của pharaon, và tôi từng sống trong ngôi nhà vàng bên phải cung điện của hoàng đế. Lời nói của tôi từng có sức nặng hơn lời của đám người quyền thế xứ Kemet, những kẻ thường gửi quà biếu tôi, trong đó có cả những chiếc vòng vàng đang quấn quanh cổ tôi đây. Tôi từng có tất cả những thứ mà con người ước muốn, nhưng là một con người, tôi lại mong muốn nhiều hơn những điều con người có thể đạt được. Bởi vậy tôi ở đây, nơi hiện giờ tôi đang có mặt. Tôi đã bị đày khỏi Thebes vào năm trị vì thứ sáu của Pharaon Horemheb, và nếu rời khỏi vùng đất được phép ở và quay trở lại Thebes, tôi sẽ bị đập chết như một con chó, hay sẽ bị bẹp dí như con ngóe giữa các tảng đá. Đó là lệnh của Hoàng đế, Pharaon, người từng là bạn của tôi.

Nhưng tôi có thể trông chờ điều gì hơn từ ông ta, một kẻ xuất thân thấp hèn, người đã ra lệnh xóa tên các đế vương khỏi danh sách các vua và buộc thư lại ghi tên cha mẹ mình như thể họ là người quyền quý vào danh sách đó. Tôi đã chứng kiến lễ đăng quang của ông ta, đã thấy người ta đội lên đầu ông ta chiếc vương miện đỏ và trắng như thế nào. Ông ta đày tôi đi biệt xứ vào năm trị vì thứ sáu kể từ ngày đó. Nhưng theo cách tính của các thư lại triều đình thì đó lại là năm trị vì thứ ba mươi hai của ông ta. Vậy chẳng phải tất cả những gì được viết ra trước đây và bây giờ đều là giả dối cả hay sao!

Tôi khinh bỉ ngài, người từng sống vì sự thật. Tôi khinh bỉ sự nhu nhược của ngài trong cuộc đời và tôi khiếp sợ những tai họa mà ngài đã gieo rắc xuống xứ Kemet khi nhân danh sự thật. Giờ là lúc ngài trả thù tôi bởi tôi muốn sống vì sự thật, không phải vì thần linh của ngài mà chỉ vì chính bản thân tôi. Sự thật là con dao sắc, sự thật là vết thương vô phương cứu chữa trong con người, sự thật là nước kiềm đắng cay gặm nhấm tâm can. Vì vậy khi còn trẻ và khỏe, người ta tìm đến các nhà vui để trốn tránh sự thật và che mắt mình bằng công việc, bằng những chuyến đi và những trò tiêu khiển, bằng quyền lực và bằng các công trình xây dựng. Nhưng sẽ có một ngày, sự thật như ngọn giáo đâm xuyên qua người anh ta và sau đó anh ta không còn vui thú trong suy nghĩ cũng như trong công việc. Anh ta chỉ còn lại một mình, một mình giữa đồng loại và thần linh không giúp anh ta khuây khỏa nỗi cô đơn. Tôi, Sinuhe, viết quyển sách này và biết rõ rằng những việc

tôi đã làm là tồi tệ và những con đường tôi đã đi là sai lầm, nhưng tôi cũng biết rõ rằng sẽ không ai lấy đó để làm gương dù cho họ có bị buộc phải đọc những điều này. Vì vậy tôi viết quyển sách này chỉ để cho mình tôi. Hãy để những người khác gột rửa tội lỗi của họ bằng nước thánh của thần Amon, còn tôi, Sinuhe, gột rửa mình bằng việc viết lại những việc làm của chính tôi. Hãy để những người khác cân đo sự giả dối của họ bằng cán cân của thần Osiris, còn tôi, Sinuhe, cân đo lòng mình bằng cây bút sậy.

Nhưng trước khi bắt đầu quyển sách, tôi để cho trái tim mình giãi bày những lời khóc than của nó, lời khóc than buồn bã từ trái tim đen đúa của một kẻ bị lưu đày như tôi:

Ai từng một lần uống nước sông Nile sẽ khát khao trở lại sông Nile. Nước ở bất cứ nơi nào khác cũng không thể làm dịu cơn khát của anh ta.

Ai từng sinh ra ở Thebes sẽ khát khao trở lại Thebes, bởi lẽ trên mặt đất này không có nơi nào giống như Thebes. Ai đã được sinh ra nơi một ngõ nhỏ ở Thebes sẽ khát khao trở lại ngõ nhỏ đó. Từ tòa lâu đài gỗ bách hương, anh ta khát khao được trở về túp lều đất. Sống trong mùi thơm của mộc dược và các loại hương trầm, anh ta sẽ luyến nhớ làn khói tỏa ra từ phân súc vật khô và mùi khen khét của cá rán trong dầu.

Tôi sẵn sàng đổi chiếc cốc vàng của mình lấy chiếc vò sành của người nghèo khó để được một lần nữa giẫm chân xuống nền đất mềm xứ Kemet. Tôi sẵn sàng vứt bỏ bộ quần áo lanh để được ở trần cho da mình cháy sém như da kẻ nô lệ, nếu như một lần nữa được nghe tiếng xào xạc trong gió xuân của đám sậy bên sông.

Sông Nile dâng nước tràn bờ, các thành phố nhô lên trên làn nước xanh như những viên ngọc bích, từng đàn én bay về, những đàn sếu lội trong bùn, nhưng tôi không ở đó. Sao tôi không là chim én, sao tôi không là con sếu có đôi cánh khỏe để vượt qua được những người lính canh, trở về xứ Kemet?

Tôi sẽ xây tổ cho mình giữa những cây cột sặc sỡ của đền thần Amon, khi những ngọn tháp nhọn tỏa ánh vàng và lửa đỏ, trong mùi thơm của hương trầm và những con vật hiến tế béo mẫm. Tôi sẽ xây cho mình một tổ ấm trên mái nhà đất trong ngõ nghèo khó. Những con bò kéo xe, những người thợ thủ công cán giấy bột sậy, những người bán hàng rong rao hàng, và bọ hung lăn cục phân tròn như quả bóng trên con phố dài lát đá.

Dòng sông tuổi trẻ của tôi trong vắt, sự điên dại của tôi thật đáng yêu. Rượu của tuổi già đắng chát và chua loét, những chiếc bánh mật ngon nhất cũng không sánh được với những lát bánh mì khô cứng trong những ngày nghèo khó của tôi. Năm tháng ơi hãy quay trở lại, quá khứ ơi hãy trở về đây, và thần Amon hãy dong buồm từ tây sang đông để tôi được trở về với thời trai trẻ của tôi một lần nữa. Một từ tôi cũng không thay, một việc nhỏ tôi cũng không đổi. Ôi, chiếc bút sậy mong manh, ôi tờ giấy sậy mịn màng, hãy trả lại cho tôi những việc làm phù phiếm, tuổi trẻ và sự ngô nghê, rồ dại của tôi.

Quyển sách này do Sinuhe, kẻ bị lưu đày, người khốn khổ nhất trong tất cả những người nghèo khổ ở Kemet, viết ra.

2

Senmut, người tôi gọi bố, là một lương y của người nghèo ở Thebes. Kipa, người tôi gọi mẹ, là vợ của ông. Hai người không có con. Tôi đến với họ khi họ đã bước sang tuổi xế chiều. Theo cách mộc mạc của mình, họ nói rằng tôi là món quà của thần linh và không đoán được điều bất hạnh mà món quà này mang đến cho mình. Mẹ Kipa của tôi lấy tên Sinuhe đặt cho tôi từ một câu chuyện kể vì bà thích chuyện cổ tích và theo cách hiểu của bà, tôi cũng thoát khỏi tai họa và đến với gia đình bà giống như nhân vật Sinuhe. Sinuhe trong câu chuyện tình cờ nghe được một bí mật khủng khiếp trong lều của pharaon và chạy trốn, rồi trải qua nhiều năm tháng, nhi ều cuộc phiêu lưu ở những đất nước xa lạ.

Nhưng đây chỉ là cách nói đơn giản, suy nghĩ ngây thơ của bà và bà hy vọng tôi cũng luôn luôn thoát khỏi những tai họa và tránh được mọi rủi ro. Bởi vậy nên bà đặt tên cho tôi là Sinuhe. Nhưng các giáo sĩ của thần Amon cho rằng tên người là điềm báo. Vì thế có lẽ tên của tôi đã đẩy tôi vào những hiểm nguy và các cuộc phiêu lưu tới những miền đất xa lạ. Có lẽ tên tôi đã khiến tôi can dự vào những bí mật rùng rợn, những bí mật của các quốc vương và những phi tần của họ, những bí mật có thể khiến người ta mất mạng. Và cuối cùng tên của tôi đã khiến tôi bị đày biệt xứ và trở thành kẻ lưu vong.

Điều mẹ Kipa tội nghiệp nghĩ ra khi đặt tên cho tôi thật ngây thơ, song cho rằng tên người liên quan đến số phận của họ cũng ngây thơ không kém. Cuộc đời tôi có lẽ cũng chẳng khác, dù tên tôi có là

Kepru, Kafran hay Mose, tôi nghĩ thế. Dĩ nhiên, điều không thể phủ nhận là Sinuhe đã trở thành kẻ bị lưu đày, trong khi Heb, con trai của diều hâu lại trở thành Pharaon Horemheb với vương miện đỏ và trắng, trị vì cả miền Thượng và Hạ Ai Cập. Vậy nên về điềm báo của cái tên, hãy cứ để ai muốn nghĩ thế nào mặc họ, bởi ai trong chúng ta cũng có trong đức tin của mình niềm an ủi để vượt qua những nghịch cảnh và tai họa trong đời.

Tôi sinh ra vào thời trị vì của Pharaon Amenhotep Đệ Tam vĩ đại và cùng năm đó một người khác, người chỉ muốn sống với sự thật, cũng chào đời và tên của người đó không còn được nhắc đến vì đó là cái tên bị nguyền rủa, mặc dù lúc bấy giờ không ai biết gì về điều này. Khi ấy một niềm hân hoan mãnh liệt tràn ngập trong cung điện nơi người đó được sinh ra và quốc vương đã dâng cúng rất nhiều đồ hiến tế trong đền thờ lớn của thần Amon mà chính ngài đã cho xây dựng và dân chúng cũng vui mừng mà không hay biết điều gì sẽ đến. Bởi Hoàng hậu vĩ đại Teje đã mong chờ con trai trong vô vọng, mặc dù bà là vương phi của Pharaon Đại đế đã hai mươi hai năm và tên của bà được khắc bên cạnh tên của Pharaon trong các ngôi đền và các bức tranh. Vì thế người mà tên không được phép nhắc đến đã được tuyên bố sẽ là người kế vị ngai vàng trong một buổi lễ long trọng ngay khi các giáo sĩ kịp làm lễ cắt bao quy đầu.

Nhưng người đó sinh ra đúng vụ gieo hạt mùa xuân, còn tôi, Sinuhe, sinh ra vào mùa thu trước khi nước lụt dâng lên mức cao nhất. Nhưng tôi không biết ngày sinh của mình vì một chiếc thuyền sậy nhỏ quét hắc ín đưa tôi trôi dọc theo dòng sông Nile và mẹ Kipa tìm thấy tôi từ một đám sậy ven sông gần bậc cửa nhà mình khi nước sông dâng cao đến mức ấy. Một đàn én bay đến và kêu chíu chít trên đầu tôi, nhưng tôi nằm im nên bà nghĩ rằng tôi đã chết. Bà bế tôi vào nhà, sưởi ấm tôi bên bếp lửa than rồi thổi vào miệng tôi cho đến khi tôi bắt đầu rên nhè nhẹ.

Bố Senmut của tôi vừa đi thăm bệnh nhân về, mang theo hai con vịt và một đấu bột. Nghe thấy tiếng rên ư ử của tôi, ông nghĩ rằng mẹ Kipa đã mang về một con mèo con nên bắt đầu trách bà. Nhưng mẹ tôi nói:

- Đây không phải là mèo, mà tôi vừa có được một bé trai! Vui lên nào Senmut, chúng ta có một đứa con trai rồi.

Bố tôi bực bội bảo bà nói nhảm, nhưng mẹ Kipa bế tôi lên cho ông xem và tình cảnh tội nghiệp của tôi đã khiến ông mủi lòng. Thế là họ nhận tôi làm con của mình và cũng làm cho hàng xóm tin rằng

mẹ Kipa đã sinh ra tôi. Đó là điều hãnh diện của bà nhưng tôi không biết liệu bao nhiêu người đã tin bà. Còn chiếc thuyền sậy đưa tôi đến được Kipa giữ lại và treo lên phía trên giường. Bố tôi lấy chiếc nồi đồng tốt nhất mang dâng cho đền và xin ghi tên tôi vào sổ chứng sinh là con đẻ của mình, được Kipa sinh ra. Ông tự cắt bao quy đầu cho tôi chứ không để các giáo sĩ chạm vào tôi vì ông là thầy thuốc và ông sợ lưỡi dao của các giáo sĩ sẽ để lại vết thương sưng mủ. Nhưng có thể ông làm vậy để tiết kiệm tiền vì ông hoàn toàn không giàu có khi chỉ là một lương y chữa bệnh cho người nghèo.

Tất cả những điều này bản thân tôi không nhìn thấy cũng như không trải qua, nhưng bố mẹ tôi từng kể lại tất cả cho tôi nghe rất nhiều lần với những từ giống nhau khiến tôi tin và tôi không nghĩ ra lý do gì để họ có thể nói dối tôi. Nhưng suốt thời niên thiếu của mình, tôi nghĩ họ đúng là bố mẹ đẻ của tôi và chẳng có nỗi buồn nào làm vẩn đục những năm tháng trẻ thơ của tôi. Họ cho tôi biết sự thật khi mái tóc xoăn trẻ con của tôi bị cắt bỏ và tôi trở thành một chàng trai. Họ làm điều đó bởi vì họ sợ và tôn kính thần linh và bố tôi không muốn tôi sống trong sự lừa dối suốt cuộc đời mình.

Nhưng tôi không bao giờ biết được mình là ai, gốc gác từ đâu và ai là cha mẹ đẻ của tôi. Dĩ nhiên tôi tin là có thể đoán ra được từ những lý do mà tôi sẽ nói sau, mặc dù điều đó cũng chỉ là giả thiết của tôi.

Có điều tôi biết chắc chắn rằng tôi không phải là đứa trẻ duy nhất bị thả trên thuyền sậy trôi dọc sông. Thebes, nơi có nhiều đền đài và cung điện, là một thành phố lớn với các ngôi nhà đất của dân nghèo bao quanh ngút tầm mắt. Vào thời các pharaon vĩ đại, Ai Cập từng thống trị nhiều nước và cùng với sự vĩ đại và giàu có, các phong tục thay đổi; người ngoại quốc đến Thebes để buôn bán và lập nghiệp bằng nhiều nghề khác nhau đã xây dựng lên ở đây những ngôi đền để thờ thần linh của họ. Sự nghèo khổ, khốn khó ở bên ngoài những bức tường thành cũng tăng nhanh không kém sự giàu có, xa hoa, và hào nhoáng bên trong các đền đài, cung điện. Nhiều người nghèo phải bỏ rơi con mình, nhưng cũng có nhiều người vợ nhà giàu có chồng thường xuyên đi xa lâu ngày đã vứt bỏ vết tích của những cuộc tình vụng trộm xuống dòng sông trong những chiếc thuyền bằng sậy. Có thể tôi đã bị vợ của một thủy thủ bỏ rơi khi bà dan díu với một thương gia người Syria. Có thể tôi là con của một người ngoại quốc vì tôi đã không được cắt bao quy đầu khi mới lọt lòng. Khi mái tóc xoăn của tôi bị cắt bỏ và mẹ Kipa của tôi cất nó vào một chiếc hộp gỗ nhỏ cạnh đôi dép đầu

đời của tôi, tôi đã ngắm nhìn hồi lâu chiếc thuyền sậy mà bà chỉ cho tôi. Những thân sậy đã ngả màu vàng và mủn ra, dính nhọ nhem bồ hóng. Theo bố mẹ tôi thì chiếc thuyền được đan bằng những múi đan theo cách của những người bẫy chim, ngoài ra nó không cho biết thêm điều gì khác.

3

Khi tuổi già đến gần, tâm trí con người như cánh chim trốn về thời thơ ấu. Vào buổi xế chiều này, những ngày thơ ấu của tôi sáng lên trong ký ức như thể mọi điều khi ấy đều tốt hơn và đẹp hơn thế giới hiện giờ. Trong việc này có lẽ không có sự khác biệt giữa người giàu và người nghèo vì chắc chắn là không ai nghèo đến mức tuổi thơ không có chút ánh sáng và niềm vui nào thoáng qua để nhớ đến khi về già.

Bố Senmut của tôi sống ở một khu phố ồn ào và nghèo khó trải dọc theo chân thành bao quanh đền thờ về phía thượng nguồn sông. Những bến đỗ thuyền được xây bằng đá lớn của thượng nguồn sông nằm gần nhà chúng tôi, là nơi ghe thuyền trên sông Nile cập vào dỡ hàng. Trên các con phố hẹp có cả các quán rượu bia dành cho thủy thủ và thương lái, có cả những nhà vui, nơi những người giàu có ở khu trung tâm thành phố thường ngồi kiệu đến. Hàng xóm của chúng tôi là các viên thu thuế, lại viên, chủ ghe thuyền và một số giáo sĩ bậc năm. Giống như bố tôi, họ họp thành một nhóm người oai nghiêm nhất khu phố nghèo, tựa như bức tường nhô lên trên mặt nước.

Vậy nên nhà của chúng tôi rộng và thoáng so với những ngôi nhà đất lụp xụp, tường nối tường buồn tẻ dọc theo các con ngõ hẹp. Trước nhà chúng tôi còn có khoảnh vườn nhỏ rộng vài bước chân, nơi bố tôi trồng một cây sung; những bụi keo ngăn vườn với phố và một cái ao được xây bằng đá chỉ có nước vào mùa lũ. Nhà có bốn phòng, trong đó một phòng là để mẹ nấu nướng. Chúng tôi ăn ở hiên nhà, nơi dẫn vào phòng khám của bố. Mỗi tuần hai lần, một người đến dọn nhà giúp mẹ tôi vì bà ưa sạch sẽ. Mỗi tuần một lần, thợ giặt đến lấy xống áo của chúng tôi mang về giặt tại bến giặt bên sông.

Giữa khu phố nghèo khổ, ồn ào và ngày càng có nhiều người tứ xứ đến cư ngụ mà mãi đến tuổi trưởng thành tôi mới nhận ra sự sa đọa của nó, thì bố tôi cùng hàng xóm của mình là những người

đại diện cho truyền thống lẫn các thói quen, tập quán cũ và thiện lương. Trong khi các phong tục đã bị xem nhẹ giữa những người quyền quý và giàu có của thành phố thì bố tôi và những người thuộc tầng lớp của ông vẫn đại diện cho một Ai Cập xưa vững chắc như đá, cho sự tôn kính thần linh và tâm hồn thanh khiết, vị tha. Cứ như các ông tương phản lại với khu phố nơi mình ở và những con người mà các ông buộc phải chung sống và hành nghề giữa họ.

Nhưng tại sao tôi lại kể điều mà mãi về sau tôi mới hiểu này. Tại sao tôi không muốn nhớ đến gốc sung dâu sần sùi và tiếng lá rì rào mỗi khi tôi ngồi nghỉ trên bộ rễ dưới tán của nó để tránh nắng vào những ngày hè nóng như thiêu đốt. Tại sao tôi không nhớ về cái đồ chơi yêu thích nhất của mình là con cá sấu bằng gỗ mà tôi hay kéo đi bằng một sợi dây dọc đường phố rải đá, con cá sấu theo sau tôi lạch cạch với cái mõm sơn đỏ há to rồi ngậm lại khiến bọn trẻ con hàng xóm thường xúm quanh trố mắt nhìn. Tôi đã kiếm được nhiều bánh mật ong, nhiều viên đá lấp lánh và những mẩu dây đồng khi cho những đứa trẻ khác kéo nó đi dọc phố và chơi với nó. Chỉ trẻ con nhà quyền quý mới có được những thứ đồ chơi như thế, nhưng một người thợ mộc trong hoàng cung đã tặng nó cho bố tôi sau khi bố chữa cho ông ta khỏi căn bệnh áp xe từng khiến ông không ngồi được.

Sáng sáng mẹ tôi thường dẫn tôi ra chợ rau quả. Thực ra bà không mua nhiều, nhưng có khi bà đứng mất một lượng nước đồng hồ để chọn một mớ hành và dành ra tất cả các buổi sáng trong tuần để chọn một đôi giày mới. Nhưng qua cung cách nói năng của bà, người ta tưởng bà là người giàu có và chỉ muốn đồ tốt nhất. Nếu bà không mua mọi thứ bà thích, chỉ vì bà muốn dạy tôi tính tiết kiệm. Chính vì thế bà nói: "Người giàu sang không phải là người có nhiều vàng bạc, mà là người hài lòng với sự ít ỏi". Bà quả quyết với tôi như vậy, nhưng đôi mắt già nua, tội nghiệp của bà cùng lúc lại say sưa ngắm nhìn những tấm vải sặc sỡ, mỏng và nhẹ như lông chim của người Sidon và Byblos. Đôi bàn tay nâu sạm và chai sạn vì công việc của bà mân mê ướm thử những chiếc vòng ngà voi và những chiếc lông đà điểu. "Tất cả đều xa xỉ và không cần thiết", bà nói với tôi và tự an ủi mình. Nhưng suy nghĩ trẻ thơ của tôi đã cưỡng lại lời dạy đó và tôi ước mình có một con khỉ đuôi dài đang vòng tay ôm cổ chủ của nó, hay một con chim có màu sặc sỡ đang the thé hét lên những từ tiếng Syria và tiếng Ai Cập. Tôi cũng không việc gì phải từ chối những chiếc vòng cổ hay những đôi dép có nạm vàng. Mãi sau này tôi mới hiểu mẹ Kipa già cả tội nghiệp từng ước ao được giàu có đến thế nào.

Nhưng vì chỉ là vợ một lương y của người nghèo nên bà thỏa mãn ước mơ của mình bằng những câu chuyện cổ tích. Tối đến trước khi ngủ, bà kể cho tôi nghe bằng giọng trầm ấm tất cả những câu chuyện bà biết. Bà kể về Sinuhe và kẻ bị đắm tàu trở về từ cung điện của vua rắn cùng với những món đồ cực kỳ quý giá. Bà kể về những vị thần, các phù thủy, pháp sư và các pharaon thời cổ đại. Bố tôi thường càu nhàu rằng bà đã gieo rắc vào đầu tôi những ý nghĩ ngốc nghếch và nhảm nhí nhưng tối đến, khi ông bắt đầu ngáy thì mẹ tôi lại tiếp tục kể, vừa để thỏa mãn sở thích của mình vừa làm cho tôi vui. Tôi còn nhớ những đêm hè nóng nực và oi bức ấy, khi tấm lưng trần của tôi như bị thiêu đốt trên chiếc giường và giấc ngủ mãi không đến, tôi vẫn nghe tiếng bà nhỏ nhẹ, du dương và tôi lại cảm thấy an bình bên mẹ. Mẹ đẻ của tôi chưa chắc đã dịu dàng với tôi và nhân hậu như bà Kipa chất phác và sùng tín. Bà luôn đón nhận những người kể chuyện mù và tàn tật vào nhà rồi đãi họ đồ ăn ngon.

Những câu chuyện kể đã làm cho tôi vui thích và đem lại cho tôi trạng thái cân bằng giữa con phố ồn ào, nồng nặc mùi hôi thối của xú uế và những ổ ruồi nhặng. Đôi lúc mùi thơm gắt của nhựa bách hương và nhựa tùng cũng theo gió từ cảng bay vào phố. Hoặc một giọt dầu thơm rơi xuống từ kiệu của một người đàn bà quý phái khi bà ta cúi người mắng mỏ các cậu bé trên phố. Vào buổi tối, khi chiếc thuyền vàng của thần Amon quay mũi sang dãy núi phía tây, các hiên nhà và các căn lều đất trên phố bốc lên mùi cá rán bằng dầu khen khét lẫn với mùi bánh vừa nướng. Tôi đã quen và yêu những mùi vị của khu phố nghèo Thebes này từ thời thơ ấu và tôi sẽ không bao giờ quên.

Trong những bữa ăn nơi hiên nhà, tôi cũng nhận được những bài học đầu tiên từ bố tôi. Ông mệt mỏi từ ngoài phố bước vào vườn hay từ phòng tiếp bệnh nhân đi ra, quần áo sặc mùi thuốc và mùi dầu. Mẹ tôi giội nước cho bố rửa tay rồi chúng tôi ngồi xuống ghế trong khi mẹ tôi tiếp đồ ăn. Đôi lúc một tốp thủy thủ say bia từ ngoài phố lè nhè kéo qua, chọc gậy vào các vách nhà và giải quyết nhu cầu vào gốc các bụi keo nhà chúng tôi. Là một người cẩn trọng, lúc đó bố tôi không nói gì mà ông đợi đám người kia đi qua mới bảo tôi:

- Chỉ có tên da đen khốn nạn hay gã Syria bẩn thỉu mới giải quyết nhu cầu bên đường phố. Còn người Ai Cập làm điều đó giữa các bức tường.

Hoặc ông nói:

- Rượu là món quà thần linh tặng để làm vui trái tim ta khi ta nhấm nháp nó vừa phải. Một cốc không làm hại ai, hai cốc khiến ta lắm lời, còn ai tu hết cả vò thì sẽ tỉnh dậy từ cái rãnh bên đường, bị cướp và bị đánh bầm dập.

Thi thoảng, mùi hương của các loại dầu và nước thơm phả vào tận hiên nhà khi một phụ nữ xinh đẹp đi ngang qua, thân hình choàng bộ váy mỏng tang, môi, má đầy son phấn và lông mày kẻ vẽ, ánh lên lấp lánh trên đôi mắt ướt, điều không bao giờ thấy ở những người đàn bà đoan trang. Khi tôi đang mê mẩn ngắm nhìn người ấy, bố tôi nghiêm giọng nói:

- Con phải cẩn thận với bất cứ người phụ nữ nào bảo con là "anh chàng điển trai" và dụ dỗ con đến với cô ta, vì trái tim cô ta chính là cái bẫy, là tấm lưới giăng, còn vòng ôm của cô ta thì nóng bỏng hơn cả lửa.

Có kỳ lạ không nếu sau những bài học này, tâm trí non nớt của tôi bắt đầu thấy sợ những vò rượu và những người đàn bà đẹp, những người không giống như phụ nữ bình thường. Nhưng đồng thời trong tôi, sự quyến rũ nguy hiểm đáng sợ đã gắn liền với hai điều ấy.

Ngay từ khi tôi còn bé, bố tôi đã cho phép tôi có mặt trong những buổi tiếp bệnh nhân của ông. Ông vừa chỉ dẫn cho tôi những dụng cụ nghề y, dao và các nồi nấu thuốc, vừa giảng giải cho tôi biết chúng được sử dụng như thế nào. Khi ông khám cho bệnh nhân, tôi được đứng bên cạnh và đưa cho ông bình nước, bông băng, thuốc mỡ và rượu. Như những người phụ nữ khác, mẹ tôi không dám nhìn các vết thương và ung nhọt, cũng không hiểu được sự quan tâm khờ dại của tôi đến bệnh tật. Trẻ con không hiểu được những cơn đau nhức và bệnh tật khi chưa nếm trải chúng. Với tôi việc chích vỡ một cái nhọt là việc làm ly kỳ và tôi tự hào kể lại tất cả những gì mình chứng kiến cho những đứa trẻ khác để chúng thán phục. Khi một bệnh nhân mới đến, tôi luôn chăm chú theo dõi việc khám và lắng nghe các câu hỏi của bố tôi cho đến lúc ông nói "Bệnh này có thể chữa được" hay "Tôi sẽ nhận chữa". Nhưng cũng có những bệnh nhân không thể chữa được, và ông chỉ viết mấy dòng vào mảnh giấy cói và gửi họ đến Nhà Sống trong đền. Sau khi bệnh nhân như vậy đi khỏi, ông thường thở dài rồi lắc đầu và nói: "Thật tội nghiệp!".

Không phải tất cả bệnh nhân của ông đều là dân nghèo. Đôi khi người ta đưa đến cho ông từ nhà vui những người ăn vận đồ lanh mỏng đẹp để được băng bó hay những thuyền trưởng Syria đến

nhờ ông khám mụn nhọt hay khi họ bị đau răng. Thế nên tôi không ngạc nhiên khi một lần bà vợ của chủ cửa hàng đồ khô, người đeo đầy vòng và cổ áo thêu những viên đá quý sặc sỡ, đến nhờ bố tôi khám bệnh. Bà ta thở nghe não nề, rên rỉ và than vãn về đủ các bệnh trong khi bố tôi chăm chú lắng nghe. Tôi hết sức thất vọng khi thấy ông lấy ra một mẩu giấy cói để viết, bởi tôi đã hy vọng sẽ nhận được nhiều món quà ngon nếu ông có thể chữa được cho người bệnh này. Vì vậy tôi thở dài, lắc đầu rồi tự nói với mình: "Thật tội nghiệp!".

Bệnh nhân giật mình co rúm người và hoảng sợ nhìn bố tôi. Nhưng ông chép lại mấy dòng chữ cổ và một vài hình vẽ từ cuộn giấy cói cũ, xong ông đổ dầu ăn và rượu vào một cái bát rồi nhúng tờ giấy vào ngâm cho tới khi mực hòa với rượu, sau đó ông rót thứ nước đó vào một cái hũ sành, đậy nắp và đưa nó cho bệnh nhân, bảo bà nhấp một ít mỗi khi thấy đau đầu hay đau bụng. Sau khi người bệnh ra về, tôi tò mò nhìn bố tôi. Ông tỏ vẻ ngượng ngùng, ho vài tiếng và nói:

- Có nhiều thứ bệnh có thể được chữa khỏi bằng mực chép câu thần chú.

Ông không nói gì thêm, nhưng lát sau ông lầm bầm với chính mình:

- Ít nhất thuốc này không gây hại cho người bệnh.

Khi tròn bảy tuổi, tôi được nhận khố dành cho con trai và mẹ Kipa dẫn tôi đến đền dự lễ hiến tế. Vào thời đó đền thờ thần Amon ở Thebes là thánh đường uy nghiêm nhất của Ai Cập. Một con đường rợp bóng cây từ đền và ao của nữ thần mặt trăng chạy xuyên qua thành phố, hai bên đường là hàng nhân sư bằng đá chạm khắc đầu cừu đực. Những bức tường gạch hùng vĩ bao quanh đền và toàn bộ thánh đường với nhiều tòa nhà tạo nên thành phố trong thành phố. Những dây cờ đuôi nheo sặc sỡ bay phấp phới trên đỉnh tháp môn cao như ngọn núi và những bức tượng khổng lồ của các hoàng đế đứng hai bên cổng đồng canh gác cả khu đền.

Khi chúng tôi bước qua cổng vào đền, những người bán bùa ngải bắt đầu níu kéo mẹ tôi và léo nhéo mời mọc xem hàng. Mẹ dắt tôi đi xem các xưởng mộc và các bức tượng nô lệ và người hầu được đặt trên bục trưng bày. Những bức tượng đã được các giáo sĩ phù phép để hầu hạ chủ của họ ở thế giới bên kia và làm những việc để người chủ của họ không phải động tay. Nhưng tại sao tôi lại kể

điều mà ai cũng biết này, vì tất cả đều lặp lại như trước và trái tim con người không hề đổi thay. Mẹ tôi trả phí để được vào xem lễ hiến tế và tôi thấy các giáo sĩ vận đồ trắng trong nháy mắt đã giết và xẻ thịt xong một con bò đực. Giữa cặp sừng của nó có một mảnh triện được buộc với một sợi dây sậy để chứng tỏ rằng con bò hoàn hảo và không có một sợi lông đen nào. Các giáo sĩ béo tốt và thánh thiện, đầu cạo trọc và được bôi dầu bóng nhẫy. Có vài trăm người tham dự lễ hiến tế song các giáo sĩ không để ý đến họ nhiều mà chỉ thản nhiên trao đổi với nhau về công việc của mình trong suốt buổi lễ. Về phần mình, tôi dán mắt xem các bức họa về chiến trận trên tường của đền và kinh ngạc nhìn ngắm các cây cột khổng lồ. Tôi không hiểu được sự xúc động đến rưng rưng nước mắt của mẹ tôi khi bà dẫn tôi về nhà. Về đến nhà, bà cởi đôi dép trẻ em ra khỏi chân tôi và tôi được nhận đôi dép mới không thoải mái bằng. Chân tôi luôn bị cọ xát cho đến khi tôi quen với nó.

Khi tôi than phiền về điều đó, bố tôi âu yếm cười, nói rằng con trai của một gia đình tử tế không còn được đi chân đất trong thành phố, rằng thời gian đã làm thay đổi nhiều thứ đến thế. Ông nói vào thời của ông, những người thuộc nhà quyền quý đôi khi quàng dép lên cổ và đi chân đất. Tập quán khi đó đơn giản và lành mạnh hơn bây giờ. Y phục của phụ nữ là váy chẽn không tay, còn bây giờ bất cứ người phụ nữ nào nhạy cảm với vị thế của mình đều chuộng y phục rộng và cổ áo sặc sỡ. Trước đây, đàn ông khoác những chiếc áo được hồ cứng và có nếp gấp với ống tay rộng sẽ bị chê cười. Quả thực, nếu ông nội đội mồ sống lại thì hẳn sẽ không thể nhận ra Thebes nữa, cũng khó hiểu được những câu nói hằng ngày vì rất nhiều từ và tên gọi bằng tiếng Syria được thêm vào. Những người dùng nhiều từ vay mượn hơn nghĩ rằng mình cao sang hơn, bố tôi bảo thế.

Nhưng sau bữa ăn, ông trở nên nghiêm trang. Ông đặt bàn tay to, khéo của mình lên đầu tôi và vân vê mái tóc xoăn mềm bên thái dương phải của tôi.

- Sinuhe, con đã bảy tuổi rồi, - ông nói, - con cần chọn cho mình một nghề.

- Chiến binh ạ, - tôi trả lời ngay và không hiểu được vẻ thất vọng trên khuôn mặt quắc thước của ông. Bởi vì các trò chơi hay nhất mà tụi con trai hay chơi trên đường phố là những trò đánh nhau và tôi đã được xem những người lính tập vật nhau và sử dụng vũ khí trước doanh trại của họ, cũng từng nhìn thấy những đoàn chiến xa ầm ầm, nghiêng ngả chạy ra khỏi thành phố để luyện tập. Chắc hẳn không có nghề gì vinh dự hơn và vẻ vang hơn nghề

chiến binh. Chiến binh không cần phải biết viết, đó là lý do quan trọng nhất khiến tôi lựa chọn, bởi bọn con trai lớn tuổi hơn đã kể cho tôi nghe những chuyện đáng sợ về việc học viết khó như thế nào và những ông thầy đã giật tóc chỏm của học trò ra sao nếu cái bảng đất sét chẳng may bị vỡ hay bút sậy bị gãy trong những ngón tay không thành thạo.

Dường như vào thời trẻ, bố tôi không phải là người tài năng, nếu không chắc chắn ông đã tiến xa hơn trong đời chứ không chỉ là một thầy thuốc cho người nghèo. Song ông là người tận tâm với công việc, không gây hại cho bệnh nhân và sau nhiều năm ông đã tích lũy được nhiều kinh nghiệm. Ông biết rõ tôi vốn ngang bướng và nhạy cảm như thế nào nên ông không nói gì về quyết định của tôi.

Nhưng một lát sau ông bảo mẹ tôi đưa cho ông một cái hũ, rồi ông đi vào phòng mình và rót rượu rẻ tiền từ vò vào đầy hũ.

- Ta đi nào Sinuhe, - ông nói rồi dẫn tôi đi ra phía bờ sông.

Tôi ngạc nhiên đi theo ông. Tới bến cảng, ông dừng lại nhìn một chiếc sà lan trên đó những người phu khuân vác mồ hôi nhễ nhại đang còng lưng dỡ những kiện hàng được khâu trong những tấm thảm xuống cầu tàu. Mặt trời đã lặn xuống ngọn núi phía tây phía sau thành phố của người chết. Chúng tôi đã ăn uống no nê, nhưng những người phu trên bến tàu vẫn làm việc, ngực phập phồng và hai mạn sườn ướt đẫm mồ hôi. Viên đốc công dùng roi đốc thúc họ và một viên thư lại ngồi dưới một mái che lặng lẽ ghi chép từng kiện hàng bằng chiếc bút sậy.

- Con có muốn trở thành một người như họ không? - Bố tôi hỏi.

Tôi thấy câu hỏi thật ngớ ngẩn nên không trả lời mà chỉ ngạc nhiên nhìn ông, vì hiển nhiên không ai muốn làm nghề cửu vạn.

- Họ làm việc quần quật từ sáng sớm đến chiều tối, - bố Senmut của tôi nói. - Da của họ chai cứng như da cá sấu, bàn tay họ sần sùi như chân cá sấu. Chỉ khi đêm đến họ mới về túp lều đất của mình và bữa ăn của họ là một lát bánh mì, một củ hành và một ngụm bia nhạt. Đấy là cuộc đời của phu khuân vác. Đấy cũng là cuộc đời của người nông dân. Đấy là cuộc đời của tất cả những ai làm việc chân tay. Con không ghen tị với họ chứ?

Tôi lắc đầu và ngạc nhiên nhìn bố tôi. Tôi muốn trở thành chiến binh chứ không muốn làm phu khuân vác, cũng không muốn làm người đào đất, tưới ruộng hay người chăn cừu bẩn thỉu.

- Họ không bao giờ có thể thay đổi được số phận mình, - bố tôi nghiêm túc nói. - Trong trường hợp tốt nhất, xác của họ sau khi chết được muối và vùi dưới cát. Sự bất tử và cuộc sống vui vẻ không chờ đón họ ở miền tây như chờ đón tất cả những ai có thể xây cho mình một cái mồ vĩnh cửu và những ai có tiền để tẩm ướp cho thi thể của mình được lưu giữ muôn đời. Điều ấy là do đâu, con biết không, Sinuhe?

Tôi run run cầm, nhìn về phía thành phố của người chết, nơi ánh hoàng hôn đã nhuộm đỏ màu máu các ngôi đền trắng của pharaon và tôi hiểu rằng bố tôi muốn ám chỉ điều gì.

- Họ không biết viết, - bố tôi nghiêm giọng nói. - Trên trần gian cũng như ở thế giới bên kia, tất cả những ai không biết viết đều cực khổ.

Ông trầm tư nâng hũ rượu trong tay, ngoái nhìn lại phía sau như sợ mẹ Kipa đang theo dõi chúng tôi từ sau góc phố và nhấp một ngụm, chùi miệng và lại nắm tay tôi, dắt đi về phía trước. Tôi bước theo ông lòng nặng trĩu, nhưng tôi vẫn quyết định sẽ trở thành chiến binh.

- Bố ạ, - tôi nói khi đi bên ông, - cuộc đời chiến binh rất dễ chịu. Họ sống trong doanh trại, ăn toàn đồ ngon, tối đến uống rượu trong các nhà vui và phụ nữ nhìn họ đầy trìu mến. Những người giỏi nhất trong số họ có dây chuyền vàng đeo cổ mặc dù họ không biết viết. Sau các cuộc chinh chiến, họ mang về chiến lợi phẩm và cả nô lệ để làm việc và phục dịch họ. Vậy thì sao con không làm chiến binh?

Nhưng bố tôi không nói gì, chỉ bước đi nhanh hơn. Đến gần bãi rác lớn, ruồi nhặng bay quanh trên đầu chúng tôi như một đám mây, ông cúi người nhìn vào một cái lều đất thấp.

- Inteb, bạn ơi, ông có nhà không? - Ông hỏi.

Từ trong lều một ông già chống gậy khập khiễng bước ra, người sứt sẹo đầy vết côn trùng cắn. Cánh tay phải của lão cụt gần đến vai, chiếc khố thô cứng lại vì bẩn. Khuôn mặt lão già khô và nhăn nheo, miệng không còn một cái răng.

- Đây là… là ông Inteb à? - Tôi vừa khẽ hỏi bố tôi vừa sợ sệt liếc nhìn ông già. Inteb là người anh hùng từng tham gia chiến trận ở Syria cùng với Hoàng đế Thutmosis Đệ Tam, pharaon vĩ đại nhất trong số các pharaon của Ai Cập, và người ta vẫn truyền tụng nhiều về ông, về những chiến công của ông và những phần

thưởng ông từng được nhận từ Pharaon.

Ông lão giơ tay chào theo kiểu nhà binh và bố tôi trao hũ rượu cho ông. Họ ngồi bệt xuống đất, vì đến một cái ghế ở trước túp lều lão cũng không có. Inteb run run tay cầm hũ rượu đưa lên miệng uống một cách thèm khát và thận trọng không để một giọt nào rơi ra ngoài.

- Con trai tôi, Sinuhe, muốn trở thành chiến binh, - bố tôi mỉm cười và nói. - Tôi dẫn nó đến gặp ông, Inteb, vì ông là người duy nhất còn sống trong số các anh hùng của cuộc chiến vĩ đại, để ông kể cho nó nghe về cuộc đời vinh quang và những chiến công của những người lính.

- Lạy thần Baal, thần Set và tất cả các ma quỷ khác, - ông già nói rồi cười ré lên, quay sang gần tôi hơn và nhìn tôi chằm chằm. - Thằng bé điên à?

Cái miệng móm của lão, đôi mắt lờ đờ của lão, cánh tay cụt lắc lư và bộ ngực nhăn nheo, bẩn thỉu của lão trông thật đáng sợ, đến nỗi tôi phải nấp sau lưng bố tôi và níu chặt tay áo ông.

- Này cháu! - Lão Inteb bật cười, nói. - Nếu bác được thưởng một ngụm rượu cho mỗi lần bác nguyền rủa những ngày tháng đó của cuộc đời và số phận khốn nạn của mình, số phận đã làm nên một chiến binh như bác, thì chắc số rượu đó sẽ tràn đầy một cái hồ mà Pharaon bắt đào cho vợ ông ta tiêu khiển. Thật ra bác chưa bao giờ nhìn thấy cái hồ đó, vì bác không đủ tiền để thuê người chèo qua bờ bên kia, nhưng bác tin mình có thể lấp nó bằng rượu mà số rượu còn dư vẫn đủ để khoản đãi cả quân đội.

Lão lại tham lam uống rượu ừng ực trong hũ.

- Nhưng, - tôi nói, cầm run run, - chiến binh là nghề danh giá nhất trong tất cả các nghề.

- Danh giá và vinh quang, - vị anh hùng Inteb của quân đội hoàng gia Thutmosis nói, - những thứ ấy là cứt, là phân chỉ để nuôi sống lũ ruồi. Trong đời mình, bác đã kể nhiều điều dối trá về chiến tranh và các chiến công hiển hách của mình hòng kiếm chút rượu từ những kẻ thô lỗ há mồm nghe, nhưng cha cháu là một người đáng kính mà bác không muốn lừa dối. Vì vậy, bác nói cho cháu nghe, cậu bé ạ, lính tráng là cái nghề mạt hạng và khốn nạn nhất trong tất cả các nghề.

Rượu đã làm những nếp nhăn trên mặt ông giãn ra và đôi mắt già

nua điên khùng của ông nóng lên hừng hực. Ông đứng dậy và đưa bàn tay còn lại lên bóp cổ mình.

- Cháu nhìn đây, - ông gào lên, - cái cổ gầy guộc này từng đeo năm lớp vòng vàng đấy, chính tay Pharaon quàng chúng vào cổ bác. Ai có thể đếm hết những cánh tay bị chặt mà bác đã gom lại trước lều của ngài? Ai là người đầu tiên leo lên tường thành Kadesh? Ai đã đâm chém như một con voi gầm rú giữa hàng ngũ của quân thù? Đấy là bác, chính bác, anh hùng Inteb! Nhưng còn ai cảm ơn bác nữa không? Vàng của bác đã tản mát đi khắp thế giới, những nô lệ bác được nhận làm chiến lợi phẩm đã bỏ trốn hoặc chết trong đói khổ. Tay phải của bác đã nằm lại ở xứ Mitanni, còn bác chắc đã trở thành kẻ ăn xin nơi góc phố nếu như thỉnh thoảng những người tốt bụng không mang đến cho cá khô và bia để bác kể cho con cái họ nghe sự thật về chiến tranh. Bác là Inteb, người hùng vĩ đại, nhưng cậu bé, cháu nhìn bác xem. Tuổi trẻ của bác đã tiêu tan nơi hoang mạc, trong đói khát, bệnh tật và gian lao. Nơi đó thịt tan rữa, nơi đó da bị thuộc, nơi đó tim chai cứng lại hơn đá. Và điều tệ hại nhất là ở nơi sa mạc khô cằn không nước đó, lưỡi của bác bị khô đi và bác mắc bệnh khát kinh niên giống như bất cứ người lính nào trở về từ các cuộc chinh chiến nơi viễn xứ. Vì thế mà cuộc đời bác như một hố sâu địa ngục kể từ khi bác bị mất một cánh tay. Thậm chí bác không muốn nhắc nhiều đến những cơn đau do các vết thương gây nên và sự đau đớn mà bác phải chịu khi những người cắt thịt nhúng cái mỏm cụt của cánh tay bác vào dầu đang sôi khi vừa cắt nó xong, như bố cháu đã biết rất rõ. Cầu Chúa phù hộ cho ông, Senmut ạ, ông là người tử tế và chính trực. Nhưng mà rượu hết rồi!

Ông lão buồn bã dốc ngược hũ rượu, im lặng thở hổn hển một lúc rồi ngồi xuống đất. Cái nhìn hoang dại trong mắt ông lịm tắt và ông lại trở thành một ông già bất hạnh.

- Nhưng chiến binh không cần phải biết viết, - tôi cả gan lầm bầm.

- Hừ, - ông Inteb làu bàu, liếc nhìn bố tôi. Bố tôi liền tháo chiếc vòng đồng khỏi cổ tay mình và đưa cho ông. Ông lão to giọng gào lên và một thằng bé trông nhem nhuốc chạy ngay đến, cầm lấy chiếc vòng và cái hũ rồi chạy đi mua thêm rượu.

- Đừng mua loại ngon nhất nhé, - lão Inteb vội dặn với theo. - Lấy loại rẻ thôi để được nhiều!

Rồi ông quay sang nhìn tôi tư lự.

- Cháu nói đúng, - ông lão nói, - một người lính không cần biết viết, chỉ cần biết đánh nhau. Nhưng nếu biết viết thì anh ta sẽ trở thành người chỉ huy, ra lệnh cho cả những chiến binh dũng cảm nhất, và bắt người khác xông ra trận trước mình. Bởi vì bất cứ ai biết viết đều có thể ra lệnh cho chiến binh và người ta không thể giao một đội quân trăm lính cho một kẻ thậm chí không biết vạch nguệch ngoạc vào giấy. Vui thích gì khi mình nhận huân chương và vòng vàng, còn người chỉ huy của mình là kẻ chỉ biết cầm cây bút sậy. Nhưng sự thật là thế và mãi mãi là như thế. Thế nên con trai ơi, nếu cháu muốn ra lệnh cho những người lính và chỉ huy họ thì trước tiên cháu phải học viết. Khi đó, những kẻ được nhận vòng vàng sẽ cúi đầu trước cháu và nô lệ sẽ khênh kiệu đưa cháu ra chiến trận.

Thằng bé lem luốc trở lại với hũ rượu đầy và thêm cả một cút rượu. Nét mặt lão già lại sáng lên vui vẻ.

- Bố Senmut của cháu là một người tốt bụng, - ông ta chân thành nói, - bố cháu biết viết và ông chăm sóc bác từ những ngày bác còn khỏe và may mắn, khi bác lần đầu nhìn thấy cá sấu và hà mã, trong những ngày bác không thiếu rượu. Ông ấy là một người tử tế, mặc dù ông chỉ là một thầy thuốc không giương nổi một cánh cung. Bác rất biết ơn bố cháu!

Tôi lo lắng nhìn hũ rượu, vì biết chắc chắn ông Inteb sẽ bắt đầu uống, và bắt đầu sốt ruột kéo tay áo rộng còn dính thuốc của bố tôi vì sợ rằng chỉ vì rượu mà trong phút chốc chúng tôi có thể bị đánh rồi tỉnh dậy ở một góc phố nào đó. Bố Senmut của tôi cũng nhìn hũ rượu rồi thở dài và quay sang kéo tôi đi. Ông Inteb cất giọng the thé, già nua hát một bài ca ra trận của Syria, còn thằng bé ăn xin cởi trần, sạm đen vì nắng thì cười phá lên.

Tôi, Sinuhe, chôn vùi giấc mơ làm chiến binh của mình và không ho he gì nữa. Ngày hôm sau, cả mẹ và bố cùng dẫn tôi đến trường.

4

Dĩ nhiên bố tôi không có đủ tiền để có thể xin cho tôi vào học ở những trường lớn trong các thánh đường, nơi dành cho con trai, đôi khi một số con gái của các nhà quyền quý, các gia đình giàu có hay các giáo sĩ bậc cao. Thầy giáo của tôi là giáo sĩ già Oneh ở cách nhà chúng tôi chỉ vài con phố và ông dạy chúng tôi ở ngay nơi

hiên nhà ọp ẹp của mình. Học trò của ông là con của những người thợ thủ công, người bán hàng, các nha lại và cai đội ở bến cảng, những đứa trẻ mà cha mẹ đầy tham vọng của chúng muốn chúng làm nghề thư lại. Ông Oneh trước đây từng là kế toán trong kho của Nữ thần Mut tại thánh đường, vì vậy ông rất thích hợp với việc dạy cho trẻ con những bài học viết đầu tiên để sau này chúng có thể ghi lại trọng lượng hàng hóa, khối lượng ngũ cốc, số lượng gia súc hay các loại hóa đơn thực phẩm của binh lính. Có từ hàng chục đến hàng trăm lớp học nhỏ như vậy ở xung quanh Thebes, thành phố lớn của thế giới. Việc học không tốn kém mấy vì học sinh chỉ cần nuôi sống ông giáo già Oneh là đủ. Con của người bán than mang một ít than đến cho ông sưởi vào mùa đông, con của thợ dệt chu cấp cho ông quần áo, con người bán ngũ cốc đem cho ông bột mì, còn bố tôi lo việc chăm sóc sức khỏe, thuốc thang và thỉnh thoảng đem biếu ông một ít rượu thuốc.

Ông Oneh là một thầy giáo độ lượng nhờ quan hệ tương hỗ này. Trò nào ngủ gật bên bảng viết thì hôm sau phải thủ cho ông thầy già một miếng ăn ngon để đỡ bị giật tóc. Đôi khi con trai người bán ngũ cốc mang đến cho thầy một hũ bia và những hôm đó chúng tôi chăm chú lắng nghe vì thầy giáo già Oneh say sưa kể cho chúng tôi những chuyến thám hiểm kỳ lạ về thế giới bên kia, những câu chuyện về Nữ thần Mut trên trời cao, về Ptah - đấng tạo hóa của muôn loài - và về các vị thần khác mà ông am hiểu. Chúng tôi cười khúc khích và nghĩ đã lừa được ông quên đi những bài học và những ký tự khó nhằn suốt cả ngày. Mãi về sau tôi mới hiểu ông giáo già Oneh uyên bác và hiểu biết nhiều hơn tôi tưởng. Những câu chuyện cổ tích được ông kể sống động bằng trí tưởng tượng sùng kính của con trẻ đều có mục đích cả. Ông dạy cho chúng tôi luật lệ và đạo đức của Ai Cập cổ đại. Không có hành vi xấu nào thoát khỏi sự trừng phạt. Linh hồn của mỗi người đều bị xét xử một cách nghiêm khắc trước uy quyền tối cao của thần Osiris. Người mà những hành vi xấu xa bị thần đầu chó phát hiện sẽ bị vứt làm thức ăn cho hà bá và hà bá trong thân hình nửa cá sấu nửa hà mã nhưng đáng sợ hơn hai con kia nhiều.

Ông cũng kể về Mặt Sau Gáy cục cằn, người lái đò đáng sợ trên sông âm phủ mà không có trợ giúp của người này, người chết không thể đến được miền cực lạc. Ông ta luôn nhìn về phía sau chứ không phải nhìn về phía trước khi chèo đò như những người lái đò trên dương thế ở sông Nile. Thầy Oneh bắt chúng tôi học thuộc lòng các câu mua chuộc và dụ dỗ để dùng chúng thuyết phục Mặt Sau Gáy. Ông bắt chúng tôi chép các ký tự của từng câu và viết lại cả câu khi đã thuộc. Ông chữa lỗi cho chúng tôi và nhẹ nhàng khiển trách. Chúng tôi cần phải hiểu rằng một lỗi nhỏ nhất

cũng có thể làm con người ta bất hạnh nơi thế giới bên kia, rằng nếu đưa cho Mặt Sau Gáy một bức thư có lỗi thì chúng tôi sẽ là cái bóng vĩnh viễn lang thang trên mép nước nơi bờ sông tối tăm và ẩm đạm hay tệ hơn nữa, bị rơi xuống những vực thẳm kinh hoàng của địa ngục.

Tôi làm học trò thầy Oneh trong mấy năm. Bố tôi có mục đích rõ ràng khi gửi tôi đến đấy. Theo ông, không được bắt buộc ai làm một nghề mà người đó không muốn. Nếu tôi không có năng khiếu, ông sẽ không muốn buộc tôi phải theo nghề ký lục. Còn nếu tôi có ham muốn và nhiệt huyết, sau này thầy Oneh sẽ giới thiệu tôi vào trường học trong đền để từ đó tôi có thể có một nghề như bố tôi mong muốn. Còn nếu không được như thế, tôi vẫn có khả năng tự nuôi sống mình bằng nghề thư lại hay ký lục, hoặc có lẽ tôi sẽ cố gắng theo nghiệp chiến binh thông qua các kho cung cấp lương thực cho quân đội. Điều này lúc ấy tôi thực sự chưa biết.

Người bạn thân nhất của tôi ở trường ông Oneh là Thotmes, lớn hơn tôi vài tuổi, con trai của vị cai đội chiến xa. Từ ngày bé, cậu ta đã quen với việc chăm sóc ngựa và đấu vật. Bố cậu, người có chiếc roi chỉ huy được bện dây đồng, mong cậu trở thành một vị tướng vĩ đại nên muốn cậu học viết. Thế nhưng cái tên của cậu, Thotmes danh tiếng, không phải là điềm báo như người bố kỳ vọng. Bởi vì sau khi vào trường, Thotmes không còn hứng thú với việc phóng lao và điều khiển chiến xa. Cậu dễ dàng học viết các ký tự và trong khi các bạn đồng môn còn phải đánh vật với từng nét chữ thì cậu đã bắt đầu vẽ lên bảng viết. Cậu vẽ hình các cỗ chiến xa với những con ngựa có hai chân trước chồm lên và các chiến binh vật nhau. Cậu mang đất sét đến lớp và trong lúc ông Oneh đang say sưa kể chuyện nhờ được một hũ bia truyền cảm hứng thì cậu nặn một con hà bá có hình thù kỳ dị, đang vụng về há hốc miệng chực nuốt một người đàn ông nhỏ thó với cái đầu hói, lưng còng và cái bụng tròn mà ai nhìn cũng có thể nhận ra ngay là ông Oneh. Nhưng thầy Oneh không giận. Và ai có thể giận được Thotmes cơ chứ. Cậu ta có khuôn mặt to rộng của những người dân dã, cặp giò ngắn và to, nhưng đôi mắt cậu luôn lóe lên cái nhìn tinh nghịch, truyền cảm và đôi tay khéo léo của cậu nặn ra những con thú, con chim bằng đất sét khiến chúng tôi hết sức thích thú. Tôi kết bạn với cậu trước hết vì cậu thuộc dòng dõi nhà binh nhưng tình bạn của chúng tôi không thay đổi mặc dù cậu không còn tỏ ra hứng thú gì với nghề binh đao nữa.

Học được một thời gian thì điều kỳ diệu đã xảy ra với tôi. Nó xảy ra hết sức bất ngờ, đến nỗi bây giờ tôi vẫn còn nhớ lại giờ phút đó như một sự hiển linh. Hôm ấy là một ngày xuân đẹp, tiết trời se se

lạnh, chim chóc hót ríu rít trên bầu trời và những con cò đang tu sửa tổ của chúng trên các mái lều đất. Nước đã rút và màu xanh nõn nà đã bừng lên trên mặt đất. Người dân đã gieo hạt và trồng cây trên các mảnh vườn. Đó là một ngày với đầy những trò nghịch ngợm mạo hiểm đang chờ đón và chúng tôi không thể ngồi yên bên hiên căn nhà ọp ẹp với những bức tường gạch đang mủn ra của ông Oneh. Tôi lơ đãng vẽ những ký tự buồn tẻ, những chữ cái đã được khắc trên đá và cạnh chúng là những ký hiệu được rút ngắn để viết vào giấy. Tôi cứ viết như thế cho đến khi gặp một từ mà ngay cả ông Oneh cũng đã quên, đột nhiên một điều kỳ lạ nào đó trong tôi khiến cho các từ và con chữ sống động hẳn với tôi. Hình vẽ thành một từ, từ thành một âm tiết và âm tiết thành một chữ. Ghép các chữ của hình vẽ lại với nhau, tôi có được những từ mới sống động, kỳ lạ, những từ không dính dáng gì với các hình vẽ nữa. Một người làm ruộng bình thường nhất cũng hiểu được một hình vẽ, nhưng chỉ người biết viết mới hiểu được hai hình vẽ ghép lại với nhau. Tôi nghĩ người nào từng học viết và học đọc đều hiểu điều mà tôi vừa trải nghiệm. Trải nghiệm này là một cuộc phiêu lưu đối với tôi, nó gay cấn và hấp dẫn hơn việc lấy trộm một trái lựu từ sọt hàng của người bán trái cây, ngọt hơn quả chà là khô và ngọt ngào như nước với người đang khát.

Từ đó trở đi tôi không cần ai giục giã nữa. Từ đó trở đi tôi ngốn vốn kiến thức của thầy Oneh như ruộng hạn uống nước lũ sông Nile. Tôi học viết cũng rất nhanh. Dần dần, tôi học đọc những gì người khác viết. Đến năm thứ ba, tôi có thể đánh vần được chữ trên các cuộn giấy cũ sờn và đọc chính tả những câu chuyện ngụ ngôn cho các bạn chép.

Cũng vào thời gian đó tôi nhận ra mình không giống với những đứa trẻ khác. Khuôn mặt tôi thanh thoát hơn, nước da của tôi sáng hơn, tay chân tôi thon thả hơn những cậu bé cục mịch. Trông tôi có nhiều nét của một đứa trẻ thuộc tầng lớp trên hơn là con của dân thường sống trong vùng và nếu tôi có quần áo giống những đứa trẻ ấy thì khó có ai có thể phân biệt tôi với những cậu bé được khênh trên kiệu hay được các nô lệ tháp tùng trên phố. Điều này đã khiến tôi bị trêu chọc. Con trai người bán ngũ cốc quàng tay qua cổ tôi và nói tôi là con gái, buộc tôi phải dùng bút đâm hắn. Sự gần gũi của hắn làm tôi khó chịu vì người hắn rất hôi. Trái lại, tôi muốn thân cận hơn với Thotmes nhưng cậu ta chẳng bao giờ đưa tay động chạm vào tôi.

Có lần Thotmes rụt rè bảo tôi:

- Cậu có muốn ngồi làm mẫu cho tớ không, để tớ nặn tượng cậu?

Tôi dẫn cậu ta về nhà và dưới tán sung trong vườn, cậu ta lấy đất sét nặn một bức tượng giống tôi rồi viết tên tôi lên đó. Mẹ Kipa của tôi mang bánh ngọt cho chúng tôi, vô cùng sợ hãi khi nhìn thấy bức tượng và nói rằng đây là trò phù thủy. Còn bố tôi lại bảo Thotmes có thể trở thành nghệ sĩ cung đình nếu cậu ấy được vào học ở trường trong đền. Tôi đùa với Thotmes bằng cách cúi đầu và tay duỗi thẳng để trên đầu gối trước mặt cậu theo cung cách người ta chào những người đáng kính. Ban đầu mắt Thotmes sáng lên, nhưng rồi cậu thở dài và nói rằng điều đó không thể được vì bố cậu bắt cậu trở lại doanh trại và cố gắng vào học trường đào tạo chỉ huy đội chiến xa. Cậu đã biết viết, đủ để trở thành người chỉ huy quân đội trong tương lai. Bố tôi đi vào nhà và chúng tôi nghe thấy mẹ Kipa càu nhàu hồi lâu trong bếp, còn Thotmes và tôi ăn bánh ngọt ngon lành và vui chơi cùng nhau.

Khi đó tôi vẫn còn hạnh phúc.

5

Rồi cũng đến ngày bố tôi mặc lên người bộ quần áo đẹp nhất vừa mới giặt và quàng quanh cổ chiếc cổ áo rộng được mẹ Kipa tự tay thêu. Ông đi đến ngôi đền lớn thờ thần Amon dù trong thâm tâm ông không thích các giáo sĩ. Nhưng nếu không có sự trợ giúp và can thiệp của các giáo sĩ thì không thể làm được bất cứ việc gì ở Thebes cũng như trên khắp đất Ai Cập. Các giáo sĩ điều hành pháp luật và đưa ra các phán quyết nên một người táo bạo có thể khiếu nại lên thánh đường cả lời phán xử của nhà vua để được xóa tội. Các giáo sĩ nắm trong tay toàn bộ việc đào tạo nghề bậc cao. Các giáo sĩ dự báo mực nước lên, mức thu hoạch của vụ mùa sắp tới và từ đó đưa ra mức thuế cho cả nước. Nhưng có lẽ tôi không cần phải giải thích điều này quá chi tiết bởi mọi thứ đều lặp lại như trước, không có gì thay đổi.

Tôi nghĩ chuyến đi nhờ vả này không hề đơn giản với bố tôi. Suốt đời mình, ông sống như một lương y của người nghèo trong khu phố bần hàn của thành phố, tránh xa đền đài và Nhà Sống. Bây giờ cũng như các ông bố nghèo khó khác, ông phải xếp hàng trước phòng giáo vụ của thánh đường, chờ đến lúc một giáo sĩ cấp cao chiếu cố tiếp ông. Ngay lúc này tôi cũng thấy họ trước mặt mình, những ông bố nghèo khó trong trang phục đẹp nhất ngồi trong sân thánh đường với khát vọng về một cuộc sống tốt hơn cho con trai mình, tốt hơn cuộc đời họ đang sống. Họ đến Thebes từ nhiều

nơi, làm hành khách trên các con thuyền chạy dọc sông, mang theo đồ ăn và đưa quà hối lộ cho lính gác cổng và các thư lại để được gặp giáo sĩ có tên vàng sực nức mùi dầu xức đắt tiền. Các giáo sĩ nhăn mũi vì mùi mồ hôi của họ và nói với họ giọng rất trịch thượng. Nhưng thần Amon thường xuyên cần thêm môn đệ mới. Sự giàu có và quyền lực của thần càng tăng lên, thần càng cần có thêm người biết viết. Tuy nhiên các ông bố vẫn nghĩ chính nhờ thần linh thương tình mà con trai mình được nhận vào thánh đường, mặc dù sự thật là các ông đã mang đến cho thánh đường một món quà quý hơn vàng, là con trai họ.

Chuyến đi của bố tôi đã gặp may vì ông mới đợi đến gần chiều thì bạn học cũ của ông là Ptahor, khi đó đã là danh y khoan sọ hoàng gia, đi ngang qua. Bố tôi đánh bạo nói chuyện với ông ấy và ông hứa sẽ đến thăm gia đình chúng tôi và xem tôi thế nào.

Đến ngày hẹn, bố tôi đặt mua một con ngỗng và một hũ rượu loại ngon nhất. Mẹ Kipa vừa nướng bánh vừa làu bàu. Mùi mỡ ngỗng thơm lừng tỏa ra từ bếp nhà chúng tôi khiến những người ăn xin và người mù tụ tập trước nhà, ra sức hát hò, đánh đàn và xin được chia phần, cho đến khi mẹ Kipa vừa làu bàu vừa chia cho họ những miếng bánh nhúng mỡ rồi xua họ đi. Thotmes cũng đến, cùng tôi quét một đoạn phố dài từ nhà về phía thành phố, vì bố tôi khuyên Thotmes nên quanh quẩn gần đây khi khách đến bởi biết đâu ông ấy cũng muốn hỏi chuyện cậu ta. Chúng tôi chỉ là hai thằng bé nhưng khi bố tôi đốt bình hương để làm thơm hiên nhà, chúng tôi cảm thấy trang nghiêm như đang dự một buổi lễ trong thánh đường. Tôi đứng trông bình đựng nước thơm và xua ruồi bằng một khăn lanh trắng sạch mà chính ra mẹ Kipa dành để khâm liệm mình nhưng bây giờ nó được lấy ra làm khăn lau tay cho ông Ptahor.

Chúng tôi phải đợi khá lâu. Mặt trời đã lặn và trời trở mát. Hương trầm đã cháy hết ở ngoài hiên và thịt ngỗng cháy xèo xèo buồn bã dưới đáy chảo. Tôi đã thấy đói và mặt mẹ Kipa của tôi dài thuỗn ra, đanh lại. Bố tôi không nói gì nhưng khi trời tối hẳn, ông chẳng buồn thắp đèn nữa. Chúng tôi ngồi yên trên ghế đẩu ở hiên nhà, không ai muốn nhìn ai. Khi ấy tôi hiểu được những người giàu sang và quyền quý có thể mang đến cho những người nghèo khó, thấp hèn những nỗi đau khổ và niềm thất vọng lớn như thế nào bởi sự vô tâm của họ.

Cuối cùng rồi cũng thấy ánh đuốc bập bùng từ ngoài phố và bố tôi đứng bật dậy, chạy vào bếp lấy cục than hồng để thắp cả hai ngọn đèn dầu. Tôi run run ôm bình nước thơm vào lòng, còn Thotmes

đứng thở hồi hộp bên cạnh tôi.

Danh y khoan sọ hoàng gia đến trong chiếc kiệu bình thường do hai nô lệ da đen khênh. Đi trước kiệu là một gia nhân béo tốt có vẻ như đang say rượu, tay đung đưa bó đuốc. Ông Ptahor bước xuống kiệu, vừa thở hổn hển vừa vui vẻ chào bố tôi đang cúi đầu, hai tay để trên đầu gối trước mặt ông. Ptahor đặt hai tay lên vai bố tôi như muốn nói không cần phải trịnh trọng như thế, hoặc ông cần vai bố tôi để làm chỗ tựa. Vừa dựa vào vai bố tôi, ông vừa đưa chân đá gã gia nhân cầm đuốc và bảo y đến dưới gốc cây sung làm một giấc cho dã rượu. Không đợi lệnh, hai nô lệ da đen đặt phịch chiếc kiệu xuống bên bụi keo và ngồi bệt xuống đất.

Vẫn tiếp tục dựa vào vai bố tôi, Ptahor bước lên hiên nhà. Tôi đổ nước cho ông rửa tay mặc cho ông từ chối và đưa khăn lanh cho ông, nhưng ông bảo tôi lau tay cho ông vì tôi đã làm ướt tay ông. Ông cảm ơn một cách thân tình khi tôi lau xong và khen tôi khá khỉnh. Bố tôi mời ông ngồi xuống chiếc ghế tựa sang trọng mượn của người bán hàng khô. Ông ấy ngồi xuống và nhìn xung quanh với đôi mắt nhỏ tò mò trong ánh sáng của ngọn đèn mỡ. Không ai nói gì một lúc. Rồi ông vừa húng hắng xin lỗi vừa xin chút gì đó để uống bởi quãng đường đi quá xa đã làm cổ họng ông khô rát. Bố tôi vui mừng rót rượu mời ông. Ptahor ngửi ngửi và nếm với vẻ ngờ vực, nhưng rồi ông uống cạn cốc vẻ thỏa mãn và thở nhẹ một hơi.

Ptahor có vóc người nhỏ thó, đầu cạo trọc, chân vòng kiềng, ngực và bụng sệ xuống sau lớp áo mỏng. Cổ áo ông đầy đá quý nhưng đầy vệt bẩn như quần áo của ông và người ông sực mùi rượu, mùi dầu thơm và mồ hôi.

Mẹ Kipa mời ông bánh ngũ vị, cá con chiên mềm, trái cây và thịt ngỗng rán. Ông ăn một cách lịch sự, mặc dù rõ ràng là ông vừa dự tiệc ở đâu đó. Ông nếm tất cả các món và tấm tắc khen khiến mẹ Kipa rất vui. Nghe lời ông, tôi mang thức ăn và đồ uống cho hai nô lệ da đen, nhưng họ chỉ đáp lại việc làm tử tế của tôi bằng những lời hỗn láo và hỏi bao giờ "lão bụng to" ăn xong để còn về. Gã gia nhân thì đang ngáy say sưa dưới gốc sung nên tôi không muốn đánh thức.

Bữa tối đó đã diễn ra rất ồn ã vì bố tôi cũng uống nhiều rượu hơn tất cả mọi lần tôi chứng kiến trước đây, đến nỗi mẹ Kipa ngồi trong bếp đưa hai tay ôm đầu và lắc lư cả thân hình. Khi hũ rượu cạn, hai người uống rượu thuốc của bố tôi và khi tất cả rượu đều hết, họ dùng đến bia bình dân vì ôngPtahor nói rằng ông không

phải người kén chọn.

Hai người bạn đồng môn ôn lại chuyện thời còn học ở Nhà Sống và kể lại những chuyện vui về các thầy giáo rồi loạng choạng nắm chặt cánh tay nhau trên hiên nhà. Ông Ptahor, danh y khoan sọ trong hoàng cung, kể về những kinh nghiệm của mình và khẳng định đó là nghề sau cùng mà một danh y nên chọn theo đuổi và nó thích hợp với Nhà Chết hơn với Nhà Sống. Nhưng nghề đó ít việc và ông là người lười, như bố Senmut hiền lành của tôi chắc chắn còn nhớ rõ. Theo ông, đầu của con người, trừ răng, họng và tai là những thứ cần danh y chuyên khoa, còn lại thì các ngành học đều đơn giản nên ông chọn nó.

- Nhưng, - ông nói, - nếu như tôi có đủ tố chất đàn ông thì tôi đã là một thầy thuốc bình thường, một lương y đem lại sự sống thay vì là người luôn gieo rắc cái chết, khi họ hàng đã quá ngán ngẩm với những người già cả và người mắc bệnh hiểm nghèo. Tôi muốn mang đến sự sống, giống như anh, ông bạn Senmut của tôi. Chắc chắn tôi sẽ nghèo khó hơn, nhưng sẽ sống một cuộc sống điều độ và đáng kính trọng hơn bây giờ.

- Các con đừng tin bác ấy, - bố tôi nói, vì Thotmes cũng ngồi với chúng tôi và được cầm một cốc rượu nhỏ trên tay. - Bố tự hào được kể mình là bạn của Ptahor, người khoan sọ hoàng gia, danh y tài giỏi nhất chuyên ngành này trên khắp Ai Cập. Bố vẫn còn nhớ những lần mổ sọ tuyệt vời của bác ấy khi bác ấy cứu sống những người quyền quý và cả những người bình thường khiến ai cũng phải ngạc nhiên. Bác ấy đã xua đuổi được loại tà ma biến con người ta thành điên khùng và lấy những khối u ủ bệnh ra khỏi não của họ. Những người bệnh biết ơn đã cảm tạ bác ấy vàng, bạc, những vòng cổ và bình chứa đồ uống.

- Nhưng những người họ hàng biết ơn còn tặng quà nhiều hơn, - ông Ptahor nói với giọng ngà ngà say. - Bởi nếu ngẫu nhiên tôi chữa được một trong mười người, một trong năm mươi người, không, phải nói là một trong một trăm người, thì những người còn lại chắc chắn phải chết. Anh đã bao giờ nghe nói một pharaon sống thêm được ba ngày sau khi được mổ não không? Không, người ta đưa đến toàn những người đã hết hy vọng và điên rồ cho tôi thử lưỡi dao nhọn của mình, và càng giàu có và quyền quý, họ càng được đưa đến nhanh hơn. Đôi tay tôi giải thoát con người khỏi đau đớn, đôi tay tôi phân phối gia tài người chết để lại: đất đai, súc vật, vàng bạc, và đưa cả pharaon lên ngai vàng. Chính vì vậy mà họ sợ tôi và không ai dám làm trái lời tôi, bởi tôi biết mọi chuyện. Nhưng càng biết nhiều càng đau khổ, vì thế tôi là một

người rất bất hạnh.

Ptahor bật khóc, rồi ông xỉ mũi vào chiếc khăn mẹ Kipa định dùng làm vải liệm.

- Anh nghèo nhưng lương thiện, Senmut ạ, - ông vừa nói vừa sụt sịt, - bởi thế nên tôi rất yêu quý anh. Tôi giàu có nhưng tha hóa và thối tha, thối như cục phân bò bên vệ đường.

Ông cởi chiếc cổ áo đính đá quý ra và khoác nó vào cổ bố tôi. Sau đó họ bắt đầu hát những bài hát mà tôi không hiểu được lời, nhưng Thotmes lắng nghe rất thích thú và nói rằng ngay cả ở trong trại lính cũng không nghe được bài hát nào vui nhộn hơn thế. Mẹ Kipa bắt đầu khóc thành tiếng trong bếp và một nô lệ da đen từ bụi keo chạy đến ôm lấy Ptahor, định bế ông lên kiệu vì giờ ngủ đã qua lâu rồi. Nhưng Ptahor vùng vằng chống lại, vừa rên rỉ vừa gào lên gọi lính gác đến giúp và nói rằng tên nô lệ da đen định giết ông ta. Vì bố tôi không giúp được gì nên tôi và Thotmes lấy gậy đuổi tên nô lệ đi, làm gã nổi khùng và bỏ đi, vừa đi vừa làu bàu những lời chửi rủa tục tĩu và kéo tên kia mang kiệu theo cùng.

Lát sau, Ptahor đổ cả hũ bia lên đầu, đòi dầu thơm để bôi lên mặt và xuống tắm ở ao trong vườn. Thotmes nói thầm với tôi là chúng tôi cần đưa hai ông già đi nghỉ, thế là bố tôi và vị danh y khoan sọ hoàng gia gác tay lên cổ nhau mà ngủ trên giường cưới của mẹ Kipa sau khi thề sẽ giữ tình bạn đến trọn đời với giọng say xỉn.

Mẹ Kipa khóc tấm tức, kéo tai bứt tóc và lấy tro từ bếp rán rắc lên đầu. Tôi lo lắng tự hỏi không biết hàng xóm sẽ nghĩ gì vì tiếng ồn và tiếng hát vang rất xa trong đêm khuya tĩnh mịch. Nhưng Thotmes tỏ ra bình thản, nói cậu đã chứng kiến những cảnh náo loạn hơn trong trại lính và ở nhà bố cậu khi những người lính chiến xa kể về những ngày đã qua, những cuộc chinh chiến trên đất Syria và xứ Kush. Cậu nói bữa tiệc kết thúc rất tuyệt, vì hai ông bạn già đã không cho gọi các nhạc công và vũ nữ đến để mua vui. Cậu còn an ủi được mẹ Kipa và sau khi thu dọn hết dấu vết của bữa tiệc theo cách hai đứa trẻ có thể làm, chúng tôi cũng đi ngủ. Gã gia nhân nằm ngáy dưới gốc sung, còn Thotmes lên giường ngủ với tôi. Cậu gác tay lên cổ tôi và kể cho tôi nghe về các cô gái, vì cậu cũng đã ngà ngà. Song chuyện ấy không làm tôi thích thú vì tôi ít hơn cậu ta vài ba tuổi và tôi ngủ thiếp đi rất nhanh.

Sáng sớm hôm sau, tôi tỉnh dậy vì nghe thấy tiếng động và tiếng chân lảo đảo, loạng choạng trong buồng ngủ. Tôi đi vào, thấy bố tôi vẫn còn ngủ say, quần áo trên người và cái cổ áo của Ptahor

vẫn ở nguyên trên cổ ông, còn Ptahor thì đã dậy, ngồi trên nền nhà, hai tay ôm đầu và rầu rĩ hỏi:

- Ta đang ở đâu đây?

Tôi cúi đầu kính cẩn chào ông, hai tay để trên đầu gối và thưa ông vẫn còn ở nhà lương y của người nghèo Senmut trong khu phố gần bến cảng của thành phố. Điều đó đã trấn an ông và ông bảo tôi hãy vì thần Amon lấy cho ông một cốc bia. Tôi nhắc ông là tối qua ông đã đổ cả hũ bia lên đầu và điều này có thể thấy được qua quần áo của ông. Ông bèn đứng thẳng dậy, chau mày rồi bước ra ngoài. Tôi giội nước cho ông rửa tay, còn ông vừa cúi đầu xuống vừa rên rỉ, bảo tôi giội nước lên cái đầu hói của ông. Thotmes cũng đã dậy, mang đến cho ông một bình sữa chua và một con cá muối. Sau khi ăn xong ông tươi tỉnh trở lại, đi đến chỗ gã gia nhân đang nằm dưới gốc cây sung và lấy gậy quật gã cho đến khi gã tỉnh dậy, quần áo bám đầy cỏ và mặt dính đất.

- Con lợn khốn nạn! - Ptahor vừa quát vừa quật gã một gậy nữa. - Mi làm việc chủ giao và cầm đuốc đi trước như thế này à? Kiệu của tao đâu? Quần áo sạch của tao đâu? Thuốc thang của tao đâu? Cút đi cho khuất mắt tao, tên kẻ cắp và con lợn khốn kiếp!

- Con là kẻ trộm và là con lợn của ngài, - gã gia nhân ngoan ngoãn lắp bắp. - Ngài ra lệnh gì, thưa ông chủ?

Ptahor ra lệnh và gã gia nhân vội vàng chạy đi tìm kiệu. Còn ông bình thản ngồi xuống gốc cây sung, lưng tựa vào rễ của nó, rồi ông ngâm một bài thơ nói về buổi sáng, về hoa sen, về hoàng hậu đang tắm ở bến sông, rồi ông kể cho chúng tôi nghe những chuyện mà bọn con trai rất thích nghe. Mẹ Kipa cũng đã dậy, nhóm bếp rồi đi vào chỗ bố tôi. Chúng tôi nghe tiếng bà vọng ra tới sân, lát sau bố tôi đi ra trong bộ quần áo tinh tươm, nét mặt rầu rĩ.

- Anh có cậu con trai rất khá khỉnh, - Ptahor nói, - cậu ấy có vóc dáng của một hoàng tử và cặp mắt dịu hiền như mắt nai.

Tuy chỉ là đứa trẻ song tôi hiểu rất rõ ông ấy nói như vậy để chúng tôi quên ông ấy đã xử sự như thế nào tối hôm qua.

Rồi ông lập tức nói tiếp:

- Con trai anh biết làm những gì? Tâm hồn cậu ấy có trong sáng, rộng mở như đôi mắt của cậu ấy không?

Tôi lấy bảng viết của mình ra và Thotmes cũng lấy bảng của cậu.

Sau khi lơ đãng nhìn lên tán sung, vị danh y khoan sọ hoàng gia đọc cho tôi chép một bài thơ ngắn mà đến giờ tôi vẫn nhớ. Bài thơ thế này:

"Hỡi chàng trai, hãy hưởng thụ tuổi xuân,

Vì tuổi già cổ họng đặc tro tàn

Và xác ướp cũng chẳng thể cười

Nơi hầm mộ tối đen."

Tôi chép bài thơ theo khả năng tốt nhất của mình, trước tiên bằng kiểu chữ thông thường để nhớ. Sau đó tôi vẽ tất cả thành các hình vẽ và cuối cùng viết các từ "tuổi già", "tro", "xác chết" và "hầm mộ" theo những kiểu khác nhau mà từ đó các từ này có thể được viết cả theo âm tiết và theo chữ cái. Sau đó tôi đưa bảng viết cho Ptahor xem và ông không tìm thấy một lỗi nào cả. Tôi biết bố tôi rất tự hào về tôi.

- Thế còn chàng trai trẻ này thì sao? - Ptahor vừa hỏi vừa giơ tay định cầm lấy bảng của Thotmes. Thotmes ngồi cách xa tôi một quãng và đang lúi húi vẽ lên bảng viết. Cậu ta hơi ngần ngừ trước khi chìa bảng ra, nhưng mắt cậu cười thật vui. Khi chúng tôi cúi xem, tôi thấy trong hình thứ nhất, cậu ta vẽ Ptahor đang quàng chiếc cổ áo vào cổ bố tôi, hình thứ hai vẽ ông đang đổ hũ bia xuống đầu mình và trong hình thứ ba, bố tôi và ông Ptahor đang bá vai nhau và hát thật buồn cười khiến ai nhìn vào cũng biết được họ đang hát gì. Tôi suýt phì cười nhưng không dám vì sợ Ptahor phật ý. Thotmes hoàn toàn không tâng bốc Ptahor nên cậu vẽ ông ấy với thân hình nhỏ bé và đầu hói, thậm chí chân vòng kiềng và bụng phệ y như ngoài đời thực.

Ptahor im lặng một lúc khá lâu rồi nghiêm nghị nhìn, lúc thì các hình vẽ, khi thì Thotmes. Thotmes hơi sợ và đứng im, tâm trạng bồn chồn. Cuối cùng Ptahor hỏi:

- Cậu muốn bao nhiêu từ những bức tranh đó vậy? Ta sẽ mua chúng.

Thotmes đỏ bừng mặt và nói:

- Cháu không bán bảng viết của mình. Với bạn bè thì cháu sẽ tặng.

Ptahor bật cười:

- Tốt lắm. Chúng ta hãy kết bạn và bảng này sẽ là của ta.

Ông chăm chú nhìn lại cái bảng một lần nữa rồi mỉm cười, đập chiếc bảng vào đá khiến nó vỡ tan thành từng mảnh. Tất cả chúng tôi giật bắn người và Thotmes cúi gập mình, xin ông thứ lỗi nếu nó đã xúc phạm ông.

- Lẽ nào ta bực với mặt nước khi nó phản chiếu hình ảnh của ta? - Ptahor dịu dàng nói. - Nhưng tay và mắt của người vẽ kể nhiều điều hơn mặt nước. Thế nên bây giờ ta biết được hôm qua trông ta thế nào và ta không muốn bất cứ ai khác thấy ta ngày hôm qua ra sao. Vì vậy ta đập vỡ cái bảng, nhưng ta thừa nhận cháu là một nghệ sĩ.

Thotmes vui sướng nhảy cẫng lên.

Rồi Ptahor quay về phía bố tôi và nói về việc của tôi một cách trang nghiêm như danh y thuở xưa tuyên thệ lúc vào nghề:

- Tôi sẽ nhận thằng bé và lo cho nó.

- Còn Thotmes, - ông nói, - tôi sẽ làm điều gì có thể.

Chuyển sang nói với nhau bằng ngôn từ chuyên ngành y như thế, cả hai cùng cười rất hài lòng. Bố tôi đặt tay lên đầu tôi và hỏi:

- Sinuhe, con trai ta, con có muốn làm thầy thuốc, như bố đây không?

Nước mắt tôi trào ra và cổ họng nghẹn lại khiến tôi không thể nói thành lời mà chỉ gật đầu đáp lại. Tôi nhìn ra xung quanh mình, mảnh sân với tôi thật thân thiết, cây sung với tôi thật gần gũi và bể xây bằng đá trở nên thân thuộc biết bao.

- Sinuhe, con trai ta, - bố tôi nói tiếp, - con có muốn trở thành một danh y, giỏi hơn bố, tốt hơn bố, là người nắm giữ sự sống và cái chết để mọi người không kể cao sang hay hèn kém đều tin tưởng trao mạng sống của họ cho con không?

- Không phải như ông ấy và cũng không phải như ta. - Ptahor ngắt lời bố tôi rồi đứng thẳng người lên, mắt ông ánh lên cái nhìn thông thái và sắc sảo. - Hãy là một danh y đích thực. Bởi vì danh y đích thực là người vĩ đại nhất trong tất cả mọi người. Trước người đó, đến pharaon cũng trần trụi và người giàu nhất cũng chỉ như người nghèo nhất mà thôi.

- Con muốn trở thành một danh y đích thực, - tôi rụt rè đáp, bởi khi ấy tôi vẫn còn là một đứa trẻ chưa biết cuộc đời là gì và cũng không biết rằng người lớn tuổi bao giờ cũng muốn giữ lại và trao những ước mơ và cả nỗi thất vọng của mình cho giới trẻ để họ tiếp tục gánh vác.

Còn với Thotmes, Ptahor đưa cho cậu xem chiếc vòng vàng đeo ở tay và bảo:

- Đọc xem!

Thotmes đánh vần hình vẽ được khắc trên chiếc vòng và ngần ngừ đọc: "Tôi muốn cốc mình đầy!" và không nhịn được nên phì cười.

- Không được cười, thằng ranh con, - Ptahor nghiêm khắc quát. - Không có gì liên quan đến rượu nữa. Nếu cháu muốn trở thành nghệ sĩ, cháu cần đòi cho mình một cốc đầy. Chính Ptah, thần sáng tạo và xây dựng, hiển hiện trong người nghệ sĩ đích thực. Nghệ sĩ không chỉ là mặt nước hay tấm gương mà phải hơn thế. Thực vậy, nghệ thuật thường là một mặt nước ninh bợ và là tấm gương dối trá, nhưng người nghệ sĩ cho thấy nhiều hơn mặt nước. Hãy đòi cốc của mình tràn đầy, cậu bé ạ, chớ hài lòng với bất cứ điều gì người ta nói với cháu mà hãy tin nhiều hơn vào đôi mắt sáng của mình.

Sau đó ông hứa rằng tôi sẽ sớm được gọi vào học ở Nhà Sống và ông sẽ thử xem liệu có thể giúp Thotmes vào trường nghệ thuật ở thánh đường Ptah không.

- Nhưng các cháu ạ, - ông nói thêm, - hãy nghe kỹ điều ta nói rồi quên nó đi ngay sau khi ta nói xong, ít nhất hãy quên đây là lời của một danh y khoan sọ hoàng gia. Các cháu sắp tới đây sẽ rơi vào tay của các giáo sĩ và Sinuhe đến lúc nào đó sẽ được phong làm giáo sĩ, như bố cháu và bác đây cũng từng được thụ phong giáo sĩ bậc thấp. Không ai được phép hành nghề y nếu không được thụ phong giáo sĩ. Nhưng khi đã rơi vào tay các giáo sĩ, các cháu cần đa nghi như chó hung sa mạc và ranh mãnh như rắn, để khỏi mù quáng và đánh mất bản thân mình. Nhưng bề ngoài các cháu hãy tỏ ra hiền lành như chim bồ câu, bởi vì người đàn ông chỉ bộc lộ bản chất của mình khi đã đạt đến đích. Điều này đã và sẽ luôn là như vậy. Các cháu hãy nhớ lấy.

Chúng tôi còn nói chuyện thêm một lúc nữa cho đến khi gã gia nhân của Ptahor quay lại với một chiếc kiệu thuê và bộ quần áo

sạch cho ông chủ. Chiếc kiệu của Ptahor đã bị hai nô lệ gán nợ tại một nhà vui gần đó và hiện giờ cả hai vẫn đang ngủ ở đấy. Ptahor lệnh cho gã gia nhân đi chuộc kiệu và nô lệ về, rồi từ biệt chúng tôi, cam kết tình bạn với bố tôi và trở về khu phố giàu sang của thành phố.

Thế là tôi phải vào Nhà Sống trong đại thánh đường của thần Amon. Còn Ptahor, danh y khoan sọ hoàng gia, ngày hôm sau gửi cho mẹ Kipa một món quà bằng đá quý có chạm hình con bọ hung linh thiêng để mẹ Kipa đặt dưới tấm vải liệm, chỗ trái tim, khi mẹ về thế giới bên kia. Ông ấy đã mang đến cho mẹ tôi niềm vui sướng không thứ gì có thể sánh bằng, nên Kipa bỏ qua cho ông tất cả và thôi nói với bố Senmut của tôi về những tai họa do rượu gây ra nữa.

Sách thứ hai
Nhà sống

1

Vào thời ấy giáo dục bậc cao ở Thebes đều nằm trong tay các giáo sĩ Amon và nếu không có chứng nhận của các giáo sĩ thì không ai có thể học lên để giành được một địa vị cao hơn. Ai cũng biết rằng từ thời cổ đại, do tính năng của mình, Nhà Sống và Nhà Chết đều nằm bên trong tường thành của các giáo đường và trường thần học đào tạo các giáo sĩ bậc cao cũng vậy. Việc các khoa toán học và thiên văn được xem là thuộc lĩnh vực của các giáo sĩ cũng là điều dễ hiểu, nhưng khi các giáo sĩ giành lấy cả khoa luật và khoa thương mại thì sự nghi ngờ đã bắt đầu xuất hiện trong giới có học rằng các giáo sĩ đã can thiệp vào những lĩnh vực thuộc về pharaon và thuế vụ. Thật ra những ai muốn vào học ở khoa luật hoặc khoa thương mại không cần phải là giáo sĩ, nhưng thực tế là thần Amon nắm giữ ít nhất một phần năm đất đai của Ai Cập rồi cả thương chánh và quyền lực của các giáo sĩ là rất lớn trong mọi lĩnh vực của đời sống, thì những ai muốn trở thành thương gia hay gia nhập bộ máy hành chính đều thấy sẽ khôn ngoan hơn nếu có được chứng chỉ thầy tu bậc thấp và gia nhập vào đội ngũ bầy tôi trung thành của Amon.

Khoa lớn nhất dĩ nhiên là khoa luật, bởi vì nó đảm bảo năng lực và vị thế của người học cho mọi chức tước, cho dù chức tước đó liên quan đến thuế, hành chính hay quân đội. Một nhóm nhỏ những người học thiên văn học và toán học sống một cuộc đời mơ màng trong giảng đường của mình và coi thường những kẻ có tham vọng đang đổ xô đến các buổi giảng về địa chính và thương mại. Thế nhưng bên trong tường thành của thánh đường, Nhà Sống và Nhà Chết có cuộc sống của riêng mình và tất cả môn sinh khác trong khu đền đều cảm thấy kính trọng xen lẫn sợ hãi môn sinh

của hai nơi đó.

Trước khi bước chân được vào Nhà Sống, tôi phải qua một cuộc khảo hạch dành cho bậc giáo sĩ thấp nhất ở khoa thần học. Việc học ở đây mất ba năm, vì đồng thời tôi được theo bố tôi đi thăm khám bệnh nhân để học hỏi kinh nghiệm của ông cho nghề nghiệp tương lai của mình. Tôi vẫn sống ở nhà nhưng hằng ngày phải có mặt trong một giờ học nào đó. Những ai muốn vào khoa luật thường chỉ mất vài tuần học và qua được cuộc khảo hạch dành cho tu sĩ bậc thấp nhất nếu họ có bạn bè và người đỡ đầu thuộc giới quyền quý. Nội dung khảo hạch gồm kỹ năng viết, đọc và phép tính sơ cấp; ngoài ra các thí sinh còn phải thuộc lòng các bài thánh kinh và các chuyện đọc về thần ba ngôi và thần chín ngôi linh thiêng, trong đó dĩ nhiên cao cả và linh thiêng nhất là thần Amon tối cao. Song mục đích của việc học thuộc lòng và ghi nhớ một cách máy móc như thế là nhằm ngăn học trò suy nghĩ độc lập và dạy họ tin vào ý nghĩa các bài học thuộc lòng một cách mù quáng. Chỉ sau khi mù quáng phục tùng quyền lực của Amon thì các học trò trẻ tuổi mới được công nhận là giáo sĩ bậc một. Tôi không biết người ta dạy những nhóm môn sinh ở bậc ba, bậc bốn và bậc năm, với số lượng ngày càng ít và độ tuổi ngày càng lớn hơn, như thế nào vì các giáo sĩ ở bậc cao hơn có các nghi lễ bí ẩn được canh giữ nghiêm cẩn. Các giáo sĩ bậc hai phải biết biến hóa cây gậy của mình thành con rắn trước đám đông. Họ cũng được thực hành các trò ảo thuật khác nữa trước sân của thánh đường, còn phải học nhịn ăn, thức đêm và giải mã các giấc mộng cũng như ảo giác. Chỉ những giáo sĩ từng học qua bậc này mới có hiểu biết chắc chắn về tất cả những điều này cũng như mục đích cuối cùng, còn những người khác thì không. Thi thoảng, những khi có biến động, các giáo sĩ bậc hai có thể xuất ngôn, nhưng tôi chưa bao giờ thấy các giáo sĩ bậc cao hơn tiết lộ những điều bí mật của thần linh cho những kẻ chưa được thụ phong.

Tôi đã dần quen với thánh đường; sự hùng vĩ và giàu có vô biên ở nơi đây đã tác động đến tâm hồn trẻ thơ của tôi. Ngay cả đám đông chen lấn nhau trước sân và trong hành lang của thánh đường từ sáng đến tối đã là một cảnh tượng đáng xem. Tất cả tầng lớp, tất cả các ngôn ngữ và màu da đến đây tạ ơn thần Amon, cầu xin thành công cho bản thân, cho gia đình và công việc của mình hoặc mang lễ vật đến cho thần Amon, những thứ mà thần rất xứng đáng được hưởng khi đã bảo vệ sức khỏe, công việc và những mưu kế thương trường. Mắt tôi mờ đi khi nhìn ngắm những báu vật, đồ dùng đắt tiền, những bức phù điêu bằng ngà voi và những hộp đựng bằng gỗ mun. Mũi tôi tịt lại vì ngửi những mùi hương và mùi nhựa thông đắt tiền. Tai tôi điếc đặc vì nghe

những thứ tiếng xa lạ và cả những bài đọc thuộc lòng thiêng liêng mà người dân không bao giờ hiểu được. Sự vĩ đại của thần Amon đè nén, bóp nghẹt tôi khiến đêm đến tôi thường mơ thấy những giấc mộng khủng khiếp và rên rỉ trong đêm.

Sĩ tử vào học bậc thấp nhất được chia thành các nhóm theo ngành mà họ dự định theo đuổi sau này. Chúng tôi, những môn sinh vào học trong Nhà Sống, lập thành một nhóm riêng nhưng tôi không tìm được một bạn thân nào trong nhóm. Tôi ghi nhớ lời căn dặn thông thái của Ptahor và sống thu mình, ngoan ngoãn tuân thủ mọi mệnh lệnh và giả vờ ngây ngô khi các học trò khác trêu chọc hay báng bổ thần linh theo thói quen của các cậu bé. Trong nhóm chúng tôi có những cậu là con của các thầy thuốc danh giá mà việc thăm khám và chữa trị được trả bằng vàng. Cũng có những người là con của các thầy thuốc thường dân ở tỉnh lẻ, thường nhiều tuổi hơn chúng tôi và đã trưởng thành, là những đứa thô kệch, vụng về, da sạm nắng, cố giấu sự e dè của mình và chăm chỉ nhồi nhét các bài tập vào đầu. Cũng có những đứa sinh ra từ tầng lớp dưới, đương nhiên là khát khao kiến thức, cố gắng tìm kiếm một nghề khác với nghề nghiệp và đẳng cấp của cha mẹ, nhưng chúng bị đối xử khắt khe hơn và đòi hỏi nhiều hơn, bởi vì các giáo sĩ thường nghi ngờ những ai không bằng lòng với gia cảnh của mình.

Sự thận trọng đã có ích cho tôi vì tôi nhanh chóng nhận thấy các giáo sĩ có tay sai và tay trong của họ trong nhóm chúng tôi. Một từ thiếu cân nhắc, một lời nói để lộ sự ngờ vực hay một chuyện trêu chọc giữa bạn bè lập tức đến tai các giáo sĩ và sau đó kẻ phạm tội sẽ bị thẩm tra và trừng phạt. Có những đứa bị phạt bằng gậy và cũng có những đứa bị trục xuất khỏi thánh đường, từ đó vĩnh viễn không được vào lại Nhà Sống ở Thebes hay bất kỳ nơi nào khác trên khắp Ai Cập. Nếu có chí, chúng có thể tới các xứ phiên thuộc làm người phụ việc cho các lang y ở các châu, lộ hay tạo dựng cho mình một tương lai ở đất Kush hay Syria vì tiếng tăm của các danh y Ai Cập đã lan truyền khắp thế giới. Nhưng phần lớn bọn họ bị đánh bật ra khỏi quỹ đạo và trở thành những viên thư lại tầm thường nếu như đã kịp học đọc và học viết.

Khả năng viết và đọc cho phép tôi vượt lên trước các đồng môn, kể cả những người lớn tuổi hơn mình. Tôi nghĩ mình đã đủ trưởng thành để vào Nhà Sống, nhưng lễ thụ phong của tôi bị trì hoãn. Tôi không đủ can đảm để cật vấn họ lý do, vì như vậy sẽ bị coi là bướng bỉnh đối với thần Amon. Tôi đành phung phí thời gian vào việc chép lại các bài văn tế để người ta đem bán ở sân trước đền. Vì vậy trong thâm tâm, tôi thầm kháng cự và trở nên trầm uất. Một

số bạn đồng môn dốt hơn tôi đã bắt đầu được nhận vào học ở Nhà Sống. Nhưng cũng có thể nhờ sự hướng dẫn của bố mình nên tôi mới có được học vấn ban đầu tốt hơn chúng. Sau này nghĩ lại, tôi thấy các giáo sĩ Amon thông thái hơn tôi. Họ nhìn thấu tâm can tôi, họ đoán được sự coi thường và nghi ngờ của tôi đối với họ, vì vậy họ thử thách tôi.

Nỗi buồn phiền của tôi cứ tăng lên, tôi ngủ không yên và chiều đến thường đi một mình ra sông Nile ngắm nhìn mặt trời lặn và các ngôi sao mọc. Tôi có cảm giác như mình bị ốm. Tiếng cười của các cô gái trên đường phố khiến tôi khó chịu và bực bội. Tôi không biết mình mong muốn điều gì và sự ngọt ngào, quyến rũ của những câu chuyện và bài thơ làm trào dâng trong tôi những suy tư khiến trái tim tôi mềm yếu và mắt tôi ứa lệ mỗi khi tôi chỉ có một mình. Bố tôi thỉnh thoảng nhìn tôi cười một mình, còn mẹ Kipa bắt đầu kể say sưa hơn trước những câu chuyện về những người đàn bà xảo trá hay dụ dỗ những chàng trai trẻ đẹp đến vui thú cùng họ khi người chồng đi vắng.

Cuối cùng người ta báo cho tôi là đến lượt tôi vào canh ở thánh đường. Tôi phải ở trong thánh đường một tuần liền và trong thời gian đó không được phép ra khỏi khu vực đền. Tôi phải ăn chay và giữ mình sạch sẽ, rồi bố tôi phải đến cắt mái tóc xoăn trẻ con của tôi và mời hàng xóm láng giềng đến dự một bữa tiệc vào ngày lễ trưởng thành của tôi. Kể từ đó trở đi tôi được coi là đã trưởng thành vì tôi đã đủ chín chắn để được thụ phong, mặc dù trong thực tế việc này thật đơn giản và phù phiếm. Mặc dù vậy, cũng nhờ nó mà tôi được đưa lên vị trí cao hơn so với bọn trẻ hàng xóm và những đứa cùng trang lứa.

Mẹ Kipa đã cố gắng hết sức, nhưng tôi thấy bánh phết mật ong đắng ngắt trong miệng và sự vui vẻ cùng với những lời nói đùa tục tĩu của những người hàng xóm không làm tôi vui. Tối đến, sau khi hàng xóm đã về hết, nỗi buồn của tôi cũng lan sang Senmut và Kipa. Senmut bắt đầu kể cho tôi nghe về sự ra đời của tôi và Kipa giúp ông nhớ lại, còn tôi chăm chăm nhìn chiếc thuyền sậy treo phía trên giường của hai người. Những thân sậy đã thâm đen và mủn ra khiến tim tôi như quặn thắt. Tôi không có bố mẹ đẻ trên thế gian. Tôi cô đơn dưới bầu trời sao giữa thành phố rộng lớn này. Có thể tôi chỉ là một đứa trẻ ngoại lai tội nghiệp ở xứ Kemet. Có lẽ gốc gác của tôi là một bí mật đáng xấu hổ.

Tôi mang theo vết thương lòng khi trở lại thánh đường cùng với chiếc áo choàng cho ngày lễ thụ phong được mẹ Kipa kỳ công may thêu với tất cả tình thương yêu của mẹ.

2

Chúng tôi gồm hai mươi lăm chàng trai trẻ chuẩn bị làm lễ thụ phong. Tắm trong ao thánh đường và cạo nhẵn đầu xong, chúng tôi mặc lên người chiếc áo choàng bằng vải thô. Vị giáo sĩ thụ phong cho chúng tôi không phải là người quá kỹ tính. Theo tập quán cũ, ông ta có thể bắt chúng tôi thực hành các nghi lễ tẩm thường gây khó chịu, nhưng trong nhóm chúng tôi có những người đã trưởng thành, một số thuộc tầng lớp trên, một số đã qua các khóa học về luật và đã có chứng chỉ, hạ mình phụng sự thần Amon để sự nghiệp của mình được đảm bảo. Họ có nhiều đồ ăn và tiếp rượu cho các giáo sĩ, một số còn trốn ra nhà vui suốt đêm vì lễ thụ phong không có ý nghĩa gì với họ. Tôi trằn trọc với vết thương lòng và những suy nghĩ buồn rầu. Tôi tự bằng lòng với một lát bánh mì và một cốc nước - thức ăn và đồ uống theo phong tục của chúng tôi - và chờ đợi với tâm trí tràn đầy hy vọng xen lẫn sự ngờ vực u uẩn về một điều gì đó sẽ đến.

Tôi còn quá trẻ và thực lòng rất muốn tin. Người ta nói thần Amon xuất hiện tại lễ thụ phong và xuất ngôn với từng người nên đối với tôi sẽ là một niềm an ủi không diễn tả thành lời nếu tôi được giải thoát khỏi bản thân mình và đoán được mục đích của tất cả những gì diễn ra phía sau đó. Nhưng trước các danh y, ngay đến pharaon cũng trần trụi. Hồi còn bé khi đi theo bố mình, tôi từng nhìn thấy những bệnh nhân và người chết, nhờ đó tôi có cái nhìn thấu đáo hơn những cậu bé cùng trang lứa. Đối với một danh y, không điều gì là quá thần thánh và danh y không chịu khuất phục trước điều gì ngoài cái chết, đó là lời dạy của bố tôi. Vì thế tôi có sự nghi ngờ và tất cả những điều tôi chứng kiến trong ba năm qua đã làm tăng thêm nỗi nghi ngờ của tôi.

Nhưng tôi nghĩ có lẽ trong bóng tối phía sau tấm màn của vị thần tối cao có một điều gì khác mà tôi không biết. Có lẽ thần Amon sẽ hiển hiện trước mắt tôi và đem lại sự bình yên cho trái tim tôi.

Tôi nghĩ về những điều này khi lang thang trong hành lang dành cho những người thế tục của ngôi đền. Tôi ngắm nhìn những bức tranh thánh thần màu sắc sặc sỡ và đọc những dòng chữ linh thiêng nói về vô số những vật phẩm mà các pharaon đã mang về từ các cuộc chiến cho thần Amon như chiến lợi phẩm. Khi ấy, một phụ nữ xinh đẹp trong bộ trang phục bằng lanh mỏng tang khiến ngực và eo lộ rõ đi về phía tôi. Chị ta có dáng người thon thả, môi, má và lông mày tô son, nhìn tôi với vẻ tò mò không chút ngượng

ngừng.

- Cậu tên gì, chàng trai trẻ đẹp? - Chị ta hỏi, cặp mắt xanh lá cây nhìn vào tấm vải choàng màu xám trên vai tôi, cho biết tôi chuẩn bị làm lễ thụ phong.

- Sinuhe, - tôi bối rối đáp, không dám nhìn vào mắt người thiếu phụ. Nhưng chị ta thật đẹp và mùi hương kỳ lạ tỏa ra từ giọt dầu đọng trên trán chị ta khiến tôi mong được chị ta nhờ làm người chỉ dẫn trong thánh đường. Việc đó vẫn thường xảy ra với các môn sinh của thánh đường.

- Sinuhe, - chị ta trầm ngâm nhắc lại và nhìn tôi dò xét, - nếu vậy cậu sẽ đột nhiên hoảng sợ và chạy trốn nếu ai đó kể cho cậu nghe điều bí mật.

Chị ta ám chỉ câu chuyện về những cuộc phiêu lưu của Sinuhe khiến tôi bực mình, vì tôi đã bị trêu chọc quá đủ với câu chuyện đó khi còn ở trường. Thế nên tôi đứng thẳng người và nhìn vào mắt chị ta, ánh mắt của chị ta thật lạ lùng, trong sáng và hiếu kỳ, làm mặt tôi bắt đầu đỏ bừng lên và người tôi nóng ran như lửa.

- Sao tôi phải sợ? - Tôi nói. - Danh y tương lai không sợ bí mật nào.

- A hà! - Chị ta mỉm cười. - Chú gà con đã chiếp chiếp trước khi mổ vỡ vỏ trứng để chui ra. Nhưng trong nhóm của cậu có một anh chàng tên là Metufer phải không? Anh ta là con của kiến trúc sư hoàng gia.

Metufer là người đã tiếp rượu cho vị giáo sĩ và tặng ông ấy một chiếc vòng vàng làm quà nhân lễ thụ phong. Có gì đó khiến tôi nhói đau, nhưng tôi vẫn trả lời mình có biết cậu ta và sẵn sàng đi gọi cậu ta. Tôi nghĩ thiếu phụ này có thể là chị gái hoặc họ hàng của cậu ta. Ý nghĩ ấy làm tôi dễ chịu nên tôi bạo dạn nhìn thẳng vào mắt chị ta và mỉm cười.

- Nhưng tôi làm thế nào gọi được cậu ta khi tôi còn không biết tên chị cũng như không nói được ai đang cần gặp cậu ta? - Tôi mạnh bạo hỏi.

- Cậu ta biết mà, - chị ta nói và sốt ruột giẫm chiếc dép có đính đá sặc sỡ xuống nền đá, làm tôi phải nhìn đôi bàn chân nhỏ nhắn sạch bong với những móng chân đẹp sơn màu đỏ chót. - Cậu ta biết ai cần gặp cậu ta. Có thể cậu ta nợ tôi điều gì đó. Có thể chồng tôi đi vắng và tôi đợi cậu ta đến để làm tôi khuây khỏa.

Trái tim tôi lại nặng trĩu khi nghe chị ta đã có chồng, nhưng tôi can đảm nói:

- Tốt lắm, người vô danh ạ! Tôi sẽ gọi cậu ta. Tôi sẽ nói với cậu ta rằng một phụ nữ trẻ và đẹp hơn nữ thần mặt trăng cần gặp cậu ta. Khi đó cậu ta sẽ biết chị là ai, vì ai từng gặp chị một lần sẽ không bao giờ quên được chị.

Hoảng sợ với sự bạo dạn của mình, tôi quay người định đi nhưng chị ta chạm vào người tôi và dịu dàng nói:

- Sao cậu vội thế! Đợi đã nào, có lẽ hai chúng ta còn chuyện để nói.

Chị ta lại nhìn tôi khiến trái tim tôi như tan chảy trong lồng ngực và dạ dày tôi như rơi xuống tận đầu gối. Rồi chị ta giơ bàn tay treo đầy nhẫn và vòng vàng sờ vào chỏm đầu tôi và thân mật nói:

- Cái đầu đẹp bị cắt hết tóc xoăn trẻ con này có lạnh không? - Rồi chị ta nhẹ nhàng nói tiếp. - Cậu nói thật lòng chứ? Cậu nghĩ tôi đẹp à? Hãy nhìn tôi kỹ hơn.

Tôi nhìn chị ta, quần áo của chị ta là loại vải lanh đắt tiền và trong mắt tôi chị ta rất đẹp, đẹp hơn tất cả các cô gái tôi từng nhìn thấy và chị ta không làm gì để giấu đi vẻ đẹp của mình. Tôi ngắm nhìn chị ta và quên đi trái tim đang bị tổn thương của mình, quên đi thần Amon cũng như Nhà Sống và việc đứng sát chị ta khiến cơ thể tôi như bị lửa thiêu đốt.

- Cậu không nói gì, - chị ta nói vẻ buồn bã. - Mà cậu cũng không cần trả lời vì trong đôi mắt đẹp của cậu, tôi chắc hẳn là một phụ nữ già, xấu và chẳng còn hấp dẫn. Cậu hãy đi gọi anh chàng Metufer sắp được thụ phong, như vậy cậu sẽ thoát khỏi tôi.

Nhưng tôi không đi và cũng không biết nói gì mặc dù tôi hiểu rõ rằng chị ta đang chế giễu tôi bằng lời nói của mình. Bóng hoàng hôn đã len vào giữa các hàng cột khổng lồ của thánh đường. Mắt chị ta lấp lánh trong ánh nhập nhoạng lọt qua hàng rào mắt cá bằng đá ở phía xa xa và không ai nhìn thấy chúng tôi.

- Có lẽ cậu không cần gọi chàng ta nữa, - thiếu phụ nói và mỉm cười với tôi. - Có lẽ cậu ở lại và vui vẻ cùng tôi là đủ vì tôi không có ai để làm mình khuây khỏa.

Lúc đó tôi nhớ lại điều mẹ Kipa từng nói về những người đàn bà chào mời những chàng trai trẻ đến ân ái cùng mình. Tôi bất chợt nhớ ra điều đó nên thấy hoảng sợ và lùi lại một bước.

- Chẳng phải tôi đã nói là Sinuhe sợ ư, - chị ta nói và bước tới gần tôi. Nhưng tôi vội giơ tay ngăn lại và nói:

- Tôi đã biết chị là ai. Chồng chị thường đi vắng và trái tim lầm lạc của chị là một cái bẫy, còn vòng tay của chị bỏng rẫy hơn cả lửa.

Cho dù nói thế nhưng tôi không sao bỏ đi được. Chị ta hơi ngạc nhiên, nhưng lại mỉm cười và càng tiến lại gần tôi hơn.

- Cậu nghĩ vậy ư? - Chị ta dịu dàng nói. - Nhưng điều đó hoàn toàn không đúng. Vòng tay của tôi không hề bỏng rẫy mà trái lại người ta nói nó rất dịu êm. Cậu hãy thử xem! - Chị ta cầm lấy bàn tay đang cố cưỡng lại của tôi đặt lên ngực mình, tôi cảm nhận được vẻ đẹp của chị ta qua làn vải mỏng nên tay tôi bắt đầu run lên và má tôi nóng bừng.

- Chắc chắn là cậu không tin, - chị ta nói, ra vẻ thất vọng. - Chắc là lớp vải đang ngăn cậu, nhưng đừng sốt ruột, để tôi vén nó ra.

Rồi chị ta kéo vạt váy sang bên và đặt bàn tay tôi vào bầu vú trần của mình khiến tôi cảm nhận được nhịp đập của tim chị ta, trong khi bầu vú vẫn mềm và mát rượi dưới tay tôi.

- Đi nào, Sinuhe! - Chị ta nói rất khẽ. - Đi với tôi, chúng ta cùng uống rượu và vui vẻ với nhau.

- Tôi không được phép ra khỏi khu vực thánh đường, - tôi vội vàng nói và xấu hổ với sự nhút nhát của mình, nhưng vẫn vừa ham muốn vừa sợ chị ta như sợ cái chết. - Tôi cần giữ mình chay tịnh khi làm lễ thụ phong, nếu không tôi sẽ bị đuổi khỏi thánh đường và không bao giờ được vào Nhà Sống. Hãy tha cho tôi!

Tôi nói vậy vì biết rằng mình sẽ đi theo chị ta nếu như chị ta rủ rê tôi lần nữa. Nhưng chị ta là một thiếu phụ từng trải và hiểu nỗi sợ của tôi. Vì vậy chị ta nhìn xung quanh, ngẫm nghĩ. Chỉ có hai chúng tôi, nhưng gần đó có một toán khách và người hướng dẫn đang oang oang giới thiệu cảnh đẹp của thánh đường và thu thêm các vòng đồng của họ trước khi giới thiệu tiếp cho họ những điều kỳ lạ mới.

- Sinuhe, cậu là một chàng trai rất nhút nhát! - Chị ta nói. - Những người quyền thế và giàu có trao cho tôi vòng và vàng để được tôi gọi đến ân ái cùng. Nhưng cậu, Sinuhe, lại muốn giữ mình trinh trắng.

- Chắc chị muốn tôi gọi Metufer, - tôi tuyệt vọng nói, vì tôi biết

rằng Metufer không ngần ngại trốn khỏi thánh đường cả đêm dù đến phiên cậu ta phải thức canh. Cậu ta có khả năng làm điều đó vì bố cậu ta là kiến trúc sư hoàng gia, nhưng tôi có thể giết cậu ta vì điều đó.

- Có lẽ tôi không muốn cậu gọi Metufer nữa đâu, - chị ta nói và giễu cợt nhìn vào mắt tôi. - Có lẽ tôi muốn chúng ta chia tay nhau như những người bạn, Sinuhe ạ. Vì thế, tôi cũng nói cho cậu biết tên tôi là Neferneferneferne

- Chàng trai khờ khạo, - chị ta nói, - hãy giữ lấy chiếc nhẫn vì tôi muốn thế. Giữ lấy nó theo ý thích dị thường của tôi, bởi vì nó sẽ mang đến cho tôi một món lợi lớn. - Chị ta đung đưa ngón tay thon nhỏ trước mắt tôi và ánh mắt chị ta cười khi chị ta nói thêm:

- Và hãy luôn nhớ đề phòng những phụ nữ mà vòng tay của họ nóng bỏng hơn cả lửa.

Rồi chị ta quay người bỏ đi, không cho tôi được tiễn. Từ cửa thánh đường tôi nhìn thấy chị ta bước lên một cái kiệu sặc sỡ ở ngoài sân. Một người chạy trước hô hoán dẹp đường, mọi người giãn ra hai bên, xì xào bàn tán và nhìn theo kiệu của chị ta. Khi chị ta đi khỏi, một cảm giác trống rỗng vô biên dâng tràn trong tôi, tựa như tôi đang đâm đầu xuống một vực thẳm tối tăm.

Mấy hôm sau, Metufer tình cờ trông thấy chiếc nhẫn trên ngón tay tôi, cậu ta cầm tay tôi và hoài nghi nhìn chiếc nhẫn.

- Ôi, lạy tất cả bốn mươi khỉ đầu chó công minh của thần Osiris! - Cậu ta kêu lên. - Nefernefernefer, phải không? Tôi không tin được cậu là người như thế.

Cậu ta nhìn tôi gần như thán phục dù tôi thường xuyên bị giáo sĩ bắt quét sàn và làm những việc tầm thường nhất trong thánh đường vì tôi không có gì để làm quà cho ông ta.

Lúc đó tôi tức điên Metufer và những lời cậu ta nói, kiểu cơn giận uất ức của một thanh niên chưa trưởng thành. Tôi rất muốn hỏi cậu ta về Nefer song tôi không muốn hạ mình làm thế. Vì vậy tôi chôn chặt điều bí mật trong lòng mình, bởi lời nói dối đáng yêu hơn sự thật và giấc mơ thì trong sáng hơn sự tiếp xúc trần tục. Tôi ngắm viên đá lục bích trên ngón tay mình, nhớ lại đôi mắt chị ta, bầu vú mát rượi của chị ta và vẫn còn nghe mùi dầu xức của chị ta trên ngón tay mình. Tôi níu giữ lấy chị ta và cảm giác đôi môi mềm của chị ta chạm vào môi tôi khiến tôi khuây khỏa, bởi vì thần Amon đã xuất hiện trước mắt tôi và đức tin của tôi đã sụp đổ.

Những khi nghĩ về chị ta, tôi thường thì thầm với chính mình, mặt nóng ran: “Em gái tôi”. Và ba từ đó như vuốt ve vòm miệng tôi, bởi vì từ thời cổ đại nó đã và sẽ mãi mãi có nghĩa là: Tình yêu của tôi.

Nhưng tôi kể thêm thần Amon đã xuất hiện trước mắt tôi như thế nào.

Vào đêm thứ tư, đến phiên tôi thức canh cho sự bình yên của thần. Chúng tôi gồm bảy chàng trai: Mata, Mose, Bek, Sinufer, Nefru, Ahmose và tôi, Sinuhe, con trai ông Senmut. Mose và Bek cũng dự định vào Nhà Sống nên tôi đã quen họ từ trước, còn những người khác thì tôi không quen.

Tất cả chúng tôi không cười, nét mặt nghiêm trang và đi theo vị giáo sĩ mà tôi không nhớ tên vào khu cấm của đền. Thần Amon dong thuyền về phía sau dãy núi phía tây, những người gác cổng đã thổi tù và bằng bạc và các cổng của thánh đường đã đóng kín. Tôi mệt lả vì nhịn ăn và hồi hộp, nhưng vị giáo sĩ dẫn chúng tôi đi đã ăn một bữa ngon với thịt gia súc hiến tế, hoa quả và bánh ngọt, dầu chảy dài trên mặt ông ta và hai má ông đỏ bừng vì rượu. Ông ta cười một mình và giơ tay vén tấm màn che cho chúng tôi nhìn vào chỗ linh thiêng nhất của đền. Thần Amon đứng trong cái am được đục ra từ một khối đá lớn, những viên đá quý trên mũ và cổ áo của thần lấp lánh ánh đỏ, xanh lá cây và xanh nước biển, sáng lấp lánh như những cặp mắt sống động dưới ngọn đèn thiêng. Buổi sáng, chúng tôi đã xức dầu thánh và mặc bộ trang phục mới cho thần dưới sự hướng dẫn của một giáo sĩ vì thần cần thay trang phục mới mỗi buổi sáng. Tôi đã từng nhìn thấy thần trước đó. Đó là vào dịp lễ hội mùa xuân khi thần được rước ra sân trên chiếc thuyền vàng và mọi người nằm rạp xuống đất trước mặt thần. Tôi cũng từng được nhìn thấy thần trên chiếc thuyền bằng gỗ tuyết tùng trong hồ thánh khi nước lũ dâng cao đến đỉnh điểm. Nhưng lúc đó tôi là một học trò nghèo nên chỉ được ngắm thần từ xa, bộ trang phục màu đỏ của thần không gây ấn tượng mạnh với tôi như bây giờ, dưới ánh sáng đèn trong sự tĩnh lặng vô biên của am thờ linh thiêng nhất. Chỉ thần Amon mới được dùng trang phục màu đỏ và tôi có cảm giác như sức nặng của những phiến đá đè xuống ngực mình khi nhìn vào khuôn mặt cao quý của thần.

- Hãy thức và cầu nguyện trước tấm màn che, - vị giáo sĩ vừa nói vừa níu lấy vạt màn, chắc vì ông ta đứng không vững. - Có thể thần gọi các con bởi lẽ thần thường xuất hiện với những ai sắp được thụ phong, gọi tên họ và xuất ngôn với họ, nếu họ xứng đáng.

Rồi ông làm dấu thánh rất nhanh và vừa lẩm nhẩm các tên linh thiêng của Amon vừa hất tấm màn che về lại chỗ cũ, không cúi người và cũng chẳng đặt tay lên đầu gối.

Sau đó ông ta bỏ đi, để mặc bảy đứa chúng tôi lại với nhau trong bóng tối của khu cấm trong đền, nơi những tảng đá lát nền tỏa cái lạnh rợn người lên bàn chân trần của chúng tôi. Nhưng khi ông ta vừa đi khỏi, Mose lấy chiếc đèn trong áo choàng của cậu ta ra, còn Ahmose thản nhiên đi đến chỗ linh thiêng nhất và lấy được ngọn lửa thiêng của thần Amon để chúng tôi thắp đèn.

- Thật dại dột nếu chúng ta chịu ngồi yên trong bóng tối, - Mose nói và chúng tôi cảm thấy an tâm hơn mặc dù ai cũng thấy hơi sờ sợ. Ahmose lấy bánh mì và thịt ra, còn Nefru và Mata bắt đầu chơi xúc xắc bằng những viên đá dưới nền, vừa ném vừa hét to tạo ra tiếng động vang dội trong sảnh thánh đường. Nhưng sau khi ăn xong, Ahmose quấn người trong áo choàng và sau khi chửi rủa độ cứng của những viên đá, cậu ta nằm xuống ngủ và một lát sau, Sinufer và Nefru cũng nằm xuống cạnh cậu ta để cả ba ngủ cùng nhau cho ấm hơn.

Nhưng tôi trẻ nhất trong bọn và sẽ thức canh, mặc dù tôi biết rõ là vị giáo sĩ đã nhận của Metufer một hũ rượu, đã gọi cậu ấy cùng một vài môn sinh con nhà quyền quý vào phòng mình và sẽ không theo dõi chúng tôi. Tôi vẫn thức dù biết qua lời kể của những người khác rằng những người sắp được thụ phong thường lén lút ăn, chơi và ngủ vào đêm trước. Mata bắt đầu kể về ngôi đền của thần Sekhmet đầu sư tử, nơi con gái thần thánh của Amon thường xuất hiện trước các vị quân vương và ôm ấp họ. Ngôi đền này nằm ở phía sau đền thần Amon nhưng không còn nổi tiếng như trước. Trong vòng hàng chục năm qua không pharaon nào đến đó và cỏ đã bắt đầu mọc lên giữa các tảng đá nơi sân trước. Nhưng Mata nói vào lúc này cậu ta sẽ không từ chối nếu phải canh ở đấy và ôm nữ thần trần truồng, còn Nefru vừa tung con xúc xắc trên lòng bàn tay vừa ngáp và lấy làm tiếc đã dại dột không mang theo rượu. Sau đó cả hai nằm xuống ngủ và chẳng mấy chốc chỉ còn mình tôi thức.

Đêm của tôi thật dài và trong khi các đồng môn ngủ, niềm khát khao và lòng sùng tín sâu sắc đã chế ngự tôi, bởi tôi nghĩ mình vẫn còn trẻ, cần giữ mình chay tịnh và tuân thủ tất cả các tập tục truyền thống để Amon có thể linh hiển trước tôi. Tôi lẩm nhẩm các tên linh thiêng của thần và lắng nghe từng tiếng động bằng sự cảnh giác của tất cả các giác quan, nhưng thánh đường vẫn trống vắng và lạnh lẽo. Tấm màn che chỗ linh thiêng nhất bắt đầu khẽ lay động khi bình minh lên, ngoài ra không có gì khác. Khi ánh sáng bắt đầu chiếu vào hành lang của thánh đường, tôi lặng lẽ thổi tắt đèn trong nỗi thất vọng vô biên và đánh thức các đồng môn.

Đội quân nhạc thổi tù và, lính canh đổi phiên trên các tường thành và âm thanh rì rầm khe khẽ như tiếng nước rơi trong gió ở xa bắt đầu vọng đến, cho chúng tôi biết rằng mọi công việc của một ngày mới đã bắt đầu trong khu thánh đường. Cuối cùng vị giáo sĩ vội vàng xuất hiện, theo sau là Metufer trước sự kinh ngạc của tôi. Họ vịn vào nhau, mùi rượu từ cả hai phả ra nồng nặc, một tay vị giáo sĩ đung đưa chùm chìa khóa của những chiếc hòm linh thiêng và lặp đi lặp lại những con số thần bí với sự trợ giúp của Metufer trước khi họ chào chúng tôi.

- Các môn sinh dự lễ thụ phong, Mata, Mose, Bek, Sinufer, Nefru, Ahmose và Sinuhe, - vị giáo sĩ cất tiếng. - Các con đã thức và cầu nguyện đúng như yêu cầu để có thể được thụ phong chứ?

- Chúng con đã thức và đã cầu nguyện ạ, - chúng tôi đồng thanh đáp.

- Thần Amon hiển linh trước các con như thần đã hứa không? - Vị giáo sĩ hỏi, rồi vừa ợ một tiếng vừa lơ đãng nhìn chúng tôi.

Chúng tôi nhìn nhau và lưỡng lự, cuối cùng Mose ngập ngừng nói:

- Thần đã hiển linh như đã hứa ạ.

Các môn sinh khác đều lần lượt nói:

- Thần đã hiển linh ạ.

Cuối cùng là Ahmose, nói một cách thành kính và dứt khoát:

- Quả thật, thần đã hiển linh ạ!

Cậu ta nhìn thẳng vào mắt vị giáo sĩ, nhưng tôi thì không nói lời nào và có cảm giác như tim mình bị bóp nghẹt vì tôi nghĩ những lời các đồng môn nói là báng bổ thần linh.

Metufer nói một cách trơ trẽn:

- Tôi cũng thức và cầu nguyện để được thụ phong, bởi vì đêm hôm sau tôi có việc khác cần làm hơn ở đây. Thần Amon cũng hiển linh với tôi và giáo sĩ đây có thể làm chứng. Thân hình thần tựa như một vò rượu to và thần nói với tôi về những điều linh thiêng mà tôi thấy không thích hợp để kể lại cho các cậu. Nhưng lời lẽ của thần ngọt ngào như rượu trong miệng khiến cơn khát được nghe của tôi kéo dài mãi cho đến khi bình minh lên.

Nghe thế, Mose lấy hết can đảm nói:

- Thần hiện về với tôi trong hình dáng con trai Horus của thần, ngồi trên vai tôi như một con chim ưng và nói: "Thần phù hộ con, Mose, thần phù hộ gia đình con, phù hộ những việc làm của con và con sẽ được sống trong ngôi nhà có hai cổng và ra lệnh cho các gia nhân". Thần đã nói vậy.

Các môn sinh sắp được thụ phong khác cũng vội vàng kể thần Amon đã nói gì với mình và họ háo hức tranh nhau nói cùng lúc trong khi vị giáo sĩ lắng nghe, vừa cười vừa gật đầu. Tôi không biết liệu họ đang thật sự kể giấc mơ của mình hay họ nói dối. Tôi chỉ biết rằng mình đứng đó đơn độc và không nói gì.

Cuối cùng, vị giáo sĩ quay về phía tôi, chau mày và nghiêm giọng hỏi:

- Thế còn con, Sinuhe, con không xứng đáng để được thụ phong sao? Hay thần Amon cao cả không hiển linh với con trong bất cứ hình dạng nào? Con không nhìn thấy thần ngay cả trong hình thù của một con chuột nhỏ ư, bởi vì thần xuất hiện trong nhiều hình dạng khác nhau?

Việc vào Nhà Sống của tôi đang bị đe dọa, vì thế tôi lấy hết dũng khí và nói:

- Vào lúc sáng sớm con nhìn thấy tấm màn che linh thiêng đung đưa, ngoài ra không thấy gì khác và thần Amon cũng không nói gì với con ạ.

Tất cả phá lên cười, Metufer cười đến mức đập hai tay vào đầu gối và nói với vị giáo sĩ:

- Thằng bé ngu quá.

Rồi cậu ta giật tay áo đang ướt rượu của vị giáo sĩ và nói thầm với ông ta điều gì đó, mắt liếc nhìn tôi.

Vị giáo sĩ lại nghiêm khắc nhìn tôi và nói:

- Nếu như con không nghe được tiếng nói của thần Amon, ta không thể làm lễ thụ phong cho con được. Nhưng chuyện này có thể cho qua bởi vì ta muốn tin rằng con là đứa trẻ sùng tín và con rất thành tâm.

Nói xong, vị giáo sĩ đi về phía sau nơi linh thiêng nhất và biến

mất. Metufer đi lại gần tôi, rồi nhìn vào vẻ mặt tội nghiệp của tôi, anh ta mỉm cười thân thiện và nói:

- Đừng sợ.

Nhưng một lát sau tất cả chúng tôi đều giật nảy mình, bởi vì một giọng nói siêu nhiên khác với tiếng của người thường vang lên trong bóng tối của thánh đường. Âm thanh như phát ra từ tất cả mọi nơi, từ trên mái, từ các bức tường và giữa các cột, khiến chúng tôi liên tục xoay người nhìn ra tứ phía để xem âm thanh vọng ra từ đâu. Âm thanh vang lên:

- Sinuhe, Sinuhe, kẻ khờ khạo kia, mi ở đâu? Hãy nhanh đến quỳ trước mặt ta bởi vì ta rất bận, không đợi mi cả ngày được.

Metufer kéo tấm màn che sang bên, đẩy tôi lên nơi linh thiêng nhất rồi nắm cổ tôi và ấn tôi cúi rạp xuống sàn, bắt tôi quỳ lạy theo nghi thức người ta thường làm với các thần linh và pharaon. Nhưng tôi ngẩng đầu lên ngay và nhìn thấy am thờ linh thiêng nhất sáng bừng lên và âm thanh đang phát ra từ miệng của thần Amon. Thần nói:

- Sinuhe, Sinuhe, con lợn và khỉ đầu chó kia! Có phải khi ta gọi thì mi đã say mèm và ngủ rồi không? Mi đáng bị ném xuống giếng bùn và ăn đất suốt đời. Nhưng vì tuổi trẻ của mi, ta tha cho mi, mặc dù mi ngu ngốc, lười nhác và bẩn thỉu, vì ta tha cho tất cả những kẻ tin ta, còn những kẻ khác, ta sẽ ném xuống địa ngục.

Vẫn còn nhiều điều nữa được phát ra cùng với tiếng gào, tiếng mắng nhiếc và chửi rủa. Nhưng tôi không còn nhớ được tất cả và cũng không muốn nhớ. Tôi chưa bao giờ thấy phẫn uất và bẽ bàng đến thế bởi khi cố lắng nghe, tôi nhận ra tiếng của vị giáo sĩ trong những âm thanh ầm ào thần bí và sự phát hiện này làm tôi căm phẫn, kinh hoàng đến mức tôi không thể nghe tiếp được nữa. Tôi vẫn nằm trước tượng thần Amon dù âm thanh đã lặng ngắt, cho đến khi vị giáo sĩ đến, đá tôi sang một bên và các đồng môn bắt đầu vội vàng mang hương, dầu thơm, thuốc xức và áo đỏ vào.

Mỗi người chúng tôi đã được giao việc từ trước nên chợt nhớ ra phần việc được giao của mình, tôi đi lấy một vò đầy nước thánh và khăn thánh từ sảnh trước thánh đường để chúng tôi rửa mặt, tay và chân của thần. Nhưng khi trở lại, tôi thấy giáo sĩ nhổ nước bọt vào mặt Amon và lau mặt thần bằng tay áo bẩn của ông ta. Sau đó Mose và Nefru tô môi, má và lông mày của thần. Metufer bôi dầu thơm cho thần trong khi cợt nhả xức dầu thánh cho cái mặt bóng

láng mỡ của giáo sĩ và cả mặt mình. Cuối cùng chúng tôi cởi trang phục của thần, rửa và lau khô người như thể thần vừa đi vệ sinh xong, xoa dầu cho dương vật, mặc cho thần chiếc váy đỏ xếp ly đã được là, quấn xung quanh thần chiếc áo ngoài, quàng lên vai thần một tấm vải choàng và xỏ hai tay thần vào trong tay áo.

Khi làm xong tất cả những việc này, vị giáo sĩ thu gom trang phục vừa thay ra rồi cất nước rửa và khăn lau đi, bởi vì những thứ này sẽ được xé ra nhiều mảnh và bán cho những du khách giàu có ở sân trước, còn nước thì bán cho những người bị chứng phát ban để họ làm thuốc chữa trị. Rồi chúng tôi được tự do đi ra sân đầy ánh nắng, và tôi bị nôn.

Đầu óc và tâm hồn tôi hoàn toàn trống rỗng, như cái dạ dày của tôi vậy, bởi vì tôi không còn tin vào thần linh nữa. Nhưng tròn một tuần sau, tôi được xức dầu thơm lên đầu và được thụ phong làm giáo sĩ của Amon. Tôi đọc lời thề của giáo sĩ và nhận giấy chứng nhận thụ phong, trên đó có dấu triện của đền Amon và cả tên của tôi, cho phép tôi vào học trong Nhà Sống.

Vậy là tôi và các đồng môn Mose, Bek được nhận vào Nhà Sống. Cổng Nhà Sống đã mở ra cho chúng tôi và tên tôi được ghi vào Sinh thư, giống như tên của bố tôi, Senmut, đã được ghi vào đó trước tôi và tên của ông tôi đã được ghi vào đó trước bố tôi. Nhưng tôi sẽ không bao giờ được hạnh phúc như xưa nữa.

4

Trên danh nghĩa, việc giảng dạy trong Nhà Sống của đại thánh đường Amon do các danh y hoàng gia thuộc các chuyên ngành đảm nhiệm. Nhưng chúng tôi không mấy khi thấy họ, vì họ có rất nhiều bệnh nhân, được nhận nhiều món quà quý từ những bệnh nhân giàu có và sống trong những ngôi nhà rộng lớn ở ngoại ô thành phố. Nhưng trong những trường hợp bệnh nhân đến Nhà Sống với căn bệnh khó chữa khiến các thầy thuốc nội trú ở đây lúng túng hoặc không dám mạo hiểm chữa trị thì danh y hoàng gia thuộc chuyên ngành đó đến và truyền dạy những kỹ năng tốt nhất của mình cho các học trò. Như vậy, bệnh nhân nghèo nhất cũng có thể được danh y hoàng gia chữa trị vì danh tiếng của Amon.

Thông thường thì bệnh nhân vào Nhà Sống phải nộp quà tùy theo

tài lực của họ, nhưng nếu bệnh nhân có giấy chứng nhận của các thầy thuốc thành phố xác nhận rằng lương y thường không thể chữa trị được cho họ thì ngay cả bệnh nhân nghèo nhất cũng được đưa thẳng đến Nhà Sống mà không phải nộp quà gì. Tất cả những điều này là rất tốt và đúng đắn nhưng dù như thế, tôi vẫn không muốn ốm khi là một người nghèo, vì sẽ bị thử nghề bởi những thầy thuốc còn non tay. Các y sinh được phép chữa trị cho bệnh nhân nghèo để học hỏi và họ không được phát thuốc giảm đau, phải chịu đựng kìm, dao và lửa mà không có thuốc gây mê. Vì thế những tiếng hét, gào và rên rỉ thường xuyên vang lên từ các sảnh ngoài của Nhà Sống, nơi những người nghèo được chữa trị.

Thời gian học và thực hành nghề y khá dài với ngay cả những y sinh có tài. Chúng tôi phải học kỹ cách dùng thuốc và nhận biết các loại dược liệu, thu hoạch cây thuốc đúng thời điểm, phơi khô và chế xuất thảo dược vì thầy thuốc phải biết tự bào chế thuốc khi cần thiết. Tôi và nhiều đồng môn khác bất bình về điều này, bởi chúng tôi coi đó là việc không hữu ích vì các y sinh trong Nhà Sống có thể chép đơn của tất cả các loại thuốc quen thuộc đã được pha trộn và cân đong. Nhưng dù sao, như tôi sẽ kể sau đây, việc học môn này đem lại cho tôi nhiều điều hữu ích.

Chúng tôi phải học tên các bộ phận cơ thể con người cũng như chức năng và vai trò của từng bộ phận. Chúng tôi còn học cả cách dùng dao và kìm nhổ răng, song trước tiên chúng tôi phải học dùng tay chẩn đoán bệnh cho bệnh nhân cả trong các ngóc ngách trên cơ thể, học chẩn đoán bệnh qua da và mắt của bệnh nhân. Chúng tôi phải giúp đàn bà sinh nở trong những ca mà bà đỡ không thể làm được. Chúng tôi phải biết kích thích cơn đau hoặc làm giảm cơn đau khi cần thiết. Chúng tôi học cách phân biệt những cơn đau nhẹ với những cơn đau nặng, cơn đau tinh thần với cơn đau thể xác. Chúng tôi phải sàng lọc sự thật từ lời nói dối của bệnh nhân và biết đặt ra những câu hỏi cần thiết, cặn kẽ từ đầu đến chân để có được một bức tranh chính xác về căn bệnh.

Vậy nên càng học được nhiều, tôi càng hiểu rõ rằng hiểu biết của mình còn quá ít. Có lẽ người thầy thuốc chỉ sẵn sàng hành nghề khi họ khiêm nhường tự nhìn nhận với bản thân rằng mình thực sự chẳng biết gì. Điều này dĩ nhiên không thích hợp để nói ra vì việc bệnh nhân tin tưởng thầy thuốc và khả năng chữa khỏi của người đó là quan trọng nhất. Đây là nền tảng của mọi phương pháp chữa trị mà người ta trông cậy vào. Vì vậy, người thầy thuốc không bao giờ được phép mắc sai lầm bởi vì nếu mắc phải sai lầm, người thầy thuốc đánh mất danh tiếng của chính mình và làm giảm thanh danh của các đồng nghiệp. Cho nên các gia đình khá

giả sau khi nghe thầy thuốc đầu tiên chẩn đoán bệnh thường mời thêm hai hay có khi đến ba thầy thuốc khác để giúp chẩn đoán căn bệnh khó. Song nếu người đầu tiên chẩn đoán sai, các đồng nghiệp thà che giấu lỗi lầm của anh ta hơn là tiết lộ điều đó để cả ngành y không phải xấu hổ. Thế nên người ta hay nói thầy thuốc cùng nhau chôn bệnh nhân của mình.

Nhưng ngày đó tôi còn chưa biết tất cả những điều này mà chỉ vào học trong Nhà Sống với tất cả sự sùng kính và tôi tin rằng mình sẽ tìm được ở đó tất cả sự thông thái và thiện lương trên trần gian. Những tuần đầu tiên ở đây thật vất vả vì những học trò vào sau cùng phải phục vụ tất cả những người khác, và ngay cả kẻ phục dịch thấp hèn nhất cũng có thể ra lệnh và bắt anh làm việc. Điều trước tiên cần phải học là cách giữ vệ sinh, bởi không có bất cứ việc bẩn thỉu nào mà người ta không bắt anh làm đến mức anh phát ốm vì kinh tởm và cuối cùng trở nên chai sạn. Nhưng chẳng mấy chốc trong giấc mơ anh cũng biết dao mổ chỉ sạch khi được hơ trên lửa và quần áo chỉ sạch khi được nấu trong nước kiềm.

Dù sao tất cả những gì thuộc về nghề y đều được ghi trong các cuốn sách khác, nên tôi không viết thêm nữa. Tôi chỉ kể những điều thuộc về tôi, những điều tôi nhìn thấy và những điều người khác chưa viết.

Sau một thời gian dài thực tập và sau khi đã thanh tịch mình bằng các nghi lễ thánh, tôi được khoác lên mình chiếc áo choàng trắng và được vào phòng tiếp bệnh nhân, học nhổ răng từ miệng những người đàn ông cường tráng, băng bó chỗ đau, chọc các mụn nhọt và bó nẹp chân tay. Những việc này đối với tôi không có gì mới, tôi tiến bộ nhanh vì đã được bố tôi dạy từ trước, nên tôi trở thành người hướng dẫn và chỉ bảo các đồng môn. Thỉnh thoảng tôi được tặng quà như các danh y thường được tặng và tôi cho người khắc tên tôi, Sinuhe, vào viên đá xanh, viên đá được Nefernefernefer tặng, để tôi có thể dùng nó đóng dấu ở cuối toa thuốc của mình.

Tôi được giao những việc ngày một khó hơn, được trực ở những phòng có các bệnh nhân không còn hy vọng, theo dõi các danh y chữa bệnh và mổ ở những phòng chỉ một trên mười bệnh nhân được cứu sống. Tôi cũng học để thấy rằng cái chết không có gì đáng sợ với thầy thuốc và cái chết nhiều khi là người bạn nhân từ của bệnh nhân, làm cho nét mặt họ trông hạnh phúc hơn những ngày sống khốn khó trong cuộc đời của họ.

Nhưng tôi mù và điếc cho đến một ngày tôi tỉnh ngộ, giống như khi các hình vẽ, từ và chữ bắt đầu sống dậy với tôi vào một ngày

khi tôi còn nhỏ. Đã đến lúc mắt tôi mở to, và như vừa tỉnh dậy khỏi giấc mơ với tâm trạng tràn ngập niềm vui, tôi tự hỏi mình: "Vì sao?". Bởi vì "Vì sao?" chính là chìa khóa đáng sợ mở ra mọi tri thức đúng đắn. Nó mạnh hơn cây bút của thần Thoth và bền vững hơn những lời được khắc trên đá.

Việc đó xảy ra như thế này: Một người đàn bà không có con và tin mình vô sinh vì đã ở độ tuổi tứ tuần. Khi biết mình đã tắt kinh, bà ta sợ và vội vàng đi đến Nhà Sống bởi bà nghi ngờ rằng linh hồn quỷ dữ đã nhập vào bà và đầu độc thể xác bà. Như đã được dạy, tôi lấy một ít hạt yến mạch và gieo xuống đất. Tôi tưới nước sông Nile lên một nửa số hạt, còn nửa số còn lại, tôi tưới bằng nước giải của người đàn bà. Tôi gieo hạt ở chỗ đất có nắng ấm và bảo bà ta mấy ngày sau hãy trở lại. Khi bà trở lại, tôi thấy các hạt mầm đã nhú lên. Những hạt được tưới bằng nước sông Nile nhú lên mầm rất nhỏ, còn những hạt khác vươn lên xanh tốt. Như vậy, điều được viết ra là đúng và tôi kinh ngạc nói với người đàn bà:

- Bà hãy vui lên, Amon linh thiêng với lòng nhân từ sẽ ban phước cho bà và bà sẽ có con như những người phụ nữ đã được ban phước khác.

Người đàn bà đáng thương mừng phát khóc và tặng cho tôi một chiếc vòng bạc nặng hai deben làm quà bởi trước đó bà đã hoàn toàn hết hy vọng. Và khi đã tin tưởng tôi, bà ta hỏi:

- Con trai phải không?

Vì bà ta nghĩ rằng tôi biết tất cả. Tôi lấy can đảm, nhìn vào mắt bà ta và nói:

- Con trai.

Bởi vì khả năng là như nhau mà thời đó tôi luôn may mắn trong cờ bạc. Người đàn bà càng mừng hơn và tặng tôi thêm một chiếc vòng bạc nặng hai deben nữa.

Nhưng khi bà ấy đi khỏi, tôi tự hỏi:

- Sao lại như thế được, sao một hạt yến mạch lại biết được điều mà không thầy thuốc nào có thể chẩn đoán, trước cả khi dấu hiệu có thai được nhận thấy bằng mắt?

Tôi đánh bạo đi hỏi vị giáo sư của mình nhưng ông ta nhìn tôi như nhìn một kẻ điên và chỉ nói:

- Người ta viết như vậy.

Nhưng điều đó không trả lời được cho câu hỏi "Vì sao?" của tôi. Tôi lại lấy can đảm thêm một lần nữa, đi hỏi ngự y sản khoa làm việc trong nhà bảo sanh. Ông ta nói: "Amon là vị thần tối cao. Mắt thần nhìn thấu dạ con của người phụ nữ, nơi hạt rơi xuống. Nếu thần đã cho phép việc thụ thai thì tại sao lại không cho hạt yến mạch mọc trong đất chứ, khi mà nó được tưới bằng nước giải của một người đàn bà đã thụ thai?".

Ông ta nhìn tôi như nhìn một kẻ điên, nhưng điều đó vẫn không trả lời được câu hỏi "Vì sao?" của tôi.

Lúc đó tôi chợt hiểu ra và nhận thấy các danh y của Nhà Sống chỉ biết những điều được viết ra và cách thức thực hiện, ngoài ra không biết gì hơn. Bởi vì nếu tôi hỏi vì sao một vết thương mưng mủ cần phải đốt, còn vết thương bình thường thì chỉ bôi thuốc mỡ và băng lại, hoặc vì sao nấm mốc và mạng nhện chữa được mụn nhọt thì câu trả lời sẽ là: "Từ trước đến giờ đều làm như thế". Rồi người sử dụng dao mổ được quyền thực hiện một trăm tám mươi hai ca mổ và vết rạch, theo những điều đã được viết ra, ông ta làm theo kinh nghiệm hoặc tài năng của mình, có thể tốt hay tồi, nhanh hay chậm, gây đau ít hay nhiều nhưng không thể làm hơn thế, vì các việc này được viết ra và mô tả trong các sách, còn những việc khác trước đây chưa ai làm.

Có những người gầy rộc đi và mặt mày trắng bệch nhưng thầy thuốc không thể phát hiện liệu họ có bị bệnh hay tổn thương gì không. Dù thế nào, họ có thể lấy lại được sức và hồi phục nếu ăn gan tươi của vật hiến tế với giá đắt, nhưng vì sao lại như vậy thì không ai được phép hỏi. Có những người bị đau bụng, mặt và tay nóng bừng bừng. Họ được cho thuốc xổ và thuốc mê, một số đỡ đau, nhưng số khác lại chết mà danh y không thể nói trước rằng ai có thể khỏi, còn ai sẽ bị phù dạ dày mà chết. Nhưng vì sao người này khỏi, người kia chết thì không ai hỏi và cũng không được hỏi.

Tôi nhanh chóng nhận ra mình đã hỏi quá nhiều, bởi vì người ta bắt đầu nhìn tôi nghi ngờ và những môn sinh vào sau tôi đã vượt lên trước tôi và ra lệnh cho tôi. Tôi cởi bỏ chiếc áo choàng trắng, tắm rửa và rời khỏi Nhà Sống, mang theo hai chiếc vòng bạc nặng tổng cộng bốn deben.

5

Nhưng khi bước ra khỏi thánh đường vào giữa trưa - điều mà tôi không làm trong nhiều năm qua - tôi lại hiểu ra lần nữa khi nhận thấy Thebes đã đổi thay trong thời gian tôi học và làm việc ở Nhà Sống. Tôi nhận thấy điều đó khi đi trên Đại lộ Nhân Sư và qua các khu chợ, bởi khắp mọi nơi đều náo nhiệt, mới lạ, quần áo của người dân đắt tiền hơn và sang trọng hơn, đến nỗi không thể biết được ai là đàn ông, ai là đàn bà nếu chỉ dựa vào váy có nếp gấp và bộ tóc giả. Từ các quán rượu và nhà vui vọng ra tiếng nhạc Syria ầm ĩ, trên phố ngày càng nghe thấy nhiều từ nước ngoài hơn, những người Syria và người da đen giàu có chen vào nhóm người Ai Cập táo tợn hơn. Sự giàu có và hùng mạnh của Ai Cập là vô biên, hàng trăm năm qua không kẻ thù nào đặt chân tới được các thành phố của nó và những người đàn ông đã ở vào độ tuổi trung niên cũng chưa phải nếm mùi chiến tranh. Nhưng điều đó mang đến cho mọi người nhiều niềm vui hơn hay không, tôi nào biết bởi tôi nhìn thấy nỗi lo trong mắt họ và ai ai cũng vội vàng, ai ai cũng chờ đợi điều gì đó mới mẻ vì không hài lòng với ngày hôm nay.

Tôi đi dọc phố dài của Thebes một mình, trái tim trĩu nặng vì buồn và thất vọng. Tôi về nhà, thấy bố Senmut của tôi đã già, lưng còng xuống và ông không còn phân biệt được các con chữ trên trang giấy. Mẹ Kipa của tôi cũng đã già, thở hổn hển khi bước đi trong nhà và chỉ nói về nấm mồ của mình, vì bố tôi đã mua phần mộ cho cả hai trong thành phố của người chết ở mạn tây sông bằng tiền dành dụm được. Tôi đã được xem nó, một ngôi mộ đẹp được xây bằng gạch nung, thành mộ có tranh và dòng chữ khắc đơn giản. Bên cạnh và xung quanh mộ là hàng trăm, hàng ngàn ngôi mộ giống nhau mà các giáo sĩ của Amon đã bán cho những người lương thiện và có của dành dụm với giá đắt để họ có được sự bất tử. Tôi cũng chiều lòng mẹ, viết cho bố mẹ một cuốn Tử thư để chôn theo mộ, giúp họ không lạc lối trên hành trình dài. Đó là một cuốn Tử thư tuyệt đẹp được viết hết sức cẩn thận, mặc dù trong đó không có các tranh màu như trong các sách được bán ở quầy sách của đền Amon.

Mẹ tôi làm đồ ăn cho tôi, còn bố tôi hỏi tôi việc học hành, nhưng chúng tôi không còn gì để nói với nhau và ngôi nhà trở nên xa lạ đối với tôi, con phố và những người đi trên phố cũng xa lạ. Vì thế tôi càng buồn hơn, cho đến khi tôi nhớ đến ngôi đền Ptah và Thotmes, bạn tôi, người hẳn đã trở thành nghệ sĩ. Lúc đó tôi chợt nghĩ: "Mình có bốn deben bạc trong túi. Mình đi rủ cậu bạn Thotmes của mình cùng đi uống rượu giải khuây và vui chơi, bởi dù sao mình cũng không bao giờ nhận được câu trả lời cho câu hỏi của mình".

Vì vậy tôi tạm biệt bố mẹ với lý do phải trở lại Nhà Sống và khi trời gần xẩm tối, tôi tìm thấy đền Ptah và hỏi người gác cổng về trường mỹ thuật, sau đó tôi đi vào và hỏi học trò tên Thotmes. Đến lúc ấy tôi mới biết cậu ấy đã bị đuổi khỏi trường khá lâu. Khi nghe tôi hỏi về Thotmes, các đồng môn của cậu ấy, tay lấm đất sét, nhổ nước bọt xuống đất trước mặt tôi. Song một trong số đó nói:

- Nếu tìm Thotmes, tốt nhất nên đến nhà vui hay tiệm bia.

Cậu thứ hai nói:

- Nếu nghe thấy ai đó nhục mạ thánh thần thì chắc chắn Thotmes đang ở gần đó.

Còn cậu thứ ba nói:

- Chỗ nào có đánh nhau đến bươu đầu, sứt trán thì chắc chắn cậu tìm được bạn Thotmes của mình ở đó.

Bọn họ nhổ nước bọt xuống đất trước mặt tôi vì tôi nói Thotmes là bạn của mình, nhưng họ làm thế chỉ vì thầy giáo đang ở đó, còn khi ông ấy quay đi thì họ bảo tôi đi đến tửu quán có tên là "Vò Rượu Syria".

Tôi tìm thấy tửu quán Vò Rượu Syria nằm ở nơi giáp ranh giữa khu nghèo và khu giàu của thành phố, trên cửa ra vào có một dòng chữ ca tụng rượu từ đồi nho của thần Amon và rượu từ bến cảng. Tường bên trong quán có những bức tranh vui nhộn vẽ một con khỉ đầu chó mơn trớn các vũ nữ và một đàn dê thổi sáo. Phía dưới tường, các nghệ sĩ đang ngồi trên sàn chăm chú vẽ lên giấy và một ông già đang rầu rĩ nhìn cốc rượu cạn trơ trước mặt.

- Sinuhe à, xin bàn xoay thợ gốm chứng giám, - ai đó lên tiếng và đứng dậy chào tôi, tay giơ cao tỏ rõ sự kinh ngạc. Tôi nhận ra Thotmes, mặc dù chiếc áo choàng của cậu ấy bẩn và rách bươm, mắt cậu đỏ ngầu, trán nổi một cục to. Cậu ấy trông già và gầy đi, bên khóe miệng có nhiều nếp nhăn mặc dù cậu vẫn còn trẻ. Nhưng khi cậu nhìn tôi, mắt cậu vẫn còn ánh lên nét gì đó can đảm và tinh nghịch dễ lan sang người khác. Cậu cúi đầu gần hơn để chúng tôi chạm má vào nhau. Như thế, tôi biết chúng tôi vẫn là bạn.

- Lòng tớ trĩu nặng nỗi buồn và mọi thứ đều vô nghĩa, - tôi nói với cậu ấy. - Vì thế tớ tìm cậu để chúng ta cùng uống rượu cho khuây khỏa, bởi không ai trả lời cho tớ câu hỏi "Vì sao".

Nhưng Thotmes giơ vạt áo trước lên, ra dấu rằng cậu không có gì để có thể mua rượu.

- Tớ có bốn deben bạc đeo ở cổ tay, - tôi hãnh diện nói.

Thotmes chỉ vào cái đầu vẫn còn trọc của tôi, đó là vì tôi muốn mọi người biết mình là giáo sĩ bậc một; chẳng là tôi không có điều gì khác để hãnh diện. Nhưng bây giờ tôi lại bực vì đã không để cho tóc mọc, nên tôi sốt ruột nói:

- Tớ là thầy thuốc chứ không phải là giáo sĩ. Tớ đọc ở cửa rằng ở đây cũng có rượu bến cảng. Chúng ta hãy uống thử nếu nó không đến nỗi nào.

Nói xong tôi lắc lắc chiếc vòng bạc trong tay và chủ quán vội vàng chạy đến trước tôi cúi đầu chào, hai tay thõng xuống ngang đầu gối.

- Quán tôi có rượu Sidon và Byblos vẫn còn nguyên xi và chúng ngọt mùi mộc dược, - gã nói, - cũng có rượu pha trong cốc sặc sỡ. Rượu sẽ bốc lên đầu nhanh như nụ cười của cô gái đẹp, khiến lòng ta lâng lâng.

Gã còn nói thêm nhiều nữa và kể lể một mạch không dứt khiến tôi bối rối và nhìn Thotmes dò hỏi. Thotmes gọi cho chúng tôi rượu pha, nô lệ đến giội nước lên tay chúng tôi và bê một đĩa hạt sen rang, đặt trên chiếc bàn thấp trước chúng tôi. Chủ quán mang những chiếc cốc sặc sỡ đến. Thotmes nâng cốc của mình lên rồi vừa nhỏ một giọt xuống sàn vừa nói:

- Nâng cốc mừng thợ gốm thần thánh! Hỡi dịch bệnh, hãy phá nát trường mỹ thuật và các ông thầy ở đó. - Cậu ấy đọc tên các thầy giáo mà cậu căm ghét nhất.

Tôi cũng nâng cốc của mình lên và nhỏ một giọt xuống sàn.

- Nhân danh Amon, - tôi nói, - hãy để thuyền của ông ta rò rỉ mãi mãi, hãy chọc thủng dạ dày các giáo sĩ của ông ta và dịch bệnh hãy đưa các thầy giáo dốt nát trong Nhà Sống đi. - Nhưng khi nói câu này, tôi nhỏ giọng và ngoái nhìn chung quanh vì sợ người lạ nghe thấy.

- Đừng sợ! - Thotmes trấn an. - Trong quán này rất nhiều tai mắt của Amon đã bị chọc thủng nên họ ngán nghe rồi. Chúng ta, những người đến đây dù sao cũng coi như bị bỏ rơi. Tớ còn không có đến cả bánh mì và bia nếu không nghĩ ra việc vẽ truyện tranh

cho con cái nhà giàu.

Cậu ấy cho tôi xem cuộn giấy trong đó có các bức tranh cậu vừa vẽ xong khi tôi đến, và tôi buộc phải cười phá lên vì cậu ấy vẽ một pháo đài có các tường thành được bảo vệ bởi một con mèo đang run lên vì sợ hãi, chống lại đàn chuột đang tấn công, và cậu còn vẽ một con hà mã đang hát trên ngọn cây trong khi một con bồ câu đang mệt mỏi trèo lên cây bằng cái thang dài.

Thotmes nhìn tôi và đôi mắt nâu của cậu mỉm cười. Nhưng rồi cậu mở tiếp cuộn giấy và tôi không cười nữa, vì tiếp theo là một bức tranh trong đó một giáo sĩ nhỏ bé với cái đầu trọc kéo một pharaon to lớn trong cuộn dây thừng như kéo một con vật hiến tế đến đền. Cậu còn cho xem một tranh nữa vẽ một pharaon nhỏ thó cúi đầu trước bức tượng to lớn của thần Amon. Tôi nhìn cậu dò hỏi và cậu gật đầu nói:

- Không phải vậy ư? Cả người lớn cũng cười các bức tranh, vì chúng thật điên rồ. Thật nực cười khi nhìn con chuột tấn công con mèo và cũng hệt như thế khi một giáo sĩ kéo một pharaon. Nhưng những người biết thì bắt đầu nghĩ về đủ mọi điều. Vì vậy tớ có đủ bánh mì và bia cho đến khi các giáo sĩ cho lính gác nện tớ chết nơi góc phố. Điều như thế đã từng xảy ra.

- Chúng ta uống nào, - tôi nói và chúng tôi nâng cốc nhưng lòng tôi không thấy vui lên chút nào.

- Có phải hỏi "Vì sao" là sai không? - Tôi hỏi.

- Tất nhiên là sai, - Thotmes đáp, - bởi vì người dám hỏi "Vì sao" sẽ không có nhà, không có lều, không có chỗ ở trên đất Kemet. Mọi thứ đều phải như trước, cậu biết đấy. Tớ run lên vì vui sướng và hãnh diện khi được vào trường mỹ thuật, hẳn cậu còn nhớ chứ, Sinuhe? Tớ giống như kẻ khát gặp được nguồn nước. Tớ giống như kẻ đói gặp được bánh mì. Và tớ đã học được nhiều điều hay. Tớ học được người nghệ sĩ cần cầm bút vẽ thế nào, cầm đục ra sao và đổ mẫu vào khuôn sáp như thế nào trước khi đục vào đá, học đánh bóng đá như thế nào, phối màu đá ra sao và vẽ trên thạch cao tuyết hoa như thế nào. Nhưng khi tớ khao khát làm việc và thực hiện những điều mình mơ ước cho thỏa nguyện thì một bức tường chắn ngay trước mặt tớ và người ta bắt tớ nhào đất sét cho đứa khác nặn. Bởi vì trước tiên phải là khuôn mẫu. Nghệ thuật cũng giống như những con chữ được viết theo hình mẫu, ai làm khác sẽ bị nguyền rủa. Vì vậy mọi thứ đều có mẫu và ai làm khác mẫu sẽ không được coi là nghệ sĩ. Từ xưa đến nay đã có quy định

vẽ người ngồi và người đứng như thế nào. Từ xưa đến nay đã có quy định ngựa chồm chân lên như thế nào và bò phải kéo xe ra sao. Từ xưa đến nay đã có quy định nghệ sĩ phải làm việc như thế nào và ai làm khác đi sẽ bị cấm vào đền, cấm động đến đá và đục. Sinuhe, bạn ơi, tớ cũng đã hỏi "Vì sao?". Tớ đã hỏi "Vì sao?" quá nhiều lần. Chính vì thế tớ ngồi đây với những cái u trên đầu.

Chúng tôi uống rượu và đầu chúng tôi nhẹ bỗng, tâm chúng tôi bớt ưu phiền, cứ như ung nhọt đã bị chọc thủng, bởi vì chúng tôi không còn cô đơn nữa. Thotmes nói:

- Sinuhe, bạn à, chúng ta sinh ra vào cái thời thật oái oăm. Mọi thứ đều vận động và thay hình đổi dạng giống như đất sét trên bàn xoay của thợ gốm. Quần áo thay đổi, từ ngữ, tập quán thay đổi và con người không còn tin vào thần linh, mặc dù họ vẫn sợ thần linh. Sinuhe, bạn của tôi ạ, có lẽ chúng ta sinh vào thời lụi tàn của thế giới, bởi thế giới đã già ngay từ khi kim tự tháp được xây một, hai ngàn năm trước. Khi nghĩ về điều đó, tớ muốn gục đầu xuống cánh tay mà khóc như đứa trẻ.

Nhưng cậu ấy không khóc, vì chúng tôi đã uống rượu pha từ những chiếc cốc sặc sỡ và mỗi lần rót đầy cốc cho chúng tôi, chủ quán Vò Rượu Syria lại cúi đầu và để hai tay ngang đầu gối trước chúng tôi. Thỉnh thoảng một nô lệ lại chạy đến đổ nước lên tay chúng tôi. Lòng tôi nhẹ bẫng và lao vút như chim én trước ngưỡng cửa mùa đông, tôi muốn ngâm vang các bài thơ và ôm trọn cả thế giới xung quanh mình.

- Chúng ta đến nhà vui đi, - Thotmes cười, nói. - Chúng ta đi nghe nhạc và ngắm nhìn các cô gái nhảy để tâm hồn được khuây khỏa, để không còn hỏi "Vì sao" cũng như không đòi rượu phải đầy cốc nữa.

Tôi trả tiền rượu bằng một chiếc vòng và bảo chủ quán cầm cẩn thận vì nó vẫn còn dính nước tiểu của người đàn bà có mang. Ý nghĩ đó khiến tôi thấy rất nực cười, chủ quán cũng cười và trả lại một vốc bạc đã được đóng dấu nên tôi có thể cho tên nô lệ một đồng bạc. Hắn cúi người sát đất trước mặt tôi, còn chủ quán tiễn chúng tôi ra đến cửa và dặn tôi hãy nhớ quán Vò Rượu Syria. Gã còn nói mình quen vô số thiếu nữ trẻ trung và phóng túng, sẽ vui lòng làm quen họ với tôi nếu tôi đến chỗ họ, ôm theo hũ rượu mua từ quán của gã. Nhưng Thotmes nói rằng ông của cậu từng ăn nằm với những cô gái Syria như thế, rằng nên gọi các cô ấy là bà thì tốt hơn là em. Chúng tôi bỡn cợt như vậy vì hơi men đã bốc lên đầu.

Chúng tôi đi dọc các phố, mặt trời đã lặn và tôi học làm quen với Thebes, nơi không bao giờ có đêm, bởi vì những người dạo chơi ban đêm đã làm cho khu phố của họ sáng bừng lên như ban ngày. Đuốc sáng rực trước các nhà vui và đèn thắp sáng trên đỉnh các cột nơi góc phố. Tiếng các nô lệ khênh kiệu chạy, tiếng hét của người dẫn đường, tiếng nhạc vọng ra từ các ngôi nhà hòa lẫn với tiếng la hét om sòm của những người say rượu. Chúng tôi ngó vào trong cửa một quán rượu của người Kush, thấy những người da đen dùng tay và dùi gỗ gõ trống, tiếng thập thùng sợ hãi của trống lan xa khắp vùng. Hòa cùng với nó là tiếng nhạc Syria cổ sơ leng keng. Sự lạ lẫm của loại nhạc này có thể làm tai đau nhức, nhưng nhịp điệu của nó dễ nhớ và dễ khiến máu nóng bốc lên.

Tôi chưa bao giờ bước chân vào nhà vui nên hơi sợ, nhưng Thotmes kéo tôi vào một nhà có tên "Con mèo và chùm nho". Đó là một ngôi nhà nhỏ và sạch sẽ, những tấm thảm mềm được dùng làm chỗ ngồi, ánh sáng vàng đẹp và những cô gái trẻ, theo tôi là đẹp, đang vỗ những bàn tay tô son đỏ theo nhịp tiếng sáo và đàn dây. Khi tiếng nhạc dứt, họ ngồi xuống cạnh chúng tôi và bảo tôi gọi rượu cho họ vì cổ họ khô như rơm. Nhạc lại nổi lên và hai vũ nữ khỏa thân trình diễn một điệu nhảy khó đòi hỏi kỹ năng cao khiến tôi rất thích thú theo dõi. Là thầy thuốc, tôi đã quen nhìn thân thể trần truồng của các cô gái, nhưng đôi vú trên những thân thể ấy không rung rinh, những cái bụng nhỏ và mông không lắc lư khêu gợi như thế này.

Nhưng tiếng nhạc lại làm tôi buồn và tôi bắt đầu nhớ mà không biết nhớ gì. Một cô gái xinh đẹp đặt tay lên tay tôi, ép sát người vào người tôi và nói rằng tôi có cặp mắt của một nhà thông thái. Nhưng mắt của cô ấy không xanh như nước sông Nile vào những ngày hè nắng gắt nhất và áo váy của cô không phải là vải lanh hoàng gia, cho dù nó làm hở lộ bầu vú của cô. Vì vậy tôi uống rượu mà không nhìn vào mắt cô, cũng không có ham muốn gì để gọi cô là em gái và bảo cô tiêu khiển cùng tôi. Thế nên điều tôi nhớ đến sau cùng về nhà vui là cú đá giận dữ của một tên da đen vào mông và cái u trên đầu khi tôi ngã từ cầu thang xuống. Điều đó xảy ra với tôi hệt như mẹ Kipa từng cảnh báo. Tôi nằm nơi góc phố, trong túi không một cắc bạc, tấm khoác vai rách bươm và đầu sưng vù cho đến khi Thotmes nâng cánh tay tôi lên đôi vai chắc nịch của cậu và dìu tôi ra bến cảng, uống nước sông Nile cho đỡ háo và rửa mặt mũi chân tay.

Sáng hôm ấy tôi trở lại Nhà Sống với đôi mắt sưng vù, chỗ u trên đầu đau nhói, tấm vải choàng vai đầy vết bẩn và không còn mảy may hứng thú hỏi "Vì sao?". Tôi phải đến trực ở phòng có các bệnh

nhân điếc và mắc bệnh về tai, nên tôi vội vàng lau người và mặc bộ đồ trắng của thầy thuốc rồi đi đến đấy. Nhưng thầy giáo và là người hướng dẫn tôi gặp tôi ở hành lang, nhìn vào mặt tôi và bắt đầu trách mắng tôi bằng những lời tôi vẫn thường đọc trong sách và đã thuộc lòng.

- Cậu sẽ trở thành ai nếu hằng đêm cậu cứ chạy bên các tường thành và uống rượu không ngớt như thế? - Ông ta nói. - Cậu sẽ trở thành ai khi cậu tiêu phí thời gian ở các nhà vui và lấy gậy đập vào các vò rượu làm người ta sợ hãi? Cậu sẽ trở thành ai khi cậu gây ra các vết thương và chạy trốn người bảo vệ?

Nhưng sau khi nói như thế vì trách nhiệm, ông ta mỉm cười một mình và thở phào nhẹ nhõm rồi kéo tôi vào phòng mình, cho tôi uống một thứ nước mà ông nói là để làm sạch bụng tôi. Tôi cảm thấy tâm trạng sảng khoái hơn và hiểu ra rằng rượu và nhà vui cũng được chấp nhận ở Nhà Sống, chỉ cần không hỏi "Vì sao?".

6

Vậy là tôi cũng đã nhiễm sự náo nhiệt của Thebes và bắt đầu thích đêm hơn ngày, thích ánh sáng bập bùng của những ngọn đuốc hơn ánh sáng mặt trời, thích âm nhạc Syria hơn tiếng rên rỉ của người ốm, thích tiếng thỏ thẻ của các cô gái đẹp hơn những chữ viết cổ trên giấy ố vàng. Nhưng không ai trách mắng tôi về điều đó, miễn là tôi làm việc của mình ở Nhà Sống, vượt qua các cuộc sát hạch và không đánh mất sự chuẩn xác của đôi tay. Cuộc sống của người được thụ giáo là tất cả những điều đó, hiếm có môn sinh nào có đủ tiền để mua được nhà và lấy vợ trong thời gian đang học. Vì vậy những người thầy của tôi đã giúp tôi hiểu rằng tốt nhất tôi cần giải thoát đầu mình, giải thoát thân xác mình, và để cho tâm hồn được sảng khoái. Nhưng tôi vẫn chưa nếm mùi đàn bà, mặc dù tôi nghĩ mình biết vòng tay của họ không bỏng rẫy như lửa.

Đó là khoảng thời gian có nhiều biến động và Pharaon vĩ đại ngọc thể bất an. Tôi đã thấy khuôn mặt già nua, khô héo của ngài khi ngài ngự giá đến đền dự lễ mùa thu, trên người đầy vàng và đá quý, bất động như một bức tượng thánh và đầu như lọt thỏm dưới sức nặng của vương miện hai tầng. Ngài khó ở và thuốc của các thái y không giúp ngài khỏi bệnh nên người ta đồn rằng thời của ngài đã hết và Thái tử sẽ lên ngôi pharaon. Nhưng Thái tử đang

còn trẻ, như tôi.

Người ta làm lễ hiến tế, quỳ lạy trong đền Amon nhưng Amon không giúp được con trai thần thánh của ngài, mặc dù Pharaon Amenhotep Đệ Tam đã xây dựng cho thần ngôi đền vĩ đại nhất từ xưa đến nay. Người ta còn nói rằng nhà vua giận các thần linh Ai Cập và đã phái sứ giả đi gặp quốc trượng của mình là vua Mitanni của xứ Naharani để xin người gửi nữ thần Ishtar từ Nineveh tới làm phép lạ, chữa cho ngài. Nhưng đó là điều sỉ nhục với thần Amon nên người ta chỉ dám xì xào trong khu vực đền và trong Nhà Sống.

Khi tượng Ishtar được gửi đến, tôi thấy các giáo sĩ với bộ râu xoăn, khăn trùm đầu lạ lùng và những áo khoác bông dày, đầm đìa mồ hôi khiêng tượng qua Thebes trong âm thanh lanh lảnh của những chiếc kèn đồng và tiếng bùng bục của dàn trống con. Nhưng ngay cả thần linh của xứ khác cũng không giúp được Pharaon, các giáo sĩ rất mừng vì điều đó, vì thế khi nước sông bắt đầu lên, danh y khoan sọ hoàng gia được vời đến cung điện.

Tôi chưa nhìn thấy Ptahor lần nào từ khi đến Nhà Sống vì ít khi có ca khoan sọ và trong suốt thời gian học của mình, tôi không được theo dõi các ca mổ hay chữa trị ở các chuyên khoa đặc biệt. Bây giờ, Ptahor đang được người ta vội vàng rước từ dinh thự của ông tới Nhà Sống. Ông rửa ráy trong phòng khử trùng và tôi làm mọi cách để được ở cạnh ông. Ông vẫn hói và mặt đầy nếp nhăn, hai má sệ xuống hai bên khóe miệng già nua, buồn bã, chán chường. Ông nhận ra tôi, mỉm cười và hỏi:

- Cháu đấy à, Sinuhe? Cháu đã tiến xa thế này ư, con trai Senmut?

Ông chìa cho tôi hộp gỗ mun đựng đồ mổ của mình và bảo tôi đi theo ông. Điều này là một vinh dự mà tôi chưa xứng đáng được nhận, có lẽ cả các danh y hoàng gia cũng phải ghen tị, nên tôi xử sự rất khiêm nhường.

- Trước tiên, ta muốn kiểm tra sự chuẩn xác của đôi tay mình, - Ptahor nói. - Ở đây chúng ta sẽ khoan vài ba sọ trước để xem mọi việc có suôn sẻ không.

Mắt ông nhòe ướt và tay hơi run. Chúng tôi đi vào phòng có những người bệnh hết hy vọng, những người bị bại liệt và bị bệnh về não. Ptahor xem xét sọ của vài người và chọn một ông già mà cái chết là sự giải thoát và một nô lệ to khỏe bị mất khả năng nói, không thể cử động được chân tay vì bị đá ném vào đầu trong một

cuộc ẩu đả trên đường phố. Họ được cho uống thuốc gây tê rồi được đưa sang phòng mổ và lau rửa. Ptahor tự rửa bộ đồ mổ và hơ chúng trên lửa để tẩy trùng.

Việc của tôi là cắt tóc cho hai bệnh nhân bằng dao cạo tốt, sau đó tẩy sạch đầu, rửa một lần nữa rồi bôi dầu giảm đau lên da và Ptahor đã sẵn sàng làm việc của ông. Trước tiên, ông rạch da đầu ông già và mở da sang hai bên mặc cho máu chảy nhiều. Sau đó, với động tác rất nhanh, ông khoan một lỗ vào mảng xương lộ ra bằng mũi khoan rỗng ở giữa và nhấc ra một mẩu xương. Ông già bắt đầu thở hổn hển, mặt trở nên tái mét.

- Ta không thấy sọ của ông ta bị tổn thương gì, - Ptahor nói và để mẩu xương vào chỗ cũ rồi khâu mấy mũi để da đầu kín lại và băng đầu, ông già tắt thở ngay sau đó.

- Tay ta hơi run, - Ptahor nói. - Có lẽ cậu nào đó mang cho ta cút rượu.

Ngoài các giảng sư của Nhà Sống, toàn bộ nhóm nghiên cứu sọ tương lai cũng theo dõi chúng tôi. Ptahor cầm lấy cút rượu rồi nhìn về phía gã nô lệ đã bị trói ngồi vào ghế, gườm gườm nhìn dù đã uống thuốc tê. Ptahor bảo buộc y chặt hơn và buộc chặt đầu y vào giá giữ sọ để ngay cả người khổng lồ cũng không thể nhúc nhích. Ptahor mở da đầu của y và lần này ông cẩn trọng hơn với việc chảy máu. Các tĩnh mạch hai bên da đầu được đốt kín lại và ông cho dùng thuốc để cầm máu. Ptahor để việc này cho các danh y khác làm vì ông muốn đôi tay mình được nghỉ ngơi. Thực ra trong Nhà Sống thường có một người cầm máu, một người không được học hành gì, mà chỉ cần sự hiện diện của anh ta đã khiến máu đông trong mấy giây, nhưng Ptahor muốn vừa làm vừa giảng giải để dành sức cho ca mổ Pharaon.

Sau khi rửa bề mặt sọ, Ptahor cho mọi người xem chỗ xương bị lõm vào trong. Rồi dùng khoan, cưa và kìm, ông tách ra từ vỏ xương đầu mỗi lần một mẩu cỡ bằng lòng bàn tay rồi chỉ cho tất cả xem máu tụ lại như thế nào giữa các lớp trắng của não. Với sự cẩn thận cao độ, ông lấy từng tí máu ra và gỡ ra mẩu xương đâm vào não. Ca mổ diễn ra khá lâu nên tất cả các học trò đều kịp thấy các thao tác của ông và ghi nhớ bề ngoài của bộ não người sống. Sau đó Ptahor bít lỗ khoan lại bằng một miếng bạc vừa được làm theo hình mẩu xương được lấy ra lúc nãy và đã được sát trùng bằng lửa, rồi ông dính chặt nó vào vỏ sọ bằng những cái ghim nhỏ. Sau khi khâu da đầu lại như cũ và băng vết thương, ông nói: "Hãy thức hắn dậy", vì bệnh nhân đã bất tỉnh khá lâu.

Người ta cởi trói cho gã nô lệ, đổ rượu vào họng y và cho y ngửi một loại thuốc có mùi gắt nồng. Một lát sau, y ngồi dậy và bắt đầu chửi rủa. Thật kỳ diệu, không ai có thể tin nếu không tận mắt chứng kiến bởi vì trước ca mổ, y không nói được và cũng không thể cử động tay chân. Lần này tôi không cần phải đặt câu hỏi "Vì sao" vì Ptahor đã giải thích rằng mẩu xương đâm vào trong và máu tụ lại trên bề mặt não đã gây nên các triệu chứng như đã thấy.

- Nếu hắn không chết trong vòng ba ngày tới thì coi như hắn đã được chữa khỏi, - Ptahor nói, - và sau hai tuần hắn có thể đánh nhau với kẻ đã ném đá vào đầu mình. Ta không nghĩ hắn sẽ chết.

Sau đó ông vui vẻ cảm ơn tất cả những người đã giúp đỡ ông, nhắc cả tên tôi, mặc dù tôi chỉ đưa cho ông những dụng cụ mổ mà ông cần. Nhưng tôi không hề đoán được mục đích của ông khi cho tôi làm việc ấy vì khi đưa tôi cầm hộp gỗ mun của mình, ông đã chọn tôi làm người phụ tá cho ông trong cung điện của Pharaon. Bây giờ tôi đã hai lần đưa đồ mổ cho ông và như thế, tôi đã thành chuyên gia, giúp ông nhiều hơn so với các danh y hoàng gia khi nói đến việc mổ sọ. Nhưng tôi không hiểu điều này nên hết sức ngạc nhiên khi ông nói:

- Có lẽ chúng ta đã thuần thục để đương đầu với não của quốc vương. Cháu đã sẵn sàng chưa, Sinuhe?

Thế là với chiếc áo choàng thầy thuốc giản đơn của mình, tôi đã bước lên ngồi bên cạnh Ptahor trên chiếc kiệu hoàng gia. Người cầm máu bằng lòng ngồi trên đòn kiệu và nô lệ của Pharaon đưa chúng tôi đến bến cảng bằng những bước chạy nhịp nhàng sao cho kiệu không hề đung đưa. Thuyền hoàng gia của Pharaon đã đợi chúng tôi trên bến cảng, các tay chèo được tuyển lựa từ đám nô lệ, chèo nhịp nhàng đến mức tôi có cảm giác như thuyền đang bay chứ không phải đang bơi trên mặt nước. Từ bến đỗ thuyền của Pharaon, người ta vội vàng đưa chúng tôi về nhà vàng và tôi không thấy ngạc nhiên, bởi vì binh lính diễu hành trên đường phố Thebes, các cổng thành đóng kín và những người buôn bán dọn hàng hóa vào kho, đóng các cửa lớn và cửa sổ lại. Những điều đó cho biết Pharaon Đại đế sắp băng hà.

Sách thứ ba
Thebes náo nhiệt

1

Rất nhiều người, cả giàu sang lẫn thấp hèn, tụ tập quanh các tường thành của hoàng cung và cả bãi cát bên sông cũng dày đặc ghe thuyền, những chiếc thuyền chèo tay bằng gỗ của người giàu và thuyền sậy quét hắc ín của người nghèo. Khi thấy chúng tôi, đám đông râm ran tiếng xì xào, nghe như tiếng nước rì rào xa xa và tin người khoan sọ hoàng gia đã đến lan ra, truyền từ người này sang người khác. Lúc đó mọi người giơ tay làm dấu để bày tỏ sự tiếc thương, tiếng la hét và tiếng than khóc vọng đến hoàng cung trước chúng tôi, bởi ai cũng biết rằng không pharaon nào sống thêm được ba ngày sau khi bị khoan sọ.

Từ cổng hoa huệ tây, chúng tôi được đưa tới các phòng trong hoàng cung, các triều thần phục vụ chúng tôi và cúi rạp mình sát đất trước Ptahor và tôi, vì chúng tôi nắm cái chết trong tay. Ở đó, một phòng khử trùng tạm thời đã được chuẩn bị sẵn cho chúng tôi, nhưng sau khi trao đổi đôi lời với ngự y riêng của Pharaon, Ptahor giơ tay biểu thị sự buồn rầu rồi lạnh lùng làm các bước khử trùng. Ngọn lửa thiêng được đưa đến theo sau chúng tôi khi chúng tôi đi qua các phòng tráng lệ của hoàng cung để bước vào cung thất của Pharaon.

Pharaon vĩ đại nằm trên giường dưới lọng vàng, các cột giường là các thần bảo vệ ngài và chiếc giường được đỡ bởi mấy con sư tử. Ngài nằm bất tỉnh trên giường, tất cả các vật biểu trưng quyền lực đã được cởi bỏ, thân thể ngài sưng phồng, trần trụi và tiều tụy; chiếc đầu già nua, teo tóp, ngoẹo sang một bên; ngài thở nặng nhọc và nước dãi từ khóe miệng nhễu ra. Quyền lực và hào quang

trần thế như bóng mờ và dần dần biến mất như vậy, khiến ngài không khác gì một người già đang nằm chờ chết trong phòng chờ của Nhà Sống. Nhưng trên các bức tường của căn phòng, ngài vẫn ngồi trong những cỗ xe hoàng gia được những con ngựa có bờm kéo lao vun vút, bàn tay rắn chắc của ngài giương cung và những con sư tử trúng tên gục ngã dưới chân ngài. Các bức tường trong cung thất lập lòe đỏ, vàng và xanh nước biển, dưới sàn cá bơi lội tung tăng, đàn vịt vỗ cánh rào rào và những cây sậy đung đưa trong gió.

Chúng tôi cúi rạp mình trước Pharaon đang hấp hối và bất cứ ai từng nhìn thấy tử thần đều biết rằng tất cả tài năng của Ptahor đều vô ích. Nhưng từ trước đến nay, khoan sọ của pharaon là giải pháp cuối cùng nếu như ngài không chết theo cách tự nhiên, vì vậy đó là việc cần thực hiện lúc này và chúng tôi bắt đầu công việc. Tôi mở hộp gỗ mun, sát trùng khoan, dao mổ và kìm trên lửa một lần nữa rồi đưa con dao nhọn thần thánh cho Ptahor. Ngự y riêng của Pharaon đã cạo sạch tóc và rửa sạch cái đầu đang hấp hối của ngài, nên Ptahor lệnh cho người cầm máu đến ngồi cạnh giường và nâng đầu Pharaon vào lòng anh ta.

Lúc đó Hoàng hậu Teje bước đến gần giường và ngăn lại. Cho đến khi ấy, Hoàng hậu vẫn đứng bên tường, tay giơ cao tỏ nỗi đau buồn và bất động như một tượng thánh. Phía sau Hoàng hậu là Thái tử trẻ Amenhotep và chị gái của ngài, Công chúa Baketamon, nhưng cho đến lúc đó tôi không dám ngẩng lên nhìn họ. Bây giờ, khi trong phòng đang lộn xộn, tôi nhận ra họ từ những bức tranh ở trong đền. Thái tử Amenhotep trạc tuổi tôi nhưng cao hơn. Ngài ngẩng cao đầu, chiếc cằm dài, thẳng và mắt nhắm nghiền. Chân tay ngài khẳng khiu, yếu ớt, đôi lông mày và gò má rung rung. Công chúa Baketamon có những nét quý phái, xinh đẹp với cặp mắt hình trái xoan. Môi và má công chúa tô son hoe hoe đỏ, xiêm áo của công chúa là loại vải lanh hoàng tộc, để lộ ra sau lớp vải, chân tay công chúa như chân tay của thánh thần. Nhưng cả hai đều không oai nghi bằng Hoàng hậu Teje vĩ đại, mặc dù bà nhỏ người và đẫy đà vì tuổi tác. Da bà màu nâu sậm, gò má rộng và cao. Nghe đồn rằng bà có gốc gác thấp hèn và mang dòng máu người da đen, nhưng điều này tôi không dám chắc vì tôi chỉ nghe nói lại. Tôi chỉ biết mặc dù trong các ghi chép, cha mẹ của bà không thuộc dòng dõi quý phái nhưng bà rất cương nghị, sắc sảo, đôi mắt bà thông minh và dáng người bà toát lên vẻ oai vệ. Khi bà giơ tay và nhìn người cầm máu thì người này tựa như cát bụi dưới đôi bàn chân to bè, nâu sậm của bà. Tôi hiểu y vì y vốn chỉ là tay lái xe bò, con nhà thấp hèn, không biết đọc và không biết viết. Y đứng rụt cổ, hai tay thõng xuống, miệng mở hé và nét mặt đầy vẻ

ngu đần. Y không tài cán hay sáng dạ, nhưng lại có khả năng chặn máu chảy bằng sự hiện diện của mình và nhờ vậy y được gọi vào ăn lương ở đền, bỏ lại sau những con bò và chiếc cày của mình. Dù có tắm rửa, kỳ cọ đến thế nào thì mùi phân bò vẫn bốc ra từ người y, nhưng y không thể giải thích tại sao mình có khả năng cầm máu. Nó không phải là năng lực, cũng không phải là một kỹ năng nhờ sự trau dồi mà có. Nó tiềm ẩn trong y giống như một viên đá quý có thể có trong đống sỏi và khả năng ấy không thể học hỏi hay qua tu luyện tâm linh mà có được.

- Ta không cho phép nó động vào thánh thể của quốc vương, - Hoàng hậu nói. - Ta sẽ giữ đầu quốc vương nếu cần thiết.

Ptahor không đồng ý và nói phẫu thuật sẽ làm máu bắn tứ tung rất gớm ghiếc. Mặc dù vậy, Hoàng hậu vẫn ngồi xuống mép giường và cẩn thận nâng đầu quân vương tôn kính của mình lên, đặt vào lòng mặc cho nước dãi của vua nhễu xuống tay mình.

- Thánh thượng là của ta, - Hoàng hậu nói. - Không ai khác được chạm vào ngài. Ngài sẽ đi vào cõi chết từ lòng ta.

- Thánh thượng là thần linh, sẽ lên thuyền của mặt trời quốc lão và lướt thẳng tới miền cực lạc. - Ptahor nói và dùng con dao mỏng mở lớp da đầu của Pharaon. - Ngài đã sinh ra từ mặt trời và ngài sẽ trở về mặt trời và thần dân sẽ muôn đời nhắc đến tên ngài. Nhân danh thần Seth và tất cả quỷ dữ, gã cầm máu còn lần chần gì thế?

Ông nói về những điều không liên quan đến ca phẫu thuật để hướng suy nghĩ của Hoàng hậu ra chỗ khác - như các danh y tài ba thường làm để giúp bệnh nhân của mình quên đi đau đớn. Nhưng đến câu cuối cùng, ông quát người cầm máu đang tựa vào khung cửa, mắt ngái ngủ nửa nhắm nửa mở vì máu từ đầu Pharaon bắt đầu chầm chậm chảy và nhỏ xuống người Hoàng hậu khiến bà co rúm lại, mặt trở nên tái nhợt. Gã cầm máu cũng giật mình bừng tỉnh. Có lẽ y đang nghĩ đến những con bò đực và mương tưới tiêu, nhưng bây giờ y đã nhớ ra việc của mình, bước lại gần hơn và nhìn Pharaon tay đang giơ cao. Máu lập tức ngừng chảy và tôi rửa rồi lau sạch đầu Pharaon.

- Xin lỗi, bà chị bé nhỏ của thần, - Ptahor nói và cầm lấy khoan từ tay tôi. - Dù thế nào ngài cũng sẽ đến với mặt trời quốc lão trên chiếc thuyền vàng và Amon sẽ phù hộ ngài.

Vừa nói ông vừa xoay mũi khoan giữa lòng bàn tay một cách nhanh và thành thạo nhất để nó rít ken két, xuyên vào xương. Lúc

ấy, Thái tử mở mắt, bước về trước một bước và nói, cơ mặt rung rung:

- Không phải thần Amon mà thần Ra-Horakhty ban phước lành cho phụ vương và thần Aton là hiện thân của phụ vương.

Tôi đưa tay lên bày tỏ sự tôn kính mặc dù không hiểu ngài nói gì, bởi ai mà biết được hết hàng ngàn vị thần của Ai Cập, ít nhất là giáo sĩ của Amon, người có quá nhiều điều để nghĩ trong tam thành và cửu tháp thần thánh của thần.

- Aton linh thiêng, - Ptahor bình thản lầm bầm, - vì sao không phải là Aton, sao lưỡi tôi nhịu lại thế?

Ptahor lại cầm lấy con dao mổ và cái búa bằng gỗ mun rồi bắt đầu gỡ xương bằng những nhát gõ nhẹ.

- Đúng vậy thật, tôi nhớ ra rồi, bằng sự thông thái thần thánh của ngài, Pharaon đã lập đền thờ thần Aton, hình như ngay sau khi Thái tử chào đời, phải vậy không Teje xinh đẹp? Nào, một lát nữa thôi.

Ông liếc nhìn Thái tử đang đứng cạnh giường, vẻ phiền muộn, hai bàn tay nắm chặt và mặt đang run lên.

- Quả thật có lẽ một ngụm rượu nhỏ sẽ giúp vững tay hơn và cũng không hại cho Thái tử. Hơn nữa cũng nên phá xi gắn trên vò rượu của hoàng gia. Ôi chà!

Tôi đưa kìm cho ông và ông gắp ra một mẩu xương khiến cái đầu trên đùi Hoàng hậu động cựa.

- Rọi đèn vào, Sinuhe.

Ptahor thở phào vì việc khó nhất đã xong. Tôi cũng thở phào theo bản năng và hình như cảm giác nhẹ nhõm đã truyền sang Pharaon đang bất tỉnh; các bộ phận thân thể ngài khẽ động đậy, hơi thở chậm lại, rồi ngài lại chìm vào trạng thái bất tỉnh sâu hơn. Dưới ánh sáng đèn rọi vào, Ptahor nhìn chằm chằm vào phần não của Pharaon đang nhô cao lên trong lỗ khoan qua vỏ não. Não màu xanh xám và phập phồng.

- Hừm! - Ptahor kêu lên và trầm ngâm. - Điều gì làm được, ta đã làm. Cuối cùng đành để Aton săn sóc ngài, bởi vì đây là việc của thần linh chứ không phải của con người.

Ông nhẹ nhàng và thận trọng để mẩu xương lại chỗ cũ, phết keo dán vào chỗ hở, kéo da đầu lại rồi băng kín vết thương. Hoàng hậu lại ngả cái đầu xuống súc gối đỡ gáy bằng gỗ đắt tiền được chạm khắc và nhìn Ptahor. Máu trên đùi Hoàng hậu đã khô, nhưng người không để ý đến nó. Ptahor đáp lại cái nhìn can đảm của Hoàng hậu rồi không cúi người, ông hạ thấp giọng và nói:

- Pharaon sẽ sống được đến sáng mai nếu thần của ngài chuẩn thuận.

Nói xong ông giơ tay làm dấu buồn rầu và tôi cũng làm theo. Nhưng động tác giơ tay của Ptahor biểu thị sự thương cảm còn tôi thì không dám, bởi vì tôi là ai mà dám thương xót bậc đế vương. Tôi tẩy sạch bộ đồ mổ trên lửa và xếp chúng vào hộp gỗ mun của Ptahor.

- Ông sẽ được nhận rất nhiều quà, - Hoàng hậu nói và đưa tay ra hiệu chúng tôi được ra về.

Chúng tôi được đãi một bữa ăn trong sảnh đường của hoàng cung và Ptahor mừng rỡ khi nhìn thấy nhiều vò rượu trên giá cạnh tường. Ông sai mở một vò trong số đó sau khi đã đọc kỹ các tấm xi gắn trên miệng vò rồi nô lệ giội nước lên tay chúng tôi. Tôi hỏi Ptahor sao ông dám nói với Hoàng hậu và Thái tử một cách thất lễ như thế.

- Pharaon đích thực là thần khi người còn sống, - Ptahor nói và nhăn mặt, nhìn giống như một con khỉ đầu chó già nua. - Quả thật người ta xây dựng những ngôi đền cho ngài và dâng cúng nhiều sản vật từ mọi miền đất nước nhưng là một danh y, ta thấy Pharaon chỉ là một con người, cũng chết như chúng ta. Hoàng hậu cũng là một con người và có tất cả những tính cách đặc trưng của đàn bà. Lời nói của ta chỉ như tiếng vo ve của ruồi trong tai của gia đình hoàng gia, và cho dù ta có vo ve như những con ruồi xung quanh họ thì họ cũng không buồn dỏng tai về phía ta. Nhưng bây giờ họ sẽ nói: "Ptahor kỳ cục nhưng là một người đàn ông đáng kính. Chúng ta hãy tha thứ cho sự nông nổi của ông ta vì ông ta đã có tuổi và vì ý định tốt đẹp của ông ta". Và họ trao cho ta nhiều món quà quý giá và sẽ không quên ta. Hãy nhớ rằng nếu cháu muốn hoàng đế nghe mình, hãy nói với ngài những điều trái ngược với điều người khác nói, nói với ngài như với một người đàn ông, người giống như mình. Khi đó, hoặc ngài sẽ nghe lời cháu, hoặc cháu sẽ bị người ta lấy gậy đuổi ra khỏi cung điện, nhưng dù sao ngài cũng sẽ nhớ đến cháu. Và thật tuyệt vời nếu pharaon nhớ đến thuộc hạ của mình.

Ptahor uống rượu và trở nên vui nhộn. Người cầm máu lấy tay nhón miếng thịt tẩm mật ong đút vào miệng nhai nhồm nhoàm, mất hẳn vẻ ngái ngủ ngu đần. Gã nói: "Không còn ở lều đất nữa".

Gã cũng uống rượu và uống như thể đó là bia, mắt mở to, mặt đỏ bừng. Gã nhắc lại lần nữa:

- Không còn ở lều đất nữa, không bao giờ, không, chào! - Người hầu rót nước cho gã rửa tay và gã vẩy nước khắp sảnh. Ptahor nhìn gã độ lượng, bảo nhân cơ hội này hãy đi xem các chuồng trại của Pharaon, vì chúng tôi không thể rời khỏi cung điện trước khi Pharaon trút hơi thở cuối cùng hoặc khi ngài khỏi bệnh. Đó là quốc phong. Nếu Pharaon băng hà, chúng tôi buộc phải chết theo ngài.

Người cầm máu tin lời Ptahor nói và buồn hẳn. Nhưng rồi gã thấy vui ngay trở lại khi nghĩ mình sẽ không bao giờ phải chết trong lều đất và gã đòi đi xem các chuồng ngựa của Pharaon, khi vẫn còn cơ hội. Ptahor gọi người hầu đến dẫn gã đi và dặn rằng tốt nhất hãy để cho gã ngủ trong chuồng ngựa, vì như thế gã sẽ thấy thân thuộc hơn.

Khi còn lại hai chúng tôi, tôi mạnh dạn hỏi Ptahor về Aton vì tôi thực sự không biết Amenhotep Đệ Tam đã xây đền cho một vị thần có tên như vậy ở Thebes. Ptahor giải thích, Ra-Horakhty là thần của dòng họ Amenhotep, vì Thomes Đệ Nhất, pharaon vĩ đại nhất trong các pharaon, trong một lần tới sa mạc và đứng bên cạnh một nhân sư đã mơ thấy vị thần này hiện về báo mộng rằng ngài sẽ đội trên đầu vương miện của cả hai vương quốc, mặc dù lúc đó Thomes chưa thấy cơ may nào trở thành quốc vương. Trước ngài còn có quá nhiều người khác có thể được kế vị. Điều đó là có thật, vì vào thời trai trẻ điên rồ của mình, Ptahor từng đến chỗ các kim tự tháp và tận mắt nhìn thấy ngôi đền đã được cho xây để tưởng nhớ câu chuyện về giấc mộng của Thomes qua biểu tượng những cái chân khổng lồ của nhân sư và cái bảng ghi lại lời kể của Hoàng đế về sự hiển linh của mình. Từ đó trở đi, dòng họ Amenhotep tôn sùng Ra-Horakhty, vị thần ở hạ lưu Heliopolis và hiển hiện trong hình tướng của Aton. Aton là vị thần cổ sơ, cổ hơn Amon nhưng đã bị lãng quên cho đến khi Hoàng hậu sinh hạ được con trai sau khi đến cầu tự thần này ở Heliopolis. Vì thế một ngôi đền được xây cho Aton ở Thebes mặc dù ngoài các thành viên của hoàng gia không ai thăm viếng đền này. Aton ở đây là con bò đực với mặt trời ngự giữa đôi sừng và thần Horus được tượng hình dưới dạng chim ưng.

- Theo đó Thái tử là con trai thần thánh của Aton, - Ptahor nói và nhấp một ngụm rượu. - Hoàng hậu đã nhận được sự hiển linh trong đền Ra-Horakhty và sau đó sinh được con trai. Cũng từ nơi đó bà đã mang theo về một giáo sĩ đầy tham vọng mà bà rất ưu ái. Tên ông ta là Eje và ông ta đã cho vợ mình về làm vú nuôi của Thái tử. Ông ta có một cô con gái tên là Nefritite, bú từ cùng một bầu sữa với Thái tử và khi còn bé, cô ta giống như chị hoặc em gái Thái tử, như thế thì cháu biết chuyện gì sẽ đến.

Ptahor uống thêm một hớp rượu rồi thở phào và nói:

- À, với một ông già thì không có gì tuyệt hơn là được uống rượu và lảm nhảm về những việc không liên quan gì đến mình. Ôi, Sinuhe, con trai của ta, giá mà cháu biết bao nhiêu điều bí ẩn bị chôn vùi sau vầng trán của một danh y khoan sọ già nua. Có thể trong đó có cả những bí mật của hoàng gia và nhiều người ngạc nhiên vì sao không bé trai nào sinh ra và sống sót nơi hậu cung, bởi điều này trái với mọi nguyên lý của y khoa. Và ngài, người hiện giờ đang nằm kia với hộp sọ bị khoan, từng không bỏ qua bất kỳ thú vui nào trong những ngày tháng vui vẻ và khỏe mạnh của mình. Ngài là một thợ săn vĩ đại và trong cuộc đời mình, ngài đã hạ cả ngàn con sư tử, mấy trăm con bò rừng, bao nhiêu thiếu nữ đã cùng ngài ân ái trên cái giường dưới lọng che thì khó có hoạn quan nào tính được, vậy mà ngài chỉ có duy nhất một con trai với Hoàng hậu Teje.

Bồn chồn vì cũng đã uống khá nhiều, tôi thở dài và nhìn viên đá xanh trên ngón tay mình. Nhưng Ptahor lại tiếp tục nói, không đoái hoài gì đến tôi:

- Ngài, người đang nằm đó, đã tìm thấy Hoàng hậu vĩ đại trong một chuyến đi săn. Người ta nói rằng Teje là con gái của một người săn chim trong rừng sậy ở lưu vực sông Nile, nhưng Hoàng đế đã phong bà lên ngang hàng với mình bởi vì trí thông minh của bà, ngài cũng coi trọng cha mẹ thường dân của bà và chất đầy mộ của họ những món quà quý giá nhất. Và Teje cũng không ngăn cản thú vui nào của ngài, miễn là không phi tần nào nơi hậu cung sinh con trai. Về điểm này, bà có may mắn kỳ lạ và thật khó có thể tin nếu điều đó thật sự đã không xảy ra. Và nếu như ngài, người nằm đó, nắm trong tay trượng và roi thì Hoàng hậu vĩ đại nắm giữ cánh tay và bàn tay. Khi nhà vua vì lợi ích quốc gia mà kết hôn với con gái của vua Mitanni để ra khỏi cuộc chiến kéo dài muôn đời ở Naharani, vùng đất nơi thượng nguồn, Teje đã thuyết phục ngài tin rằng Công chúa có móng dê ở nơi cánh đàn ông ham muốn và rằng nàng cũng có mùi dê, ít nhất như người ta đồn đại và công

chúa này về sau hóa điên.

Ptahor liếc nhìn tôi và nhìn xung quanh rồi vội vàng nói:

- Nhưng, Sinuhe, đừng bao giờ tin những chuyện như thế vì đó chỉ là lời đồn đại của những người xấu xa và ai cũng biết đến Hoàng hậu bởi sự thông thái và ân cần, tài lựa chọn những người đàn ông có khả năng xung quanh mình và ngai vàng của mình. Thế đấy.

Ptahor nghiêng cốc cho một giọt rượu rơi xuống sàn và thành kính ngước mặt nhìn lên. Rồi ông liếc sang bên, cười phá lên và reo to:

- Chào người cầm vỉ ruồi, - ông reo to. - Phải anh đó không? Hãy đến ngồi xuống đây và uống cùng tôi một cốc. Đã lâu chúng ta chưa gặp nhau.

Tôi đứng phắt dậy và cúi khom người, hai tay chạm sàn, bởi vì một bậc tôn kính, người cầm vương trượng bên phải nhà vua và giữ ấn triện của ngài, đang hạ cố đến gần chúng tôi. Ông đến một mình, trong tay ông là những biểu tượng quyền lực nhìn trang nghiêm buồn thảm. Khuôn mặt già nua của ông nhăn nhúm vì đau buồn và những giọt nước mắt lăn trên má. Đó là những giọt nước mắt đau khổ chân thành, ông khóc thương chính mình cũng như khóc cho Pharaon. Ông không hề liếc nhìn tôi bởi theo tập quán, đấng bề trên không cần nhìn kẻ bề dưới vốn chỉ như không khí xung quanh mình. Ông ta ngồi xuống, đặt ấn triện và vương trượng xuống, thở dài và cáu kỉnh nói:

- Này danh y khoan sọ, người ta đã tha thứ cho những lời đùa bỡn của ông, nhưng ông không nên cười cợt ở nơi lẽ ra phải đau buồn và than khóc. - Nói xong, ông đưa tay ra dấu muốn hỏi.

- Cho tới sáng, - Ptahor nói, - nhưng nhân lúc chúng ta không ở trong lều đất sét, như một người thông thái vừa mới nói đây, ông cũng nên uống với chúng tôi một cốc vì rượu thích hợp với niềm vui lẫn nỗi buồn. Nhưng tại sao ông chỉ có một mình và xuất hiện như một cái bóng, anh bạn của tôi? Tại sao những kẻ hầu hạ và đám thượng lưu không còn vây quanh ông như ruồi bu quanh chiếc bánh ngọt?

Quan chưởng ấn lau nước mắt trên má và mỉm cười buồn bã.

- Quyền lực giống như cây sậy trong tay con người, - ông nói. - Cây sậy bị gãy và con chim khôn ngoan kịp bay sang đung đưa trên ngọn sậy khác. Vì vậy, có lẽ ta sẽ uống một cốc với ông, Ptahor,

mặc dù đó không phải là thói quen của ta, bởi vì ông nói đúng, rượu là thuốc bổ cho trái tim đau khổ.

- Lẽ nào nhanh đến như vậy? - Ptahor hỏi.

Quan chưởng ấn dang tay thể hiện sự bất lực.

- Tôi thậm chí còn không được vào thức canh bên ông chủ đang hấp hối của mình, - ông nói. - Có Amon chứng giám, thế gian trả ơn bằng sự vô ơn. Hoàng hậu vĩ đại đã đoạt lấy ấn triện của Pharaon và đám cận thần chỉ nghe lệnh của bà. Bên cạnh bà là giáo sĩ ngoại đạo và Thái tử, nói thật, Thái tử chỉ chăm chăm nhìn về phía trước, như con bê non để mặc người chăn dẫn đi đâu tùy ý.

- Nói về các giáo sĩ, - Ptahor nói và rót rượu vào cốc của quan chưởng ấn, vì mấy tên hầu đã bỏ đi khi ông đến, - như tôi vừa kể với anh bạn Sinuhe của tôi đây, một lần hồi còn trẻ bên các kim tự tháp tôi đã viết tên mình lên bàn chân của nhân sư khổng lồ như các lữ khách thường làm để tên tôi không bao giờ bị lãng quên.

Quan chưởng ấn lịch sự liếc nhìn nhưng không thấy tôi.

- À, Aton, - ông ta nói và thành kính đưa tay làm dấu biểu tượng Amon. - Các bản lề của cổng đền Aton đã bị hoen rỉ và quốc vương không còn bày tỏ lòng thành với thần đã nhiều năm nay. Ngài chẳng thà mời vị thần ngoại lai đến chữa trị cho mình. Đó là sự khác thường.

Ông ta lại liếc sang tôi lần nữa và chắc đã nhìn thấy tôi vì ông vội vàng nói thêm:

- Người ta cho thần linh được phép khác thường, bởi vì bản chất của thần linh là sự dị thường.

- Nhưng Thái tử lại nói về thần Aton, - Ptahor giải thích.

- Thái tử, - quan chưởng ấn nói với giọng coi thường thấy rõ, - Thái tử điên rồ và ốm yếu. Tôi dám nói, khi Pharaon còn chưa vào Nhà Chết, Hoàng hậu sẽ gắn bộ râu vào cằm mình, buộc đuôi sư tử vào hông rồi ngồi phán xử với vương miện trên đầu. Tất nhiên giáo sĩ đã xúi giục bà ấy, nhưng tôi cũng dám nói rằng Hoàng hậu phải liên minh với Amon nếu bà muốn trị vì Ai Cập.

Ông ta uống một ngụm rượu và mắt nhòe đi.

- Nói thật lòng, - ông nói tiếp, - các vị thần quả thật rất kỳ dị. Tôi

đã hiến dâng đời mình cho thần Amon, tôi cúi đầu coi giáo sĩ tối cao của ngài như cha mình; là người kiến thiết tối cao, tôi đã dồn đất đai Ai Cập vào trong các ngôi đền của ngài nhưng không ai ngoài thần Seth với tất cả quỷ dữ của thần biết ơn tôi về điều đó.

Ông ta lại uống rượu và bắt đầu khóc.

- Tôi chỉ là một con chó già, - ông nức nở. - Tôi là con chó già và lưng tôi rụng hết lông, vì vậy mà tôi trần trụi. Ôi, tôi là chiếc ghế đẩu dưới chân đức vua của mình và ngài nhẹ nhàng ấn đầu tôi vào đất bụi trước mặt ngài.

Ông lại uống tiếp rồi ném cây roi vàng xuống sàn và xé bộ trang phục đắt tiền của mình.

- Những thứ phù phiếm, - ông ta nói, - nhưng tôi đã mất rất nhiều thứ để xây một ngôi mộ và họ không thể lấy nó đi được. Họ không thể tước đi nơi an nghỉ vĩnh hằng của tôi bên phải mộ của vua, mặc dù tôi chỉ là một con chó già trụi lông.

Ông ta gục đầu vào lòng hai bàn tay và khóc thảm thiết.

Ptahor vuốt đầu ông ấy dỗ dành, các ngón tay lần xoa những cục u trên đó.

- Ông có cái đầu thật hấp dẫn, - Ptahor nói. - Nói vui thế chứ tôi có thể mổ nó miễn phí cho ông.

Quan chưởng ấn liền nhấc đầu khỏi tay, ngước mặt lên với vẻ sợ hãi. Ptahor vờ hiểu sai phản ứng của quan chưởng ấn và nói theo kiểu lấy lòng.

- Thật đấy, hoàn toàn miễn phí, không cần đáp lại dù chỉ một món quà nhỏ; vì tình bằng hữu lâu năm, tôi sẵn sàng khoan sọ của ông, bởi vì ông có một hộp sọ hấp dẫn.

Quan chưởng ấn đứng lên nắm chặt cạnh bàn và giận dữ nhìn chằm chằm về phía trước, còn Ptahor giữ chặt cánh tay ông ta và khăng khăng thuyết phục:

- Chuyện đó nằm trong tầm tay mà. Tôi sẽ làm nhẹ nhàng, cẩn thận và biết đâu chỉ ngay hôm sau, ông có thể đi theo ông chủ của mình đến ngôi nhà ở miền tây.

- Ông đang nhạo báng tôi, - quan chưởng ấn nói, một lần nữa tỏ vẻ oai nghiêm rồi nhặt chiếc roi trên sàn nhà lên.

- Ông không tin vào Amon, - ông ta nói và thận trọng cúi người lần nữa để giữ chặt cái bàn.

- Thật tệ hại, quá tệ hại, - ông ta nói tiếp. - Nhưng tôi tha thứ cho sự ngu xuẩn của ông, bởi vì tôi không còn quyền trừng phạt nữa.

Ông ta bỏ đi với chiếc roi và cây trượng lủng lẳng bên tay trái, tấm lưng mệt mỏi và đầy phiền muộn. Sau khi ông ta đi khỏi, mấy tên hầu trở lại đại sảnh và đổ nước lên tay chúng tôi rồi xức cho chúng tôi một loại dầu thơm đắt tiền.

- Dắt ta đi, con trai ta Sinuhe, vì ta đã già rồi và đôi chân đã mỏi, - Ptahor nói.

Tôi đưa Ptahor ra để tận hưởng bầu không khí trong lành, màn đêm đã buông xuống và phía đông Thebes sáng rực, át cả ánh sáng đỏ trên bầu trời. Tôi đã uống rượu và cảm thấy tình yêu đối với Thebes lại dâng lên trong huyết quản. Những ngôi sao lấp lánh trên đầu tôi và khu vườn tràn ngập hương hoa thơm ngát.

- Bác Ptahor, - tôi cất lời, - cháu thèm khát tình yêu khi ánh sáng mờ ảo hiện lên trên bầu trời đêm của Thebes.

- Làm gì có tình yêu, - Ptahor nói một cách dứt khoát. - Người đàn ông sẽ trở nên buồn bã nếu anh ta không có một người đàn bà để ngủ cùng. Nhưng khi đã ăn nằm với một người đàn bà, anh ta sẽ càng buồn hơn. Xưa đã thế và sau này vẫn thế.

- Vì sao? - Tôi hỏi.

- Việc đó ngay cả thần linh cũng không giải thích được, - Ptahor đáp. - Đừng nói với ta về tình yêu trừ khi cháu muốn ta mổ sọ cháu. Ta sẽ làm miễn phí và không đòi hỏi ngay cả món quà nhỏ nhất vì làm như vậy, ta sẽ giải thoát cháu khỏi nỗi buồn.

Nghe đến đó tôi thấy tốt nhất là nên làm việc của nô lệ, bế ông vào lòng và đưa ông đến căn phòng dành cho chúng tôi. Ông nhỏ bé và già nua đến nỗi tôi không phải nặng nhọc thở hay gắng sức chút nào. Khi tôi đặt ông xuống giường, ông ngủ ngay lập tức sau vài lần cố với hũ rượu ở cạnh giường. Tôi đắp cho ông những tấm da lông mềm mại vì đêm lạnh rồi trở lên sân thượng đầy hoa, vì tôi còn trẻ và tuổi trẻ thì không muốn ngủ trong đêm Hoàng đế băng hà.

Lên đến sân thượng, tôi nghe thấy âm thanh trầm thấp của những người ngủ lại bên tường thành của cung điện, như tiếng

gió xào xạc trong đám sậy xa xa.

2

Tôi thao thức trong mùi hoa thơm ngát khi ánh sáng đỏ rực của Thebes hừng lên trên bầu trời phía đông và nhớ đến đôi mắt màu xanh như nước sông Nile trong mùa hè nóng bỏng cho đến khi nhận ra không chỉ có một mình tôi trên sân thượng.

Trăng lưỡi liềm mỏng mảnh và ánh sao nhấp nháy mờ mờ nên tôi không biết người đang đến gần là đàn ông hay phụ nữ. Nhưng ai đó đang lại gần và cố nhìn thẳng vào mặt tôi để nhận diện tôi. Tôi khẽ cựa mình và người đó nói với giọng the thé kiểu trẻ con đầy kẻ cả:

- Có phải ngươi đó không, Người Cô Đơn?

Tôi nhận ra Thái tử nhờ giọng nói và thân hình mảnh khảnh, èo uột và tôi cúi đầu sát đất trước mặt ngài mà không dám nói lời nào. Nhưng Thái tử sốt ruột đưa chân ẩn tôi và nói:

- Đứng thẳng lên và đừng ngốc thế! Không ai thấy chúng ta, vậy nên ngươi không cần phải cúi lạy ta. Hãy dành cái lạy ấy cho thần, người có con trai là ta đây, vì chỉ một thần tồn tại, còn tất cả những thần khác đều là hiển linh của ngài. Ngươi có biết điều đó không?

Không đợi câu trả lời của tôi, ngài ngẫm nghĩ một lát rồi nói thêm:

- Tất cả thần linh, trừ Amon, vị thần giả.

Tôi giơ tay làm cử chỉ ngăn lại và nói "Ồ!" để thể hiện rằng mình sợ lời nói như vậy.

- Thôi đi, - ngài nói, - ta thấy ngươi đứng cạnh giường phụ vương ta rồi đưa dao và búa cho Ptahor ngu xuẩn. Vì thế ta gọi ngươi là Người Cô Đơn. Còn mẹ ta đặt cho Ptahor cái tên Khỉ Đầu Chó. Các ngươi được đặt cho những cái tên này để phòng khi các ngươi buộc phải chết thay vì được rời khỏi cung điện. Nhưng tên của ngươi do ta tìm ra.

Tôi nghĩ ngài thật sự có bệnh và điên rồ khi nói những điều vô nghĩa đó, nhưng cả Ptahor cũng nói rằng nếu Pharaon băng hà thì

chúng tôi sẽ phải chết và người cầm máu cũng đã tin điều đó. Vì thế những sợi tóc đang mọc trên đầu tôi bắt đầu ngứa ngáy và tôi giơ hai tay lên để chặn lại vì tôi không muốn chết.

Thái tử thở dốc và đứt quãng bên cạnh tôi, rồi vừa khua tay vừa lẩm bẩm một mình:

- Ta bồn chồn, và muốn được ở nơi nào khác nơi đây. Thần sẽ hiện ra với ta, ta biết điều đó, nhưng ta sợ. Hãy ở bên ta, Người Cô Đơn, bởi vì thần sẽ đè nát thân thể ta bằng sức mạnh của thần và lưỡi ta sẽ đau lắm khi thần hiển linh với ta.

Tôi rùng mình vì nghĩ rằng ngài đang ốm và mê sảng. Nhưng ngài nói như ra lệnh:

- Đi thôi!

Vì thế tôi theo ngài. Thái tử dẫn tôi rời sân thượng và đi qua hồ trong hoàng cung, tiếng rên rỉ, than vãn của dân chúng từ phía sau những bức tường vọng đến tai chúng tôi. Chúng tôi vòng qua chuồng ngựa và trại chó rồi ra ngoài qua cánh cổng dành cho người hầu mà không bị lính gác cản lại. Tôi vô cùng sợ hãi vì Ptahor đã nói rằng chúng tôi không được phép rời khỏi hoàng cung cho đến khi nhà vua lâm chung, nhưng tôi không thể cưỡng lại Thái tử.

Ngài bước thoăn thoắt, thân hình như săn lại khiến tôi phải lấy hết sức mới theo kịp. Ngài chỉ mặc một chiếc khố, ánh trăng chiếu lên làn da trắng mịn, đôi tay khẳng khiu và cặp đùi thon như đùi phụ nữ. Ánh trăng chiếu rõ đôi tai đang dỏng ra, khuôn mặt khổ đau và thể hiện sự cuồng tín như thể ngài đang dõi theo một ảo ảnh mà người khác không thể nhìn thấy.

Khi chúng tôi ra đến bờ sông, ngài nói:

- Chúng ta đi thuyền. Ta phải đi về phía đông để gặp cha ta.

Không lựa chọn thuyền, ngài lên chiếc thuyền sậy gần nhất, tôi đi theo và chúng tôi bắt đầu chèo qua sông mà không bị ai đuổi theo mặc dù chúng tôi đã trộm thuyền. Đêm lao xao, những chiếc thuyền ngang dọc trên sông và vùng sáng Thebes phản chiếu lên bầu trời càng đỏ thẫm hơn trước mặt chúng tôi. Khi chúng tôi đến bờ, ngài để mặc cho thuyền trôi rồi bước đi về phía trước, như thể đã từng đi như thế nhiều lần. Vì không thể làm khác, tôi đi theo ngài lòng đầy sợ hãi. Rất nhiều người đi lại trong đêm nhưng không ai trong chúng tôi bị lính canh hét gọi bởi Thebes đã biết

nhà vua sẽ băng hà vào đêm hôm đó.

Ngài vẫn bước đi mặc đói khát và tôi kinh ngạc về sự dẻo dai trong cơ thể yếu ớt của ngài, bởi vì mồ hôi chảy dọc sống lưng tôi khi tôi cố theo kịp ngài mặc dù đêm rất lạnh. Các chùm sao đã đổi ngôi và trăng đã lặn nhưng ngài vẫn đi và chúng tôi rời thung lũng, đặt chân lên một vùng đất hoang vu, bỏ lại Thebes ở phía sau. Trên nền trời phía đông, ba ngọn núi - những vệ sĩ trấn giữ Thebes - hiện lên đen thẫm trước mắt chúng tôi. Tôi băn khoăn tự hỏi không biết từ đâu và bằng cách nào để có được một chiếc kiệu, vì tôi nghĩ ngài sẽ không thể đi bộ cả quãng đường dài tương tự khi chúng tôi quay về.

Cuối cùng ngài vừa thở hổn hển vừa ngồi xuống cát và sợ hãi nói:

- Hãy nắm lấy tay ta, Sinuhe, vì chúng đang run rẩy và tim ta đập mạnh. Thời khắc đã gần kề, bởi vì ở đây hoang vắng, không có ai khác ngoài ngươi và ta, nhưng ở nơi ấy, nơi ta sắp đến, ngươi không thể theo ta. Dù vậy, ta không muốn một mình.

Tôi nắm chặt cổ tay Thái tử, nhận thấy toàn thân ngài co giật và lạnh ướt mồ hôi. Thế giới vắng lặng quanh chúng tôi và ở nơi xa xa nào đó, chó hung sa mạc bắt đầu tru lên cái chết. Những ngôi sao chầm chậm mờ dần và không gian bao quanh chúng tôi ảm đạm màu chết chóc. Đột nhiên, ngài gỡ tay tôi ra rồi đứng dậy và ngước mặt về ngọn núi phía đông.

- Thần đang đến! - Ngài khẽ nói, khuôn mặt ốm yếu hừng lên vẻ sùng kính.

- Thần đang đến! - Ngài nhắc lại, cao giọng hơn.

- Thần đang đến! - Ngài hét to vào sa mạc và ánh sáng bừng lên xung quanh chúng tôi, những ngọn núi phía trước chúng tôi nhuốm màu vàng rực và mặt trời lên. Sau đó, ngài hét lên giọng the thé rồi ngã xuống đất bất tỉnh, chỉ có chân tay co giật và miệng cử động, rồi ngài đưa chân đá cát. Nhưng tôi không còn sợ nữa vì đã từng nghe tiếng hét tương tự như thế trong Nhà Sống và tôi biết phải làm gì. Không có miếng gỗ để đặt vào giữa hai hàm răng ngài nên tôi xé một mảnh khố của mình, cuộn tròn lại và nhét nó vào miệng ngài rồi bắt đầu vuốt chân tay ngài. Biết rằng khi tỉnh dậy ngài có thể bị ốm và lú lẫn, tôi nhìn xung quanh để tìm sự giúp đỡ, nhưng Thebes đã ở xa phía sau chúng tôi và quanh đây không thấy đến một căn lều nhỏ bé nào.

Đúng lúc đó, một con chim ưng bay ngang qua tôi và rít lên. Nó

lao thẳng đến từ vùng tia nắng sáng rực của mặt trời đang lên và lượn một vòng cung trên cao quanh chúng tôi. Rồi nó lại sà xuống, như thể muốn đậu lên trán Thái tử. Tôi kinh ngạc và làm dấu thánh Amon theo bản năng. Có lẽ Thái tử muốn nói Horus là thần của mình và thần hiện hình trước chúng tôi trong hình dạng chim ưng. Thái tử rên rỉ và tôi cúi xuống săn sóc ngài. Khi ngẩng đầu lên, tôi thấy chim ưng đã biến thành người. Trước mặt tôi là một chàng trai trẻ đứng trong ánh mặt trời đang lên, đẹp tựa một vị thần. Anh ta cầm một cây giáo và khoác trên vai tấm vải thô của dân nghèo. Dù không tin vào thần linh nhưng để cho chắc, tôi quỳ rạp xuống sát đất trước anh ta.

- Có chuyện gì vậy, - anh ta hỏi bằng giọng người miền Hạ và chỉ vào Thái tử. - Cậu bé này bị ốm sao?

Tôi xấu hổ và đứng dậy quỳ gối chào theo cách thông thường.

- Nếu anh là một tên cướp, - tôi nói, - anh sẽ chẳng cướp được gì nhiều từ chúng tôi, nhưng anh chàng đi cùng tôi bị ốm, và các vị thần có thể sẽ ban phước cho anh nếu anh giúp chúng tôi.

Anh ta rít lên như chim ưng và từ trên không trung, chim ưng bất ngờ lao thẳng xuống như một hòn đá rơi và đậu lên vai anh ta. Tôi nghĩ có lẽ tốt nhất vẫn nên thận trọng vì biết đâu anh ta là thần, dù chỉ là một vị thần hèn mọn nào đó. Vì thế, với vẻ tôn kính và lịch sự, tôi hỏi anh ta là ai và đang đi đâu.

- Tôi là Horemheb, con trai chim ưng, - anh ta nói đầy kiêu hãnh. - Cha mẹ tôi chỉ là thợ làm pho mát, nhưng tôi đã được tiên đoán vào ngày chào đời rằng tôi sẽ trở thành vị chỉ huy của nhiều người. Chim ưng bay trước mặt tôi, vì thế tôi đến đây bởi tôi không tìm thấy một nơi để trú trong những ngôi nhà nơi thành phố. Người dân Thebes sợ ngọn giáo khi trời tối. Nhưng tôi muốn làm chiến binh của Pharaon, vì người ta nói Pharaon đang ốm và ngài cần những chiến binh dũng mãnh để bảo vệ ngai vàng của mình.

Anh ta tráng kiện như một con sư tử mới lớn và ánh mắt lóe sáng như một mũi tên bay. Tôi ghen tị nghĩ thầm chắc có nhiều phụ nữ nói với anh ta: “Anh chàng điển trai, chàng không muốn đến vui với em trong nỗi cô đơn của em ư?”.

Có tiếng nức nở phát ra từ miệng Thái tử, rồi ngài giơ tay sờ mặt mình và vặn vẹo đôi chân. Tôi lấy miếng giẻ ra khỏi miệng ngài và ước giá như tôi có chút nước để làm ngài tỉnh táo lại. Horemheb tò

mò nhìn ngài và lãnh đạm hỏi:

- Cậu ta sắp chết à?

- Anh ấy không chết, - tôi gắt gỏng đáp. - Anh ấy mắc chứng bệnh thần linh.

Horemheb nhìn tôi, tay nắm chặt ngọn giáo.

- Anh không cần phải khinh thường tôi, - anh ta nói. - Mặc dù tôi chỉ đi chân đất và vẫn còn nghèo. Tôi biết viết tàm tạm và đọc được các hình chữ, và tôi sẽ trở thành vị chỉ huy của nhiều người. Vị thần nào đã nhập vào anh ta?

Người ta nghĩ rằng thần linh cất tiếng nói qua miệng người mắc bệnh thần linh, do đó anh ta hỏi như thế.

- Anh ấy có thần của riêng mình, - tôi nói. - Tôi nghĩ rằng anh ấy hơi loạn trí. Khi anh ấy tỉnh lại, anh có thể giúp tôi khiêng anh ấy về thành phố không? Ở đó, chúng ta có thể tìm được một chiếc kiệu để đưa anh ấy về nhà.

- Anh ta bị lạnh, - Horemheb nói rồi cởi tấm vải choàng vai đắp cho Thái tử. - Thebes thường lạnh vào buổi sáng, nhưng tôi được dòng máu của mình sưởi ấm. Ngoài ra, tôi biết rất nhiều thần và tôi có thể kể cho anh tên của những thần luôn luôn có thiện ý với tôi. Nhưng vị thần của riêng tôi là Horus. Cậu bé chắc chắn là con nhà giàu vì nước da trắng mịn như thế và cũng không làm việc tay chân. Còn anh là ai?

Anh ta nói nhiều và hào hứng, bởi vì anh ta nghèo, đã vượt một chặng đường dài để đến Thebes và trên đường đi đã nếm trải sự thù địch và sỉ nhục.

- Tôi là một thầy thuốc, - tôi đáp. - Tôi cũng đã được thụ phong giáo sĩ bậc một trong đền thờ Amon ở Thebes.

- Chắc anh đang đưa anh ta vào hoang mạc để chữa trị? - Horemheb đoán. - Nhưng anh nên cho anh ta mặc ấm hơn.

Tôi nói thế không phải vì xem thường tài năng của các thầy thuốc, - anh ta lịch sự nói thêm.

Cát đỏ và lạnh, sáng rực dưới ánh bình minh, mũi giáo của anh ta cũng đỏ rực và chim ưng vừa kêu vừa lượn quanh đầu anh ta. Thái tử ngồi dậy, hai hàm răng rung lập cập, ngài rên nhè nhẹ và

bối rối nhìn xung quanh.

- Ta đã thấy, - Thái tử nói, - khoảnh khắc ấy như một thế kỷ, ta không có tuổi, và ngài giơ cả ngàn bàn tay lên đầu ta để ban phước, mỗi bàn tay trao cho ta sự sống muôn đời. Lẽ nào ta không tin?

- Hy vọng ngài không cắn phải lưỡi, - tôi lo lắng nói. - Tôi cố bảo vệ ngài, nhưng tôi không có mảnh gỗ nào để nhét vào giữa hai hàm răng của ngài. Tiếng nói của tôi chỉ như tiếng ruồi vo ve bên tai ngài.

Thái tử nhìn Horemheb, đôi mắt mở to, sáng quắc, ngài đẹp lên khi mỉm cười và kinh ngạc.

- Anh có phải là người mà Aton, vị thần duy nhất, phái đến không? - Ngài ngạc nhiên hỏi.

- Chim ưng bay trước tôi và tôi đi theo chim ưng của mình, - Horemheb đáp, - vì thế nên tôi có mặt ở đây, còn những điều khác tôi không biết.

Thái tử nhìn cây giáo trong tay anh ta và nhăn trán.

- Anh có một cây giáo, - ngài nói với giọng trách móc.

Horemheb đưa cây giáo ra và nói:

- Cán của nó được làm bằng một loại gỗ tuyệt vời và lưỡi bằng đồng của nó khát khao lấy máu kẻ thù của Pharaon. Ngọn giáo của tôi đang khát và tên nó là Sát thủ Cứa Cổ.

- Đừng bao giờ là máu, - Thái tử nói. - Máu là thứ gớm ghiếc trước mặt Aton. Không có gì khủng khiếp hơn máu chảy.

Mặc dù tôi đã nhìn thấy Thái tử nhắm chặt mắt khi Ptahor thực hiện ca khoan sọ, nhưng tôi vẫn không biết rằng có những người phát ốm và có khi bị ngất khi nhìn thấy máu chảy.

- Máu thanh lọc các sắc tộc và làm cho họ mạnh mẽ, - Horemheb nói. - Máu nuôi béo các thần linh và làm họ hài lòng. Chừng nào còn chiến tranh, máu còn phải chảy.

- Sẽ không bao giờ có chiến tranh nữa, - Thái tử nói.

- Anh chàng thật ngớ ngẩn, - Horemheb bật cười. - Chiến tranh đã và sẽ luôn luôn xảy ra, bởi vì các dân tộc phải thử thách khả năng

của nhau mới tồn tại được.

- Tất cả các dân tộc đều là con cháu của thần, tất cả các ngôn ngữ và màu da, xứ đất đen cũng như miền đất đỏ, - Thái tử nói và nhìn chằm chằm lên mặt trời. - Ta sẽ sai xây dựng đền thờ cho thần ở mọi vùng đất và sẽ gửi thánh giá sự sống tới các quốc vương của những vùng đất đó, vì ta đã thấy thần, ta được sinh ra từ thần và ta sẽ trở về với thần.

- Anh ta điên thật rồi, - Horemheb nói với tôi và lắc đầu tỏ vẻ thương hại. - Giờ tôi hiểu vì sao anh ta cần được chữa trị.

- Thần của ngài vừa hiện về với ngài, - tôi nghiêm trang nói để cảnh báo Horemheb, vì tôi đã cảm mến Thái tử. - Căn bệnh thần thánh cho ngài nhìn thấy thần linh và chúng ta không đủ khả năng để phán xét những gì thần nói với ngài. Mỗi người được ban phước với đức tin của riêng mình.

- Tôi tin vào cây giáo và chim ưng của mình, - Horemheb nói.

Nhưng Thái tử lại giơ tay chào mặt trời, khuôn mặt lại rạng ngời và đẹp lên như thể ngài đang nhìn thấy một thế giới khác với thế giới của chúng tôi. Chúng tôi để yên cho ngài cầu nguyện, sau đó dẫn ngài vào thành phố, còn ngài để mặc không phản đối. Cơn động kinh đã làm chân tay ngài rã rời, khiến ngài rên rỉ và bước loạng choạng. Vì thế cuối cùng chúng tôi mỗi người một bên, xốc nách Thái tử đi và chim ưng bay về phía trước.

Khi chúng tôi đến được rìa vùng đất canh tác, điểm cuối nơi các kênh tưới tiêu dẫn nước đến, chúng tôi thấy một chiếc kiệu hoàng gia đang chờ sẵn. Những người hầu cúi rạp xuống đất và từ trong kiệu một giáo sĩ cao lớn bước ra đón chúng tôi, đầu ông ta cạo trọc và khuôn mặt ngăm đen với vẻ đẹp u sầu. Tôi cúi đầu, để thẳng tay đến đầu gối trước mặt ông ta, vì tôi nghĩ ông ta là giáo sĩ Eje, người mà Ptahor đã nói đến. Nhưng ông ta không buồn để ý đến tôi. Ông phủ phục trước Thái tử và chào đón ngài như với một vị vua. Từ đó tôi biết Pharaon Amenhotep Đệ Tam đã băng hà. Sau đó, đám nô lệ chạy đến chăm sóc Pharaon mới. Họ rửa ráy, xoa bóp và xức dầu lên cơ thể ngài, mặc đồ vải lanh hoàng gia cho ngài và đội chiếc khăn hoàng đế lên đầu ngài.

Trong lúc đó, Eje nói chuyện với tôi:

- Thái tử gặp được thần không, Sinuhe? - Ông ta hỏi.

- Quốc vương đã gặp thần của ngài, - tôi nói. - Nhưng tôi đã bảo vệ

ngài để không có chuyện xấu xảy ra với ngài. Sao ông biết tên tôi?

Ông ta mỉm cười, nói:

- Nhiệm vụ của ta là phải biết mọi việc xảy ra trong cung điện cho đến khi thời gian của ta điểm. Ta biết tên ngươi và biết ngươi là một thầy thuốc. Vì thế ta tin tưởng để Thái tử đi với ngươi. Ta cũng biết ngươi là giáo sĩ của Amon và đã tuyên thệ với thần ấy. - Ông ta cao giọng nói với vẻ đe dọa.

Nhưng tôi dang tay hỏi:

- Lời thề với Amon có ý nghĩa gì?

- Ngươi nói đúng, - ông ta nói, - và ngươi không cần phải hối tiếc. Vậy hãy hiểu rằng Thái tử luôn bứt rứt khi thần đến gần ngài. Lúc đó không gì có thể ngăn giữ ngài và ngài cũng không cho phép hầu cận đi theo. Nhưng ngài và ngươi đã được an toàn suốt đêm, không bị hiểm nguy nào đe dọa và như ngươi có thể thấy, chiếc kiệu đang đợi ngài. Còn người có cây giáo kia là ai?

Ông ta chỉ vào Horemheb đang đứng bên cạnh, tay thử lưỡi giáo, chim ưng đậu trên vai, rồi nói:

- Có lẽ tốt nhất là hắn chết đi, vì bí mật của Pharaon không được chia sẻ cho nhiều người.

- Anh ta đã lấy tấm vải choàng vai của mình đắp cho Pharaon khi trời lạnh, - tôi đáp. - Anh ta sẵn sàng giương giáo chống lại kẻ thù của Pharaon. Tôi nghĩ, anh ta sống sẽ có ích cho ông hơn là chết, thưa giáo sĩ Eje.

Eje tháo chiếc vòng vàng ở cổ tay mình rồi hờ hững ném cho Horemheb và nói:

- Một ngày nào đó ngươi hãy đến chào ta tại hoàng cung, giáo thủ ạ.

Nhưng Horemheb để chiếc vòng vàng rơi xuống đám cát ngay dưới chân mình và nhìn Eje với vẻ thách thức:

- Tôi chỉ tuân lệnh của Pharaon, - anh ta nói. - Và nếu tôi không nhầm, kia là Pharaon, người đội khăn hoàng đế. Chim ưng đã dẫn tôi đến chỗ ngài, thế là đủ.

Eje không tức giận.

- Vàng đáng giá và luôn cần thiết, - ông ta vừa nói vừa nhặt chiếc vòng vàng dưới cát lên và đeo lại vào cổ tay. - Hãy quỳ lạy Pharaon của ngươi, nhưng không được mang giáo đến gần ngài.

Thái tử lại gần chúng tôi. Khuôn mặt ngài tái nhợt và tiều tụy nhưng vẫn toát lên sự say mê kỳ lạ làm ấm lòng tôi.

- Hãy theo ta, - Thái tử nói, - tất cả hãy theo ta trên con đường mới, bởi sự thật đã sáng rõ với ta.

Chúng tôi đi theo Thái tử đến chỗ chiếc kiệu, mặc dù Horemheb lẩm bẩm một mình: "Sự thật nằm nơi ngọn giáo". Nhưng anh vẫn chịu đưa cây giáo của mình cho tên hầu chạy phía trước và chúng tôi ngồi xuống càng để kiệu rời đi. Những người khênh kiệu ra sức chạy, một chiếc thuyền chờ sẵn trên bến và chúng tôi trở lại cung điện theo đường mình đã đi mà không mấy ai để ý, mặc dù dân chúng đứng trắng xung quanh các bức tường thành của hoàng cung.

Chúng tôi được vào cung thất của Thái tử và ngài cho chúng tôi xem những chiếc bình to xứ Crete, trên vỏ bình vẽ những con cá và động vật sống động. Giá mà Thotmes được nhìn thấy chúng vì chúng chứng tỏ rằng nghệ thuật cũng có thể khác, như ở Ai Cập. Khi đã đỡ mệt và bình tâm trở lại, Thái tử cư xử và nói chuyện điềm đạm như một thanh niên bình thường ở tầm tuổi chúng tôi, không yêu cầu chúng tôi phải quá lễ nghi hay tôn vinh ngài thái quá. Sau đó, người ta báo rằng Hoàng hậu sẽ đến thăm Thái tử và ngài tạm biệt, nói sẽ nhớ cả hai chúng tôi. Khi chúng tôi sắp rời đi, Horemheb nhìn tôi bối rối.

- Tôi đang lo, - anh ta nói, - vì không có nơi nào để đi.

- Cứ bình tâm ở lại đây, - tôi khuyên. - Thái tử đã nói sẽ nhớ đến anh, vì vậy tốt nhất là anh có mặt khi ngài nhớ đến. Các vị thần tính khí thất thường và nhanh quên.

- Ở lại đây để nhập bầy cùng những con ruồi này ư?

Horemheb nói và chỉ vào những triều thần đang rối rít vây quanh cánh cửa cung thái tử.

- Không, tôi có lý do để lo lắng, - anh ta nói tiếp với vẻ buồn rầu. - Ai Cập sẽ thế nào nếu Pharaon sợ máu và cho rằng tất cả các dân tộc, ngôn ngữ và màu da đều bình đẳng. Tôi sinh ra để làm một người lính và khả năng suy xét của người lính trong tôi nói rằng điều này không tốt cho chiến binh. Dù thế nào, tôi cũng đi lấy cây

giáo đây. Nó vẫn đang ở chỗ đám dẫn đường.

Chúng tôi chia tay và tôi bảo anh ta hãy tìm tôi ở Nhà Sống nếu cần một người bạn.

Ptahor đợi tôi trong phòng dành cho chúng tôi, đôi mắt đỏ hoe và thái độ gắt gỏng.

- Cháu đã không có mặt khi Pharaon trút hơi thở cuối cùng vào lúc rạng sáng, - ông hét lên. - Cháu bỏ đi còn ta ngủ, vì thế cả hai chúng ta đều không thấy được linh hồn của Pharaon như chim bay thẳng từ mũi ngài về phía mặt trời như thế nào. Nhiều người chứng kiến điều đó. Ta cũng muốn được nhìn thấy bởi vì ta yêu những điều kỳ diệu như vậy, nhưng cháu đã bỏ đi và không đánh thức ta dậy. Cháu đã ngủ bên cô gái nào đêm qua?

Tôi kể cho ông ấy những gì đã xảy ra đêm qua. Ông ấy giơ tay bày tỏ sự kinh ngạc.

- Amon chứng giám, - ông nói, - Pharaon quả thật điên rồi.

- Cháu không nghĩ ngài điên, - tôi ấp úng nói, bởi vì lòng tôi đã ngả về chàng trai trẻ ốm yếu mà tôi đã bảo vệ, người cư xử nhã nhặn với tôi. - Cháu nghĩ rằng ngài có suy nghĩ riêng về một vị thần mới. Khi những suy nghĩ của Thái tử ngày càng chín với ngài, có lẽ chúng ta sẽ thấy phép màu xảy ra ở đất Kemet.

- Mong Amon che chở chúng ta khỏi điều đó, - Ptahor nói với vẻ kinh ngạc. - Tốt hơn hãy rót rượu cho ta, vì cổ họng ta khô như bụi trên đường cái.

Tên hầu dẫn người cầm máu từ khu trại ngựa về. Gã chưa hết ngạc nhiên và kể đàn ngựa của Pharaon uống nước từ những cái bồn dát đồng và vách ngăn chuồng của chúng được tô điểm bằng những bức tranh và vô số viên đá màu.

- Nhưng tôi không nhìn thấy bò đực, - gã nói, vẻ thất vọng. - Tôi e rằng Pharaon không có con bò đực nào cả. Thay vào đó, tôi thấy nhiều giấc mơ rất kỳ lạ khi nằm ngủ. Tôi thấy Sinuhe dắt ngựa trắng đến đền làm lễ hiến tế và mẹ tôi bằng xương bằng thịt bận rộn với việc bếp núc ở miền tây.

- Giấc mơ đó thật dễ hiểu, - Ptahor nói. - Ngươi là con ngựa trắng và mẹ ngươi nấu cho ngươi một bữa tiệc mừng ngươi trở về trong căn lều nơi địa ngục, bởi vì nếu ta không nhầm thì cả ba chúng ta đều sắp chết rồi.

Nhưng người cầm máu miên man với ý nghĩ của mình.

- Tôi nghĩ rằng ở miền tây có những con bò đực to và đẹp, - gã nói.
- Vì khi mẹ tôi trò chuyện với tôi và nhắc tôi không làm bẩn áo choàng của mình, tôi như nghe thấy tiếng bò ọ trầm và sâu ở ngay gần mình. Tôi tỉnh dậy với âm thanh đó, thấy bụng mình sôi và nhận ra mình vừa đái dầm. Đó là vì rượu. Tôi không quen uống rượu mà thích bia hơn.

Gã còn huyên thuyên nhiều điều ngu ngốc khác cho tới khi chúng tôi được đưa đến công đường, nơi người giữ ấn triện già ngồi trên ghế quan tòa, trước mặt là bốn mươi cuộn da ghi các bộ luật. Quân túc vệ có vũ khí vây quanh chúng tôi nên chúng tôi không thể chạy trốn. Người giữ ấn triện đọc cho chúng tôi điều luật ghi trên tấm da và nói rằng chúng tôi phải chết vì Pharaon đã không tỉnh lại sau khi bị khoan sọ. Tôi nhìn Ptahor, nhưng ông ấy chỉ mỉm cười khi tay đao phủ cầm thanh kiếm bước lên.

- Hãy bắt đầu với người cầm máu, - ông ấy nói. - Hắn ta vội hơn chúng tôi, vì mẹ hắn đang nấu món cháo đậu ở miền tây.

Người cầm máu thân mật từ biệt chúng tôi, làm các dấu thánh thần Amon và ngoan ngoãn quỳ gối xuống sàn trước những tấm da. Đao phủ vung kiếm lên và vung nó thành vòng cung trên đầu nạn nhân thật nhanh, làm phát ra tiếng vút dài, rồi y dừng phắt cú chém lại, để lưỡi kiếm chỉ chạm nhẹ vào cổ của người cầm máu. Nhưng gã vẫn đổ gục xuống sàn và chúng tôi nghĩ gã ngất đi vì sợ bởi trên cổ gã chẳng hề có tí vết xước nào. Khi đến lượt mình, tôi quỳ xuống không chút sợ hãi, tay đao phủ bật cười và khẽ chạm nhẹ thanh kiếm vào cổ tôi, chẳng buồn dọa tôi sợ nữa. Ptahor nghĩ rằng ông ta quá thấp nên không cần phải quỳ và đao phủ cũng vung kiếm gần cổ ông. Chúng tôi đã chết như thế, bản án đã được thực thi và chúng tôi được đặt tên mới khắc trên những chiếc vòng vàng nặng nhất. Chiếc vòng của Ptahor quả thật được khắc "Ngài, người giống Khỉ Đầu Chó" và vòng của tôi được khắc "Ngài, Người Cô Đơn". Sau đó, người ta cân vàng làm quà phẫu thuật cho Ptahor. Người ta cân vàng cho cả tôi. Chúng tôi được mặc quần áo mới và lần đầu tiên tôi mặc một chiếc váy gấp múi bằng vải lanh hoàng gia, cổ áo nặng bạc và đá quý. Nhưng khi đám người hầu cố gắng đỡ gã cầm máu đang nằm trên đất lên thì gã không tỉnh lại mà đã chết cứng như đá. Việc này chính mắt tôi nhìn thấy nên tôi có thể khẳng định đó là sự thật. Song tại sao người cầm máu chết thì tôi không thể hiểu được, trừ khi gã chết vì tin mình sẽ chết? Cho dù thật sự ngốc nghếch nhưng gã có khả năng cầm máu và người như thế không thể giống những người

khác.

Giữa đại tang của Pharaon, tin về cái chết kỳ lạ của người cầm máu lan xa và những ai nghe thấy đều không thể nhịn được cười. Họ vỗ tay lên đầu gối và cười ha hả vì điều xảy ra quá điên rồ.

Tôi cũng chính thức bị coi là đã chết nên từ đó trở đi, tôi không thể chỉ ký tên Sinuhe vào các bản viết mà phải ghi thêm dòng chữ "Ngài, Người Cô Đơn". Trong hoàng cung, tôi không được biết đến với cái tên nào khác.

3

Tôi trở về Nhà Sống với quần áo mới trên người và chiếc vòng vàng trên cổ tay, các giảng sư cúi mình và để hai tay ngang đầu gối trước mặt tôi. Nhưng tôi vẫn còn là một y sinh và tôi phải viết lại kỹ lưỡng, chi tiết về cuộc phẫu thuật sọ cùng với việc Pharaon băng hà và ghi tên mình bên dưới để xác nhận. Tôi dành rất nhiều thời gian cho việc này và kết thúc câu chuyện của mình bằng việc mô tả linh hồn của Pharaon như chim bay thẳng từ mũi ngài đến mặt trời. Nhiều người gặng hỏi tôi có phải Pharaon đã tỉnh lại vào những giây phút cuối, thở dài và nói "Amon ban phước lành" hay không, như nhiều nhân chứng khác khẳng định. Ban đầu tôi gắng nhớ lại cho thật chính xác, nhưng cuối cùng tôi nghĩ tốt nhất nên xác nhận điều này và thấy rất vui khi câu chuyện của mình ngày nào cũng được đọc nơi sân trước cho dân chúng nghe trong cả bảy mươi ngày - thời gian ngọc thể của Pharaon được chuẩn bị để trường tồn trong Nhà Chết. Trong suốt thời gian quốc tang này, những nơi vui chơi và các quán rượu bia trong thành phố Thebes đều phải đóng cửa, nên muốn mua rượu bia và nghe nhạc phải đi vào những nơi đó qua cửa sau.

Sau bảy mươi ngày, tôi được báo là tôi đã trở thành một danh y và bắt đầu được phép hành nghề ở bất cứ nơi nào trong thành phố. Còn nếu tôi muốn tiếp tục học chuyên sâu vào một chuyên ngành nào đó, chẳng hạn như nha khoa hay sản khoa, hoặc trở thành một danh y xoa bóp, nhà phẫu thuật hay một danh y thuộc bất cứ ngành nào trong mười bốn lĩnh vực được giảng dạy trong Nhà Sống dưới sự hướng dẫn của những danh y giỏi nhất của từng chuyên khoa, tôi chỉ cần nói nguyện vọng của mình. Đây là một đặc ân cho thấy Amon hậu đãi bề tôi của thần tốt như thế nào.

Tôi còn trẻ và kiến thức trong Nhà Sống không còn hấp dẫn với tôi nữa. Tôi bị cuốn hút bởi sự náo nhiệt của Thebes; tôi muốn trở nên giàu có và nổi tiếng; và tôi cũng muốn tận dụng thời gian này khi ai ai cũng vẫn còn biết đến cái tên Sinuhe, Ngài, Người Cô Đơn. Tôi đã có vàng và đã mua một ngôi nhà nhỏ ở nơi giáp với khu thượng lưu, mua sắm đồ nội thất theo túi tiền của mình và một nô lệ làm người hầu. Đó là một lão già gầy gò và chột mắt nhưng dù sao cũng thích hợp với mục đích của tôi. Tên lão là Kaptah và lão cam đoan với tôi rằng việc lão bị chột mắt chỉ có tốt, bởi vì bây giờ lão có thể kể với các bệnh nhân tương lai ngồi chờ đến lượt khám rằng tôi mua lão khi lão bị mù cả hai mắt và đã chữa lành được một mắt cho lão. Vì thế tôi mua lão ta. Trong phòng chờ của bệnh nhân, tôi cho vẽ nhiều tranh. Một bức vẽ Imhotep thông thái, vị thần của các thầy thuốc, đang dạy tôi, Sihuhe. Tôi bé nhỏ trước thần theo thế thời lúc đó nhưng dưới bức tranh có ghi: "Học trò thông minh và tài giỏi nhất của ta là Sinuhe, con trai của Senmut, Ngài, Người Cô Đơn". Bức tranh thứ hai vẽ tôi dâng lễ hiến tế cho Amon để Amon có được những gì thuộc về thần và các bệnh nhân sẽ tin tưởng tôi hơn. Còn trong bức tranh thứ ba, Pharaon Vĩ đại trong hình dạng con chim từ trên trời cao nhìn xuống tôi, trong khi những người hầu của ngài cân vàng và mặc quần áo mới cho tôi. Những bức tranh này tôi đặt Thotmes vẽ, mặc dù cậu ấy không được chính thức công nhận và tên cậu không được viết vào sách của đền Ptah. Nhưng cậu ấy là bạn tôi, vì thế tôi để cậu vẽ. Và vì quý trọng tình bạn của chúng tôi, cậu ấy đã vẽ tranh theo phong cách cũ, với tài nghệ tuyệt vời, khiến những bức tranh trông sặc sỡ màu đỏ và vàng, dù đó là những màu rẻ nhất trong các màu, khiến cho những ai lần đầu tiên nhìn thấy chúng đều giơ tay bày tỏ sự ngạc nhiên và nói: "Quả thật, Sinuhe, con trai của Senmut, Ngài, Người Cô Đơn đã làm ta tin tưởng bằng tài năng chữa bệnh của mình".

Khi tất cả đã sẵn sàng, tôi ngồi đợi bệnh nhân đến để chữa cho họ. Tôi đợi khá lâu nhưng không có bệnh nhân nào đến. Buổi tối, tôi tìm đến một quán rượu để giải khuây, vì tôi vẫn còn một ít vàng và bạc từ những món quà của Pharaon. Tôi còn trẻ và nghĩ mình là thầy thuốc giỏi nên không lo lắng gì về tương lai. Tôi vui vẻ uống rượu cùng Thotmes và chúng tôi thao thao bàn về đại sự của cả hai vương quốc bởi vì trong thời gian này tất cả mọi người dân, ở chợ, trước nhà các thương gia, trong các quán rượu và nhà vui, đâu đâu người ta cũng cao giọng nói về các vấn đề của cả hai vương quốc.

Mọi việc xảy ra đúng như vị chưởng ấn già đã dự đoán. Khi ngọc thể Pharaon đã được tẩm ướp để vào cõi trường sinh, được đưa

đến ngôi mộ trong Thung lũng các hoàng đế và các cánh cửa mộ được niêm phong bằng ấn triện hoàng gia, Hoàng thái hậu lên nhiếp chính, roi da và trượng trong tay, bộ râu hoàng đế trên cằm và đuôi sư tử hoàng gia thắt quanh eo. Hoàng thái tử vẫn chưa đăng quang, nghe nói ngài muốn để tâm thanh tịch và cầu nguyện thần linh trước khi lên ngôi. Nhưng khi Hoàng thái hậu phế chức vị quan giữ ấn triện già và phong giáo sĩ vô danh Eje lên ngồi bên phải mình để vị này đứng trên tất cả triều thần của Ai Cập, ngồi trong công đường của triều đình trước bốn mươi cuốn sách luật bằng da và cử quan thu thuế và quan xây dựng cho Pharaon thì lập tức cả khu đền Amon ầm ĩ như ong vỡ, bao nhiêu tiên đoán xấu và những lần hiến tế của hoàng gia đều không mang lại kết quả. Người ta đã mơ thấy nhiều hung mộng huyền bí và tìm đến các giáo sĩ để nhờ họ lý giải. Những đợt gió di chuyển theo các hướng trái với mọi quy luật tự nhiên dẫn đến mưa liên tục hai ngày liền trên đất Ai Cập, khiến các kho hàng gần bến cảng tan hoang và những đống ngũ cốc bị thối rữa. Nước trong mấy cái ao ở ngoài Thebes chuyển thành màu đỏ như máu và dân chúng đổ đến đó xem. Nhưng người ta vẫn chưa thấy sợ vì điều như thế đã từng xảy ra mỗi khi các giáo sĩ giận dữ.

Mặc dù có những sự việc lộn xộn và lời nói xúc xiểm, quân thường trực của Pharaon trong các doanh trại - người Ai Cập, người Syria, người da đen và người Shardana - đều đã được Hoàng thái hậu cho rất nhiều quà; từ ban công cung điện, người ta ban phát biết bao vòng vàng, trọng thưởng cho các cai đội và kỷ cương vẫn được giữ. Sự hùng mạnh của Ai Cập không bị đe dọa vì các đội quân đồn trú ở Syria vẫn giữ nghiêm khuôn phép, các vị hoàng thân của Byblos, Simyra, Sidon và Gaza, những người đã sống cả thời thơ ấu quanh Pharaon và được dạy dỗ trong hoàng cung, than khóc về cái chết của ngài như thể vừa mất đi cha đẻ. Họ viết thư cho Hoàng thái hậu cam đoan rằng họ chỉ là cát bụi dưới chân bà. Nhưng ở đất Kush nơi giáp giới giữa Nubia và Sudan, từ muôn đời nay, cứ sau mỗi lần một pharaon băng hà là xảy ra chiến tranh, như thể dân da đen muốn thử tính kiên nhẫn của tân vương. Vì thế, ngay sau khi hay tin Pharaon băng hà, tổng trấn của các xứ ở phía nam, những người thống lĩnh các nơi ấy, đã lệnh cho các đội quân của mình di chuyển, vượt qua biên giới, đốt trụi nhiều làng xóm, mang về nhiều gia súc, nô lệ, đuôi sư tử và lông đà điểu làm chiến lợi phẩm, nhờ vậy mọi con đường dẫn đến Kush đều an toàn và các toán cướp đều lớn tiếng than khóc việc Pharaon tạ thế khi nhìn thấy đầu thủ lĩnh của họ bị treo ngược trên các tường thành nơi biên ải.

Cả trên các đảo xa giữa biển, dân chúng cũng than khóc và đau

buồn trước tin Pharaon Đại đế băng hà, quốc vương Babylon và quốc vương xứ Hatti của người Hittite gửi cho Hoàng thái hậu những tấm bảng viết đất sét, tỏ lòng thương tiếc Pharaon và xin vàng để đúc tượng ngài trong các đền thờ của họ vì Pharaon đối với họ như phụ vương hay huynh trưởng. Còn quốc vương xứ Mitanni ở Naharani gửi con gái mình sang làm tân vương phi như hoàng thượng trong vương triều trước từng làm và cũng theo giao ước giữa ngài với Pharaon Đại đế trước khi ngài băng hà. Công chúa tên là Tadukhipa, nàng đến Thebes cùng với rất nhiều nô tỳ, người hầu và đàn lừa thồ trên lưng những hàng hóa đắt tiền và nàng vẫn còn là một đứa trẻ, chỉ vừa tròn sáu tuổi. Thái tử cưới nàng làm phi vì đất nước Mitanni là bức tường thành ngăn giữa Syria giàu có với các vương quốc phương bắc, bảo vệ tất cả các con đường lữ hành từ đất nước Lưỡng Hà tới tận bờ đại dương. Điều này khiến cho các giáo sĩ của nữ thần Sekhmet đầu sư tử, con gái của Amon thần thánh, mất hết niềm vui, để mặc then cửa đền của thần han gỉ, dính chặt vào nhau.

Thotmes và tôi ầm ĩ bàn luận về những việc trên, mượn rượu để trải lòng, nghe nhạc Syria và ngắm nhìn các vũ nữ uốn mình. Niềm đam mê Thebes ngày càng ăn sâu vào máu tôi. Sáng ra, lão hầu một mắt của tôi bước đến bên giường tôi, hai tay buông xuống tận đầu gối trước mặt tôi, đưa cho tôi miếng bánh mì với con cá muối và rót bia vào bát của tôi. Tôi rửa ráy rồi ngồi đợi tiếp bệnh nhân, lắng nghe họ thở than và chữa bệnh cho họ.

Thế nhưng tôi không giàu lên được, bởi thi thoảng tôi mới có bệnh nhân và những người tìm đến tôi lại nghèo khó, nên tốt hơn cả là tôi chữa ngay cho họ chứ không khiến họ tốn kém bằng loại thuốc thang đắt tiền và vô hại. Tôi nhổ răng, băng bó, khử trùng các vết thương, chữa các bệnh dạ dày và làm hạ sốt. Cả những người đàn bà cũng tìm đến tôi nhờ chữa bệnh vô sinh, họ nhìn thẳng vào mắt tôi không e thẹn. Họ mở toang váy áo trước mặt tôi, nhưng tôi bảo họ hãy đến đền thần Amon và xin các giáo sĩ lời khuyên, bởi việc thụ thai thuộc thẩm quyền của giáo sĩ. Lại có các bà mẹ khăn trùm kín mặt đến gặp tôi, cầu xin tôi giúp con gái họ vì đã lỡ mang cái thai của thủy thủ hay lính ngoại bang. Nhưng tôi không thể giúp được, bởi họ không giàu đến mức có thể đền bù những thiệt hại mà tôi có thể gặp phải nếu như tôi bị xóa tên khỏi sách của Nhà Sống và bị đuổi khỏi Thebes. Còn những người đàn bà đến gặp tôi với mong muốn lấy lại nhan sắc ngày xưa của mình, tôi pha chế những thuốc uống không gây hại cho họ. Khi những người đàn bà đến gặp tôi và than thở rằng chồng họ lười nhác hay lãnh đạm, thờ ơ với họ, tôi cho họ các loại quả thuốc để họ bí mật pha vào đồ uống của chồng. Những người này thường trở lại,

mang cho tôi quà tùy theo gia sản của họ, nhưng cũng có những người trở lại than vãn rằng chồng họ vẫn đi tìm thú vui nơi khác. Nhưng trong việc này tôi làm sao giúp được, vì cho dù một danh y có thể đánh thức tình yêu khiến người đàn ông nói lời yêu đương với người đàn bà và vuốt ve họ, nhưng khi người đàn ông cần thỏa mãn ham muốn, việc họ tìm đến ai thì làm sao thầy thuốc có thể nói trước. Nhưng theo suy đoán của tôi, đàn ông sẽ chọn người đàn bà ở gần họ nhất vào lúc ấy. Và tôi đoán đúng, vì thường xuyên có người mang quà đến cho tôi và ít khi có ai đến để trách móc.

Đôi khi các bà mẹ đưa con đến gặp tôi, mẹ thì gầy gò, con thì hom hem, nhăn nheo, đầy vết chân chim quanh vầng mắt. Những lúc ấy tôi bảo Kaptah mua thịt và trái cây để tôi cho họ, nhưng như thế tôi không thể giàu lên được và nếu tôi làm thế, vào ngày hôm sau sẽ có dăm bảy người mẹ đưa con đến đứng chờ trước nhà tôi. Khi đó, vì không thể cho họ vào nên tôi phải bảo Kaptah đóng cửa lại và khuyên họ hãy đến đền, miếu, nơi người ta phân phát thịt cho dân trong các ngày lễ hiến tế lớn vì các giáo sĩ không thể ăn hết.

Tên tôi sẽ được xướng lên ở sân trước đền trong bảy mươi ngày và tôi cứ nghĩ việc này sẽ đưa đến cho tôi những bệnh nhân giàu có, nhưng tôi đã nhầm. Quả là có những vị khách nằm trên kiệu cho người khênh đến trước cửa nhà để gặp tôi, nhưng họ đến vì nghe danh tiếng tôi là phụ tá của danh y khoan sọ và họ hứa sẽ cho tôi rất nhiều quà nếu với tư cách một danh y, tôi khoan sọ những ai cản trở họ nhận thừa kế một gia sản lớn. Nhưng tôi bảo họ đến gặp Ptahor, danh y khoan sọ hoàng gia. Còn với những người bệnh được khênh đến nhà tôi trong tình trạng vô phương cứu chữa và cuộc sống với họ chỉ là đau đớn, tôi tìm cách giảm đau cho họ rồi bảo đưa họ đến Nhà Sống.

Đêm đêm, đèn và đuốc sáng rực trên đường phố Thebes, nhạc ngân vang trong các quán rượu và nhà vui, bầu trời phía trên Thebes phản chiếu ánh sáng đỏ. Tôi muốn uống rượu để lòng khuây khỏa, nhưng rượu không giúp tôi vui lên được và của cải cũng dần cạn đến độ tôi buộc phải thế chấp nhà của mình, vay vàng từ đền để có thể ăn mặc đúng kiểu và uống rượu giải khuây.

4

Mùa lũ lại đến, nước dâng lên đến tận chân tường thành, đền đài và khi nước rút, mặt đất khoác lên mình màu xanh nõn nà, chim làm tổ, sen nở trong ao hồ và các bụi keo tỏa ngát hương. Vào một ngày, Horemheb đến nhà và chào tôi. Anh ta mặc đồ lanh hoàng gia, cổ đeo vòng vàng và tay cầm roi - đúng dáng vẻ của một võ quan hoàng gia. Nhưng anh ta không còn cây giáo mang theo bên mình. Tôi giơ tay lên cao biểu lộ niềm vui, anh ta cũng giơ tay và cười với tôi.

- Tôi đến xin anh lời khuyên đây Sinuhe, Người Cô Đơn. - Anh ta nói.

- Tôi không hiểu, - tôi đáp, - anh khỏe như bò tót và dũng mãnh như sư tử. Tôi chỉ là thầy thuốc, làm sao có thể giúp được anh?

- Tôi xin anh lời khuyên với tư cách là bạn chứ không phải là danh y, - anh ta nói và ngồi xuống. Gã hầu chột mắt Kaptah đổ nước lên tay anh ta và tôi mời anh nếm bánh nướng do mẹ Kipa của tôi làm cùng với rượu đắt tiền mua từ bến cảng, bởi tôi thật sự rất vui khi gặp anh ta.

- Anh được lên chức rồi, - tôi nói. - Anh đã là một vị quan của hoàng gia và chắc hẳn nhiều phụ nữ cười với anh lắm.

Nghe vậy anh ta sầm mặt và nói:

- Toàn rác rưởi cả!

Rồi anh ta hăng lên, mặt chuyển sang đỏ và nói tiếp:

- Cung điện toàn một lũ ruồi, chúng ỉa lên đầu tôi. Những con phố của Thebes cứng quá làm chân tôi đau, còn dép chỉ làm ngón chân tôi thêm nhức nhối. - Anh ta đá đôi dép ra khỏi chân, lấy tay xoa các ngón rồi nói tiếp. - Tôi là quan cấm vệ, nhưng đám quan quyền ở đó lại là những thằng bé còn ít tuổi, đầu vẫn đầy tóc máu và cứ cậy gia thế quyền quý để nhạo báng và cười cợt tôi. Cánh tay chúng không đủ sức giương cung, còn cây kiếm trong tay chúng là đồ chơi được giát vàng giát bạc, chỉ đủ tốt để cắt thịt nướng chứ sao có thể làm đổ máu kẻ thù được. Chúng đi trên những cỗ chiến xa nhưng không biết điều khiển, chỉ làm rối tung dây cương và khiến bánh xe của chúng xát vào bánh xe của những chiến xa bên cạnh. Lũ lính thì uống rượu và ăn nằm với nữ tỳ, nô lệ của hoàng cung và là một lũ bất tuân lệnh. Trong các trường võ bị, người ta dạy chúng đọc những sách cũ mèm, mà bọn ấy cũng chưa từng trải qua trận mạc, chưa từng nếm trải đói khát hay sợ hãi trước kẻ

thù.

Anh ta giận dữ lắc lắc chiếc vòng vàng đeo ở cổ và nói tiếp:

- Vòng vàng với mề đay có nghĩa lý gì khi chỉ cần biết cúi rạp mình trước pharaon là có được, chứ không phải kinh qua trận mạc. Hoàng thái hậu đã buộc râu vào cằm và treo đuôi sư tử nơi eo hông mình, nhưng một người lính sao có thể kính trọng, coi đàn bà là đế vương được?

- Tôi biết, tôi biết, - anh ta nói và vung tay lên khi tôi cố nhắc anh ta nhớ đến việc Nữ hoàng vĩ đại đã phái thuyền chiến đến xứ Punt, rồi nói tiếp. - Trước đây thế nào thì bây giờ cũng phải thế. Nhưng tôi muốn nói vào thời các pharaon vĩ đại, người lính chưa bao giờ bị khinh miệt như bây giờ. Trong suy nghĩ của người dân Thebes, nghề lính là nghề đáng khinh nhất trong các nghề nên hễ thấy lính là họ đóng chặt cửa. Thời gian của tôi, tuổi xuân và sức mạnh của tôi sẽ trôi qua hoài phí nếu tôi phải học binh pháp từ những kẻ hễ nghe tiếng hét xung trận của dân da đen là la lên và cắm đầu bỏ chạy. Nói thật, chúng sẽ ngất xỉu vì sợ khi mũi tên của lính hoang mạc bay vèo qua tai chúng hay khi vừa nghe thấy tiếng lọc xọc, rầm rầm của những cỗ chiến xa của kẻ thù lao tới. Thề có chim ưng của tôi, binh pháp chỉ có thể học được qua trận mạc và trong tiếng vũ khí chạm nhau người ta biết được người đàn ông thế nào. Vậy nên tôi muốn bỏ đi.

Anh ta quất mạnh roi xuống bàn khiến cái cốc rơi xuống, lão hầu của tôi chạy ra ngoài, hét lên vì sợ.

- Chắc chắn là anh ốm rồi, bạn Horemheb của tôi ạ, - tôi nói. - Mắt anh đỏ bừng như đang sốt mà người lại toát mồ hôi.

- Tôi chẳng phải là đàn ông sao, - anh ta đáp rồi đứng dậy, tay đấm thùm thụp vào ngực. - Tôi có thể hai tay nhấc hai tên nô lệ to béo lên cao và đập sọ chúng vào nhau đến nát bét. Tôi có thể mang vác những vật nặng như một người lính, chạy qua những chặng đường dài không hề thở gấp, không sợ đói, không sợ khát và cũng không sợ nắng chói chang nơi sa mạc. Nhưng họ chỉ xem tất cả những việc này là đáng hổ thẹn và phụ nữ trong cung chỉ ngưỡng mộ những người đàn ông có bộ râu dài. Họ thán phục những người đàn ông có cánh tay khẳng khiu, bộ ngực không lông lá và hông eo ót như của thiếu nữ. Họ ngưỡng mộ những người đàn ông dùng ô che nắng, môi tô đỏ, cặp mắt hiền lành và líu lo như chim đậu trên cành. Họ khinh bỉ tôi vì tôi cường tráng, vì mặt trời làm da tôi rám lại, và nhìn bàn tay tôi, họ biết tôi có khả năng làm

việc bằng đôi tay.

Anh ta im lặng, nhìn chằm chằm về phía trước một lúc lâu rồi uống rượu.

- Anh là người cô đơn, Sinuhe, - anh ta nói, - nhưng tôi cũng là người cô đơn, cô đơn hơn tất cả, bởi tôi đoán được điều gì sẽ đến; tôi biết mình sinh ra để ra lệnh cho nhiều người và rồi sẽ đến một ngày, cả hai vương quốc đều cần đến tôi. Chính vì vậy tôi cô đơn hơn tất cả, nhưng tôi không còn chịu nổi sự cô đơn, Sinuhe ạ, vì lòng tôi như lửa đốt, cổ tôi nghẹn lại và đêm tôi không ngủ được.

Tôi là thầy thuốc và nghĩ mình có biết chút ít về đàn ông và đàn bà. Thế nên tôi nói:

- Người ấy chắc chắn là đã có chồng và chồng nàng giữ nàng rất kỹ?

Horemheb nhìn tôi, đôi mắt lóe lên giận dữ nên tôi vội vàng nhặt cái cốc từ sàn lên và rót rượu cho anh ta. Anh ta bình tĩnh lại, đưa tay sờ lên ngực, lên cổ mình rồi nói:

- Tôi phải đi khỏi Thebes thôi, nếu không sẽ chết ngạt trong đống rác rưởi ở đây và bị lũ ruồi làm vấy bẩn.

Nhưng rồi anh ta hạ thấp người, nhìn tôi và trầm giọng nói:

- Sinuhe, anh là thầy thuốc, hãy cho tôi thuốc gì đó để tôi chiến thắng tình yêu.

- Việc đó dễ mà, - tôi bảo. - Tôi sẽ cho anh thảo dược. Khi hòa cùng với rượu, nó sẽ làm cho anh trở nên dũng mãnh và cường tráng như con khỉ đực và lũ đàn bà sẽ rên rỉ trong vòng tay anh, mắt mờ đi trong đê mê. Việc đó dễ thôi, nếu anh muốn.

- Không, không, - anh ta nói. - Anh nhầm rồi, Sinuhe. Sức đàn ông của tôi không có vấn đề gì, nhưng tôi cần loại thuốc giữ cho tôi khỏi điên lên. Tôi cần một loại thuốc có thể làm dịu trái tim tôi và làm nó cứng như đá.

- Không có loại thuốc nào như thế, - tôi đáp. - Chỉ một nụ cười và một cái nhìn từ cặp mắt xanh biếc cũng đủ khiến y học bó tay. Điều này tôi biết rất rõ. Thế nhưng những người thông thái cũng từng nói chỉ ác quỷ mới xua đuổi được ác quỷ. Tôi không thật rõ điều đó có đúng hay không, nhưng tôi đoán con quỷ đến sau còn quái ác hơn con quỷ trước.

- Thế nghĩa là sao? - Anh ta giận dữ hỏi. - Tôi đã chán ngấy những lời nói vòng vo và xoay xoắn các sự việc khiến lưỡi ta líu lại.

- Anh hãy tìm cho mình người đàn bà khác, và người đó sẽ xua người đầu tiên ra khỏi trái tim anh, - tôi đáp. - Thebes đầy phụ nữ đẹp và quyến rũ. Họ tô son lên mặt và mặc đồ lanh mỏng tang. Có lẽ ai đó trong số họ sẽ sẵn lòng nở nụ cười với anh. Anh trẻ trung và dũng mãnh, chân tay anh dài và cổ anh đeo vòng vàng. Nhưng tôi thật không hiểu điều gì đã chia rẽ anh với nàng, người mà anh mê say. Cho dù nàng đã có chồng thì cũng không có tường thành nào đủ cao để ngăn cản tình yêu, và đàn bà ranh mãnh lắm, một khi nàng ta đã mê ai thì sẽ tìm cách vượt qua mọi chướng ngại. Các chuyện kể của cả hai vương quốc đều chứng minh điều đó. Người ta còn nói sự thủy chung của đàn bà giống như ngọn gió. Nó không suy chuyển mà chỉ đổi chiều. Người ta còn nói đức hạnh của đàn bà giống như sáp ong, tan chảy khi được hâm nóng. Tuy nhiên, kẻ chịu nhục, bị chê cười không phải là kẻ lừa dối mà chính là người bị cắm sừng. Xưa đã thế, sau này vẫn thế.

- Nàng chưa có chồng, - Horemheb cáu kỉnh nói. - Anh nói về lòng chung thủy, đức hạnh hay sự nhục nhã làm gì, chỉ vô ích thôi. Nàng không thấy tôi cho dù tôi ở ngay trước mắt nàng. Nàng không chạm vào tay tôi ngay cả khi tôi giơ tay để đỡ nàng lên kiệu. Có lẽ nàng nghĩ tôi là kẻ bẩn thỉu, bởi mặt trời làm da tôi cháy sạm.

- Vậy nàng thuộc giới thượng lưu ư?

- Thôi, nói về nàng cũng vô ích, - Horemheb từ chối. - Nàng đẹp hơn trăng và các vì sao, và cách xa tôi hơn cả trăng và sao. Nói thật ôm trăng vào lòng với tôi còn dễ hơn ôm nàng. Vậy nên tôi phải quên đi thôi. Vậy nên tôi phải đi khỏi Thebes, nếu không tôi sẽ chết.

- Chả lẽ người anh ham muốn là Hoàng thái hậu vĩ đại ư? - Tôi đùa cợt, vì muốn thấy anh ta cười. - Tôi nghĩ bà ấy quá già và lại sồ sề so với thị hiếu của các chàng trai trẻ.

- Bà ta có giáo sĩ của mình, - Horemheb khinh bỉ nói. - Tôi nghĩ họ thông dâm với nhau cả khi quốc vương còn sống.

Nhưng tôi đã giơ tay ngăn không cho anh ta nói tiếp và bảo:

- Horemheb, tôi nghĩ anh đã uống quá nhiều nước giếng độc kể từ khi tới Thebes.

Horemheb nói:

- Người tôi say, môi và má tô son đỏ hoe, đôi mắt sẫm màu hình trái xoan và chưa ai chạm được tới chân tay nàng dưới lớp vải lanh hoàng gia. Tên của nàng là Baketamon và dòng máu pharaon chảy trong huyết quản của nàng, vậy nên bây giờ anh đã biết tôi điên rồ tới mức nào rồi, Sinuhe. Nếu như anh kể điều này với ai hoặc giả như anh chỉ gợi nhắc tôi nhớ đến việc này dù chỉ một lời, tôi sẽ tìm đến để giết anh dù anh có ở nơi đâu và tôi sẽ nhét thủ cấp của anh vào giữa háng và vứt xác anh lên tường thành. Mà anh cũng không bao giờ được nhắc đến tên nàng để tôi nghe thấy, bởi vì lúc đó tôi sẽ giết anh thật.

Tôi vô cùng khiếp sợ, bởi vì thật sự kinh khủng khi người có xuất xứ thấp hèn dám ngước lên nhìn con gái pharaon và có lòng thèm khát nàng. Vậy nên tôi nói:

- Không kẻ thường dân nào được động đến Công chúa ngoại trừ em nàng, Thái tử, người sẽ lấy nàng và lập nàng làm hoàng hậu, nâng nàng lên ngang hàng với mình. Việc đó sẽ xảy ra, tôi đã đọc được điều đó qua ánh mắt Công chúa bên giường bệnh của Pharaon, nàng không nhìn ai như thế ngoài em trai mình. Tôi sợ Công chúa, bởi thân thể nàng sẽ không sưởi ấm cho bất kỳ ai và trong đôi mắt trái xoan của nàng chỉ có chết chóc và trống rỗng. Vậy nên hãy đi đi, Horemheb bạn ơi, bởi Thebes không dành cho anh.

Nhưng Horemheb nóng nảy nói:

- Tôi biết rõ tất cả những điều đó và biết tỏ tường hơn anh, nên lời nói của anh chỉ như tiếng ruồi vo ve trong tai tôi thôi. Thay vì tranh luận về việc đó, ta quay lại điều anh nói lúc nãy, về những con quỷ ấy, vì tim tôi đầy ứ và khi đã uống rượu, tôi chỉ muốn một người đàn bà, ai cũng được, mỉm cười với tôi. Nhưng xiêm áo của nàng phải bằng vải lanh hoàng gia, đầu nàng phải có mái tóc giả, môi, má nàng phải được tô son đỏ hoe, nhưng tôi sẽ không ham muốn nàng nếu nàng không có đôi mắt hình trái xoan như vầng trăng khuyết trên bầu trời đêm.

Tôi mỉm cười, nói:

- Anh nói phải. Vậy hai chúng ta hãy cùng nghĩ xem bây giờ anh nên làm gì là tốt nhất. Anh có bao nhiêu vàng?

Horemheb kiêu ngạo đáp:

- Tôi không thèm cân đong vàng của mình vì chúng chỉ là rác rưởi dưới chân tôi, nhưng ngay lúc này thì tôi có vòng vàng trên cổ và vòng tay nữa, đủ không?

- Nếu vàng không đủ, - tôi nói, - thì tốt hơn là anh chỉ mỉm cười, vì những người đàn bà có xiêm áo bằng vải lanh hoàng gia rất kỳ quặc và nụ cười của anh có thể kích thích được ai đó. Lẽ nào trong hoàng cung không có ai như thế? Việc gì anh phải phung phí vàng của mình, nhỡ khi anh cần đến.

- Tôi đái vào tường hoàng cung, - Horemheb đáp. - Nhưng tôi biết một cách khác. Trong đám võ quan, tôi quen một gã tên Kefta, người Crete, một lần đã bị tôi đá khi cười nhạo tôi nhưng từ đó gã bắt đầu kính nể tôi. Hôm nay gã mời tôi cùng đi đến một nhà có hội hè gì đó của giới thượng lưu. Nhà ấy nằm đâu đó gần sát đền thần đầu mèo, nhưng tôi quên mất tên của thần vì ban đầu tôi không định đến đó.

- Ý anh muốn nói thần Bast? - Tôi nói. - Tôi biết ngôi đền đó và nhà ấy có vẻ thích hợp với mục đích của anh, vì những người đàn bà nhẹ dạ rất thích cầu nguyện và dâng lễ trước thần đầu mèo để được ban cho những bạn tình giàu có.

- Nhưng Sinuhe, tôi không đến đó nếu không có anh đi cùng, - Horemheb đáp và tỏ ra rất bối rối. - Tôi xuất thân thấp kém và quả thật chỉ biết đấm đá và dùng roi nhưng tôi không biết nên cư xử thế nào ở Thebes. Anh là người đàn ông từng trải, lại sinh ra ở Thebes. Vậy nên anh phải đi cùng tôi.

Vì đã uống rượu và sự tin tưởng của Horemheb làm tôi phổng mũi nên tôi không muốn thú nhận với anh ta là hiểu biết của tôi về phụ nữ cũng ít ỏi như anh vậy. Tôi đã uống nhiều đến mức bảo Kaptah đi kiếm cho chúng tôi cái kiệu, lại còn mặc cả tiền công với những người khênh kiệu trong khi Horemheb uống thêm rượu để lấy can đảm. Những người khênh kiệu đưa chúng tôi đến bên đền Bast và khi thấy đuốc và đèn sáng rực trước cửa nhà nơi chúng tôi đến, họ bắt đầu kỳ kèo đòi thêm tiền cho đến khi bị Horemheb quất cho mấy roi, họ mới chịu im miệng rời đi, tuy vẫn ấm ức. Bên cổng đền, những thiếu phụ trẻ mỉm cười với chúng tôi và mời chào chúng tôi cùng vào dâng lễ với họ, nhưng trên người họ không có vải lanh hoàng gia và họ chỉ có mái tóc bình thường nên chúng tôi chẳng để tâm đến họ.

Chúng tôi đi vào nhà, tôi đi trước, không ai ngạc nhiên trước sự xuất hiện của chúng tôi ngoài mấy đứa hầu vui vẻ đổ nước lên tay

chúng tôi và từ hàng hiên, chúng tôi đã nghe thấy mùi hương hoa, mùi dầu xức, mùi thức ăn từ trong nhà tỏa ra. Đám nô lệ lấy vòng hoa trang điểm cho chúng tôi và chúng tôi bước vào sảnh lớn, vì rượu đã cho chúng tôi thêm lòng can đảm.

Nhưng khi bước vào trong sảnh, tôi không thấy ai khác ngoài người phụ nữ bước ra đón chúng tôi. Nàng khoác trên người áo váy vải lanh hoàng gia, khiến thân hình nàng hiện lên dưới lớp vải như thân thể thần linh khi nàng bước đến trước chúng tôi. Đầu nàng đội mái tóc giả màu xanh dương nặng trịch, trên người treo bao nhiêu vòng đỏ, khóe mắt tô đen kịt còn bọng mắt lại có màu xanh lục. Nhưng xanh hơn cả vẫn là đôi mắt nàng, xanh như nước sông Nile vào những ngày hè nắng đổ lửa khiến tim tôi đắm chìm trong đó, bởi nàng chính là Nefernefernefer, người một lần tôi đã gặp giữa các cột đền Amon. Nàng không nhận ra tôi, chỉ tò mò nhìn rồi mỉm cười với Horemheb đang giơ cao chiếc roi của quan cấm vệ lên chào. Cậu thanh niên người Crete tên Kefta đã thấy Horemheb, và vừa vấp dúi dụi vào các ghế đẩu vừa chạy lại, ôm lấy anh ấy và nói anh là bạn mình. Không ai để ý đến tôi nên tôi có thừa thời gian để ngắm nhìn người tình của trái tim tôi. Nàng đã già hơn so với trí nhớ của tôi và đôi mắt nàng không cười như trước mà cứng như viên đá màu lục. Đôi mắt ấy không cười cho dù đôi môi có nhoẻn cười, và việc đầu tiên nàng làm là nhìn vào chiếc vòng vàng trên cổ Horemheb. Nhưng dù chỉ có thế, đôi chân tôi cũng bủn rủn khi tôi nhìn nàng.

Bên trong sảnh cũng còn nhiều khách khác và các bức tường của sảnh đầy những tranh vẽ của các họa sĩ nổi tiếng nhất; trần sảnh được những chiếc cột hoa huệ tây sặc sỡ nâng đỡ. Trong sảnh có cả những người đã có chồng lẫn người chưa chồng, váy áo của ai cũng bằng vải lanh mỏng nhất, ai cũng đội tóc giả và đeo nhiều đồ trang sức. Họ cười với đám đàn ông đang vây quanh mình, già có trẻ có, đẹp có xấu có. Những người đàn ông này cũng đeo vòng vàng và cổ áo họ nặng trĩu vì được thêu vàng và đá quý. Mọi người hò hét, cười đùa và trên sàn, những hũ và cốc rượu lăn lóc, những cành hoa bị đạp xuống sàn; các nhạc công Syria lắc lắc những nhạc cụ làm phát ra tiếng lanh lảnh chói tai khiến lời nói bị chìm lấp. Họ đã uống rất nhiều rượu, đến mức một thiếu phụ phát nôn nhưng đứa hầu chìa cốc ra quá muộn nên ả làm bẩn váy áo của mình, khiến cả đám cười nhạo ả.

Kefta, anh chàng người Crete, cũng ôm tôi và làm lấm dầu xức lên mặt tôi khi nói tôi là bạn của cậu ta. Nhưng Nefernefernefer đã nhìn tôi và nói:

- Sinuhe! Tôi từng quen một Sinuhe. Cậu ấy cũng muốn trở thành thầy thuốc.

- Tôi là Sinuhe ấy đấy, - tôi vừa nói vừa nhìn thẳng vào mắt nàng, người tôi run lên.

- Không, anh không phải là Sinuhe ấy. - Nàng nói và đưa tay ra dấu phủ nhận. - Sinuhe mà tôi quen là một thanh niên trẻ măng và đôi mắt cậu ấy sáng như mắt nai. Còn anh đã là người đàn ông, anh có tác phong của đàn ông và bên khóe mắt anh đã có hai nếp nhăn; má của anh cũng không mịn màng như má cậu ấy.

Tôi cho nàng xem chiếc nhẫn và viên đá xanh lục trên nhẫn, nhưng nàng lắc đầu vẻ không hiểu và nói:

- Kẻ cắp đã vào nhà tôi rồi, chắc chắn anh đã giết Sinuhe, người mà mỗi khi nhìn đến là lòng tôi rạo rực. Đúng là anh đã giết cậu ấy và tháo từ ngón tay cậu ấy chiếc nhẫn mà một lần tôi đã tháo ra từ ngón cái của mình và trao cho cậu ấy để kỷ niệm tình bạn của chúng tôi. Anh còn lấy cả tên cậu ấy nữa nên Sinuhe, người tôi yêu mến không còn nữa.

Nàng đưa tay lên làm dấu buồn rầu khiến tim tôi tràn ngập niềm đắng cay và nỗi buồn lan tỏa làm tê dại chân tay. Tôi tháo nhẫn khỏi ngón tay, đưa cho nàng và bảo:

- Vậy nàng hãy nhận lại nhẫn. Tôi sẽ đi để khỏi quấy rầy niềm vui của nàng, bởi tôi không muốn nàng phiền lòng.

Nhưng nàng bảo:

- Đừng đi! - Nàng khẽ khàng đặt bàn tay lên cánh tay tôi như một lần đã từng làm và thì thào giọng yếu ớt: - Cậu đừng đi!

Khi nàng làm như thế, tôi đã biết vòng ôm của nàng bỏng rẫy hơn cả lửa và tôi sẽ không thể nào hạnh phúc nếu không có nàng. Những tên hầu rót rượu cho chúng tôi. Chúng tôi uống cho trái tim thêm rạo rực và chưa bao giờ rượu lại ngon đến thế trong miệng tôi.

Thiếu phụ vừa nôn lúc nãy đã súc miệng và lại uống. Rồi chị ta cởi bỏ xiêm áo đã lấm ướt và vứt sang bên, gỡ xuống cả mái tóc giả, thế là chị ta hoàn toàn trần truồng. Chị ta đưa hai bàn tay ép hai bầu vú vào với nhau, ra lệnh cho đứa hầu rót rượu vào kẽ hở giữa hai vú rồi dùng bàn tay chuốc rượu cho tất cả những ai muốn uống. Chị ta bước loạng choạng, ngả nghiêng khắp sảnh và cười

to. Thiếu phụ trẻ, đẹp dừng lại trước Horemheb rồi vồn vã mời rượu anh ta giữa hai bầu vú mình. Horemheb cúi đầu xuống để uống; khi ngẩng đầu lên, mặt anh ta đỏ lựng. Anh ta nhìn vào mắt thiếu phụ rồi đưa hai tay giữ lấy cái đầu trọc của chị ta và hôn chị ta. Ai cũng cười, kể cả chị ta, nhưng rồi đột nhiên chị ta thấy xấu hổ nên xin xiêm áo mới. Sau khi mấy đứa hầu giúp mặc váy áo và đội mái tóc giả lên đầu, chị ta ngồi xuống cạnh Horemheb và không uống rượu nữa. Nghe các nhạc công Syria chơi, tôi cảm nhận niềm mê đắm Thebes trong máu mình và cả trong cơ thể mình, và biết mình được sinh ra vào ngày suy tàn của thế gian, nhưng với tôi sao cũng được, miễn là được ngồi bên người tình của trái tim mình, ngắm nhìn màu xanh biếc của đôi mắt nàng và màu đỏ trên đôi môi nàng.

Thế là nhờ Horemheb mà tôi gặp lại Nefernefernefer, người tôi say mê, nhưng giá như tôi không bao giờ gặp lại nàng nữa thì sẽ tốt hơn cho tôi.

5

- Ngôi nhà này là của nàng ư? - Tôi hỏi khi nàng ngồi bên tôi và chăm chú nhìn tôi bằng ánh mắt xanh sắc lạnh.

- Đây là nhà của tôi, - nàng đáp, - và khách cũng là khách của tôi. Tôi đón tiếp nhiều khách khứa hằng đêm vì không muốn ở một mình.

- Chắc nàng giàu lắm, - tôi nói và buồn vô cùng vì tôi sợ mình không xứng với nàng.

Nhưng nàng đã cười tôi như cười một đứa trẻ và bỡn cợt nói với tôi bằng những lời như trong chuyện cổ tích:

- Tôi là một nữ tu chứ không phải là loại đàn bà đáng khinh. Cậu cần gì ở tôi?

Nhưng tôi thật không hiểu nàng nói vậy nhằm ám chỉ điều gì.

- Thế còn Metufer? - Tôi hỏi, vì tôi muốn biết hết, cho dù điều đó có làm tôi đau khổ.

Nàng nhìn tôi dò xét, đôi mày được tô đậm từ từ nhướng lên.

- Lẽ nào cậu không biết là Metufer đã chết? - Nàng hỏi. - Metufer

chết bởi vì cậu ta đã tiêu hết tiền Pharaon cấp cho cha cậu để xây dựng đền đài. Metufer chết và cha cậu ta cũng không còn là kiến trúc sư hoàng gia nữa. Chả lẽ cậu không biết?

- Nếu thật như thế, - tôi nói và cười, - thì tôi gần như tin là thần Amon đã trừng phạt cậu ta bởi vì cậu ta đã chế nhạo thần.

Tôi kể cho nàng nghe chuyện vị giáo sĩ và Metufer nhổ nước bọt lên mặt tượng Amon, rửa tượng rồi dùng dầu thánh của Amon để xoa lên người mình. Nàng mỉm cười nhưng ánh mắt lạnh băng và nhìn ra xa xăm. Đột nhiên, nàng hỏi:

- Sao hôm đó cậu không đến, Sinuhe? Nếu cậu đến tìm tôi thì đã gặp được tôi. Cậu thật xấu xa vì đã không đến với tôi hôm đó mà lại đến với những người đàn bà khác, trong khi tay đeo nhẫn của tôi.

- Tôi chỉ là chàng trai mới lớn và có lẽ hôm đó tôi sợ nàng, - tôi đáp. - Nhưng trong giấc mơ nàng là người tình của tôi, Nefernefernefer ạ. Nàng có thể cười tôi, nhưng tôi chưa từng ôm ấp người đàn bà nào vì tôi vẫn mong sẽ có lúc gặp lại nàng.

Nàng cười và giơ tay phản đối.

- Chắc cậu nói dối, - nàng bảo. - Trong mắt cậu, chắc chắn tôi chỉ là một người đàn bà già nua xấu xí, vậy nên cậu cứ thích đùa cợt và nói dối tôi. - Nàng nhìn tôi, đôi mắt cười rạng rỡ như trong lần gặp gỡ trước đây và trong mắt tôi nàng vẫn trẻ như ngày ấy, khiến tim tôi đập mạnh và nhói đau trong lúc nhìn nàng.

- Đúng là tôi chưa bao giờ chạm vào đàn bà, - tôi bộc bạch, - nhưng có lẽ cũng không đúng, kỳ thực là tôi chỉ đợi nàng, bởi tôi muốn trung thực với nàng. Bao nhiêu đàn bà đã đi ngang qua tôi, trẻ có già có, xinh đẹp và xấu xí có, thông thái và ngu ngốc cũng có, nhưng tôi chỉ nhìn họ bằng đôi mắt của thầy thuốc, còn lòng tôi không rung động trước bất cứ ai trong số họ, nhưng vì sao lại như thế, tôi thật sự không biết.

Tôi còn nói thêm:

- Tôi có thể dễ dàng nói là vì chiếc nhẫn mà nàng đã trao cho tôi để kỷ niệm tình bạn của chúng ta và có lẽ vì nàng đã bỏ bùa tôi mà tôi không hay biết. Có thể nàng đã thật sự bỏ bùa tôi khi để đôi môi mềm ấm của nàng khẽ chạm vào môi tôi. Nhưng giải thích như vậy cũng không đúng. Vậy nên cho dù nàng có hỏi tôi đến ngàn lần "Tại sao?", thì tôi cũng không thể trả lời nàng.

- Có lẽ ngày còn bé chân cậu xoạc rộng trên đống hàng và cứ thế rơi xuống càng xe nên bây giờ cậu mới ưu tư và chỉ muốn một mình như vậy.

Nàng trêu tôi và khẽ chạm tay lên người tôi; chưa người đàn bà nào từng làm như thế với tôi. Tôi thấy không cần trả lời, bởi chính nàng cũng biết điều nàng vừa nói là không đúng. Rồi nàng rụt tay lại rất nhanh và nhẹ nhàng nói:

- Chúng ta hãy uống nào, để lòng ta vui. Biết đâu đấy, có thể tôi sẽ vui vẻ với cậu, Sinuhe ạ.

Chúng tôi uống rượu khi đám nô lệ khênh mấy người khách ra kiệu, còn Horemheb quàng tay ôm cô gái ngồi cạnh và gọi cô này là em gái. Cô ta mỉm cười, đặt bàn tay lên miệng anh ta và bảo anh ta không nên nói ra những lời ngu ngốc khiến sang ngày hôm sau đã phải hối hận. Thế là Horemheb đứng dậy và gào lên với cốc rượu trên tay:

- Dù làm gì đi nữa tôi cũng không tiếc nuối vì kể từ hôm nay, tôi chỉ nhìn về phía trước và không bao giờ ngoái lại phía sau. Thề có chim ưng của tôi và hàng ngàn thần linh của hai vương quốc, những thần linh mà tôi không tài nào nhớ nổi tên, nhưng dù sao các vị hãy nghe lời tôi thề.

Rồi anh ta tháo vòng vàng trên cổ, định đeo nó vào cổ cô gái nhưng cô ta không chịu, bực tức nói:

- Tôi là một người đàn bà đức hạnh chứ không phải gái làng chơi. - Nói rồi cô ta giận dỗi đứng dậy và bỏ đi nhưng đến cửa, cô ta kín đáo đưa tay vẫy Horemheb và anh ta đi theo, thế là suốt cả tối tôi không thấy cả hai đâu nữa.

Tuy nhiên không mấy ai để ý điều này vì đêm cũng đã khuya và đã đến lúc khách khứa phải ra về. Nhưng mọi người vẫn cứ uống rượu và lảo đảo trên sàn nhà, chân vướng vào ghế, tay vung vẩy những cái xúc xắc giật từ tay các nhạc công. Họ ôm nhau và gọi nhau là anh em, là bạn nhưng chỉ lát sau đã đấm nhau, gọi nhau là gã trọc hay kẻ bị thiến. Những người đàn bà không chút thẹn thùng gỡ bỏ mái tóc giả và để cho lũ đàn ông xoa xoa đỉnh đầu nhẵn thín, bởi từ lúc những phụ nữ quyền quý và giàu có bắt đầu cạo trọc đầu thì không kiểu vuốt ve nào kích động đàn ông hơn thế. Có mấy gã tiến lại gần Nefernefernefer nhưng nàng giơ tay xua họ đi, còn tôi đạp lên ngón chân những kẻ cứ thế xông bừa đến, phớt lờ địa vị và chức tước của mình bởi tất cả bọn họ đều đã

say xỉn.

Nhưng tôi không say vì rượu, tôi say vì những cái chạm tay của nàng và vì được ở gần nàng, cho đến khi nàng ra hiệu và đám người hầu lần lượt tắt đèn, khiêng bàn ghế ra ngoài, nhặt những cành cây, vòng hoa bị đạp trên nền nhà và dìu những người khách đã ngủ gật bên vò rượu ra kiệu của họ. Vì thế tôi bảo:

- Chắc tôi cũng phải về rồi.

Nhưng mỗi từ tôi nói ra đều làm tim tôi nhói đau, nhức buốt như vết thương bị xát muối, vì tôi không muốn rời nàng và với tôi mỗi phút giây không được ở cạnh nàng đều vô vị.

- Cậu muốn đi đâu? - Nàng hỏi, ra vẻ ngạc nhiên.

- Tôi qua đêm trên phố trước cửa nhà nàng, - tôi nói. - Tôi đến từng ngôi đền ở Thebes, dâng lễ cảm ơn thần linh đã cho tôi gặp được nàng, vì chỉ thấy nàng rồi tôi mới lại tin vào thần linh. Tôi đi hái hoa từ trên cây và rải chúng xuống những con đường nàng đi qua mỗi khi nàng bước ra khỏi nhà. Tôi đi mua mộc dược để xức lên cột cổng nhà nàng.

Nhưng nàng mỉm cười và nói với tôi:

- Tốt hơn cậu đừng đi, vì tôi cũng có hoa và mộc dược. Tốt hơn cậu đừng đi vì bị rượu kích thích, có khi cậu lạc vào nhà người đàn bà nào đó, mà tôi lại không muốn thế.

Lời nàng nói làm tôi sướng mê ly, muốn ôm ngay lấy nàng nhưng nàng ẩn tôi ra và bảo:

- Đừng! Đám hầu của tôi sẽ nhìn thấy, mà tôi không cho phép điều đó vì cho dù tôi sống một mình, tôi cũng không phải là loại đàn bà đáng khinh. Nhưng vì cậu đã muốn trung thực với tôi, tôi cũng muốn ngay thật với cậu. Vì vậy chúng ta chưa làm cái việc mà vì nó cậu đến đây, tôi chỉ đưa cậu ra vườn để có thể kể cho cậu nghe một câu chuyện.

Nàng dẫn tôi ra vườn, trăng sáng vằng vặc, các khóm hương thảo cùng các bụi keo ngào ngạt tỏa hương, những đóa sen đã khép cánh ngủ yên trong ao, bờ ao được lát bằng những loại đá nhiều màu sặc sỡ. Đám nô tỳ rót nước lên tay chúng tôi và bê ra đặt trước chúng tôi ngỗng rán và các loại quả ướp mật.
Nefernefernefer nói:

- Sinuhe, hãy ăn và vui cùng tôi.

Nhưng cổ tôi khản đặc vì thèm muốn nên tôi không ăn được. Nàng nhìn tôi, vừa mỉm cười bỡn cợt vừa ăn rất ngon miệng và cứ mỗi lần nàng nhìn tôi, ánh trăng trong ngần phản chiếu trong mắt nàng. Ăn xong nàng nói:

- Bây giờ tôi sẽ kể cậu nghe một truyền thuyết như đã hứa, vì thời gian từ giờ đến sáng còn dài mà tôi lại chưa buồn ngủ. Chuyện kể về Setne Khemves và Tabubue, nữ tu của thần Bast.

- Tôi đã nghe câu chuyện đó rồi, - tôi nói và không thể kìm được nỗi thèm khát của mình. - Tôi đã nghe chuyện đó nhiều lần rồi, yêu dấu ạ. Hãy vào nhà cùng tôi để tôi có thể nằm ôm nàng vào lòng trên giường và nàng có thể ngủ trên cánh tay tôi. Đi nào yêu dấu ơi, bởi thân thể tôi đang quặn đau vì thèm muốn, tôi sẽ lấy đá cào lên mặt mình và gào lên nếu nàng không vào.

- Yên nào, yên nào, Sinuhe, - nàng vừa nói vừa chạm tay vào tôi. - Cậu dữ tợn thế, tôi sợ cậu. Bởi vậy tôi sẽ kể chuyện đó để cậu trấn tĩnh lại. Chuyện rằng Setne, con trai của Khemves, trong khi đi tìm cuốn sách của Thoth bị cất giấu trong đền đã gặp Tabubue, nữ tu của thần Bast, và vì nỗi thèm muốn thôi thúc nên Setne đã bảo người hầu đến dâng nàng mười deben vàng, nếu nàng chịu chiều Setne trong một giờ. Nhưng Tabubue đã trả lời: "Ta là nữ tu chứ không phải loại đàn bà đáng khinh. Nếu chàng thực lòng muốn điều đã nói, hãy đến với ta ở nhà ta, nơi không ai nhìn thấy chúng ta để ta khỏi phải hành xử như gái làng chơi". Nghe thế, Setne vô cùng mừng rỡ, vội vàng đến nhà Tabubue. Tabubue đón chàng vào nhà và mời rượu. Rượu càng khiến cơn thèm tăng lên, Setne muốn bắt đầu ngay việc mà vì nó chàng đến đây.

Nhưng Tabubue nói:

- Chàng đã ở nơi chàng muốn, nhưng ta là nữ tu chứ không phải là loại đàn bà đáng khinh. Nếu quả thật chàng muốn thứ mà chàng nói thì chàng phải trao cho ta tất cả của cải và tiền bạc, nhà cửa và trang trại của chàng, những thứ chàng sở hữu.

Setne nhìn nàng và sai người vời thư lại am tường luật pháp đến để viết khế ước, theo đó chàng sẽ trao cho Tabubue tất cả những gì chàng sở hữu. Lúc đó Tabubue đứng dậy, khoác lên người xiêm áo bằng vải lanh hoàng gia, thân thể nàng lộ ra dưới lớp vải như thân thể của nữ thần, được trang điểm thật diêm dúa. Nhưng khi Setne muốn điều mà vì nó chàng đến, Tabubue vẫn từ chối và nói:

- Chàng sẽ sớm có được điều chàng muốn. Nhưng ta là nữ tu chứ không phải loại đàn bà đáng khinh, vì vậy chàng hãy đuổi vợ mình ra khỏi nhà, để ta không phải nghi ngờ rằng lòng chàng sẽ lại hướng về người đó.

Setne nhìn nàng ta và sai kẻ hầu đuổi vợ mình ra khỏi nhà. Khi ấy Tabubue nói:

- Hãy vào phòng ta và nằm xuống giường ta, chàng sẽ nhận được phần của mình.

Setne háo hức đi vào phòng Tabubue và nằm xuống chiếc giường nhưng ngay lúc ấy, một tên hầu đi vào và nói:

- Các con ông đang ở đây và đứng bên cổng khóc đòi mẹ chúng.

Nhưng Setne làm như không nghe thấy, chỉ muốn vào ngay việc mà vì nó chàng đến đây. Lúc đó Tabubue lại nói:

- Ta là nữ tu chứ không phải là loại đàn bà đáng khinh, bởi thế ta chợt nghĩ có thể đàn con của chàng sẽ tranh cãi với các con ta về quyền thừa kế. Để tránh điều đó, chàng hãy cho phép ta giết chúng.

Setne để Tabubue giết con mình ngay trước mắt mình và vứt xác chúng qua cửa sổ xuống sân cho chó, mèo ăn. Khi uống rượu cùng Tabubue, chàng ta còn nghe thấy tiếng chó và mèo kêu sủa ầm ĩ vì giành giật thịt của lũ trẻ.

Nghe đến đó, tôi ngăn nàng lại và tim tôi thắt lại trong lồng ngực, như mỗi lần nghe câu chuyện ấy hồi còn bé. Tôi nói:

- Nhưng tất cả những điều đó chỉ có trong giấc mộng. Bởi vì khi nằm xuống giường của Tabubue, Setne nghe tiếng thét của nàng ta và bừng tỉnh, và chàng ta thấy mình như đang ở trong lò lửa khi trên người không có lấy một mảnh vải. Tất cả chỉ là giấc mộng mà Neneferkaptah đã bông đùa và người ta kể trong nhiều câu chuyện khác.

Nhưng Nefernefernefer bình thản nói:

- Setne mơ và tỉnh giấc, nhưng rất nhiều người khác chỉ tỉnh giấc trong Nhà Chết mà thôi. Sinuhe, ta buộc phải nói với cậu, cả ta cũng là một nữ tu chứ không phải là loại đàn bà đáng khinh. Ta cũng có thể có tên là Tabubue.

Nhưng ánh trăng phản chiếu lại từ mắt nàng khi nàng nhìn tôi khiến tôi không tin lời nàng nên tôi vẫn muốn kéo nàng vào lòng. Nhưng nàng ngăn tôi lại và hỏi:

- Sinuhe, chả lẽ cậu không biết tại sao Bast, nữ thần tình yêu, lại được miêu tả trong hình dạng con mèo?

- Tôi không quan tâm đó là mèo, miu hay thần linh, - tôi nói và cố kéo nàng vào lòng, mắt nhòa đi vì cơn thèm muốn đã dâng lên tột đỉnh. Nhưng nàng hất tay tôi ra và nói:

- Cậu sẽ được chạm tay vào thân thể tôi ngay thôi. Tôi sẽ để cậu sờ lên bầu vú tôi và sà vào lòng tôi nếu như điều đó làm cậu trấn tĩnh lại, nhưng trước tiên cậu phải nghe tôi nói và phải biết đàn bà cũng giống như mèo và ham muốn nhục dục cũng giống như mèo. Lòng bàn chân của nó thật mềm mại nhưng lại ẩn giấu bên trong những vuốt sắc nhọn, sẵn sàng đâm vào tận tâm can đối phương không chút xót thương. Quả đúng vậy, đàn bà có bản tính của loài mèo, cũng rất thích đùa giỡn, vờn con mồi của nó và dùng vuốt sắc làm đau con mồi không biết chán. Đến khi con mồi hoàn toàn tê liệt thì nó mới ăn, rồi lại đi tìm con mồi mới. Tôi kể với cậu tất cả những điều này vì tôi muốn thành thực với cậu và tôi không muốn gây cho cậu điều gì bất hạnh.

- Không, tôi không muốn gây bất hạnh cho cậu dù bằng bất cứ cách nào.

Nàng nhắc lại và lơ đãng nhấc một tay tôi đặt lên bầu vú mình rồi kéo tay còn lại của tôi vào lòng, khiến cả người tôi bắt đầu run lên và nước mắt ứa ra. Nhưng ngay lúc đó nàng ta lại nóng nảy hất tay tôi ra và nói:

- Tôi là Tabubue, biết rồi thì cậu hãy tránh xa tôi và đừng bao giờ quay lại để tôi khỏi làm hại cậu. Nhưng nếu không tránh đi, ít nhất cậu không thể đổ lỗi cho tôi nếu có điều gì không hay xảy ra với cậu.

Nàng ta chờ tôi bỏ đi, nhưng tôi không đi nên bèn thở dài như thể đã chán trò chơi và nói:

- Thôi được, chắc tôi phải cho cậu điều mà cậu đòi. Nhưng đừng có dữ tợn quá vì tôi mệt lắm và tôi sợ mình sẽ thiếp đi trên tay cậu.

Nàng đưa tôi vào phòng mình và chúng tôi nằm xuống chiếc giường bằng gỗ mun và ngà voi của nàng. Rồi nàng cởi xiêm áo và ôm tôi vào lòng, tôi cảm thấy như cả người tôi, trái tim tôi và tất

cả mọi thứ trong tôi đều cháy thành than trong lòng nàng. Nhưng chỉ một lúc sau, nàng ta bắt đầu ngáp và nói:

- Quả thật tôi rất mệt và tôi tin cậu chưa từng ân ái với đàn bà, vì cậu vụng lắm và cũng không làm tôi thỏa mãn. Thế nhưng một cậu trai trẻ lần đầu tiên biết đến mùi đàn bà đến với một người phụ nữ tức là đã trao cho người phụ nữ món quà vô giá. Vậy nên tôi không đòi ở cậu bất cứ quà gì. Nhưng giờ thì cậu đi đi và để tôi ngủ, vì cậu đã nhận được điều mà vì nó cậu đến đây.

Khi tôi vẫn cố kéo nàng vào lòng thì nàng ẩn tôi ra và bắt tôi đi về. Nhưng cả thân thể tôi như trong bể lửa, mọi thứ bên trong tôi sôi lên sùng sục và tôi biết mình sẽ không bao giờ quên được nàng.

6

Ngày hôm sau, tôi bực bội bảo Kaptah cho tất cả bệnh nhân ra về và khuyên họ tìm thầy thuốc khác. Còn tôi điđến chỗ thợ cắt tóc rồi về tắm rửa, mặc quần áo và xức dầu thơm lên khắp người. Nhưng khi tôi chuẩn bị đi gặp Nefernefernefer, Horemheb đến và giữ tôi lại.

- Sinuhe, bạn tôi ơi, - anh ta nói, - tất cả bọn họ chỉ là rác rưởi mà thôi.

- Tôi đang vội, - tôi sốt ruột bảo, - nhưng anh cứ vào nhà, đầy tớ của tôi sẽ mang cho anh cá muối và bia lạnh rót ra từ hũ sành.

Tôi định đi nhưng Horemheb nắm tay giữ tôi lại và vì anh ta khỏe hơn nên tôi buộc phải quay vào nhà nghe anh ta giãi bày tâm sự. Anh ta nhai cá muối, uống bia và nói:

- Cái ả hôm qua đi cùng tôi rất chiều tôi. Nhưng tôi cũng không rõ liệu cuối cùng tôi nhận được gì hơn từ ả ngoài thứ mà một nô tỳ rẻ mạt nhất cũng có thể trao cho một người đàn ông.

Anh ta dừng một lát rồi nói tiếp:

- Ừ thì tôi cũng phải thừa nhận là ả có thân hình mềm mại, làn da trắng và tôi cũng thấy thích thú khi đang ngà ngà lại được nghe tiếng ả rên rỉ vì sức mạnh của tôi, nhưng bây giờ tôi cũng không thật biết liệu có nên mất nhiều công sức vì việc này đến thế không. Hơn nữa, ả ta đã có chồng, dù chồng ả hiện không có nhà

và chắc chắn tôi phải giết chồng ả khi hắn quay về, nếu không hắn cũng sẽ giết tôi khi về đến nhà.

- Anh không cần phải sợ, - tôi sốt ruột ngắt lời. - Đó không phải là tập quán của Thebes. Nếu thi thoảng gặp chồng ả tại nhà ả, anh có thể cúi chào hắn, tay duỗi thẳng xuống tận đầu gối. Rồi hắn sẽ mời anh uống rượu và chính hắn cũng uống đến say mèm, sau đó anh có thể ôm ấp vợ hắn ngay trên giường của hắn. Xưa đã thế, sau này vẫn thế và cả hai vợ chồng nhà ả đều sẽ rất thỏa mãn, ả thỏa mãn với anh, còn chồng ả, vì mụ vợ đã cho uống đến say mà không mắng mỏ cằn nhằn, cũng thôi không ngăn cản như lũ đàn bà hay làm.

- Chồng của ả gầy gò, hói và bủn xỉn, ả bảo với tôi thế, - Horemheb kể và uống bia, - nên tôi tháo vòng vàng trên cổ mình cho ả, vì vàng chỉ là cát bụi dưới chân và không có nghĩa lý gì với tôi nếu không phải là chiến lợi phẩm mà tôi có được trong trận mạc. Về phần mình, ả tặng tôi mái tóc giả của ả vì cả hai chúng tôi lúc đó đã ngà ngà, mặc dù tôi không biết làm gì bây giờ với nó.

Horemheb lôi từ dưới áo khoác ngoài ra một mái tóc giả, những bím tóc lấp lánh được nhuộm màu xanh nõn rất khéo, và hờ hững vung vẩy nó.

- Điều duy nhất làm tôi khó chịu là tôi bỏ quên cây roi của mình dưới giường ả trong lúc say, nên bây giờ đám lính ngoài phố không chào tôi nữa. Anh có nghĩ là ngoài chợ có thể đổi tóc giả lấy roi chỉ huy không, vì tôi không chắc mình sẽ quay lại nhà ả nữa, cho dù ả mềm và ấm đến thế nào.

Tôi bảo chắc được thôi và còn nói thêm là tôi đang rất vội. Nhưng Horemheb vẫn không có ý rời đi. Anh ta nói trong miệng anh ta có vị gì đó, như thể đã ăn phải bùn, và tay anh ta vẫn còn vương mùi của ả khiến anh thấy tởm lợm. Anh ta cũng ngửi ngửi tôi và đoán tôi cũng đã qua đêm với đàn bà vì người tôi có mùi dầu xức. Tôi bảo mình vừa đi cắt tóc về, bởi tôi cảm thấy nếu đặt Nefernefernefer ngang hàng với cô ả của anh ta thì tôi có phần hạ thấp phẩm giá nàng. Vì tôi cảm thấy việc mình làm hoàn toàn khác với việc anh ta đã làm, như thể linh hồn mình được bọc trong một tấm lưới vàng vô hình. Cũng có thể tôi đúng, bởi những việc con người làm sẽ không có ý nghĩa gì, chỉ có nghĩa khi trái tim người ta cảm nhận được gì khi làm việc đó.

- Anh có nhớ lời thề của tôi không? - Horemheb hỏi. - Quả thật tôi đã uống quá nhiều rượu, nhưng rượu đã giúp tôi hiểu rõ nhiều

việc mà tôi từng suy ngẫm. Tôi đã hiểu ra rằng tất cả bọn họ, những kẻ vừa ăn chơi thỏa sức vừa khoe khoang của cải và địa vị của mình, chẳng qua chỉ là lũ ruồi nhặng xung quanh tôi. Mà có thể cả Công chúa Baketamon cũng vậy, nàng, người mà tôi yêu, cũng chỉ là con ruồi bướng bỉnh quanh tôi. Chỉ còn duy nhất một thứ có chút ý nghĩa, đó là quyền lực. Mà không có vũ khí thì cả quyền lực cũng không có. Vậy nên chim ưng của tôi đã đúng khi bắt tôi trở thành người lính.

- Nhưng quyền lực không nằm trong tay những kẻ xông pha trận mạc, - tôi nói, - mà thuộc về những người ra lệnh cho binh lính, binh lính vì họ mà đánh giết nhau.

- Tôi đâu phải kẻ ngu, - Horemheb nói, - để cho tất cả bọn họ, những kẻ ăn trên ngồi trốc nghĩ mình có quyền ra lệnh, nhưng nói cho cùng họ cũng không có quyền bính gì, mà quyền bính thật sự bí mật nằm trong tay những người khác. Vậy nên tôi nghĩ rằng hội đồng giáo sĩ Amon có quyền lực rất lớn trên cả đất Ai Cập này, và vị giáo sĩ, người ngồi bên phải Hoàng thái hậu, là người có trong tay cả nắm quyền lực vào thời điểm này. Nhưng nếu có một ai đó có khả năng tập hợp quân đội, đưa họ vào trận chiến và buộc đội quân đó thực hiện mệnh lệnh của mình thì đó mới chính là người trị vì đích thực, cho dù không ai nhận ra điều đó.

- Anh như thế mới thật là kẻ ngu, - tôi nói, - vì người lính phải tuyên thệ trung thành với pharaon nên pharaon luôn là người đứng trên quân đội.

- Đúng thế thật, - Horemheb đồng ý, - trung thành là phẩm chất không thể thiếu của người lính vì mọi quyền chỉ huy trong quân đội đều dựa vào đó cả. Ngọn roi dạy cho đám lính quèn phải trung thành, còn cấp chỉ huy hẳn nhiên biết không có sự trung thành thì không có quân đội và nếu cấp cao nhất không trung thành thì cấp thấp nhất cũng không và tất cả sẽ tan rã. Vấn đề nằm ở đây. Nhưng dù sao đi nữa, tôi phải ở lại Thebes và chờ thời cơ của mình đến. Sau khi vui thú với đàn bà, tôi nhận ra mình đã trấn tĩnh lại và mặc dù tôi vẫn yêu trong vô vọng, tình yêu trong tim tôi đã lắng xuống ít nhiều và nó không còn gây đớn đau hơn một cơn đau dạ dày bình thường nữa. Bởi vậy tôi cảm ơn anh, Sinuhe ạ, vì đã cho tôi lời khuyên hữu ích, nếu thi thoảng anh cần sự giúp đỡ hay lời khuyên thì hãy đến tìm tôi ở hoàng cung nhé.

Anh ta ra chợ, đổi mái tóc giả màu xanh lục lấy cây roi chiến binh. Còn tôi cho gọi kiệu đến rồi giục đám phu khênh kiệu chạy thật nhanh đưa tôi đến nhà Nefernefernefer, vì tôi không muốn áo hay

chân mình lấm bụi đường phố. Kaptah, người hầu một mắt của tôi, lo lắng dõi theo tôi và lắc đầu, bởi tôi chưa từng bỏ phòng khám vào giữa ngày thế này bao giờ và lão sợ quà cáp người bệnh cho thầy thuốc sẽ cạn dần nếu tôi cứ bỏ bê người bệnh của mình như thế. Nhưng tôi không còn bất cứ suy nghĩ nào trong đầu ngoại trừ một ý nghĩ duy nhất và toàn thân tôi như cháy trong lửa. Tuy nhiên, ngọn lửa này thật đáng yêu.

Tên đầy tớ cho tôi vào nhà và dẫn tôi đến phòng Nefernefernefer. Đang trang điểm trước gương, nàng ta nhìn tôi, đôi mắt thờ ơ, cứng rắn như hai viên đá xanh.

- Cậu muốn gì, Sinuhe? - Nàng hỏi. - Sự hiện diện của cậu làm tôi phát ngán.

- Nàng biết quá rõ tôi muốn gì. - Tôi đáp và thử ôm nàng khi nhớ lại sự thân mật của nàng đêm qua. Nhưng nàng ta nhẫn tâm ẩn tôi ra.

- Cậu ngu ngốc hay cậu ghen mà đến quấy rầy tôi thế? - Nàng ta cáu kỉnh nói. - Cậu không thấy tôi đang trang điểm sao? Vì có một thương gia từ Sidon vừa đến Thebes, mang theo chiếc trâm cài trán của hoàng hậu mới được tìm thấy dưới hầm mộ. Tối nay ai đó sẽ tặng trâm cho tôi, vì từ lâu tôi đã khát khao những đồ trang sức chưa ai từng có. Vậy nên tôi phải trang điểm cho mình thật đẹp và cho người xức dầu khắp người.

Không hề thẹn thùng, nàng ta cởi bỏ xiêm áo và nằm xuống giường để nữ tỳ xoa dầu thơm lên khắp cơ thể. Tim tôi dâng lên chẹn họng và hai bàn tay tôi toát mồ hôi khi tôi nhìn thấy sắc đẹp của nàng.

- Sao cậu còn chần chừ, Sinuhe? - Nàng ta hỏi và vẫn thản nhiên nằm trên giường sau khi nô tỳ đã đi khỏi. - Tại sao cậu không đi đi, tôi còn phải vận xiêm áo đây.

Lúc ấy lòng ham muốn làm tôi mụ mị và tôi nhào đến bên nàng nhưng nàng ta khéo léo tránh tôi khiến tôi không làm được gì, đành bật khóc trong nỗi thèm khát bất lực. Cuối cùng tôi nói:

- Nàng biết là nếu tôi có vàng bạc, tôi sẽ mua cho nàng chiếc trâm cài trán đó. Tôi sẽ không cho phép ai khác chạm đến nàng.

- Cậu thật có ý định đó sao? - Nàng ta nói nhỏ nhẹ và lim dim mắt. - Cậu thật không cho ai động đến tôi ư? Vậy nếu tôi dành ngày hôm nay cho cậu, ăn uống và ái ân cùng cậu bởi ai biết được ngày

mai điều gì sẽ đến, thì cậu cho tôi cái gì, Sinuhe?

Nàng ta dang rộng hai tay và ngả ngớn ưỡn người trên giường làm cái bụng mịn màng hõm xuống ngay trước mắt tôi, mà cả người nàng ta không có đến một sợi lông, cả trên đầu và bất cứ chỗ nào lông tóc thường mọc.

- Cậu cho tôi cái gì nào? - Nàng ta vừa nhắc lại vừa ưỡn người và nhìn tôi.

- Tôi chẳng có gì để cho nàng đâu, - tôi đáp và nhìn xung quanh. Giường của nàng bằng ngà voi và gỗ mun, nền nhà lát đá lưu ly xanh lam và được trang trí bằng ngọc lam, còn trong phòng có rất nhiều bát, cốc bằng vàng.

- Không, quả thật tôi không có gì đáng làm quà cho nàng, - tôi nói và chân bủn rủn. Tôi đã định quay đi nhưng nàng ta giữ tôi lại.

- Tôi thương hại cậu, Sinuhe ạ, - nàng ta nhỏ nhẹ nói và lại mềm mại ưỡn người. - Quả thật cậu đã cho tôi cái đáng giá nhất trong cậu, cho dù sau đó nghĩ lại tôi thấy giá trị cái đó bị thổi phồng quá mức. Nhưng cậu vẫn còn ngôi nhà, quần áo và dụng cụ mà một thầy thuốc cần đến. Cậu có nghèo lắm đâu.

Người tôi run rẩy từ đầu đến chân, nhưng tôi nói:

- Tất cả những thứ đó là của nàng nếu nàng muốn, Nefernefernefer. Tất cả là của nàng, nếu nàng ân ái cùng tôi hôm nay. Thật ra tất cả đều không đáng giá cho lắm nhưng ngôi nhà đó được trang bị cho một danh y và một môn sinh ở Nhà Sống có thể trả nhiều để có nó nếu cha mẹ của hắn giàu có.

- Cậu nghĩ vậy thật sao? - Nàng ta nói và quay tấm lưng trần lại phía tôi, nhìn ngắm mình trong gương và lấy ngón tay vuốt nhẹ hàng lông mày đen thẫm. - Thôi được, nếu cậu muốn. Vậy cậu hãy gọi thư lại đến để ghi điều này ra giấy và tôi sẽ chuyển tất cả những gì cậu sở hữu sang tên tôi. Bởi dù sống một mình, tôi không phải là loại đàn bà đáng khinh và tôi phải lo cho tương lai của mình một khi cậu ruồng bỏ tôi, Sinuhe ạ.

Tôi ngắm nhìn tấm lưng nàng ta, lưỡi cứng đơ trong miệng, tim đập thình thịch khiến tôi phải lập tức quay đi và tìm một viên thư lại am tường luật để người này nhanh chóng viết tất cả mọi điều cần thiết ra giấy và gửi vào lưu trong văn khố hoàng gia. Khi tôi quay lại, Nefernefernefer đã khoác xiêm áo lanh hoàng gia lên người, đội mái tóc giả lên đầu, sắc đỏ như vàng, còn quanh cổ tay,

cổ chân là những đồ trang sức tuyệt đẹp, chiếc kiệu sang trọng đang đợi nàng ta trước cửa nhà. Tôi đưa cho nàng khế ước mà viên thư lại đã làm và nói:

- Tất cả những gì tôi sở hữu nay đã thuộc về nàng, Nefernefernefer, tất cả là của nàng, kể cả quần áo trên người tôi. Hôm nay chúng ta hãy cùng ăn uống và tận hưởng lạc thú, bởi vì ai biết được điều gì sẽ đến vào ngày mai.

Nàng ta cầm tờ giấy, hờ hững cất nó vào cái hộp gỗ mun và nói:

- Tôi rất lấy làm tiếc Sinuhe ạ, bởi tôi vừa nhận ra là kinh nguyệt của tôi mới bắt đầu, nên cậu không thể ăn nằm với tôi được như tôi mong muốn. Vậy nên tốt hơn là cậu về đi đã, hãy để cho tôi sạch sẽ theo cách thần ban, vì đầu tôi nặng trịch và lưng tôi mỏi. Một hôm nào khác khi cậu quay lại, cậu sẽ nhận được điều cậu muốn.

Tôi nhìn nàng ta và thần chết chế ngự trong lồng ngực nên tôi không thốt ra được lời nào. Nàng ta tỏ vẻ rất sốt ruột, giậm chân xuống sàn nhà và nói:

- Cậu biến đi, tôi đang vội.

Khi thấy tôi định ôm nàng ta, nàng bảo:

- Đừng làm bẩn son trên mặt tôi.

Tôi về nhà, dọn dẹp đồ đạc để mọi thứ sẵn sàng cho người chủ mới. Lão đầy tớ một mắt của tôi vừa đi theo tôi từng bước vừa lúc lắc đầu, cho đến khi sự chường mặt của lão làm tôi vướng mắt, tôi gắt lên:

- Đừng có đi theo ta như thế vì ta không còn là chủ ngươi nữa rồi, người khác đã sở hữu ngươi. Hãy ngoan ngoãn vâng lời khi người đó đến và đừng có lấy cắp của người đó nhiều như đã lấy của ta, vì có thể cây gậy của hắn sẽ cứng hơn của ta đấy.

Lúc đó lão cúi rạp người xuống đất trước mặt tôi và giơ hai tay lên quá đầu vì quá đau buồn, vừa cay đắng khóc vừa nói:

- Ông chủ ơi, xin ngài đừng đuổi con đi, vì trái tim già nua của con đã kính yêu ông và sẽ vỡ làm đôi nếu bây giờ ông đuổi con đi. Con luôn trung thành với ông cho dù ông còn rất trẻ và hồn nhiên, thứ gì con đã trộm của ông, con đã tính toán rất kỹ nên trộm bao nhiêu và dựa theo lợi ích của ông. Con đã chạy dọc các con phố

bằng đôi chân già nua của mình vào giữa trưa nóng bức, mồm gào tên ông và tài chữa bệnh của ông để ai cũng nghe thấy, mặc dù kẻ hầu người hạ của các thầy thuốc khác lấy gậy đánh con và nhặt rác rưởi, phân cứt ném con.

Tim tôi quặn đau và miệng tôi đắng ngắt khi nhìn lão ta, nhưng rồi tôi mủi lòng, đưa tay vỗ lên vai lão rồi nói:

- Đứng dậy nào, Kaptah!

Tên được ghi trên giấy mua nô lệ của lão là Kaptah nhưng tôi chưa bao giờ gọi lão bằng tên để lòng tự trọng của lão đừng trỗi dậy, để lão đừng nghĩ mình ngang hàng với tôi. Nên khi gọi lão, bao giờ tôi cũng chỉ hét to "tên nô lệ", "đồ ngu", "đồ vô lại", hay "tên trộm".

Giờ nghe tôi thốt lên tên mình, lão khóc thảm thiết hơn, chạm trán vào tay và chân tôi rồi đặt bàn chân tôi lên đầu mình cho đến khi tôi phát cáu, ẩn lão ra và lệnh cho lão đứng dậy.

- Khóc lóc cũng không giúp gì được nữa, - tôi bảo. - Nhưng lão nên biết rằng ta không bán lão cho kẻ khác vì ta ghét lão, vì quả thật ta hài lòng với cách lão hầu ta cho dù nhiều lúc lão đập cửa rầm rầm, gõ nồi xoong loảng xoảng để cãi lại không biết xấu hổ khi có gì đó không vừa lòng lão. Cho dù lão có lấy trộm của ta, ta cũng không lấy đó làm bực vì đó là quyền của kẻ nô lệ. Xưa đã thế và sau này vẫn thế. Nhưng ta buộc phải từ giã lão cho dù ta không muốn, vì ta không có gì để làm quà tặng. Ta còn mất cả nhà cửa và tất cả những gì ta sở hữu, ngay đến quần áo trên người cũng không còn là của ta. Thế nên lão khóc lóc trước mặt ta thế này cũng vô ích.

Lúc đó Kaptah đứng dậy, đưa tay gãi đầu và nói:

- Hôm nay là một ngày đáng nguyền rủa.

Rồi lão suy nghĩ rất lung và nói:

- Ông chủ Sinuhe, ông là thầy thuốc vĩ đại, dù ông còn trẻ và cả thế giới rộng mở trước ông, nên tốt nhất là con sẽ nhanh chóng thu dọn tất cả của cải có giá trị và khi đêm đến ta sẽ đi trốn, ta sẽ trốn trong cái thuyền nào có chủ thuyền không quá kỹ tính và sẽ dong buồm xuôi sông. Có biết bao nhiêu thành phố trong cả hai vương quốc, nếu ông bị đám nha lại phát hiện và truy tìm, hay nếu con bị nhận ra trong bảng tên của nô lệ bỏ trốn, thì chúng ta vẫn có thể đến các vùng đất đỏ, nơi không ai biết ông. Chúng ta cũng có thể đến các đảo ở biển xa, nơi rượu ngọt lành và đàn bà vui vẻ, và cả ở đất Mitanni và Babylon, nơi các dòng sông chảy sai

hướng, nơi người ta coi trọng tài năng của danh y Ai Cập, ông có thể giàu có và con đây thành người hầu của đức ông đáng kính. Ông chủ ơi nhanh lên để ta còn kịp thu dọn đồ đạc của ông trước khi trời tối.

Lão giật giật tay áo tôi.

- Này Kaptah, Kaptah! - Tôi nói. - Lão đừng có quấy rầy ta bằng những lời ngu ngốc của lão, bởi vì tim ta tối tăm như tử thần và thân thể ta không còn của ta nữa. Ta đã bị trói buộc bằng những xiềng xích còn chắc hơn cả dây đồng dù lão không nhìn thấy. Vậy nên ta không thể bỏ trốn bởi mỗi phút giây ở xa Thebes, ta sẽ phải sống như trong lò lửa.

Lão hầu của tôi ngồi phịch xuống nền nhà, vì chân lão đầy những cục bướu đau nhức mà khi rảnh rỗi, tôi cũng chữa trị cho lão. Lão nói:

- Có lẽ thần Amon đã hắt hủi chúng ta rồi, mà con cũng không lấy làm ngạc nhiên, vì ông chủ ít khi dâng lễ cho thần. Tuy con vẫn thường xuyên cúng cho thần một phần năm những gì con lấy trộm của ông để tỏ lòng biết ơn thần vì đã ban cho con một ông chủ trẻ và chân chất, nhưng cả con cũng bị thần hắt hủi rồi. Đúng thế! Chúng ta nên đổi thần thôi và phải đi dâng lễ ngay cho thần khác, biết đâu thần đó sẽ xua được điều tồi tệ khỏi ta và làm cho mọi việc trở nên tốt lành.

- Đừng có lảm nhảm như thế, - tôi nói và bắt đầu thấy hối hận đã gọi lão bằng tên, vì lão đã ngay lập tức làm ra vẻ thân thiết quá. - Lời nói của lão như tiếng ruồi vo ve trong tai ta và lão quên rằng ta không còn gì để dâng lễ nữa, bởi vì người khác đã sở hữu tất cả những gì ta có.

- Người đó là đàn ông hay đàn bà? - Kaptah tò mò hỏi.

- Đàn bà, - tôi đáp, vì tôi giấu lão làm gì cơ chứ.

Nghe thế lão lại òa khóc và vừa bứt tóc vừa gào:

- Giá như tôi đừng sinh ra trên cõi đời này! Giá như mẹ đã quấn dây rốn thít chặt cổ cho tôi chết vào đúng ngày tôi ra đời! Bởi vì không có số phận nào tàn nhẫn hơn cho đứa nô lệ khi phải hầu hạ một mụ đàn bà nhẫn tâm và bà ta chắc chắn là người nhẫn tâm vì đã làm việc này với ông. Rồi bà ta sẽ bắt tôi nhảy nhót và chạy từ sáng sớm tới tối mịt trên đôi chân đau, sẽ lấy kim chọc tôi và quất gậy vào cái lưng già nua của tôi cho đến khi tôi kêu lên và khóc

nức nở. Điều này xảy ra với tôi, dù tôi đã cầu Amon ban phúc và dâng lễ tạ ơn thần linh khi thần cho tôi hầu hạ ông chủ trẻ và ngây thơ.

- Nàng không độc ác chút nào! - tôi nói. Con người ta sao lại điên rồ đến thế, tôi lại muốn kể về Nefernefernefer với cả đầy tớ của mình, vì tôi không có ai để nói chuyện, không có ai tôi có thể tin tưởng. - Khi nằm trên giường không xiêm áo, nàng đẹp hơn cả trăng rằm, chân tay nàng mịn màng với dầu xức đắt tiền và đôi mắt nàng xanh như nước sông Nile giữa ngày hè cháy bỏng. Lão sẽ thấy mình hạnh phúc và đáng ghen tị nếu lão được sống gần nàng và thở cùng bầu không khí mà nàng hít thở.

Kaptah khóc dữ hơn, lão gào lên:

- Tất nhiên là mụ ta sẽ bán tôi làm cửu vạn hoặc phu đập đá khiến phổi tôi nghẹt lại, máu tóe ra dưới móng tay và chết gục xuống bùn đen như thể con lừa bị đá.

Trong thâm tâm tôi biết có lẽ lão nói đúng vì trong nhà của Nefernefernefer chắc không có chỗ nằm và đồ ăn cho người như lão. Nước mắt tôi bắt đầu trào ra, nhưng tôi thật không biết mình khóc vì lão hay vì bản thân. Nhìn thấy thế Kaptah nín bặt và sợ hãi nhìn tôi. Nhưng tôi chỉ đưa hai tay ôm đầu, mặc người đầy tớ của mình nhìn thấy mình khóc. Kaptah đặt bàn tay rộng bè lên đầu tôi và buồn bã nói:

- Tất cả là lỗi của kẻ tôi tớ này vì đã không bảo vệ được ông chủ của mình tốt hơn. Nhưng sao tôi có thể đoán được khi ông ấy trong trắng và sạch sẽ như tấm áo chưa qua một lần giặt. Thật ra tôi cũng đã thấy ngạc nhiên khi ông chủ chưa bao giờ bảo tôi dắt gái về cho ông khi đêm đêm ông trở về từ quán rượu. Và những người đàn bà mà tôi bảo đến gặp ông chủ, cởi xiêm áo, khoe thân hình và sẵn lòng hoan lạc với ông, đều thất vọng bỏ đi, gọi tôi là đồ chuột thối tha, là chim bới đống rác. Trong số đó cũng có người còn tương đối trẻ đấy chứ, mà có khi còn xinh đẹp nữa. Nhưng mọi sự săn sóc này của tôi đều vô ích và thằng ngốc tôi trong thâm tâm vô cùng mừng rỡ khi nghĩ ông chủ không bao giờ muốn lấy vợ, cái người có khi lại gõ lên đầu tôi và hắt nước sôi vào chân tôi sau khi cãi nhau với chồng. Ôi, sao tôi lại ngu ngốc và điên rồ thế! Khi ta vứt hòn than hồng đầu tiên vào túp lều sậy thì lều đã ngay lập tức cháy rụi thành tro.

Lão còn nói:

- Tại sao ông chủ không hỏi tôi khi ông còn ngây thơ như thế, bởi tôi đã nhìn thấy nhiều điều và tôi biết cũng nhiều, dù ông có thể không tin. Cả tôi cũng đã từng ăn nằm với lũ đàn bà, cho dù việc đó xưa lắm rồi và tôi đảm bảo với ông rằng bánh mì, bia với cái bụng no đầy tốt hơn cả vòng tay ôm của người đàn bà đẹp nhất. Ôi, ôi ông chủ ơi, khi người đàn ông đến gặp đàn bà, anh ta phải cầm theo cây gậy, nếu không anh ta sẽ bị đàn bà điều khiển, bị trói vào dây xích. Dây xích sẽ hằn xuống thịt như sợi chỉ mỏng và làm tim xây xước như mảnh đá trong dép làm chân ta đau. Ông chủ ơi, thề có thần Amon, giá như ông cứ gọi lũ con gái về nhà hằng đêm thì chúng ta đâu đến nông nỗi này. Ông chủ đã phí hoài thời gian trong các quán rượu với nhà vui, để bây giờ ông bị đàn bà biến thành nô lệ cho họ.

Lão còn lảm nhảm nhiều nữa cho đến khi lời lão nói như lũ ruồi vo ve trong tai tôi. Cuối cùng lão trấn tĩnh lại và nấu cho tôi ăn, đổ nước cho tôi rửa tay, nhưng tôi không tài nào ăn được vì cơ thể tôi như bị lửa thiêu đốt và tối đến tôi không thể nghĩ được gì khác ngoài một việc.

Kaptah ăn rất nhiều và uống đến cạn hũ rượu, nghêu ngao những bài ca buồn bã, bứt tóc và rắc tro đầy người cho đến khi ngủ thiếp đi. Nhưng tôi không tài nào ngủ được, cả người bủn rủn. Vậy nên tôi bước vào đêm tối, lang thang quanh đền thờ thần Bast và tôi thấy đuốc sáng trước nhà Neferneferner, những người khách vui vẻ bước xuống kiệu, vào nhà nàng. Nhưng tôi không dám đến gặp nàng vì nàng đã cấm tôi làm điều đó, nên tôi lại tiếp tục lang thang quanh đền Bast và suy nghĩ của tôi như đám rắn độc cắn da thịt tôi. Vài cô ả đến kéo tay áo tôi, cười đùa và thì thào gọi tôi trong bóng tối cho đến khi tôi đau khổ và vô vọng đi theo một người trong bọn họ. Cô ả xin tôi quà và tôi đưa cho ả miếng đồng cuối cùng của mình rồi theo ả đến bên chân tường đền Bast. Cô ả nằm xuống đất, cởi xiêm áo và vòng tay ôm tôi. Nhưng tôi không thể ấn cái của nợ của mình vào cô ta dù tôi có ham muốn, đất bên tường thành đền bốc mùi khăm khẳm và cô ả đứng lên theo sau tôi, nhổ một bãi nước bọt về phía tôi và nguyền rủa tôi.

Tôi trở về nhà mệt mỏi, rã rời như vừa chịu một trận đòn, cái giường của tôi như lò lửa và tôi rên rỉ trong giấc ngủ của mình. Sáng ra tôi tắm rửa sạch sẽ, mặc quần áo và xức dầu lên mặt để đến nhà Neferneferner, bởi tôi nghĩ mình sẽ chết nếu không được nhìn thấy nàng và chạm tay vào nàng. Đôi mắt Kaptah đỏ mọng vì khóc, lão rắc tro lên đầu rồi ngã nhào xuống đất trước mặt tôi ngăn không cho tôi đi. Nhưng lòng tôi đã quyết, tôi lấy chân gạt lão sang bên để có thể đi được, nhưng giá mà tôi đừng đi

thì đã tốt hơn biết bao nhiêu.

Sách thứ tư
Neferneferneferne

ta cũng mời tôi rượu nhưng rượu không có vị gì khi tôi chằm chặp nhìn nàng.

- Vậy là hôm qua nàng đã dối tôi, - tôi nói. - Nàng không chịu vui thú cùng tôi đâu phải vì nàng có tháng.

Nhưng tôi nói thế chỉ vô ích bởi trong thâm tâm tôi đã biết điều đó từ hôm qua.

- Tôi nhầm, - nàng ta nói, - nhưng theo kỳ kinh thì đáng lẽ tôi phải thấy rồi. Tôi đang rất lo vì có thể cậu đã làm tôi mang bầu, Sinuhe ạ, khi tôi mềm nhũn ra trong vòng tay cậu và cậu đã làm quá mạnh với tôi.

Nhưng nàng ta mỉm cười khi nói và đắc chí nhìn tôi, vì vậy tôi biết nàng ta chỉ nhạo báng tôi.

- Chiếc trâm của nàng chắc được tìm thấy trong mộ của các vị vua ở Syria? - Tôi hỏi. - Tôi nhớ hôm qua nàng đã nói thế với tôi.

- À, - nàng ta mệt mỏi thốt lên, - quả thật chiếc trâm cài trán được tìm thấy dưới gối trên giường của thương gia Syria nhưng cậu không phải lo, bởi ông ta là một tay bụng phệ, to béo như lợn và phả ra mùi hành. Tôi không muốn gặp ông ta nữa sau khi đã có được thứ tôi muốn.

Nàng ta cởi bộ tóc giả và tháo chiếc trâm ra, hờ hững thả chúng xuống sàn cạnh giường rồi lại nằm xuống giường. Đỉnh đầu của nàng ta thật mịn và đẹp khi nàng để lộ ra trước ánh mắt tôi. Rồi nàng ta duỗi thẳng người và đưa hai tay ra sau cổ.

- Tôi yếu đuối và mệt mỏi, Sinuhe ạ, - nàng ta nói. - Cậu đang lợi dụng sự mệt mỏi của tôi để nhìn tôi như thế này khi tôi không đủ sức ngăn cậu. Cậu nên nhớ tôi không phải là loại đàn bà đáng khinh, mặc dù tôi sống một mình và phải giữ phẩm giá của mình.

- Nàng biết tôi không còn món quà nào để tặng nàng vì nàng đã sở hữu tất cả mọi thứ tôi có.

Tôi nói và cúi đầu xuống mép giường, cảm nhận mùi dầu và mùi da của nàng. Nàng đưa tay chạm vào tóc tôi nhưng nhấc tay ra ngay rồi bật cười và ngọ ngoạy đầu khi đang nằm.

- Lũ đàn ông mới dối trá và quỷ quyệt làm sao, - nàng ta nói. - Cả cậu cũng lừa dối tôi nhưng tôi không thể làm gì được với việc tôi thích cậu và tôi quá yếu đuối. Có lần cậu đã nói vòng tay của tôi

nóng hơn lửa nhưng điều đó không đúng. Cậu thử xem, nó thật mát mẻ và dịu dàng với cậu. Cậu cũng có thể đưa tay vuốt ve vú tôi vì chúng mệt mỏi và muốn được cậu vuốt ve.

Nhưng khi tôi muốn ân ái cùng nàng thì nàng ta ẩn tôi ra rồi ngồi bật dậy và nói với vẻ bực tức:

- Tôi yếu đuối và đơn độc, song tôi không cho phép một người đàn ông dối trá ăn nằm với mình. Bởi vì cậu đã giấu tôi, cha cậu, Senmut, có một ngôi nhà ở khu phố nghèo gần bến cảng. Ngôi nhà không mấy giá trị, nhưng mảnh đất đó nằm gần cầu cảng và trong nhà hẳn phải có thứ gì đó bán được ngoài chợ. Tôi có thể ăn uống và ân ái cùng cậu hôm nay nếu cậu trao cho tôi tài sản đó, vì không ai biết ngày mai chuyện gì sẽ đến và tôi phải giữ danh giá của mình.

- Tài sản của cha tôi không phải là tài sản của tôi, - tôi giật mình nói. - Nàng không thể đòi hỏi từ tôi thứ không phải của tôi, Nefernefernefer ạ.

Nàng ta nghiêng đầu và nhìn tôi với đôi mắt màu xanh lá cây, khuôn mặt nàng nhợt nhạt và nhỏ bé khi nói:

- Tài sản của cha cậu là tài sản hợp pháp của cậu, Sinuhe ạ, cậu biết rõ điều đó. Vì cha mẹ cậu không có con gái nên quyền thừa kế thuộc cả về con trai và cậu là con trai duy nhất của họ. Cậu cũng giấu tôi cha cậu bị mù, nên ông ấy đã giao con dấu của ông cho cậu và cậu có quyền trông coi, định đoạt tài sản đó như thể nó là của cậu vậy.

Đó là sự thật, vì thị lực kém đi, bố tôi, Senmut, đã trao cho tôi con dấu của ông và yêu cầu tôi coi sóc tài sản và đồ dùng trong nhà giúp ông, bởi ông không còn nhìn thấy và tự viết được tên mình. Kipa và ông cũng thường nói ngôi nhà cần được bán với giá hời để họ có thể mua một trang trại nhỏ ở ngoại ô và sống ở đó cho đến ngày đi xuống mồ và bắt đầu cuộc hành trình vào cõi vĩnh hằng.

Tôi không nói được lời nào, nỗi kinh hoàng khủng khiếp tràn ngập tâm trí khi nghĩ rằng tôi có thể phản bội cha mẹ yêu kính của mình. Nhưng Nefernefernefer nheo mắt lại và nói:

- Hãy ôm lấy đầu tôi và chạm môi cậu vào hai bầu vú vì cậu có gì đó khiến tôi mềm yếu, Sinuhe ạ. Tôi sẽ quên hết lợi lộc của mình vì cậu và chúng ta sẽ mây mưa cả ngày hôm nay nếu cậu trao cho tôi tài sản của cha cậu, mặc dù nó chẳng đáng bao nhiêu.

Tôi ôm đầu nàng ta trong tay, nó thật trơn tru, nhỏ bé trong tay tôi và cơn dục vọng không thể diễn đạt bằng lời bùng lên chế ngự tôi.

- Được, hãy làm như nàng muốn.

Tôi nói và tiếng của tôi khản đục trong tai tôi. Nhưng khi tôi muốn ấn nàng xuống, nàng ta nói:

- Cậu sẽ vào ngay được nhà mình, nơi cậu đã ở, nhưng trước tiên hãy tìm một thư lại am tường luật pháp để viết các giấy tờ cần thiết, bởi tôi không tin lời hứa của đàn ông vì họ luôn dối trá và tôi phải giữ thanh danh của mình.

Tôi đi mời ký lục, và mỗi bước rời xa Nefernefernefer là một lần tôi đau khổ nên tôi giục viên ký lục làm nhanh khế ước, đóng ấn triện của cha tôi rồi viết tên ông vào bản ký lục để viên ký lục có thể gửi ngay khế ước đến văn khố hoàng gia. Nhưng tôi không còn lấy một mẩu bạc hay một đồng để trả công cho viên ký lục, tuy không hài lòng nhưng ông ta cũng đồng ý đợi đến khi tài sản được bán mới lấy tiền công và điều này cũng được ghi vào giấy.

Nhưng khi tôi quay trở lại, đầy tớ nói Nefernefernefer đã ngủ và tôi buộc phải đợi đến khi nàng ta thức dậy vào tối muộn. Cuối cùng nàng ta cũng tỉnh giấc và tiếp tôi. Tôi đưa cho nàng ta giấy của viên ký lục và nàng ta dửng dưng nhét nó vào chiếc hộp gỗ mun của mình.

- Cậu rất bướng bỉnh, Sinuhe ạ, - nàng ta nói, - nhưng tôi là người phụ nữ giàu lòng tự trọng và luôn giữ lời hứa. Vì vậy lấy đi, vì nó cậu đến mà.

Nàng ta nằm xuống giường và dang rộng vòng tay nhưng không ôm ấp, âu yếm tôi mà quay đầu sang một bên, nhìn mình trong gương rồi giơ tay che cái ngáp khiến cho cơn thèm khát khoái lạc của tôi trở nên nguội lạnh. Khi tôi đứng dậy khỏi giường, nàng ta bảo:

- Sinuhe, cậu đã nhận được cái cậu muốn, giờ hãy để tôi yên vì cậu làm tôi chán ngấy. Cậu chẳng đem lại cho tôi tí khoái lạc nào, vừa vụng về vừa mạnh và tay cậu làm tôi đau. Nhưng tôi không muốn kể lể những điều tôi phải chịu vì dù sao cậu cũng không biết làm tốt hơn. Giờ cậu để tôi yên. Hôm khác cậu có thể quay lại, mặc dù có thể cậu cũng đã chán tôi rồi.

Như vỏ trứng rỗng, tôi lảo đảo ra khỏi nhà nàng ta và trở về nhà

mình. Tôi muốn vào phòng tối yên tĩnh để có thể lấy tay ôm đầu than khóc cho nỗi đau buồn và thất vọng của mình nhưng một người khách với bộ tóc giả trên đầu và trang phục Syria sặc sỡ đang ngồi trên hiên nhà. Ông ta hống hách chào tôi và xin tôi lời khuyên với tư cách một danh y.

- Tôi không còn tiếp bệnh nhân nữa, - tôi nói, - vì nhà này không phải của tôi.

- Chân tôi có những cục u, - ông ta nói, chen cả những từ Syria vào lời nói của mình. - Lão nô lệ thông thái của anh, Kaptah, đã giới thiệu với tôi anh là người chữa u bướu giỏi. Vì vậy, hãy giải thoát tôi khỏi nỗi khổ của mình và anh sẽ không hối tiếc.

Ông ta bướng bỉnh đến nỗi cuối cùng tôi phải dẫn ông ta vào phòng khám và gọi Kaptah mang nước nóng đến cho tôi rửa ráy. Nhưng Kaptah biến đâu mất và chỉ khi xem xét đôi chân Syria, tôi mới nhận ra đó là đôi chân có những nốt sưng phồng của Kaptah. Kaptah bỏ tóc giả ra, để lộ khuôn mặt mình rồi cười to với tôi.

- Ngươi làm trò quái quỷ gì vậy? - Tôi hỏi và lấy gậy đánh lão khiến tiếng cười của lão đột nhiên biến thành tiếng khóc. Nhưng sau khi tôi ném cây gậy đi, lão nói:

- Bởi vì tôi không còn là nô lệ của ông mà là nô lệ của người khác, tôi có thể nói thẳng là tôi sẽ bỏ trốn, vì thế tôi thử xem ông có nhận ra tôi trong trang phục này không.

Tôi nhắc ông ta về những hình phạt răn đe những nô lệ bỏ trốn và nói chắc chắn ông ta sẽ bị bắt một lúc nào đó, vì ông ta lấy gì nuôi mình chứ. Nhưng ông ta nói:

- Đêm qua, sau khi uống rất nhiều bia tôi đã nằm mơ. Trong giấc mơ, ngài, ông chủ của tôi, nằm trong một lò lửa nhưng khi tôi đến, tôi đã nói với ông những lời cay nghiệt, nắm cổ dúi ông xuống dòng nước chảy xiết và nó cuốn ông đi. Tôi ra chợ và hỏi người giải mộng rằng giấc mộng của tôi ám chỉ điều gì, ông ta nói chủ của tôi đang gặp nguy hiểm và tôi sẽ bị quật mấy gậy vì sự hỗn xược của mình, ông ta còn nói ông chủ của tôi có một hành trình dài phía trước. Giấc mộng đó là thật, bởi vì ông chủ của tôi ơi, chỉ cần nhìn vào khuôn mặt ông là có thể biết rằng ông đang gặp nguy hiểm lớn, những gậy ông đánh tôi chứng tỏ giấc mộng này đúng. Vậy nên tôi sắm cho mình bộ quần áo này để không ai nhận ra, bởi vì chắc chắn tôi sẽ đi theo ông chủ.

- Lòng trung thành của ngươi làm ta xúc động, Kaptah ạ, - tôi nói,

cố tỏ ra hài hước. - Có thể phía trước ta là một cuộc hành trình dài nhưng nếu đúng vậy, nó sẽ đưa ta đến Nhà Chết, và ngươi chắc sẽ không muốn theo ta trong hành trình đó.

- Không ai biết trước được ngày mai, - Kaptah táo tợn nói. - Ông vẫn còn thơ dại và tái nhợt như bê con chưa được mẹ liếm sạch, ông chủ của tôi ạ. Vì thế tôi không dám để ông một mình đi trên cuộc hành trình gian khó đến Nhà Chết và miền tây. Có thể tôi đi theo ông chủ, nếu việc xảy ra như thế, để giúp ông với kinh nghiệm của mình, bởi lòng tôi đã gắn bó với ông bất chấp mọi sự điên rồ của ông và cũng bởi vì tôi chưa bao giờ có một đứa con trai, mặc dù tôi có thể là cha của nhiều đứa trẻ. Tôi chưa bao giờ nhìn thấy chúng, vì thế tôi muốn nghĩ rằng ông là con trai tôi. Tôi nói điều đó không phải để báng bổ ông, mà chỉ cho thấy tôi yêu thương ông đến thế nào.

Sự táo tợn của ông ta đã đi quá đà, nhưng tôi không thèm lấy gậy quất ông nữa vì ông không còn là đầy tớ của tôi. Tôi vào phòng mình, lấy quần áo trùm đầu và ngủ như chết cho đến sáng, bởi vì khi sự xấu hổ và hối hận của người ta đủ lớn, nó như một loại thuốc mê. Nhưng điều trước tiên tôi nhớ đến khi tỉnh dậy vào sáng hôm sau là đôi mắt và thân hình của Neferneferner, như thể tôi đang ôm cái đầu nhẵn trơn của nàng ta trong tay và vú của nàng ta dưới ngực mình. Vì sao lại thế, tôi không thể nói và có lẽ đúng là nàng ta đã bỏ bùa tôi theo cách mà tôi không biết, mặc dù tôi không còn tin vào ma thuật nữa. Tôi chỉ biết mình đã tắm rửa, mặc quần áo và xức dầu thơm để đi đến nhà nàng.

2

Neferneferner đón tôi bên ao sen trong vườn. Đôi mắt nàng ta sáng trong, vui tươi và còn xanh hơn nước sông Nile. Nàng ta reo lên khi nhìn thấy tôi:

- Ôi, Sinuhe! Cậu vẫn quay trở lại với tôi ư? Có lẽ tôi vẫn chưa già và xấu, vì cậu vẫn chưa chán tôi. Cậu muốn gì ở tôi?

Tôi nhìn nàng ta như người sắp chết đói nhìn miếng bánh mì và nàng ta nghiêng đầu, chợt trở nên bực tức và nói:

- Sinuhe, Sinuhe, lẽ nào cậu lại muốn hoan lạc tiếp với tôi? Đúng là tôi sống một mình, nhưng tôi không phải là gái làm tiền và tôi phải giữ thanh danh.

- Hôm qua tôi đã trao cho nàng tất cả tài sản của cha tôi, - tôi nói, - giờ đây cha tôi đã trở thành người đàn ông nghèo mặc dù ông là một lương y đáng kính. Ai biết được, có khi ông phải làm kẻ ăn xin mù lòa vào những ngày cuối đời mình và mẹ tôi trở thành người giặt thuê.

- Hôm qua là hôm qua, còn hôm nay là hôm nay, - Nefernefernefer nói và nhìn tôi, đôi mắt lim dim. - Nhưng tôi có đòi hỏi gì đâu, tôi cho phép cậu ngồi xuống cạnh tôi và được nắm tay tôi nếu cậu muốn. Hôm nay tôi rất vui và muốn chia sẻ chí ít là với cậu niềm vui của mình, song tôi không dám ân ái cùng cậu.

Nàng ta nhìn tôi cười giễu cợt và nhẹ nhàng đưa tay xoa ngực mình.

- Cậu không buồn hỏi tại sao tôi vui, - nàng nói vẻ trách móc, - nhưng tôi vẫn có thể kể điều đó với cậu, rằng có một gã quý phái từ miền Hạ đến thành phố, mang theo bộ bát vàng nặng gần cả trăm deben, trên bát vẽ nhiều hình ảnh đẹp và vui nhộn. Thực ra ông ta già và gầy đến nỗi xương ông ta có thể chọc vào bụng tôi, nhưng tôi vẫn nghĩ chỉ ngày mai thôi, bộ bát đĩa bằng vàng đó sẽ làm đẹp nhà tôi. Vì tôi không phải là người đàn bà đáng khinh bỉ và tôi phải bảo vệ thanh danh của mình.

Thấy tôi không nói gì, nàng ta ra bộ thở dài rồi mơ màng nhìn những đóa sen và hoa trong vườn. Sau đó, nàng từ từ cởi xiêm áo và đầm mình xuống ao để bơi. Đầu nàng nhô lên khỏi mặt nước cạnh khóm sen, nhìn còn đẹp hơn cả hoa. Nàng ta đến gần, đong đưa trước mặt tôi rồi vươn cánh tay ra sau cổ và nói:

- Hôm nay sao cậu ít lời vậy, Sinuhe? Chả lẽ tôi đã vô tình làm cậu buồn? Nếu có thể làm gì để sửa chữa lỗi đó, tôi sẽ sẵn lòng.

Lúc đó tôi không thể im lặng được nữa:

- Nàng biết rõ tôi muốn gì, Nefernefernefer ạ.

- Mặt cậu đỏ bừng và tĩnh mạch phập phồng trên thái dương kìa, Sinuhe! - Nàng ta nói. - Có lẽ tốt hơn nếu cậu cởi quần áo và xuống ao tắm mát với tôi, vì hôm nay thật là một ngày nóng nực. Ở đây không ai nhìn thấy chúng ta nên cậu không phải e ngại.

Tôi cởi quần áo, lội xuống nước và đến bên nàng ta. Dưới làn nước, hông nàng chạm vào hông tôi. Nhưng khi tôi muốn ôm nàng, nàng ta vừa cười vừa tránh ra và hắt nước vào mắt tôi.

- Tôi biết rõ cậu muốn gì, Sinuhe ạ, - nàng ta nói, - mặc dù tôi quá thẹn thùng để nhìn cậu. Nhưng trước tiên cậu phải tặng tôi một món quà, vì cậu quá biết tôi không phải là người đàn bà đáng khinh.

Tôi phát khùng và hét lên:

- Nefernefernefer, nàng thật điên rồ! Nàng biết rõ là nàng đã tước đi mọi thứ của tôi. Tôi thấy hổ thẹn và không bao giờ dám gặp bố mẹ mình. Tuy vậy, tôi vẫn là một danh y và tên tôi được ghi trong sách của Nhà Sống. Có thể thỉnh thoảng tôi vẫn còn kiếm được đôi chút để có thể tặng nàng một món quà xứng đáng nhưng hãy rủ lòng thương tôi, bởi vì tuy ở trong nước mà cơ thể tôi như bị lửa thiêu đốt và tôi cắn tay đến chảy máu khi nhìn nàng.

Nàng ta trườn đi trong nước rồi nhẹ nhàng rập rờn ở đó, đôi vú như hai bông hoa đỏ nhú lên từ mặt nước.

- Thầy thuốc hành nghề bằng tay và mắt, phải không, Sinuhe? - Nàng ta nói. - Không có tay và mắt, cậu khó có thể là danh y ngay cả khi tên cậu được viết trong sách của Nhà Sống. Tôi có thể ăn uống và truy hoan cùng cậu hôm nay nếu cậu để người ta moi mắt và chặt tay để tôi có thể treo chúng lên dầm đỡ của cánh cửa vào phòng tôi như biểu tượng của chiến thắng, cho thấy khách của tôi tôn trọng tôi và tôi không phải là loại đàn bà đáng khinh bỉ.

Nàng ta nhìn tôi từ dưới đôi mí mắt được tô màu xanh lá cây, tiếp tục lạnh lùng:

- Không, tôi chẳng thèm để ý đến những thứ đó vì tôi làm gì với đôi mắt của cậu chứ, còn đôi tay cậu chỉ bốc mùi hôi thối, kéo ruồi vào phòng tôi thôi. Chả lẽ chúng ta không còn nghĩ ra thứ gì để cậu tặng tôi sao? Vì cậu làm tôi mềm rũ đi, Sinuhe ạ, và tôi đang cồn cào khi nhìn cậu trần truồng trong ao. Thực ra cậu vụng về và thiếu kinh nghiệm nhưng tôi nghĩ nội trong hôm nay, tôi có thể dạy cậu nhiều điều cậu chưa biết, bởi vì tôi biết vô số cách để làm đàn ông thỏa mãn và đàn bà cũng có thể đê mê. Hãy nghĩ về việc đó một chút, Sinuhe.

Nhưng khi tôi lại gần, nàng ta bật dậy và rời đi rồi đến đứng giũ nước trong bóng cây.

- Tôi chỉ là một phụ nữ yếu đuối, còn đàn ông thì xảo quyệt và gian dối, - nàng nói. - Cậu cũng vậy, Sinuhe ạ, cậu vẫn nói dối tôi. Tôi rất buồn khi nghĩ về điều đó và nước mắt chỉ chực trào ra, rõ ràng cậu đã chán tôi rồi vì nếu không, cậu sẽ không giấu tôi cha

mẹ cậu đã mua cho mình một ngôi mộ đẹp ở nghĩa địa của thành phố và gửi vào đền đầy đủ của cải cần thiết để thi thể họ được chăm nom, vượt qua cái chết và có đủ thứ cần thiết cho cuộc hành trình đến miền tây.

Nghe thế, tôi đưa tay cào xước ngực mình khiến máu rỉ ra và hét lên:

- Đúng thật tên cô là Tabubue, giờ thì tôi tin điều đó!

Nhưng nàng ta tỏ ra buồn bã và nói:

- Cậu không nên trách tôi chỉ vì tôi không muốn thành người đàn bà bị khinh rẻ. Tôi cũng không mời cậu đến đây mà tự cậu đến. Tốt thôi. Bây giờ tôi biết cậu hoàn toàn không yêu gì tôi mà chỉ đến để phỉ báng tôi, vì cái chuyện nhỏ xíu mà thành trở ngại giữa chúng ta.

Những giọt nước mắt bắt đầu lăn dài trên má tôi và tôi nức nở vì buồn tủi, nhưng tôi đến bên nàng ta và nàng ta chạm nhẹ thân thể mình vào người tôi.

- Chỉ nghĩ đến thôi đã thấy tội lỗi và khiếp đảm rồi, - tôi nói. - Lẽ nào tôi lại tước mất cuộc sống vĩnh cửu của bố mẹ tôi, để thân thể họ nát rữa vào hư vô như thân xác của đám nô lệ, của những người nghèo hay những người bị ném xuống sông vì tội lỗi. Nàng không thể đòi hỏi tôi điều đó.

Nhưng nàng ta áp thân thể trần truồng vào người tôi và nói:

- Hãy cho tôi ngôi mộ của cha mẹ cậu, tôi sẽ thì thầm vào tai cậu: "Yêu dấu ơi, cơ thể rực lửa ngọt ngào này dành cho cậu" và tôi sẽ dạy cậu hàng ngàn ngón yêu đương khiến đàn ông đê mê mà cậu chưa biết.

Tôi không còn làm chủ được mình, chỉ khóc và nói:

- Thôi được, hãy làm như nàng muốn và để tên tôi bị nguyền rủa muôn đời chứ tôi không thể cưỡng lại nàng, vì nàng đã dùng ma thuật mạnh như thế để bỏ bùa tôi.

Nhưng nàng ta nói:

- Đừng nặng lời thế với tôi bởi vì điều đó làm tổn thương tôi, vì tôi không phải là loại đàn bà đáng khinh, tôi sống trong nhà của mình và giữ gìn phẩm giá của mình. Nhưng vì cậu đang bực bội

và buồn rầu, tôi sẽ sai người hầu đi gọi ký lục và trong lúc đó, chúng ta cùng ăn uống để cậu vui lên thì chúng ta mới có thể mây mưa sau khi giấy tờ được viết xong.

Nàng ta cười rất vui và chạy vào nhà. Tôi mặc quần áo và đi theo nàng ta, người hầu giội nước lên tay tôi, cúi đầu và đặt hai tay lên đầu gối trước mặt tôi. Nhưng sau lưng tôi, họ cười và nói lời chế giễu tôi để tôi có thể nghe thấy, mặc dù tôi đã xem như những lời họ nói chỉ là tiếng ruồi vo ve trong tai mình. Họ im bặt khi Nefernefernefer quay trở xuống và chúng tôi cùng nhau ăn uống, thịt năm loại, bánh ngọt mười hai thứ và chúng tôi uống loại rượu pha bốc ngay lên đầu khi uống vào. Viên ký lục đến, viết tất cả các giấy tờ cần thiết và tôi bàn giao cho Nefernefernefer mộ của cha mẹ tôi trong nghĩa địa thành phố cùng với tất cả các đồ đạc, tiền gửi trong đền của họ. Như thế họ đã bị lấy mất cuộc sống vĩnh hằng cùng với cơ hội bắt đầu cuộc hành trình đến miền tây sau khi chết. Tôi đóng ấn triện của cha tôi, viết tên ông lên các giấy tờ và viên ký lục mang giấy tờ đến văn khố hoàng gia ngay hôm đó để chúng có giá trị pháp lý. Còn Nefernefernefer, viên ký lục đưa cho nàng ta giấy biên nhận cho toàn bộ việc này. Nàng ta hờ hững nhét nó vào chiếc hộp gỗ mun của mình và trả tiền công cho viên ký lục khiến y cúi đầu chào, tay đặt lên đầu gối trước chúng tôi và rời đi.

Sau khi viên ký lục đi khỏi, tôi nói:

- Nefernefernefer, từ lúc này trở đi, trước con người và thần linh, tôi bị nguyền rủa và khinh bỉ. Bây giờ nàng hãy chứng tỏ rằng việc làm của tôi là đáng giá.

Nhưng nàng ta mỉm cười và nói:

- Uống rượu đi em trai, để lòng tôi thỏa mãn.

Khi tôi muốn ôm nàng ta, nàng tránh sang bên và rót tiếp rượu vào bát của tôi. Một lát sau, nàng ta nhìn mặt trời và nói:

- Ôi, ngày đã qua và sắp đến tối rồi. Cậu còn muốn gì nữa, Sinuhe?

- Nàng biết ta muốn gì rồi, - tôi nói.

Nhưng nàng ta bảo:

- Lẽ ra cậu phải biết giếng nào sâu nhất và hố nào không đáy chứ, Sinuhe. Tôi phải nhanh chóng ăn vận và trang điểm, vì một chiếc bát vàng đang chờ tôi ngày mai mang nó về làm vật trang trí

trong nhà.

Khi tôi muốn ôm lấy nàng ta, nàng tránh sang bên, cười lên khanh khách rồi hét toáng lên để người hầu xông vào. Nàng ta bảo đám người hầu:

- Đứa ăn xin không chịu nổi này từ đâu đến nhà ta vậy? Mau quẳng hắn ra và đừng bao giờ để hắn bước chân vào cổng nhà ta. Nếu hắn chống cự, hãy nện cho hắn mấy gậy.

Bất lực vì đã say và vì nổi giận điên cuồng, tôi bị mấy tên hầu lôi ra ngoài. Chúng còn quay ra dùng gậy đánh tôi khi tôi lấy đá đập vào cánh cổng đóng kín. Khi tôi vẫn la hét và chửi rủa khiến đám đông bắt đầu kéo đến, chúng nói:

- Gã say rượu này đã xúc phạm bà chủ của chúng tôi, người sống trong ngôi nhà của mình và không phải là loại đàn bà đáng khinh.

Chúng lấy gậy quật tôi đến bất tỉnh và để tôi nằm trên phố, mọi người nhổ nước bọt vào đầu tôi và lũ chó đái lên quần áo của tôi.

Nhưng khi tỉnh lại và nhận ra tình cảnh đau xót của mình, tôi không muốn dậy mà chỉ nằm yên một chỗ cho đến tận sáng. Bóng tối chở che tôi và tôi cảm thấy mình không bao giờ có thể lộ mặt với bất kỳ ai nữa. Thái tử đã đặt cho tôi cái tên "Người Cô Đơn" và quả thật vào đêm hôm đó, tôi là người cô đơn nhất trên thế gian. Nhưng rồi bình minh lên, nhiều người bắt đầu đi lại trên đường phố, những người bán hàng bắt đầu bày đồ ra để bán trước gian hàng của họ và những con bò bắt đầu lọc cọc kéo xe. Tôi đứng dậy đi ra ngoại ô và trốn trong đám sậy ba ngày ba đêm liền, không ăn không uống. Cơ thể và trái tim tôi hòa quyện thành một vết thương duy nhất và lúc đó nếu có ai hỏi chuyện tôi, tôi sợ mình sẽ gào thét lên và phát điên lên mất.

3

Sang ngày thứ ba, tôi rửa mặt mũi, chân tay, gột sạch máu khô trên quần áo rồi trở về thành phố và về nhà tôi. Nhưng ngôi nhà không còn là của tôi và biển hiệu khám chữa bệnh trên cổng để tên một thầy thuốc khác. Tôi gọi Kaptah và ông ta chạy ra, khóc òa lên vì mừng khi nhìn thấy tôi và đưa tay ôm vòng quanh đầu gối tôi.

- Ông chủ ơi, - ông ta kêu lên, - vì trong trái tim của kẻ tôi tớ này, ông vẫn là ông chủ của tôi bất kể người đang sai khiến tôi là ai. Một gã trai trẻ vừa chuyển đến đây và nghĩ rằng mình là danh y vĩ đại, anh ta còn ướm thử quần áo của ông và cười vui sướng. Mẹ anh ta vào bếp, hắt nước nóng vào chân tôi và gọi tôi là chuột chù, là ruồi nhặng. Nhưng bệnh nhân của ông nhớ ông, họ nói bàn tay anh ta không nhẹ nhàng như tay ông, cách chữa trị của anh ta làm họ đau đớn và anh ta cũng không biết rõ bệnh của họ như ông.

Ông ta huyên thuyên một lúc lâu và nhìn tôi với con mắt còn lại đỏ hoe đầy kinh hãi, khiến tôi cuối cùng phải lên tiếng:

- Hãy kể cho ta nghe mọi chuyện, Kaptah. Trái tim trong ngực ta đã chai cứng như đá rồi nên không điều gì có thể làm ta đau được nữa.

Lúc đó ông ta đưa tay lên để bày tỏ nỗi buồn sâu thẳm nhất và nói:

- Tôi sẽ hiến con mắt duy nhất này của mình nếu như bằng cách ấy, tôi có thể gánh chịu cho ông chủ nỗi buồn này. Nhưng đây là một ngày tồi tệ và thật may là ông đã về, bởi ông cần phải biết cha mẹ ông đã qua đời.

- Ôi, Senmut bố tôi và Kipa mẹ tôi! - Tôi nói và giơ tay lên theo tập quán, tim tôi thắt lại trong lồng ngực.

- Sáng nay, một toán sai nha phá cửa vào nhà họ sau khi đã đưa trát đuổi họ ra khỏi nhà vào ngày hôm qua, - Kaptah nói, - nhưng cả hai nằm trên giường và không còn thở nữa. Vì thế ông còn ngày hôm nay để khâm liệm thi thể và đưa họ vào Nhà Chết, vì ngày mai nhà sẽ bị dỡ bỏ theo lệnh của người chủ mới.

- Bố mẹ ta có biết vì sao ra nông nỗi này không? - Tôi hỏi mà không thể nhìn vào mắt lão đầy tớ của mình.

- Bố Senmut của ông đã đến tìm ông, - Kaptah nói. - Mẹ ông dắt tay ông ấy vì mắt ông không còn nhìn thấy gì nữa, cả hai người đều già yếu, run rẩy và đi khập khiễng đến đây. Nhưng tôi không biết ông chủ đang ở đâu và bố của ông nói như vậy có lẽ tốt hơn. Ông ấy kể đám sai nha đã đuổi ông ra khỏi nhà, đóng ấn triện lên hộp đồ nghề và tất cả đồ đạc của ông, đến nỗi họ không có gì khác ngoài bộ quần áo rách rưới nhất trên người. Khi ông ấy hỏi vì sao lại như thế, đám sai nha cười và nói rằng con trai Sinuhe của ông đã bán căn nhà, của cải và phần mộ của cha mẹ mình để lấy vàng cho một người đàn bà xấu xa. Ngẫm nghĩ một lúc lâu, bố ông đã

hỏi vay tôi một miếng đồng để thuê một viên thư lại viết thư cho ông. Nhưng người chủ mới vừa chuyển đến nhà ông và ngay lúc đó mẹ anh ta ra gọi tôi và lấy gậy đánh tôi vì tôi đã mất thời gian nói chuyện với những người ăn xin. Chắc ông tin tôi khi tôi nói rằng tôi đã đưa cho bố ông một miếng đồng, bởi vì mặc dù tôi chưa kịp lấy trộm từ người chủ mới, song tôi có đồng và cả một số bạc dành dụm được từ những thứ tôi đã trộm của ông và những người chủ trước của mình. Nhưng khi tôi quay lại, bố mẹ ông đã đi rồi. Mẹ người chủ mới đã ngăn không cho tôi chạy theo họ và nhốt tôi một đêm trong xó bếp để tôi khỏi trốn.

- Như vậy nghĩa là bố tôi không để lại cho tôi một lời nào cả? - Tôi hỏi.

Kaptah đáp:

- Bố ông không để lại lời nào cho ông, thưa ông chủ.

Trái tim tôi như đá trong ngực và không còn cử động nữa, nhưng suy nghĩ của tôi vẫn tỉnh táo và bình thản như chim trong tiết trời lạnh giá.

Lát sau, tôi nói với Kaptah:

- Đưa cho ta tất cả đồng và bạc của ngươi. Hãy nhanh đưa chúng cho ta, rồi Amon hay một vị thần nào đó sẽ đền bù cho việc làm của ngươi nếu như ta không thể làm được điều đó, vì ta phải đưa bố mẹ ta vào Nhà Chết và ta không còn gì để trả cho việc tẩm ướp thi thể của họ.

Kaptah bắt đầu khóc lóc, than vãn và nhiều lần đưa tay lên để thể hiện nỗi buồn sâu thẳm nhất của mình. Cuối cùng, ông đi đến góc vườn nhà tôi, vừa đi vừa nhìn lại phía sau như con chó đi lấy lại khúc xương nó đã chôn dưới đất. Ông ta lật hòn đá ở góc vườn lên và lấy từ dưới đó lên đồng và bạc của mình được gói trong miếng giẻ, tất cả chưa đầy hai deben, dù đó là của dành dụm được trong cả một đời nô lệ. Nhưng Kaptah vừa khóc vừa bày tỏ nỗi buồn sâu sắc và đưa hết cả cho tôi. Vì điều này, xin thần linh hãy cho ông ta luôn được phước lành và thi thể ông được lưu giữ mãi mãi.

Thật ra tôi còn có bạn bè và Ptahor hay Horemheb đều có thể cho tôi vay vàng, cả Thotmes cũng có thể giúp tôi, nhưng tôi còn trẻ và tôi tin ai cũng đã biết nỗi ô nhục của tôi nên tôi thà chết chứ không thể nhìn mặt họ. Vì việc làm của mình, tôi đã bị nguyền rủa trước mọi người và thần linh, thậm chí tôi không thể cảm ơn Kaptah vì cũng lúc đó, mẹ tay chủ mới của ông ta bước ra hiên nhà

để gọi nô lệ với giọng độc ác, khuôn mặt giống cá sấu và trong tay cầm cây gậy. Vì thế Kaptah lập tức chạy khỏi chỗ tôi và bắt đầu gào khóc ngay ở bậc thang nơi hiên nhà trước khi cây gậy quất vào ông ta. Lần này ông ta đâu cần giả vờ, ông ta khóc vì mất đồng và bạc của mình.

Tôi vội vàng đến nhà bố mẹ tôi. Cửa nhà bị giật mở tung, tất cả đồ đạc bị nha lại niêm phong. Những người hàng xóm đứng trong sân giơ tay làm dấu hiệu đau buồn, không ai nói với tôi lời nào mà tất cả đều khiếp sợ tránh ra xa. Trong phòng trong, Senmut và Kipa nằm trên giường, mặt đỏ hồng như thể họ vẫn còn sống và trên nền nhà, một chậu than vẫn còn âm ỉ cháy; họ ngủ và ngạt thở trong hơi than khi cửa nhà và cửa sổ đều đóng chặt. Tôi quấn thi thể bố mẹ tôi trong chăn có dấu niêm phong của đám sai nha và đi gọi một người lái lừa chịu chở xác chết đến. Tôi cùng với anh ta để xác của bố mẹ tôi lên lưng lừa và đưa đến Nhà Chết. Nhưng họ không được nhận vào Nhà Chết vì tôi không có đủ bạc, ngay cả cho phương thức lưu giữ thi thể rẻ nhất. Tôi nói với những người tắm rửa thi thể:

- Tôi là Sinuhe, con trai của ông bà Senmut và tên của tôi được ghi trong sách của Nhà Sống. Số phận nghiệt ngã đày đọa tôi nên tôi không có đủ bạc để trả cho việc mai táng cha mẹ mình. Vì vậy, tôi cầu xin các người, thề có Amon và tất cả thần linh Ai Cập, hãy tẩm ướp thi thể cha mẹ tôi và tôi sẽ phục vụ các người với tất cả kỹ năng của mình trong suốt thời gian tẩm ướp.

Họ nguyền rủa sự kèo nèo của tôi và mắng nhiếc tôi nhưng cuối cùng, một người ngâm rửa từng mắc bệnh dịch hạch đã chịu nhận từ tôi mẩu đồng và bạc của Kaptah, ngoắc cái móc của hắn vào dưới hàm bố tôi và ném ông vào bể lớn dành cho người nghèo. Rồi hắn ngoắc cái móc vào hàm mẹ tôi và cũng thả bà vào cùng bể đó. Có tất cả ba mươi bể; mỗi ngày một bể được chất đầy, một bể được dọn sạch, và xác người nghèo được ngâm trong muối với nước kiềm trong cả ba mươi ngày đêm để tránh phân rã, ngoài ra không phải làm gì thêm, mặc dù lúc đó tôi vẫn chưa biết điều này.

Tôi còn phải trở về nhà bố mẹ tôi để trả lại tấm chăn có dấu niêm phong của đám sai nha. Người tắm rửa cười chế giễu tôi và nói:

- Hãy quay lại vào buổi sáng, vì nếu sáng ra mi không quay lại phục vụ chúng tao, chúng tao sẽ lấy thi thể của cha mẹ mi ra khỏi bể và ném cho chó ăn.

Tôi đồ rằng hắn ta không tin tôi là một thầy thuốc thực thụ mà

nghĩ tôi nói dối.

Tôi trở về nhà bố mẹ tôi, trái tim như đá trong ngực, mặc những viên gạch đất sét trên bức tường thủng lỗ chỗ gào thét lên với tôi, mỗi viên gạch đều gào lên với tôi, cây sung trong sân gào lên với tôi và cái ao thời thơ ấu cũng hét lên với tôi. Vì thế tôi để lại chiếc chăn vào chỗ cũ rồi vội vàng bỏ đi. Nhưng ở cổng, tôi gặp viên thư lại vẫn hành nghề bên cạnh quầy gia vị ở góc phố. Ông ta giơ tay bày tỏ sự đau buồn khi nhìn thấy tôi và nói:

- Sinuhe, con trai của Senmut tốt bụng, có phải anh không?

Tôi đáp:

- Vâng, tôi đây.

Người thư lại nói:

- Đừng tránh tôi, bởi cha anh đã để lại cho tôi những lời ông ấy muốn nói với anh, vì ông ấy không gặp được anh ở nhà anh.

Nghe thế, tôi ngã khuỵu xuống đất và lấy tay ôm đầu. Còn người thư lại lấy tờ giấy ra và đọc cho tôi:

"Senmut, người có tên được viết trong sách của Nhà Sống và vợ là Kipa gửi những lời này đến con trai là Sinuhe, người được đặt tên Ngài, Người Cô Đơn trong hoàng cung của Pharaon. Thần linh đã gửi con đến cho bố mẹ và trong tất cả tháng ngày của cuộc đời mình, con chỉ mang lại cho bố mẹ niềm vui và không bao giờ là nỗi buồn, bố mẹ hết sức tự hào về con. Bây giờ bố mẹ rất buồn cho con, vì con đã gặp nghịch cảnh mà bố mẹ không thể giúp con được như bố mẹ muốn. Bố mẹ tin rằng tất cả những gì con đã làm đều đúng và con không thể không làm. Nên đừng buồn vì bố mẹ, cho dù con phải bán cả phần mộ của bố mẹ, bởi vì chắc chắn con sẽ không làm điều đó nếu con không có lý do. Nhưng các viên nha lại muốn làm việc của họ thật nhanh và bố mẹ không thể chờ đến ngày chết của mình được, mà bố mẹ chờ mong cái chết đến như người mệt mỏi mong giấc ngủ, như người tị nạn muốn có căn lều. Cuộc đời của bố mẹ đã khá dài với rất nhiều niềm vui, nhưng niềm vui lớn nhất là con, Sinuhe, con đã theo dòng sông đến nhà bố mẹ, mặc dù bố mẹ đã già và cô đơn. Vì vậy, bố mẹ cầu nguyện cho con và con không cần phải hối hận mặc dù bố mẹ không có mộ, bởi sự phù phiếm của cuộc đời là vô biên và vì vậy, có lẽ tốt hơn là bố mẹ nên tan vào hư vô, không phải trải qua những lo lắng và hiểm nguy trên hành trình khó khăn đến miền tây. Con hãy luôn nhớ cái chết đến với bố mẹ rất dễ dàng và bố mẹ cầu nguyện cho con trước khi ra đi. Cầu mong tất cả các vị thần của Ai Cập bảo vệ con khỏi

những hiểm nguy, cứu trái tim con thoát khỏi nỗi buồn đau và có nhiều niềm vui từ con cái của con như bố mẹ đã có từ con. Đấy là những gì bố của con Senmut và mẹ của con Kipa mong muốn cho con."

Trái tim tôi không còn như đá nữa, mà khe khẽ cựa quậy, tan chảy và nhỏ lệ xuống bụi đất trước mình. Người thư lại nói:

- Bức thư đây. Tất nhiên, dấu triện của cha anh không có ở đó và ông ấy không nhìn được để viết tên mình, song anh có thể tin tôi khi tôi nói rằng tôi đã viết chính xác từng từ mà ông đọc, và nước mắt mẹ anh làm mờ chữ này và chữ này là chứng cứ bảo đảm.

Ông ta đưa tờ giấy cho tôi xem, nhưng mắt tôi nhòa nước và tôi không nhìn thấy gì. Ông ta cuộn tròn tờ giấy lại rồi đặt nó vào tay tôi và nói:

- Cha Senmut của anh là một người đàn ông chính trực và mẹ Kipa của anh là một phụ nữ nhân hậu, dù đôi khi gắt gỏng theo kiểu đàn bà. Vì thế tôi viết thư này hộ cha anh, mặc dù ông không có đến món quà nhỏ nhất để tặng tôi và tôi cũng đưa cho anh cả tờ giấy, mặc dù đó là giấy tốt và có thể tẩy sạch để dùng lại được.

Tôi nghĩ một lát rồi nói:

- Tôi cũng không có món quà nào để tặng ông cả, ông lão tốt bụng ạ. Xin ông nhận tấm vải choàng này của tôi, nó là một loại vải tốt tuy có hơi bẩn và nhăn.

Tôi cởi tấm vải choàng vai trao cho ông. Ông ta nghi ngại sờ sờ chất vải rồi ngạc nhiên giơ cao tay và nói:

- Lòng tốt của anh thật đáng trọng, Sinuhe, hãy mặc mọi người nói bất cứ điều gì về anh. Cho dù người ta nói rằng anh đã đánh cắp cuộc sống của cha mẹ mình, để họ chết một cách nghèo hèn, tôi vẫn sẽ bảo vệ anh. Nhưng tôi không thể lấy tấm vải choàng của anh, vì nó là loại vải đắt tiền và nếu không có nó, mặt trời sẽ làm lưng anh cháy đỏ như lưng của nô lệ và làm da anh phồng rộp, đau rát lắm.

Nhưng tôi nói:

- Ông hãy cầm lấy và cầu xin tất cả các vị thần Ai Cập phù hộ ông và giữ thi thể ông sống mãi muôn đời, vì ông không biết ông đã làm một việc tốt cho tôi như thế nào đâu.

Lúc đó, ông lão mới cầm lấy tấm vải choàng vai rồi giơ cao trên đầu và cười thích thú. Còn tôi đi đến Nhà Chết chỉ với chiếc khố trên người như nô lệ hay người chăn bò, để phụ giúp những người ngâm ướp thi thể trong ba mươi ngày, ba mươi đêm.

4

Là thầy thuốc, tôi từng nghĩ mình đã chứng kiến quá nhiều cái chết và sự đau đớn, đã dạn dày với mùi hôi thối, đã chọc chích ung nhọt và vết thương lở loét nhưng khi bắt đầu giúp việc trong Nhà Chết, tôi mới nhận thấy mình chỉ là đứa trẻ chưa biết gì. Thực ra thi thể người nghèo không đòi hỏi nhiều công sức vì họ lặng lẽ yên nghỉ trong bể chứa đầy mùi chua ngạt của nước kiềm và muối và chẳng mấy chốc tôi đã học được cách dùng móc để dịch chuyển xác người, nhưng thi thể của người giàu cần nhiều kỹ năng và công đoạn hơn, như việc tẩy rửa nội tạng và nhét tất cả vào vò, buộc người làm nó phải có tính chai lì. Amon cướp bóc của con người khi họ chết nhiều hơn khi họ còn sống và việc này đòi hỏi sự chai lì nhiều nhất, bởi mức giá lưu giữ thi thể thay đổi tùy theo mức độ giàu có của gia đình người chết và những người tẩm ướp thi thể dối gạt họ bằng việc liệt kê nhiều loại dầu, thuốc mỡ và chất bảo quản đắt tiền mà họ nói đã dùng, mặc dù tất cả đều chỉ là một loại dầu mè. Chỉ thi thể của giới thượng lưu được tẩm ướp kỹ càng với tất cả các công đoạn, còn thường thì xác được tiêm dầu vào để làm cho nội tạng phân hủy, sau đó được nhồi bằng thân sậy đã ngâm trong nhựa cây. Nhưng thi thể người nghèo không được như thế, mà sau ba mươi ngày ngâm trong bể, người ta vớt ra cho khô rồi trao lại cho người thân.

Mặc dù Nhà Chết được các giáo sĩ giám quản, nhưng những người ngâm tẩm thi thể đã lấy đi những gì họ có thể lấy và coi đó là quyền của họ. Họ lấy cắp các loại thảo mộc và dầu xức, thuốc mỡ và khăn liệm đắt tiền để bán đi rồi lại lấy cắp những thứ đó thêm lần nữa, mà việc này các giáo sĩ không thể ngăn chặn được vì những người này thạo nghề và việc tìm người vào làm trong Nhà Chết không dễ. Chỉ những người bị thần linh nguyền rủa và kẻ phạm tội đang lẩn trốn chính quyền mới làm nghề này vì từ xa đã có thể nhận ra họ bởi mùi muối, mùi kiềm và mùi xác chết bám vào họ trong Nhà Chết, khiến họ bị mọi người tránh xa và không được phép vào quán rượu hay nhà vui.

Vì thấy tôi tự nguyện vào phụ giúp nên những người ngâm ướp

thi thể nghĩ tôi cũng giống như họ nên không giấu tôi việc họ làm. Nếu chuyện xảy ra với tôi không tồi tệ như thế, hoặc còn hơn thế, chắc tôi sẽ hoảng sợ và chạy trốn khi thấy họ làm ô uế cả thi thể các quý tộc, cắt nhỏ thi thể rồi bán cho pháp sư những phần nào đó. Và nếu có một miền tây cực lạc như tôi hy vọng cho bố mẹ tôi, tôi tin rằng nhiều người chết sẽ hết sức ngạc nhiên khi nhận ra mình bắt đầu cuộc hành trình khó khăn như thế nào, mặc dù họ đã gửi vàng vào đền cho việc chôn cất mình.

Nhưng niềm vui lớn nhất xuất hiện mỗi khi xác phụ nữ trẻ được mang đến Nhà Chết, bất kể người đó đẹp hay xấu. Khi đó, thi thể không bị thả ngay xuống bể ngâm mà được giữ lại qua đêm như bạn chăn gối của người ngâm ướp và họ cãi nhau rồi rút thăm xem ai được qua đêm với xác ấy trước. Vì những người ngâm ướp bị kinh tởm quá đỗi, đến mức một gái điếm dù thấp hèn nhất cũng không nhận lời làm tình với họ dù được cho vàng; thậm chí ngay cả đàn bà da đen cũng không dám đến với họ vì quá kinh sợ. Trước đây khi nô lệ bị bán rẻ sau các cuộc chiến lớn, những người ngâm ướp xác cũng dành dụm tiền và mua gái nô lệ để tận hưởng lạc thú, nhưng cuộc sống ở Nhà Chết khủng khiếp đến mức bất cứ ai được mua về nơi đó, kể cả nô lệ, cũng bị mất trí, điên loạn và gây náo động khiến các giáo sĩ buộc phải cấm bán nô tỳ cho Nhà Chết. Từ đó, những người ngâm ướp xác tự nấu ăn, tự giặt quần áo và bằng lòng hưởng lạc với các xác chết. Nhưng chính họ đã biện minh rằng trong thời gian trị vì của các quốc vương vĩ đại, thi thoảng xác phụ nữ được đưa vào Nhà Chết đã sống lại trong tay những người ngâm tẩm thi thể, một phép lạ lớn làm tăng thanh danh của Amon và mang lại niềm vui cho bố mẹ và chồng của người phụ nữ. Do đó, nghĩa vụ mà họ tiếp tục làm với lòng thành kính là thực hiện phép lạ, sưởi ấm những người phụ nữ được đưa vào Nhà Chết bằng sức nóng khủng khiếp của mình, trừ khi người phụ nữ quá già khiến việc họ sống lại không còn là niềm vui với bất kỳ ai. Nhưng liệu các giáo sĩ có biết việc xảy ra thế này không? Tôi không thể nói, bởi tất cả những điều này diễn ra bí mật và vào ban đêm khi Nhà Chết đóng cửa.

Ai đã một lần vào Nhà Chết và làm người ngâm ướp thi thể, người ấy hiếm khi rời khỏi đó để tránh sự chế giễu của mọi người; họ sống cả đời mình giữa các xác chết. Trong những ngày đầu, tôi coi tất cả họ là những người bị thần linh nguyền rủa và những lời chế nhạo làm ô uế các thi thể của họ khiến tai tôi kinh sợ. Vào những ngày đầu, tôi chỉ thấy những người hèn hạ nhất và ghê tởm nhất này lấy việc sai khiến tôi làm niềm vui và giao cho tôi những công việc tồi tệ nhất, nhưng sau đó tôi phát hiện ra trong số những người ngâm ướp thi thể có những người thợ lành nghề mà kiến

thức của họ là những điều được đúc kết và truyền lại từ những người thợ tốt nhất và họ coi việc mình làm là một nghề có giá trị lớn và quan trọng nhất trong tất cả các nghề. Mỗi người trong số họ đều có chuyên môn và nhiệm vụ riêng như các danh y trong Nhà Sống, ví dụ người thứ nhất phụ trách đầu của người chết, người thứ hai phụ trách dạ dày, người thứ ba tim, người thứ tư phổi... cho đến khi tất cả các phần của cơ thể được lưu giữ trường tồn.

Trong số họ có Ramose, một người đã luống tuổi, làm công việc khó khăn hơn cả. Ông ấy dùng kìm tách và rút não của thi thể ra qua đường mũi, sau đó rửa sạch hộp sọ bằng dầu tẩy rửa. Nhận thấy đôi tay tôi rất khéo léo, ông ấy lấy làm kinh ngạc và bắt đầu chỉ dạy cho tôi và chỉ mới qua một nửa thời gian tôi ở Nhà Chết, ông ấy đã nhận tôi làm phụ tá riêng cho ông, khiến tôi cảm thấy dễ chịu hơn. Dù trong mắt tôi, tất cả những người ngâm ướp xác đều như bị quỷ ám và có cuộc sống như loài vật, khiến suy nghĩ và lời nói của họ không còn giống như những người sống dưới ánh sáng mặt trời, nhưng Ramose, nếu là động vật thì con vật mà ông ấy giống nhất sẽ là một con rùa sống lặng lẽ trong lớp mai của nó. Cổ ông ấy cũng cong như cổ rùa, mặt và cánh tay cũng nhăn nheo giống rùa. Tôi giúp ông ấy trong công việc của ông, một công việc sạch sẽ và đáng trân trọng nhất trong Nhà Chết, và quyền thế của ông ấy lớn đến mức không ai còn dám dọa tôi và ném nội tạng hay những thứ bẩn của thi thể lên đầu tôi. Nhưng tôi không biết quyền thế của ông ấy đến từ đâu, vì ông ấy không bao giờ lớn tiếng.

Khi nhìn thấy những kẻ ngâm tẩm ăn cắp bộ phận thi thể ra sao và xác của người nghèo được làm sơ sài đến thế nào dù trả chi phí lớn, tôi quyết định giúp bố mẹ tôi hết sức có thể và lấy cắp cuộc sống vĩnh cửu cho họ. Vì tôi nghĩ tội lỗi của tôi đối với bố mẹ mình lớn đến mức việc trộm cắp này cũng không thể làm nó lớn hơn được nữa. Bằng lòng tốt của mình, Ramose đã dạy tôi nên lấy gì và lấy bao nhiêu, từ thi thể người quyền quý nào, vì ông chỉ xử lý thi thể của giới thượng lưu và tôi là người giúp việc của ông. Nhờ đó, tôi có thể lấy móc kéo thi thể của bố mẹ tôi ra khỏi bể chứa xác người nghèo rồi nhồi vào các khoang rỗng trong thi thể họ những thân sậy đầy nhựa thơm và quấn họ vào vải khâm liệm. Tôi không thể làm gì hơn được nữa vì việc trộm cắp cũng có những giới hạn nghiêm ngặt mà Ramose không nên vượt qua.

Ngoài ra, ông ấy đã dạy tôi rất nhiều kiến thức trong thời gian làm công việc thầm lặng và chậm chạp ở các hang sâu của Nhà Chết. Sau một thời gian, tôi bắt đầu mạnh dạn hỏi ông ấy hết điều này

đến điều khác và ông không ngại trả lời tôi những câu hỏi "Tại sao?". Vào thời gian này, mũi tôi cũng không còn khó chịu với mùi hôi thối và chua loét của Nhà Chết bởi con người có thể thích nghi, quen thuộc với mọi thứ, và sự thông thái của Ramose xua tan dần nỗi sợ hãi của tôi nên tôi đã hỏi ông rất nhiều điều khi chúng tôi cùng làm việc trong hang với kìm và các hũ dầu.

Đầu tiên, tôi hỏi ông ấy tại sao những người ngâm tẩm thi thể lại ăn nói báng bổ và ẩu đả nhau chỉ vì một cái xác đàn bà và không thể nghĩ gì khác ngoài ham muốn của mình, mặc dù lẽ ra họ có thể đã bình tâm khi sống bấy nhiêu năm trời với tử thần, từ ngày này qua ngày khác. Ramose nói:

- Họ là những kẻ ít học và ý chí của họ quanh quẩn trong bùn, giống như thân xác con người chỉ là bùn nếu để cho tan rữa. Nhưng trong bùn cũng có ham muốn sống, ham muốn đó sinh ra động vật và con người, và chính ham muốn đó sinh ra cả thần linh, ta tin như vậy. Nhưng kẻ nào cận kề với cái chết hơn, ham muốn bùn đen trong kẻ đó bùng cháy mãnh liệt hơn nếu ý chí của kẻ đó tồn tại trong bùn. Vì vậy, cái chết làm người thông tuệ bình tâm nhưng lại biến kẻ thấp hèn thành như thú vật, mà loài vật thì dù bị mũi tên đâm vẫn gieo hạt giống xuống cát. Cả trái tim của họ cũng bị mũi tên xuyên qua, nếu không họ đã không bao giờ phải đến Nhà Chết. Vậy nên, đừng ngạc nhiên về hành vi của họ mà thay vào đó hãy thương hại họ. Bởi họ không còn gây hại hay ô nhục gì cho thi thể vì thi thể đã lạnh và không còn cảm thấy gì, nhưng mỗi lần trở về bùn đen họ lại gây hại cho chính mình.

Cẩn trọng và chậm rãi, ông dùng một mũi kìm ngắn, xuyên qua mũi, bẻ gãy những lát xương sọ mỏng trong đầu người quyền quý rồi lấy những cái kìm dài và dễ uốn, bắt đầu nhặt não bỏ vào cái bát đựng một loại dầu mạnh.

- Vì sao? - Tôi hỏi. - Vì sao thi thể con người phải được giữ để vượt qua cái chết ngay cả khi nó đã lạnh và không cảm thấy gì?

Ramose liếc nhìn tôi bằng đôi mắt tròn nhỏ như mắt rùa, lau tay vào vạt áo trước và uống bia từ chiếc vò để bên cạnh vò đựng não.

- Xưa đã thế và sau này vẫn thế! - Ông ấy nói. - Ta là ai mà giải thích những cái đã xảy ra từ trước đây chứ, nhưng người ta nói trong mộ có Ka của người, chính là linh hồn của anh ta trở về với thể xác, ăn thức ăn được cúng cho chính mình và vui mừng khi thấy hoa được đặt trước mộ mình. Nhưng Ka ăn ít lắm, ít đến mức không thể nhìn thấy bằng mắt. Do đó, cùng một đồ cúng có thể

đem cúng cho nhiều người, nên người ta bê đồ cúng dâng nhà vua rồi từ mộ của ngài đến trước mộ các cận thần của ngài và cuối cùng đồ cúng đó được các giáo sĩ cúng tế ăn khi trời tối. Còn Ka, hơi thở của con người, bay ra từ mũi anh ta ngay lúc chết, nhưng nó bay đi đâu, ta không thể nói. Điều đó là có thật và được nhiều người từng chứng kiến cam đoan từ bao đời nay. Ngoài điều đó ra, không có quá nhiều sự khác biệt giữa Ka và con người, trừ việc Ka không có bóng trong ánh sáng còn con người thì có. Những cái khác thì Ka và con người tương tự nhau, người ta bảo thế.

- Những lời của bác giống như tiếng vo ve của ruồi trong tai cháu, Ramose ạ, - tôi nói. - Cháu không phải là một người đàn ông hoàn toàn ngây thơ và bác không cần phải huyên thiên với cháu những điều cổ lỗ mà cháu đã nghe và đọc từ các cuốn sách đến chán ngấy. Nhưng sự thật là gì?

Ramose uống thêm một ngụm bia nữa và lơ đãng nhìn bộ não, là những mảnh nhỏ nổi trên mặt dầu trong cái vò bên cạnh.

- Cậu hỏi thế vì vẫn còn trẻ và bị kích động, - ông nói, nhăn nhó với chính mình rồi há miệng và cười. - Tim cậu chắc đã bị tiêm nhiễm nên mới hỏi như thế. Tim ta già yếu và đầy sẹo, không còn nhức nhối vì bao nhiêu câu hỏi nữa. Nhưng con người có được lợi hay không nếu thi thể được lưu giữ để chịu đựng cái chết, ta không thể nói và không ai có thể nói, ngay cả các giáo sĩ. Nhưng vì việc này đã được làm và sẽ luôn luôn được làm nên cứ theo tập quán là chắc chắn nhất vì ít nhất sẽ không bị thiệt hại. Ta chỉ biết rằng chưa có ai trở về từ miền tây để nói ở đó như thế nào. Tuy nhiên, một số người nói rằng Ka của người thân của họ sẽ quay trở lại trong giấc mơ và khuyên bảo, dạy dỗ, cảnh báo họ, nhưng giấc mơ chỉ là giấc mơ, dần tan biến vào buổi sáng khi không còn mơ nữa. Tuy nhiên, sự thật là một thiếu phụ đã sống lại trong Nhà Chết, trở về với chồng và cha mẹ và sống đến già trước khi chết lần nữa. Nhưng có thể điều này xảy ra chỉ vì cô ta chưa thực sự chết, theo ta nghĩ, mà ai đó phù phép khiến cô ta giống như đã chết để đánh cắp thi thể của cô ta và điều khiển nó theo ý muốn, vì đó là việc đã từng xảy ra. Người thiếu phụ đó quả thật đã kể rằng trong khi chết, cô ta đã phải đi vào một cái hang tối om có nhiều quái vật kỳ lạ, những con khỉ đầu chó ôm lấy cô ta, những con quái vật đầu cá sấu cắn vào vú cô ta khiến cô hoảng sợ. Những chuyện đó đã được ghi lại và lưu giữ trong đền, ai muốn biết thì trả tiền và sẽ được đọc cho nghe. Nhưng ai mà tin lời đàn bà? Dù sao cái chết cũng tác động tới cô ta, đến mức cô ta trở nên sùng đạo cho đến hết đời, hằng ngày đến đền thờ và tiêu phí của cải của chồng cho đồ cúng tế, khiến con của cô ta trở nên nghèo khó và không còn

của cải để giữ cho thi thể cô ta được trường tồn khi cô chết. Thay vào đó, đền thờ đã tặng cho cô ta một ngôi mộ và lưu giữ thi thể cô. Ngôi mộ vẫn còn trong nghĩa địa, việc này có lẽ cậu cũng biết.

Ông ấy càng nói, tôi càng quyết tâm giữ thi thể của bố mẹ tôi, bởi vì tôi mắc nợ họ, mặc dù sau khi sống trong Nhà Chết, tôi không biết liệu điều đó còn có ích cho họ nữa không. Việc bảo quản thi thể để trường tồn luôn khiến bố mẹ tôi vui khi nghĩ đến và là ước muốn duy nhất của họ trong tuổi già, do vậy tôi mong ước muốn đó được thực hiện và tôi có thể làm điều đó với sự giúp đỡ của Ramose. Tôi bọc họ trong vải và vì việc này, tôi đã ở trong Nhà Chết đến bốn mươi ngày đêm vì tôi phải trộm đủ để bảo quản thi thể bố mẹ tôi đúng cách. Nhưng tôi không có mộ cho họ, thậm chí một cái quan tài gỗ cũng không. Vì vậy, tôi khâu cả hai vào một tấm da bò để họ mãi mãi ở bên nhau.

Nhưng khi mọi việc đã xong và có thể rời Nhà Chết, tôi bắt đầu do dự, tim đập run rẩy trong lồng ngực. Nhận ra sự khéo léo của đôi tay tôi, Ramose khuyên tôi ở lại làm phụ tá cho ông. Nếu vậy, tôi có thể kiếm tiền và trộm thêm nhiều, có thể sống trong các hang hốc của Nhà Chết mà không bạn bè nào hay biết mình đang ở đâu, không phải trải qua những đau khổ của đời thường. Tuy nhiên, tôi không ở lại Nhà Chết, nhưng tại sao không thì tôi không thể nói, mặc dù tôi đã quen với cuộc sống trong hang, ở đó tôi thấy tốt và không ham muốn điều gì.

- Các thi thể lạnh cóng và không còn cử động, - Ramose nói. - Vì vậy hãy ở lại đây, bởi vì làm bạn với người chết tốt hơn với người sống. Khi đã chết, con người ta không làm tổn thương ai hay đem lại đau khổ cho ai như khi còn sống. Trái tim cậu cũng đã bị mũi tên xuyên thủng, nếu không cậu đã không ở đây. Vì sao cậu còn muốn quay lại với lũ người, nơi các mũi tên độc bay vun vút và cậu bị họ chọc thủng mắt, cắt tay, làm tổn thương trái tim cho đến khi nó quá già và thành sẹo đến nỗi không còn gì khiến nó rung động nữa.

- Tại sao bác vào Nhà Chết, Ramose? - Tôi hỏi. - Bác là một người thông thái và khéo léo, chắc chắn bác cũng sống được bằng nghề khác. Tại sao bác đến đây?

Nhưng Ramose quầy quậy lắc đầu như một con rùa, rụt cổ và không nhìn tôi.

- Cậu biết là không có ai đến Nhà Chết nếu không bị buộc phải làm thế, - ông nói. – Như thế đã đủ trả lời cậu rồi chứ?

Nhưng sau đó ông ta há miệng và cười hinh hích rồi lại uống bia lạnh từ vò của mình.

- Thật tốt khi được ở đây, - ông nói, - ta không cần gì cả, bởi vì mọi thứ đều phù phiếm. Tuy nhiên, cần biết rằng ai đã một lần ở trong Nhà Chết sẽ gắn bó với Nhà Chết đến cuối đời, đó là điều không thể tránh.

Nhưng khi đó tôi không hiểu ý ông ấy mà chỉ nghĩ ông hài hước. Vậy nên tôi tắm rửa sạch sẽ và rời khỏi Nhà Chết, và những người ngâm tẩm thi thể đã hét lên nguyền rủa và giễu cợt tôi. Tuy nhiên, họ không có ý như thế mà đó chỉ là cách họ nói chuyện với nhau và họ không biết thể hiện cách khác. Họ giúp tôi mang tấm da bò gói thi thể được tẩm ướp của bố mẹ tôi ra ngoài. Nhưng dù tôi đã tắm rửa sạch sẽ, dân chúng vẫn tránh xa tôi, đưa tay bịt mũi và làm những cử chỉ xúc phạm tôi. Mùi của Nhà Chết đã bám chặt vào tôi đến thế nên không ai nhận chèo đưa tôi qua sông. Vì thế tôi chờ đêm đến, trộm một chiếc thuyền sậy mà không thèm để ý đến lính gác và đưa thi thể của bố mẹ tôi qua sông, đến nghĩa địa của thành phố.

5

Thành phố của người chết được canh gác nghiêm ngặt cả về đêm, khiến tôi không tìm thấy ngôi mộ nào không được canh giữ để có thể giấu xác của bố mẹ mình, để họ được mãi trường tồn, được hưởng đồ cúng tế mà người ta dâng cúng cho những người giàu sang và quyền thế. Vì thế tôi vác tấm da bò chưa thuộc trên lưng đi vào vùng hoang mạc, mặc cho mặt trời đốt cháy lưng tôi, rút sức lực của đôi chân tôi, khiến tôi thở hồng hộc và nghĩ mình sẽ chết. Tôi vác tấm da bò trên lưng, leo những con dốc, theo những con đường mòn nguy hiểm mà chỉ những kẻ trộm xác mới dám đi để tới thung lũng cấm nơi các pharaon yên nghỉ. Chó hung sa mạc sủa dữ dội trong đêm, rắn độc vùng hoang mạc ngóc đầu phì phì với tôi và những con bọ cạp bò trên những tảng đá nóng, nhưng tôi không sợ vì trái tim tôi đã chai lì với mọi hiểm nguy và dù còn trẻ, tôi cũng sẽ vui vẻ đón nhận cái chết nếu như thần chết bắt tôi đi. Trở lại với ánh sáng ban ngày và nhìn thấy mọi người, tôi cảm thấy nỗi tủi hổ chua xót như nước kiềm và cuộc sống không có gì dành cho tôi.

Lúc đó tôi chưa biết rằng cái chết né tránh những người chờ mong

nó và thần chết chỉ tìm đến những người vẫn còn ham sống. Vậy nên loài rắn tránh tôi, bò cạp không làm tôi bị thương và cái nóng ban ngày nơi hoang mạc không làm tôi nghẹt thở. Lính canh thung lũng cấm cũng mù và điếc, họ không nhìn thấy tôi và không nghe tiếng những tảng đá lăn khi tôi trượt xuống thung lũng. Vì nếu nhìn thấy tôi, họ sẽ giết tôi ngay và để xác tôi làm mồi cho chó hung sa mạc. Nhưng tôi đến vào ban đêm và có lẽ lính canh sợ cái thung lũng mà họ bảo vệ, vì các giáo sĩ đã bỏ bùa và yểm lên mộ các vị vua phép thuật mạnh nhất của mình. Nếu nhìn thấy tôi vác tấm da bò trên lưng trong thung lũng dưới ánh trăng hay nghe tiếng đổ ầm ầm trên sườn núi, có thể họ cũng quay mặt đi, kéo áo che đầu và nghĩ rằng những người chết đang lang thang trong thung lũng, bởi vì tôi không né tránh ai, mà cũng không thể né tránh vì không biết những nơi nào có điếm canh và cũng không ngụy trang mình. Thung lũng cấm hiện ra trước mặt tôi chết chóc đến rợn người và trong mắt tôi, với sự câm lặng của nó, thung lũng uy nghi hơn so với thời các pharaon từng ngồi trên ngai vàng trong những ngày họ còn sống.

Tôi đi lòng vòng trong thung lũng suốt đêm để tìm cửa mộ của một pharaon vĩ đại đã được các giáo sĩ dùng dấu niêm phong đóng kín vì tôi nghĩ khi đã đến được đây, chỉ có lăng mộ tốt nhất mới đủ tốt cho bố mẹ tôi. Tôi cũng muốn tìm mộ của Pharaon mới bước xuống thuyền Amon để các vật cúng tế dâng ngài vẫn còn tươi và việc cúng tế trong đền thờ ngài trên bờ sông được làm theo đúng nghi lễ, bởi vì chỉ có điều tốt nhất mới đủ tốt cho bố mẹ tôi khi tôi không thể cho họ ngôi mộ.

Trăng lặn dần, tôi đào xuống cát một cái hố bên cạnh cửa mộ Pharaon Amenhoteb Đệ Tam, chôn xuống đó tấm da bò mà tôi bó xác bố mẹ tôi rồi lấp cát lại. Ở nơi nào đó xa xa trong hoang mạc, chó hung sa mạc sủa oang oang nên tôi biết thần Anubis đang lang thang nơi hoang mạc, chăm sóc bố mẹ tôi và tiễn đưa họ trong chuyến đi cuối cùng. Và trước thần Osiris, tôi biết trái tim bố mẹ tôi sẽ vượt qua được thử thách của vị thần phán xét vĩ đại mà không cần đến Tử thư của các giáo sĩ cũng như những lời dối trá mà những người giàu có thường học thuộc lòng để dựa vào. Vì thế tâm trí tôi hoàn toàn thanh thản khi tay tôi lấp cát lên thi hài bố mẹ mình, vì tôi biết họ sẽ sống mãi muôn đời trong cõi vĩnh hằng bên cạnh Pharaon vĩ đại và khiêm nhường hưởng đồ cúng tế ngon lành người ta dâng cho ngài. Nơi miền tây, họ có thể đi trên thuyền của Pharaon, ăn bánh mì của Pharaon và uống rượu của Pharaon. Tôi đã làm được việc này bằng cách đặt cả thân mình dưới ngọn giáo của lính canh thung lũng cấm, nhưng không thể coi đó là việc làm dũng cảm vì tôi không sợ giáo của họ, mà bởi vì

vào đêm đó, tôi xem cái chết dịu êm hơn cả mộc dược với tôi.

Nhưng khi đang hất cát xuống hố, tay tôi chạm phải một vật gì đó, tôi cầm lên một con bọ hung linh thiêng được khắc trên đá đỏ, mắt là những viên đá quý nhỏ và mình được khắc đầy những dấu linh thiêng. Khi ấy cả người tôi run lên và nước mắt tôi trào ra, rơi lã chã, bởi vì giữa thung lũng chết, tôi nghĩ tôi đã nhận được một tín hiệu từ bố mẹ mình, rằng họ hài lòng và mọi chuyện xảy ra với họ đều tốt. Tôi muốn tin như thế, mặc dù tôi biết chắc bọ hung đã rơi ra từ của cải trong mộ Pharaon và bị mắc lại trên cát.

Trăng đã lặn và bầu trời xám xịt màu chết chóc. Tôi cúi rạp xuống cát rồi giơ tay nói lời tạm biệt với bố Senmut và mẹ Kipa của tôi. Hãy để thi thể bố mẹ tôi trường tồn và cuộc sống của họ đầy niềm vui nơi miền tây. Vì họ mà tôi muốn tin rằng một vùng đất như vậy tồn tại, mặc dù tôi không còn tin vào điều đó nữa. Rồi tôi ra đi và không ngoái nhìn lại. Nhưng tôi mang theo con bọ hung linh thiêng trong tay và nhờ quyền năng rất mạnh của nó, tôi không bị lính canh nhìn thấy mặc dù tôi nhìn thấy họ khi họ đi ra khỏi điếm canh và nhóm lửa hâm nóng đồ ăn. Bọ hung rất thiêng vì tôi không bị trượt chân trên đá và bò cạp, rắn không động đến tôi mặc dù tôi không còn vác tấm da bò trên lưng. Tối hôm đó tôi ra đến bờ sông Nile, uống nước sông Nile rồi ngã vật ra đất và ngủ vùi trong một đám sậy. Bàn chân tôi ứa máu và đầy vết xước, tay tôi dính máu và trầy trụa, mắt tôi mờ đi sau khi qua vùng đất lạ, người tôi cháy đỏ và đầy vết rộp. Nhưng tôi vẫn sống và cơn đau không ngăn được tôi ngủ thiếp đi vì quá mệt.

6

Sáng sớm tôi thức dậy giữa tiếng quàng quạc của bầy vịt trong đám sậy, Amon chèo thuyền vàng trên bầu trời và tiếng ồn ào của thành phố vẳng đến tai tôi từ phía bên kia sông. Thuyền bè với những cánh buồm sạch bong chạy dọc sông, những người thợ giặt đập chày vào nhau, cười và hét rõ to trong khi làm việc. Buổi sáng tinh khôi và tươi sáng nhưng trái tim tôi trống vắng và cuộc sống như nắm tro tàn trong tay tôi.

Những cơn đau thể xác làm tôi hạnh phúc vì chúng đem lại cho sự tồn tại của tôi một mục đích nào đó. Vì cho đến lúc này, mục đích duy nhất của tôi là đem lại cho bố mẹ tôi một cuộc sống vĩnh hằng mà tôi đã lấy đi khi đẩy họ đến chỗ chết sớm. Việc tôi làm giờ đây

đã được đền bù theo cách tôi có thể, nhưng sau đó cuộc đời tôi không có mục đích hay ý nghĩa nào khác. Trên người tôi chỉ có một cái khố rách bươm như của nô lệ, lưng tôi bị cháy sém thành vảy và tôi không có đến một miếng đồng nhỏ nhất để có thể mua đồ ăn. Nếu tiếp tục đi, tôi biết chẳng chóng thì chầy tôi sẽ gặp lính canh và họ sẽ hét gọi tôi, hỏi tôi là ai, từ đâu đến và tôi sẽ không thể trả lời, vì tôi tin cái tên Sinuhe đã bị tẩy xóa và nguyền rủa muôn đời. Chính vì vậy, tôi không thể đi đến nhà bạn bè mình, bởi tôi không muốn họ chia sẻ nỗi nhục nhã của mình, tôi cũng không muốn họ giơ tay từ chối tôi và quay lưng lại với tôi vì điều đó sẽ gây cho họ đau khổ. Tôi nghĩ mình đã làm quá nhiều điều tồi tệ rồi.

Đang miên man nghĩ về những điều đó, tôi để ý thấy một sinh vật sống đang rón rén rình quanh mình, nhưng lúc đầu tôi không thể tin đó là một con người mà chỉ nghĩ đó là bóng ma của một cơn ác mộng. Nơi vốn là cái mũi giờ chỉ còn là một cái hốc, tai đã bị cắt đứt và gầy đến phát sợ, nhưng khi nhìn kỹ hơn, tôi thấy bàn tay ông ta có những đốt to khỏe, cơ thể ông ta rắn chắc và đầy những vết hằn do mang vác hoặc dây thừng cọ xát.

Ông ta hỏi khi nhận ra tôi đã thấy ông ta:

- Anh đang giữ chặt cái gì trong nắm tay thế?

Tôi xòe bàn tay ra và cho ông ta xem con bọ hung thiêng của pharaon mà tôi tìm thấy trên cát trong thung lũng cấm. Ông ta nói:

- Anh cho tôi nhé, để nó mang lại may mắn cho tôi, vì tôi là một người đàn ông nghèo khổ và đang rất cần sự may mắn.

Nhưng tôi đáp:

- Tôi cũng là kẻ khốn cùng, không có gì khác ngoài con bọ hung này. Tôi muốn giữ nó như một lá bùa để nó mang lại may mắn cho tôi.

Ông ta liền nói:

- Tôi nghèo và khốn khổ thật, nhưng tôi cho anh một miếng bạc, mặc dù nó là quá nhiều so với viên đá sặc sỡ như thế. Song thương hại cho sự nghèo khó của anh nên tôi cho anh miếng bạc.

Rồi ông ta lấy ra một miếng bạc từ thắt lưng, nhưng vì thế tôi càng quyết tâm giữ con bọ hung và nhất mực tin rằng nó sẽ mang

lại thành công cho tôi, và tôi nói điều đó với ông ta. Nghe xong ông ta giận dữ nói:

- Anh quên là tôi có thể giết anh khi anh đang nằm. Tôi đã nhìn anh rất lâu trong khi anh ngủ và băn khoăn không biết tay anh giữ chặt cái gì, vì vậy tôi đợi cho đến khi anh thức dậy, nhưng bây giờ tôi ân hận đã không giết anh vì anh vô ơn như thế.

Tôi trả lời ông ta:

- Nhìn mũi và tai của ông, tôi biết ông là một tên tội phạm và đã trốn khỏi mỏ đá. Giá như ông cứ giết tôi khi tôi ngủ thì ông đã làm một việc tốt, bởi tôi cô đơn và đang không biết đi đâu. Hãy giữ lấy tài sản của ông và trốn khỏi đây, bởi vì nếu lính canh nhìn thấy ông, họ sẽ bắt ông, nện cho nhừ tử rồi treo ngược ông lên tường hoặc ít nhất là đưa ông trở lại mỏ.

Nhưng ông ta nói:

- Tôi vẫn có thể giết anh nếu tôi muốn, bởi dù khốn khổ thế này nhưng tôi là người đàn ông khỏe mạnh. Nhưng vì viên đá, tôi không thèm làm điều đó, bởi chúng ta đang ở gần thành phố của người chết và lính canh có thể nghe thấy tiếng thét của anh. Vì vậy hãy giữ lấy vận may của mình, có lẽ anh thực sự cần nó hơn tôi. Tôi cũng muốn hỏi anh là loại người gì mà không biết rằng tôi không hề sợ lính canh, vì tôi là một người tự do chứ không còn là nô lệ nữa. Tôi có thể đi vào thành phố nhưng tôi sẽ không chường mặt ra nơi phố xá bởi vì trẻ con sợ khuôn mặt tôi.

- Làm sao một người bị đày chung thân ở mỏ lại tự do được? Tôi biết điều đó từ mũi và đôi tai bị cắt của ông, - tôi nhạo báng nói vì nghĩ đến sự khoác lác của ông ta.

- Tôi không giận vì lời nói của anh bởi vì tôi là một người sùng đạo và tôi sợ thần linh, - ông ta nói, - bởi thế tôi không nỡ giết anh khi anh đang ngủ. Nhưng đúng là anh không biết sau khi được trao vương miện của cả hai miền, Thái tử đã truyền cởi bỏ tất cả xiềng xích và giải phóng nô lệ khỏi các hầm mỏ, và những người làm việc ở đấy từ nay trở đi là những người tự do.

Ông ta cười một lúc lâu rồi nói tiếp:

- Vì vậy ở bãi sậy này chúng tôi có nhiều người, những người đàn ông lực lưỡng sống bằng đồ cúng tế của kẻ giàu có trong nghĩa địa, bởi lính canh sợ chúng tôi, còn chúng tôi không sợ người chết. Những ai từng ở mỏ không còn sợ bất cứ điều gì, vì như anh biết

đấy, không điều gì xảy ra với con người có thể tồi tệ hơn việc làm nô lệ ở mỏ. Nhiều người trong chúng tôi thậm chí còn không sợ thần linh, nhưng tôi vẫn ngoan đạo vì tôi nghĩ cẩn tắc vô áy náy, mặc dù như anh thấy, tôi đã sống mười năm ở mỏ.

Lúc đó tôi mới nghe được tin Thái tử vừa lên ngôi là Amenhotep Đệ Tứ đã giải phóng tất cả nô lệ và tù nhân khiến các hầm mỏ và mỏ đá ở bờ biển phía đông cũng như ở Sinai đều hoang vắng. Bởi vì không ai ở Ai Cập điên rồ đến mức tự nguyện làm việc trong các hầm mỏ. Hoàng hậu vĩ đại hiện giờ là Công chúa Mitanni còn chơi búp bê, và Pharaon tôn thờ vị thần mới.

- Thần của ngài chắc là một vị thần kỳ lạ, - cựu phu mỏ nói, - bởi vì thần cho phép Pharaon làm những điều vô lý; vì lũ cướp và những kẻ giết người bây giờ được tự do đi lại ở cả hai miền; các mỏ bị bỏ hoang và Ai Cập không giàu lên nữa. Tôi thực sự vô tội và đã chịu bất công, nhưng điều đó luôn xảy ra và vẫn sẽ tiếp tục xảy ra. Vì thế thật điên rồ khi thả một trăm, một ngàn tội phạm chỉ để một người vô tội được tự do. Nhưng đó là việc của Pharaon chứ không phải của tôi. Hãy để ngài nghĩ thay tôi.

Trong khi nói, ông ta nhìn tôi, nghịch tay tôi và chạm lớp vảy trên lưng tôi. Mùi Nhà Chết từ tôi không làm ông ta sợ và dường như tiếc thương cho tuổi trẻ của tôi, ông ta nói:

- Da anh bị cháy. Tôi có dầu, để tôi xoa cho anh.

Ông ta xoa dầu lên lưng rồi chân và tay tôi nhưng vừa làm, ông ta vừa thề và nói:

- Thề có Amon, thực tình tôi không biết sao mình lại làm điều này bởi vì tôi không được lợi lộc gì từ anh, và chẳng ai xoa dầu cho tôi khi tôi bị đánh đến bị thương và nguyền rủa thần linh vì điều oan ức đã xảy ra với tôi.

Tất nhiên, tôi biết tất cả nô lệ và tội phạm đều thề rằng mình vô tội, nhưng ông ta cư xử tốt với tôi, bởi vậy tôi muốn thân thiện với ông ta. Và vì tôi chỉ có một mình nên tôi sợ ông ta rời xa tôi, để tôi lại một mình với trái tim cô đơn, vì thế tôi nói:

- Hãy kể cho tôi sự bất công xảy ra với ông để tôi có thể chia sẻ nỗi đau buồn cùng ông.

- Người ta đã đánh bật nỗi đau buồn ra khỏi tôi trong năm đầu tiên ở mỏ đồng, - ông ta nói. - Nỗi hận thù dai dẳng hơn, bởi vì phải mất năm năm hận thù mới bị đánh bật khỏi tôi và trái tim tôi

trở nên chai lì với tất cả cảm xúc của con người. Nhưng sao tôi không kể với anh tất cả cơ chứ, bởi tôi muốn anh quên khi ngón tay tôi chắc chắn làm anh đau trong khi chà xát lớp vảy của anh. Hãy biết rằng trước đây tôi là một người tự do; tôi làm nông, có một ngôi nhà, có bò, có vợ và bia trong hũ của mình. Dĩ nhiên, tôi có một người hàng xóm, một người đàn ông có thế lực tên là Anukis - hãy để thi thể hắn tan rữa đi. Của cải của hắn không thể đo bằng mắt, số gia súc của hắn nhiều như cát và tiếng rống của chúng giống như tiếng gầm của biển, nhưng hắn vẫn thèm muốn mảnh đất nhỏ của tôi. Vì vậy hắn gây cho tôi rất nhiều rắc rối và sau mỗi trận lụt, khi đất được đo lại, hắn dời hòn đá ranh giới tới gần nhà tôi và tôi mất đất. Tôi không thể làm được gì bởi bọn địa chính nghe hắn chứ không nghe tôi vì hắn cho chúng những món quà tốt. Hắn cũng chặn mương tưới nước của tôi và ngăn nước chảy vào ruộng của tôi, để đàn bò của tôi khát nước, ngũ cốc của tôi héo khô và hũ bia của tôi cạn đi. Nhưng hắn không nghe thấy những lời phàn nàn của tôi vì mùa đông hắn sống trong ngôi nhà lớn ở Thebes và mùa hè hắn đến trang trại của mình để tận hưởng, chỉ có bọn đầy tớ của hắn ở đó, chúng lấy gậy đánh tôi và xua chó cắn tôi nếu tôi dám đến gần.

Người không mũi thở dài và xức dầu lên lưng tôi rồi nói tiếp:

- Nhưng có lẽ tôi vẫn sẽ sống trong nhà của mình nếu thần linh không nguyền rủa tôi bằng cách cho tôi một cô con gái xinh đẹp. Tôi có năm con trai và ba con gái, vì người nghèo mắn đẻ và khi chúng lớn lên, tôi được chúng giúp đỡ rất nhiều, chúng mang lại cho tôi niềm vui, mặc dù một đứa con trai khi còn nhỏ đã trộm của một người bán hàng Syria. Nhưng con gái út của tôi rất xinh đẹp và trong cái dại dột điên rồ của mình, tôi tự hào về nó nên không để nó phải làm việc nặng nhọc, không bị cháy da trên đồng và cũng không phải kín nước. Lẽ ra khôn ngoan hơn, tôi nên cắt tóc con bé và bôi nhọ nồi lên mặt nó, bởi vì hàng xóm của tôi, Anukis nhìn thấy con bé và thèm muốn nó khiến tôi không còn đến một ngày bình yên. Hắn ta kiện tôi ra tòa với lý do bò của tôi giẫm đạp trên đồng của hắn, các con trai tôi chặn mương tưới nước của hắn và vứt xác súc vật thối vào giếng của hắn; hắn cũng nói tôi vay hạt giống của hắn trong những năm mất mùa; tất cả những điều đó được đầy tớ của hắn chứng thực và quan tòa đã không nghe tôi. Nhưng hắn ta nói sẽ cho tôi giữ lại cánh đồng của mình nếu tôi cho hắn con gái tôi. Điều đó dĩ nhiên tôi không đồng ý, vì tôi hy vọng với sắc đẹp của con gái tôi, nó sẽ có được một người đàn ông đáng kính, sẽ chăm sóc và thương yêu tôi lúc tuổi già. Cuối cùng, đám đầy tớ của hắn xông đến đánh tôi, còn tôi không có gì khác ngoài cây gậy của mình và tôi đã lấy gậy quật vào

đầu một đứa khiến hắn ta chết. Sau đó tôi bị cắt tai và mũi rồi bị đày đến mỏ, vợ con tôi bị bán làm nô lệ vì các khoản nợ chưa trả, riêng con gái út bị Anukis giữ lại và sau khi ăn nằm chán chê, hắn để con bé cho lũ gia nhân. Vì thế, tôi tin việc tôi bị đày đến mỏ thật bất công. Bây giờ, khi được nhà vua trả tự do sau mười năm, tôi vội vàng trở về nhà nhưng nhà tôi đã bị dỡ, trên đồng cỏ là một đàn gia súc lạ và con gái tôi không còn nhận ra tôi mà hắt nước nóng vào chân tôi trong lều của những người chăn gia súc. Nhưng tôi nghe nói Anukis đã chết và trên cửa ngôi mộ to lớn của hắn trong nghĩa địa Thebes có một dòng chữ dài. Vì thế tôi đến Thebes để nhìn xem dòng chữ trên mộ hắn viết gì cho lòng khuây khỏa, nhưng tôi không biết đọc và không ai đọc nó cho tôi, mặc dù tôi đã dò hỏi và tìm được ngôi mộ.

- Nếu ông muốn, tôi đọc cho ông, - tôi nói, - vì tôi biết đọc.

- Thi thể của anh sẽ được giữ mãi muôn đời nếu anh giúp tôi được việc này, - ông ta nói. - Tôi là một người đàn ông nghèo và tôi tin tất cả những gì được viết, vì vậy tôi muốn biết người ta viết gì về Anukis trước khi tôi nhắm mắt xuôi tay.

Ông ta xoa dầu lên người tôi và giặt khố cho tôi, rồi chúng tôi đi đến nghĩa địa và lính canh không chặn chúng tôi. Chúng tôi đi qua các ngôi mộ cho đến khi ông ta chỉ cho tôi một ngôi mộ lớn, phía trước bày thịt với nhiều loại bánh ngọt, trái cây và hoa. Trước mộ còn có một hũ rượu đậy kín. Người không mũi ăn các đồ cúng và đưa cho tôi cùng ăn rồi nhờ tôi đọc những gì được viết trên cửa ngôi mộ. Tôi đọc cho ông ta:

"Tôi, Anukis, trồng ngũ cốc và cây ăn quả, mùa màng của tôi bội thu bởi tôi, vì sợ thần linh nên đã dâng cúng cho các thần một phần năm số sản phẩm thu hoạch được. Sông Nile đã độ lượng với tôi và trong suốt cuộc đời tôi, không ai trong trang trại của tôi phải chịu đói, hàng xóm của tôi cũng không bị đói vì tôi dẫn nước đến ruộng của họ và cho họ ngũ cốc những khi mất mùa. Tôi đã lau khô nước mắt của trẻ mồ côi, không cướp bóc những quả phụ và còn xóa cho họ tất cả các khoản nợ nên tên của tôi được cầu nguyện khắp vùng. Ai mất bò, tôi, Anukis, cho người đó một con bò khỏe mạnh. Tôi đã không dời những hòn đá ranh giới cũng như không ngăn dòng nước chảy qua cánh đồng láng giềng mà tuân thủ pháp luật và đạo lý trong suốt cuộc đời mình. Tôi, Anukis, đã làm tất cả những điều này để các vị thần ưu ái và giúp cho hành trình của tôi đến miền tây được thuận chèo mát mái."

Người không mũi lắng nghe chăm chú. Sau khi tôi đọc xong, ông

khóc thảm thiết và nói:

- Tôi là một người đàn ông nghèo và tôi tin tất cả những gì được viết. Tôi thấy Anukis là người ngoan đạo và hắn ta được kính trọng sau khi chết. Các thế hệ tương lai cũng sẽ đọc những lời khắc trên cửa mộ của hắn và kính trọng hắn ta. Còn tôi là một tội phạm và người khốn khổ, không tai, không mũi nên mọi người nhìn thấy nỗi nhục nhã của tôi, rồi khi tôi chết, thi thể của tôi bị ném xuống sông và tôi không còn nữa. Vậy, chẳng phải tất cả mọi thứ trên thế gian này đều hết sức vô nghĩa ư?

Ông ta cạy lớp xi trên hũ rượu và uống. Lính canh đến và giơ gậy đe dọa nhưng ông ta nói:

- Anukis đã làm rất nhiều điều tốt cho tôi trong cuộc đời tôi. Do đó, tôi tưởng nhớ ông ta bằng cách ăn uống bên mộ ông ta. Nếu anh động đến tôi hoặc anh bạn đứng cạnh tôi đây, một người có học vì anh ấy biết đọc các bia ký, hoặc nếu anh gọi các lính canh khác đến giúp, thì hãy biết rằng trong bãi sậy chúng tôi có nhiều người khỏe mạnh, nhiều người có dao có thể đến cắt cổ anh. Tất nhiên tôi sẽ lấy làm tiếc về điều đó, vì là một người ngoan đạo và tin vào thần linh, tôi không muốn làm điều bất công cho bất cứ ai. Vậy nên tốt hơn là anh hãy để chúng tôi được yên và coi như không nhìn thấy chúng tôi.

Ông ta trừng mắt nhìn gã lính canh, và thấy ông ta rách rưới, không mũi, không tai trông cũng thật kinh khủng nên gã tin lời ông ta, nhìn xung quanh rồi bỏ đi. Chúng tôi ăn và uống bên cạnh mộ Anukis, trong lều cúng tế mát mẻ và dễ chịu và sau khi uống rượu xong, người không mũi nói:

- Bây giờ tôi hiểu rằng nếu tôi tự nguyện trao con gái mình cho Anukis thì chắc sẽ tốt hơn. Có lẽ hắn ta sẽ để tôi giữ lại căn nhà và có thể sẽ tặng quà cho tôi, vì con gái tôi rất xinh đẹp và ngây thơ, mặc dù bây giờ nó chỉ là tấm thảm ngủ cho lũ đầy tớ của hắn. Bây giờ tôi biết rằng trên thế gian này không có lẽ phải nào khác ngoài lẽ phải của kẻ giàu, và lời nói của kẻ nghèo hèn không đến được tai của pharaon.

Ông ta nhấc hũ rượu lên, cười lớn và nói:

- Chúc mừng ngươi, Anukis đức độ, hãy giữ thi thể ngươi muôn đời vì ta không muốn theo ngươi đến miền tây, nơi ngươi và những người như ngươi sống một cuộc đời hạnh phúc mà không sợ thần linh phiền nhiễu. Tuy nhiên, ta nghĩ sẽ tốt hơn nếu ngươi

vẫn tiếp tục sống tốt trên trần gian và chia phần cho ta những chiếc bát và đồ trang sức bằng vàng được cất giữ trong mộ của ngươi. Vì thế tối nay ta sẽ đến chào ngươi khi mặt trăng khuất vào đám mây.

- Ông nói gì, người không mũi? - Tôi sợ hãi kêu lên và theo bản năng giơ tay làm dấu Amon linh thiêng. - Ông không định thành kẻ trộm mộ chứ, bởi vì đó là tội nhục nhã nhất trước thần linh và con người?

Nhưng người không mũi bị rượu làm cho điên lên và nói:

- Anh có học mà nói như cứt! Anukis nợ tôi và tôi không nhân từ như hắn, tôi phải đòi món nợ của mình. Nếu anh định cản tôi, tôi sẽ cắt cổ anh, còn nếu khôn ngoan, anh hãy giúp tôi bởi vì bốn mắt sẽ nhìn rõ hơn hai mắt và cùng nhau, chúng ta sẽ lấy được từ mộ nhiều hơn so với chỉ một người khi cửa mộ bị đập vỡ, nếu đêm mai không có trăng.

- Tôi không muốn bị đánh rồi bị treo ngược lên tường thành, - tôi hốt hoảng nói nhưng khi bắt đầu ngẫm nghĩ, tôi thấy nỗi nhục nhã của tôi không vì thế mà tăng lên nếu như bạn bè nhìn thấy tôi bị treo ngược trên tường và cái chết không đe dọa nổi tôi.

Thế nên chúng tôi ăn và uống hết vò rượu rồi đập vỡ nó và ném các mảnh vỡ lên các mộ xung quanh. Lính canh không hét dọa chúng tôi mà tránh xa vì sợ. Đêm đến, lính từ thành phố chèo thuyền đến thành phố chết để bảo vệ các ngôi mộ, nhưng Pharaon mới không tặng họ quà sau khi đăng quang như thông lệ. Vì thế họ rền rĩ, đốt đuốc, bắt đầu phá các ngôi mộ rồi uống rượu và cướp mộ, vì trong các am thờ trước mộ có rất nhiều hũ rượu. Cũng không ai ngăn chặn người không mũi và tôi khi chúng tôi phá mộ của Anukis rồi lật quan tài của hắn ta lên, lấy đi những chiếc bát vàng và những thứ đắt tiền mà chúng tôi có thể mang theo. Vào sáng sớm, một tốp thương nhân Syria đã chờ trên bờ sông để mua đồ bị cướp từ các hầm mộ và đưa xuống thuyền xuôi dọc sông. Chúng tôi đã bán cho họ các thứ lấy được và nhận về vàng và bạc, tổng cộng gần hai trăm deben rồi chia đều cho nhau theo trọng lượng được ghi trên vàng và bạc. Nhưng vàng bạc chúng tôi nhận được từ số của cải lấy từ mộ chỉ bằng một phần nhỏ so với giá thật của chúng và vàng là vàng pha. Tuy nhiên, người không mũi vẫn rất vui, ông ta nói:

- Tôi sẽ trở thành người giàu có, vì chắc chắn nghề này mang lại nhiều lợi nhuận hơn là khuân vác trên bến cảng hoặc kín nước từ

kênh thủy lợi lên đồng ruộng.

Nhưng tôi bảo:

- Vận may đến rồi đi thôi!

Vậy nên chúng tôi chia tay nhau, tôi lên thuyền buôn để trở lại bờ bên kia, về Thebes. Tôi mua cho mình quần áo mới và ăn uống trong quán rượu vì mùi Nhà Chết từ người tôi đã bắt đầu bay hết. Nhưng suốt cả ngày, tiếng tù và và tiếng vũ khí lách cách vang lên từ thành phố chết bên kia sông. Các chiến xa chạy dọc theo lối đi giữa các hầm mộ và lính cấm vệ của Pharaon tay cầm giáo truy đuổi những người lính và phu mỏ cướp mộ khiến tiếng khóc chết chóc của họ vọng đến thành phố. Tối hôm đó, trên tường thành đầy thân người treo ngược và trật tự được thiết lập lại ở Thebes.

7

Tôi qua đêm ở một nhà trọ, sau đó về nhà cũ của mình và gọi Kaptah. Kaptah khập khiễng đi ra, má sưng vù vì bị đánh nhưng khi nhìn thấy tôi, ông ấy bắt đầu khóc vì vui sướng với con mắt còn lại của mình và gục xuống dưới chân tôi, nói:

- Ông chủ của tôi, ông đã trở về, vậy mà tôi cứ tưởng ông đã chết. Bởi tôi nghĩ nếu còn sống, chắc ông sẽ bảo tôi đưa thêm đồng và bạc, vì khi đã cho một lần, người ta phải cho thêm nữa. Nhưng ông đã không đến, mặc dù vì ông tôi đã lấy trộm từ người chủ mới thật nhiều khi còn kịp. Cầu cho thi thể ông ta thối rữa, như ông nhìn thấy, chân và má tôi bị ông ta đá hôm qua. Mẹ ông ta, mụ cá sấu, cầu cho mụ ta tan thành bụi vì đã dọa bán tôi khiến tôi rất sợ. Vậy nên hãy nhanh chóng rời khỏi ngôi nhà xấu xa này, ông chủ của tôi ạ, và tôi sẽ trốn cùng ông.

Tôi ngần ngừ và có thể ông ấy hiểu lầm sự ngần ngừ của tôi, vì ông nói:

- Tôi đã trộm rất nhiều, đủ để chu cấp cho ông trong một thời gian, ông chủ ạ, và khi của cải của tôi hết, tôi có thể làm việc cho ông, miễn là ông giải thoát tôi khỏi bàn tay của mụ cá sấu này và con trai bà ta.

- Tôi chỉ đến để trả nợ cho ông thôi, Kaptah, - tôi nói rồi đếm vàng và bạc cho ông ấy, nhiều hơn gấp nhiều lần số ông ấy đã đưa cho

tôi. - Nhưng nếu ông muốn, tôi có thể mua lại ông từ chủ của ông để ông được tự do và có thể đi bất cứ nơi nào ông muốn.

Khi cảm nhận được sức nặng của vàng và bạc trong tay, Kaptah rất vui và bắt đầu nhảy cẫng lên, quên bẵng mình đã là một ông già và chân đi khập khiễng. Nhưng rồi ông ấy xấu hổ nói:

- Đúng là tôi đã đau khổ khóc khi đưa cho ông số tiền tiết kiệm, nhưng xin ông đừng giận tôi. Nếu ông giải thoát tôi thì tôi đi đâu, suốt cuộc đời mình tôi cũng chỉ là một nô lệ. Không có ông, tôi giống như con mèo con bị mù hoặc con cừu non bị lạc mẹ. Ông không nên tiêu số vàng đắt đỏ để giải phóng tôi, vì tại sao ông lại phải trả để có thứ mà ông đã sở hữu.

Ông ấy nhấp nháy con mắt còn lại của mình một cách ranh mãnh và vờ ngẫm nghĩ.

- Trong thời gian chờ đợi ông, mỗi ngày tôi đều dò hỏi về các chuyến thuyền đi, - ông nói tiếp. - Hiện giờ có một thuyền lớn và có vẻ chắc chắn sắp rời đi Simyra mà ta có thể đi nếu cúng đủ lễ vật cho các thần. Thật đáng tiếc là tôi chưa tìm thấy một vị thần đủ mạnh sau khi từ bỏ Amon, vị thần chỉ gây ra mất mát. Tôi đã cẩn mẫn dò hỏi về một số thần và tôi cũng đang thử vị thần mới của Pharaon; đền thần này đã mở cửa trở lại và nhiều người đến đó vì mong được Pharaon sủng ái. Nhưng theo lời người ta kể, Pharaon nói thần của ngài sống vì sự thật, vì vậy tôi sợ rằng thần của ngài là một vị thần dễ gây rắc rối và có vẻ không đem lại cho tôi lợi ích gì.

Nhớ ra con bọ hung mà mình đã tìm thấy, tôi đưa nó cho Kaptah và bảo:

- Đây là thần cho ông đây, một vị thần rất mạnh dù có kích thước nhỏ. Hãy bảo quản ngài thật tốt vì tôi tin ngài sẽ mang lại may mắn cho chúng ta bởi tôi đã có vàng trong túi mình. Vì vậy hãy mặc quần áo, cải trang thành người Syria và trốn đi nếu ông thực sự muốn, nhưng đừng đổ lỗi cho tôi nếu ông bị bắt như một kẻ đào tẩu. Hãy để vị thần nhỏ này giúp ông vì có lẽ tốt nhất chúng ta nên tiết kiệm tiền để trả cho chuyến đi tới Simyra. Bởi tôi không thể nhìn mặt ai ở Thebes hay bất cứ nơi nào khác trên đất Ai Cập nữa. Tôi ra đi vì rõ ràng tôi phải có một nơi để sống và tôi không bao giờ trở lại Thebes nữa.

Nhưng Kaptah nói:

- Tốt nhất là không thề nguyền gì, ông chủ ạ, vì không ai biết ngày

mai thế nào, ai đã từng một lần uống nước sông Nile, suốt đời sẽ thèm khát nguồn nước ấy. Còn lại thì suy nghĩ và quyết định của ông là khôn ngoan; thêm nữa, ông còn khôn ngoan hơn khi đưa tôi đi cùng, bởi vì thiếu tôi, ông giống như một đứa trẻ không thể tự quấn tã. Tôi không biết ông đã làm gì xấu, mặc dù mắt ông trợn trừng trắng dã khi nhớ lại, nhưng ông vẫn còn trẻ và rồi ông sẽ quên thôi. Việc làm của con người giống như hòn đá bị ném xuống nước. Đá rơi tõm xuống và nước bắn lên, nhưng rồi mặt nước phẳng lại và không thấy đá đâu nữa. Ký ức của con người cũng giống như vậy. Khi thời gian trôi qua đủ lâu, mọi người sẽ quên ông và việc làm của ông, ông có thể trở lại và hy vọng khi đó ông mạnh mẽ và giàu có, đến mức ông cũng có thể bảo vệ được tôi nếu không may danh sách truy tìm nô lệ gây phiền phức cho tôi.

- Tôi đi và sẽ không bao giờ trở lại! - Tôi nói một cách dứt khoát.

Lúc này bà chủ mới the thé hét gọi Kaptah. Tôi tránh đi và đợi ông ta ở góc phố, một lúc sau ông ta đi ra với cái giỏ có một gói nhỏ bên trong và một nắm đồng leng keng trong tay.

- Mụ cá sấu sai tôi ra chợ mua đồ, - ông ta hớn hở nói. - Mụ ta đưa tôi quá ít miếng đồng như thường lệ, nhưng đã lên đường thì càng nhiều càng ít, bởi tôi nghĩ từ đây đến Simyra rất xa.

Trong giỏ của ông ấy có một bộ quần áo và một bộ tóc giả. Chúng tôi đi đến bãi sông, Kaptah vào đám sậy thay quần áo rồi tôi mua cho ông ấy một cây gậy đẹp, loại gậy gia nhân và người chạy trước kiệu của giới quyền quý thường dùng. Sau đó chúng tôi đi đến bến cảng nơi thuyền Syria cập vào và tìm thấy một chiếc thuyền lớn có dây cáp to dày cỡ một người, chạy dài từ mũi đến đuôi; trên cột buồm, cờ hiệu xuất phát đang bay. Thuyền trưởng là người Syria, rất vui khi biết tôi là danh y vì ông ta coi trọng y học Ai Cập và nhiều thủy thủ của ông bị bệnh. Bọ hung quả thật đã mang lại may mắn cho chúng tôi, vì thuyền trưởng viết tên chúng tôi vào danh sách của thuyền và không thu phí chuyến đi của chúng tôi, miễn là chúng tôi tự trả cho bữa ăn của mình. Từ đó trở đi, Kaptah sùng tín bọ hung như một vị thần, mỗi ngày xức cho nó một loại dầu tốt và bọc nó vào một miếng vải đắt tiền.

Chiếc thuyền rời bến, các nô lệ bắt đầu chèo và sau mười tám ngày, chúng tôi đã đến ranh giới giữa hai miền và sau mười tám ngày nữa, chúng tôi đến nơi con sông chia làm hai nhánh chảy ra biển và hai ngày sau, biển cả đã ở trước mặt chúng tôi. Thuyền đã đi qua các thành phố và đền đài, các cánh đồng và gia súc, nhưng sự giàu có của Ai Cập không làm tôi vui mà tôi chỉ nóng lòng, ước sao

hành trình ngắn lại và nhanh đưa tôi rời khỏi xứ đất đen. Nhưng khi biển ở trước mặt và không nhìn thấy bờ bên kia, Kaptah bồn chồn lo lắng và hỏi liệu bây giờ lên đất liền, đi theo đường bộ đến Simyra thì có tốt hơn không, mặc dù hành trình có thể khó khăn và bọn cướp sẽ gây phiền nhiễu cho chúng tôi. Sự bồn chồn của ông ấy tăng lên khi những người chèo thuyền và thủy thủ, theo phong tục của họ, bắt đầu than vãn và lấy những hòn đá sắc nhọn cào lên mặt khiến máu rỉ ra, phớt lờ lệnh cấm của thuyền trưởng vì anh ta không muốn làm hành khách trên thuyền sợ hãi. Tên của thuyền là "Cá Kiếm". Thuyền trưởng sai lấy roi quất đám thủy thủ và người chèo thuyền, nhưng việc này không làm họ bớt kêu than và gào khóc, vì vậy nhiều hành khách cũng bắt đầu than vãn và cầu cứu thần linh. Người Ai Cập cầu xin thần Amon giúp đỡ, còn người Syria giật râu và gọi thần Baal của Simyra, Sidon, Byblos hay các thành phố khác, tùy theo quê quán của họ.

Thấy thế tôi cũng bảo Kaptah nếu sợ thì cầu cứu thần của chúng tôi nên ông ấy đã mở miếng vải quấn bọ hung linh thiêng ra rồi nằm rạp xuống sàn thuyền, ném một miếng bạc xuống nước để xoa dịu thần biển và khóc cho cả chính mình lẫn miếng bạc bị mất. Các thủy thủ ngừng la hét và giương buồm khi thuyền nghiêng và bắt đầu lắc lư; các tay chèo được phát bia và bánh mì.

Nhưng khi thuyền bắt đầu chao đảo, mặt Kaptah trở nên xám ngoét, ông ấy không hét lên nữa mà ôm chặt lấy dây cáp. Một lúc sau ông ấy buồn rầu nói với tôi rằng dạ dày ông như leo lên tận tai và ông biết mình sắp chết. Nhưng ông không muốn trách tôi dù tôi đã dụ dỗ ông vào chuyến đi này, mà tha thứ cho tôi để thần linh cũng phù hộ ông, bởi vì ông có hy vọng mong manh rằng nước biển sẽ đủ mặn để giữ thi thể ông, nhờ đó ông sẽ đến được miền tây sau khi chết đuối. Nhưng các thủy thủ nghe được lời ông đã cười nhạo ông, rằng biển đầy quái vật và chúng sẽ nuốt chửng ông trước khi ông chạm được đến đáy.

Gió mạnh lên, thuyền bắt đầu rung lắc mạnh hơn và thuyền trưởng đã lái nó ra xa tới mức không còn thấy bờ nữa. Lúc ấy tôi cũng bắt đầu lo vì tôi không hiểu anh ta làm thế nào có thể tìm lại bờ để lái thuyền vào một khi đã để mất nó. Tôi không còn cười Kaptah mà đầu óc tôi choáng váng và tôi có một cảm giác rất lạ lùng. Một lúc sau, Kaptah nôn ọe và gục xuống sàn thuyền mặt xanh mét, không nói năng gì nữa. Lúc đó tôi hoảng sợ và khi thấy nhiều hành khách khác cũng nôn mửa, mặt xám ngoét và rên rỉ rằng họ sẽ chết, tôi vội vàng đi đến chỗ thuyền trưởng và nói các vị thần rõ ràng đã nguyền rủa thuyền của anh ta, vì vậy trên thuyền có một bệnh dịch đáng sợ bất chấp tài chữa bệnh của tôi.

Tôi van thuyền trưởng quay thuyền trở lại bờ, nếu anh ta có thể tìm thấy nó; nếu không, dù là thầy thuốc tôi cũng không thể chịu trách nhiệm về các hậu quả. Tôi cũng nói cơn bão đang hoành hành quanh chúng tôi thật khủng khiếp, làm rung lắc thuyền khiến các mối ghép kêu răng rắc, mặc dù tôi không muốn chõ mũi vào nghề nghiệp của anh ta.

Nhưng thuyền trưởng trấn an tôi và an ủi rằng chúng tôi chỉ đang gặp một cơn gió vừa đủ để dong buồm, giúp hành trình nhanh hơn, vì vậy tôi không nên chế nhạo thần linh khi nói về cơn bão. Còn căn bệnh xảy ra với các hành khách chỉ là do vì đã trả tiền cho bữa ăn trong chuyến đi nên họ tham mà đã ăn quá nhiều của nhà hàng, điều này gây thiệt hại đáng kể cho chủ quán người Simyra, cũng là chủ thuyền. Vì thế có lẽ hãng buôn ở Simyra đã cúng tế các thần biển để hành khách không thể giữ thức ăn trong bụng và do đó sẽ không như những con quỷ đói làm cạn rỗng nguồn cung lương thực khiêm tốn của thuyền.

Giải thích của anh ta không thật sự an ủi tôi và tôi dám hỏi liệu anh ta có tìm lại bờ được không vì trời sắp tối. Anh ta cam đoan rằng trong buồng thuyền trưởng của anh ta có rất nhiều vị thần có thể giúp anh ta tìm đúng hướng dù ngày hay đêm, miễn là có thể nhìn thấy những ngôi sao vào ban đêm và mặt trời vào ban ngày. Nhưng chắc chắn anh ta đã nói dối vì làm gì có vị thần nào như vậy.

Vì thế tôi chế nhạo và hỏi anh ta tại sao tôi không bị bệnh như những hành khách khác. Anh ta nói điều đó không khó hiểu, vì tôi tự trả tiền thức ăn của mình trên thuyền và cũng không gây ra bất kỳ thiệt hại nào cho chủ thuyền. Còn Kaptah, anh ta nói gia nhân thì khác. Họ khi ốm khi khỏe mạnh, rất thất thường. Nhưng anh ta cam đoan rằng tất cả hành khách sẽ sống khỏe như dê con ngay khi đặt chân lên vùng đất khô ráo ở Simyra và tôi không cần phải lo sợ về thanh danh thầy thuốc của mình. Nhưng tôi khó có thể tin vào điều này khi nhìn tình cảnh khốn khổ của họ.

Nhưng vì sao tôi không bị bệnh nặng, điều đó tôi không thể nói, ngoại trừ lý do ngay sau khi được sinh ra, tôi đã bị ném vào sóng của sông Nile trên một chiếc thuyền sậy đung đưa. Tôi không thể tìm được lời giải thích nào khác.

Tôi cố gắng chăm sóc Kaptah và các hành khách theo cách tốt nhất có thể nhưng khi tôi chạm vào họ, họ la mắng tôi và khi tôi đưa thức ăn cho Kaptah ăn để lấy sức, ông quay đầu đi và phát ra những tiếng lộc bộc nghe như hà mã đang làm rỗng bụng mặc dù

không còn gì để nôn ra. Trước đây Kaptah chưa bao giờ quay mặt đi trước bát thức ăn, vì thế tôi bắt đầu tin rằng có thể ông ấy sẽ chết và tôi rất lấy làm tiếc vì đã kịp quen với những lời ngu ngốc của ông.

Màn đêm buông xuống, cuối cùng tôi cũng ngủ, mặc dù tiếng nghiến ken két của các chỗ nối và tiếng đập kinh hoàng của những cánh buồm do sóng biển đập vào hai bên mạn thuyền làm tôi hoảng sợ. Phải mất vài ngày như thế, song không có hành khách nào chết mà một số bắt đầu ăn trở lại và đi lại dọc mạn thuyền. Chỉ Kaptah nằm yên tại chỗ và không sờ đến thức ăn, nhưng vẫn có dấu hiệu của sự sống vì ông ấy bắt đầu cầu khẩn bọ hung của chúng tôi, từ đó tôi luận ra ông ấy có hy vọng sống được đến khi vào đất liền. Vào ngày thứ bảy, bờ biển lại hiện ra và thuyền trưởng nói thuyền đã đi qua Joppa và Tyre, đang hướng thẳng đến Simyra nhờ đang xuôi gió. Nhưng từ đâu mà anh ta biết tất cả những điều đó, đến hôm nay tôi vẫn không thể biết. Dù sao, Simyra cũng đã hiện ra vào ngày hôm sau và thuyền trưởng cúng rất nhiều đồ lễ cho các vị thần của biển và các vị thần trong buồng thuyền trưởng. Những cánh buồm được hạ xuống, toán chèo thuyền thả chèo xuống nước và thuyền được chèo đến bến cảng Simyra.

Khi chúng tôi vào đến được vùng nước lặng, Kaptah đứng lên và thề với bọ hung rằng ông sẽ không bao giờ đặt chân lên thuyền nữa.

Sách thứ năm
Người Khabiri

1

Bây giờ tôi phải kể về Syria và những thành phố tôi đã đi qua. Tôi nghĩ cách tốt nhất là kể ngay những thứ có ở xứ đất đỏ, những điều xảy ra ở đó hoàn toàn trái ngược với ở xứ đất đen. Ở đó không có sông, chỉ có suối đổ ào từ trời xuống mặt đất và tưới cho đất. Cạnh mỗi thung lũng là một ngọn núi, sau núi lại có một thung lũng; mỗi dân tộc sinh sống trong từng thung lũng do một hoàng thân tự trị và nộp thuế cho pharaon, ít nhất là đã nộp cho đến thời điểm tôi kể. Họ nói các ngôn ngữ và phương ngữ khác nhau; những người sống ven biển kiếm kế sinh nhai từ biển bằng công việc đánh cá hay buôn bán, còn những người ở sâu trong đất liền sống bằng nghề trồng trọt và cướp bóc của nhau mà việc này thì quân đồn trú Ai Cập không thể ngăn chặn. Họ mặc quần áo bằng vải bông nhiều màu được dệt rất tinh xảo và che kín cơ thể từ đầu đến chân, tôi nghĩ vì xứ của họ lạnh hơn Ai Cập nhưng cũng còn vì họ thấy xấu hổ khi phô bày cơ thể, trừ khi đại tiểu tiện ngoài trời, điều mà người Ai Cập coi là kinh khủng. Họ cũng để tóc dài, để râu và ăn uống trong nhà; mỗi thành phố có những vị thần riêng và họ phải hiến tế người cho các thần này. Khi tôi kể ra tất cả những điều này, ai cũng cần phải hiểu rằng mọi điều ở xứ đất đỏ đều khác với ở Ai Cập, nhưng tại sao lại thế, tôi không thể nói, bởi vì tôi không biết.

Vì thế ai cũng hiểu những quý tộc Ai Cập được cử đến làm công sứ ở các thành phố Syria vào thời gian đó để giám sát các khoản thuế nộp cho pharaon và trấn thủ các đồn trú coi nhiệm vụ của họ như một hình phạt hơn là vinh dự và chỉ mong trở lại với bờ bãi, đất đai bên sông Nile, trừ một số mềm yếu, dễ bị những điều mới lạ

cám dỗ nên đã thay đổi trang phục cũng như suy nghĩ và bắt đầu thờ cúng các vị thần xa lạ. Những phong tục kỳ lạ, những mánh lới và việc trốn thuế liên tục của người Syria cũng như xung đột giữa các hoàng thân đã khiến cho cuộc sống của các công sứ Ai Cập trở nên khó khăn. Tuy nhiên, cũng có đền thờ Amon ở Simyra và khu kiều dân Ai Cập, nơi họ tổ chức tiệc tùng và giao lưu mà không can thiệp vào cuộc sống của người Syria, để giữ tập quán riêng và hình dung theo cách tốt nhất là mình đang ở Ai Cập.

Tôi sống ở Simyra hai năm và trong thời gian này tôi đã học tiếng nói và chữ viết của người Babylon, vì người ta nói với tôi rằng ai biết được hai điều này, người đó sẽ đến được tất cả những nơi danh tiếng trên thế giới và ở mỗi nơi đều khiến những người có học hiểu được mình. Chữ viết Babylon được viết trên bảng đất sét bằng cách ấn que viết sắc nhọn xuống như mọi người đều biết, và tất cả thư từ trao đổi giữa các vị vua được thực hiện theo cách này. Nhưng tại sao lại như thế, tôi không thể nói; giấy có thể cháy, còn bảng đất sét sẽ tồn tại mãi mãi để kể lại rằng các quốc vương đã nhanh chóng quên các liên minh và hiệp ước thiêng liêng của họ đến thế nào.

Khi nói ở Syria mọi việc khác ở Ai Cập, tôi cũng muốn kể thêm là ở Syria thầy thuốc thường phải tự tìm bệnh nhân chứ bệnh nhân không tìm thầy thuốc và khi bị ốm, người ta đón thầy thuốc về nhà, vì họ nghĩ rằng thần của họ gửi thầy thuốc đó đến nhà mình. Họ cũng tặng quà cho thầy thuốc trước thay vì sau khi lành bệnh, điều này có lợi cho thầy thuốc vì người bệnh thường quên ngay sự biết ơn sau khi lành bệnh. Cũng có thông lệ là giới quyền quý và người giàu sang thường có thầy thuốc riêng, nhưng họ không tặng quà cho thầy thuốc khi bị bệnh mà chỉ tặng khi họ khỏe mạnh hoặc sau khi được chữa lành.

Tôi có ý định bắt đầu lẳng lặng hành nghề y ở Simyra, nhưng Kaptah bảo: “Không được”. Ông ta muốn tôi dùng hết tiền bạc để mua những bộ quần áo đẹp và thuê nhiều người loan tin, quảng bá danh tiếng của tôi nơi có đông người tụ tập trong thành phố. Người loan tin cũng phải nói là tôi không tìm kiếm người bệnh mà người bệnh phải tìm đến tôi, và Kaptah thậm chí còn không cho tôi thăm bệnh bất kỳ ai nếu họ không tặng cho tôi ít nhất là một mẩu vàng làm quà. Tôi bảo ông ấy điều này thật điên rồ trong một thành phố mà không ai biết đến khả năng của tôi và mọi tập quán đều khác so với xứ đất đen. Nhưng Kaptah vẫn giữ nguyên ý mình và tôi không thể làm gì, bởi một khi đã nảy ra ý gì thì ông ấy gàn bướng như một con lừa.

Ông ấy cũng thuyết phục tôi tìm đến các danh y tốt nhất ở Simyra và nói với họ: "Tôi là Sinuhe, thầy thuốc Ai Cập, người được Pharaon mới lên ngôi đặt cho tên Người Cô Đơn và là danh y rất có uy tín trong nước. Tôi làm người chết sống lại và làm người mù sáng mắt nếu thần linh của tôi muốn vậy, vì tôi mang theo vị thần tuy nhỏ nhưng linh thiêng trong tráp của mình. Tất nhiên, kiến thức ở mọi lĩnh vực đều không giống nhau và các chứng bệnh cũng có nhiều loại khác nhau. Vì vậy, tôi đến thành phố các ngài để nghiên cứu các căn bệnh, chữa trị chúng, đồng thời tiếp thu kiến thức và tài năng của quý vị. Tôi hoàn toàn không muốn gây phiền toái cho quý vị trong nghề nghiệp hợp pháp của quý vị, vì tôi là ai mà cạnh tranh với quý vị chứ. Vàng cũng như cát bụi dưới chân tôi, do đó tôi đề nghị quý vị hãy gửi cho tôi những bệnh nhân mà thần linh của quý vị vì nổi giận đã khiến quý vị không thể chữa lành cho họ, nhất là những bệnh nhân cần đến dao trong khi quý vị không dùng dao, để tôi có thể khám cho họ, xem thần của tôi có chữa lành cho họ được không. Nếu một bệnh nhân như vậy được chữa lành, tôi sẽ tặng quý vị một nửa món quà mà người đó tặng tôi, vì tôi thật sự không đến đây vì vàng mà vì kiến thức. Nhưng nếu người đó không thể khỏi bệnh, tôi cũng không muốn nhận quà từ họ mà sẽ trả người đó cùng với quà cáp về nhà quý vị".

Các danh y Simyra mà tôi gặp trên đường phố cũng như trong chợ và nói như thế khi họ đang đi tìm bệnh nhân, đã vung vẩy vạt áo dài, gãi râu và nói với tôi: "Anh còn rất trẻ nhưng chắc thần của anh đã ban cho anh sự thông thái, vì lời nói của anh rất thuận tai chúng tôi. Nhất là về vàng và quà tặng, anh đã nói rất khôn khéo. Điều anh nói về việc dùng dao cũng hợp ý chúng tôi vì khi điều trị bệnh, chúng tôi không bao giờ dùng dao, bởi có những bệnh nhân nếu động dao vào thì khả năng chết cao hơn là không dùng dao. Chỉ có một việc chúng tôi đề nghị anh, đó là không chữa trị cho bất cứ ai bằng ma thuật, bởi ma thuật riêng của chúng tôi rất mạnh và có quá nhiều cạnh tranh trong lĩnh vực này ở Simyra và các thành phố ven biển khác".

Điều họ nói về ma thuật là đúng, vì có rất nhiều người không học hành và cũng không biết viết lang thang trên đường phố nhưng lại hứa hẹn chữa lành bệnh bằng phép thuật; họ sống nhiều ngày phè phỡn trong nhà của những người cả tin cho đến khi bệnh nhân của họ hoặc được chữa lành hoặc chết. Ở đây cũng khác với ở Ai Cập, vì như mọi người đều biết, phép thuật ở Ai Cập chỉ được làm trong đền thờ và được các giáo sĩ bậc cao thực hành, do vậy tất cả những người khác phải làm phép thuật trong bí mật và họ cũng sợ bị trừng phạt.

Kết quả của việc làm này là những bệnh nhân mà người khác không thể chữa trị đến gặp tôi và tôi đã chữa lành cho họ, còn những ai tôi không thể chữa khỏi, tôi gửi họ lại cho các danh y Simyra. Tôi lấy lửa thiêng từ đền Amon về nhà để có thể tẩy trùng theo quy định; tôi cũng dám dùng dao mổ và thực hiện các ca phẫu thuật làm các thầy thuốc Simyra vô cùng kinh ngạc, gãi gãi chòm râu. Tôi cũng may mắn chữa cho một người mù nhìn lại được, dù mắt anh ta trước đó đã được cả thầy thuốc và phù thủy dùng nước bọt trộn với đất sét xoa vào mà không lành, còn tôi dùng kim chữa cho anh ta theo cách ở Ai Cập và tôi đã có được danh tiếng sau lần chữa này mặc dù sau một thời gian, người bệnh bị mù trở lại vì sự hồi phục thị lực này không kéo dài được lâu.

Các thương nhân và người giàu Simyra sống rất lười biếng và xa xỉ. Họ béo hơn người Ai Cập, thường mắc chứng khó thở và bệnh đường ruột. Tôi dùng dao chữa cho họ khiến máu chảy xối ra như máu lợn. Khi tủ thuốc của mình dần cạn, tôi tận dụng lợi thế đã học là cách thu hái thảo dược theo đúng thời vụ dựa theo trăng và sao, bởi các lương y Simyra hiểu biết ít ỏi trong việc này nên tôi không thể tin tưởng vào thuốc của họ. Tôi cho người béo các loại thuốc làm thuyên giảm những căn bệnh tiêu hóa của họ, ngăn ngừa chứng khó thở và bán thuốc cho người bệnh với mức giá đắt hay rẻ tùy theo gia tài của họ; tôi cũng không xích mích với ai mà còn tặng quà cho các thầy thuốc lẫn các quan viên trong thành phố; Kaptah làm cho danh tiếng của tôi lan xa, gọi người ăn xin và kể chuyện rong vào ăn trong nhà tôi để họ quảng bá danh tiếng của tôi trên đường phố và ngoài chợ cho tên tôi khỏi bị lãng quên.

Tôi đã kiếm được rất nhiều vàng và những gì không dùng đến hoặc không làm quà tặng, tôi đầu tư vào các thương điếm của Simyra, những nơi thường cho thuyền đến Ai Cập, các đảo trên biển và xứ Hatti, nên tôi có cổ phần ở nhiều thuyền, khi một phần trăm, lúc năm phần trăm tùy theo cổ phần của tôi. Có những thuyền không bao giờ trở lại, còn hầu hết đều trở lại và số vàng của tôi được tăng lên hai, ba lần trong tài sản của hãng buôn. Đây là cách của người Simyra và không được biết đến ở Ai Cập, cả người nghèo cũng đầu tư và làm giàu theo cách này, nếu không còn nghèo khó hơn, mười hay hai mươi người nghèo cùng nhau góp đồng để có thể mua một phần ngàn cổ phần của thuyền và hàng hóa trên thuyền. Với cách này tôi không phải giữ vàng trong nhà để thu hút lũ trộm cướp mà tất cả vàng của tôi đều nằm trong sổ sách của các thương điếm và khi tôi đi đến các thành phố khác như Byblake và Sidon để khám và chữa bệnh, tôi không cần mang vàng theo mà tôi nhận một bảng đất sét từ thương điếm và xuất

trình nó để nhận vàng khi đến văn phòng của họ ở Byblos và Sidon, khi tôi cần và muốn mua thứ gì đó đặc biệt. Nhưng thường thì tôi không cần làm thế vì tôi nhận được vàng từ những người bệnh mà tôi chữa khỏi và từ những người được gửi đến chỗ tôi, thầy thuốc đến từ Simyra, sau khi mất niềm tin vào các thầy thuốc của chính thành phố của họ.

Bằng cách này, tôi trở nên khá giả và tài sản được tích lũy, Kaptah có da có thịt và mặc quần áo đắt tiền, xức dầu thơm, kem tốt và kiêu căng cả với tôi cho đến khi tôi đánh cho mấy gậy. Nhưng do đâu tôi thành công như vậy, tôi không thể nói. Tôi còn trẻ và tin vào khả năng của mình; tay tôi không run rẩy khi cầm dao; và tôi đã liều chữa cho nhiều bệnh nhân vì tôi nghĩ mình không có gì để mất. Tôi cũng không khinh thường khả năng của người Syria mà sử dụng thuốc hay cách chữa của họ nếu thấy tốt, nhất là khi thấy họ khéo léo dùng sắt nung đỏ thay dao, mặc dù cách này gây đau đớn hơn cho bệnh nhân. Có lẽ tôi thành công là nhờ bọ hung linh thiêng mà Kaptah tôn kính như một vị thần, nên tôi đã đặt làm cho nó một phòng ở bằng vàng và bạc, còn Kaptah nhặt phân bò tươi cúng cho nó hằng ngày để nó có thể xoắn đẩy những quả bóng phân như bọ hung thường làm, mặc dù tôi không bao giờ nhìn thấy nó xoa tròn cái gì. Tôi không biết chắc liệu thành công của mình có phải nhờ bọ hung hay không nhưng cẩn tắc vô áy náy, tôi đối xử tốt với nó và cho Kaptah phục vụ nó, để ông ấy bắt đầu nghĩ mình là một giáo sĩ chứ không phải là người hầu nữa.

Nhưng tôi đã thành công rất nhiều vì không ghen tị hay cạnh tranh với ai mà vui lòng chia sẻ quà cáp với những người khác và nhận chữa những bệnh nhân mà người khác không muốn chữa trị vì với tôi, kiến thức quan trọng hơn vàng. Vì khi đã có đủ vàng để sống tốt và tương xứng với danh giá của mình, kiến thức càng quan trọng với tôi hơn bao giờ hết, nên đôi khi tôi cũng chữa trị cho cả người nghèo để tìm hiểu về những căn bệnh của họ. Đôi khi tôi cũng có bệnh nhân bị chết và tài năng của tôi không đủ để chữa lành mọi bệnh nhân, nhưng không vì thế mà tôi bị quy tội, mặc dù thầy thuốc thường sẽ mất danh tiếng nếu bệnh nhân của anh ta chết. Người ta nói về các bệnh nhân chết sau khi được tôi chữa trị: “Thần Baal của anh ta muốn như vậy, vì ngay cả Sinuhe, Người Ai Cập cũng không thể chữa lành cho anh ta”. Ở Simyra tiếng tăm của tôi lớn như thế đấy.

2

Nhưng tôi vẫn cô đơn và cuộc sống không mang lại cho tôi niềm vui. Tôi cũng chán rượu, vì nó không làm tôi vui mà chỉ làm mặt tôi đen như bồ hóng, đến nỗi tôi muốn chết sau khi uống rượu. Đó là lý do tôi trau dồi kiến thức, học ngôn ngữ và văn tự của Babylon, đến nỗi tôi không có bất kỳ khoảnh khắc rỗi rãi nào trong ngày và đêm đến, tôi ngủ ngon giấc. Bởi vì nếu không làm gì, tim tôi sẽ sưng lên và sẽ bị nỗi buồn chua chát hơn kiềm gặm nhắm vì những việc làm của mình.

Tôi cũng tìm hiểu các vị thần Syria để xem họ có điều gì nói cho tôi không. Như những việc khác, các vị thần ở Simyra cũng khác với ở Ai Cập. Vị thần lớn của họ, thần Baal ở Simyra, là một vị thần độc ác khi đòi các giáo sĩ của ngài tự thiến mình và phải có máu người thì mới chịu làm điều tốt cho thành phố. Ngay cả biển cũng đòi họ đồ hiến tế, mà Baal đòi cả trẻ nhỏ, khiến các thương nhân và quan lại Simyra luôn bằng mọi cách tìm vật hiến tế. Vì vậy, không thể tìm thấy ở Simyra một nô lệ tật nguyền nào và người nghèo bị đe dọa với những hình phạt tàn ác chỉ vì những tội rất nhỏ, ví như một người đàn ông đã bị tùng xẻo làm vật hiến tế trên bàn thờ Baal vì đi trộm cá để nuôi gia đình. Trong khi đó, một người đàn ông lừa gạt người khác bằng cách cân điêu hay pha bạc với vàng không những không bị trừng phạt mà còn được tiếng là thương nhân tốt bụng, vì người ở đó nói: "Con người sinh ra để bị lừa dối". Vì thế các thủy thủ và thuyền trưởng của họ cũng bắt cóc trẻ em từ Ai Cập và các xứ dọc theo bờ biển để hiến tế cho thần Baal và điều đó được tính là chiến công lớn của họ.

Nữ thần của họ là Astarte, còn được gọi là Ishtar, như Ishtar ở Nineveh. Thần có nhiều vú, hằng ngày được khoác lên những bộ xiêm áo mỏng tang và nhiều đồ trang sức, được những người đàn bà vì lý do nào đó được gọi là trinh nữ của đền phục vụ, dù họ hoàn toàn không phải là trinh nữ. Mà ngược lại, công việc của họ trong đền là tiêu khiển đàn ông, việc được coi là mang lại điều tốt lành cho thần, càng tốt lành hơn nếu khách hiến tặng cho đền nhiều vàng và bạc. Vì thế những người này tranh nhau làm hài lòng đàn ông bằng nhiều cách khác nhau và ngay từ thời thơ ấu, họ đã được dạy nhiều cách mua vui khác nhau cho đàn ông để đàn ông tìm đến họ và vì họ mà cúng cho Astarte rất nhiều vàng. Cả việc này cũng không giống ở Ai Cập, vui vẻ với đàn bà trong khu vực đền thờ bị xem là một tội lỗi lớn, đến mức ai đó nếu bị phát hiện sẽ bị đày đến các khu mỏ và đền thờ phải được tẩy rửa.

Nhưng thương gia Simyra canh giữ người phụ nữ của mình rất nghiêm ngặt, họ bị nhốt ở nhà và phải mặc kín từ đầu đến chân

trong xiêm áo dày cộm để vẻ ngoài của họ không thu hút đàn ông lạ. Tuy nhiên, chính các thương gia lại đi đến đền thờ để tìm của lạ và làm hài lòng thần của mình. Vì vậy ở Simyra không có nhà vui như ở Ai Cập, còn nếu ai không hài lòng với trinh nữ của đền, người đó phải lấy vợ cho mình hoặc mua một nô tỳ ngoài chợ để vui thú với cô ta. Mỗi ngày có nhiều nô lệ được bán vì thuyền cập cảng Simyra liên tục, với đủ màu da và vóc dáng, béo phì và gầy nhom, trẻ em và thiếu nữ, đáp ứng những mục đích và ham muốn khác nhau. Nhưng quan lại của thành phố đã mua các nô lệ tật nguyền với giá rẻ để hiến tế cho Baal và khi làm việc đó, họ mỉm cười, vỗ ngực và nghĩ mình ranh mãnh lừa dối được thần linh. Còn nếu nô lệ quá già và không có răng, không có chân hoặc ốm chờ chết thì họ buộc vải bịt mắt thần linh để thần không nhìn thấy một khuyết tật nào ở kẻ bị hiến tế mà thích thú khi mũi ngửi thấy mùi máu của người đó chảy ra vì sự sùng kính dành cho mình.

Tôi cũng đã hiến tế cho Baal vì đây là vị thần của thành phố và giữ quan hệ tốt với thần này là an toàn nhất. Nhưng là người Ai Cập, tôi không mua người để hiến cho thần mà hiến vàng. Thỉnh thoảng tôi cũng đến đền thờ Astarte, thường được mở vào buổi tối, nghe nhạc của họ và nhìn những người mà tôi không muốn gọi là trinh nữ nhảy những điệu nhảy khêu gợi để tôn vinh nữ thần của họ. Và bởi đó là tập tục nên tôi ân ái cùng họ và thật sự kinh ngạc khi họ dạy tôi tất cả những điều mà tôi không biết. Nhưng lòng tôi không vui cùng họ mà tôi chỉ làm vì tò mò và khi họ dạy tôi những gì họ có, tôi thấy quá ngán nên không đến đền thờ của họ nữa và nghĩ không có gì đơn điệu như những kỹ năng của họ.

Nhưng Kaptah lo lắng về tôi và thường lắc đầu khi nhìn tôi, thấy mặt tôi già đi, nếp nhăn nơi khóe mắt hằn sâu hơn và trông tôi rầu rĩ. Vì vậy ông ấy muốn tôi mua cho mình một nô tỳ để giải khuây khi có thời gian, vì tôi không thể lấy một người nước ngoài làm vợ và cũng không thể lui tới khu kiều dân Ai Cập nên không vui vẻ được với những phụ nữ có chồng đi xa nhà hay đang đóng tại các đồn trú trong đất liền. Vì là quản gia và giữ vàng của tôi, một hôm Kaptah mua cho tôi một nô lệ theo thị hiếu của ông rồi tắm rửa, vận trang phục, xức dầu cho cô ta và đưa cô ta đến chỗ tôi vào buổi tối khi tôi muốn nghỉ ngơi sau một ngày mệt mỏi với việc chữa bệnh.

Cô gái này đến từ một hải đảo, làn da trắng, hàm răng hoàn hảo, không quá gầy, đôi mắt tròn và dịu dàng như mắt của một con bê non. Cô ta cung kính nhìn tôi, đầy vẻ sợ thành phố xa lạ mà cô bị

đưa đến. Kaptah giới thiệu cô ta với tôi và hào hứng nói về vẻ đẹp của cô ta, nên tôi cố gắng vui vẻ cùng cô ta để làm vui lòng ông ấy. Nhưng dù tôi đã cố hết sức để đỡ cô đơn, tôi không thấy hạnh phúc với cô ta và không thể nói lời yêu đương với cô như với một người tình.

Nhưng tôi đã sai lầm khi tỏ ra thân thiện với cô ta, vì cô ta ngày càng trở nên kiêu ngạo và làm phiền tôi rất nhiều trong khi tôi khám chữa cho bệnh nhân. Cô ta ăn nhiều, mập ra và liên tục đòi hỏi các loại đồ trang sức lẫn xiêm áo mới, lại luôn lẽo đẽo theo sau, nhìn tôi vẻ quyến rũ và thường xuyên muốn vui thú với tôi. Tôi đã thử vắng nhà, đi đến nhiều nơi trong vùng hay các thị trấn ven biển nhưng điều đó chẳng giúp ích được gì bởi vì khi trở về nhà, cô ta là người đầu tiên đón tôi, khóc vì vui sướng khi nhìn thấy tôi rồi lại lẽo đẽo theo tôi để tôi có thể vui vẻ cùng. Dù tôi giận dữ lấy gậy đánh cô ta cũng vô ích, vì như vậy càng khiến cô ta hào hứng và thán phục sức mạnh của tôi hơn, khi ấy cuộc sống trong nhà tôi sẽ trở nên không thể chịu nổi. Cuối cùng, tôi muốn giao cô ta cho Kaptah vì ông ấy là người chọn cô ta theo sở thích của mình, để ông ấy mua vui cùng cô ta và tôi sẽ được yên thân nhưng cô ta cắn, đá Kaptah và chửi rủa ông ấy vừa bằng tiếng Simyra, một số từ cô ta vừa học được, lẫn tiếng của dân đảo mà cả hai chúng tôi đều không hiểu. Dù cả hai chúng tôi đều lấy gậy quật cô ta thì cũng vô ích, vì như vậy cô ta lại càng thích vui thú cùng tôi hơn.

Nhưng bọ hung đã đem may mắn đến cho tôi, vì một hôm quốc vương của Amori, một xứ nằm sâu trong đất liền, tên là Aziru, đã nghe danh tiếng tôi và tìm đến tôi để chữa bệnh. Tôi khám răng ngài và làm cho ngài một chiếc răng mới bằng ngà voi thay cho cái bị mất trong trận chiến với xứ láng giềng và mạ vàng những chiếc răng hỏng. Tôi đã làm tất cả với khả năng tốt nhất của mình. Aziru lưu lại Simyra để họp bàn với hội đồng thành phố về các vấn đề giữa Amori và Simyra, hằng ngày ghé thăm tôi. Nhờ thế ngài đã thấy nô tỳ của tôi, người tôi đặt tên là Keftiu vì tôi không biết tên ngoại đạo của cô ta, và ngài rất thích cô này. Aziru trẻo và khỏe như bò mộng. Râu của ngài xanh đen và sáng bóng, mắt ngài có cái nhìn sắc sảo và lanh lợi khiến Keftiu bắt đầu nhìn ngài một cách thèm thuồng, vì đàn bà quan tâm đến tất cả những người lạ. Ngài đặc biệt thích cơ thể mập mạp của Keftiu mặc dù cô ta vẫn còn trẻ và bộ xiêm áo theo thời trang Hy Lạp của Keftiu càng kích động quốc vương hơn, vì nó che kín cổ nhưng lại để lộ ngực và ngài đã quen với việc nhìn đàn bà che kín từ đầu đến chân. Cuối cùng không thể cưỡng lại ham muốn của mình, ngài bắt đầu thở dốc nặng nề và nói với tôi:

- Tôi là bạn của anh, Sinuhe, Người Ai Cập. Anh đã trồng răng mới cho tôi và làm cho miệng tôi lấp lánh ánh vàng khi há ra nên danh tiếng của tôi sẽ rất lớn ở xứ Amori. Vì những việc này, tôi sẽ tặng anh những món quà quý giá khiến anh phải giơ tay lên vì kinh ngạc. Song tôi lại buộc phải làm tổn thương anh dù tôi không muốn, vì ngay khi thấy cô gái sống trong nhà anh, tôi đã thích cô ấy đến mức không thể ngăn nổi ham muốn của mình, vì ham muốn đó như một con mèo hoang cấu xé tôi mà không kỹ năng nào của anh có thể chữa lành được. Ham muốn của tôi với người đàn bà này mạnh đến nỗi tôi coi đó là một căn bệnh. Tôi chưa bao giờ thấy một ai như nàng và tôi hiểu anh yêu nàng lắm khi đêm đêm nàng sưởi ấm anh trên giường. Dù vậy tôi vẫn xin anh cho nàng về làm phi của tôi cạnh những phi tần khác để nàng không còn là nô lệ nữa. Tôi nói thẳng tất cả điều này với anh vì tôi là bạn của anh và là một người đàn ông trọng danh dự, tôi sẽ mua nàng với bất cứ giá nào mà anh đưa ra. Nhưng tôi cũng nói thẳng rằng nếu anh không vui lòng nhượng lại nàng cho tôi, tôi sẽ cướp nàng bằng vũ lực và đưa nàng về vương quốc của tôi, nơi anh sẽ không bao giờ tìm được nàng cho dù anh dám đến đó để tìm. Kể cả khi anh cùng nàng chạy trốn khỏi Simyra, tôi cũng sẽ tìm thấy, người của tôi sẽ tìm thấy nàng cho dù phải đi đến tận cùng trái đất, rồi họ sẽ giết anh và đưa nàng về cho tôi. Tôi nói trước với anh tất cả những điều này vì tôi là một người đàn ông trọng danh dự, một người bạn của anh và tôi không muốn nói với anh những lời giả dối.

Lời nói của ngài khiến tôi vui mừng đến nỗi tôi giơ tay lên biểu lộ niềm vui, nhưng Kaptah cũng nghe được, bắt đầu dứt tóc và nói như gào lên:

- Đây là một ngày thật tồi tệ! Giá ông chủ của tôi chưa bao giờ được sinh ra thì sẽ tốt hơn, vì ngài định lấy đi cô gái, người duy nhất làm ông ấy vui vẻ. Sự mất mát này không thể nào bù đắp được, vì ông chủ của tôi quý cô ấy hơn cả vàng, đá quý và hương liệu, vì cô ấy đẹp hơn trăng rằm, bụng cô ấy tròn và trắng như chiếc bánh, mặc dù ngài không nhìn thấy nó, và vú của cô ấy giống quả dưa, như chính mắt ngài có thể nhìn thấy, thưa quốc vương.

Ông ấy nói như thế vì đã học được thói quen của các thương nhân ở Simyra khi muốn bán cô gái với giá đắt, dù cả hai chúng tôi không muốn gì hơn là được thoát khỏi cô ta. Khi nghe điều này, cả Keftiu cũng bật khóc và nói rằng cô ta sẽ không bao giờ bỏ tôi, nhưng vừa khóc, cô ta vừa thích thú liếc nhìn hoàng thân Aziru và bộ râu xoăn của ngài qua kẽ tay.

Tôi giơ tay bảo họ im lặng và làm bộ nghiêm túc nói:

- Hoàng thân Aziru, quốc vương xứ Amori và bạn của tôi! Cô gái này thực sự là người tôi rất yêu quý và tôi coi cô ấy là người tình, nhưng đối với tôi tình bạn với ngài quý hơn mọi thứ, vì thế tôi sẽ nhường cô ấy cho ngài để minh chứng cho tình bạn của chúng ta. Tôi không bán mà chỉ tặng ngài và yêu cầu ngài đem lại cho cô ấy những điều tốt đẹp, làm mọi thứ mà mèo hoang ngự trong ngài mong muốn vì nếu tôi không nhầm, trái tim cô ấy đã ngả về phía ngài và cô ấy hẳn sẽ rất vui mừng với những điều đó, bởi trong thân thể cô ấy cũng có nhiều mèo hoang ẩn nấp.

Aziru sung sướng reo lên:

- Nói thật tình, dù anh là người Ai Cập và tất cả những điều xấu xa đều đến từ Ai Cập, song từ hôm nay trở đi anh là người anh em, người bạn của tôi và tên của anh trở thành thiêng liêng trên khắp xứ Amori; bất cứ khi nào anh đến thăm tôi, anh sẽ ngồi bên phải tôi trước cả những triều thần quý phái của tôi và những vị khách khác, ngay cả khi khách của tôi là các quốc vương khác, tôi thề đấy.

Nói rồi ông ta cười vang, răng lấp lánh vàng và nhìn Keftiu lúc này đã nín và trở nên nghiêm trang. Mắt ông bắt đầu sáng lên như hai hòn than và ông kéo mạnh cô gái vào lòng khiến hai quả dưa lúc lắc rồi ném cô ta vào kiệu của mình như thể cô ta nhẹ lắm. Thế là ông ta đi, mang theo Keftiu và ba ngày sau tôi cũng như những người khác không thấy ông trong thành phố Simyra, vì ông ở lì trong nhà nghỉ suốt ba ngày ba đêm liền. Kaptah và tôi rất vui vì thoát được cô ả khó chịu đó, nhưng Kaptah đã trách tôi không đòi quốc vương quà tặng khi cho cô ta, dù tôi đã có thể nhận được từ Aziru bất cứ quà gì. Nhưng tôi đã nói với Kaptah:

- Vì tình bạn với Aziru mà ta tặng cô gái cho ông ta làm quà. Không ai biết ngày mai chuyện gì sẽ đến. Dù xứ Amori nhỏ và nghèo, chỉ nuôi lừa và cừu nhưng tình bạn với nhà vua là tình bạn hoàng gia và có lẽ còn quý hơn vàng.

Kaptah lắc đầu nhưng xức dầu mộc dược cho bọ hung của chúng tôi và mang phân tươi cho nó để cảm ơn vì chúng tôi thoát khỏi Keftiu.

Trước khi trở về xứ Amori, Aziru còn trở lại chỗ tôi, cúi thấp đầu trước mặt tôi và nói:

- Tôi sẽ không tặng quà cho anh, Sinuhe, vì anh đã tặng tôi thứ

không thể đổi bằng quà. Cô gái thậm chí còn tuyệt vời hơn tôi tưởng, cặp mắt của cô ấy như giếng không đáy khiến tôi không bao giờ chán cô ấy, dù cô ấy đã vắt tôi kiệt sức như ép dầu từ quả mọng. Thành thật mà nói với anh, vương quốc của tôi không giàu và tôi không thể kiếm được vàng bằng cách nào khác ngoài việc đánh thuế các thương lái đi qua vùng đất của tôi và gây ra các cuộc chiến với lân bang, nhưng lúc đó Ai Cập sẽ ngay lập tức bu lại như ruồi trâu trên cổ tôi và khi ấy hại nhiều hơn lợi. Cũng chính vì thế nên tôi không thể tặng anh những món quà xứng đáng với thứ tôi nhận được từ anh và tôi oán giận Ai Cập, đất nước đã đè bẹp nền tự do cổ xưa của vương quốc tôi, khiến tôi không thể yên tâm gây chiến và cướp bóc các thương lái, như cha ông tôi từng làm. Nhưng tôi hứa bất cứ lúc nào anh đến với tôi, hỏi xin tôi bất cứ điều gì, tôi sẽ trao nó cho anh nếu điều đó nằm trong khả năng của tôi, miễn là anh không đòi lại người phụ nữ này cũng như những con ngựa, bởi vì tôi có ít ngựa và tôi cần chúng cho các chiến xa. Nhưng bất cứ thứ gì anh muốn, tôi sẽ cho anh nếu nó nằm trong khả năng của tôi. Và nếu ai đó phiền nhiễu anh, chỉ cần anh báo cho tôi, người của tôi sẽ giết hắn cho dù hắn ở đâu, bởi vì tôi có người của mình ở Simyra và cả các thành phố khác nữa, mặc dù không ai biết, song tôi hy vọng anh giữ bí mật. Tôi chỉ nói điều này với anh để anh biết rằng nếu anh muốn bất cứ ai phải chết, tôi sẽ ra lệnh giết hắn và không ai nghi ngờ anh về việc đó. Tình bạn của tôi với anh lớn đến thế.

Nói xong, ông ôm tôi theo cách của người Syria và tôi nhận thấy ông rất tôn trọng và ngưỡng mộ tôi; ông lấy sợi dây chuyền vàng trên cổ mình treo vào cổ tôi, mặc dù chắc chắn đó là một hy sinh to lớn vì ông thở rất dài khi làm việc đó. Thấy vậy, tôi tháo từ cổ mình sợi dây chuyền vàng mà chủ thuyền giàu nhất Simyra đã tặng tôi sau khi tôi cứu vợ anh ta trong một ca sinh nở khó khăn, treo vào cổ ông để ông không bị thiệt trong cuộc trao đổi, khiến ông mừng vui khôn xiết. Chúng tôi chia tay nhau như thế.

3

Sau khi được giải thoát khỏi cô ả đó, lòng tôi nhẹ bẫng như chim, đôi mắt tôi khát khao được nhìn cái mới và tâm trí tôi tràn ngập nỗi bồn chồn khắc khoải khiến tôi không còn muốn ở Simyra nữa. Lại một mùa xuân nữa đến, thuyền trong bến cảng đã sẵn sàng cho những chuyến đi dài và khi màu xanh đã trỗi dậy trên mặt đất, các giáo sĩ đi ra ngoại ô đào Tammuz, thần cây mà họ đã an

táng vào mùa thu trước, vừa chôn vừa cào rạch thân thể khiến máu ứa ra, giữa những tiếng than khóc vật vã.

Tôi bồn chồn cùng đám đông dân chúng đi theo các giáo sĩ. Mặt đất đã có màu xanh nõn nà, lá đã đâm chồi trên cành, chim cu gù và ếch kêu ộp oạp trong hồ ao. Các giáo sĩ lăn hòn đá ra khỏi cửa mộ, đào vị thần của họ lên rồi hò reo vui mừng, nói rằng thần đã phục sinh và thăng thiên. Dân chúng cũng hò reo và bắt đầu la hét, ồn ào, vặt bẻ cành cây và uống bia rượu từ các dãy quán mà các thương nhân vội vã dựng lên xung quanh mộ. Những người đàn bà kéo theo sau một chiếc xe gỗ chở một dương vật to được đẽo bằng gỗ, hò reo thích thú và khi đêm đến họ cởi bỏ xiêm áo, chạy dọc theo đồng cỏ, không cần biết ai đã có chồng ai chưa, mỗi người cặp đôi với bất kỳ ai mình gặp khiến đồng cỏ và triền đồi nhộn nhịp, rộn ràng. Về điều này, họ cũng khác với người Ai Cập. Nhìn họ, tôi thấy vô cùng ghen tị và nghĩ chắc mình đã già ngay khi được sinh ra, giống như xứ đen nhiều tuổi hơn tất cả các xứ khác, còn những tộc người này trẻ hơn và phục vụ thần của họ theo cách tương xứng.

Cùng đến với mùa xuân là tin người Khabiri từ sa mạc tràn đến, cướp phá các vùng biên giới từ bắc tới nam của Syria, đốt cháy làng mạc và bao vây các thành phố. Nhưng các đội quân của Pharaon cũng từ Tanis, vượt qua sa mạc Sinai, đến đánh nhau với quân Khabiri, bắt trói chỉ huy của họ và đuổi họ trở lại vùng hoang mạc. Chuyện thế này luôn xảy ra vào mỗi mùa xuân và trước đây cũng hay xảy ra, nhưng lần này dân chúng Simyra lo lắng vì quân Khabiri đã cướp phá thành phố Katna nơi có quân Ai Cập đồn trú, giết quốc vương ở đó và chém giết cả đàn bà lẫn trẻ em Ai Cập mà không bắt họ làm nô lệ để kiếm tiền chuộc. Việc như thế này chưa bao giờ xảy ra trong trí nhớ của mọi người, vì thông thường quân Khabiri hay tránh những thành phố có quân đồn trú.

Chiến tranh đã nổ ra như thế ở Syria và tôi chưa bao giờ thấy chiến tranh, vì thế tôi đi đến nơi có quân đội của Pharaon, bởi tôi cũng muốn chứng kiến một cuộc chiến để xem nó có điều gì nói cho tôi không, và tôi muốn nghiên cứu các vết thương do kiếm, đao và chùy gây ra. Nhưng điều quan trọng hơn cả khiến tôi lên đường là Horemheb chỉ huy các đội quân do Pharaon phái đến và trong nỗi cô đơn của mình, tôi khát khao được nhìn thấy khuôn mặt và nghe giọng nói của một người bạn. Vì thế, tôi đã cật vấn chính mình và nghĩ anh ấy không cần phải nhận ra tôi nếu thấy xấu hổ vì những việc tôi đã làm. Nhưng thời gian đã trôi qua, trong hai năm đã có rất nhiều điều xảy ra với tôi và có lẽ trái tim

tôi đã xơ cứng, bởi ký ức về điều tủi hổ mình đã làm không còn khiến tôi kinh sợ như trước. Vì thế, tôi đi và lên một chiếc thuyền chạy dọc theo bờ biển về phía nam rồi nhập vào một đoàn tải lương từ bờ biển đi vào nội địa với những cỗ xe bò chở lúa mạch và đàn lừa thồ nhiều hũ dầu, vò rượu và những bao hành. Thế là tôi đến một thị trấn nhỏ nằm trên đỉnh núi với những bức tường thành bao quanh có tên là Jerusalem, nơi có một đơn vị đồn trú nhỏ của Ai Cập và Horemheb đã lấy thành phố này làm đại bản doanh trong khi tiếp tục cuộc chiến. Nhưng những tin đồn ở Simyra đã quá thổi phồng sức mạnh của quân Pharaon, bởi vì Horemheb chỉ có dưới trướng một đội chiến xa với vài ngàn tay cung và giáo trong khi quân Khabiri được cho là đông hơn cát sa mạc lúc xuân sang.

Horemheb tiếp tôi trong một lán đất sét bẩn thỉu và nói:

- Tôi có biết một Sinuhe, cũng là bác sĩ và anh ấy là bạn tôi.

Anh ấy nhìn tôi và cái áo choàng Syria tôi đã quen dùng khiến anh ngạc nhiên. Cũng như anh ấy, tôi đã già đi và khuôn mặt tôi đã thay đổi, nhưng anh ấy nhận ra tôi và vung chiếc roi chỉ huy được tết bằng những sợi vàng của mình lên, mỉm cười và nói:

- Thể có Amon, cậu chính là Sinuhe, mặc dù tôi nghĩ cậu đã chết.

Anh ấy đuổi các chỉ huy trong ban tham mưu và các ký lục cùng với bản đồ và giấy tờ ra khỏi lán rồi gọi rượu vào mời tôi uống và nói:

- Những con đường của Amon thật kỳ lạ khi chúng ta gặp nhau ở miền đất đỏ, trong cái thành phố khốn khổ, bẩn thỉu này.

Khi nghe anh ấy nói, trái tim trong ngực tôi rung động và tôi biết mình nhớ anh ấy. Tôi kể với anh về cuộc sống của mình và các chặng đường tôi đã trải qua trong chừng mực mà tôi thấy phù hợp và anh nói:

- Nếu muốn, cậu có thể đi với chúng tôi như một thầy thuốc và chia sẻ vinh quang cùng chúng tôi, vì chắc chắn tôi sẽ giáng cho bọn Khabiri chó má một trận để chúng nhớ tên tôi và khóc cho sự ra đời của chúng trên thế gian này.

Anh ấy còn nói thêm:

- Có lẽ tôi là một cậu bé ngốc nghếch khi chúng ta gặp nhau lần đầu tiên và tôi còn không rửa cát bẩn trong các kẽ chân của mình.

Ngay từ lúc ấy, cậu đã là một người nhìn xa trông rộng và đã cho tôi những lời khuyên tốt. Bây giờ tôi hiểu biết hơn nhiều và trong tay tôi có cây roi vàng, như cậu thấy, nhưng tôi được nhận nó qua công việc cực nhọc trong đội cận vệ của Pharaon, săn đuổi những tên cướp và tội phạm mà ngài ấy đã điên rồ phóng thích từ các hầm mỏ khiến chúng tôi phải rất vất vả để tiêu diệt. Nhưng khi nghe tin quân Khabiri tấn công và tôi đòi Pharaon cho quân đánh lại chúng thì không võ quan nào cạnh tranh với tôi vị trí chỉ huy đội quân, bởi ở gần Pharaon sẽ được nhận nhiều vàng và huân chương hơn nơi sa mạc và giáo gươm của quân Khabiri rất sắc, tiếng hò hét trong trận mạc của chúng rất khủng khiếp vì chính tôi đã trải nghiệm. Nhờ thế, cuối cùng tôi có được kinh nghiệm và quân lính được rèn luyện trong các trận chiến thật sự, nhưng điều bận tâm duy nhất của Pharaon lại là tôi phải dựng một ngôi đền cho vị thần của ngài ở Jerusalem và đuổi được quân Khabiri mà không phải đổ máu.

Horemheb cười phá lên và quất roi vào đùi mình, tôi cũng cười, nhưng rồi anh ấy im bặt, uống rượu và nói:

- Nói thật tình, Sinuhe, tôi đã thay đổi rất nhiều từ khi ta gặp nhau lần cuối, vì bất cứ ai sống gần vị Pharaon này cũng buộc phải thay đổi dù không muốn. Ngài khiến tôi lo lắng vì ngài nghĩ và nói nhiều về thần của mình, một vị thần không giống những thần khác, đến nỗi ở Thebes mà cả tôi cũng thường có cảm giác có đàn kiến bò trong đầu, khiến đêm đến tôi không ngủ được nếu không uống rượu và ngủ với đàn bà để đầu óc mình bớt u mê. Thần của ngài ấy thật kỳ lạ. Thần của ngài không có hình dạng mặc dù hiện diện ở khắp mọi nơi, trong hình tròn, thần dang tay ban phước cho tất cả các sinh linh; trước thần, nô lệ hay người quyền quý không khác gì nhau. Sinuhe, hãy nói cho tôi biết, những lời này có phải là của một người bệnh hay không; tôi không thể nghĩ gì khác hơn là ngài đã bị một con khỉ điên cắn khi ngài còn bé. Bởi chỉ có kẻ điên mới nghĩ rằng có thể đuổi được quân Khabiri đi mà không cần đổ máu. Anh sẽ biết là tôi nói đúng khi nghe tiếng gào thét nơi trận mạc của chúng. Nhưng Pharaon cứ việc rũ bỏ trách nhiệm nếu đó là ý định của ngài. Tôi sẵn sàng nhận tội về mình trước thần của ngài và sẽ đè bẹp quân Khabiri dưới bánh đội chiến xa của mình.

Anh ấy uống thêm rượu và nói:

- Horus là thần của tôi, mà tôi không có lý do gì để ghét bỏ Amon vì ở Thebes, tôi đã học được rất nhiều lời nguyền rủa rất hay từ tên của thần và chúng có tác động đến binh lính. Nhưng tôi cũng hiểu

Amon đã quá hùng mạnh, vì thế nên vị thần mới tranh giành quyền lực với Amon nhằm củng cố vị thế của Pharaon. Chính Hoàng thái hậu đã nói với tôi điều đó và giáo sĩ Eje, người hiện cầm cây trượng cong và ngồi bên phải quốc vương, cũng đã thừa nhận như vậy. Họ có ý định loại bỏ Amon với sự trợ giúp của Aton hoặc ít nhất là hạn chế quyền lực của Amon, vì thật không thích hợp khi các giáo sĩ Amon trị vì Ai Cập trên cả hoàng đế. Đây là phép trị vì đất nước khôn ngoan và là một người lính, tôi hiểu tại sao lại cần một vị thần mới. Tôi sẽ không phản đối nếu Pharaon có thể bằng lòng với việc xây dựng nhiều đền thờ cho thần và trả công cho giáo sĩ, nhưng Pharaon lại nghĩ quá nhiều về vị thần của mình và nói về thần nhiều đến mức bất cứ việc gì xảy ra, trước hoặc sau đó ngài đều nói về thần linh. Vì thế, ngài làm cho mọi người xung quanh phát điên, điên hơn cả ngài. Ngài nói rằng ngài đang sống vì sự thật, nhưng sự thật giống như con dao sắc trong tay một đứa trẻ và còn nguy hiểm hơn nhiều nếu ở trong tay một kẻ điên, bởi dao phải được giữ trong vỏ và chỉ được sử dụng khi cần. Và nó càng nguy hiểm với nhà cai trị hay người phát lệnh, hơn bất kỳ ai khác.

Anh ấy uống rượu và nói tiếp:

- Tôi biết ơn chim ưng của mình đã giúp tôi thoát khỏi Thebes. Thebes đang sục sôi như một tổ rắn vì thần của Pharaon mà tôi lại không muốn dính dáng gì đến những mâu thuẫn giữa các thần. Các giáo sĩ Amon đã kể đủ mọi chuyện tục tĩu về dòng dõi của Pharaon và kích động dân chúng chống lại thần của ngài. Hôn sự của ngài ấy cũng gây phẫn nộ, bởi Công chúa Mitanni, người thường chơi với búp bê, đột ngột qua đời và Pharaon đã tấn phong cho người nữ có tên Nefritite, con gái của giáo sĩ Eje, làm vương phi. Thực ra nàng Nefritite này đẹp và biết cách ăn vận, nhưng nàng ta rất ngang ngạnh và theo ý cha trong mọi việc.

- Vì sao Công chúa Mitanni chết? - Tôi hỏi, vì đã thấy đứa trẻ mắt to ấy nhìn Thebes sợ hãi khi được khênh trên kiệu dọc Đại lộ Nhân Sư đến đền, xiêm áo và trang điểm như một nữ thần.

- Các danh y nói Công chúa không chịu đựng được khí hậu của Ai Cập, - Horemheb đáp và cười. - Đó là lời nói vô cùng vớ vẩn bởi ai cũng biết không đất nước nào có khí hậu tốt hơn Ai Cập. Nhưng chính cậu cũng biết số trẻ em chết trong hậu cung của Pharaon là rất lớn, lớn hơn cả số trẻ em trong khu phố nghèo ở Thebes, mặc dù điều đó thật khó tin. Không kể tên là khôn ngoan hơn cả, nhưng nếu là tôi và nếu có gan, tôi sẽ lái chiến xa xông đến trước nhà giáo sĩ Eje.

Anh ấy nói năng bạt mạng và đập đập cây roi vàng vào đùi khi uống rượu, nhưng anh ấy đã thành một người đàn ông trưởng thành với tâm tính hay ưu tư, bồn chồn chứ không còn là một cậu bé khoe khoang khoác lác nữa. Rồi anh ấy nói:

- Nếu cậu muốn làm quen với thần của Pharaon thì ngày mai đến dự lễ khánh thành ngôi đền mà tôi đã gấp rút xây dựng cho thần của ngài trên đỉnh ghềnh đá ở thành phố này. Tôi sẽ gửi tin về việc khánh thành cho Pharaon và ngài sẽ không cần biết gì về những người đã ngã xuống, máu bao người đã đổ mà chỉ việc hoan hỉ trong nhà vàng với thần của mình.

Anh ấy còn nói thêm:

- Cậu hãy ngủ trong lều nếu tìm thấy chỗ. Vì địa vị của mình, tôi phải ngủ ở đây, trong nhà của hoàng thân, nhưng ở đây chấy rận nhung nhúc. Tất nhiên, chấy rận cũng là một phần của chiến tranh như đói và khát, những vết thương và làng mạc cháy rụi, vậy nên tôi không muốn phàn nàn.

Tôi đã ngủ qua đêm trong lều và cảm thấy thoải mái vì tôi đã kết bạn với viên cai đội đoàn tải lương trên hành trình từ bờ biển đến Jerusalem. Anh ta tìm mọi cách để lấy lòng tôi khi biết tôi là thầy thuốc đi theo quân đội, bởi có người lính nào lại không muốn có quan hệ tốt với thầy thuốc. Suốt buổi tối, anh ta thở dài và than vãn:

- Giá mà tôi không sinh ra là lính, bởi vì nỗi sợ hãi như chuột gặm nhắm trái tim người lính suốt ngày đêm. Khi còn là một đứa trẻ, anh ta nhận đòn roi nhiều hơn thức ăn; trên chiến trận, anh ta phải mang nước và lương thực trên vai như một con lừa, đến nỗi cổ anh ta cứng lại như cổ lừa và gân vai bong rát. Kẻ thù đâm anh ta bằng mũi giáo, bắn tên vào da thịt anh ta và nếu bị bắt, anh ta sẽ giống như chim trong lồng, bị đánh và trói tay chân. Nước bẩn là đồ uống của lính và anh ta phải trộm cắp hoặc đánh bại kẻ thù để có được đồng lương khốn khổ của mình. Khi cuối cùng được trở về Ai Cập, người lính giống như cái cây bị sâu đục, không còn thích hợp vào bất cứ việc gì. Anh ta bị đánh đến đầy thương tích hoặc bị bệnh và chỉ nằm được trong tư thế được chở trên lưng lừa qua những quãng đường dài, quần áo bị đánh cắp và tên hầu đã bỏ trốn. Giá mà tôi chưa bao giờ sinh ra làm lính.

Anh ấy chỉ cho tôi xem hai người lính đã thử bỏ trốn và bị Horemheb cho treo ngược lên tường, họ đã chết nhờ những tay cung của đồng đội mở lòng nhân từ lấy họ làm bia để chuẩn bị cho

trận chiến mới. Anh cũng chỉ cho tôi vài ba tù binh Khabiri, những người đàn ông to lớn, giận dữ với mũi to, dày và đầu dính máu. Sau đó chúng tôi đi vào lều ngủ.

Tiếng tù và đánh thức tôi dậy từ sáng sớm, quân lính tập hợp thành nhóm, đứng thành hàng ngũ, các viên cai đội và quản cơ chạy dọc các hàng quân la hét, xô đẩy họ và dùng roi quất họ. Khi tất cả đã chỉnh tề, Horemheb từ căn lều đất sét bẩn thỉu của hoàng thân bước ra với cây roi vàng trong tay, viên hộ vệ cầm dù che trên đầu và lấy quạt xua ruồi quanh anh ấy khi anh ấy nói trước đội quân:

- Hỡi những người lính Ai Cập! Ta nói với những người lính Ai Cập và ở đây ta muốn nói cả với các ngươi nữa, đồ da đen rác rưởi, cũng như các ngươi, những giáo thủ Syria bẩn thỉu; ta cũng muốn nói với các ngươi, những gã lính Shardana và những tên lái chiến xa, những kẻ giống chiến binh và người Ai Cập nhất trong đoàn gia súc be be và ò ọ này. Ta đã rộng lượng với các ngươi, kiên nhẫn dạy các ngươi đánh trận, nhưng bây giờ lòng vị tha của ta đã hết, ta thậm chí không muốn ra lệnh cho các ngươi luyện tập bởi vì khi diễn tập, các ngươi ngã dúi dụi vào ngọn giáo của mình và nếu các ngươi bắn cung trong khi chạy, mũi tên của các ngươi sẽ theo gió bay lên trời rồi các ngươi bắn phải nhau, vậy thì số mũi tên vốn đã không đủ sẽ lại bị phí phạm, đội ơn Pharaon, thi thể của ngài sẽ tồn tại mãi mãi. Vì thế, hôm nay ta đưa các ngươi ra trận bởi vì các do thám của ta cho biết quân Khabiri dựng trại ở sau dãy núi, nhưng chúng có bao nhiêu thì ta không thể nói, bởi vì tụi do thám đã sợ hãi bỏ chạy trước khi kịp đếm. Nhưng ta hy vọng chúng đủ đông để giết hết tất cả các ngươi để cuối cùng ta không phải nhìn thấy những khuôn mặt kinh tởm, hèn nhát của các ngươi và ta có thể trở về Ai Cập để tập hợp một đội quân gồm những người đàn ông thật sự ham chuộng vinh quang và chiến lợi phẩm. Nhưng hôm nay ta cũng cho các ngươi một cơ hội cuối cùng. Này cai đội, mi đấy, kẻ sứt mũi kia, sao lại gãi đít khi ta đang nói! Vì vậy, hôm nay ta sẽ cho các ngươi cơ hội thử sức lần cuối!

Horemheb dữ tợn nhìn đám lính, ánh mắt anh ấy trừng trừng nhìn không sót một ai khiến không kẻ nào dám cựa quậy khi anh nói tiếp:

- Ta đưa các ngươi ra trận chiến và các ngươi phải biết ta sẽ là người dẫn đầu đoàn quân, ta sẽ không nhìn xem ai hay liệu có ai theo sau ta không. Bởi ta là con trai của Horus, chim ưng sẽ bay trước dẫn đường cho ta và hôm nay ta quyết đánh bại quân Khabiri dù phải chiến đấu một mình. Tuy nhiên, ta nói trước rằng

tối nay roi của ta sẽ dính máu, bởi chính tay ta sẽ quất những kẻ không theo ta mà tìm cách lẩn trốn hoặc bỏ chạy, ta sẽ đánh chúng đến mức chúng ước giá mà không bao giờ được sinh ra và ta cam đoan với các ngươi, roi của ta cắn xé còn đau hơn ngọn giáo của quân Khabiri vốn được làm bằng đồng xấu và dễ gãy. Và về phía quân Khabiri, không có gì đáng sợ hơn tiếng la hét của chúng, nhưng kẻ nào sợ hãy lấy đất sét bịt tai lại. Việc đó không hại gì vì nhờ vậy các ngươi sẽ không nghe thấy mệnh lệnh giữa tiếng la hét của quân Khabiri, mà mỗi người hãy làm theo lệnh chỉ huy của mình và các chỉ huy hãy theo chim ưng của ta. Ta nói thêm rằng quân Khabiri chiến đấu trong tình trạng hỗn loạn như bầy gia súc, nhưng ta đã huấn luyện các ngươi luôn trong hàng ngũ và các cung thủ đã được luyện tập để bắn cùng một lúc theo lệnh hoặc ám hiệu. Vì vậy, thần Seth và tất cả các ác quỷ của thần sẽ thiêu sống kẻ nào bắn trước hoặc bắn mà không trúng đích. Đừng gào khóc như đàn bà khi ra trận, ít nhất hãy giả làm đàn ông, người quấn khố quanh lưng thay váy. Nếu đánh bại được quân Khabiri, các ngươi được chia nhau gia súc, của cải của chúng và trở nên giàu có, vì chúng đã vơ vét được rất nhiều chiến lợi phẩm từ những ngôi làng mà chúng đã đốt, còn ta không định kiếm cho mình nô lệ hay bò đực mà các ngươi được chia đều tất cả cho nhau. Đàn bà của họ, các ngươi cũng được chia nhau và ta tin rằng các ngươi sẽ có buổi tối vui vẻ với những phụ nữ này vì phụ nữ Khabiri rất đẹp, rất hăng và yêu chiều những chiến binh dũng cảm.

Horemheb nhìn đội quân của mình, binh lính đột nhiên đồng thanh hét to, đập giáo vào khiên, vung cung và gào vang. Horemheb mỉm cười, lạnh lùng phất roi lên cao và nói:

- Ta thấy các ngươi đang cuồng lên muốn nhận roi đây, nhưng trước tiên chúng ta phải khánh thành đền thờ vị thần mới tên là Aton của Pharaon. Dĩ nhiên, ngài là một vị thần không thích chiến tranh, vậy nên ta không tin hôm nay các ngươi vui vẻ lắm với ngài. Vì thế, tiền quân sẽ diễu hành, còn hậu quân ở lại khánh thành ngôi đền để đảm bảo được hưởng ân sủng của Pharaon dành cho chúng ta. Các ngươi có một cuộc hành quân dài phía trước vì ta sẽ bắt các ngươi chiến đấu khi đang mệt lả để các ngươi không còn sức chạy trốn mà chiến đấu dũng cảm vì mạng sống của mình.

Anh ấy lơ đãng vút cây roi vàng, quân lính lại cuồng nhiệt hô to rồi lần lượt rời khỏi thành phố, lộn xộn nhưng theo từng đội với cờ hiệu được buộc vào đầu gậy trước đội quân, giống như họ theo đuôi sư tử, chim ưng và đầu cá sấu đi vào trận chiến và những

chiến xa tấn công hạng nhẹ đi trước đoàn quân để mở đường. Còn các cai, cơ và hậu quân theo Horemheb đến ngôi đền được xây dựng trên một vách đá cao bên rìa thành phố. Khi chúng tôi đến đó, tôi nghe thấy các sĩ quan bất bình bàn tán và hỏi nhau: "Lẽ nào thống lĩnh quân đội lại là người xung trận đầu tiên? Chúng ta sẽ không làm điều đó bởi vì theo thông lệ từ xưa tới nay, thống lĩnh và các chỉ huy được khênh trên kiệu và đi sau quân đội, vì họ là những người biết viết, nếu không làm sao họ có thể ghi lại những gì binh lính làm và trừng phạt những kẻ hèn nhát".

Horemheb nghe rõ lời họ nói nhưng chỉ mỉm cười vung roi mà không nói gì.

Ngôi đền nhỏ được vội vàng ghép lại từ gỗ và trát đất sét, trông không giống những ngôi đền thông thường; nó trống, chỉ có một bàn thờ ở giữa và không thấy có vị thần nào khiến binh lính ngạc nhiên nhìn xung quanh để tìm. Horemheb nói:

- Thần của ngài hình tròn và giống như vầng hào quang mặt trời, vậy nên các ngươi hãy nheo mắt nhìn lên bầu trời nếu mắt các ngươi chịu nổi. Ngài dùng tay ban phước lành cho các ngươi, mặc dù ta ngờ rằng sau cuộc hành quân hôm nay, các ngươi sẽ có cảm giác những ngón tay của ngài như những cây kim nóng đỏ trên lưng mình.

Nhưng quân lính làu bàu và nói thần của Pharaon ở quá xa. Họ muốn một vị thần mà họ có thể nằm rạp xuống đất trước ngài và có thể chạm tay vào ngài nếu họ dám. Thế nhưng họ đã im bặt khi vị giáo sĩ, một thanh niên trẻ gầy ẻo lả, đầu không cạo trọc và trên người khoác áo choàng trắng, bước ra. Đôi mắt sáng ngời và đầy nhiệt thành, giáo sĩ dâng những bông hoa xuân sặc sỡ, dầu thơm và rượu lên bàn thờ cho đến khi quân lính bắt đầu cười to. Giáo sĩ cũng hát thánh ca cho Aton và người ta nói rằng chính Pharaon đã sáng tác nó. Bài thánh ca khá dài và đơn điệu, quân lính há hốc mồm nghe mà chẳng hiểu chút gì. Giáo sĩ hát như thế này:

"Người thật đẹp khi mọc lên từ đường chân trời,

Người, Aton sinh động, thực thể đầu tiên giữa muôn loài!

Khi nhô lên trên bầu trời phía đông

Người tỏa ánh vinh quang ngập tràn mặt đất,

Bởi người đẹp, vĩ đại và xán lạn, cao cao phía trên trái đất.

Ánh sáng của Người ôm ấp tất cả vương quốc Người đã tạo nên,

Những vùng đất Người gắn kết bằng những tia sáng yêu thương,

Dù Người ở rất xa, ánh sáng của Người ngay trên mặt đất,

Bàn chân Người giẫm trên bùn dù Người thật quyền uy."

Rồi giáo sĩ miêu tả cái u ám của đêm đen, những con sư tử lừng lững từ hang bước ra khi đêm đến và cả những con rắn khiến nhiều người nghe bắt đầu sợ hãi. Chàng trai miêu tả ánh sáng rực rỡ của ban ngày và thuyết phục mọi người hãy tin rằng đàn chim sáng sáng vỗ cánh để ca ngợi Aton. Giáo sĩ cũng cam đoan rằng vị thần mới mang lại sự sống cho bào thai trong dạ con người phụ nữ và cường sinh cho tinh trùng của nam giới. Trong khi lắng nghe giáo sĩ, người ta có thể thật sự tin rằng không một điều nhỏ nhặt nào trên thế gian mà Aton không can dự, vì giáo sĩ thậm chí nghĩ rằng gà con không thể đâm thủng vỏ trứng và cất tiếng chiêm chiếp nếu không có sự giúp đỡ của Aton. Và chàng trai hát tiếp:

"Người đã làm bao điều kỳ diệu,

Những việc xảy ra chúng con nào hay

Ôi, vị thần duy nhất, quyền lực hơn mọi vị thần

Duy nhất Người tạo dựng thế gian theo ý muốn,

Loài người cùng gia súc và động vật nhỏ to,

Mọi loài, những gì ở trên trái đất và đi bằng đôi chân mình,

Mọi loài, những gì ở trong không gian và bay bằng đôi cánh của mình,

Các vùng đất Syria và Nubian

Và đất nước Ai Cập.

Người đặt từng sinh linh vào chỗ của chúng

Và trao cho muôn loài những gì chúng cần,

Người cho từng sinh linh nơi chốn của mình

Và ngày tháng năm sinh linh tồn tại.

Chúng sinh nói nhiều ngôn ngữ theo ý muốn của Người,

Màu da và hình dáng khác nhau,

Và như thế, Người biết ai là ai."

Chàng ta còn quả quyết rằng chính Aton tạo ra cả sông Nile trần gian và sông Nile thiên giới, khiến các sĩ quan lầm bầm rằng ngài can thiệp vào công việc của Amon. Ngài tạo ra cả các mùa trong năm và hiện diện trong hàng triệu triệu hình dạng khác nhau tại các thành phố, làng mạc và pháo đài, trên dòng sông và các con đường. Và chàng ta kết thúc:

"Trong tim con chỉ có một mình Người

Không ai khác biết Người

Ngoài con Người, đức vua.

Người cho đức vua biết dự định của mình

Với quyền năng của mình, Người trao việc.

Thế giới trong tay Người,

Nguyên vẹn như khi được Người tạo ra.

Con người sống nhờ ánh sáng của Người,

Nếu Người rơi vào cõi hư vô, họ sẽ chết,

Bởi Người là sự sống,

Và thông qua Người, con người ta tồn tại.

Mọi ánh mắt ngắm nhìn vẻ đẹp của Người,

Cho đến khi Người lặn xuống,

Mọi công việc bị gián đoạn,

Khi Người về miền tây.

Kể từ khi Người tạo dựng thế gian,

Người chuẩn bị cho sự xuất hiện của con trai mình,

Được sinh ra từ vòng tay ôm ấp của Người,

Chuẩn bị cho đức vua, Người sống vì sự thật,

Cho con trai của Ra, chủ nhân hai vương quốc,

Người sống vì sự thật.

Người tạo dựng ra thế gian cho vua, chủ nhân hai vương miện,

Cho Hoàng hậu vĩ đại,

Người được vua yêu thương, nữ hoàng của cả hai vương quốc,

Và cho Nefritite, Người hãy sống và mãi mãi trường tồn."

Binh lính vừa nghe vừa lấy ngón chân nguệch ngoạc trên cát và cuối cùng khi bài hát kết thúc, họ thoải mái hẳn và hò reo tôn vinh Pharaon, bởi điều duy nhất họ hiểu được trong bài thánh ca là ca ngợi Pharaon và tuyên bố ngài là con trai của thần. Điều đó đúng và phù hợp, vì xưa đã thế và sau này vẫn thế. Horemheb để cho giáo sĩ đi và chàng thanh niên, vui mừng vì sự thân thiện của quân lính, đi viết cho nhà vua về việc này. Nhưng tôi nghĩ bài hát và ý nghĩa của nó sẽ không đem đến nhiều niềm vui cho những người lính đang dùng ngón chân xoi cát và chuẩn bị bước ra trận chiến mà nhiều người sẽ chết.

4

Đoàn hậu quân xuất phát, theo sau là các cỗ xe do bò và lừa kéo. Horemheb vượt nhanh lên trước trong chiến xa của mình, còn các quản cơ cũng xuất phát trên kiệu của họ và than vãn về cái nóng bức ban ngày. Tôi tạm ngồi trên lưng lừa theo cách của viên cai đội tải lương bạn tôi và chở theo thùng đồ nghề của mình vì tôi nghĩ sẽ cần đến chúng.

Binh lính hành quân đến tận chiều, chỉ được phép nghỉ trong một thời gian ngắn khi ăn uống. Ngày càng có nhiều lính đau chân nằm lại trên đường không đứng dậy được mặc cho các cai đội đánh họ và lấy chân đá họ. Quân lính thì lúc hát, lúc lại chửi rủa và khi những cái bóng đổ dài xuống cát, những mũi tên đâu đó từ phía các ngọn núi ven đường bắt đầu bay đến chiu chíu khiến

thỉnh thoảng ai đó trong hàng quân hỗn loạn hét lên và lấy tay sờ vai, nơi mũi tên cắm vào, hay ngã sấp xuống đường. Nhưng Horemheb không dừng lại để dọn sạch những trở ngại trên đường mà tăng tốc cho đến khi đoàn quân lục tục tiến lên phía trước. Những chiến xa tấn công gọn nhẹ để mở đường và không lâu sau chúng tôi nhìn thấy những xác quân Khabiri nằm bên vệ đường trong những chiếc áo choàng rách rưới, miệng và mắt đầy ruồi vo ve. Một số lính dừng lại lật những cái xác lên, tìm kiếm kỷ vật chiến tranh nhưng trong những xác ấy không còn gì để lấy.

Viên cai đội tải lương ngồi trên lưng lừa mồ hôi ròng ròng, nhờ tôi chuyển lời chào lần cuối tới vợ con bởi anh ta nghĩ đây là ngày cuối cùng của mình. Vì thế, anh ta cho tôi địa chỉ nhà ở Thebes và nhờ tôi lưu ý để thi thể anh ta không bị cướp nếu quân Khabiri không kịp giết tất cả chúng tôi trước khi trời tối như anh ta rầu rĩ nghĩ.

Cuối cùng, một bãi rộng nơi quân Khabiri dựng trại hiện ra trước mặt chúng tôi. Horemheb thổi tù và, dàn quân tấn công với lính cầm chùy ở giữa và cung thủ ở hai bên. Còn các chiến xa tấn công được lệnh lảng tránh nên lao đi rất nhanh khiến bụi bay mù lên cao và che chúng khỏi tầm mắt. Anh ấy chỉ giữ một vài chiến xa hạng nặng ở lại gần mình. Những ngôi làng đang cháy bốc khói từ các thung lũng xa xa phía sau dãy núi. Có vẻ như quân Khabiri đông như kiến trên cánh đồng, tiếng hò reo và la hét ầm vang như tiếng sóng biển gầm khi chúng bắt đầu tiến về phía chúng tôi với những tấm khiên và mũi giáo lấp lánh rất đáng sợ trong ánh nắng. Nhưng Horemheb hét lên rất to:

- Đừng run chân mỏi gối, hỡi những con bọ bẩn thỉu yêu quý của ta, bởi để đánh nhau thì quân Khabiri không nhiều và thứ mà các ngươi thấy là gia súc, là vợ, là con họ, tất cả đều là của các ngươi trước khi trời tối. Thức ăn nóng trong nồi của chúng đang chờ các ngươi, vì vậy hãy xông lên để chúng ta có thể ăn trước khi trời tối vì ta đã đói như cá sấu rồi!

Nhưng quân Khabiri tràn đến sát chúng tôi và đông hơn chúng tôi nhiều, mũi giáo của chúng trông sắc bén dưới ánh sáng ban ngày khiến tôi không còn hứng thú gì với chiến tranh nữa. Các hàng lính giáo, giống như tôi, dao động và quay nhìn lại phía sau nhưng các viên đội vung roi, vừa quất vừa chửi rủa. Chắc đám lính cũng thấy đã quá mệt mỏi và đói để có thể chạy trốn quân Khabiri, nên hàng ngũ được sắp xếp lại và lính cung bắt đầu căng dây cung chờ lệnh.

Sau khi tiến đến gần, quân Khabiri hét to; tiếng hét của chúng đáng sợ đến nỗi máu từ đầu tôi dồn xuống và chân tôi bắt đầu run. Cùng lúc đó, chúng bắt đầu xông lên và bắn cung về phía chúng tôi khiến tôi nghe thấy tiếng mũi tên chiu chíu bên tai như tiếng ruồi và âm thanh phụt, phụt. Có lẽ trong đời mình tôi chưa bao giờ nghe thấy tiếng gì nhanh hơn tiếng vèo của mũi tên bay vút qua tai. Nhưng tôi thấy mũi tên không gây nhiều thương tích vì phần lớn chúng bay qua đầu chúng tôi và một số bị khiên chặn lại, nhận ra điều này khiến tôi can đảm lên rất nhiều. Cùng lúc đó, Horemheb gào lên:

- Theo ta, hỡi những con bọ bẩn thỉu của ta!

Người lái chiến xa của anh ấy thúc ngựa chạy, các chiến xa khác theo sau, lính cung đồng loạt bắn và lính giáo chạy theo sau các chiến xa. Đúng lúc ấy, một tiếng gầm rền vang lên từ trong cổ của mọi người, đáng sợ hơn cả tiếng hò reo của quân Khabiri, bởi trước cái chết, ai cũng gào lên để xua tan nỗi sợ hãi. Tôi cũng thấy mình hét to hết cỡ và tâm trạng đã ổn hơn rất nhiều.

Các chiến xa lao vào giữa đội quân tấn công của Khabiri với tiếng loảng xoảng chói tai khủng khiếp; chiếc mũ đính lông đà điểu của Horemheb sáng lóa phía trước đám bụi đang bốc lên và những ngọn giáo đang đung đưa tua tủa. Phía sau các cỗ chiến xa, lính giáo chạy theo đuôi sư tử và chim ưng, lính cung dàn rộng ra trên bãi và đồng loạt bắn vào đám quân Khabiri lộn xộn. Từ lúc đó tất cả trở thành một bãi hỗn chiến đầy thịnh nộ, gầm gào, hò hét và chết chóc rùng rợn. Những mũi tên rít qua tai tôi, lửa của tôi lồng lên và lao vào giữa đám hỗn chiến tồi tệ, vừa đá vừa hí lên trong hoảng loạn, nhưng tôi không thể dừng nó lại được. Quân Khabiri không hề sợ hãi và kiên cường chống cự, những tên lính bị ngựa giẫm ngã nằm trên đất vẫn đâm giáo vào những ai chạy qua chúng và nhiều lính Ai Cập bị giết khi đang cúi xuống chặt tay kẻ bị ngã để làm dấu hiệu chiến thắng. Lúc này mùi máu đậm hơn mùi mồ hôi và mùi của lính chiến; quạ bay vòng quanh trên trời thành đàn rồi lao xuống mỗi lúc một đông.

Đột nhiên quân Khabiri gào lên giận dữ và bắt đầu lùi lại, chạy trốn, vì chúng nhìn thấy các chiến xa đã bao quanh bãi chiến trường và đang lao về phía trại của chúng, đe dọa đám đàn bà và tách riêng đàn gia súc vừa cướp được. Chúng không thể chịu được cảnh đó, buộc phải lui về để giải cứu trại và vợ của mình và đó chính là thảm họa của chúng, bởi các chiến xa quay đầu lại để chặn và truy đuổi chúng; cuối cùng, lính giáo và lính cung của Horemheb đã giải quyết nốt đám hỗn binh. Khi mặt trời lặn, bãi

chiến trường đầy những xác chết không tay, trại chìm trong biển lửa và khắp nơi vang lên tiếng rống của đàn gia súc chạy tán loạn.

Nhưng trong cơn say chiến thắng, quân lính vẫn tiếp tục giết và đâm giáo vào tất cả những gì họ thấy, giết cả những người đã vứt bỏ vũ khí, dùng chùy đập chết trẻ con và bắn tên vào đàn bò đang chạy tán loạn cho đến khi Horemheb cho thổi tù và, các quản cơ cũng như các viên đội mới sực tỉnh và bắt đầu quất roi tập hợp quân lính của mình. Nhưng con lừa điên rồ của tôi vẫn tiếp tục chạy quanh bãi chiến trường khiến cả người tôi rung bần bật trên lưng nó như một cái bao và tôi không còn biết mình còn sống hay đã chết. Quân lính cười và chế nhạo tôi cho đến lúc một người lính trở cán giáo đập vào mõm lừa khiến nó bất ngờ khựng lại, dỏng tai lên, tôi liền nhảy xuống khỏi lưng nó. Từ đó trở đi, những người lính gọi tôi là Con Trai Lừa Hoang.

Tù binh bị dồn vào một nơi có rào chắn, vũ khí được thu gom thành từng đống và những người chăn thả gia súc được gọi đến để thu gom gia súc chạy trốn. Quân Khabiri nhiều đến nỗi phần lớn đã kịp trốn thoát, nhưng Horemheb cho rằng chúng sẽ chạy suốt đêm và không quay lại trong một thời gian dài. Trong ánh sáng của các xe chở cỏ cho gia súc và lều trại đang cháy, chiếc hòm thiêng được đưa đến chỗ Horemheb; anh ấy mở hòm rồi lấy ra Sekhmet đầu sư tử kiêu hãnh nhô cao bộ ngực bằng gỗ trong ánh lửa. Quân lính vẩy lên mình thần những giọt máu chảy ra từ vết thương của họ và vứt xuống trước mặt thần những cánh tay bị chặt rời, dấu hiệu của chiến thắng. Những cánh tay bị chặt đứt này cao dần thành đống và có những người đã ném vào đó bốn, năm bàn tay. Horemheb cho họ dây chuyền, vòng đeo tay và ban thưởng cho những người can đảm nhất bằng cách bổ nhiệm họ làm cai đội. Người anh ấy lấm lem đầy máu và máu nhỏ xuống từ chiếc roi vàng của anh, nhưng mắt anh mỉm cười với quân lính; anh gọi họ là những con bọ bẩn thỉu và những kẻ hút máu đáng yêu của mình.

Tôi có rất nhiều việc, bởi vì giáo và chùy của quân Khabiri đã gây ra những vết thương đáng sợ. Tôi làm việc dưới ánh sáng của những chiếc lều đang cháy và tiếng kêu đau đớn của những người bị thương hòa với tiếng hét của những người đàn bà khi binh lính kéo họ theo mình và rút thăm xem ai sẽ hoan lạc với họ. Tôi rửa và khâu kín những vết thương toác hoác, nhét ruột lại vào những cái bụng bị xẻ ra và kéo các mảng da đầu lòng thòng trước mắt về đúng chỗ. Đối với những người sẽ phải chết, tôi cho họ bia và thuốc tê để đỡ đau đớn nếu chết trong đêm.

Tôi cũng cứu chữa cho những người Khabiri vì bị thương không thể chạy trốn và khâu vết thương cho họ, nhưng vì sao tôi làm điều đó, thật khó nói: có lẽ vì tôi nghĩ nếu tôi chữa cho họ, Horemheb sẽ được giá hời hơn khi bán họ làm nô lệ. Nhưng nhiều người thậm chí không để ý đến sự giúp đỡ của tôi, họ xé toạc vết thương ra khi nghe tiếng gào khóc của con mình và tiếng thét của người vợ khi bị lính Ai Cập hãm hiếp. Họ co chân lại, lấy áo trùm đầu và chết vì mất máu.

Tôi nhìn họ và không còn thấy tự hào về chiến thắng như vào lúc ngay sau trận chiến, vì họ là những người nghèo ở nơi hoang mạc và đói nghèo buộc họ đến cướp gia súc cùng lương thực trong các thung lũng. Vì thế họ đến cướp bóc Syria, chân tay họ khẳng khiu và nhiều người mắc các bệnh về mắt. Cho dù như vậy, họ thật hung dữ và đáng sợ trong chiến trận, họ bỏ lại phía sau khói của những ngôi làng đang cháy bốc lên cao cùng với tiếng khóc và tiếng kêu than của người dân. Nhưng tôi không thể làm gì, vẫn thương hại họ khi nhìn cái mũi to, dày của họ dần tái nhợt và họ kéo quần áo rách rưới để che đầu trước khi chết.

Ngày hôm sau tôi gặp Horemheb. Anh ấy cảm ơn tôi, còn tôi hối thúc anh ấy lập một trại có bảo vệ để chữa trị tại chỗ cho những người bị thương nặng nhất, vì họ sẽ chết trên đường đi nếu phải chuyển đến Jerusalem. Horemheb cảm ơn sự giúp đỡ của tôi và nói:

- Tôi không nghĩ là cậu dũng cảm cho đến ngày hôm qua khi tôi tận mắt chứng kiến cậu cưỡi trên lưng con lừa giận dữ lao về nơi ác liệt nhất. Nhưng chắc chắn cậu không biết rằng trong chiến tranh, công việc của người thầy thuốc chỉ bắt đầu khi trận chiến kết thúc. Tôi đã nghe quân lính gọi cậu là Con Trai Lừa Hoang và nếu cậu muốn, thỉnh thoảng tôi sẽ đưa cậu ra trận trong chiến xa của tôi, bởi vì cậu là người may mắn, cậu vẫn sống sót dù không có giáo, thậm chí không có đến một cây chùy.

Anh ấy nghiêm trang nhìn tôi và tôi không biết anh ấy có ý chế giễu tôi không. Vì thế tôi nói:

- Trước đây tôi chưa bao giờ qua trận mạc nên tôi muốn được mục kích nó càng gần càng tốt. Nhưng chiến tranh không có gì để kể cho tôi và tôi nghĩ nếu được, anh cho tôi quay trở lại Simyra.

Anh ấy nói:

- Cậu đã cứu sống nhiều người lính bằng tài năng của mình nên

cậu xứng đáng được nhận huy chương như một chỉ huy đã cứu sống những người lính của mình với tài năng và lòng can đảm.

Nhưng tôi nói:

- Thôi mà! Tôi có đủ vàng để lo cho bản thân, huy chương của anh chỉ là cát bụi dưới chân tôi.

- Chắc cậu nói đúng, - Horemheb công nhận, - nhưng với những người đàn ông bình thường như tôi, vàng đeo trên cổ có ý nghĩa rất nhiều, nhất là khi tôi kiếm được nó trong chiến trận. Giờ đây khi đã nhìn thấy những người lính của mình trong trận chiến, tôi biết mình có khả năng chỉ huy họ và Sekhmet đầu sư tử đã ủng hộ tôi, nhờ vậy tôi đã giành được chiến thắng mà có lẽ sẽ được khắc vào đá nếu tôi muốn. Nhưng chiến thắng này là cát bụi dưới chân tôi vì chẳng cần đến tài năng cao siêu để thắng những kẻ trộm gia súc.

- Lính của anh ngợi ca tên anh và thề sẽ theo anh đi bất cứ đâu, - tôi nói, có chút tâng bốc anh ấy. - Nhưng làm thế nào anh thậm chí còn không bị thương, mặc dù tôi đã nghĩ chắc anh sẽ chết thôi khi là người đầu tiên xông đến trước làn tên, mũi giáo?

- Tôi có người đánh xe rất giỏi, - anh ấy nói, - hơn nữa, chim ưng của tôi bảo vệ tôi, vì tôi được dành cho những sứ mệnh cao cả. Do đó, hành động của tôi không có gì gọi là đáng tôn vinh hay dũng cảm, vì tôi biết sứ mệnh của mình buộc tôi phải làm đổ nhiều máu, mặc dù máu đổ không mang lại cho tôi nhiều niềm vui sau khi giết quá nhiều, cũng như tiếng gào thét đau đớn của những kẻ bị chẹt dưới bánh xe ngựa không hề làm tôi vui thích. Chừng nào các đội quân của tôi quen trận mạc và không còn sợ chết, tôi sẽ ngồi trên kiệu theo sau đoàn quân như những vị tướng khôn ngoan thường làm, bởi một thống lĩnh thực sự không làm những việc bẩn thỉu và đẫm máu mà đứa nô lệ rẻ mạt nhất cũng làm được, mà là người chỉ huy hết lòng, tiêu tốn nhiều giấy và đọc cho vô số thư lại đủ loại mệnh lệnh quan trọng mà cậu, Sinuhe, không thể hiểu vì đó không phải là nghề của cậu, giống như tôi không hiểu nghề y mặc dù tôi coi trọng tài năng của cậu. Vì thế, tôi chỉ hổ thẹn hơn khi tay và mặt mình dính máu những kẻ trộm gia súc nhưng tôi không thể làm khác, vì nếu tôi không là người tiên phong xông lên trước lính của mình, chúng có thể mất hết can đảm, quỳ sụp xuống đất và bắt đầu gào khóc bởi nói cho đúng, ra sau một vài thế hệ và không hề biết chiến trận là gì, những người lính Ai Cập này là đám hỗn quân, khốn khổ và hèn nhát hơn quân Khabiri. Vì thế tôi gọi chúng là những con bọ bẩn thỉu và chúng tự

hào với tên gọi này.

Nhưng tôi vẫn không thể tin là anh ta không sợ chết khi là người đầu tiên xông ra trước mũi tên ngọn giáo trong trận chiến. Bởi vậy tôi ngoan cố nói:

- Da anh ấm và máu anh chảy dưới da, giống như tất cả những người khác. Lẽ nào anh đã dùng những ma thuật rất mạnh để phù phép mình hay sao mà anh không bị thương và cũng không sợ?

Anh ấy đáp:

- Quả thực tôi có nghe nói về loại ma thuật như vậy và nhiều người lính đeo trên cổ những túi bùa bảo vệ họ, nhưng sau trận chiến này, nhiều chiếc bùa hộ mệnh như thế đã được gỡ khỏi cổ những kẻ thiệt mạng, vì vậy tôi không tin vào loại phép thuật như thế, mặc dù tất nhiên nó hữu ích bởi vì nó làm cho những kẻ thất học, những người không biết đọc hoặc viết, tin vào bản thân và dũng cảm hơn trong trận chiến. Nói thật, tất cả những điều đó là nhảm nhí cả thôi, Sinuhe ạ. Còn tôi ở vị thế hoàn toàn khác, tôi biết mình được giao làm những việc lớn lao, nhưng làm thế nào biết được điều đó, tôi không thể nói với cậu. Người lính hoặc may mắn, hoặc không, và vận may của tôi bắt đầu từ khi chim ưng của tôi dẫn tôi đến với Pharaon. Chim ưng của tôi không thật thích cung điện mà bay đi và không trở lại, nhưng khi chúng tôi hành quân qua sa mạc Sinai đến Syria, chịu đói khát khủng khiếp - vì tôi cùng binh lính chịu đói khát để biết được suy nghĩ của họ, từ đó có thể chỉ huy họ - tôi nhìn thấy trong thung lũng nọ một bụi cây đang cháy. Đó là đám lửa đang cháy bừng bừng, có hình dạng một thân cây hay bụi cây lớn. Nó không cháy hết rồi tàn đi mà cháy suốt đêm ngày và đất xung quanh nó có mùi hơi bốc lên đầu cho tôi thêm dũng khí. Tôi thấy ngọn lửa khi ngồi trong chiến xa dẫn đầu các đội quân của mình và săn đuổi những con sói hoang trên sa mạc, không ai khác thấy nó ngoại trừ tôi và người đánh chiến xa của tôi, người có thể đứng ra làm chứng. Và cũng từ đó tôi biết không một ngọn giáo, mũi tên hay chiếc chùy nào trúng được vào tôi trước khi thời gian của tôi kết thúc, nhưng từ đâu tôi biết được điều đó, tôi không thể nói vì đó là điều bí mật.

Tôi tin chuyện anh ấy kể và rất tôn trọng anh bởi không có lý do gì để Horemheb bịa ra một chuyện như thế chỉ để giải khuây cho tôi và tôi cũng không nghĩ anh ấy có thể nghĩ ra nó dù muốn, bởi vì anh ấy là người chỉ tin và biết những gì bản thân nhìn thấy và tay có thể sờ được.

Anh ấy cho quân lính nghỉ lại trong doanh trại của quân Khabiri, ăn uống, bắn bia và tập ném giáo. Bia là lính Khabiri, những kẻ không thể làm nô lệ vì bị thương hoặc quá cứng đầu không làm nô lệ được. Như thế, binh lính sẽ không rền rĩ vì phải luyện tập mà hào hứng bắn và ném giáo. Nhưng vào ngày thứ ba, mùi tử thi trên cánh đồng bốc lên thật khủng khiếp; quạ, chó hung sa mạc và linh cẩu từ sa mạc đổ dồn về từng đàn, rú rít tru lên trên bãi chiến trường làm náo động cả đêm khiến không ai có thể ngủ được. Nhiều phụ nữ Khabiri cũng lấy tóc thắt cổ vì tóc họ để dài và không ai còn hứng thú với họ nữa. Đó là những người đàn bà gầy gò và bẩn thỉu, mắt ngây dại như vùng hoang dã, mặc dù binh lính khen và coi họ là đẹp sau một thời gian dài không biết đến mùi vị đàn bà. Tất cả những điều này làm tôi dần trở nên không những chán chiến tranh mà tim tôi còn đau đớn với tất cả những gì người ta gây ra cho nhau. Khi nhìn vào những xác chết đã bị quạ mổ, xương bị chó rừng và linh cẩu gặm, tôi nói với viên cai đội tải lương bạn tôi:

- Chẳng mấy chốc những cái sọ này trọc hếu và sẽ không ai biết được ai là người Ai Cập, ai là người Khabiri, thậm chí tôi nghĩ thần linh sẽ không phân biệt được ai có trái tim trong sáng, đấu tranh cho lẽ phải và ai sai trái.

Nhưng viên cai đội tải lương vẫn không thấy buồn khổ gì khi đánh dấu vào cuốn sổ ghi chép của anh ta số lương thực đã bị quân Khabiri cướp, anh ta đếm đàn gia súc rồi nói:

- Chúng ta có một vị tướng dũng cảm và đầy thao lược, tiếng gầm của ngài trong trận chiến dũng mãnh hơn tiếng gầm của sư tử. Trong tai tôi, tiếng tru của chó hung sa mạc và linh cẩu còn ngọt ngào hơn tiếng gào thét của quân Khabiri và tôi thà ngửi mùi tử thi hơn mùi của mũi giáo găm trong da thịt mình. Nhưng điều anh nói về sọ và thần linh là đáng suy ngẫm, vì dù tôi biết lính Ai Cập gọi tên Amon khi ngã xuống trong chiến trận và nếu vững tin vào Osiris, anh ta sẽ được đi thẳng đến miền tây cho dù thi thể của anh ta không được giữ, nhưng nếu không để tâm đến điều đó, có thể tôi vẫn vui vì đã không ngã xuống nơi chiến trường. Các vị thần chắc chắn sẽ gặp nhiều khó khăn trong việc phân biệt ai là người ngoan đạo, ai là kẻ tà tâm. Nhưng tại sao tôi không ngã xuống nơi chiến trường? Vì trong nỗi sợ hãi, tôi đã gào thét đến mức một tên lính Khabiri giơ giáo định đâm tôi bắt đầu run rẩy và nằm rạp xuống trước mặt tôi.

Vào ngày thứ ba, Horemheb tổ chức lại quân của mình và phái một đội trở lại Jerusalem, mang theo chiến lợi phẩm vì có quá ít

thương nhân đến bãi chiến trường để mua nô lệ, dụng cụ nấu ăn và lúa mạch; và đội còn lại, anh cho đi chăn thả gia súc. Những người bị thương ở lại trong trại được đội lính đuôi sư tử ở lại bảo vệ, mặc dù phần lớn những người bị thương rồi cũng chết. Còn Horemheb cùng đoàn chiến xa đuổi theo quân Khabiri vì sau khi tra khảo tù nhân, anh ấy biết tin quân Khabiri đã mang được thần của họ theo khi chạy trốn.

Anh ấy lấy tôi theo, mặc dù tôi không muốn và tôi đứng sau anh ấy trên cỗ chiến xa, vừa giữ chặt eo anh ấy vừa ước giá như mình không bao giờ được sinh ra, vì anh ấy đánh xe như kẻ mất trí và tôi sợ chiếc chiến xa có thể lật bất cứ lúc nào làm tôi văng thẳng vào vách đá. Nhưng anh ấy cười, chế nhạo tôi và nói sẽ cho tôi nếm mùi chiến tranh vì tôi đến để xem chiến tranh có điều gì nói với tôi không.

Anh ấy cho tôi nếm mùi chiến tranh thật, và tôi thấy những cỗ chiến xa như cơn bão lốc tấn công vào quân Khabiri đang hát hò vui vẻ và vẫy những cành cọ khi lùa gia súc cướp được vào nơi ẩn náu trong sa mạc. Đàn ngựa của anh ấy giẫm đạp lên người già, phụ nữ, trẻ em và khói của những căn lều đang cháy bao phủ quanh anh ấy; bằng máu và nước mắt, anh dạy cho quân Khabiri rằng tốt nhất họ cứ sống nghèo khổ ở nơi sa mạc và chết đói ở nơi trú ẩn của mình còn hơn tấn công vào đất Syria màu mỡ, giàu có để có dầu thơm bôi lên lớp da cháy sạm và trở nên béo tốt, no đủ nhờ lúa mạch cướp được. Thế là tôi đã nếm trải một cuộc chiến không còn là chiến tranh mà là một cuộc đuổi bắt và đâm giết, cho đến khi Horemheb chán ngấy và cho dựng lại những trụ đá làm mốc biên giới bị quân Khabiri đạp đổ trước đó, thay vì dịch chúng vào xa hơn trong sa mạc mặc dù anh ấy có thể làm thế, bởi vì anh ấy nói:

- Tôi phải giữ lại mầm mống của Khabiri để có thể luyện cho quân đội chiến đấu, bởi nếu tôi tàn sát họ và lập lại hòa bình, cả nước sẽ không có nơi nào để tôi đánh trận. Thế giới đã sống trong hòa bình bốn mươi năm nay, tất cả các dân tộc hòa thuận với nhau và các vị vua của các đất nước vĩ đại gọi nhau là anh em hay bạn bè trong những lá thư của mình; và Pharaon gửi cho họ vàng để đúc tượng cho ngài và dựng đền thờ cho các vị thần của ngài. Vì thế tôi phải giữ lại mầm mống Khabiri, bởi chỉ trong một vài năm tới, đói khát sẽ đẩy họ ra khỏi sa mạc và họ sẽ quên những gì đã nếm trải hôm nay.

Trên chiến xa của mình, anh ấy cũng đuổi kịp thần của người Khabiri và như chim ưng bổ thẳng vào cổ ngài, khiến những

người khênh kiệu ném thần của họ xuống đất, bỏ rơi thần và trốn lên núi để tránh những cỗ chiến xa. Horemheb sai chặt thần của họ thành khúc và đốt cháy thần trước Sekhmet nên binh lính vỗ vào ngực mình và hãnh diện nói:

- Vậy là chúng ta đã đốt cháy thần của người Khabiri. Tên của thần này là Jehou hay Jahve và người Khabiri không có thần nào khác, vì vậy họ phải trở về sa mạc không có thần theo cùng, sẽ nghèo hơn cả khi họ từ đó ra đi, mặc dù họ vẫn vui vẻ hát ca và vung vẩy cành cọ.

5

Horemheb quay về Jerusalem nơi cư dân các vùng gần biên giới dồn về lánh nạn trong thời gian anh ấy ra chiến trận, bán lại cho họ gia súc, ngũ cốc, đồ nấu nướng của chính họ, khiến họ xé quần áo và hét lên: "Tên cướp này còn tệ hơn quân Khabiri", nhưng họ không có gì phải lo vì có thể vay tiền từ đền thờ thần của mình, từ các thương nhân cũng như từ sở thuế. Còn những gì họ không thể chuộc lại, Horemheb bán cho các thương lái kéo đến Jerusalem từ khắp Syria. Bằng cách này, anh ấy có thể chia chiến lợi phẩm bằng đồng và bạc cho những người lính, và bây giờ tôi hiểu vì sao hầu hết những người bị thương đều chết bất chấp mọi cố gắng của tôi. Như thế, đồng đội của họ sẽ được nhận nhiều chiến lợi phẩm hơn và cũng có thể lấy trộm quần áo, vũ khí và đồ trang sức của những người bị thương, bằng cách không cho họ nước hoặc thức ăn, để họ chết. Vì vậy, tôi hiểu tại sao những gã đồ tể vô học lại vui vẻ xung quân ra chiến trường và giàu có khi trở về Ai Cập, mặc dù họ không giỏi giang gì.

Jerusalem nhộn nhạo và ồn ào, lè nhè tiếng hát hò và đầy tiếng lọc xọc, lách cách vẳng ra từ các nhạc cụ Syria. Những người lính có đồng và bạc uống bia và hoan lạc với những cô gái tô vẽ được các thương lái mang đến, lúc vật nhau, lúc dùng vũ khí đánh nhau, gây thương tích cho nhau rồi trộm cắp của nhau và trộm của các thương lái, đến mức ngày ngày đều có những người bị treo ngược lên tường thành. Lính tráng không vì thế mà buồn bực hay giận dữ mà chỉ nói: "Xưa đã thế, sau này vẫn thế". Họ tiêu đồng và bạc của mình vào gái và bia cho đến khi các thương lái rời đi, mang theo đồng và bạc của họ. Horemheb thu thuế các thương lái khi họ đến lẫn khi họ rời đi và anh ấy trở nên giàu có dù không nhận chiến lợi phẩm nào cho mình mà cho binh lính hết. Tuy nhiên,

điều đó không làm anh ấy vui, vì khi tôi đến chào tạm biệt để trở về Simyra, anh ấy bảo:

- Cuộc chinh phạt này đã kết thúc trước khi nó bắt đầu và Pharaon khiển trách tôi trong một tờ dụ của ngài rằng tôi đã gây đổ máu dù ngài đã ngăn cấm. Tôi phải dẫn đoàn bọ bẩn thỉu của mình về Ai Cập, giải tán chúng, nộp chim ưng và đuôi sư tử vào các đền thờ để bảo quản, nhưng tôi không thể nói việc gì sẽ xảy ra sau đó, vì đây là những đội quân duy nhất được huấn luyện ở Ai Cập, còn số khác không biết gì hơn ngoài việc ỉa bậy trên tường thành và chọc ghẹo đàn bà ở chợ. Thề có Amon, thật dễ cho Pharaon khi ngài cứ ngồi trong cung điện sáng tác những bài ca ca ngợi thần của mình và tin rằng có thể cai trị tất cả các dân tộc bằng tình yêu thương, nhưng giá như chỉ một lần ngài nghe được binh lính rên rỉ đau đớn và những người đàn bà gào khóc trong những ngôi làng đang cháy khi kẻ thù vượt qua biên giới, có lẽ ngài sẽ nghĩ khác.

- Ai Cập không có kẻ thù, vì Ai Cập quá giàu có và hùng mạnh, - tôi nói. - Danh tiếng của anh cũng đã lan truyền khắp Syria và quân Khabiri sẽ không dám vượt qua cột đá biên giới nữa. Cớ sao anh không giải tán quân đội của mình chứ, bởi vì nói thực lòng, khi say xỉn binh lính đập phá hỗn loạn như những con thú, nhà nồng nặc mùi nước giải và người đầy chấy rận.

- Cậu không biết mình đang nói gì, - anh ấy nói, nhìn chằm chằm về phía trước rồi bực bội đưa tay gãi nách, bởi vì ngôi nhà đất sét hoàng gia trong thị trấn đầy rẫy chấy rận. - Ai Cập đang tự phụ và điều đó không đúng, bởi thế giới rộng lớn và mầm mống tai họa được gieo ở nơi mắt ta không nhìn thấy có thể lớn thành lửa và thành thảm họa. Chẳng hạn, tôi từng nghe vua xứ Amori háo hức gom ngựa và mua chiến xa, một việc hoàn toàn không thích hợp bởi lẽ ra điều ông ta cần làm là phải nộp thuế thường xuyên hơn cho Pharaon. Trong các bữa tiệc của mình, các quý tộc của ông ta nói người Amori trước đây đã cai trị cả thế giới; điều đó cũng đúng phần nào vì những người cuối cùng sống ở vùng đất Amori là người Hyksos.

- Aziru này là bạn tôi và là một người phù phiếm, vì tôi đã mạ vàng răng cho ông ta, - tôi nói. - Tôi cũng nghĩ bây giờ ông ta có nhiều mối lo khác, vì tôi nghe nói người thiếp mới của ông ta đang hút hết tinh lực của ông ta và trước sau cũng làm cho ông ta run chân, mỏi gối mà thôi.

- Cậu biết nhiều chuyện, Sinuhe ạ, - Horemheb nói và nhìn tôi thăm dò. - Cậu là một người tự do và quyết định việc mình làm;

cậu đi từ thành phố này đến thành phố khác và nghe được nhiều chuyện người khác không được nghe. Nếu ở địa vị của cậu và tự do như cậu, tôi sẽ đi khắp các nước để học hỏi. Tôi sẽ đến vùng đất Mitanni, ghé thăm Babylon và có lẽ cũng sẽ xem ngày nay người Hittite sử dụng loại chiến xa gì, họ rèn luyện quân đội như thế nào, và đến các hải đảo xem những hải thuyền vốn được rất nhiều người nói đến của họ to lớn ra làm sao, nhưng tôi không thể vì Pharaon gọi tôi về. Tên tôi cũng đã nổi tiếng khắp Syria nên tôi khó nghe được những gì tôi muốn nghe. Nhưng cậu, Sinuhe, cậu ăn vận như người Syria, nói ngôn ngữ mà người có học ở tất cả các nước đều dùng; cậu còn là một danh y và không ai tin cậu hiểu biết điều gì khác ngoài những điều dành cho thầy thuốc. Lời nói của cậu cũng đơn giản và thường rất trẻ con trong tai tôi, và tuy cậu nhìn tôi mắt mở to nhưng tôi biết tim cậu đang khép kín và cậu có điều gì đó mà không người nào biết. Tôi nói đúng không?

- Có lẽ anh nói đúng, - tôi nói, - nhưng anh muốn gì ở tôi?

- Cậu nghĩ sao nếu tôi đưa cho cậu rất nhiều vàng, - anh ấy nói, - và gửi cậu đến những đất nước mà tôi đã nói đến để hành nghề y và truyền bá danh tiếng của nền y học Ai Cập và cả của riêng cậu, một danh y, khiến giới giàu có và thượng lưu ở mọi thành phố mời cậu đến nhà và cậu nhìn thấu tâm can họ; có thể các vị vua và bậc vương quyền cũng mời cậu đến nhà họ và cậu biết được tâm tư của họ. Nhưng trong khi làm nghề của mình, cậu là tai, là mắt của tôi, cậu sẽ nhập vào tâm tất cả những điều mình thấy và nghe để lần nào đó khi quay về Ai Cập, cậu kể lại cho tôi.

- Tôi không bao giờ có ý định quay trở lại Ai Cập! - Tôi nói. - Anh cũng nói về những việc rất nguy hiểm, còn tôi lại không muốn bị treo ngược lên tường ở một thành phố xa lạ.

- Không ai biết ngày mai chuyện gì sẽ đến! - Anh ấy nói. - Tôi tin cậu sẽ trở về Ai Cập, bởi ai từng một lần uống nước sông Nile sẽ suốt đời nhớ nguồn nước đó. Những đàn nhạn và sếu cũng trở lại Ai Cập mỗi mùa đông chứ không ở lại bất kỳ nơi nào mãi mãi. Vì thế lời cậu như tiếng vo ve của đàn ruồi trong tai tôi. Cả vàng cũng chỉ là cát bụi dưới chân tôi và tôi muốn đổi nó thành tin tức. Cả lời cậu nói về bức tường thành cũng chẳng khác nào ruồi nhặng với tôi, vì tôi không yêu cầu cậu làm điều gì có hại, sai trái hay vi phạm luật pháp của nước khác. Chẳng phải tất cả các thành phố lớn đều chào mời du khách đến thăm đền thờ của họ, tổ chức các lễ hội và trò giải trí để thu hút du khách đến tiêu vàng, trả lại cho cư dân thành phố đó sao? Cậu sẽ được chào đón ở mọi đất nước nếu cậu có vàng mang theo. Kỹ năng ngày một tiến bộ của cậu

cũng được chào đón tại những nơi người già bị giết bằng rìu và người đau ốm bị đưa vào chết trong sa mạc, như tôi từng nghe kể. Các vị vua tự hào về sự vĩ đại của mình và thường cho binh lính diễu hành để người lạ khi nhìn thấy cũng tôn sùng sự vĩ đại của họ. Chẳng có gì xấu xa nếu cậu xem binh lính diễu hành như thế nào và họ có những loại vũ khí gì, nếu cậu đếm số lượng chiến xa và ước lượng chúng to và nặng hay nhỏ và nhẹ, chở được hai hay ba người, vì tôi đã nghe kể trên một số chiến xa, ngoài người điều khiển còn có cả người cầm khiên trong trận chiến. Một điều quan trọng nữa tôi cần biết là binh lính có được ăn uống tốt và lấp lánh dầu xức hay không, hay gầy gò và đầy chấy rận, và họ có tật ở mắt như những con rận bẩn thỉu của tôi không. Tôi còn nghe người Hittite đã niệm chú được một kim loại mới từ lòng đất và vũ khí rèn từ kim loại này đủ làm sứt mẻ lưỡi rìu được rèn từ loại đồng tốt nhất; kim loại này màu xanh lam, được gọi là sắt, nhưng tôi không biết điều đó có đúng hay không, bởi có thể họ chỉ học được cách tôi luyện, pha trộn đồng mới, và tôi muốn biết cách làm này là thế nào. Song điều quan trọng nhất tôi phải biết là tâm ý của các quốc vương và tính cách các cận thần của họ ra sao.

Tôi nhìn anh ấy, song anh ấy không còn nhìn tôi mà chỉ hờ hững vung chiếc roi vàng trên tay rồi chằm chằm nhìn những bức tường đất sét và ghềnh đá của Jerusalem đang rực đỏ trong ánh nắng và những cây ô liu lá nhuốm bụi màu xám qua cửa sổ phía trên đầu tôi. Nhưng anh ấy còn nhìn xa hơn những cảnh ấy, như thể nhìn vào một vùng đất xa xôi, cổ ngẩng cao và ánh mắt u ám.

- Tôi hiểu điều anh nói, - tôi lên tiếng sau khi suy nghĩ hồi lâu. - Vào thời gian sau này lòng tôi cũng không yên và xốn xang như chim trong lồng. Vì thế tôi mới đến chỗ anh để nếm trải xem chiến tranh là thế nào, dù đầy tớ của tôi đã cảnh báo. Tôi không phản đối việc đến những vùng đất xa xôi nơi nhiều người Ai Cập chưa từng đặt chân tới, bởi Simyra nhỏ bé và tôi cũng đã chán Simyra và khi nghe anh nói, tôi đã ngạc nhiên sao mình lại ở đó một thời gian dài như vậy. Nhưng có lẽ con người ta vốn chậm chạp khi quyết định và chậm chạp khi rời đi, trừ khi bị ai đó ra lệnh và bắt đi. Nhưng anh không phải là người ra lệnh cho tôi, tôi không hiểu anh muốn biết tất cả những điều đó làm gì và anh được lợi gì về việc đó khi ngồi trong cung điện của Pharaon và vui đùa với phụ nữ.

Anh ấy chỉ nói:

- Hãy nhìn tôi.

Tôi nhìn anh ấy và càng nhìn càng thấy anh ấy lớn lên trong mắt mình, mắt anh ấy toát lên vẻ u ám và anh ấy trông như một vị thần, khiến tim tôi run lên và tôi cúi đầu, hai tay duỗi thẳng xuống ngang đầu gối. Anh ấy hỏi:

- Cậu đã tin tôi là người ra lệnh cho cậu chưa?

- Trái tim tôi mách bảo anh là người ra lệnh của tôi, nhưng tại sao như vậy thì tôi không biết. - Tôi nói với anh ấy, lưỡi tôi như cứng lại trong miệng và tôi thấy sợ. - Có lẽ đúng là anh được sinh ra để ra lệnh cho nhiều người, như anh từng nói. Vì vậy, tôi sẽ lên đường và mắt tôi sẽ là mắt của anh, tai tôi sẽ là tai của anh, nhưng tôi không biết liệu những gì tôi thấy và nghe có ích cho anh không, vì tôi là kẻ khù khờ trong những việc anh muốn biết, tôi chỉ là danh y giỏi hơn người. Nhưng tôi muốn làm hết sức mình, hoàn toàn không vì vàng mà chỉ vì anh là bạn tôi và có lẽ vì thần linh ra lệnh, nếu như có thần linh.

Anh ấy nói:

- Tôi không tin là một lúc nào đó cậu lại hối hận vì đã là bạn của tôi, nhưng dù sao tôi cũng đưa cậu vàng vì cậu sẽ cần nó, theo như hiểu biết của tôi về con người. Cậu cũng không cần biết tại sao những tin tức tôi cần lại quan trọng hơn cả vàng đối với tôi. Tuy nhiên tôi có thể nói với cậu rằng các pharaon vĩ đại đều phái những người tài giỏi đến cung điện của các vương quốc khác, còn các sứ thần của Pharaon hiện thời là những thằng ngu không biết gì khác ngoài việc gấp váy cho mình thế nào, cài tước hiệu của mình ra sao và mình cần đứng chỗ nào theo thứ bậc, bên phải hay bên trái Pharaon. Vì thế nếu gặp họ, cậu không cần để ý đến họ mà hãy coi lời nói của họ như tiếng vo ve của ruồi trong tai.

Nhưng khi chúng tôi chia tay nhau, anh ấy đã cởi bỏ vẻ trang nghiêm của mình, đưa tay lên má tôi, chạm má mình vào vai tôi và nói:

- Tôi thấy thật nặng nề khi cậu đi xa, Sinuhe ạ, bởi nếu cậu cô đơn, tôi cũng cô đơn và không còn ai biết được những bí mật của trái tim tôi.

Tôi nghĩ rằng khi nói thế, anh ấy vẫn đang nghĩ về Công chúa Baketamon, người mà vẻ đẹp đã mê hoặc anh ấy.

Anh ấy đưa cho tôi rất nhiều vàng, nhiều hơn tôi có thể đoán, tôi nghĩ đó là tất cả số vàng anh ấy thu được trong trận chinh phạt ở Syria và anh ấy lệnh cho đội hộ tống đưa tôi đến miền duyên hải

để chuyến đi của tôi an toàn, không lo bị cướp. Đến miền duyên hải, tôi đã đầu tư vàng vào các thương điếm lớn và đổi chúng lấy các bảng đất sét để vận chuyển an toàn hơn so với vàng, bởi vì bọn trộm cướp không được lợi lộc gì từ chúng, rồi tôi lên thuyền để trở về Simyra.

Tuy nhiên, tôi vẫn nói thêm rằng trước khi rời Jerusalem, tôi đã khoan sọ của một người lính bị chùy đập vào đầu khi đánh lộn trong cơn say tại đền Aton, khiến xương sọ bị vỡ và anh ta nằm hấp hối, không thể nói hay cử động chân tay. Nhưng anh ta đã không hồi phục, lên cơn sốt, lăn lộn và chết vào ngày hôm sau.

Sách thứ sáu
Ngày vua hờ

1

Trước khi bắt đầu vào sách mới, tôi cần phải ngợi ca thời quá khứ ấy, khi tôi được tự do đi qua nhiều nước và học được thêm bao nhiêu kiến thức, vì thời gian như thế chắc sẽ không bao giờ trở lại. Cứ thế, tôi du hành trong một thế giới bốn mươi năm liền không có chiến tranh, các đoàn chở hàng và thương gia được lính cấm vệ của các quốc vương bảo vệ, và vùng sông, biển được hải đội của pharaon các triều đại bảo vệ khỏi thủy hải tặc. Biên giới rộng mở và thương gia cùng du khách mang vàng theo người được chào đón ở khắp các thành phố; người ta không xúc phạm nhau mà cúi người chào, hạ tay xuống ngang đầu gối và học hỏi phong tục của nhau; người có học thức nói nhiều thứ tiếng và viết hai loại chữ. Các cánh đồng được tưới tiêu đem lại mùa màng bội thu và thay vào vị thế sông Nile, dòng Nile từ trời cao tưới nước cho ruộng đồng của miền đất đỏ. Những nơi tôi du hành qua, đàn gia súc lững thững, bình an trên đồng cỏ; người chăn dắt không giáo mác thổi tiêu và hát những bài ca vui nhộn; những đồi nho tươi tốt và cây ăn quả trĩu nặng trái chín; các giáo sĩ béo tốt, mặt bóng nhẫy dầu xức và khói bốc lên từ vô số vật hiến tế trong sân trước các đền ở tất cả các nước; cả thần linh cũng mãn nguyện, nhân từ và béo tốt nhờ đủ loại đồ cúng tế. Người giàu giàu hơn, kẻ quyền thế quyền thế hơn, còn người nghèo lại nghèo hơn, như thần linh đã sắp đặt và như vậy, tất cả mọi người đều hài lòng, không than vãn, kêu ca. Trong tâm trí tôi hiện về những hình ảnh như vậy của một thời đã qua, thời có lẽ không bao giờ trở lại, khi tôi còn trẻ và thân thể tôi chưa mệt mỏi với những chuyến đi dài, đôi mắt tò mò của tôi thèm được thấy những điều mới lạ, lòng tôi khao khát tri thức và háo hức tiếp nhận mọi điều.

Để ví dụ cho cuộc sống quy củ và ở mọi nơi đều như nhau, tôi có thể kể đến việc thương điếm của một ngôi đền ở Babylon đã không ngần ngại trao cho tôi số vàng được viết trên những bảng đất sét mà tôi nhận được từ thương điếm của mình ở Simyra; hay ở tất cả các thành phố lớn đều có thể mua rượu của vùng núi hay của bến cảng, những thứ được đưa từ xa đến; và ở các thành phố Syria, rượu vang vùng núi Babylon được cho là tốt nhất còn ở Babylon người ta trả vàng cho rượu Syria. Ai có vàng đều có thể mua nô lệ với màu da và dáng vóc khác nhau, mua trẻ em và người lớn, mua các cô gái trẻ để có người vui thú và thuê cho mình người làm công. Ai không có vàng thì làm việc chân tay cho đến khi tay chai cứng, da sần sùi và dày cộp hay lưng còng. Nhưng kẻ nào lẻn vào nhà giàu trộm vàng để uống rượu, tiêu khiển và mua nô lệ cho mình, kẻ đó sẽ bị bắt và treo ngược trên tường để làm gương cho kẻ khác.

Tôi đã ngợi ca như thế về những ngày hạnh phúc đã qua, khi ngay cả mặt trời cũng chiếu sáng hơn và cơn gió cũng dịu dàng hơn những ngày tồi tệ này, còn giờ đây, tôi sẽ kể về tất cả những điều mắt tôi đã thấy và tai tôi đã nghe được trong những chuyến đi. Nhưng trước tiên, tôi cần kể tôi đã trở lại Simyra như thế nào.

Khi tôi trở về nhà mình ở Simyra, Kaptah lao về phía tôi, hét to lên, òa khóc sung sướng rồi nằm rạp xuống chân tôi và nói:

- Tạ ơn ngày may mắn đã đưa ông chủ tôi về nhà. Ông đã quay về mặc dù tôi nghĩ rằng ông đã chết trong trận chiến và tôi tin chắc ông đã bị ngọn giáo đâm xuyên người vì ông không chịu nghe lời cảnh báo của tôi mà muốn đi nếm trải xem chiến tranh thế nào. Nhưng bọ hung của chúng ta đúng là vị thần uy lực đã bảo vệ ông, nên ngày hôm nay mới tươi đẹp làm sao. Tôi vô cùng vui sướng khi nhìn thấy ông, vui đến trào nước mắt vì không kiềm chế được mình dù tôi tin rằng mình đã được thừa kế gia sản của ông và tất cả số vàng ông để vào thương điếm Simyra. Nhưng tôi không buồn về sự giàu có vừa vuột mất này bởi không có ông, tôi như con cừu non mất mẹ khốn khổ kêu be be và ngày tháng của tôi chỉ là bóng tối. Tôi cũng không lấy cắp nhiều hơn trong lúc ông vắng nhà mà đã trông coi ngôi nhà của ông, đồ đạc của ông cũng như tất cả của cải của ông để khi trở về, ông trở nên giàu có hơn lúc ra đi.

Ông ta rửa chân cho tôi, giội nước lên tay tôi, chăm sóc tôi bằng mọi cách và khóc lóc không dứt cho đến khi tôi bảo ông ta im đi và nói:

- Hãy chuẩn bị mọi thứ sẵn sàng, vì chúng ta sẽ làm một chuyến đi dài, có thể kéo dài nhiều năm và đầy khó khăn cực nhọc, chúng ta đến xứ Mitanni, Babylon và các hải đảo.

Kaptah lập tức im bặt, nét mặt trở nên tối sầm và xám ngoét vì sợ hãi, rồi ông ta hét lên:

- Thề có bọ hung, ông chủ của tôi đã mất trí và tốt nhất tôi nên trói ông lại, bỏ đỉa lên cánh tay và đầu gối ông. Vì ở Simyra chúng ta no đủ, chúng ta rưới mật ong lên bánh mì của mình, các thương gia và quan lại của thành phố tôn trọng chúng ta, các trinh nữ của đền Ishtar cũng đã học được từ các thủy thủ nhiều cách thức quyến rũ đàn ông mới và làm cho thân thể họ nhảy tanh tách như cá trên đất khô, vậy nên tốt nhất ông hãy đi ngay đến đền cúng tế hầu quên đi những lời nói điên rồ.

Tôi bảo ông ta:

- Ta không tự quyết định đường đi của mình được nữa, nhưng vì sao thì ta không muốn kể với ông, vì ông là nô lệ và ngu dốt. Nhưng thôi cứ làm như ông muốn, hãy ở lại đây trông coi nhà cũng như tài sản của ta và thỏa sức vui thú với những đàn bà mà ta không muốn gọi là trinh nữ của đền thờ, trong khi ta đi vắng. Ta sẽ đi một mình nếu ông không muốn đi cùng, ta không ép buộc ông bởi trong chuyến đi dài, ông có thể gây cho ta nhiều rắc rối hơn là thuận lợi.

Lúc đó Kaptah bắt đầu gào khóc và hét lên:

- Giá như tôi chưa bao giờ được sinh ra trên thế gian này. Giá như tôi chưa bao giờ béo lên và có được những ngày tốt đẹp, vì ai đã từng được sung sướng, người đó càng khó từ bỏ ấm no. Nếu ông chỉ đi một hoặc hai tháng như trước đây, tôi sẽ không nói gì mà chỉ yên tâm ở lại Simyra. Nhưng nếu chuyến đi của ông kéo dài hàng năm, có thể ông sẽ không bao giờ quay lại thì tôi sẽ không bao giờ được thấy ông nữa. Vì thế tôi phải theo ông và mang theo bọ hung linh thiêng của chúng ta, bởi trên hành trình như vậy ông cần tất cả vận may mà ông có và nếu thiếu bọ hung, ông sẽ rơi xuống vực trên đường đi, bọn trộm cướp sẽ đâm giáo nát người ông. Không có tôi và kinh nghiệm của tôi, ông như con bê con bị tên trộm trói hai chân sau rồi vác trên lưng đi bất cứ đâu và không có tôi, ông như người đàn ông bị chằm mắt và bất lực quờ tay về phía trước dò đường đi, khiến ai gặp ông đều thỏa sức lấy hết đồ của ông khi chưa kịp bị phát hiện. Tôi không cho phép điều đó, bởi nếu phải có ai đó trộm của ông thì tốt nhất người đó là tôi, vì tôi

lấy của ông một cách vừa phải và cẩn trọng, cân nhắc tới lợi ích của ông. Nhưng tốt hơn cả là chúng ta nên ở lại trong nhà của chúng ta ở Simyra thôi.

Quả thật theo thời gian Kaptah đã trở nên trơ tráo hơn, đã nói "nhà của chúng ta", "bọ hung của chúng ta" và khi trả tiền, ông ta đã nói "vàng của chúng ta". Nhưng tôi đã mệt mỏi về chuyện này và chán ngấy lời than vãn của ông ta nên cuối cùng tôi cầm cây gậy của mình lên, cho tấm lưng béo ấy một trận nhừ đòn để ông ta có lý do thật sự mà gào khóc, rồi tôi nói:

- Tim ta mách bảo rồi sẽ có lúc ông bị treo ngược trên tường vì sự hỗn xược của mình. Nói nhanh, ông đi với ta hay ở lại? Nhưng trước hết, hãy thôi ngay cơn lải nhải muôn thuở của ông đi, nó làm ngứa tai ta trong khi ta phải chuẩn bị cho một chuyến đi dài.

Nghe thế Kaptah trấn tĩnh lại, phục tùng số phận của mình và chúng tôi chuẩn bị cho chuyến đi. Bởi ông ta đã từng thề không bao giờ bước chân lên thuyền, nên chúng tôi nhập vào một đoàn lữ hành đang đi về phía bắc Syria, vì tôi muốn nhìn thấy những khu rừng tuyết tùng Li-băng, nơi có những cây thân gỗ được dùng để xây cung điện và đóng thuyền thiêng cho thần Amon. Tôi không có nhiều điều để kể về chuyến đi vì nó đơn điệu và chúng tôi không bị lũ cướp đường quấy nhiễu. Các nhà nghỉ được trang bị tốt, chúng tôi ăn uống thoải mái và ở một số trạm nghỉ, bệnh nhân tìm đến tôi và tôi chữa lành cho họ. Tôi ngồi kiệu vì đã quá ngán cưỡi lừa, Kaptah cũng không thích lừa nhưng tôi không thể cho ông ta cùng ngồi kiệu với mình để khỏi mất thanh danh trong mắt những hành khách khác, vì ông ta là đầy tớ của tôi. Vì thế Kaptah than vãn rất nhiều và nói ông ta muốn chết. Tôi nhắc ông ta rằng chúng tôi có thể thực hiện chuyến đi này nhanh hơn và dễ chịu hơn bằng thuyền, nhưng điều đó không an ủi được ông ta là bao. Gió khô cào rát mặt tôi đến nỗi tôi phải liên tục bôi dầu lên da; bụi bám vào cổ họng và những con rận cát làm phiền tôi, nhưng tôi nghĩ những trở ngại này là chuyện nhỏ và tôi vui mừng với tất cả những điều mắt mình nhìn thấy.

Tôi cũng thấy những rừng tuyết tùng và những cây to đến mức không người Ai Cập nào tin là có thật nếu tôi kể, nên tôi sẽ không kể. Nhưng tôi buộc phải nói rằng mùi hương của những khu rừng này thật huyền diệu, cũng như những dòng suối trong vắt và tôi đã nghĩ chắc không ai có thể cảm thấy bất hạnh ở đất nước tuyệt vời này. Tôi đã nghĩ thế cho đến khi nhìn thấy những nô lệ chặt cây và róc cành để vận chuyển dọc theo sườn núi ra bờ biển. Nỗi khốn khổ của những nô lệ này là vô cùng, tay chân họ đầy vết

thương và vết xước do vỏ cây và dụng cụ làm việc gây nên, ruồi bâu lúc nhúc kín những vệt roi trên lưng họ, khiến tôi không còn nghĩ như trước nữa sau khi nhìn cảnh ấy.

Nhưng Kaptah lại giải khuây bằng việc tính xem ông ta sẽ giàu đến mức nào nếu sở hữu tất cả những cây này ở Ai Cập; ông ta sẽ dùng thuyền chở tất cả đến bến ở Thebes. Ông ta tính giá một cây to đủ để một người đàn ông bình thường nuôi sống gia đình suốt đời, cho con trai học thành ký lục và con gái được gả vào một dòng họ tốt. Ông ta bắt đầu đếm cây nhưng cây nhiều vô kể và đầu ông ta rối tung, ông ta bắt đầu đếm lại và cuối cùng gào lên: "Tim tôi nhói đau khi thấy tất cả sự giàu có nhường này chỉ hoài phí đung đưa trong gió". Thế là ông ta kéo áo trùm lên đầu để không thấy rừng cây nữa. Còn tôi, khi nghe tiếng rì rào trong tán tuyết tùng, tôi lại nghĩ cũng đáng cho một chuyến đi dài và xa để nghe được âm thanh ấy.

Cuối cùng chúng tôi đến thành phố Kadesh, nơi có một pháo đài và khu kiều dân lớn của Ai Cập. Nhưng trên thành pháo đài không có lính gác, cỏ mọc kín hào nước xung quanh thành, quân lính và chỉ huy sống trong thành phố cùng với gia đình họ và chỉ nhớ mình là lính vào những ngày kho của Pharaon phân phát lương thực, hành và bia. Chúng tôi nán lại trong thành phố để những vết thương do cưỡi lừa trên mông Kaptah kịp đóng sẹo và tôi chữa cho nhiều bệnh nhân ở đó, vì các thầy thuốc Ai Cập trong thành phố không đủ tốt; tên họ đã bị xóa khỏi Sinh thư từ lâu, nếu một lúc nào đó đã có trong ấy. Vậy nên người bệnh thường sai đưa mình đến xứ Mitanni nếu họ có đủ vàng và đành chịu ở đó cho các thầy thuốc đã học nghề ở Babylon chữa trị. Tôi nhìn thấy ở thành phố này những tượng đài được các pharaon vĩ đại cho xây dựng và tôi đọc trên đó những dòng chữ kể về chiến thắng của họ cùng với sự thất bại của kẻ thù và những cuộc săn voi của họ. Ở đây tôi cũng cho khắc một ấn triện bằng đá quý vì muốn mình được kính trọng ở những nước này, bởi khác với ở Ai Cập, ấn triện ở đây không gắn vào nhẫn đeo trên ngón tay mà treo trên cổ vì nó có hình trụ với một lỗ thủng ở giữa và được quấn quanh bảng đất sét nên có thể in dấu trên bảng. Còn người nghèo và người ít học thì chỉ ấn ngón tay cái xuống bảng đất sét nếu họ có việc dùng bảng.

Nhưng Kadesh là một thành phố rất buồn bã và ảm đạm, khô rang dưới cái nắng ban ngày và đổi bại đến mức cả Kaptah cũng muốn tiếp tục cuộc hành trình, mặc dù ông ta rất sợ ngồi trên con lừa của mình. Sự thay đổi duy nhất diễn ra ở đó là các đoàn hành hương từ tất cả các nước đều đi qua đây vì thành phố nằm ở ngã ba đường. Nhưng tất cả các thành phố biên ải đều như thế, dù

dưới triều đại bất cứ vị vua nào, là nơi đày ải các võ quan và binh lính, dù quân đội của họ thuộc về Ai Cập hay Mitanni, Babylon hay Hatti. Vì thế ở bất cứ thành phố biên ải nào, tôi không nghe thấy binh lính và cai, cơ làm gì khác ngoài việc nguyền rủa sự có mặt của chính mình trên thế gian, chơi bời và ẩu đả nhau, uống loại bia chua lòm và vui thú với đàn bà, dù đàn bà ít khi mang lại cho họ niềm vui mà phần nhiều chỉ nỗi buồn.

Chúng tôi tiếp tục đi và vượt qua biên giới đến vùng đất Naharani mà không bị ai chặn lại, nhưng lại gặp một dòng sông nước chảy ngược lên chứ không xuôi xuống như sông Nile. Người ta cho biết chúng tôi đang ở đất Mitanni và chúng tôi trả thuế du lịch cho sở thuế của hoàng gia. Vì chúng tôi là người Ai Cập nên mọi người dành cho chúng tôi sự đối xử tôn trọng, họ đến gặp chúng tôi trên đường phố và nói:

- Chào mừng các ngài đã đến, chúng tôi rất vui khi thấy người Ai Cập, vì rất lâu rồi chúng tôi không thấy người Ai Cập nào. Pharaon đã không gửi binh lính và vũ khí cũng như vàng đến đất nước chúng tôi, làm chúng tôi rất bồn chồn. Có tin đồn rằng ngài đã chào mời quốc vương chúng tôi một vị thần mới mà chúng tôi không hề biết chút gì, dù chúng tôi đã có thần Ishtar ở Nineveh và nhiều vị thần vĩ đại khác bảo vệ từ trước đến nay.

Họ mời tôi đến nhà và thết đãi tôi, Kaptah cũng được họ cho ăn và uống vì ông ấy là người Ai Cập, mặc dù chỉ là đầy tớ của tôi, nên Kaptah nói:

- Đây là xứ sở tốt. Chúng ta hãy ở lại đây thôi ông chủ ạ, để làm nghề thuốc. Vì tôi thấy người ở đây thiếu hiểu biết, cả tin và dễ bị lừa.

Vua Mitanni và triều đình chuyển vào vùng núi ở phía bắc vào quãng thời gian nóng nhất của mùa hè nhưng tôi không muốn đi theo họ, vì tôi đang rất nôn nóng và khát khao được nhìn thấy tất cả những điều kỳ diệu của Babylon mà tôi đã nghe nói đến rất nhiều. Nhưng tuân lệnh Horemheb, tôi bắt chuyện với cả người quý phái lẫn thường dân, tất cả đều nói giống nhau nên tôi hiểu rằng lòng họ thật sự không yên. Bởi ngày xưa xứ Mitanni vốn rất hùng mạnh nhưng bây giờ là một vùng đất bất ổn, bao quanh bởi Babylon ở phía đông, dân mọi rợ ở phía bắc và phía tây là người Hittite trong vương quốc Hatti. Càng nghe họ nói về người Hittite mà họ sợ, tôi càng hiểu ra rằng mình phải đặt chân đến đất Hatti, nhưng trước tiên tôi muốn đến Babylon.

Người dân xứ Mitanni này nhỏ nhắn, phụ nữ của họ rất đẹp và thon thả, trẻ con của họ trông như búp bê. Có lẽ họ từng là một dân tộc hùng mạnh, vì họ kể rằng đã có lúc họ cai trị tất cả các bộ tộc ở phía bắc, phía nam, phía đông và phía tây, nhưng tất cả các dân tộc khác cũng từng nói như vậy. Tôi không tin rằng thuở xưa họ đã từng chiến thắng và cướp bóc Babylon cho dù họ kể thế, mà nếu quả đúng như vậy thì họ đã làm điều đó với sự giúp đỡ của các pharaon. Bởi vì từ thời các pharaon vĩ đại, vùng đất này đã phụ thuộc vào Ai Cập và trong vòng hai thế hệ, con gái các quốc vương của Mitanni đã sống trong cung điện của pharaon và làm phi tần của họ. Chiến xa của tổ tiên dòng họ Amenhotep đã từng có mặt trên khắp xứ Naharani này và trong các thành phố vẫn còn các bia ký ghi chiến tích của họ. Khi nghe những lời kể và than vãn của người Mitanni, tôi hiểu rằng đất nước này được thiết lập để làm vùng đệm, bảo vệ Syria và Ai Cập khỏi sự cai trị của Babylon và các bộ tộc mọi rợ; là lá chắn của Syria, đất nước này nhận vào mình những ngọn giáo nhắm tới quyền lực của Ai Cập. Vì thế, và chỉ vì thế, các pharaon đã giúp quốc vương xứ này giữ vững ngai vàng vốn bị lung lay và gửi cho ông ta vàng, vũ khí và các đội lính đánh thuê. Nhưng dân chúng không hiểu điều này mà chỉ tự hào về xứ sở vĩ đại và hùng mạnh của mình. Họ nói:

- Công chúa của chúng tôi, Tadukhipa, đã là vương phi vĩ đại ở Thebes khi nàng chỉ là một đứa trẻ, và đã đột ngột qua đời. Chúng tôi không hiểu vì sao Pharaon không còn gửi vàng cho chúng tôi, mặc dù theo trí nhớ của chúng tôi, các pharaon đều yêu quý các quốc vương của chúng tôi như anh em và vì mối thâm tình này mà đã gửi cho họ các cỗ chiến xa, vũ khí, vàng và quà tặng đắt tiền.

Nhưng tôi thấy đất nước này đã quá rệu rã và sắp lụi tàn, bóng thần chết đang lơ lửng phía trên những ngôi đền và những tòa nhà to đẹp của nó. Bản thân họ không nhận thấy điều đó mà chỉ chú tâm đến những thứ mình ăn, cố công chế biến chúng sao cho lạ mắt nhất và tiêu phí thời gian thử quần áo mới, giày mũi cong, mũ chóp cao và hết sức cẩn thận chọn đồ trang sức cho mình. Cánh tay của họ thon thả như tay người Ai Cập và làn da phụ nữ của họ mỏng mịn đến mức có thể thấy máu chảy trong huyết quản; họ nói năng, cư xử từ tốn và cả nam lẫn nữ từ tấm bé đã học cách đi đứng duyên dáng. Sống ở đất nước này thật dễ chịu, cả những âm thanh ồn ã và tiếng lè nhè trong các nhà vui ở đây cũng không làm nhức tai mà tất cả diễn ra lặng lẽ và độc đáo, khiến tôi có cảm tưởng mình nói to và vụng về khi tán gẫu và uống rượu với họ. Nhưng trái tim tôi trĩu nặng khi nhìn họ, vì tôi đã nếm trải chiến tranh và nếu tất cả đúng như những gì họ nói về xứ Hatti,

đất nước của họ là một vùng đất sắp diệt vong.

Kiến thức y học của họ cũng rất uyên bác, danh y của họ là những người có tài, có hiểu biết chuyên môn và biết rất nhiều điều mà tôi không biết. Chẳng hạn, họ cho tôi một loại thuốc tẩy giun ít gây đau đớn và dễ dùng hơn bất kỳ loại thuốc nào tôi từng biết. Họ cũng biết cách dùng kim chữa cho người mù nhìn được và tôi cũng học được từ họ cách dùng kim tốt hơn. Nhưng họ không hề biết đến khoan sọ, cũng không tin những gì tôi kể với họ mà nói rằng chỉ thần linh mới có thể chữa lành các bệnh về não và dù cho các vị thần có chữa lành cho họ, họ cũng không bao giờ trở lại như trước, vì vậy tốt hơn nên để họ chết.

Tuy nhiên, người dân Mitanni rất tò mò, họ đến gặp tôi và đưa bệnh nhân đến chỗ tôi, bởi vì tất cả những người lạ đều thu hút họ, giống như việc họ thích mặc quần áo khác lạ, ăn món ăn lạ, uống rượu miền núi và yêu thích trang sức từ xứ lạ, và họ cũng muốn thầy thuốc nước ngoài chữa bệnh cho mình. Những phụ nữ ở đó đến gặp tôi, cười với tôi, kể cho tôi nghe về căn bệnh của mình và phàn nàn rằng chồng họ lạnh lùng, lười biếng và mệt mỏi. Tôi biết rõ họ muốn gì ở tôi, nhưng tôi không động vào người họ để mua vui vì tôi không muốn vi phạm luật pháp nước ngoài. Thay vào đó, tôi đưa cho họ những loại thuốc để họ có thể bí mật hòa lẫn vào rượu của chồng mình, những loại thuốc tôi nhận được từ các thầy thuốc Simyra, những loại khiến cả người ốm sắp chết cũng có thể vui cùng phụ nữ, bởi các danh y Syria là những người giỏi nhất thế giới về khoản này và thuốc loại này của họ mạnh hơn thuốc Ai Cập. Nhưng những phụ nữ đó có đưa thuốc cho chồng không, hay lại chỉ đưa cho những người đàn ông lạ, tôi thật sự không biết, song tôi nghĩ họ thích những người lạ hơn chồng mình, vì cách sống của họ rất phóng túng và họ không có con; cũng từ điều này mà tôi đi đến kết luận là bóng thần chết đang che phủ xứ này.

Tôi cần kể thêm rằng người dân của đất nước này không còn biết đâu là biên giới của họ, bởi đá mốc biên cương của họ liên tục bị dịch chuyển, vì người Hittite chất những hòn đá lên chiến xa, chở đi và đặt xuống bất cứ chỗ nào mình muốn. Nếu họ phản đối, người Hittite chỉ cười và bảo họ cứ việc dịch chuyển những hòn đá trở lại nếu thật sự muốn. Nhưng họ không muốn, vì nếu điều họ nói về người Hittite là đúng thì trên trái đất này chưa bao giờ có dân tộc nào tàn nhẫn và đáng sợ như vậy. Theo lời kể của họ, niềm vui lớn nhất của người Hittite là được nghe tiếng gào thét của những kẻ bị xẻ thịt và thấy máu phun ra từ những vết thương hở hoác; và người Mitanni miền biên cương đã phàn nàn vì gia súc

của chúng giày xéo ruộng đồng và ăn cây trồng, rồi chúng còn nhạo báng, bảo họ nhắc những cột đá làm mốc biên giới về chỗ cũ. Chúng cũng chặt chân họ rồi bảo hãy chạy đến chỗ quốc vương mà than khóc, chúng còn rạch da đầu họ và kéo da xuống che mắt để họ không thể thấy những cột đá làm mốc ranh giới đã được xê dịch thế nào. Người dân Mitanni cũng nói rằng người Hittite nhạo báng các vị thần Ai Cập, một sự sỉ nhục lớn đối với toàn Ai Cập, và như vậy là đã có quá đủ lý do để Pharaon gửi vàng, vũ khí và lính đánh thuê đến xứ Mitanni giúp họ chiến đấu chống lại người Hittite, mặc dù họ không thích chiến tranh mà chỉ mong quân Hittite rút đi khi thấy quân đội của Pharaon đến bảo vệ Mitanni. Tôi không thể nhắc lại và không thể kể ra tất cả những điều xấu xa mà người Hittite đã gây ra cũng như những hành động tàn ác và lễ nghi đáng hổ thẹn mà chúng làm. Họ nói rằng người Hittite còn tồi tệ hơn cả châu chấu, bởi sau khi đàn châu chấu bay đi, đất đai tốt trở lại, nhưng nơi nào chiến xa của Hittite đi qua, nơi đó cỏ không mọc được nữa.

Tôi không muốn ở lại xứ Mitanni lâu hơn, vì tôi nghĩ mình đã biết được tất cả những điều muốn biết, và danh tiếng thầy thuốc của tôi bị xúc phạm bởi sự nghi ngờ của các danh y Mitanni, họ không tin những gì tôi nói với họ về khoan sọ. Nhưng sau đó, một người quyền quý đã đến nhà trọ của tôi và than phiền là anh ta nghe thấy tiếng ầm ào không dứt của sóng biển trong tai, và hay bị ngã, có lúc ngất đi và đau đầu khủng khiếp đến nỗi không còn muốn sống nếu không ai có thể chữa lành cho anh ta. Các thầy thuốc Mitanni không muốn chữa cho anh ta, nên anh ta chỉ muốn chết, vì sống chỉ khiến anh thêm đau đớn. Tôi nói với anh ta:

- Có thể anh sẽ khỏi nếu anh cho tôi khoan hộp sọ của mình, nhưng nhiều khả năng là anh sẽ chết, bởi trong một trăm người chỉ có một người sống sót sau khi bị khoan sọ.

Anh ta đáp:

- Tôi điên mới không đồng ý với đề nghị của ông, bởi vì ít nhất tôi cũng có một phần trăm cơ hội sống, còn nếu tôi tự làm cho đầu mình hết đau, tôi sẽ nằm dài và không bao giờ dậy nữa. Quả thực tôi không tin ông có thể chữa lành cho tôi nhưng nếu ông khoan sọ của tôi, tôi sẽ không phạm tội với thần linh như khi tôi tự kết liễu đời mình. Nếu kết quả trái với dự đoán của tôi, ông chữa cho tôi khỏi bệnh, tôi sẽ vui lòng trao cho ông một nửa những thứ tôi có, không hề ít, còn nếu tôi chết, ông cũng không phải ân hận mà vẫn được nhận một món quà lớn.

Tôi khám anh ta một cách kỹ lưỡng và dùng tay kiểm tra mọi điểm trên đầu anh ta, nhưng sự đụng chạm của tôi không khiến anh ta đau đớn, điểm chạm nào cũng thế. Khi ấy Kaptah nói:

- Ông hãy lấy búa gõ vào đầu anh ta, có mất gì đâu.

Tôi dùng búa gõ vào nhiều chỗ trên đầu anh ta, anh ta không phàn nàn, nhưng đột nhiên thét lên, ngã xuống đất và bất tỉnh. Nên tôi nghĩ có lẽ mình đã tìm thấy điểm tốt nhất trên hộp sọ để khoan. Tôi mời tất cả các danh y Mitanni, những người không tin tôi, đến và nói:

- Có thể tin tôi hoặc không, nhưng tôi sẽ chọc thủng sọ người đàn ông này để chữa cho anh ta, mặc dù nhiều khả năng là anh ta sẽ chết.

Nhưng các thầy thuốc cười nhạo tôi và nói:

- Chúng tôi thật sự muốn nhìn thấy việc đó.

Tôi xin lửa từ đền thờ Amon, tẩy rửa mình và tẩy rửa cả người bệnh quyền quý của tôi rồi tẩy trùng tất cả các thứ trong phòng. Vào giữa trưa khi ánh nắng sáng rõ nhất, tôi bắt đầu bằng việc mở da đầu anh ta và chặn các mạch máu bằng sắt nung đỏ, nói rằng tôi rất lấy làm tiếc về cơn đau mà tôi gây ra, nhưng bệnh nhân của tôi nói cơn đau này không thấm vào đâu so với những cơn đau đầu mà anh ta phải chịu hằng ngày. Tôi cho anh ta uống rất nhiều rượu mà tôi đã pha với các loại thuốc tê khiến mắt anh ta trợn trừng như mắt cá chết và anh ta vẫn rất vui vẻ. Sau đó, tôi rạch lớp da đầu của anh ta một cách cẩn thận nhất có thể bằng các đồ nghề mà tôi có; anh ta thậm chí không ngất mà thở sâu và nói đã cảm thấy nhẹ hơn ngay khi tôi nhấc mẩu xương vừa gỡ ra khỏi chỗ của nó. Lòng tôi mừng rỡ vì chỗ tôi mở là nơi ma quỷ hay linh hồn của mầm bệnh đã đẻ trứng vào đó, như Ptahor đã dạy, nó có màu đỏ và xấu xí, cỡ bằng trứng chim nhạn. Tôi đã dùng tất cả kỹ năng của mình để lấy nó ra, đốt cháy mọi thứ dính với nó trong não rồi đưa nó cho các thầy thuốc xem; họ xem và không cười nữa. Tôi bít hộp sọ bằng một tấm bạc rồi khâu da đầu lên nó; bệnh nhân có ý thức trong suốt thời gian đó. Anh ta đứng dậy, đi lại và cảm ơn tôi rất nhiều vì không còn nghe thấy tiếng ong ong khủng khiếp trong tai và những cơn đau cũng đã dứt.

Từ ca phẫu thuật này, danh tiếng của tôi lan khắp xứ Mitanni và còn bay đến tận Babylon trước tôi. Nhưng bệnh nhân của tôi bắt đầu uống rượu và thỏa mãn ham muốn, cơ thể phát sốt và anh ta

mê sảng, đến ngày thứ ba anh ta ra khỏi giường và chạy đi, ngã từ tường thành xuống, gãy cổ và chết. Tuy vậy mọi người ai cũng nói rằng lỗi không phải ở tôi và hết lời khen ngợi tài năng của tôi.

Nhưng Kaptah và tôi thuê một chiếc thuyền, chèo xuôi dòng sông xuống Babylon.

2

Vương quốc mà Babylon cai trị được gọi bằng nhiều tên, cũng được gọi là Kaldea hay Khossea, theo tên các tộc người sống ở đó. Nhưng tôi gọi nó là Babylon bởi như vậy ai cũng sẽ biết đây là đâu. Đây là một vùng đất màu mỡ, các cánh đồng có rất nhiều kênh tưới tiêu, đất đai bằng phẳng, trải dài hút tầm mắt, khác với Ai Cập. Về mặt này cũng như trong mọi việc, ở đây đều khác, tỷ như ở Ai Cập, đàn bà quỳ gối xuống đất và xoay tròn cối đá để nghiền hạt ngũ cốc, còn ở Babylon, đàn bà ngồi và xoay hai phiến đá vào nhau, nặng nhọc hơn nhiều.

Ở nơi này không có cây cao và cây cối ít đến mức ai chặt cây sẽ bị khép tội chống lại con người lẫn thần linh và trong luật pháp có quy định hình phạt cho tội này. Còn người nào trồng cây, người đó nhận được sự che chở của thần. Dân ở Babylon cũng đẫy đà hơn, béo tốt hơn người ở bất cứ nơi nào khác và họ hay cười, như thường thấy ở những người béo. Họ ăn nhiều chất bột khó tiêu, tôi nhìn thấy trong nhà họ những con chim mà họ gọi là gà không biết bay, chúng sống với người và hằng ngày tặng cho người quả trứng to như trứng cá sấu; tôi kể điều này dù biết sẽ không ai tin nếu chỉ nghe kể. Người ta cho tôi trứng này để ăn và người dân Babylon coi chúng là món khoái khẩu. Tuy nhiên, tôi không dám động vào chúng vì cẩn tắc vô lo, tôi hài lòng với những món ăn mình quen dùng hoặc ít nhất biết chúng được chế biến như thế nào.

Người dân nước này nói Babylon là một trong những thành phố lâu đời nhất và lớn nhất trên thế giới, nhưng tôi không tin lời họ, vì tôi biết Thebes là thành phố lâu đời nhất và lớn nhất. Tôi vẫn tiếp tục nói trên thế giới không có thành phố nào như Thebes nhưng tôi phải thừa nhận rằng Babylon làm tôi ngạc nhiên bởi sự vĩ đại và giàu có của nó, bởi vì tường thành của nó cao như núi và rất đáng sợ, còn những ngọn tháp mà họ xây cho các vị thần của họ vươn tận trời cao. Các ngôi nhà trong thành phố được xây tới

bốn, năm tầng nên mọi người ở và sinh hoạt trên hoặc dưới nhau và không ở đâu, ngay cả ở Thebes, tôi thấy các cửa hiệu giàu có, sang trọng và nhiều hàng hóa như trong các thương điếm của đền.

Thần của họ là Marduk và họ đã xây cho Ishtar một cái cổng lớn hơn tháp môn đền Amon, ốp gạch tráng men nhiều màu sặc sỡ, tạo nên những hình ảnh làm lóa mắt người trong ánh nắng ban ngày. Từ cổng này, một con đường rộng rãi dẫn đến Tháp Marduk, tòa tháp được xây thành các tầng với con đường thoai thoải và rộng để đi lên đỉnh tháp, rộng đến mức nhiều xe ngựa có thể chạy cạnh nhau. Trên đỉnh tháp là chỗ ở của các nhà thiên văn, những người biết mọi thứ về các thiên thể, biết tính toán quỹ đạo của chúng và thông báo ngày tốt, ngày xấu để mọi người có thể dựa vào đó thu xếp cuộc sống của họ. Người ta nói họ cũng có khả năng dự đoán tương lai con người nhưng để làm được việc đó, người ta phải biết chính xác ngày, giờ sinh của mình, vì vậy tôi không thể kiểm chứng tài năng của họ, việc mà tôi ao ước làm nhưng lại không biết chính xác giờ sinh của mình.

Tôi có vàng nhiều hơn mức cần phải lấy từ kho bạc của đền bằng cách đổi những bảng đất sét của mình, vì thế tôi ở trong một nhà trọ lớn cạnh Cổng Ishtar, một tòa nhà có nhiều tầng, trên mái trồng nhiều bụi hương đào, có suối chảy róc rách và cá nhảy trong ao. Nhà trọ này là nhà ở dành cho giới quyền quý khi họ từ trang trại của mình đến thành phố mà không có nhà riêng ở Babylon. Cả sứ thần ngoại quốc cũng sống ở đây. Các phòng đều phủ thảm dày, nơi nghỉ được trải các tấm da thú, còn tường là gạch thủy tinh nhiều màu sắc với các hình ảnh đầy tính giải trí và vui nhộn. Tên nhà trọ này là "Vọng lâu Ishtar", vì nó thuộc về tháp của thần này, giống như tất cả những thứ quan trọng khác ở Babylon. Nếu tính cả người ở và người phục vụ trong tất cả các phòng, tôi tin rằng chỉ riêng tòa nhà đó đã có nhiều người hơn một khu phố của Thebes, dù không ai tin nếu chính mình không sống ở đó.

Không nơi nào trên thế giới có nhiều người tứ xứ như ở Babylon và không nơi nào có thể nghe nhiều thứ tiếng như ở đây, vì chính người dân Babylon nói mọi con đường đều dẫn đến thành phố của họ và Babylon là trung tâm của thế giới. Họ quả quyết rằng vương quốc của họ không nằm ở rìa thế giới, như người Ai Cập vẫn tin, mà ở phía đông sau các dãy núi, là nơi có những vương quốc hùng mạnh, nơi các đoàn lữ hành có vũ khí thỉnh thoảng mang đến những hàng hóa kỳ lạ, vải vóc và loại bát đĩa dễ vỡ. Tôi cũng nói thêm rằng ở Babylon, tôi đã nhìn thấy những người mặt vàng, mắt xếch và họ hoàn toàn không vẽ mặt; họ buôn bán các loại vải

mỏng như vải lanh hoàng gia, nhưng mịn màng và đủ loại màu sắc lóng lánh như nước dầu tinh khiết.

Vì người Babylon trước hết là các thương gia nên buôn bán là nghề được coi trọng nhất, đến mức thần linh của họ cũng buôn bán với nhau. Vì vậy họ không ưa thích chiến tranh mà thuê binh lính và cho xây dựng tường thành để bảo vệ việc giao thương của mình. Họ muốn mở rộng các con đường cho tất cả mọi người từ tất cả mọi vùng đất. Họ thật sự muốn làm như thế chỉ vì họ biết mình là những người buôn bán giỏi nhất và được hưởng lợi nhiều từ buôn bán hơn là từ chiến tranh. Nhưng dù vậy, dân Babylon vẫn tự hào về những người lính ngày ngày diễu hành đến Cổng Ishtar, với mũ và tấm che ngực bằng vàng và bạc để bảo vệ các tường thành và đền thờ trong thành phố. Tay kiếm và lưỡi giáo của họ được nạm vàng và bạc để tỏ rõ sự giàu có của mình. Họ thường hỏi: "Này khách lạ, anh đã bao giờ thấy binh lính và những cỗ xe như vậy chưa?".

Quốc vương Babylon vẫn còn là một cậu bé chưa có râu quai hàm, phải quàng dưới cằm bộ râu giả khi lên ngôi. Tên quốc vương là Burraburiash. Ngài ta thích đồ chơi và những câu chuyện ly kỳ. Danh tiếng của tôi từ Mitanni đã lan đến Babylon nên sau khi tôi đến Vọng lâu Ishtar và đến đền, nói chuyện với các giáo sĩ và danh y của Tháp, tôi được báo rằng quốc vương sai vời tôi đến gặp. Như thường lệ, Kaptah đâm ra lo lắng và nói:

- Ông đừng đến, mà chúng ta hãy mau mau trốn đi, bởi vì không mong có điều gì tốt lành từ các đế vương.

Nhưng tôi nói với ông ta:

- Rõ ngớ ngẩn, ngươi quên là chúng ta có bọ hung đi cùng ư?

Ông ta nói:

- Bọ hung là bọ hung và tôi không bao giờ quên nó nhưng cẩn tắc vô áy náy, mà chúng ta cũng không nên thử thách sự chịu đựng của bọ hung quá nhiều. Nhưng nếu ông nhất quyết đi thì tôi không thể ngăn ông, tôi đi cùng để ít nhất ta chết cùng nhau. Nếu chúng ta sống sót, điều tôi hoàn toàn không tin là có thể, thì khi quay trở lại Ai Cập, tôi sẽ kể rằng mình đã cúi rạp trước quốc vương Babylon. Có mà ngốc mới không tận dụng cơ hội được dâng đến tận miệng như thế này. Nhưng nếu đến đó, chúng ta phải đến làm sao cho xứng với danh tiếng của mình. Ông nên đòi kiệu hoàng gia đến rước và chúng ta không đi hôm nay, vì hôm nay là

một ngày xấu theo tập quán của nước này; các thương nhân đã đóng cửa tiệm và người dân không làm việc mà nghỉ ngơi trong nhà, vì hôm nay là ngày thứ bảy của tuần và mọi việc đều đen đủi.

Tôi ngẫm nghĩ và nhận thấy Kaptah nói đúng, bởi cho dù người Ai Cập xem tất cả các ngày như nhau, song vẫn có một số ngày bị coi là ngày xấu nếu chiếu theo các vì sao, vì vậy nếu quả thực ở đất nước này, mỗi thứ bảy là một ngày tồi tệ thì cũng không loại trừ người Ai Cập, nên cẩn tắc vô áy náy. Vì vậy tôi nói với tín sứ của nhà vua:

- Chắc anh nghĩ tôi là một kẻ khờ, một người lạ, nên anh vời tôi đến diện kiến nhà vua vào ngày như thế này. Nhưng ngày mai tôi sẽ đến nếu quốc vương cho kiệu đến đón rước tôi, bởi vì tôi không phải là kẻ tầm thường và không muốn diện kiến nhà vua với những ngón chân dính phân cừu.

Viên tín sứ nói:

- Gã Ai Cập bẩn thỉu kia, ta sợ rằng vì những lời nói đó, mi sẽ được đưa đến trước nhà vua với những mũi giáo nhọn chọc sau lưng.

Rồi anh ta bỏ đi và có lẽ cũng dành cho tôi sự kính trọng nên hôm sau, một chiếc kiệu hoàng gia đã đến Vọng lâu Ishtar để đón tôi. Nhưng đó là loại kiệu thông thường, được dùng để đưa rước các thương nhân và những kẻ thấp hèn mang đồ trang sức và lông chim, lông khỉ đến cung điện. Thế nên Kaptar hét lên với đám rước kiệu và người dẫn đường:

- Lạy Seth và tất cả loài ma quỷ, thần Marduk hãy quất các ngươi bằng roi bọ cạp! Các ngươi hãy xéo ngay! Vì ông chủ của ta không thể ngồi lên cái thứ ọp ẹp đó.

Mấy gã khênh kiệu lúng túng, người dẫn đường giơ gậy đe Kaptah, đám đông kéo đến trước nhà trọ. Họ cười ầm và hò hét:

- Chúng tôi thật sự muốn nhìn thấy chủ của ông, người mà đến kiệu của nhà vua cũng chê là tồi tàn.

Nhưng Kaptah đã thuê của nhà trọ một chiếc kiệu lớn cần tới bốn mươi nô lệ khỏe mạnh để khênh, được các sứ thần đáng kính sử dụng trong các việc quan trọng và được dùng để rước các vị thần ngoại quốc khi họ đến thành phố. Đám đông không còn cười nữa khi tôi từ phòng mình bước ra trong bộ quần áo có những hình đặc trưng của nghề y, được dệt tinh xảo với sợi bạc và vàng, cổ áo lấp lóa vàng và đá quý dưới ánh sáng ban ngày, những sợi dây

chuyền vàng leng keng trên cổ, theo sau là các nô lệ của nhà trọ, khiêng những chiếc rương bằng gỗ tuyết tùng và gỗ mun khảm ngà đựng thuốc và dụng cụ y tế của tôi. Lúc đó tuyệt nhiên không một ai cười nữa, chính xác là họ cúi người thật thấp trước tôi và nói với nhau: "Chắc chắn người này phải thông thái như những vị thần nhỏ. Chúng ta hãy đi theo ông ta đến cung điện". Thế là một nhóm rất đông theo sau kiệu đến tận cổng cung điện. Kaptah cưỡi một con lừa trắng đi phía trước kiệu, những chiếc chuông bạc kêu leng keng trên bộ dây cương. Nhưng tôi không làm tất cả những điều này vì lợi ích của mình mà vì Horemheb, bởi anh ta đã cho tôi nhiều vàng và mắt của tôi là mắt của anh ta, tai của tôi là tai của anh ta.

Tại cổng cung điện, binh lính chĩa giáo xua đuổi đám đông và nâng khiên lên để bảo vệ cổng khiến những chiếc khiên tạo thành một bức tường vàng và bạc, những con sư tử có cánh bảo vệ dọc con đường mà kiệu của tôi được rước đi vào sân trong. Tại đây, một ông già râu quai hàm cạo sạch theo kiểu của các học giả ra đón tôi. Hai tai lúc lắc những chiếc khuyên vàng, hai má sệ xuống đầy vẻ bất mãn, ông ta nhìn tôi bằng ánh mắt bực tức và nói:

- Gan ta đau nhức vì tiếng ồn ào và sự náo động anh gây ra khi đến đây, vì ông chủ của tất cả bốn phương đất hỏi người đàn ông này là ai mà đến theo ý mình chứ không theo lệnh vời của quốc vương và làm ầm ĩ, ồn ào như thế.

Tôi bảo với ông ta:

- Này ông già! Lời ông nói như tiếng ruồi vo ve trong tai tôi, nhưng tôi vẫn muốn hỏi ông là ai mà dám nói chuyện với tôi như vậy.

Ông ta đáp:

- Ta là ngự y của chủ bốn phương đất và là thái y danh giá nhất trong các thái y của ngài, còn ngươi là kẻ lừa đảo nào mà đến đây với các trò ảo thuật hòng dụ vàng, bạc từ nhà vua? Hãy nhớ rằng nếu quốc vương hào phóng đưa cho ngươi bạc hay vàng đã đóng dấu, ngươi phải đưa một nửa số đó cho ta.

Tôi nói với ông ta:

- Ta đâu thèm chấp ông và tốt hơn ông nên nói chuyện với người hầu của ta, vì việc của ông ta là xua đuổi những kẻ tống tiền và những kẻ chọc ngoáy xung quanh ta. Tuy nhiên, ta muốn trở thành bạn của ông vì ông đã già và không biết thế nào là tốt, xấu. Vì vậy ta cho ông những vòng vàng ta đeo ở cổ tay đây để ông thấy

vàng và bạc chỉ là cát bụi dưới chân ta và ta đến đây không phải để tìm vàng, mà tìm tri thức.

Nói rồi tôi đưa cho ông ta những chiếc vòng vàng ở cổ tay mình. Ông ta rất kinh ngạc, đến nỗi không biết phải nói gì với tôi nữa. Thế là ông ta đồng ý để Kaptah đi theo tôi và đưa tôi đến diện kiến quốc vương. Vua Burraburiash ngồi trên những tấm nệm mềm, cung thất thoáng mát với những bức tường ốp gạch thủy tinh lấp lánh đủ màu. Vua, chỉ là một cậu bé được nuông chiều, đang ngồi chống tay một bên má, bên cạnh là một con sư tử nằm chầu hẫu, nhe răng gầm gừ khi thấy chúng tôi. Ông già nằm ệp xuống, miệng lau sàn nhà trước mặt vị vua và Kaptah cũng làm như vậy, nhưng khi nghe tiếng gầm gừ của sư tử, ông ta nhổm ngay dậy, tay chống sàn, chân co lại như con ếch và hét lên sợ hãi khiến nhà vua cười phá lên, nghiêng ngả trên nệm. Nhưng Kaptah đã tức giận và nói:

- Hãy dắt con quỷ đáng sợ ấy đi trước khi nó cắn tôi, vì từ xưa đến nay tôi chưa bao giờ nhìn thấy con vật nào đáng sợ hơn, tiếng gầm gừ của nó nghe như tiếng các cỗ chiến xa ầm ầm trên đường phố Thebes khi các vệ sĩ đánh xe ra bãi tập trong cơn say xỉn.

Ông ta ngồi dậy trên sàn và giơ tay ra dấu xua đi, sư tử cũng nhổm dậy và ngáp một lúc lâu, rồi nó ngậm miệng lại, răng va vào nhau kêu lách cách, nghe như tiếng kêu của hộp tiền trong đền khi nuốt những đồng xu công đức của mọi người.

Nhà vua cười đến nỗi nước mắt trào ra, nhưng sực nhớ mình đang đau, ngài rên lên rồi tựa tay vào má trở lại, một bên má ngài sưng đến nỗi mắt chỉ mở được he hé. Ngài cau mày, ông già nhìn ngài rồi vội vã tâu:

- Muôn tâu quốc vương, đây là gã Ai Cập cứng đầu đã không đến khi ngài gọi. Chỉ cần ngài nói một lời, hạ thần sẽ sai quân lính chọc thủng gan gã.

Nhưng nhà vua đưa chân đá ông ta, quát:

- Bây giờ không phải là lúc để nói linh tinh, mà ta muốn biết hắn có thể chữa ngay cho ta không, vì cơn đau của ta thật khủng khiếp và ta sợ mình sẽ chết vì nhiều đêm không ngủ được cũng như không thể ăn gì ngoài súp nóng.

Lúc đó, ông già rên rỉ, đập đầu xuống sàn nhà và tâu:

- Bẩm chúa tể bốn phương đất, chúng thần đã làm hết sức mình

để chữa lành cho bệ hạ, chúng thần đã dâng cúng hàm và răng trong đền thờ để xua đuổi tà ma, đã chui vào cằm bệ hạ và cũng đã đánh trống, thổi tù và, ăn vận trang phục đỏ nhảy múa trước bệ hạ để xua tà ma, chúng thần không thể làm gì khác, vì bệ hạ không cho phép chúng thần chạm vào hàm thánh của ngài để chữa lành vết thương cho ngài. Vậy nên hạ thần cũng không tin kẻ lạ mặt bẩn thỉu này có thể làm điều gì tốt hơn.

Nhưng tôi nói:

- Tôi là Sinuhe, Người Ai Cập, Người Cô Đơn, Con Trai Lừa Hoang. Không cần khám cho ngài, tôi cũng biết một chiếc răng sâu đã làm cho má ngài sưng mủ bởi vì ngài đã không cho rửa sạch răng hoặc nhổ nó đi như các thái y của ngài chắc chắn đã khuyên. Đây là căn bệnh của trẻ con và những kẻ hèn nhát, không phải của chúa tể bốn phương đất, người mà cả thiên hạ đều run sợ và sư tử cũng phải cúi đầu, như chính mắt tôi nhìn thấy. Tôi biết cơn đau đớn của ngài rất khủng khiếp, vì vậy tôi muốn giúp ngài.

Nhà vua đưa tay lên má và nói:

- Lời nói của ngươi thật trơ tráo, nếu khỏe mạnh, chắc chắn ta đã cho xẻo cái lưỡi điêu toa trong miệng ngươi và moi gan ngươi, nhưng lúc này không có thời gian cho ta làm điều đó. Hãy nhanh chữa cho ta, rồi ngươi sẽ được trả công hậu hĩnh. Nhưng nếu ngươi làm ta đau, ta sẽ ra lệnh giết ngươi ngay lập tức.

Tôi nói với nhà vua:

- Được, ngài sẽ được như ý. Tôi có một vị thần hộ mệnh nhỏ nhưng vô cùng mạnh mẽ, hôm qua tôi không đến với ngài vì sự có mặt của tôi lúc đó không cần thiết. Nhưng bây giờ, không cần khám tôi cũng biết cơn đau của ngài đã chín muồi, chỗ sưng cần phải chọc đi, và tôi sẽ chữa trị cho ngài nếu ngài muốn, nhưng không thần linh nào có thể bảo vệ con người, kể cả vua, khỏi cơn đau. Tôi cam đoan với ngài rằng ngài sẽ thấy nhẹ nhõm đến mức sau đó ngài không nhớ là mình đã từng đau đớn, và tôi cũng đảm bảo sẽ làm điều đó một cách dễ dàng như một người khéo léo nhất có thể làm.

Nhà vua ngần ngừ một lát, tay để lên má và nhíu mày nhìn tôi. Nếu không bị đau, ngài là một chàng trai trẻ, đẹp, rất tự mãn và khiến tôi cảm mến. Nhà vua cảm nhận được ánh mắt của tôi, ngài cáu kỉnh nói:

- Làm gì thì hãy làm mau đi.

Vị danh y già bắt đầu rên rỉ và đập đầu xuống sàn, nhưng tôi không để ý đến ông ta mà chỉ bảo hâm rượu, rồi tôi trộn thuốc tê vào và đưa nhà vua uống. Chỉ một lúc sau, ngài đã trở nên tươi tỉnh và nói:

- Cơn đau của ta đã giảm, ngươi không cần đến gần ta với kìm và dao nữa.

Nhưng ý chí của tôi mạnh hơn ý muốn của ngài, tôi buộc ngài há miệng, kẹp chặt đầu ngài trong nách mình rồi lấy con dao đã được Kaptah tẩy trùng trong lửa chọc thủng đám mủ ở hàm ngài. Ngọn lửa không phải là lửa thiêng của Amon, vì nó đã bị Kaptah sơ ý làm tắt trong khi đi trên sông và Kaptah đã đánh ngọn lửa mới bằng cái khoan lửa trong phòng tôi ở nhà trọ với niềm tin điên rồ rằng bọ hung cũng mạnh mẽ không kém Amon.

Nhà vua hét toáng lên khi con dao đâm vào hàm ngài khiến sư tử bật dậy gầm gừ, đuôi quất mạnh, mắt rực lửa, nhưng nhà vua không để ý vì đang bận nhổ dãi lẫn nước mủ chảy ra từ hàm và ngài tỏ ra rất dễ chịu; tôi giúp ngài bằng cách ấn nhẹ vào má ngài. Nhà vua khạc nhổ, bật khóc vì sung sướng, rồi lại khạc nhổ và nói:

- Sinuhe, Người Ai Cập, thần thánh đã ban phép cho ngươi, dù ngươi làm ta đau.

Vua lại khạc nhổ liên tục. Vị danh y già nói:

- Thần có thể làm như anh ta, thậm chí còn tốt hơn, nếu như bệ hạ cho phép thần chạm vào cằm thánh của ngài. Nha sĩ của bệ hạ đã có thể làm việc này tốt nhất.

Ông ta rất ngạc nhiên khi tôi nói:

- Ông già này nói đúng, vì ông ấy có thể làm việc đó tốt như tôi và nha sĩ của ngài sẽ làm việc đó tốt nhất. Nhưng ý chí của họ không mạnh bằng ý chí của tôi, vì vậy mà họ không thể giải thoát ngài khỏi cơn đau. Thầy thuốc cũng phải dám làm đau cả nhà vua nếu đó là điều cần thiết và không được sợ vì chính mình. Các thái y của ngài đã sợ nhưng tôi không sợ, bởi với tôi thế nào cũng được, kể cả nếu ngài muốn, ngài có thể cho lính của mình xé nát gan tôi sau khi tôi chữa lành cho ngài.

Quốc vương khạc nhổ, áp tay vào má mình rồi lại khạc nhổ và ngài không còn thấy đau ở má nữa. Rồi ngài nói:

- Ta chưa từng nghe ai nói như ngươi, Sinuhe. Nếu những điều

ngươi nói là đúng, ta sẽ không để cho quân lính của ta xé gan ngươi miễn là ngươi không hối tiếc việc đã làm, mà hối tiếc thì có ích gì. Quả thực là ngươi đã làm ta cảm thấy hết sức dễ chịu, vì thế ta tha thứ cho sự hỗn xược của ngươi và tha thứ cho cả tên hầu của ngươi, kẻ đã nhìn thấy đầu ta ở trong nách ngươi và nghe ta rên rỉ. Nhưng ta tha thứ cho hắn vì hắn đã khiến ta cười trở lại sau một thời gian dài bằng điệu nhảy như điên của hắn.

Rồi ngài ta nói với Kaptah:

- Làm lại lần nữa đi.

Nhưng Kaptah hờn dỗi nói:

- Việc ấy không hợp với thanh danh tôi.

Burraburiash mỉm cười và nói:

- Chúng ta xem nào.

Ngài gọi sư tử, nó đứng dậy, duỗi toàn thân khiến các khớp xương kêu răng rắc rồi nhìn ông chủ với đôi mắt gớm ghiếc. Nhà vua chỉ vào Kaptah và con sư tử bắt đầu uể oải nhấc chân đi về phía Kaptah, đuôi vung vẩy. Kaptah lùi lại và nhìn nó chằm chằm như bị thôi miên cho đến khi sư tử đột nhiên há to miệng và gầm vang. Lúc đó Kaptah quay ra, túm lấy tấm rèm cửa vào lòng rồi bám vào đó, trèo lên dầm cửa và hốt hoảng gào lên khi sư tử giơ chân lên, với theo ông ta. Nhà vua cười còn nhiều hơn lúc trước, ngài nói:

- Ta chưa bao giờ nhìn thấy cái gì điên rồ hơn.

Sư tử ngồi trên sàn và liếm mép trong khi Kaptah ngồi trên dầm cửa, vô cùng sợ hãi. Nhưng nhà vua sai gọi đồ ăn thức uống và nói:

- Ta đói rồi.

Lúc đó vị danh y già mới mừng rỡ bật khóc vì thấy vua đã được chữa lành, và người ta mang đến cho vua nhiều món ăn trong các bát đĩa bạc có chạm hình và rượu trong cốc vàng.

Nhà vua bảo tôi:

- Ăn với ta, Sinuhe, mặc dù điều này không hợp với danh vị của ta nhưng hôm nay ta tạm quên điều ấy, bởi ngươi đã dám dúi đầu ta vào nách ngươi và lấy ngón tay khua khoắng trong miệng ta.

Thế là tôi được ăn và uống cùng với nhà vua và tôi nói với ngài:

- Sự đau đớn của ngài giờ đã giảm bớt nhưng nó sẽ tái phát bất cứ lúc nào, trừ khi ngài cho phép nhổ chiếc răng đau đi. Vì thế, ngài phải để nha sĩ nhổ nó ngay khi má của ngài bớt sưng và việc này có thể làm được mà không gây hại cho sức khỏe của ngài.

Vua nhăn mặt, cáu kỉnh nói:

- Ngươi nói những lời không tốt và phá hỏng niềm vui của ta, người lạ điên rồ.

Nhưng sau một lát suy nghĩ, ngài bảo:

- Có lẽ ngươi nói đúng, bởi vì cơn đau của ta tái phát vào mỗi mùa thu và mùa xuân khi chân ta bị ướt, khiến ta đau đớn đến nỗi ước gì mình chết quách đi. Nếu đúng là phải làm như thế thì ta cho phép ngươi, bởi vì ta không còn muốn nhìn thấy ngự y của mình nữa, khi mà hắn ta đã nhiều lần làm ta đau khủng khiếp.

Tôi nói với nhà vua:

- Qua những lời ngài vừa nói, tôi nhận thấy hồi nhỏ, hẳn ngài đã uống nhiều rượu hơn sữa; đồ ngọt không có lợi cho ngài, bởi vì các đồ ngọt ở thành phố này được làm từ nước quả chà là, thứ làm hỏng răng. Còn ở Ai Cập, đồ ngọt được làm từ mật ong, bởi những con chim nhỏ xíu gom nhặt thành những chiếc bánh lớn cho con người. Vậy nên từ nay trở đi, ngài hãy chỉ ăn đồ ngọt của bến cảng và uống sữa mỗi buổi sáng sau khi ngài thức dậy.

Nhà vua nói:

- Chắc ngươi là tay pha trò có hạng, Sinuhe, bởi vì ta không tin những con chim nhỏ gom nhặt kẹo cho con người. Ta chưa bao giờ nghe điều như thế.

Nhưng tôi nói:

- Số phận tôi thật long đong, bởi vì ở đất nước tôi, người ta sẽ gọi tôi là kẻ nói dối khi tôi nói với họ mình đã thấy ở đây những con chim không có cánh, sống cùng với con người và làm quà cho chủ của chúng bằng những quả trứng tươi mỗi sáng để làm cho họ trở nên giàu có. Do đó, tốt hơn tôi không nên nói gì, vì tôi sẽ mất danh tiếng nếu bị cho là kẻ nói dối.

Nhưng nhà vua gạt phắt đi:

- Cứ nói đi, vì không ai nói với ta như ngươi cả.

Lúc đó tôi mới nói một cách nghiêm nghị:

- Tôi sẽ không nhổ răng ra khỏi miệng ngài mà chỉ nha sĩ của ngài được làm điều đó, vì trong những việc như thế này, anh ta là người giỏi nhất ở đất nước này và chắc cũng giỏi hơn tôi, còn tôi thì không muốn làm anh ta ghét tôi. Nhưng nếu ngài muốn, tôi có thể đứng bên cạnh ngài, giữ chặt tay và khích lệ ngài khi anh ta làm việc đó. Đồng thời tôi cũng làm giảm cơn đau của ngài bằng tất cả các kỹ năng mà tôi đã học được ở nhiều miền đất và nhiều bộ tộc. Việc này sẽ được làm sau hai tuần kể từ hôm nay; đặt ngày trước như thế sẽ tốt hơn để ngài không hối tiếc. Cho tới lúc đó, hàm của ngài có đủ thời gian để lành hẳn, nên từ bây giờ, ngài cần súc miệng vào mỗi buổi sáng và tối với thuốc tôi đưa cho ngài, mặc dù nó có thể gây xót và có vị rất khó chịu.

Nhà vua xịu mặt và hỏi:

- Thế ta không làm thì sao?

Tôi nói:

- Ngài phải hứa bằng lời của đấng quân vương rằng ngài cho phép làm như tôi nói, bởi chúa tể bốn phương đất không thể không giữ lời hứa của mình. Nếu ngài cho làm điều đó, tôi sẽ làm ngài vui bằng hết khả năng của mình, tôi sẽ biến nước thành máu trước mắt ngài, đồng thời dạy ngài làm điều đó để ngài có thể làm kinh ngạc các thuộc hạ của mình. Tuy nhiên, ngài phải hứa sẽ không truyền lại bí quyết này cho bất kỳ ai khác, vì đó là bí mật thiêng liêng của các giáo sĩ Amon mà tôi sẽ không biết được nếu không phải là giáo sĩ bậc một, cũng như tôi sẽ không dám truyền dạy cho ngài nếu ngài không phải là quốc vương.

Tôi vừa nói đến đó thì Kaptah đã gào lên nơi dầm cửa và rên rỉ:

- Hãy dắt con quỷ đó đi, nếu không tôi sẽ trèo xuống và giết nó, bởi vì tay tôi đã bị tê và mông tôi đau khi ngồi ở nơi thổ tả không xứng với tôi này. Chắc chắn tôi sẽ trèo xuống và giết con vật đó nếu người ta không dắt nó đi ngay.

Burraburiash càng cười to hơn khi nghe lời đe dọa của ông ấy, nhưng rồi vua giả vờ nghiêm túc và nói:

- Thật đáng tiếc nếu ngươi giết sư tử của ta, vì nó đã lớn lên trước mắt ta và bầu bạn với ta từ khi ta còn bé tí. Bởi vậy ta sẽ bảo nó đi

để ngươi không làm điều tàn bạo trong cung điện của ta.

Burraburiash gọi sư tử đến chỗ mình và Kaptah đu xuống theo tấm rèm che rồi đứng cọ xát đôi chân cứng đơ của mình và hậm hực nhìn con sư tử, khiến nhà vua vừa cười vừa đập tay xuống đầu gối và nói:

- Quả thật ta chưa bao giờ nhìn thấy một gã nào điên khùng hơn. Bán hắn cho ta và ta sẽ làm cho ngươi giàu có.

Tất nhiên tôi không muốn bán Kaptah cho nhà vua và vua cũng không ép. Chúng tôi chia tay như bạn bè khi vua bắt đầu gật gù và mắt ríu lại vì thiếu ngủ. Đã nhiều đêm ngài không ngủ được vì đau. Vị danh y già, ngự y của vua, tiễn tôi ra và nói với tôi:

- Qua cách cư xử cũng như lời nói của anh, tôi thấy anh không phải là kẻ lừa đảo, mà là người giỏi giang và có kỹ năng chuyên môn. Nhưng tôi kinh ngạc khi anh dũng cảm nói những lời đó trước mặt vua bốn phương đất, vì nếu danh y nào của ngài dám nói như thế, người đó đã nằm trong chum sành và làm bạn với tổ tiên.

Tôi nói với ông ta:

- Tốt nhất là chúng ta trao đổi với nhau tất cả những gì sẽ xảy ra trong hai tuần tới, bởi vì đó sẽ là một ngày tồi tệ và chúng ta cần dâng lễ cho tất cả các vị thần thích hợp trước ngày đó.

Ông ấy rất hài lòng với ý kiến của tôi, vì ông là một người đàn ông chính trực, và chúng tôi thỏa thuận sẽ gặp nhau trong đền thờ để dâng lễ và tổ chức một cuộc hội kiến giữa các danh y về hàm răng của nhà vua. Trước khi chúng tôi rời khỏi cung điện, ông ấy còn cho thết đãi những phu khênh kiệu đã đưa tôi đến cung điện, họ ăn uống vui vẻ trong sân và hết lời ca ngợi tôi. Khi đưa tôi trở lại nhà trọ, họ hát hò rất to và đám đông đi sau tôi, và từ ngày đó tên tôi trở nên nổi tiếng ở Babylon. Nhưng Kaptah cưỡi con lừa trắng và hờn dỗi, không nói gì với tôi bởi vì ông ấy thấy vị thế của mình bị hạ thấp.

3

Hai tuần sau, tôi gặp các danh y của quốc vương Burraburiash tại Tháp Marduk. Chúng tôi cùng nhau dâng cừu để các giáo sĩ

xem gan của nó và giúp chúng tôi đoán định, vì ở Babylon, các giáo sĩ dựa trên gan của vật hiến tế và từ đó hiểu biết nhiều điều mà người khác hoàn toàn không lý giải được. Họ nói nhà vua sẽ rất tức giận nhưng chúng tôi không ai mất mạng hoặc chịu tổn thương nào vĩnh viễn. Tuy nhiên, chúng tôi cần đề phòng móng vuốt và giáo mác khi chữa cho nhà vua. Chúng tôi còn nhờ các nhà chiêm tinh xem Sổ Thiên Tào, tính xem ngày đó có thích hợp với việc định làm hay không. Họ nói rằng ngày đó thích hợp, mặc dù chúng tôi có thể chọn một ngày khác tốt hơn. Chúng tôi còn để các giáo sĩ đổ dầu vào nước và dựa vào đó để xem tương lai; sau khi xem dầu, các giáo sĩ nói họ không thấy có gì đáng nói hiện ra trong dầu, ít nhất là không có gì quá xấu. Khi chúng tôi ra khỏi đền, một con kền kền bay qua, vuốt của nó mang theo một chiếc đầu người mà nó quặp được từ trên tường thành. Các giáo sĩ giải thích đó là một điềm báo tốt cho việc làm của chúng tôi, song tôi lại nghĩ điềm báo đó cho biết nhiều việc, trừ thuận lợi.

Theo lời khuyên có được từ gan cừu, chúng tôi ngăn các vệ sĩ của nhà vua lại và không cho sư tử đi theo ngài mà nhốt nó ngoài cửa, bởi khi tức giận, vua có thể xua nó tấn công chúng tôi và nó có thể xé xác chúng tôi như nó đã từng làm, theo lời các danh y kể. Vua Burraburiash đã trở nên can đảm hơn và ngài uống rượu "để gan thêm phần phấn khích", như cách nói của người Babylon, nhưng khi ghế nhổ răng được mang đến cung điện, nhà vua nhận ra nó, mặt tái ngắt và ngài nói có việc triều chính quan trọng cần làm mà khi uống rượu ngài quên mất.

Quốc vương định bỏ đi nhưng khi các thái y khác nằm sấp trên sàn và lấy môi lau sàn, tôi nắm lấy tay ngài, khích lệ và nói tất cả sẽ qua đi rất nhanh, chỉ cần ngài dũng cảm là được. Tôi lệnh cho các thái y tự tẩy trùng mình, còn tôi tẩy trùng các dụng cụ nha khoa bằng lửa bọ hung và bôi thuốc mỡ gây tê lên lợi của nhà vua cho đến khi ngài bảo tôi dừng lại, vì má ngài đã giống như gỗ và lưỡi không muốn động đậy trong miệng. Rồi chúng tôi đặt nhà vua ngồi vào ghế, buộc chặt đầu ngài vào thành ghế rồi nhét cái nêm vào miệng để vua không thể ngậm miệng lại. Tôi giữ tay vua và động viên ngài, còn viên nha sĩ vừa lớn tiếng cầu xin tất cả thần linh của Babylon đến giúp vừa đưa chiếc kìm vào miệng ngài và giật chiếc răng ra khỏi hàm vua, khéo đến mức tôi chưa bao giờ thấy ai nhổ một chiếc răng sâu ra khỏi miệng khéo đến thế. Nhưng nhà vua gào lên khủng khiếp dù cái nêm vẫn trong miệng, khiến sư tử bắt đầu gầm lên ngoài cửa, đập mình vào cửa cho cánh cửa rung lên bần bật rồi dùng vuốt cào cấu.

Đây là một thời điểm thật đáng sợ, vì sau khi chúng tôi tháo dây

buộc đầu nhà vua và lấy nêm ra khỏi miệng ngài, ngài nhổ máu xuống chiếc bình to rồi vừa rên rỉ vừa hét gào khiến nước mắt chảy dài trên má. Sau khi nhổ máu ra, vua vừa khóc vừa hét gọi vệ sĩ vào giết tất cả chúng tôi; ngài còn gọi sư tử và đá ngọn lửa thiêng rồi dùng gậy đánh các danh y cho đến khi tôi lấy cây gậy ra khỏi tay ngài và bảo ngài súc miệng. Khi ngài súc miệng, các danh y nằm xuống sàn dưới chân ngài, người run bần bật, còn viên nha sĩ nghĩ rằng thời khắc cuối cùng của đời mình đã đến. Nhưng nhà vua bình tĩnh lại và uống rượu dù miệng vẫn còn méo xệch và bắt tôi làm cho ngài vui như tôi đã hứa.

Chúng tôi đến sảnh khánh tiết của hoàng cung vì nhà vua căm ghét phòng nhổ răng, sai đóng cửa nó vĩnh viễn và gọi nó là phòng đáng nguyền rủa. Trong phòng khánh tiết, tôi đổ nước vào một chiếc bát để vua và các danh y nếm thử và tất cả có thể xác nhận đó là nước bình thường. Sau đó tôi từ từ đổ nước vào một bát khác và khi nước chảy vào bát thứ hai, nó biến thành máu khiến nhà vua và các danh y của ngài kêu to vì kinh ngạc và rất sợ hãi.

Tôi còn bảo Kaptah mang vào một chiếc rương bên trong có một con cá sấu, vì tất cả đồ chơi được bán ở Babylon đều được làm bằng đất sét và rất đẹp nhưng nhớ lại con cá sấu bằng gỗ mà mình từng chơi thuở nhỏ, tôi đã đặt một nghệ nhân lành nghề làm một con cá sấu tương tự. Ông ta đã làm nó bằng gỗ tuyết tùng và bạc, rồi vẽ và trang trí khiến nó trông giống như cá sấu thật. Bây giờ tôi lấy nó ra khỏi hộp và khi tôi kéo nó dưới sàn, hai chân nó chuyển động đi theo tôi, hàm trên cắn vào hàm dưới giống như khi cá sấu đớp mồi. Tôi tặng nó cho nhà vua và ngài rất thích thú, vì sông ở xứ ngài không có cá sấu. Khi kéo cá sấu dưới sàn, nhà vua hoàn toàn quên đi cơn đau mà ngài đang chịu và các danh y nhìn nhau cười rất vui.

Sau đó, nhà vua tặng các danh y rất nhiều quà, làm nha sĩ thành người giàu có rồi bảo họ ra về. Còn tôi, ngài giữ lại và tôi dạy ngài cách biến nước thành máu như thế nào; tôi cho ngài một thứ bột để trộn với nước trước khi phép lạ này có thể xảy ra. Kỹ năng này rất đơn giản, những ai biết làm đều biết điều đó. Quả thực tất cả các phép lạ lớn đều đơn giản và nhà vua rất ngạc nhiên, khen ngợi tôi. Song vua vẫn chưa hài lòng mà cho tập hợp tất cả quần thần trong triều đình đến vườn thượng uyển và cho gọi cả thần dân sống gần các tường thành đến. Trước sự chứng kiến của tất cả mọi người, vua biến nước trong bể thành máu, đình thần cũng như dân chúng đều hét lên vì sợ hãi và nằm phủ phục xuống đất trước mặt ngài khiến nhà vua rất hài lòng.

Vua không còn nhớ tới cái răng của mình nữa mà nói với tôi:

- Sinuhe, Người Ai Cập! Ngươi đã giải thoát ta khỏi cơn đau và bằng nhiều cách làm cho gan của ta dễ chịu. Vì thế, hãy xin ta bất cứ điều gì ngươi muốn và nói cho ta biết ngươi muốn món quà gì để ta tặng cho ngươi, bất kể đó là gì, bởi vì ta cũng muốn làm cho gan của ngươi dễ chịu.

Lúc đó, tôi tâu với đức vua:

- Bẩm quốc vương Burraburiash, chúa tể bốn phương đất, là danh y, tôi đã ấn đầu ngài dưới nách tôi và đã giữ chặt tay ngài khi ngài giận dữ gào thét. Tôi thấy thật thất lễ khi tôi, một người xa lạ, có một ký ức như vậy về vua của Babylon và trở về đất nước của mình kể lại những gì tôi đã thấy ở đây. Vì thế sẽ tốt hơn nếu ngài làm cho tôi choáng ngợp, cho tôi thấy tất cả quyền lực của ngài, ngài đeo râu lên cằm, buộc thắt lưng lên người và lệnh cho quân lính của ngài diễu hành qua để tôi có thể cảm nhận được sức mạnh của đất nước ngài và cung kính nằm xuống liếm đất trước mặt ngài. Ngoài ra tôi không đòi hỏi ngài điều gì khác.

Đề nghị của tôi đã làm nhà vua hài lòng, vì ngài nói:

- Quả thực không ai nói với ta giống như ngươi, Sinuhe. Vì thế, ta sẽ làm theo thỉnh cầu của ngươi, mặc dù với ta điều đó thật nhàm chán, bởi lẽ lúc đó ta sẽ phải ngồi cả ngày với tư cách là quốc vương trên ngai vàng, mắt ta sẽ mỏi và ta sẽ bắt đầu ngáp. Nhưng được rồi, ta sẽ chiều theo ý ngươi.

Quốc vương cho truyền lệnh đến tất cả các xứ để triệu tập quân lính và định ra một ngày các đội quân phải diễu hành trước nhà vua.

Cuộc diễu hành được tổ chức tại Cổng Ishtar. Quốc vương ngồi trên ngai vàng, sư tử nằm dưới chân, tất cả triều thần đeo vũ khí đứng xung quanh khiến cho quanh nhà vua như có những đám mây vàng, bạc và đỏ tía. Còn trên con đường rộng phía dưới, binh lính chạy diễu hành qua trước nhà vua, các giáo thủ và cung thủ mỗi lần sáu mươi người thành hàng sát nhau, còn các cỗ chiến xa từng sáu chiếc một nối tiếp nhau chạy, khiến phải mất trọn cả ngày để tất cả đi qua trước nhà vua. Bánh của các cỗ xe rít vang ầm ầm như sấm, tiếng chân chạy rầm rập và tiếng vũ khí khua nghe giống như tiếng gầm của sóng biển trong bão, khiến ai nhìn tất cả những cảnh này cũng thấy đầu óc choáng váng và chân run lẩy rẩy.

Tôi nói với Kaptah:

- Nếu chúng ta chỉ nói quân đội của Babylon đông như cát biển hay sao trên trời thì vẫn chưa đủ. Chúng ta phải đếm con số của họ.

Nhưng Kaptah lầm bầm:

- Ông chủ ơi, điều đó là không thể vì trên đời này không có thật nhiều con số.

Tuy nhiên, tôi đã đếm những gì tôi có thể, bộ binh là sáu mươi lần sáu mươi lần sáu mươi lần, chiến xa ngựa kéo sáu mươi lần sáu mươi, bởi vì sáu mươi là con số linh thiêng ở Babylon; năm, bảy và mười hai cũng là số thiêng, nhưng tại sao lại thế, tôi không biết, mặc dù các giáo sĩ đã giải thích cho tôi. Chắc tôi đã không hiểu lời giải thích của họ.

Tôi cũng nhìn thấy khiên các vệ sĩ của nhà vua lấp lánh vàng và bạc, vũ khí của họ được mạ vàng và bạc, mặt họ lấp lánh dầu xức và họ béo đến mức khi chạy ngang trước mặt vua với vũ khí, họ thở phì phò như đàn bò đực. Nhưng số này không nhiều mà phần đông binh lính từ các trấn về da rám nắng, người bẩn thỉu và khai khẳm mùi nước tiểu. Thậm chí nhiều người trong số họ còn không có giáo vì lệnh của nhà vua đến với họ quá bất ngờ và mắt họ dính đầy dử, vậy nên tôi nghĩ quân lính ở mọi miền đất hầu như giống nhau. Tôi cũng nhận thấy nhiều chiến xa đã cũ, kêu cót két, một vài bánh xe rơi ra khi chạy và những cái liềm gắn vào thùng xe xanh nhợt vì mốc.

Vào buổi tối, quốc vương cho gọi tôi đến và mỉm cười nói:

- Ngươi đã thấy uy lực của ta chưa, Sinuhe?

Tôi phủ phục trước mặt nhà vua, miệng chạm sàn trước chân ngài và nói:

- Chắc chắn không có vị vua nào vĩ đại hơn ngài, và ngài được coi là chúa tể của bốn phương đất cũng đúng. Mắt tôi mệt mỏi, đầu tôi quay cuồng và chân tay tôi rã rời vì sợ hãi bởi binh sĩ của ngài đông như cát trên biển hay sao trên bầu trời.

Quốc vương mỉm cười hài lòng và nói:

- Ngươi đã nhìn thấy những gì ngươi muốn thấy, Sinuhe, mặc dù ngươi nên tin vừa vừa thôi, vì các triều thần của ta rất bực tức về

việc này và các địa phương đã phải dành tiền tô thuế cả năm cho nó vì quân lính phải được ăn uống và tối nay họ làm loạn trong thành phố, làm nhiều chuyện phạm pháp theo thói quen của lính tráng. Trong vòng một tháng nữa, binh lính vẫn sẽ làm hỗn loạn các con đường lớn, nên ta sẽ không làm điều này lần thứ hai. Mông ta tê cứng khi ngồi trên ngai vàng và mắt ta cũng hoa lên rồi. Hãy uống rượu nào, để gan ta vui lên sau ngày mệt mỏi này, vì ta có rất nhiều điều cần hỏi ngươi.

Tôi uống rượu trước mặt nhà vua, ngài hỏi tôi rất nhiều điều những đứa trẻ và thanh niên thường hỏi về thế giới họ chưa từng thấy. Các câu trả lời của tôi khiến vua hài lòng, cuối cùng ngài hỏi:

- Pharaon nhà ngươi có con gái chứ? Theo như tất cả những gì ngươi đã nói về xứ Ai Cập, ta quyết định cưới con gái Pharaon làm vợ. Ta đã có bốn trăm phi tần trong hậu cung của mình và như vậy là quá đủ đối với ta, vì ta không đủ sức gặp nhiều hơn một người mỗi ngày và việc này cũng thật nhàm chán, nhưng cũng may là họ đều khác nhau. Nhưng thanh danh của ta sẽ tăng lên nếu trong hậu cung ta có con gái Pharaon, và các dân tộc ta trị vì sẽ tôn kính ta hơn.

Tôi kinh hãi giơ tay lên và nói:

- Bẩm quốc vương Burraburiash, ngài không hiểu mình đang nói gì, vì chừng nào thế giới còn tồn tại, con gái của Pharaon không hợp hôn với một người đàn ông lạ mà chỉ kết hôn với anh em của họ; nếu họ không có anh em, họ không lập gia đình và sẽ trở thành nữ giáo sĩ. Do đó, lời nói của ngài xúc phạm các vị thần Ai Cập, nhưng tôi bỏ qua cho ngài vì ngài không hiểu điều mình nói.

Đức vua cau mày và cáu kỉnh nói:

- Ngươi là ai mà dám tha thứ cho ta? Không phải máu ta cũng thiêng liêng như máu Pharaon sao?

- Tôi đã thấy máu ngài khi ngài nhổ nó vào cái bình bên cạnh tôi, - tôi thừa nhận. - Tôi cũng đã thấy máu Pharaon Amenhotep chảy rất nhiều và tôi không thể nói máu hai ngài có gì khác nhau. Nhưng ngài cũng phải nhớ rằng Pharaon chỉ mới kết hôn chưa lâu và tôi không biết Pharaon đã có con gái chưa.

- Ta vẫn còn trẻ và ta có thể chờ được, - Burraburiash nói và nhìn tôi ranh mãnh, bởi vì ngài là vua của dân tộc doanh thương. - Ngoài ra, nếu Pharaon nhà ngươi không có con gái gả cho ta, hay nếu ông ta không muốn gả con gái mình cho ta, thì hãy gửi bất cứ

thiếu nữ quyền quý nào của Ai Cập đến đây, để ta có thể nói nàng là con gái của Pharaon. Ở đây không ai nghi ngờ lời ta và Pharaon cũng chẳng mất gì. Tuy nhiên, nếu ông ta vẫn không chấp thuận thì ta sẽ sai quân lính sang bắt con gái của Pharaon, vì ta rất cứng đầu và điều gì nảy ra trong đầu ta, nó sẽ ở đó mãi mãi.

Lời ngài làm tôi hoảng sợ, tôi nói với ngài rằng chiến tranh sẽ rất tốn kém và làm thương tổn nghiêm trọng thương mại thế giới, điều này sẽ làm ngài bị thiệt hại nhiều hơn Ai Cập. Tôi còn nói thêm:

- Có lẽ tốt nhất là ngài nên đợi sứ giả của ngài báo tin Pharaon đã có con gái. Khi đó, ngài có thể viết ý muốn của mình với Người vào một bảng đất sét và nếu Pharaon đồng ý, chắc chắn Người sẽ gả con gái mình cho ngài mà không phản bội ngài, vì Pharaon có một vị thần mới hùng mạnh và Người sống với thần ấy trong sự thật. Do đó mọi sự dối trá đều khủng khiếp với Người.

Nhưng Burraburiash không thể hiểu điều đó mà nói:

- Ta không muốn nghe về những thần như thế và ta rất ngạc nhiên thấy Pharaon nhà ngươi đã chọn một vị thần như vậy, vì tất cả mọi người đều biết rằng sự thật thường làm hại con người và khiến người đó trở nên nghèo khó. Thực ra ta cầu nguyện tất cả thần linh, kể cả các vị thần mà ta không biết, bởi cẩn tắc vô ưu và đó cũng là tập tục nhưng với vị thần này ta không muốn gì khác hơn là tránh thật xa.

Ngài còn nói thêm:

- Rượu đã làm ta sảng khoái và gan ta hoan hỉ, lời ngươi nói về con gái của Pharaon và vẻ đẹp của họ khiến ta phấn khích, vì vậy bây giờ ta nghĩ ta sẽ đến hậu cung của ta. Nhưng ngươi hãy đi cùng ta, vì là danh y, ngươi có thể làm điều đó và như ta đã nói, ta có quá nhiều thê thiếp, ta sẽ không lấy làm khó chịu nếu ngươi chọn một trong số họ để vui vẻ, nhưng đừng làm nàng ta có con vì điều đó sẽ gây ra nhiều phiền toái. Ta cũng tò mò muốn thấy người Ai Cập ăn nằm với đàn bà như thế nào, bởi vì mỗi một chúng dân đều có phong tục riêng và nếu ta kể với ngươi những thê thiếp được lấy về từ các miền đất xa xôi của ta có những cách gì, ngươi sẽ không tin mà rất lấy làm kinh ngạc.

Đức vua không thèm để ý tới lời từ chối của tôi mà bắt ép tôi đi cùng đến hậu cung của ngài và chỉ cho tôi xem những hình ảnh đàn ông và phụ nữ đang ân ái theo nhiều kiểu khác nhau được các

nghệ nhân tạo tác bằng gạch thủy tinh màu trên tường. Ngài cũng chỉ cho tôi mấy người thiếp của ngài có đồ trang sức và xiêm áo đắt tiền, gồm cả người nữ đứng tuổi và thiếu nữ từ tất cả các nước quen biết, có cả những cô gái từ xứ mọi rợ mà các thương nhân mang đến. Màu da, vóc dáng của họ khác nhau và họ nói liến thoắng, ầm ĩ nhiều thứ tiếng nghe như bầy khỉ. Họ nhảy múa trước mặt nhà vua, để hở bụng và tiêu khiển ngài theo nhiều cách để tranh giành sự ưu ái của ngài. Đức vua không ngừng giục tôi chọn một trong những thê thiếp đó cho đến khi tôi nói với ngài rằng tôi đã hứa với thần linh sẽ kiêng phụ nữ bất cứ khi nào tôi chữa trị cho ai đó. Tôi đã hứa hôm sau sẽ phẫu thuật cho một trong những cận thần của vua có khối u ở bìu dái, vì thế không thể động vào đàn bà, mà tốt hơn là tránh xa họ, nếu không sẽ gây tiếng xấu cho danh tiếng chữa trị của mình. Nhà vua tin điều đó và để tôi đi, nhưng các phi tần rất bực bội, họ giơ tay rồi kêu la bày tỏ sự tiếc nuối. Trừ các hoạn quan của triều đình, họ thật sự chưa bao giờ nhìn thấy một người đàn ông khỏe mạnh, dương lực sung mãn nào trong hậu cung, nhà vua thì còn trẻ, yếu ớt và vẫn chưa có râu.

Nhưng trước khi tôi đi khỏi, nhà vua cười và như nói với chính mình:

- Các dòng sông đang dâng nước và mùa xuân đang đến. Vì thế, các giáo sĩ chọn bắt đầu từ hôm nay, ngày thứ mười ba, là ngày lễ mùa xuân và là ngày của vị vua hờ. Để ghi nhớ ngày hôm nay, ta có một bất ngờ dành cho ngươi mà ta nghĩ ngươi sẽ rất thích thú và ta hy vọng nó cũng đem lại cho bản thân ta nhiều niềm vui, nhưng đó là gì, ta không muốn nói trước với ngươi để ngươi khỏi làm hỏng niềm vui của ta.

Tôi nghi ngại bỏ đi, vì tôi sợ rằng điều quốc vương Burraburiash thích thú sẽ không làm tôi hài lòng chút nào. Trong việc này, lần đầu tiên Kaptah đã đồng ý với tôi.

4

Các thái y của nhà vua không biết nên bày tỏ họ ngưỡng mộ tôi như thế nào, vì nhờ có tôi mà đức vua đã không căm giận, lại còn ban cho họ những món quà lớn, và tôi đã bảo vệ họ trước nhà vua, khen ngợi kỹ năng của họ. Tôi đã làm điều này vì họ đúng là những danh y có tay nghề giỏi trong lĩnh vực của mình và tôi có

rất nhiều điều để học hỏi từ họ, còn họ không giấu tôi bất cứ điều gì. Điều quan trọng nhất tôi học được từ họ là cách họ cô đặc nhựa chảy ra từ lõi hạt anh túc và chế nó thành một loại thuốc giúp ngủ ngon hay làm ai đó bất tỉnh hoặc chết, tùy vào liều lượng thuốc. Nhiều người ở Babylon đã dùng thuốc này với rượu hoặc không và kể rằng nó cho con người ta sự khoái cảm lớn lao. Các giáo sĩ cũng dùng nó để mơ khi ngủ và tiên đoán theo các giấc mơ ấy, bởi theo họ tri thức mà thuốc này đem lại là rất lớn. Vì thế ở Babylon, người ta trồng cây anh túc trên những cánh đồng rộng lớn và những cánh đồng hoa anh túc nhiều màu sắc này đem lại một cảnh tượng kỳ lạ, đáng sợ và được gọi là cánh đồng của các vị thần vì chúng thuộc sở hữu của đền thần Marduk.

Các giáo sĩ cũng bí mật tinh chế hạt cây dầu gai để được một loại thuốc mà sau khi dùng nó, người dùng không sợ đau đớn hay tử vong và nếu dùng nó thường xuyên với liều lượng cao, đàn ông không còn ham muốn vui thú với đàn bà trần thế nữa mà tận hưởng niềm vui thiên đường cùng với những người trong ảo mộng mà thuốc này đặt vào lòng họ. Vậy là tôi đã thu thập được nhiều thông tin khi tôi ở Babylon, nhưng ấn tượng nhất với tôi về phép thuật tài tình của các giáo sĩ là chiếc kính trong suốt: các vật thể sẽ được phóng to nếu nhìn qua kính đó. Có lẽ tôi sẽ không tin nếu không cầm chiếc kính trong tay và nhìn qua nó, nhưng tại sao viên pha lê này có sức mạnh như vậy, tôi không biết và các giáo sĩ cũng không giải thích và tôi nghĩ không ai có thể giải thích. Nhưng giới quyền quý và những người giàu nhất đã dùng kính này khi mắt họ kém đi để có thể đọc các bản văn cổ xưa trên các bảng đất sét và đóng triện tên của họ mà không nhầm lẫn.

Song có lẽ điều kỳ diệu hơn cả là khi mặt trời chiếu xuyên qua những viên pha lê này, chúng có thể đốt cháy phân khô, mạt cưa và lá khô, vậy nên khi mặt trời chiếu sáng có thể lấy được lửa mà không cần đến khoan lửa. Nhờ những viên pha lê này, tôi tin rằng các phù thủy Babylon có sức mạnh lớn hơn phù thủy của bất kỳ vương quốc nào khác và tôi rất kính trọng các giáo sĩ của họ. Những chiếc kính này cũng rất đắt, có giá gấp nhiều lần trọng lượng vàng của chúng, nhưng khi thấy tôi thích nó đến thế, nha sĩ của nhà vua đã tặng tôi một chiếc. Đổi lại, tôi tặng anh ta một cánh cửa tuyết tùng cho nhà anh ấy; trên cánh cửa, tôi đã đặt các nghệ sĩ vẽ theo lối vẽ của người Ai Cập đức vua và anh ta cùng chiếc răng mà anh ta đã nhổ từ miệng ngài bằng tài năng điêu luyện và cả những món quà mà nhà vua đã ban thưởng cho anh ta, bởi vì ở Babylon cũng có những họa sĩ có thể vẽ theo lối Ai Cập và ở đây gỗ quá đắt nên cửa là vật gia truyền từ đời cha sang đời con, từ thế hệ này sang thế hệ khác, nên những người giàu có và

quý phái khi chuyển nhà thường mang theo cánh cửa của họ.

Tài tiên tri của các giáo sĩ Babylon cũng làm tôi chú ý và vì tôi được đức vua ưu ái, các danh y của ngài cũng nói thêm vào, nên tôi được phép học nghệ thuật tiên tri trong Tháp. Nhờ thế, tôi học được cách đọc gan cừu, phân biệt trong đó núi với sông, đường phố, cổng và tháp, đầu, tay chân, tai, ngón tay và nhiều thứ khác nữa, ví như cái giếng sâu nhất ở đâu - những điều rất có lợi cho thầy thuốc vì danh y có thể từ gan của cừu hiến tế mà biết được bệnh và cách chữa trị cho bệnh nhân của họ, không cần khám người bệnh. Phương pháp này thường được các thầy thuốc Babylon sử dụng khi không biết chắc chắn về chứng bệnh của bệnh nhân, và đem lại cho danh y sự tự tin cần thiết khi bối rối. Vậy nên tôi đã học nó kỹ hơn.

Nhưng kiến thức chính xác nhất về tất cả những gì đã và sẽ xảy ra chỉ có thể biết được khi đọc những chữ lửa trên trời cao vào ban đêm. Nhưng tôi đã không cố học luận hình chữ này bởi nó đòi hỏi nhiều năm, thậm chí nhiều thập niên, mà những người giải mã các vì sao khi đã già, râu đã bạc, mắt đã mệt mỏi vì phải nhìn chằm chằm vào các vì sao vẫn còn tranh cãi cũng như không bao giờ đồng ý với nhau về ý nghĩa vị trí của các ngôi sao, nên tôi nghĩ việc học này là vô ích. Nhưng qua điều mà các giáo sĩ nói, tôi biết rằng mọi chuyện xảy ra nơi hạ giới đều xảy ra trên trời cao, không có chuyện gì nhỏ bé hay tầm thường mà không thể được biết trước từ các vì sao, không nói đến những chuyện lớn hơn, chỉ cần học đủ để luận các chữ của bầu trời. Tôi thấy môn này đáng tin và dễ hiểu hơn nhiều lý thuyết khác về con người và thần linh, nó làm cho cuộc sống trở nên dễ dàng bởi nó dạy người ta hiểu rằng mọi thứ đều xảy ra theo những quy luật bất di bất dịch, không ai có thể thay đổi số mệnh của mình, vì ai có thể lay chuyển được vị trí các ngôi sao, ai có thể buộc các vì tinh tú dịch chuyển. Nghĩ sâu hơn sẽ thấy lý thuyết này tự nhiên và dễ hiểu nhất trong tất cả các lý thuyết và nó phù hợp với đức tin của con người, mặc dù người Babylon nói về gan còn người Ai Cập nói về trái tim, nhưng sự phân biệt này theo tôi chỉ là cách nói chứ không phải điều gì khác.

Kiến thức tuyệt vời này đã tác động nhiều đến tôi, khiến tôi mất một thời gian để suy nghĩ nghiêm túc về việc có nên ở lại Babylon nghiên cứu các vì sao và có nên từ bỏ các chuyến đi cùng tất cả những việc khác, chỉ để nhiều năm hay nhiều thập niên sau hiểu được những điều các vì tinh tú ghi lại trên bầu trời, vì tôi nhận ra rằng cuộc sống của con người không có mục đích nào lớn hơn là học kỹ năng này. Tôi cũng nói với Kaptah về điều này, nhưng ông ta bảo:

- Ích gì khi một người dành nhiều năm của cuộc đời để lé mắt nhìn lên bầu trời cho đến khi dử bắt đầu rỉ ra đầy mắt. Bởi một khi mọi chuyện xảy ra đều được viết trên các vì sao thì con người không thể tránh được điều sẽ xảy ra, ngay cả khi biết trước nó. Đã có nhiều chuyện kể về điều này, chẳng hạn như chuyện về vị hoàng tử và những con chó của chàng ta. Nhưng nếu con người biết trước tất cả những điều tệ hại sẽ xảy ra với anh ta thì anh ta sẽ đau dạ dày, sẽ trở nên đau khổ và cố gắng vô ích để thay đổi điều sẽ xảy ra. Còn nếu người ta biết chỉ toàn điều tốt sẽ đến với mình, điều dĩ nhiên thường không xảy ra với con người, thì chẳng phải tốt hơn là anh ta cứ vui vẻ và tận hưởng điều tốt đẹp này mà không cần dòm ngó lên các vì sao cho tốn thời gian mà dành thời gian đó để làm tim mình vui. Tuy nhiên, cả điều tốt lẫn điều xấu đều xảy ra với con người, như thần linh ấn định, vì vậy việc đọc các ngôi sao sẽ chẳng đem lại gì ngoài sự lộn xộn và tiêu phí thời gian khi con người lúc vui vẻ lúc lại bực bội vì điều sắp xảy ra. Tốt hơn chúng ta nên tin vào bọ hung của mình.

- Nhưng, - tôi nói, - một khi mọi chuyện xảy ra với chúng ta đều được viết trên các vì sao, bọ hung không thể thay đổi chút gì số mệnh của chúng ta và nó cũng không có sức mạnh nào đối với những điều đó.

Nghe thế Kaptah rất bực tức, ông ta nói:

- Đó là lời nói ngu ngốc và thối như cứt lợn. Vì nếu đúng như ông nói thì chắc chắn trên các vì sao cũng có ghi bọ hung mang lại may mắn cho chúng ta và liệt kê chính xác tất cả những điều lớn, nhỏ mà nó đã mang lại, vì không có bọ hung, chúng ta đã bị treo ngược đầu trên tường thành hoặc sọ của ông đã trắng hếu trong bãi tha ma.

Thế thì còn gì để nói nữa, nên tôi từ bỏ ý định ở lại Babylon để nghiên cứu các vì sao. Khi tự vấn lòng mình, tôi thấy quyết định này làm tôi hạnh phúc, bởi sự xê dịch đã ngấm vào máu của tôi, đôi mắt tôi luôn bồn chồn và tôi thèm được thấy điều gì đó mới mẻ. Tôi cũng được an ủi vì nghĩ rằng mình chẳng mất gì, dù không ở lại, vì quyết định này của tôi và cuộc trò chuyện với Kaptah chắc chắn đã được viết vào ngôi sao trước ngày tôi được sinh ra, vì vậy tôi không thể ở lại dù tôi muốn, bởi các ngôi sao đã ấn định như vậy.

Thay vào đó, tôi đã nghiên cứu gan cừu và ghi lại những gì các giáo sĩ Marduk biết về những chuyến bay của loài chim để có thể lưu ý đến những dự báo chim chỉ ra cho chuyến đi của mình. Tôi

cũng dành nhiều thời gian để xem họ đổ dầu vào nước và sau đó giải thích các hình ảnh hiện ra trên mặt nước, nhưng đây là kỹ xảo tôi ít tin nhất vì các hình luôn khác nhau và việc giải thích chúng không cần nhiều thông tin lắm, ngoài cái lưỡi liến láu. Nhưng tôi vẫn cố gắng ghi nhớ những gì họ nói về kỹ năng này.

Tôi đã tập trung vào việc học đến mức quên mình là danh y trong một thời gian và ở lại suốt ngày trong đền, từ chối gặp các bệnh nhân tìm đến tôi để chữa bệnh và lấy thuốc mà gửi họ tới các danh y của hoàng gia khiến các danh y rất hài lòng, vì điều này làm tăng uy tín của họ trong mắt người dân Babylon. Còn tôi, người đã kết hợp được sự thông thái của Babylon với tri thức của Ai Cập, tâm trí tôi run lên vì sự tinh thông của mình khi nghĩ rằng tất cả những kiến thức mà con người thu thập được ở khắp bốn phương trong hàng ngàn năm qua giờ đây đã là kiến thức của tôi. Nghĩ về điều này, tôi cảm thấy sức lực mình tăng lên gấp bội và kiêu hãnh nghĩ rằng với mình tất cả đều trong tầm tay. Quả thật tôi còn trẻ, song tôi có nhiều tri thức và kinh nghiệm đến thế.

Nhưng trước khi kể về lễ hội xuân Babylon và ngày vua hờ, tôi phải kể về điều kỳ lạ liên quan tới sự ra đời của tôi. Khi đọc gan cừu về tôi và nhìn vào hình dầu loang trong nước, các giáo sĩ nói:

- Có một điều bí ẩn đáng sợ về sự ra đời của anh mà chúng tôi không thể giải thích nổi, thực ra anh không đơn thuần là một người Ai Cập như anh nghĩ, mà là một người lạ trên thế gian này.

Tôi liền kể với họ tôi không được sinh ra như những người khác, mà tôi đã trôi dưới sông vào một đêm nào đó trên một chiếc thuyền bằng sậy và mẹ tôi đã tìm thấy tôi trong một đám sậy. Khi đó, các giáo sĩ liếc nhìn nhau rồi cúi đầu thật thấp trước mặt tôi và nói:

- Đó là điều chúng tôi đoán.

Và họ kể cho tôi rằng vua Sargon vĩ đại của họ, người đã chinh phục cả bốn cõi thế gian, thống trị cả một vùng từ Biển Bắc đến Biển Nam và cũng là người trị vì các hải đảo, khi còn là đứa trẻ sơ sinh cũng trôi dưới sông trên một chiếc thuyền sậy và không ai biết về sự ra đời của ông cho đến khi những hành động vĩ đại của ông cho thấy ông được sinh ra từ thần linh.

Nghe thế tôi bắt đầu thấy sợ, song tôi gượng cười và nói với họ:

- Chắc các ông không nghĩ rằng tôi, một thầy thuốc, được sinh ra từ các vị thần chứ?

Nhưng họ không cười mà nói:

- Điều đó chúng tôi không biết, nhưng cẩn tắc vô ưu nên chúng tôi xin cúi đầu trước ngài.

Họ cúi đầu trước mặt tôi một lần nữa, cho đến khi tôi thấy chán và nói:

- Chúng ta hãy chấm dứt trò chơi này và trở lại với công việc.

Chúng tôi trở lại bên mô hình đất sét và họ lại giải thích tiếp cho tôi về mê cung của gan cừu, nhưng đôi lúc vẫn tôn kính liếc nhìn tôi và thì thầm với nhau.

Từ đó trở đi, suy nghĩ về sự ra đời của mình bắt đầu giày vò tâm trí tôi và tim tôi nặng như chì khi nghĩ mình là một người lạ trên thế gian. Tôi cũng đã muốn hỏi các nhà chiêm tinh về sự ra đời của mình, nhưng vì tôi không biết chính xác thời điểm nên không hỏi được gì và họ cũng không thể cho tôi lời khuyên. Nhưng thể theo yêu cầu của các giáo sĩ, các nhà chiêm tinh cũng lấy ra những bảng đất sét của họ liên quan đến năm và những ngày dòng nước đưa tôi đến, vì các giáo sĩ cũng tò mò về sự ra đời của tôi. Nhưng các nhà chiêm tinh chỉ biết được nếu tôi được sinh ra vào giờ đó và ngày đó, tôi mang dòng máu hoàng tộc và sinh ra để trị vì nhiều dân tộc. Nhưng tiết lộ ấy không hề làm tôi nhẹ lòng, vì khi muốn nghĩ về điều gì đó trong quá khứ, tôi chỉ nghĩ về tội lỗi và sự nhục nhã mà tôi đã để lại ở Thebes. Nhưng, tôi nghĩ, có lẽ các ngôi sao đã nguyền rủa tôi vào đúng ngày tôi được sinh ra, đặt tôi vào một chiếc thuyền sậy để làm Senmut và Kipa chết trước tuổi và cướp đi niềm vui tuổi già của họ, rồi cướp luôn cả ngôi mộ của họ. Khi nghĩ về điều này, tôi thấy gai người, bởi vì một khi các ngôi sao đã nguyền rủa, tôi không thể tránh khỏi số mệnh của mình, mà trong tương lai tôi còn mang đến hiểm họa và đau khổ cho những người thương yêu tôi. Bởi vậy, tương lai ngự trị tâm trí tôi và tôi sợ tương lai, đồng thời tôi nhận ra rằng tất cả những gì xảy ra với tôi đều có mục đích là buộc trái tim tôi rời xa người khác và phải sống cô đơn, vì chỉ khi cô đơn tôi mới không thể gây đau khổ cho người khác.

5

Nhưng tôi còn phải kể về ngày vua hờ. Đó là khi hạt giống nảy mầm xanh và những đêm giá buốt đã dần lùi xa, các giáo sĩ ra

ngoài thành phố, đào thần linh từ hầm mộ lên và hét thật to báo tin rằng đức thần đã phục sinh khỏi hầm mộ. Và cả Babylon biến thành một nơi hội hè ầm ĩ và nhộn nhạo, những đoàn người ăn vận quần áo lễ hội đổ ra các con phố, đám tiện dân nhộn nhạo đập phá, cướp các cửa hiệu và làm đường phố náo loạn, còn tồi tệ hơn cả binh lính trên đường về nhà sau cuộc duyệt binh hôm trước. Đàn bà và đám con gái đến tất cả các đền thờ Ishtar để thu nhặt bạc làm của hồi môn và bất cứ ai cũng có thể ăn nằm với họ, không ai coi việc này là đáng hổ thẹn mà ai nấy tha hồ vui thú và hưởng thụ theo sức lực, ham muốn của mình. Ngày cuối cùng của lễ hội xuân chính là ngày vua hờ.

Tôi đã quen với khá nhiều phong tục ở Babylon, nhưng vẫn rất kinh ngạc khi bình minh chưa lên mà các cận vệ của nhà vua đã say xỉn xông vào Vọng lâu Ishtar đập phá, mở hết các cửa, lấy cán giáo đánh bất cứ ai mà họ gặp và gào hết cỡ:

- Vua của chúng tôi đang trốn ở đâu? Hãy trả ngay vua cho chúng tôi! Trời sắp sáng rồi, mà vua phải đem lại công lý cho người dân.

Tiếng ầm ĩ bất thường, đèn được thắp sáng và những kẻ làm công trong khách sạn sợ hãi chạy dọc hành lang. Kaptah nghĩ rằng bạo loạn nổ ra trong thành phố nên trốn dưới giường tôi, còn tôi đi đến chỗ những người lính, trên người chỉ khoác áo choàng vải vì vừa ra khỏi giường, và hỏi:

- Các người muốn gì, hãy cẩn thận kẻo làm ta bị thương, vì ta là Sinuhe, Người Ai Cập, Con Trai Lừa Hoang, chắc chắn các người đã nghe tên ta.

Nghe thế họ hét lên:

- Nếu ông là Sinuhe, thì ông là người chúng tôi đang tìm kiếm!

Họ xé rách áo choàng vải của tôi khiến tôi trần truồng rồi ngạc nhiên chỉ tôi cho nhau xem vì họ chưa bao giờ nhìn thấy một người đàn ông cắt bao quy đầu. Vì vậy, họ nói với nhau:

- Chúng ta có nên để người đàn ông này đi lại tự do không vì anh ta sẽ là mối nguy hiểm cho đàn bà của chúng ta, bởi vì họ rất thích những thứ mới và lạ.

Họ còn nói thêm:

- Đúng là chúng tôi chưa nhìn thấy người nào lạ như thế này kể từ khi chúng tôi nhìn thấy gã da đen tóc xoăn từ đảo của biển ấm

đến, đã đút một que xương và cái chuông nhỏ vào cục thịt của hắn để làm hài lòng phụ nữ.

Nhưng sau khi đã chế nhạo tôi đến chán, họ thả tôi và nói:

- Đừng bắt chúng ta mất thêm thời gian với những trò hề của anh nữa, mà trao tên đầy tớ cho chúng ta, vì chúng ta phải đưa hắn vào cung điện bởi hôm nay là ngày vua hờ và nhà vua muốn chúng ta đưa hắn vào cung.

Nghe thế, Kaptah vô cùng sợ hãi, đến nỗi tay chân ông ta bắt đầu run rẩy làm chiếc giường rung rinh theo, vì vậy họ tìm thấy ông và vừa kéo ông ra từ dưới gầm giường, họ vừa sung sướng reo lên và cúi thấp người trước mặt ông. Rồi họ nói với nhau:

- Đây là một ngày rất vui với chúng ta, vì cuối cùng chúng ta cũng đã tìm thấy vua của mình, người đã bỏ trốn khỏi tầm mắt của chúng ta. Bây giờ mắt ta reo cười khi thấy ngài, hy vọng ngài sẽ thưởng cho chúng ta nhiều quà vì sự trung thành của mình.

Kaptah nhìn họ đầu đung đưa, mắt trợn tròn như chiếc vòng nơi hàm ngựa. Nhìn thấy sự kinh ngạc và sợ hãi của ông, họ càng cười to hơn và hét lên:

- Hắn ta đúng là vua của bốn phương đất và chúng ta biết mặt hắn.

Rồi họ cúi thấp người trước ông ấy và những người đứng sau đá vào đít ông để buộc ông bước đi. Còn Kaptah nói với tôi:

- Đúng là thành phố và cả vương quốc này đã thối nát, điên rồ và đầy rẫy tội lỗi, mà có lẽ bọ hung cũng không thể che chở tôi được nữa nên tôi mới phải chịu như thế này. Tôi cũng không biết là mình đang đứng trên đôi chân hay bằng đầu nữa, mà có lẽ tôi đang ngủ trên chiếc giường kia và đang mơ, tất cả đúng chỉ là mơ. Nhưng gì thì gì, tôi cũng phải đi theo họ, vì họ là những gã đàn ông lực lưỡng, nhưng xin ông hãy giữ tính mạng mình, ông chủ của tôi, nếu ông có thể. Và hãy lấy xác tôi khỏi tường thành sau khi họ treo ngược đầu tôi lên đó, hãy giữ thân xác tôi chứ đừng để họ vứt xuống sông. Vì nếu tôi chết trong tay những người lính mà vẫn giữ trọn khí tiết Ai Cập, thì dựa trên những điều luật đã được viết xuống, tôi đương nhiên được đến thẳng miền tây, ngay cả khi thi thể tôi bị mất, nhưng cẩn tắc vô ưu và để tránh bất kỳ sự nhầm lẫn nào, ông hãy bảo quản thi thể tôi, vì ông biết làm việc đó.

Nghe ông ấy nói, những người lính cười ngặt nghẽo, nghiêng ngả,

quỳ gối xuống mà cười và đập bôm bốp vào lưng nhau vì sợ nghẹt thở, và họ nói:

- Thề có Marduk, chúng ta không thể tìm được một vị vua tốt hơn, thật kỳ lạ là lưỡi ông ta không xoắn lại khi ông ta nói.

Nhưng trời đang dần sáng và họ lấy cán giáo đánh vào lưng Kaptah để giục ông ấy ra nhanh và dẫn ông đi. Tôi vội vàng mặc quần áo và theo họ vào cung mà không bị ai ngăn lại. Những người đang reo hò huyên náo đứng đầy khắp các sân trước và trong tiền sảnh của cung điện. Vì thế, tôi tin là đã có một cuộc nổi loạn ở Babylon và máu sẽ sớm chảy dọc theo các rãnh trên đường phố khi quân lính từ các địa phương kéo đến hỗ trợ cho thành phố.

Nhưng khi theo quân lính đến đại sảnh, tôi nhìn thấy Burraburiash đang ngồi trên ngai vàng được nâng bởi bốn chân sư tử dưới vọng lâu hoàng gia, trên người vận trang phục hoàng đế và tay cầm biểu tượng quyền lực của mình. Xung quanh vua là các giáo sĩ hàng đầu của Marduk, các triều thần và giới quyền quý trong vương quốc. Nhưng quân lính không để ý đến họ mà kéo Kaptah lên trước, lấy giáo chụm chéo nhau làm thành đường đi và dừng trước ngai vàng chờ đợi. Đột nhiên cả đại sảnh im phắc không ai nói gì cho đến khi Kaptah cất tiếng:

- Hãy đuổi con thú dữ đó đi, nếu không ta sẽ mệt mỏi với trò chơi này và bỏ đi đấy.

Đúng lúc đó một luồng ánh sáng từ cửa sổ phía đông chiếu vào phòng - mặt trời mọc - và tất cả, giáo sĩ và giới quyền quý, cận thần và binh lính của nhà vua, đồng thanh hét lên:

- Ông ấy nói đúng! Hãy dắt con thú đó ra, bởi vì chúng ta mệt mỏi với sự điều hành của thằng bé không râu. Trái lại, người đàn ông này thật thông thái, vì thế chúng ta hãy cho ông ta làm vua để ông ta được ra lệnh cho chúng ta.

Và tôi đã không tin vào mắt mình khi nhìn thấy họ chen lấn, cười đùa, tranh nhau nhào đến bên nhà vua, giật trượng quyền lực từ tay ngài và lột cởi hoàng bào, khiến vua trần truồng hệt như tôi khi lũ lính bất chợt xông đến bên giường. Họ véo vào cánh tay và nắn các bắp thịt ở đùi vua rồi chế nhạo ngài:

- Rõ ràng là anh ta vừa mới được cai sữa và miệng vẫn còn dính sữa mẹ. Vì thế, đã đến lúc đàn bà trong hậu cung được vui thú và chúng tôi nghĩ rằng lão già lừa đảo Kaptah người Ai Cập này cũng

biết cưỡi trên yên đàn bà đấy.

Burraburiash không hề chống cự mà cũng cười, còn con sư tử của ngài ngơ ngác, bị đám đông làm cho hoảng sợ nên nép sang bên, đuôi cụp xuống.

Nhưng sau đó tôi không còn biết mình đang đứng bằng đầu hay trên đôi chân của mình nữa khi thấy họ từ chỗ nhà vua xông tới chỗ Kaptah, mặc hoàng bào cho ông ấy, buộc ông ấy phải cầm trượng quyền và ép ông ngồi lên ngai vàng. Rồi họ nằm rạp xuống trước mặt ông ấy và chà miệng lau sàn cạnh chân ông. Người đầu tiên bò trước mặt ông ấy là Burraburiash đang trần truồng, ngài hét lên:

- Đúng rồi. Hắn ta sẽ là vua của chúng ta, chúng ta không thể chọn được vị vua nào tốt hơn.

Rồi tất cả đều đứng dậy tôn xưng vua Kaptah và ôm bụng cười ngặt nghẽo.

Kaptah trợn tròn mắt nhìn họ, mái tóc xoăn dựng ngược dưới cái mũ hoàng đế mà họ đã vội vã chụp lên phía sau đầu ông một cách xiên xẹo. Cuối cùng, ông ấy tức giận hét to khiến tất cả im lặng, lắng nghe ông nói:

- Chắc chắn đây là một giấc mơ tồi tệ mà ai đó đã phù phép để ta nằm mê thấy, vì nó đã xảy ra. Ta không hề mong muốn trở thành vua của các ngươi vì ta thà làm vua của lũ khỉ đầu chó và đàn lợn còn hơn. Nhưng nếu các ngươi thực sự muốn ta trở thành vua, ta không làm gì khác được, bởi một người làm sao chống lại được nhiều người. Vì vậy, ta buộc các ngươi phải nói thật, ta có phải là vua của các ngươi không?

Nghe thế tất cả cùng hét lên:

- Ngài là vua của chúng tôi và là chúa tể của bốn phương thế giới! Ngài không tự nhận thấy điều đó ư, lão ngốc!

Một lần nữa, họ cúi rạp người trước ông ấy và một trong số họ khoác lên người bộ da sư tử và ngồi xuống cạnh chân ông, gầm gừ và vặn vẹo mình trong tấm da theo nhiều cách điên rồ. Kaptah suy nghĩ một lúc, tỏ ra lưỡng lự. Cuối cùng, ông nói:

- Nếu quả thực ta là vua thì cần có đại tiệc. Vậy hãy mau mang rượu vào, nếu ở đây có, hỡi lũ người hầu, nếu không gậy của ta sẽ nhảy múa trên lưng các ngươi và ta sẽ cho treo các ngươi lên

tường, khi ta là vua. Hãy mang thật nhiều rượu vào để các quý ông và những người bạn đã tôn xưng ta lên làm vua uống với ta và hôm nay ta muốn uống ngập đến tận cổ.

Lời của ông ấy làm dấy lên niềm phấn khích, một nhóm người xông lên túm lấy ông và đưa đến một phòng lớn chứa đầy đồ ăn và rượu ngon. Mỗi người lấy những gì mình tìm thấy, Burraburiash mặc đồ của người hầu, chạy đi chạy lại quanh chân mọi người như một đứa hầu ngốc nghếch, làm đổ cốc chén đựng nước xốt lên quần áo của khách, khiến nhiều người xỉ vả và ném xương đã gặm vào ngài. Ngoài sân trước cung điện, dân chúng cũng được cho ăn uống thỏa sức những đồ ăn thức uống đã được chuẩn bị từ trước, những con bò và cừu được xả thành miếng cho dân ăn; dân chúng có thể múc bia và rượu ủ dưới hầm đất sét, thưởng thức món cháo đại mạch cùng với mứt hoa quả và kem; tất cả tạo ra một sự ầm ĩ khác thường, tiếng la hét, tiếng cười nói và đập phá lan khắp cung điện khi mặt trời càng lên cao, mà tôi không thể nào tưởng tượng được.

Ngay khi có cơ hội, tôi đến gần Kaptah và nói khẽ để những người khác không nghe thấy:

- Kaptah, đi theo ta, chúng ta sẽ chạy trốn vì ở lại đây không tốt.

Nhưng Kaptah đã uống rượu, bụng căng đầy thức ăn ngon, ông ấy bảo tôi:

- Lời nói của ông giống như tiếng ruồi vo ve trong tai tôi, vì tôi chưa bao giờ nghe điều gì điên rồ hơn thế. Bây giờ tôi bỏ đi ư, khi dân tộc tốt bụng này đã đưa tôi lên làm vua và ai cũng tôn sùng tôi? Tôi biết bọ hung đã làm điều này và tôi cũng biết ngoài bọ hung còn nhờ những phẩm chất tốt đẹp của tôi, những phẩm chất mà chỉ dân tộc thông minh này mới nhận ra giá trị thực của chúng. Tôi nghĩ ông không nên nói với Kaptah tôi thoải mái như với nô lệ hay gia nhân, mà ông phải cúi đầu tôn kính tôi như những người khác đang làm.

Nhưng tôi cố thúc ép ông ấy, tôi nói:

- Kaptah, Kaptah, đây là trò bịp bợm mà ông còn phải trả giá đắt, vì vậy hãy chạy trốn càng xa càng tốt, và tôi sẽ tha thứ cho sự ma mãnh của ông.

Nhưng Kaptah lau sạch vệt nhờn trên mép rồi vừa đánh tôi bằng khúc xương lừa đã gặm vừa hét lên:

- Hãy tống cái tên Ai Cập bẩn thỉu này đi trước khi ta nổi giận và để cho gậy của ta nhảy múa trên lưng hắn.

Lúc đó, gã choàng da sư tử nắm đầu tôi, la hét rồi cắn chân tôi, quật ngã tôi và lấy tay cào mặt tôi. Điều tồi tệ hẳn đã đến với tôi nếu như ngay lúc đó không có tiếng tù và vang lên báo hiệu đã đến giờ nhà vua thực hiện công lý cho người dân, nên họ đã quên tôi tức khắc.

Kaptah hơi sững sờ khi được dẫn đến công đường, nói rằng ông vui lòng trao quyền phán quyết công lý cho các quan tòa được bổ dụng, những người đáng kính và ông tin tưởng. Nhưng dân chúng đã kịch liệt phản đối, họ hét lên:

- Chúng tôi muốn thấy sự thông thái của nhà vua để biết chắc ngài là vua thật và ngài am tường luật pháp.

Vì vậy họ nhấc Kaptah lên ghế quan tòa và đặt trước mặt ông ấy các thứ biểu tượng cho công lý, đòn roi và xiềng xích. Người ta thúc giục mọi người kể vụ việc của mình với nhà vua. Người đầu tiên phủ phục dưới chân Kaptah là một người đàn ông đã xé quần áo và rắc tro lên tóc mình. Ông ta áp mặt xuống đất dưới chân Kaptah, vừa khóc vừa nói:

- Không ai thông tuệ như vua của chúng ta, chúa tể của bốn phương trời. Vì vậy tôi xin ngài phán quyết về việc của tôi, như thế này: Tôi có một người vợ mà tôi đã lấy bốn năm trước, chúng tôi không có con và bây giờ vợ tôi mang thai. Thế nhưng, hôm qua tôi được biết vợ tôi đã giấu tôi đi lại với một tên lính, thậm chí tôi còn bắt được quả tang họ ăn nằm với nhau, nhưng tên lính to lớn và khỏe mạnh nên tôi không thể làm gì được hắn ta, bây giờ gan tôi đầy phiền muộn và nghi ngờ, vì làm thế nào tôi có thể biết đứa trẻ được sinh ra là con tôi hay con của tên lính đó. Do đó tôi cầu xin nhà vua đem lại cho tôi công lý và tôi muốn biết chắc chắn sự thật để tôi có thể cư xử đúng đắn.

Kaptah im lặng và lo lắng nhìn quanh, cuối cùng ông nói một cách dứt khoát:

- Hãy lấy gậy và đánh thằng cha này để hắn ghi nhớ ngày hôm nay.

Đám nha lại công đường bắt giữ người đàn ông và đánh anh ta, khiến anh ta khóc thét lên và cầu cứu mọi người:

- Công lý thế này à?

Đám đông cũng bắt đầu xì xào và yêu cầu giải thích. Lúc đó Kaptah nói:

- Người đàn ông này đáng bị đánh đòn vì hắn quấy rầy ta bằng một việc đáng ghét. Thậm chí hắn đáng bị đánh nhiều hơn nữa vì sự ngu ngốc của mình, vì lẽ nào một người đàn ông đã không gieo hạt trên cánh đồng của mình lại còn than thở khi một người khác có công gieo trồng vào đó và để lại vụ mùa cho anh ta gặt hái? Cũng không phải lỗi của người đàn bà khi ả ta quay sang người đàn ông khác mà đó là lỗi của người chồng, bởi vì người này đã không trao cho vợ mình điều ả ta muốn, vì thế người đàn ông này đáng bị ăn gậy.

Nghe thế, mọi người hét to và cười ngặt nghẽo rồi hết lời ca ngợi trí thông minh của vua. Khi đó một ông già nghiêm trang bước đến trước nhà vua và tâu:

- Trước cây cột đá được khắc luật này và trước nhà vua, tôi đòi công lý và vụ việc của tôi như sau: Tôi đã xây một ngôi nhà cho mình bên đường phố, nhưng người thợ xây chính đã lừa tôi khiến ngôi nhà bị đổ, giết chết một người bất ngờ đi ngang qua. Bây giờ gia đình người chết buộc tội tôi và đòi bồi thường. Tôi phải làm gì?

Kaptah nghĩ một lát rồi nói:

- Đây là một việc phức tạp và cần được xem xét kỹ lưỡng. Theo ta nghĩ, đây là chuyện của thần linh hơn là của con người, nhưng luật pháp nói gì về việc này?

Những người rành luật tiến đến đọc luật ghi trên cột và giải thích:

- Nếu ngôi nhà đổ do sự bất cẩn của người thợ xây và giết chết chủ ngôi nhà, người phụ trách xây dựng cũng phải bị giết. Còn nếu ngôi nhà đổ và giết chết con trai của chủ nhà, con trai của người phụ trách xây dựng phải bị giết. Luật pháp không nói gì thêm nữa, nhưng chúng tôi giải thích thêm là một ngôi nhà sụp đổ vì bất cứ lý do gì thì người phụ trách xây dựng cũng phải chịu trách nhiệm, phải bị mất một phần tài sản tương tự. Chúng tôi không biết nói gì khác.

Kaptah phán:

- Ta không biết ở đây có những tay thợ xây chính bịp bợm như vậy và trong tương lai ta sẽ lưu ý đến người xây dựng. Nhưng theo luật, vấn đề này đơn giản: Hãy để người thân của người chết đến nhà của người thợ xây chính và chờ ở đó rồi giết chết người qua

đường đầu tiên đi lại phía họ, như vậy thì công lý được thực hiện. Nhưng nếu họ làm vậy thật và nếu người thân của người qua đường này bắt họ phải chịu trách nhiệm về việc giết người thì họ hãy tự chịu hậu quả, bởi thật ra đây là việc của thần linh hơn là của con người. Ta nghĩ lỗi lớn nhất thuộc về kẻ qua đường đi dưới ngôi nhà bị đổ, bởi không có người khôn ngoan nào làm như thế, trừ khi bị thần linh sai bảo. Vì vậy ta cởi bỏ tất cả trách nhiệm của người phụ trách xây dựng và tuyên bố người đòi công lý từ ta là một kẻ ngốc, vì ông ta không để ý đến thợ xây xem anh ta làm việc có cẩn thận không, nên người thợ xây chính lừa anh ta cũng đúng thôi, vì những kẻ ngu phải bị lừa để còn rút kinh nghiệm. Xưa đã thế, sau này cũng sẽ thế.

Dân chúng lại hết lời ca ngợi sự thông thái của nhà vua và người khiếu nại bối rối bỏ đi. Tiếp đó, một thương gia to béo, ăn vận trang phục đắt tiền tiến đến trước nhà vua. Ông ta trình bày sự việc của mình:

- Ba ngày trước, tôi đã đến Cổng Ishtar và các cô gái nghèo của thành phố đã tụ tập ở đó vào đêm lễ hội mùa xuân để dâng hiến trinh tiết của họ cho nữ thần theo như lệnh truyền để góp nhặt của hồi môn cho mình. Tôi rất thích một cô trong số họ nên mất một thời gian mặc cả, xong tôi đưa cho cô ta cả xâu bạc và chúng tôi thỏa thuận. Nhưng đến lúc vào việc, tôi bất ngờ thấy đau bụng, vì vậy tôi phải đi giải quyết. Khi tôi quay lại, cô ta đã đồng ý đi với một người đàn ông khác và cũng đã nhận bạc của ông ta và làm điều mà vì nó cô ta đến Cổng. Cô ta cũng vui vẻ chào mời tôi nhưng tôi từ chối vì cô ta không còn trinh trắng và tôi đòi lại bạc, song cô ta không trả. Vì thế tôi cầu xin nhà vua đem lại công lý cho tôi, vì lẽ nào tôi đã mất bạc mà không nhận được gì? Nếu tôi mua một cái vò thì vò đó là của tôi cho đến khi tôi đập vỡ nó, người bán không có quyền đập vỡ vò và đưa cho tôi những mảnh vỡ của nó.

Nhưng khi nghe xong, Kaptah trở nên tức giận, bật dậy khỏi ghế quan tòa rồi đập roi xuống trước mặt và hét lên:

- Quả thật ta chưa bao giờ gặp những điều ngu ngốc như ở thành phố này và ta không thể hiểu gì khác ngoài việc con dê cụ này đang chế giễu ta. Bởi cô gái đã đúng khi đi với người khác, một khi kẻ ngốc này không thể lấy cái mà hắn đã mua. Cô gái cũng cư xử đẹp và tốt khi định đền bù cho ông ta cái mà hắn không đáng được hưởng. Lẽ ra hắn phải biết ơn cô gái và người đàn ông kia vì họ đã cùng nhau gỡ bỏ một chướng ngại cho hắn. Thế mà hắn còn đến kêu ca trước mặt ta và bắt đầu lảm nhảm về vò với chả hũ.

Nếu hắn nghĩ các cô gái trẻ là những cái vò, từ nay ta sẽ bắt hắn chỉ vui thú với những cái vò mà không bao giờ còn được động vào các cô gái nữa.

Sau khi xử xong việc này Kaptah tỏ ra ngán ngẩm với việc xử án, ông vươn người trên ghế và nói:

- Hôm nay ta đã ăn uống no say và việc xử án khiến đầu ta mệt mỏi, ta nghĩ việc của ta hôm nay đã đủ. Vậy nên các quan tòa sẽ tiếp tục công việc của ta, nếu vẫn còn người khiếu kiện, vì những vụ việc khiếu kiện mới đây khiến ta nhớ ra rằng là một quốc vương, ta cũng là ông chủ của hậu cung, nơi ta biết có bốn trăm cung nữ đang đợi ta. Do đó bây giờ ta phải đi kiểm tra và sẽ không có gì ngạc nhiên nếu trên đường đi một vài vò bị vỡ, vì rượu và vương quyền đã tăng thêm cho ta sức mạnh ghê gớm khiến ta cảm thấy mình mạnh mẽ như một con sư tử.

Nghe thế, dân chúng hét ầm lên tưởng như không bao giờ dứt, họ đưa ông ấy trở lại cung điện rồi ở lại đợi ông trước cửa hậu cung và trong sân trước. Nhưng Burraburiash không còn cười nữa mà lo lắng xoa tay vào nhau và đưa bàn chân cọ cọ vào đùi. Khi nhìn thấy tôi, ngài đến gần và vội vàng nói:

- Sinuhe, ngươi là bạn của ta và là một danh y, ngươi có thể đến hậu cung. Hãy đi theo lão ta và để ý, đừng để lão làm điều gì phải hối tiếc sau này, bởi vì ta nhất định sẽ cho lột da lão khi lão còn sống và treo da lên tường cho khô nếu lão đụng vào cung nữ của ta, còn nếu lão cư xử tốt, ta hứa sẽ để cho lão chết một cách dễ dàng.

Tôi hỏi lại:

- Thưa Burraburiash, tôi là bạn của ngài và muốn điều tốt cho ngài, nhưng hãy cho tôi biết những điều đang xảy ra nghĩa là gì, bởi vì gan tôi nhức nhối khi thấy ngài trong vị thế của kẻ hầu và bị tất cả mọi người nhạo báng.

Đức vua nhanh nhảu nói:

- Ai cũng biết hôm nay là ngày vua hờ, nhưng hãy mau đi theo lão ta kẻo xảy ra chuyện bây giờ.

Nhưng tôi đã không làm theo lời đức vua mặc dù ngài kéo cánh tay tôi, mà chỉ nói:

- Tôi không biết phong tục của đất nước ngài, vì vậy ngài cần phải

giải thích tất cả những điều này nghĩa là gì.

Lúc đó đức vua giải thích:

- Mỗi năm vào ngày vua hờ, người ta chọn một người đàn ông ngu ngốc và điên rồ nhất ở Babylon, cho làm vua và cai trị một ngày từ sáng đến tối với tất cả quyền lực của nhà vua và ngay cả nhà vua cũng phải hầu hạ hắn ta. Ta chưa bao giờ thấy một vị vua điên rồ như Kaptah, người mà ta đã đích thân chọn vì sự điên rồ kinh khủng của lão. Lão không biết chuyện gì sẽ xảy ra với mình và đó chính là điều điên rồ nhất.

- Vậy chuyện gì sẽ xảy ra với ông ta? - Tôi hỏi.

- Khi mặt trời lặn, lão ta sẽ bị giết, bất ngờ như khi được lên ngôi vào buổi sáng, - Burraburiash giải thích. - Ta có thể cho giết vua hờ thật tàn nhẫn nếu ta muốn, nhưng thường thì hắn được cho uống rượu đã pha với độc tố nhẹ khiến hắn chỉ ngủ thiếp đi mà không hay biết mình sẽ chết, bởi vì người được làm vua vào ngày vua hờ không thích hợp để sống. Nhưng trước kia từng xảy ra sự cố, một vị vua thật đã chết vào ngày vua hờ vì đã đổ canh nóng vào khí quản của mình trong cơn say, còn vua hờ tiếp tục nắm quyền và trị vì Babylon trong ba mươi sáu năm mà không ai dám kêu ca phàn nàn về sự cai trị của ông ta. Vì thế hôm nay ta sẽ cẩn trọng để không vô tình uống phải nước canh nóng. Nhưng ngươi đi nhanh đi, đừng để người hầu của ngươi làm điều ngu ngốc kẻo đêm nay không kịp hối.

Tuy nhiên, tôi đã không cần phải làm gì vì Kaptah đã chạy ra từ hậu cung của nhà vua, vô cùng tức giận, hai bàn tay che con mắt còn lại và máu mũi chảy ròng ròng. Ông ấy vừa gào khóc vừa nói:

- Các ngài hãy nhìn những gì họ đã làm với tôi, họ dành cho tôi mấy mụ già và mấy bà da đen béo ú, nhưng khi tôi muốn nếm một con dê non, nó biến thành một con hổ, đập tới tấp vào con mắt duy nhất còn nhìn được của tôi và dùng dép lê đánh vào mũi tôi.

Burraburiash cười ngặt nghẽo đến nỗi phải giơ hai tay níu lấy cánh tay tôi kẻo ngã. Nhưng Kaptah vẫn vừa rên rỉ vừa kêu ca:

- Tôi không dám mở cánh cửa của ngôi nhà đó nữa, vì con bé ấy gào thét ở đó như một con thú hoang và tôi không biết phải làm gì. Nhưng ông, Sinuhe, ông hãy đến đấy và mổ sọ nó bằng tất cả kỹ năng của ông, để giải thoát linh hồn nó khỏi quỷ dữ. Chắc nó đã bị một linh hồn xấu xa chế ngự nên mới không có can đảm ôm ấp vua của mình và lại còn dùng dép đánh vào mũi vua, khiến

máu tôi chảy như con bò bị chọc tiết.

Burraburiash ẩn tôi và nói:

- Đi đi, Sinuhe, xem điều gì đã xảy ra vì ngươi đã biết ngôi nhà ấy và vì hôm nay ta không thể vào đó, rồi quay lại kể ta hay chuyện gì đã xảy ra. Ta nghĩ ta biết đó là ai, vì hôm qua người ta đưa đến một cô gái từ hải đảo và ta đang mong được ân ái với nàng, mặc dù trước tiên nàng phải được uống nước anh túc cho mê man đi.

Đức vua giục mãi, buộc tôi phải đi vào hậu cung đang náo động và rối loạn của ngài; hoạn quan không ngăn cản tôi vì biết tôi là danh y. Những mụ già, ăn mặc diêm dúa, trang điểm và tô vẽ khuôn mặt nhăn nheo chỉ vì ngày hôm nay, vây quanh tôi và hỏi tôi cùng một lúc:

- Ngài đã trốn đi đâu, người yêu của chúng tôi, trái tim yêu dấu của chúng tôi, con dê nhỏ của chúng tôi, người chúng tôi chờ đợi từ sáng đến giờ?

Một bà da đen to lớn, cặp vú đen như hai chiếc chảo úp trên bụng, đã cởi đồ, sẵn sàng là người đầu tiên đón Kaptah, kêu van trách móc:

- Hãy cho tôi người yêu dấu của mình để tôi ôm chặt ngài vào ngực!

Nhưng các hoạn quan lo lắng nói:

- Đừng chú ý đến những mụ này. Việc của họ là tiêu khiển vua hờ và trong khi chờ đợi ông ta, tất cả bọn họ đã uống rất nhiều rượu. Kỳ thực là chúng tôi cần một thầy thuốc vì cô gái được đưa đến đây hôm qua đã bị điên rồi, cô ta khỏe hơn chúng tôi và đá chúng tôi đau điếng, mà chúng tôi không biết điều gì sẽ xảy ra vì chẳng biết từ đâu cô ta lại có dao cầm tay và gào thét như thú dữ.

Họ dẫn tôi đến sân hậu cung đang sáng rực dưới ánh mặt trời với đủ màu sắc rực rỡ của gạch thủy tinh. Giữa sân có một hồ nước hình tròn và giữa hồ là những con vật thủy sinh miệng đang phun nước. Cô gái điên trèo lên chúng. Các hoạn quan đã làm rách xiêm áo cô khi cố gắng giữ cô lại. Người cô ướt đẫm vì đã bơi dưới hồ và bị nước phun từ tứ phía. Một tay cô nắm chặt mõm con lợn biển đang phun nước để khỏi ngã, còn tay kia cầm một con dao sáng loáng. Nước tung bọt rào rào, các hoạn quan đang gào thét và la hét xung quanh tôi nên tôi không thể nghe được cô gái nói gì. Cô ta hẳn là một cô gái xinh đẹp mặc dù xiêm áo cô bị rách và tóc ướt

sũng. Tôi thấy lúng túng, rồi giận dữ nói với đám hoạn quan:

- Các người xéo đi để ta nói chuyện với cô ta và khuyên nhủ cô ta. Tắt nước đi để ta nghe được lời cô ta vì hễ thấy các ngươi là cô ta liên tục gào thét.

Họ hốt hoảng nói:

- Đừng đến gần cô ta vì con dao rất sắc, chúng tôi đã phải nhận mấy nhát rồi.

Nói vậy nhưng họ cũng đã tắt nước để các quái thú không phun nước nữa, những cột nước hạ xuống xung quanh cô gái và cô ta hiện ra, khiến tôi nhìn thấy cả người cô. Đó là một cô gái xinh đẹp đang độ dậy thì, mặc dù lúc đó tôi không hề nghĩ về điều đó. Nhưng khi nước ngừng chảy, tôi nghe thấy cô ấy không hét nữa mà hát, dù tôi không hiểu lời, vì cô ta hát bằng thứ tiếng tôi không biết. Cô ta hát, đầu ngẩng cao, đôi mắt màu xanh lục như mắt mèo và gò má đỏ ửng vì bị kích động, khiến tôi bực bội hét lên:

- Hãy thôi rú rít ngay con mèo cái kia, mau vứt dao và lại đây để chúng ta có thể nói chuyện và tôi sẽ chữa cho cô, bởi cô chắc chắn bị điên rồi.

Cô ta ngừng hát và trả lời tôi bằng tiếng Babylon không thành thục, thậm chí còn tệ hơn cả tôi:

- Nhảy xuống ao đi, khỉ đầu chó, và bơi đến đây để con dao này có thể lấy máu ra khỏi gan ngươi vì ta đang quá tức giận!

Tôi hét lên:

- Ta không hại cô đâu!

Cô ta hét lại:

- Đó là điều mà nhiều gã đàn ông đã nói với tôi khi muốn hại tôi, chỉ vì tôi không thể ôm ấp đàn ông cả khi tôi muốn. Tôi đã được tấn phong để chỉ nhảy múa cho thần linh. Bởi thế mà tôi có con dao này và thà cho nó uống máu của mình còn hơn để đàn ông động vào tôi, nhất là con quỷ một mắt trông giống một bao tải da căng phồng hơn là một gã đàn ông kia, kẻ đã cố sờ mó tôi.

- Có phải cô đã đánh nhà vua? - Tôi hỏi.

Cô ta đáp:

- Tôi đã đấm vào mắt ông ta và lấy dép đập vào mũi ông ta khiến máu chảy và tôi rất hả hê với hành động của mình, dù ông ta là vua hay không, bởi cả nhà vua cũng không được chạm vào tôi nếu tôi không muốn. Thần của tôi cấm tôi đụng vào bất cứ ai vì tôi được nuôi lớn để làm vũ nữ của thần.

- Thì cứ múa đi nếu muốn, cô điên kia, - tôi nói. - Việc đó không liên quan gì đến tôi, nhưng cô phải bỏ con dao ra vì khi cầm nó cô có thể làm hại chính mình và điều đó thật tồi tệ, bởi các hoạn quan nói rằng họ đã thay nhà vua trả cả xâu vàng ở chợ nô lệ để mua cô.

Cô ta nói:

- Tôi không phải là nô lệ mà bị người ta dùng mưu mô xảo quyệt cướp về đây, như ông có thể nhìn thấy điều đó ở tôi nếu ông có mắt. Nhưng ông có thể nói thứ ngôn ngữ khả kính nào mà những người ở đây không hiểu được không, vì tôi thấy các hoạn quan đang ghé tai qua những cây cột đá để cố nghe chúng ta?

- Tôi là người Ai Cập, - tôi nói bằng tiếng cha đẻ của mình, - tôi tên là Sinuhe, Người Cô Đơn, Con Trai Lừa hoang. Tôi là thầy thuốc, nên cô không phải sợ tôi.

Nghe thế, cô ta nhảy xuống nước và bơi lõm bõm đến chỗ tôi làm nước bắn tung tóe; tay vẫn cầm dao, cô nằm rạp xuống trước mặt tôi và nói:

- Tôi biết đàn ông Ai Cập yếu đuối và không làm gì xấu xa với phụ nữ trừ khi cô ấy muốn. Vì thế, tôi tin ông và mong ông lượng thứ cho tôi nếu tôi không bỏ dao xuống, bởi hôm nay có vẻ như tôi sẽ phải cắt động mạch mình, để chúng không làm nhục thần của tôi qua thân thể tôi. Nhưng nếu ông sợ thần linh và muốn điều tốt cho tôi, hãy cứu tôi và đưa tôi ra khỏi xứ sở này, mặc dù tôi không thể đền đáp một cách xứng đáng cho nghĩa cử ấy của ông, bởi vì tôi thực sự không thể chạm vào đàn ông.

- Tôi không hề có chút ham muốn nào để động vào cô, - tôi nói. - Cô có thể yên tâm về điều đó. Nhưng sự điên rồ của cô quả thực quá lớn, vì cô đã cố rời khỏi hậu cung của vua mặc dù ở đây cô có thể ăn thức ăn ngon và uống rượu, được mặc xiêm áo đẹp, đồ trang sức và có được bất cứ điều gì cô muốn.

- Đàn ông chỉ nói về việc ăn uống, đồ trang sức và xiêm áo bởi họ không biết gì khác tốt hơn, - cô ta nói, đôi mắt màu xanh lá cây nhìn tôi nghiêm nghị. - Nhưng đàn bà có thể mong muốn điều

khác nữa mà đàn ông không hiểu, cũng như tôi hoàn toàn không hiểu được lời ông khi ông nói không muốn chạm vào người tôi, vì điều đó làm tôi tổn thương ghê gớm. Vì tôi đã quá quen với việc tất cả đàn ông đều muốn sờ mó tôi; tôi nhìn thấy điều đó trên nét mặt họ và nghe thấy mong muốn ấy trong hơi thở của họ khi tôi múa. Tôi nhận thấy điều đó rõ nhất khi lũ đàn ông háo hức nhìn tôi trần truồng ở chợ nô lệ và trao tôi cho hoạn quan để kiểm tra xem tôi có phải là một trinh nữ hay không. Nhưng chúng ta có thể nói về chuyện này sau nếu ông muốn, vì trước tiên ông phải đưa tôi ra khỏi đây và giúp tôi trốn khỏi Babylon.

Cô ta trơ trẽn quá đến mức tôi không thể nói gì thêm mà cuối cùng đành gắt lên với cô ta:

- Tôi không có ý định giúp cô trốn, vì như thế sẽ phạm tội với nhà vua, bạn của tôi và là người đã trả cả xâu vàng để mua cô. Tôi cũng có thể nói với cô rằng cái bao tải da căng phồng chính là vua hờ, chỉ trị vì ngày hôm nay, còn ngày mai đức vua thật sẽ đến với cô. Đức vua vẫn là một chàng trai trẻ chưa có râu, thân hình rất đỗi hào hoa và ngài đang mong đợi được vui vẻ với cô, nhưng trước tiên ngài sẽ bắt cô quy phục. Mà tôi thì không tin thần của cô có thể lan tỏa được sức mạnh đến đây, nên cô có mất gì đâu nếu chịu khuất phục điều tất yếu, vì vậy tốt nhất đừng ngu ngốc nữa mà hãy buông dao, mặc xiêm áo vào và trang điểm cho đẹp rồi chờ ngài, bởi cô trông thật tệ với mái tóc ướt và son môi lấm lem đến tận tai thế kia.

Điều này tác động đến cô ta, vì cô đưa tay vuốt tóc và thấm nước bọt vào đầu ngón tay rồi đưa lên chùi lông mày và môi. Rồi cô ta mỉm cười với tôi, khuôn mặt trông nhỏ nhắn và thật đáng yêu khi cô ta nhìn tôi và bẽn lẽn nói:

- Tên em là Minea, ông có thể gọi tên em khi ông đưa em đi và chúng ta hãy cùng nhau trốn khỏi xứ sở ma quỷ này.

Tôi giơ tay kinh hoàng trước sự trơ trẽn của cô ta và định bỏ đi lập tức, nhưng nét mặt cô làm tôi khó xử nên tôi quay lại nói:

- Minea, tôi sẽ nói chuyện với nhà vua về việc của cô, chứ tôi không thể làm gì hơn. Trong khi đó, cô phải ăn vận vào và bình tĩnh lại, còn nếu cô muốn, tôi sẽ cho cô một loại thuốc giúp cô trấn tĩnh lại và không quá để tâm đến những gì đang xảy ra với mình.

- Hãy thử làm điều ông dám làm, - cô ta nói. - Nhưng vì ông đã coi

việc của em là của mình nên em đưa cho ông con dao này, thứ đã bảo vệ em cho đến lúc này, bởi vì em biết rằng khi em đưa dao cho ông, ông sẽ bảo vệ em và không bao giờ phản bội em, mà sẽ đưa em ra khỏi đất nước này và chạy trốn cùng em.

Rồi cô mỉm cười với tôi và đặt con dao vào tay tôi, cho dù tôi hét lên:

- Tôi không cần con dao của cô, cô gái điên rồ!

Cô ta không chịu cầm lại con dao, mặc dù tôi đã cố ấn nó vào tay cô, mà chỉ cười và nhìn tôi qua mái tóc ướt nước của mình, cho đến khi tôi bỏ đi với con dao trên tay và rất bối rối. Bởi tôi thấy cô ta khôn hơn tôi, vì khi đưa con dao cho tôi, cô ta đã trói buộc số phận của mình với định mệnh của tôi và như thế, tôi không thể tránh xa cô ta nữa.

Burraburiash rất tò mò khi thấy tôi từ hậu cung quay lại và hỏi tôi chuyện gì đã xảy ra.

- Các hoạn quan của ngài đã làm một thương vụ tồi, - tôi nói với đức vua, - vì Minea, cô gái mà họ đã mua cho ngài, đang phát điên và không muốn chạm vào đàn ông vì thần của cô ta cấm làm điều đó. Vì vậy, tốt nhất ngài nên để cô gái một mình cho đến khi cô ấy nghĩ lại.

Nhưng Burraburiash vui vẻ cười và nói:

- Chắc chắn ta sẽ rất thỏa mãn với cô ta, vì ta biết những cô gái như vậy và cách tốt nhất bắt họ quy phục là lấy gậy nện cho một trận. Ta vẫn còn trẻ và râu ta vẫn chưa mọc, vì thế ta thường cảm thấy mệt mỏi khi ân ái với phụ nữ, ta thấy vui thích hơn khi nhìn họ và nghe tiếng la hét của họ khi bị ăn roi của đám hoạn quan. Do vậy cô gái cứng đầu này sẽ làm ta đặc biệt thích thú, vì ta đã có cớ để sai hoạn quan đánh cô ta cho ta nhìn; và ta thề rằng đêm hôm sau, da cô ta sẽ sưng vù lên khiến cô ta không thể nằm ngửa được và như thế ta sẽ càng sung sướng hơn.

Đức vua rời chỗ tôi, vừa xoa hai tay vào nhau vừa cười rinh rích như một đứa con gái. Nhìn vua bước đi, tôi biết ngài không còn là bạn của tôi nữa và tôi không còn muốn điều tốt lành cho ngài; con dao của Minea vẫn còn trong tay tôi.

Sau việc này tôi không thể cười vui như trước được nữa, mặc dù sân trước cung điện đầy kín người và mọi người uống rượu bia và cuồng nhiệt cổ vũ những trò hề mà Kaptah không ngớt nghĩ ra; chắc ông ta đã quên những xấu hổ, khó chịu trong hậu cung, con mắt bị đánh thâm tím được đắp những lát thịt tươi nên không còn đau mặc dù vẫn còn thâm và loang lổ màu. Nhưng điều gì khiến tôi bận tâm, tôi không thể nói vì tôi không biết.

Tôi nghĩ mình vẫn còn nhiều điều cần học ở Babylon, việc học đọc gan cừu vẫn còn dang dở và tôi cũng chưa biết đổ dầu vào nước theo cách các giáo sĩ làm. Burraburiash cũng còn nợ tôi rất nhiều vì được tôi chữa lành bệnh và vì tình bạn với tôi. Tôi biết đức vua sẽ tặng tôi những món quà quý khi tôi ra đi nếu tôi vẫn là bạn của ngài. Nhưng càng nghĩ, khuôn mặt của Minea càng làm tôi bận tâm, nỗi lo nghĩ cũng lớn hệt như sự càn rỡ của cô ta đối với tôi và tôi cũng nghĩ về Kaptah, người phải chết đêm nay vì sở thích quái đản của nhà vua khi bắt ông ta làm vua giả mà không hỏi qua tôi, dù Kaptah là gia nhân của tôi.

Điều đó khiến tim tôi nhói đau và tôi nghĩ Burraburiash đã xúc phạm tôi, vì vậy nếu tôi cư xử với ngài theo cách tương tự thì cũng hợp lý thôi, mặc dù trong thâm tâm tôi, mới chỉ nghĩ như thế tôi đã thấy mình phá vỡ tất cả chuẩn mực về tình bạn. Nhưng tôi là người lạ, tôi đơn độc và những tập tục dù tốt đẹp cũng không trói buộc được tôi. Vì vậy khi trời sắp tối, tôi đi ra bờ sông, thuê một chiếc thuyền với mười tay chèo và nói với những người chèo thuyền:

- Tôi biết hôm nay là ngày vua hờ và các anh chỉ thích say sưa chè chén, không thiết đi chèo. Nhưng tôi trả cho các anh gấp đôi giá bình thường, vì ông chú giàu có của tôi vừa qua đời nên tôi phải đưa thi thể ông về với tổ tiên và phải làm nhanh trước khi các con ông và các anh em tôi bắt đầu cãi nhau về quyền thừa kế mà không để lại gì cho tôi. Vì vậy tôi sẽ trả công các anh hậu hĩnh nếu chúng ta đến đó nhanh hơn, mặc dù quãng đường khá dài. Tổ tiên chúng tôi đã được quy tập ở nhà cũ của chúng tôi gần biên giới Mitanni.

Những người chèo thuyền càu nhàu nhưng tôi đã mua cho họ hai vò bia và nói họ có thể uống cho đến khi mặt trời lặn, miễn là họ sẵn sàng đi khi tối đến. Nghe thế, họ kiên quyết từ chối:

- Chúng tôi không chèo thuyền ban đêm, vì đêm tối đầy rẫy các loại quỷ dữ lớn, nhỏ và những linh hồn ác độc phát ra những tiếng

rất đáng sợ, có thể lật đổ thuyền của chúng tôi hoặc giết chết chúng tôi.

Nhưng tôi nói với họ:

- Tôi sẽ đến đền thờ dâng cúng để không có điều gì xấu xảy ra với chúng ta trên đường đi và âm thanh lảnh lót của những đồng bạc mà tôi sẽ trả cho các anh khi chúng ta đến nơi chắc chắn đủ để tai các anh không nghe thấy tiếng gào thét của ma quỷ.

Tôi cũng đến Tháp và hiến tế một con cừu ở sân trước. Trong đền chỉ có lác đác mấy người, vì tất cả cư dân của thành phố đã tập trung quanh cung điện để chúc mừng vua hờ. Tôi đã kiểm tra gan cừu, nhưng suy nghĩ của tôi rối bời đến nỗi gan không kể ra điều gì đáng nói với tôi. Tôi chỉ nhận thấy nó đen hơn bình thường và có mùi khó chịu, khiến những ý nghĩ tồi tệ tràn ngập tâm trí tôi. Tôi cho tiết cừu chảy hết vào chiếc túi da rồi cặp dưới nách mang đến cung điện. Khi tôi bước vào hậu cung của nhà vua, một con chim én bay qua đầu tôi làm tim tôi ấm áp và cơ thể tôi mạnh mẽ hơn, vì đó là loài chim của đất nước tôi và tôi nghĩ nó báo điềm lành cho tôi.

Trong hậu cung của nhà vua, tôi nói với các hoạn quan:

- Hãy để tôi ở lại một mình với cô gái điên rồ này để tôi có thể xua đuổi tà ma ra khỏi cô ta.

Họ nghe lời tôi và đưa tôi đến một căn phòng nhỏ, ở đó tôi giải thích cho Minea cần phải làm gì, để lại cho cô ấy con dao và cả túi da đầy máu. Cô hứa sẽ làm theo lời khuyên của tôi và tôi để cô ở đó, đóng cửa lại. Tôi dặn các hoạn quan không ai được quấy rầy cô vì tôi đã cho cô một loại thuốc để xua đuổi tà ma ra khỏi người và ác quỷ đó có thể vô tình nhập vào người đầu tiên mở cửa mà không được lệnh của tôi. Họ tin tôi ngay nên không cần phải nhiều lời.

Mặt trời bắt đầu lặn và ánh sáng đỏ như máu trong tất cả các phòng của cung điện. Kaptah lại tiếp tục ăn và uống, còn Burraburiash phục vụ ông ta, lúc thì cười to, lúc lại rinh rích như con gái. Dọc hành lang dài, những người đàn ông say xỉn, quý phái lẫn bình dân, nằm ngủ trong vũng rượu. Tôi nói với Burraburiash:

- Tôi muốn Kaptah được chết không đau đớn, vì ông ta là gia nhân của tôi và tôi chịu trách nhiệm về ông ta, như các ông chủ có trách nhiệm với đầy tớ của họ.

Burraburiash nói:

- Vậy thì nhanh lên, vì lão già đang pha thuốc độc vào rượu và đầy tớ của ngươi sẽ chết khi ngày hết theo phong tục.

Tôi tìm thấy viên ngự y già và ông ta tin tôi ngay khi tôi nói rằng nhà vua sai tôi đến, ông hát lẩm nhẩm một mình và nói:

- Ông trộn thuốc độc thì tốt hơn, vì tay tôi đang run vì rượu và mắt tôi nhòe nước nên tôi không thể nhìn thấy gì. Hôm nay tôi đã cười suốt ngày với những trò hề của ông ta.

Tôi đổ rượu pha thuốc của ông ta đi và nhỏ nhựa anh túc vào rượu, dĩ nhiên thận trọng để nó không giết chết Kaptah. Tôi đưa cốc rượu cho Kaptah và nói:

- Kaptah, có thể chúng ta sẽ không bao giờ gặp lại nhau vì sự ngạo mạn chứa đặc đầu ngươi đến mức ngày mai chắc ngươi không còn quen biết ta nữa. Vì vậy, hãy uống cốc rượu ta mời này để khi trở về Ai Cập, ta có thể nói ta là bạn của vua bốn phương đất. Sau khi uống nó, ngươi sẽ biết ta luôn luôn muốn điều tốt đến với ngươi dù bất cứ chuyện gì xảy ra với ngươi, và luôn nhớ về bọ hung của chúng ta.

Kaptah nói:

- Lời nói của gã Ai Cập này sẽ giống tiếng ruồi vo ve trong tai ta, nếu như tai ta không đầy ắp tiếng rì rào của rượu đến nỗi không nghe thấy gã nói gì. Tuy nhiên, ta chưa bao giờ hất cốc đi, như mọi người đều biết, và hôm nay ta đã cố gắng hết mình để chứng minh cho tất cả thần dân của ta, những người ta rất yêu mến. Vì thế ta uống cốc rượu ngươi mời, mặc dù ta biết rõ rằng ngày mai những con lừa hoang sẽ đá vào cái đầu tội nghiệp của ta.

Ông ấy uống cạn cốc, cùng lúc đó mặt trời lặn. Đuốc được mang vào và đèn được thắp lên, tất cả đứng dậy và im lặng khiến cung điện im phăng phắc. Kaptah cởi vương miện vua Babylon trên đầu ra và nói:

- Vương miện quái quỷ này đè nặng đầu ta và ta ngán nó quá rồi. Hai chân ta cũng bị tê và mí mắt ta nặng như chì, vì vậy có lẽ tốt nhất là ta đi ngủ.

Rồi ông kéo một tấm khăn trải bàn dày quấn lên người và nằm xuống sàn để ngủ, kéo theo những chiếc vò và cốc đổ đè lên người ông, khiến ông ngập trong rượu đến cổ, đúng như đã hứa vào buổi

sáng. Nhưng những người hầu của Burraburiash đã cởi ngay quần áo Kaptah đang mặc, khoác bộ quần áo ướt rượu đó lên người nhà vua và đội vương miện lên đầu vua, đưa cho đức vua quyền trượng của mình rồi để vua ngồi lên ngai vàng.

- Hôm nay là một ngày mệt mỏi, - Burraburiash nói, - nhưng dĩ nhiên, ta đã để ý một số các ngươi đã không tỏ rõ sự tôn trọng cần thiết đối với ta trong khi nhậu nhẹt, chắc muốn ta nghẹt thở vì súp nóng. Vì thế hãy tống cổ những kẻ ngủ trên sàn ra ngoài, dọn dẹp phòng, đuổi dân chúng ra khỏi sân và tống kẻ ngạo mạn mà ta đã chán ngấy kia vào chum vĩnh viễn, nếu hắn ta đã chết.

Kaptah bị lật ngửa ra và quan ngự y, với những ngón tay run rẩy và mắt nhòe vì rượu, kiểm tra ông ấy và khẳng định:

- Đúng là người đàn ông này đã chết như một con bọ.

Sau đó những người hầu khiêng vào một chum sành to mà người Babylon dùng để bỏ xác chết, họ bỏ ông vào đó rồi trát miệng chum lại bằng đất sét. Nhà vua sai mang ông xuống hầm mộ dưới cung điện nơi chứa các vua hờ khác theo phong tục, nhưng khi đó tôi nói:

- Người đàn ông này là người Ai Cập và đã cắt bao quy đầu như tôi. Vì thế, tôi phải ướp xác ông ta theo tập quán của người Ai Cập và mang theo tất cả những gì cần thiết đến xứ miền tây cho ông ta, để ông ta được ăn uống, vui chơi mà không phải làm gì sau khi chết. Tất cả những việc này mất ba mươi ngày hoặc bảy mươi ngày, tùy thuộc vào địa vị người chết khi còn sống, nhưng với lão Kaptah này thì tôi nghĩ cần ba mươi ngày vì ông ta chỉ là người hầu của tôi. Sau đó tôi sẽ đưa xác ông ta trở lại và chôn cạnh các vị vua hờ trước ông ta trong hầm mộ dưới cung điện của ngài.

Burraburiash tò mò lắng nghe rồi nói:

- Được, nếu ngươi muốn, song ta nghĩ sự quan tâm của ngươi sẽ vô ích, vì người chết sẽ vĩnh viễn nằm xuống và linh hồn của họ lang thang khắp nơi không tìm được bình yên và ăn rác rưởi từ đường phố, trừ khi thi thể họ được người thân cho vào chum giữ trong nhà thì linh hồn có thể được hưởng các đồ ăn của gia đình. Chuyện đó xảy ra với tất cả mọi người trừ ta, vì ta là vua và các vị thần sẽ cho ta đi cùng họ sau khi ta chết, nên ta không cần phải rối rít lo cháo hay bia sau cái chết như người khác. Nhưng hãy làm những gì ngươi muốn cho y, vì đó là phong tục của đất nước ngươi và ta không muốn tranh luận về việc đó, song ta cũng cầu nguyện

những vị thần mà ta không biết tha thứ cho những tội lỗi mà ta phạm phải dù ta không nghĩ mình đã làm, nhưng cẩn tắc vô ưu.

Tôi bảo những người hầu khiêng chum sành đựng thi thể Kaptah ra và để lên chiếc kiệu đang chờ sẵn bên tường thành cung điện. Trước khi rời đi, tôi nói với nhà vua:

- Trong ba mươi ngày tới ngài sẽ không gặp tôi, bởi vì trong khoảng thời gian ướp xác, tôi không thể hiện diện trước người khác để tránh làm họ nhiễm hồn ma quỷ lởn vởn quanh xác chết.

Burraburiash cười và nói:

- Được, ta sẽ làm như ngươi nói và nếu ngươi đến, ta sẽ sai đuổi ngươi đi, kẻo ngươi mang linh hồn ma quỷ vào cung điện của ta.

Nhưng khi ở trong kiệu, tôi xoi đất sét vẫn còn mềm, trát trên chum sành cho Kaptah có không khí để thở. Sau đó tôi bí mật trở lại hoàng cung và đến hậu cung, nơi các hoạn quan vui mừng khi thấy tôi vì họ sợ nhà vua sẽ đến bất cứ giây phút nào.

Nhưng khi vừa mở cửa căn phòng mà tôi đã nhốt Minea, tôi lập tức xoay người lại, dứt tóc và hét lên thảm thiết:

- Hãy đến ngay, xem điều gì đã xảy ra, vì cô ta đã tắt thở trong vũng máu, con dao dính máu ở bên cạnh trên sàn và cả đến tóc của cô ta cũng đầy máu.

Các hoạn quan chạy đến, vô cùng kinh hãi khi nhìn thấy máu - bởi các hoạn quan sợ máu - và không dám chạm vào người cô. Rồi họ bắt đầu khóc và than vãn, sợ nhà vua nổi giận. Nhưng tôi nói với họ:

- Các ông và tôi, chúng ta cùng bị coi là tội phạm. Vì vậy, hãy mau mang đến một tấm thảm để tôi có thể quấn thi thể và rửa sạch máu trên sàn, để không ai biết chuyện gì đã xảy ra. Vì nhà vua mong đợi được tận hưởng niềm hoan lạc với cô gái này mặc dù chưa nhìn thấy cô ta, cơn thịnh nộ của ngài sẽ rất đáng sợ nếu ngài biết rằng vì sự bất lực của chúng ta mà cô gái chết, như thần của cô ấy đòi hỏi. Vậy nên các ông hãy mau chóng tìm một cô gái khác để thay thế cô gái này, tốt nhất là người đến từ một vùng đất xa xôi và không nói ngôn ngữ của các ông. Hãy mặc quần áo và trang điểm cho cô ta vì nhà vua và nếu cô ta chống cự, hãy lấy gậy đánh cô ta để vua nhìn thấy, vì nó sẽ mang lại niềm vui lớn cho nhà vua và ngài sẽ ban thưởng cho các ông rất hậu hĩnh.

Các hoạn quan nhận thấy sự khôn ngoan trong lời khuyên của tôi; sau khi mặc cả xong, tôi đưa cho họ một nửa số bạc mà họ nói sẽ trả cho cô gái mới, mặc dù tôi biết họ sẽ giữ số bạc này của tôi, vì ai cũng biết là họ sẽ mua cô gái mới bằng bạc của vua và còn trộm thêm bằng cách bảo người bán viết lên đĩa đất sét con số lớn hơn số mà họ thực trả. Điều này đã và sẽ luôn luôn là cách làm của các hoạn quan trên khắp thế gian. Nhưng tôi không muốn tranh cãi thiệt hơn với họ. Họ mang cho tôi một tấm thảm để quấn Minea và giúp tôi khiêng cô ta qua các khu sân tối tăm đến chiếc kiệu có Kaptah trong chum sứ.

Với cách này tôi ra đi trong đêm tối như một người tị nạn từ Babylon, mất rất nhiều vàng và bạc nhưng có thể giàu có thêm và học được thêm rất nhiều kiến thức ở đó. Những người khênh kiệu thì thầm với nhau: "Gã này là ai mà bắt chúng ta phải đi trong đêm tối không có đuốc và lại chất cả bình đựng xác và thảm hoàng gia lên kiệu khiến cổ chúng ta cúi xuống như cổ bò dưới ách và những khúc gỗ làm vai chúng ta bị thương. Chắc gan của chúng ta thâm đen vì sợ hãi khi chúng ta phải khiêng xác trong đêm tối và máu rỏ từ thảm xuống cổ chúng ta. Ông ta phải trả rất nhiều cho chúng ta vì việc này".

Khi chúng tôi đến bờ sông, tôi bảo họ khiêng cái chum lên thuyền, còn tôi tự mình vác tấm thảm lên thuyền và giấu nó dưới mui. Tôi nói với những người khênh kiệu:

- Lũ nô lệ và những tên chó kia! Tối nay nếu có ai hỏi, bọn bây phải nói không nhìn thấy hoặc nghe thấy bất cứ điều gì, làm đúng như thế ta trả cho mỗi đứa một miếng bạc.

Họ nhảy lên vì sung sướng và reo lên:

- Chắc chắn chúng tôi đang phục vụ một quý ông tôn kính. Tai chúng tôi sẽ điếc, mắt chúng tôi sẽ mù và chúng tôi không nhìn thấy hay nghe thấy gì tối nay.

Tôi để họ đi như vậy, mặc dù tôi biết họ sẽ uống say như thói quen của những người khênh kiệu và khi say xỉn họ sẽ lè nhè phun hết ra những điều họ thấy. Nhưng tôi không thể làm gì được vì họ có tám người và là những người đàn ông to khỏe nên tôi không thể giết tất cả và ném xuống sông cho dù tôi muốn.

Khi họ đi khỏi, tôi đánh thức những người chèo thuyền và khi trăng lên họ đẩy thuyền xuống sông rồi chèo đưa tôi rời khỏi thành phố, trong khi vừa ngáp vừa lầm bầm cho số phận của

mình, vì đầu họ đang đau nhức khi vừa uống đầy bia. Thế là tôi chạy trốn khỏi Babylon, nhưng tại sao tôi làm thế, tôi không thể nói bởi vì tôi không biết vì sao, mà có lẽ việc này đã được viết lên các ngôi sao trước khi tôi được sinh ra và tôi không thể ngăn được nó.

Sách thứ bảy
Minea

1

Khi ra khỏi thành phố, chúng tôi không bị lính gác gọi lại vì ban đêm sông không bị chặn, tôi trườn xuống thuyền và chui vào trong khoang để cho cái đầu mệt mỏi của mình được nghỉ ngơi, vì lính của nhà vua đã đánh thức tôi trước lúc bình minh như tôi đã nói và ban ngày đầy rẫy chuyện rắc rối, khủng khiếp mà tôi chưa bao giờ trải nghiệm trước đây. Nhưng tôi vẫn chưa được yên vì Minea đã lăn ra khỏi thảm, lấy tay vốc nước dưới sông lên để gột máu trên người, ánh trăng sáng lấp lánh trong những giọt nước chảy ra từ tay cô. Cô ta nhìn tôi, không cười mà nói với vẻ trách móc:

- Theo lời khuyên của ông, tôi đã vấy bẩn mình và người đầy mùi máu. Có lẽ tôi sẽ không bao giờ sạch được nữa, tất cả là lỗi của ông. Thêm nữa, khi ôm thảm quấn tôi lên, ông đã ghì chặt tôi vào ngực mình quá mức cần thiết khiến tôi rất khó thở.

Nhưng tôi đã chán ngấy với những gì cô ta nói và rất mệt, vì vậy tôi ngáp và nói:

- Hãy im mồm đi, cô gái đáng nguyền rủa kia, chỉ nghĩ cô đã buộc tôi làm bao việc, tim tôi đã nhói đau và tôi sẵn lòng ném cô xuống sông để nước sông rửa sạch cô như có vẻ cô đang muốn. Nếu không có cô, tôi đã ngồi ở Babylon bên phải nhà vua và các giáo sĩ của Tháp sẽ dạy tôi tất cả sự thông thái của họ mà không giấu giếm bất cứ điều gì, để tôi có thể thành người thông thái nhất trong tất cả các danh y trên trái đất. Tôi cũng đã tiêu tốn hết những món quà mình nhận được khi chữa bệnh để giải cứu cô, vàng của tôi giờ còn rất ít và tôi không dám dùng các bảng đất sét

để có thể lấy vàng từ quỹ của các ngôi đền nữa. Tất cả điều này là chỉ vì cô, vậy nên tôi nguyền rủa cái ngày tôi nhìn thấy cô và hằng năm tôi sẽ mặc bao tải, mang hũ tro khi nhớ đến ngày này.

Cô ta khỏa tay trong dòng nước dưới ánh trăng, nước xé rẽ ra tránh đường cho bàn tay cô trông như bạc tan chảy và cô ta nói nhỏ mà không nhìn tôi:

- Nếu vậy, tốt nhất là tôi nhảy xuống sông như ông muốn. Như thế ông sẽ thoát được tôi.

Rồi cô ta đứng lên, định nhảy xuống sông nhưng tôi kịp giữ chặt cô và nói:

- Đừng có ngốc thế vì nếu cô nhảy xuống sông, tất cả những điều tôi làm cho cô thành công cốc và đó sẽ là tột đỉnh của sự điên rồ. Vì thế, lạy tất cả thần linh hãy cho tôi được yên và Minea, đừng hành hạ tôi với những ý nghĩ ngu ngốc của cô vì tôi đang rất mệt.

Nói xong, tôi chui xuống dưới tấm thảm và kéo nó lên che kín đầu vì ban đêm trời lạnh, mặc dù giờ đã là mùa xuân và bầy vịt đang kêu trong đám sậy. Cô ta chui vào dưới thảm bên cạnh tôi và nói thì thầm:

- Khi không thể làm gì khác cho ông, có lẽ cho em được sưởi ấm ông bằng cơ thể của mình, vì đêm đang lạnh.

Tôi không còn sức để phản đối cô ta nữa mà ngủ thiếp đi và cô ta sưởi ấm tôi bằng cơ thể mình, tôi ngủ rất ngon vì cô ta còn trẻ và cơ thể cô giống như một cái lò nướng hẹp bên sườn tôi.

Sáng sớm khi tôi thức dậy, chúng tôi đã rời xa lên thượng nguồn, nhưng những người chèo thuyền càu nhàu và nói:

- Vai chúng tôi cứng như khúc gỗ và lưng chúng tôi đau nhừ. Ông muốn giết chúng tôi bằng cách bắt chúng tôi chèo ư, chúng tôi có đi dập nhà cháy đâu.

Tôi tỏ ra cứng rắn và nói với họ:

- Kẻ nào ngừng chèo sẽ nếm gậy của ta vì đến trưa chúng ta mới dừng lại nghỉ. Lúc đó, các ngươi sẽ được ăn, được uống và ta sẽ cho mỗi người một ngụm rượu chà là để các ngươi thấy sảng khoái và nhẹ nhõm. Còn nếu các ngươi lải nhải với ta, ta sẽ gọi ma quỷ bóp cổ các ngươi, vì các ngươi phải biết ta là giáo sĩ, là phù thủy và quen rất nhiều ma quỷ thích ăn thịt người.

Tôi dọa thế để họ sợ, nhưng mặt trời đã chiếu sáng rực rỡ nên họ không tin tôi mà nói:

- Ông ta chỉ có một mình, còn chúng ta có mười người!

Và kẻ gần tôi nhất đã thử lấy mái chèo đánh tôi.

Đúng lúc ấy, cái chum sành đựng thi thể ở mũi thuyền bắt đầu lạch cạch và Kaptah vừa đập mạnh phía trong vừa gầm gừ và cao giọng chửi rủa, làm những người chèo thuyền tái người kinh hoảng, người trước kẻ sau nhảy xuống sông và bơi nhanh mất hút theo dòng nước. Thuyền xoay ngang rập rềnh và nghiêng đi, nhưng tôi lái được nó vào bờ và thả neo. Minea vừa từ khoang thuyền bước ra vừa chải tóc và tôi không còn sợ nữa vì trong mắt tôi cô ấy thật đẹp, ánh mặt trời đang tỏa sáng và những con diệc đang kêu chiu chíu trong đám sậy. Tôi đến bên cái chum sành, đập vỡ đất sét và hét to:

- Dậy đi, lão kia, đừng nằm nữa!

Kaptah nhô cái đầu xù xì ra khỏi chum, kinh ngạc nhìn xung quanh và có lẽ tôi chưa bao giờ thấy một người nào kinh ngạc hơn ông ta lúc đó. Ông ta rên rỉ và nói:

- Trò quỷ quái gì thế này? Tôi đang ở đâu đây, vương miện của tôi đâu và quyền trượng của tôi ai giấu đâu rồi, còn tôi thì trần truồng và lạnh cóng thế này? Đầu tôi ong ong và tay chân tôi cứng như chì, cứ như bị rắn độc cắn. Coi chừng, Sinuhe, đừng đùa với tôi, vì với các đức vua thì không được đùa giỡn.

Tôi muốn phạt ông ta vì tội xấc xược hôm trước, vì vậy tôi giả vờ không biết gì và nói:

- Ta không biết ông đang nói về chuyện gì, Kaptah ạ. Có lẽ đầu ông vẫn còn lơ mơ với rượu, bởi vì ông nhớ là khi chúng ta rời Babylon hôm qua ông đã uống quá nhiều, quậy phá trên thuyền này rồi nói lảm nhảm đủ thứ khiến các tay chèo thuyền phải nhốt ông trong chiếc chum này kẻo ông đánh chúng. Ông đã nói về nhà vua, các quan tòa và nhiều điều ngớ ngẩn khác.

Kaptah nhắm mắt lại, suy nghĩ một lúc lâu, rồi nói:

- Ông chủ của tôi ơi, trong cuộc đời này tôi sẽ không bao giờ muốn uống rượu nữa vì rượu và cơn mê đã đưa tôi vào những cuộc phiêu lưu khủng khiếp mà tôi không thể kể được với ông. Tôi chỉ có thể nói là nhờ sự che chở của bọ hung, tôi tưởng mình là vua,

ban phát công lý từ ngai vàng của nhà vua, thậm chí còn đến hậu cung và thoải mái ân ái với một nàng xinh đẹp. Nhiều chuyện nữa xảy ra với tôi nhưng tôi không thể nhớ được vì đầu tôi rất đau, xin ông nhân từ cho tôi liều thuốc mà những kẻ uống rượu chết tiệt ở Babylon dùng vào ngày hôm sau.

Nói đến đó Kaptah nhận ra Minea, vội vã thụt lại vào chum rồi nói như van nài:

- Ông chủ của tôi ơi, có lẽ tôi không khỏe lắm hay vẫn đang mơ, vì tôi nghĩ cô gái ngồi ở đuôi thuyền kia là người tôi gặp trong hậu cung của vua. Bọ hung ơi hãy bảo vệ tôi vì tôi sợ mình hóa điên mất.

Ông ta lấy tay sờ con mắt bị đánh thâm đen và cái mũi sưng rồi bắt đầu rên to hơn. Nhưng Minea đến bên cạnh cái chum, nắm lấy tóc rồi kéo đầu ông ta lên và nói:

- Hãy nhìn ta xem! Có phải ta là cô gái mà nhà ngươi nghĩ đêm qua đã ân ái cùng không?

Kaptah sợ hãi nhìn cô ta rồi nhắm mắt lại và khóc lóc nói:

- Xin các thần linh Ai Cập hãy thương xót và tha thứ cho tôi khi tôi hầu hạ và cúng tế cho các vị thần lạ nhưng đúng là cô thật rồi, hãy tha thứ cho tôi bởi vì đó chỉ là một giấc mơ.

Minea lấy dép dưới chân ra đập vào hai má ông ta khiến chúng run lên và nói:

- Hãy để hình phạt này xứng với giấc mơ tồi tệ của ông, để ông biết bây giờ ông đã tỉnh.

Nhưng Kaptah còn gào to hơn:

- Thật tình tôi không biết mình đang ngủ hay thức vì điều tương tự đã xảy ra với tôi trong giấc mơ khi người đàn bà khủng khiếp đó đi về phía tôi trong hậu cung.

Tôi giúp ông ấy ra khỏi chum, cho ông một loại thuốc đắng để súc dạ dày rồi buộc một sợi dây quanh người ông và thả xuống nước, mặc cho ông gào thét. Tôi để mặc ông ấy vùng vẫy trong nước cho hết cơn say nhựa anh túc và tỉnh rượu. Nhưng khi kéo ông lên khỏi mặt nước, tôi tha thứ cho ông ấy và nói:

- Đây là một bài học cho sự trơ trẽn của ngươi đối với ta, ông chủ

của ngươi. Nhưng hãy biết rằng tất cả những gì xảy ra với ngươi đều đúng và không có ta thì bây giờ ngươi đã chết trong cái chum đựng xác nơi hầm mộ các vị vua hờ.

Sau đó tôi kể với ông ấy mọi chuyện đã xảy ra, và tôi phải nói đi nói lại nhiều lần trước khi ông ấy hiểu và tin tất cả. Cuối cùng tôi nói:

- Chúng ta đang gặp nguy hiểm và ta không cười được nữa, bởi vì đúng là chúng ta đang ngồi trên thuyền đây, nhưng đầu chúng ta cũng sẽ bị treo ngược trên tường, thậm chí còn bị trừng trị tệ hơn nếu nhà vua bắt được chúng ta. Vì thế, ngươi, Kaptah, phải nghĩ làm cách nào chúng ta sống sót đến được đất Mitanni, vì các tay chèo của chúng ta đã bỏ trốn.

Kaptah vò đầu nghĩ một lúc lâu, cuối cùng ông nói:

- Nếu tôi hiểu đúng lời ông, tất cả những gì xảy ra đều là sự thật chứ không phải tôi nằm mơ và rượu làm tôi phát rồ. Nếu đúng vậy, cầu xin phước lành cho ngày hôm nay vì như thế tôi có thể yên tâm uống rượu để chữa cho đầu mình dù tôi đã nghĩ mình sẽ không bao giờ dám ngửi rượu nữa.

Nói rồi ông ta chui xuống khoang thuyền, cạy nắp hũ rượu và uống một lúc lâu, ngợi ca tất cả các vị thần Ai Cập và Babylon mà ông ta biết tên cũng như không biết tên. Mỗi lần nhắc tên một vị thần, ông ta lại nghiêng hũ cho đến khi ngã vật xuống tấm thảm và ngủ thiếp đi rồi bắt đầu ngáy ồm ồm như hà mã.

Tôi tức điên với cách hành xử của ông ta đến mức muốn lăn ông ta xuống sông và dìm chết ông ta, nhưng Minea nói:

- Kaptah này nói đúng vì mỗi ngày một nỗi bận tâm riêng. Vậy tại sao chúng ta không uống rượu và mừng vui ở nơi dòng sông đưa ta đến, bởi đây là một nơi thật đẹp, có đám sậy bảo vệ chúng ta và đàn vịt đang kêu vang trong đó. Em cũng nhìn thấy những con vịt vươn thẳng cánh, ngóng cổ bay đến nơi làm tổ, nước lấp lánh xanh, vàng trong ánh nắng mặt trời và tim em nhẹ bỗng như chim sau khi được giải thoát khỏi kiếp nô lệ.

Ngẫm nghĩ những điều cô ấy nói và thấy thật đúng, tôi nói:

- Khi cả hai người đều điên, tại sao tôi không điên, vì thành thật mà nói tôi cũng mặc kệ điều gì sẽ xảy ra, da tôi bị phơi khô trên tường vào ngày mai hay sau mười năm nữa thì cũng thế cả, vì tất cả những điều này đã được viết trong các vì sao trước ngày chúng

ta sinh ra như các giáo sĩ của Tháp đã dạy tôi. Mặt trời chiếu ánh nắng rực rỡ và cây cối xanh mát ven sông, vì thế tôi muốn xuống sông bơi và bắt cá bằng tay như tôi đã từng làm khi còn bé, bởi vì hôm nay là một ngày tốt lành như những ngày khác.

Thế là chúng tôi xuống sông bơi, để mặt trời hong khô quần áo. Rồi chúng tôi cùng nhau ăn uống, Minea đã tế thần của cô, nhảy những điệu nhảy thần linh trên thuyền khiến ngực tôi tức nghẹn và tôi thở dồn dập khi nhìn cô. Vì vậy, tôi nói với cô:

- Trong đời mình chỉ có một lần tôi nói với một cô gái là “em yêu”! Nhưng với tôi vòng tay cô ta như một lò lửa và cơ thể cô ta giống như một sa mạc khô cằn không làm mát được tôi. Vì vậy, Minea, tôi van em, hãy để tôi thoát khỏi vòng quỷ quyệt mà chân tay em đã khóa tôi vào và đừng nhìn tôi bằng cái nhìn như ánh trăng đang chiếu sáng dòng sông, nếu không tôi sẽ nói với em là "yêu dấu của tôi" và em sẽ đưa tôi đến với tội lỗi và cái chết, như cô gái kia đã làm.

Minea tò mò nhìn tôi và nói:

- Sinuhe, qua lời ông nói với em, em nghĩ chắc ông đã phải lòng những người đàn bà kỳ lạ, nhưng có thể đàn bà ở nước ông là như thế. Ông không cần phải lo lắng về em vì em không có ý định cám dỗ ông như ông sợ. Vì thần của em đã cấm em đụng vào đàn ông và nếu làm thế, em sẽ phải chết. Do đó, em tự bảo vệ mình và không bao giờ có ý định cám dỗ ông như ông nghĩ, mặc dù em không hiểu được do đâu trong đầu ông có những suy nghĩ như thế.

Cô đưa hai tay ôm đầu tôi đặt lên đầu gối mình rồi đưa tay xoa má và tóc tôi, nói:

- Ông thật ngốc nghếch khi nói xấu đàn bà vì dù có những người đàn bà đầu độc mọi giếng nước, song chắc chắn cũng có những người như nguồn nước trên sa mạc hay sương ướt trên đồng cỏ khô. Nhưng dù đầu ông đặc, dại khờ và tóc ông đen, thô cứng, song em thích giữ nó trong tay mình, bởi vì trong ông cũng như trong mắt và cánh tay ông có cái gì đó rất đáng yêu mời gọi em. Vì thế em rất tiếc khi không thể đem đến cho ông những gì ông muốn và em không chỉ tiếc cho ông mà còn tiếc cho số mệnh của chính em, nếu lời thú nhận không chút e thẹn này làm ông vui.

Nước xanh mướt, vàng óng dập dềnh vỗ bên mạn thuyền, tôi cầm tay cô, đôi bàn tay rắn chắc và đẹp. Như kẻ sắp chết đuối, tôi nắm

chặt tay cô, nhìn vào cặp mắt trong suốt như ánh trăng dưới dòng sông, ấm áp như những cái vuốt ve, và nói:

- Minea, em yêu của ta! Trên thế gian có rất nhiều thần linh và mỗi vương quốc có những vị thần riêng của mình mà con số không có đủ để đếm hết và ta đã quá mệt mỏi với tất cả các vị thần mà con người đã nghĩ ra chỉ vì nỗi sợ hãi của chính mình, ta đoán vậy. Vì thế, hãy từ bỏ thần của em, bởi đòi hỏi của thần thật tàn nhẫn và vô lý, tàn nhẫn nhất là đúng hôm nay, ngay lúc này. Ta sẽ đưa em đến một xứ sở mà quyền lực thần của em không với tới được, dù chúng ta phải đi đến tận cùng trái đất, phải ăn cỏ và cá khô ở vùng đất của những tộc người mọi rợ, đêm phải ngủ trong đám sậy cho đến hết đời, bởi vì phải có một nơi nào đó ở biên giới mà vị thần của em không với tới.

Nhưng cô giữ chặt tay tôi, mắt nhìn sang bên và nói:

- Thần của em đã vạch một ranh giới trong trái tim em, nên dù em đi tới bất cứ nơi đâu, quyền lực của thần cũng với tới và em phải chết nếu chạm vào đàn ông. Khi nhìn ông hôm nay, em tin rằng thần của em có lẽ là một vị thần độc ác và vô lý khi đòi hỏi như vậy, nhưng bản thân em không thể chống lại được thần và có thể ngày mai thôi, mọi việc lại khác đi khi ông chán em và quên em, bởi đàn ông là những người như thế.

- Không ai biết ngày mai chuyện gì sẽ đến, - tôi sốt ruột nói và tất cả trong tôi bùng lên chống lại cô ấy, như thể cơ thể tôi là một đống sậy trên bãi sông đã bị mặt trời thiêu đốt hết năm này sang năm khác cho đến khi chỉ một tia hồng cũng làm nó bùng lên thành đống lửa. - Những điều em nói là cái cớ vớ vẩn và em chỉ muốn trêu chọc ta, giống như đàn bà thường làm, để cười trên nỗi đau của ta.

Nhưng cô rút tay lại, nhìn tôi với vẻ trách móc và nói:

- Em không phải là một cô gái ít học, mà ngoài tiếng của mình, em còn nói cả tiếng Babylon và tiếng của ông, em biết viết tên mình bằng ba thứ chữ trên đất sét cũng như trên giấy. Em cũng đã đi đến nhiều thành phố lớn và đã đến bờ biển Ai Cập với thần của mình, em đã nhảy múa trước nhiều loại khán giả, đến mức họ ngạc nhiên với tài nghệ của em, cho đến khi các thương nhân cướp em vì thuyền của em bị đắm. Em biết rõ đàn ông và đàn bà đều như nhau ở mọi vương quốc mặc dù màu da và tiếng nói của họ khác nhau và họ thờ phụng các vị thần khác nhau. Cũng như thế em biết người có học ở tất cả các thành phố lớn đều giống

nhau, suy nghĩ và hành xử không khác biệt nhiều, họ chỉ vui thú với rượu và không còn tin vào thần linh, mặc dù họ phụng sự thần vì đó là tập tục tốt và cẩn tắc thì vô ưu. Em biết rõ những điều này, nhưng ngay từ nhỏ em đã lớn lên trong các nhà trại của thần linh và được tấn phong vào các nghi lễ bí mật của thần mình để không có thế lực hay ma quỷ nào có thể tách em ra khỏi thần của em. Nếu ông đã múa trước những con bò đực, nhảy giữa những chiếc sừng sắc nhọn và thử đưa chân chạm nhẹ, đùa giỡn với mõm bò đang rống trong khi múa, ông sẽ biết điều em nói là gì. Nhưng em nghĩ ông chưa bao giờ nhìn các cô gái và những chàng trai nhảy múa trước những con bò.

- Ta từng nghe kể, - tôi nói. - Ta cũng biết đó là những trò chơi ở miền Hạ nhưng ta nghĩ những trò này mua vui cho dân chúng, dù lẽ ra phải đoán được là các vị thần cũng nhúng tay vào như với tất cả những chuyện khác đã và đang xảy ra. Nhưng nếu đúng là thế thì ở Ai Cập cũng cúng tế bò đực có các biểu tượng của thần và chỉ một lần trong một đời người, mặc dù ta chưa bao giờ nghe nói ai nhảy trên cổ bò, bởi vì như thế là sỉ nhục và xúc phạm thần bò. Vì bò này biết tiên tri. Nhưng nếu em muốn ta hiểu rằng em phải dành sự trinh trắng của mình cho các bò đực thì chuyện em nói ta chưa nghe đến bao giờ, mặc dù ta biết rất rõ trong các nghi lễ bí mật tế mẹ đất ở Syria, các giáo sĩ hiến tế những cô gái trinh trắng được chọn lựa.

Lúc đó cô tát hai bên má tôi đau điếng, hai mắt cô long sòng sọc như mắt mèo hoang trong bóng tối và cô giận dữ hét lên:

- Khi ông nói điều đó, tôi biết đàn ông và dê cụ không khác gì nhau, mọi ý nghĩ của ông chỉ xoay quanh nhục dục thân xác, khiến dê cái cũng có thể làm cho ông thỏa mãn ham muốn như đàn bà. Vậy nên hãy cút xuống âm phủ đi cho tôi nhờ và để tôi yên, đừng chọc tức tôi bằng sự ghen tuông của ông vì ông nói những điều mà ông không biết chút gì.

Điều cô ta nói thật tồi tệ và những cái tát làm má tôi bỏng rát nên tôi mất hết hứng, rời cô ta và đi đến phía cuối thuyền. Để giết thời gian, tôi mở túi đồ nghề của mình rồi lau chùi các dụng cụ và cân thuốc. Cô ta ngồi nơi mũi thuyền và giận dữ giẫm gót chân xuống thuyền, nhưng một lát sau cô bực bội cởi xiêm áo, xoa dầu lên người rồi bắt đầu nhảy múa và uốn người mạnh đến mức làm thuyền lắc lư. Tôi không thể không lén lút liếc nhìn, vì tài nghệ của cô ta thật tuyệt vời và không thể tin nổi. Rồi cô ưỡn người về phía sau, hai tay chống xuống sàn, người cong như cánh cung, sau đó hai chân giơ thẳng lên không trung. Tất cả các thớ thịt trên cơ

thể cô rung lên dưới làn da xoa dầu bóng loáng. Cô thở mạnh và mái tóc hất tung quanh đầu vì điệu nhảy của cô đòi hỏi sức mạnh và kỹ năng mà tôi chưa bao giờ được nhìn thấy, mặc dù tôi đã chứng kiến sự điêu luyện của các vũ nữ trong các nhà vui ở nhiều nơi.

Khi nhìn cô, nỗi tức giận trong tôi tan biến và tôi không còn nghĩ đến việc mình đã tiêu phí bao nhiêu để đánh cắp cô gái lạ thường và vô ơn này từ hậu cung của vua Babylon. Tôi cũng nhớ cô ấy đã suýt dùng dao tự sát để bảo vệ sự trinh trắng của mình và tôi hiểu mình đã xử sự sai và thật tệ khi đòi hỏi cô ấy cái mà cô không thể cho tôi. Nhảy múa đến mệt lử, mồ hôi như một lớp ngọc trai phủ khắp làn da và từng thớ thịt run rẩy vì quá mệt, cô gạt mồ hôi và rửa sạch chân tay dưới sông. Rồi cô mặc xiêm áo lên người, che kín cả đầu và tôi nghe thấy cô khóc. Lúc đó tôi quên hết cả thuốc và dụng cụ của mình, vội vàng lại gần, thận trọng đặt tay lên vai cô và hỏi:

- Em ốm à?

Nhưng cô không trả lời mà gạt tay tôi ra và khóc to hơn. Tôi ngồi xuống bên cạnh cô, nỗi buồn trào dâng trong tim, tôi nói:

- Minea, em yêu của anh, đừng khóc, ít ra thì cũng đừng vì anh, vì chắc chắn anh sẽ không động vào em, không bao giờ, cho dù chính em bảo anh làm điều đó, bởi vì anh muốn giúp em thoát khỏi nỗi buồn đau và anh muốn khi nào em cũng như em lúc này.

Cô ngẩng đầu, giận dữ lau nước mắt và cáu kỉnh:

- Em không hề sợ đau đớn hay buồn phiền, nếu anh nghĩ vậy, đồ ngốc ạ. Mà em cũng hoàn toàn không khóc vì anh mà chỉ khóc vì số phận đã dứt em ra khỏi thần của mình và làm người em mềm như miếng giẻ ướt, đến nỗi ánh mắt của người đàn ông ngu ngốc đã làm chân tay em bủn rủn.

Nhưng cô không nhìn tôi khi nói điều này, mà bướng bỉnh nhìn tránh sang chỗ khác, chớp mắt liên hồi và chùi nước mắt. Tôi nắm tay cô, cô không rụt tay lại mà quay sang tôi và nói:

- Sinuhe, Người Ai Cập, chắc trong mắt anh em rất vô ơn và nhõng nhẽo, nhưng em không biết làm gì khác vì em không còn nhận ra bản thân mình nữa. Nếu được phép, em sẽ rất vui kể cho anh nghe về thần của mình để anh hiểu rõ em hơn. Nhưng cho người chưa được tấn phong thì không được phép kể, nên em chỉ có thể nói ngài là thần biển và sống trong một ngôi nhà tối tăm trong núi và

ai đã bước chân vào nhà ngài sẽ không bao giờ trở về mà sẽ sống với ngài suốt đời. Nhưng một số người nói rằng ngài có hình dạng giống bò mặc dù ngài sống ở biển, vì thế chúng em, những người được tấn phong cho ngài, đều được dạy nhảy múa trước bò đực. Người ta cũng nói rằng ngài giống người nhưng có đầu bò, song sau khi đến nhiều vương quốc và các thành phố lớn, em nghĩ đó là truyền thuyết. Em chỉ biết là mỗi năm mười hai người trong số những người được tấn phong và chọn ra cho ngài lần lượt vào sống trong nhà của ngài vào đêm rằm mỗi tháng và với những người được tấn phong, không có niềm vui nào lớn hơn là được vào sống ở nhà thần của mình. Số phận cũng chọn em nhưng trước khi đến lượt, thuyền của em bị đắm, như em đã kể, và các thương gia đã cướp rồi bán em ở chợ nô lệ Babylon. Suốt những ngày thơ bé, em đã mơ tới những sảnh phòng tráng lệ, chiếc giường của thần cũng như cuộc sống bất tử, bởi vì nếu muốn, người được tấn phong có thể trở về sau một tháng sống ở nhà của thần nhưng chưa bao giờ có ai từ đó trở về. Vì vậy em tin là với những người từng gặp thần, cuộc sống trên dương gian không có gì mới lạ.

Khi cô ấy nói, trong tâm trí tôi như có đám mây che khuất mặt trời và tất cả trở nên xám xịt, chết chóc, người tôi run lên vì biết Minea không phải dành cho tôi. Câu chuyện cô ấy kể giống hệt những điều các giáo sĩ đã kể ở tất cả các vương quốc, nhưng cô ấy tin và điều đó chia cách cô với tôi mãi mãi. Tôi không muốn làm cô hoảng sợ vì những lời nói của mình hoặc làm cô buồn bã, mà tôi sưởi ấm tay cô trong tay mình, cuối cùng tôi nói:

- Anh hiểu em muốn trở về với thần của mình, vì thế anh sẽ đưa em ra biển để trở lại đảo Crete vì bây giờ anh đã biết em từ đảo Crete đến. Anh đã suy đoán điều đó khi em kể về những con bò đực, nhưng bây giờ anh biết điều đó khi em kể về vị thần sống trong ngôi nhà tối vì các thương gia và thủy thủ ở Simyra đã kể với anh về ngài, mặc dù cho đến giờ anh vẫn không tin họ. Mặt khác họ lại kể các giáo sĩ đã giết những người cố tìm cách trở về từ nhà thần để không ai biết thần biển như thế nào. Nhưng, dĩ nhiên, đây là câu chuyện của các thủy thủ và đám thường dân, còn em biết mọi chuyện rõ hơn vì em đã từng được tấn phong.

- Em phải quay lại, anh biết đấy, - cô nói giọng nài nỉ. - Em sẽ không được yên ở bất cứ nơi nào trên thế gian nếu em không quay trở lại, bởi vì từ khi còn nhỏ em đã được dạy dỗ trong trường trại của thần. Mặc dù vậy em thấy hạnh phúc với từng ngày em còn ở bên anh, với từng giây em còn được nhìn anh. Không phải vì anh đã cứu em khỏi ác quỷ mà vì không có ai đối xử với em như anh, nên em không còn khát khao được vào nhà thần như trước nữa

mà đến đó với nỗi buồn bã trong lòng. Nếu được phép, sau một thời hạn nhất định em sẽ từ đó trở về bên anh, mặc dù em không tin, vì chưa ai quay trở lại. Nhưng thời gian của chúng ta ngắn ngủi và không ai biết trước ngày mai sẽ như thế nào, như anh nói. Do đó Sinuhe ơi, tốt nhất là chúng ta hãy vui cho mỗi một ngày, chúng ta hãy vui với đàn vịt đang vỗ cánh bay qua đầu chúng ta, chúng ta hãy vui với dòng sông và lau sậy, với thức ăn và rượu mà không nghĩ điều gì sẽ đến.

Nếu tôi là một người khác, tôi sẽ dùng sức ép buộc cô ấy đi với mình, đưa cô đến đất nước mình và sống với cô hết những ngày còn lại của cuộc đời. Nhưng tôi biết cô ấy đã nói thật, cô sẽ không có một ngày bình yên nếu phản bội lại vị thần mà cô đã vì ngài mà sống và được dạy dỗ, và sẽ có ngày cô nguyền rủa và rời bỏ tôi. Sức mạnh của thần linh quả thật khủng khiếp với những ai tin, còn với những ai không tin, quyền lực của thần linh không chạm tới được họ. Vì thế tôi nghĩ cô ấy có thể sẽ chết nếu tôi chạm vào cô, vì tôi đã thấy nhiều người khô héo và chết trong Nhà Sống không có thương tích hay bệnh tật gì mà chỉ vì họ đã phản lại vị thần mình sùng tín.

Những điều này chắc chắn đã được viết vào các vì sao trước ngày tôi được sinh ra và không thể thay đổi. Vì thế chúng tôi cùng ăn và uống trên thuyền ẩn trong đám sậy và tương lai mới xa xôi làm sao. Minea cúi đầu, lấy tóc vuốt nhẹ má tôi và mỉm cười với tôi. Sau khi uống rượu, cô ấy chạm đôi môi thơm nồng mùi rượu vào môi tôi và nỗi đau mà cô mang đến cho trái tim tôi thật ngọt ngào, có lẽ còn ngọt ngào hơn nếu tôi ân ái cùng cô, dù lúc đó tôi không hề nghĩ đến điều này.

2

Chập tối, Kaptah tỉnh dậy trong mui thuyền, ông chui ra khỏi tấm thảm, vừa dụi mắt vừa ngáp và nói:

- Nhờ bọ hung và cả thần Amon nên đầu tôi không cứng như cái đe trong xưởng rèn mà tôi thấy hòa nhập lại với thế gian, chỉ cần có thứ gì để ăn vì tôi cảm thấy trong bụng mình như có một vài con sư tử đã nhịn ăn nhiều ngày.

Không thèm xin phép, ông ta ngồi ăn cùng chúng tôi, nhai rau ráu những con chim chiên trong nồi đất rồi phì phì nhổ xương qua

mạn thuyền xuống nước.

Nhưng thấy ông ấy tôi lại nhớ ra tình cảnh của chúng tôi và vô cùng hoảng sợ, tôi nói:

- Con dơi đêm say xỉn kia, đáng lẽ ngươi phải đưa ra lời khuyên để động viên và giúp chúng ta ra khỏi tình cảnh nguy hiểm này, để cả ba chúng ta không bị treo ngược đầu cạnh nhau trên tường, đằng này ngươi lại uống đến say xỉn và nằm bẹp như lợn giữa đống rác. Nói ngay đi, chúng ta phải làm gì, vì lính của triều đình chắc chắn đã lên thuyền đuổi theo để giết chúng ta.

Nhưng Kaptah không lo sợ mà nói:

- Nếu đúng như ông nói, nhà vua không mong gặp ông trong vòng ba mươi ngày, lại còn bảo sẽ sai lính dùng gậy đuổi ông ra khỏi cung điện nếu ông đến diện kiến ngài trước thời hạn đó. Do vậy, tôi nghĩ chúng ta không phải vội, nhưng nếu sự việc trở nên tồi tệ và những kẻ khênh kiệu để lộ việc ông đã trốn hoặc bọn hoạn quan trong hậu cung làm rối tung lên thì chúng ta không thể làm gì được nữa. Tuy nhiên, tôi vẫn tin vào bọ hung và tôi nghĩ ông đã rất dở khi cho tôi uống nước anh túc khiến đầu tôi đau như thể thợ giày đang chích nó bằng kim, vì nếu ông không vội vã quá, có thể Burraburiash đã bị hóc xương hoặc trượt chân ngã trẹo cổ để tôi trở thành vua của Babylon và của cả bốn phương đất thì bây giờ chúng ta không gặp rắc rối gì cả. Tôi rất tin vào bọ hung nhưng tôi vẫn tha thứ cho ông vì ông là ông chủ của tôi và ông không thể am hiểu hơn. Tôi cũng sẽ tha thứ cho ông vì đã nhốt tôi trong cái chum sành không xứng với tôi chút nào khiến tôi gần như nghẹt thở. Nhưng vì tất cả những điều này, tôi nghĩ tốt nhất ông nên chữa cho đầu tôi khỏi trước khi tôi cho ông lời khuyên vì vào buổi sáng, ông nhận được lời khuyên từ củ cải thối dễ dàng hơn là từ đầu tôi. Tuy nhiên bây giờ tôi sẵn sàng đem tất cả sự khôn ngoan của mình cho ông dùng vì tôi biết rất rõ rằng nếu không có tôi đi cùng ông trong thế giới này, ông sẽ như cừu con lạc mẹ.

Tôi bảo ông ấy thôi lải nhải những lời nhảm nhí đó và hỏi theo ông ấy chúng tôi nên đi đâu để thoát khỏi xứ Babylon. Kaptah gãi đầu và nói:

- Quả thật chiếc thuyền này quá lớn để ba người chèo ngược sông và thật tình tôi không hề thích chèo vì mái chèo chà xát làm phồng rộp lòng bàn tay. Vì vậy chúng ta phải lên đất liền và trộm vài con lừa để thồ hành lý của chúng ta. Tốt nhất chúng ta nên ăn vận tồi tàn và mặc cả mọi thứ trong nhà trọ và trong làng để tránh

sự chú ý, còn ông không nên nói mình là thầy thuốc mà giả vờ là một người khác. Vì vậy chúng ta hãy làm một gánh hát, tối tối mua vui cho dân chúng ở các sân đất nện của làng, vì không ai xua đuổi người hát rong, mà quân cướp đường cũng nghĩ lũ hát rong không đáng cướp. Ông bói dầu cho nông dân như ông đã học và tôi sẽ kể cho họ nghe những câu chuyện cười mà tôi có nhiều vô kể, như ông biết, còn cô gái có thể nhảy múa để kiếm bánh ăn. Nhưng chúng ta cũng có thể thuê người chèo thuyền chèo thuyền này đến biên giới, bởi vì nói cho cùng, tất cả đều tùy thuộc vào bọ hung và nó có thể bảo vệ chúng ta ở dưới sông cũng như trên cạn. Tuy nhiên, cẩn tắc vô áy náy và cũng không hay nếu chúng ta lấy thuyền của những người chèo thuyền nghèo khổ, chắc chắn đang rình rập chúng ta trong đám sậy, chờ tối đến để giết chúng ta. Vì vậy, tốt nhất chúng ta nên đi ngay lập tức và nếu các tay chèo có gắng giục lính gác triều đình đuổi theo chúng ta, tôi nghĩ không ai tin lời họ vì họ sẽ nói về ma quỷ đập phá trong chum đựng thi thể và những điều kỳ lạ họ trải qua, khiến quân lính và quan tòa đưa họ vào đền để nghe các giáo sĩ mà không nhọc công kiểm tra câu chuyện của họ.

Trời đã tối nên chúng tôi phải làm thật nhanh vì có thể Kaptah đoán đúng rằng các tay chèo đã bớt sợ và sẽ quay lại lấy thuyền của họ về, mà họ những mười người lực lưỡng còn chúng tôi chỉ có ba. Vì vậy, chúng tôi xoa lên người dầu bôi của thợ chèo thuyền, bôi đất sét lên quần áo và mặt rồi chia nhau phần vàng, bạc còn lại của tôi để giấu trong thắt lưng và quần áo của mình. Chúng tôi quấn tráp đồ nghề y mà tôi không muốn bỏ lại vào trong tấm thảm và chất hết lên lưng Kaptah mặc cho ông ấy ra sức phản đối. Sau khi lội lên đến bờ, chúng tôi đẩy cho thuyền dập dềnh trôi vào đám sậy. Trên thuyền còn lại thức ăn và một vài be rượu, vì Kaptah tin rằng các tay chèo sẽ hài lòng và uống say mèm mà không thèm đuổi theo chúng tôi. Nếu sau khi tỉnh lại họ đến công đường tố cáo chúng tôi thì họ sẽ kể ra mười câu chuyện khác nhau về một việc và chuyện của họ sẽ rối tung buộc quan tòa sai lính dùng gậy đuổi họ đi. Tôi hy vọng như vậy.

Thế là chúng tôi bắt đầu lên đường và đến được vùng đất có người canh tác, tìm thấy con đường hành hương rồi đi dọc đường đó suốt đêm, mặc cho Kaptah lẩm bẩm và nguyền rủa sự có mặt của mình trên thế gian này vì gói đồ đè nặng làm cổ ông ấy gập xuống. Sáng ra, chúng tôi đến một ngôi làng và được người dân ở đó chào đón rất thân thiện vì chúng tôi dám đi vào ban đêm mà không sợ ma quỷ. Họ cho chúng tôi cháo sữa ăn sáng và bán cho chúng tôi hai con lừa rồi vui mừng tiễn chúng tôi, vì họ là những người chất phác, hàng bao tháng trời không nhìn thấy nhẫn bạc, đóng thuế

bằng ngũ cốc và gia súc, sống cùng gia súc và thú nuôi của mình trong các túp lều đất sét.

Như thế, chúng tôi cuốc bộ hết ngày này sang ngày khác dọc theo các con đường của xứ Babylon, chạm trán các thương nhân, nhường đường cho kiệu của những người quyền quý và cúi chào khi họ đi qua. Mặt trời đốt sém da chúng tôi, quần áo của chúng tôi bị sờn và chúng tôi quen dần với việc trình diễn trước dân chúng trên những sàn đất nện. Tôi đổ dầu vào nước và tiên đoán cho họ những ngày tốt đẹp với những vụ mùa bội thu, những đứa bé trai và những cuộc hôn nhân giàu có, vì tôi thấy thương họ sống nghèo khó và không muốn tiên đoán điều gì xấu cho họ. Họ tin tôi và vô cùng mừng rỡ. Nhưng nếu tôi phải kể thật những gì mình thấy, tôi sẽ phải nói cho họ về những kẻ thu thuế độc ác, những cú nện gậy và những quan tòa xảo trá, những năm mất mùa đói khát, những cơn sốt trong mùa nổi, nạn cào cào và ruồi, hạn hán đỏ lửa và lụt thối cây vào mùa hè, cuộc đời lao dịch và sau đó là cái chết, vì đó là cuộc sống của họ. Kaptah kể cho họ nghe những câu chuyện về phù thủy và công chúa, về các vương quốc xa xôi nơi con người ta đi đầu nằm trong nách và biến thành sói mỗi năm một lần. Họ tin chuyện của ông ấy, kính trọng ông và cho ông ăn mập ú. Minea cũng múa cho họ xem trên nền đất nện, vì cô cần múa hằng ngày để luyện tài nghệ vì thần của mình; họ ngạc nhiên trước tài năng của cô và nói: "Từ trước đến giờ chúng tôi chưa từng thấy ai múa như thế này".

Hành trình này rất có ích cho tôi, bởi vì tôi đã học để nhận ra nếu người giàu có và quyền quý ở tất cả các nước và các thành phố lớn đều giống nhau và suy nghĩ theo cùng một cách, thì người nghèo ở tất cả các nơi cũng giống nhau và suy nghĩ như nhau, mặc dù phong tục của họ khác nhau và thần linh của họ có tên khác nhau. Tôi học để nhận ra người nghèo nhân hậu hơn người giàu, vì khi nghĩ chúng tôi nghèo, họ đã cho chúng tôi cháo và cá khô từ lòng tốt của mình, không mong chờ chúng tôi tặng lại họ thứ gì, trong khi người giàu dùng gậy xua đuổi người nghèo đi và miệt thị họ. Tôi biết được rằng người nghèo cũng cảm nhận được niềm vui cũng như nỗi buồn, niềm mong nhớ cũng như cái chết, và một đứa trẻ nghèo khó cũng được sinh ra trên đời này như một đứa trẻ giàu sang. Trái tim tôi trở nên yếu mềm vì sự chất phác của họ và tôi không thể không chữa trị khi nhìn thấy những người ốm, những cục mủ không được chọc thủng và những cặp mắt mờ mà tôi biết rằng sẽ sớm bị mù nếu không có sự giúp đỡ của tôi. Và tôi không đòi hỏi họ tặng quà cho tất cả những việc đó mà làm thế nào tùy ý.

Nhưng vì sao tôi làm tất cả những điều này bởi làm như thế có thể khiến chúng tôi bại lộ, tôi không thể nói. Có lẽ trái tim tôi yếu mềm vì Minea, người tôi nhìn thấy mỗi ngày và bằng sức trẻ của mình đã sưởi ấm tôi ban đêm khi chúng tôi nằm trên nền đất sét sực mùi rơm và phân gia súc. Có thể tôi dâng tặng các vị thần những việc làm tốt vì cô ấy, nhưng cũng có thể vì tôi muốn luyện tập tay nghề của mình để không quên sự chắc chắn của đôi tay và sự chính xác của đôi mắt trong chẩn đoán bệnh. Bởi càng sống lâu tôi càng hiểu thêm rằng người ta làm bất cứ việc gì thường vì nhiều lý do, mà chính họ đôi khi cũng không biết được. Vì vậy, tất cả các việc làm của con người đều là cát bụi dưới chân tôi khi tôi không biết họ làm việc đó vì mục đích và mong muốn gì.

Chúng tôi đã trải qua nhiều gian khổ suốt hành trình, đôi tay tôi chai cứng và da bàn chân dày cộp, mặt trời làm khô dầu trên mặt tôi và bụi làm mờ mắt tôi nhưng bỏ qua tất cả những cái đó, sau này khi nhìn lại, tôi thấy hành trình dọc theo những con đường bụi bặm của Babylon này của chúng tôi thật đẹp khiến tôi không thể nào quên mà sẵn sàng đổi đi mọi thứ khác tôi đã trải qua và sở hữu được trên thế gian này, nếu tôi có thể thực hiện hành trình đó một lần nữa, trẻ trung như vậy, đầy cảnh giác hệt như vậy và không bao giờ mệt mỏi, với Minea bước bên cạnh tôi, mắt lấp lánh như ánh trăng dưới sông. Suốt cuộc hành trình, cái chết bám theo chúng tôi như hình với bóng, nếu chúng tôi bị phát hiện và rơi vào tay nhà vua thì cái chết của chúng tôi sẽ rất kinh hoàng. Nhưng trong những ngày xa xôi đó tôi không hề nghĩ đến cái chết và không sợ nó, mặc dù lúc đó cuộc sống đối với tôi quý giá hơn bao giờ hết, chừng nào tôi còn được đi bên cạnh Minea và nhìn cô ấy nhảy múa trên nền đất nện. Vì Minea, tôi quên đi tội lỗi và sự nhục nhã thời trẻ của mình, mỗi buổi sáng khi thức dậy trong tiếng cừu be be và tiếng gia súc, trái tim tôi nhẹ bỗng như chim khi bước ra ngoài nhìn mặt trời mọc và như thuyền vàng giương buồm lướt theo đường chân trời đã được màn đêm rửa sạch thành màu xanh lam biêng biếc.

Cuối cùng, chúng tôi đến vùng biên ải đã bị đốt trụi đến hoang vu, những người chăn gia súc nghĩ rằng chúng tôi là những người nghèo nên chỉ dẫn chúng tôi, để chúng tôi đi vào vùng đất Mitanni và Naharani mà không phải trả thuế và tránh gặp phải lính canh của cả hai vương quốc. Chỉ sau khi đến một thành phố lớn, nơi mọi người không còn biết nhau, chúng tôi mới đi đến các sạp hàng trong các khu chợ mua cho mình quần áo mới, tắm rửa rồi ăn mặc theo đúng địa vị của mình và đến ở trong một nhà trọ sang trọng. Vì vàng của tôi đã bị hao hụt, tôi ở lại thành phố này một thời gian để hành nghề của mình. Tôi tiếp rất nhiều bệnh

nhân và chữa lành cho rất nhiều người, vì dân Mitanni vẫn luôn tò mò và yêu thích người lạ. Minea cũng thu hút sự chú ý với vẻ đẹp của cô ấy và nhiều người hỏi tôi mua cô ấy. Kaptah được nghỉ ngơi, lại sức, tăng cân và gặp rất nhiều phụ nữ xởi lởi với ông ấy vì những câu chuyện ông kể. Sau khi nốc rượu trong các nhà vui, ông ấy kể cho họ nghe về một ngày làm vua ở Babylon, mọi người phá lên cười nhạo ông ấy, đập tay đen đét lên đầu gối và nói: "Chúng ta chưa bao giờ thấy ai nói khoác không ngượng mồm như thế này. Lưỡi ông ta dài và trơn như suối".

Thời gian trôi đi cho đến khi Minea bắt đầu nhìn tôi với nỗi lo lắng hiện lên qua đôi mắt và đêm đêm cô thao thức, khóc ròng. Cuối cùng tôi nói với cô:

- Anh biết em nhớ đất nước, nhớ thần của em, và chúng ta còn chặng đường dài phía trước. Nhưng trước tiên anh phải đến thăm xứ Hatti, miền đất của người Hittite, vì những lý do anh không thể nói với em. Sau khi hỏi thăm các thương nhân, khách du lịch và nhà trọ, anh đã biết được nhiều thông tin mặc dù những thông tin đó mâu thuẫn với nhau, anh nghĩ từ đó chúng ta có thể đi thuyền đến đảo Crete song anh không dám chắc, còn nếu em muốn, anh sẽ đưa em đến thẳng bờ biển Syria, từ đó mỗi tuần đều có thuyền đi đến đất nước của em. Nhưng, anh nghe nói một đoàn sứ thần sắp rời khỏi đây để mang quà hằng năm của vua Mitanni đến cho vua xứ Hatti, chúng ta có thể đi cùng với họ một cách an toàn, được nhìn và trải nghiệm nhiều điều mà chúng ta chưa biết đến trước đó, nhưng cơ hội như thế một năm nữa mới đến với anh. Song anh không muốn tự mình quyết định điều này mà tùy thuộc vào ý muốn của em.

Trong thâm tâm tôi biết mình lừa dối cô ấy, vì tôi muốn đến vùng đất Hatti chỉ nhằm giữ cô ấy bên cạnh tôi được lâu hơn trước khi buộc phải từ bỏ cô ấy vì thần của cô. Nhưng cô nói:

- Em là gì mà thay đổi kế hoạch của anh. Em vui lòng theo anh đến bất cứ nơi nào, một khi anh hứa sẽ đưa em về đất mẹ của em. Em cũng biết rằng các cô gái và chàng trai Hittite xứ Hatti có phong tục nhảy múa cho bò rừng trên cánh đồng, nên từ đó đến đảo Crete chắc không quá xa. Như thế, em có thể luyện tập nhảy múa, vì gần một năm rồi em không nhảy trước bò đực nên sợ chúng sẽ dùng sừng đâm em nếu em vụng về nhảy trước chúng ở Crete.

Tôi nói với cô ấy:

- Anh không biết gì về bò đực nhưng anh phải nói với em rằng theo những gì anh biết được, người Hittite là những người độc ác và dối trá, nên chúng ta có thể gặp nhiều nguy hiểm trên đường đi, thậm chí có thể bị giết. Vì vậy có lẽ tốt nhất em nên ở lại Mitanni đợi đến khi anh trở lại, và anh có thể để vàng lại cho em nên em có thể yên tâm ở đây trong thời gian đó.

Nhưng cô ấy nói:

- Đó là lời khuyên dại dột, Sinuhe ạ. Anh đi đâu, em sẽ đi đó và nếu chúng ta bị giết, em sẽ không tiếc cho bản thân mình mà chỉ tiếc cho anh.

Thế là tôi quyết định gia nhập đoàn sứ thần của hoàng gia với tư cách là danh y để được an toàn đến vùng đất Hatti, còn được gọi là Kheta. Nhưng khi nghe thế, Kaptah bắt đầu nguyền rủa và kêu gào thần linh giúp đỡ:

- Chúng ta vừa thoát khỏi miệng tử thần này thì ông chủ của tôi lại mơ đến cuống họng một tử thần khác. Ai cũng biết người Hittite giống như những con thú độc ác, thậm chí còn ác độc hơn, ăn thịt người và chọc thủng mắt người lạ để bắt họ quay những chiếc cối đá lớn. Thần linh đã lấy sự điên rồ trừng phạt ông chủ tôi, và cả cô Minea cũng ngốc nghếch khi bảo vệ ông ấy, tốt hơn hết là chúng ta trói ông chủ lại rồi nhốt ông ấy trong một phòng kín và cho đỉa vào dưới khuỷu đầu gối để ông ấy bình tĩnh lại. Thề có bọ hung, tôi vừa mới lấy lại được da thịt, nay lại phải bắt đầu một hành trình gian khó mà vì cái gì chứ. Vì thế, thật đáng nguyền rủa cái ngày tôi được sinh ra trên thế gian này để phải chịu đựng những ý thích điên rồ của ông chủ mất trí của tôi.

Thế là tôi lại phải lấy gậy quất ông ấy mấy cái cho đến khi ông bình tĩnh lại và khi ông ấy đã tĩnh tâm, tôi mới nói:

- Được thôi, như ngươi muốn. Ta sẽ trả tiền và gửi ngươi đến thẳng Simyra với các thương gia. Hãy trông coi nhà của ta ở đó cho đến khi ta trở lại vì ta thực sự ngán đến tận cổ cái tật lải nhải muôn thuở của ngươi rồi.

Nhưng Kaptah lại nổi đóa lên và nói:

- Thế mà được à? Lại còn nói tôi để ông chủ đi một mình đến Hatti, vì như thế có khác gì nhốt con cừu non mới sinh vào chuồng chó, mà như vậy tôi sẽ không bao giờ ngừng buộc tội mình. Vậy nên tôi chỉ hỏi ông chủ một câu và hãy nói thẳng với tôi những gì ông biết. Chúng ta đến Hatti bằng đường biển hay

sao?

Tôi bảo với ông ấy theo như tôi biết, giữa Hatti và Mitanni không có biển, mặc dù người này nói có, người kia nói không, và không biết chặng đường đi dài hay ngắn. Lúc đó Kaptah nói:

- Cầu xin bọ hung của tôi phù hộ, vì nếu phải đi bằng đường biển, tôi không thể đi cùng ông chủ vì tôi đã thề với thần linh rằng tôi không bao giờ bước chân lên một chiếc thuyền biển nào nữa. Tôi không thể vì ông mà cũng không phải vì Minea trơ trẽn, nói năng và cư xử như một đứa trẻ này mà phản bội các vị thần tôi có thể kể tên nếu cần.

Nói xong, ông ta bắt đầu thu dọn đồ đạc của chúng tôi và chuẩn bị cho cuộc hành trình, tôi để mặc tất cả cho ông ấy lo, vì ông hiểu rõ những việc đó hơn tôi.

3

Tôi đã kể những gì mà dân xứ Mitanni nói về người Hittite, còn sau đây tôi sẽ kể những điều mình tận mắt nhìn thấy và biết là đúng sự thật. Nhưng không biết liệu có ai tin những gì tôi kể không, vì sức mạnh của người Hittite đã khiến cả thế giới kinh hoàng đến thế và người ta kể nhiều đến thế về những hành động độc ác, xấu xa của họ. Nhưng dù sao họ cũng có điểm gì đó tốt và đáng để học hỏi, cho dù họ là một dân tộc nguy hiểm, có phong tục khác với phong tục các dân tộc khác trên thế giới. Không phải đất nước họ hỗn loạn như lời kể mà họ có luật lệ và kỷ cương, nên với những người đã được cấp phép, việc đi lại qua núi non hiểm trở trên đất họ an toàn hơn rất nhiều so với bất cứ vương quốc nào khác, đến mức nếu người được cấp phép bị lạc hoặc bị cướp dọc đường, vua của họ sẽ đền bù thiệt hại gấp đôi cho người đó, còn nếu bị chết trong tay người Hittite, nhà vua sẽ bồi thường cho người thân của nạn nhân theo cách tính đặc biệt, theo giá trị người đó có khi còn sống.

Bởi thế nên hành trình cùng đoàn sứ thần của vua Mitanni rất buồn tẻ, không có nhiều điều để kể vì các chiến xa của người Hittite luôn theo sau chúng tôi và họ luôn lo cho chúng tôi đủ đồ ăn và thức uống ở nhà trọ. Người Hittite quen chịu gian khổ, không sợ giá rét cũng không sợ nóng nực, vì họ sống ở vùng đồi núi cằn cỗi và từ thời thơ ấu đã quen với những gian nan khốn

khó của cuộc sống nơi đó. Vì vậy họ không sợ chiến tranh, không tiếc thân mình, coi khinh những dân tộc hèn yếu bị họ chinh phục nhưng coi trọng những dân tộc dũng cảm, kiên cường và kết giao bạn hữu với họ.

Dân của họ gồm nhiều bộ lạc sống trong các bản làng nơi các hoàng thân nắm toàn bộ quyền hành, nhưng quyền cai trị tối cao thuộc về một vị vua tối thượng sống ở thành phố Khattushash nằm giữa những ngọn núi. Ngài là giáo sĩ tối cao, người thống lĩnh quân đội và là vị quan tòa cao nhất, ngài nắm tất cả quyền cai trị đất nước, cai trị cả dân chúng cũng như thần linh và tôi không biết vị vua nào khác có quyền lực tuyệt đối như ngài, mặc dù các vị vua đều được cho là có quyền hành vô biên. Ở các vương quốc khác, cũng như ở Ai Cập, các giáo sĩ và quan tòa kiểm soát các việc làm của vua nhiều hơn ta nghĩ.

Nhưng thành phố nơi quốc vương họ trị vì nằm giữa núi như thế nào, tôi sẽ kể, mặc dù tôi biết có lẽ sẽ không ai tin tôi dù có đọc những điều tôi kể.

Khi đi dọc vùng đất biên cương đã bị đốt trụi, nơi các đội quân biên phòng dựng trại, vừa lấy những thứ cướp bóc được của các vương quốc láng giềng làm lương ăn vừa tùy ý xê dịch các cột mốc biên giới mà không ai dám ngăn cản, không ai có thể đoán được sự giàu có của vương quốc Hatti, cũng như những ngọn núi trơ trọi nóng hừng hực dưới mặt trời vào mùa hè, không ai đoán được khi đông đến lại chìm dưới những lớp lông lạnh lẽo, như tôi cũng chỉ được nghe kể chứ không tận mắt nhìn thấy. Những lớp lông này từ trên trời rơi xuống và tan thành nước phủ kín mặt đất khi hè sang. Tôi đã nhìn thấy nhiều điều kỳ lạ ở đất Hatti nên tôi cũng tin chuyện này, mặc dù không hiểu lông có thể tan thành nước như thế nào. Nhưng tôi đã tận mắt nhìn thấy đỉnh của một số ngọn núi trắng xóa vì lông.

Pháo đài biên giới Karkemish của Hatti, nằm trên cao nguyên bị đốt trụi ở biên giới Syria, có những bức tường được xây từ những tảng đá khổng lồ và đầy những hình đục khắc đáng sợ. Từ pháo đài này, họ thu thuế tất cả các đoàn hành hương và thương nhân đi qua địa phận của họ, nhờ đó có được nguồn của cải rất lớn, vì thuế của họ rất hà khắc và Karkemish nằm ở giữa nhiều tuyến đường hành hương. Ai đã từng nhìn thấy pháo đài này nhô lên đe dọa trên triền núi vào lúc mờ sáng giữa một cao nguyên bị cháy trụi, nơi những con quạ sà xuống rỉa những hộp sọ và xương người trắng hếu, người đó sẽ tin vào điều tôi kể về Hatti và không nghi ngờ câu chuyện kể của tôi. Nhưng các đoàn hành hương và

thương gia chỉ được phép đi qua vùng đất Hatti theo những con đường được chỉ định, hai bên đường chỉ có làng mạc nghèo khó, hoang sơ, và có rất ít đất canh tác theo cái nhìn của các thương nhân và nếu ai rời con đường được cho phép sẽ phải vào tù, hàng hóa bị tịch thu và người đó sẽ bị đày đi khổ sai trong hầm mỏ.

Tôi nghĩ sự giàu có của người Hittite đến từ các hầm mỏ, nơi tù nhân và nô lệ của họ đào lên không chỉ vàng và đồng mà cả thứ kim loại bí hiểm, phát màu xám sáng và xanh lam, cứng hơn bất cứ kim loại nào và đắt đến mức được dùng làm trang sức ở Babylon, song người Hittite tôi luyện nó thành vũ khí. Nhưng tôi không biết các thứ kim loại này được rèn dập như thế nào vì nó không được chế tác ở vương quốc nào khác và cũng không tan chảy trong độ nóng mà đồng tan chảy. Điều này tôi tận mắt thấy. Ngoài các hầm mỏ, họ có những cánh đồng màu mỡ và những dòng suối trong vắt trong các thung lũng nằm giữa những rặng núi cao, ở đó họ trồng cây ăn quả, những thảm cây như những khu rừng che phủ sườn núi và trồng cả nho ven bờ biển. Của cải lớn nhất mắt thường có thể nhìn thấy là những đàn gia súc.

Khi nói đến các thành phố lớn trên thế giới, người ta thường nhắc đến Thebes và Babylon, một số nói đến Nineveh mặc dù tôi chưa từng đến đó, chứ tôi chưa bao giờ nghe ai nhắc đến Khattushash, thành phố lớn của người Hittite và là tổ quyền lực của họ, giống như diều hâu có tổ trên núi ở giữa vùng săn mồi. Nhưng thành phố lớn này có thể so sánh với Thebes và Babylon về sự hùng vĩ và khi nghĩ đến các tòa nhà đáng sợ to như trái núi của nó, được dựng bằng những tảng đá được đục ra với các tường thành vững chãi và chắc chắn hơn tất cả các tường thành tôi đã nhìn thấy trước đây, tôi cho rằng thành phố này là một trong những điều kỳ diệu nhất mà tôi từng thấy, vì tôi không hề nghĩ mình sẽ được đến một nơi như thế. Song thành phố này bí ẩn ở chỗ nó bị đóng cửa với người lạ theo lệnh vua, chỉ các sứ thần của các triều đình mới được phép vào để gặp nhà vua, mang quà cho ngài và họ cũng bị theo dõi nghiêm ngặt trong suốt thời gian ở lại Khattushash. Bởi vậy người dân thành phố không muốn chuyện trò với người lạ dù biết ngôn ngữ của họ đi nữa và khi được hỏi điều gì đó, họ sẽ trả lời "Tôi không hiểu" hoặc "Tôi không biết" rồi liếc nhìn xung quanh vì sợ ai đó trông thấy. Tuy nhiên, họ không phải là những người hiểm ác mà có bản tính thân thiện, họ thích ngắm nhìn trang phục của người lạ và nếu chúng đẹp, họ sẽ đi theo người lạ trên đường phố.

Trang phục của người giàu và quan lại Hittite cũng lộng lẫy không kém người ngoài và sứ thần các vương quốc khác, vì họ nhuộm

quần áo nhiều màu và dùng chỉ vàng và bạc thêu vào nhiều hoa văn, ví như vương miện tường thành và rìu đôi vốn là dấu hiệu thần của họ. Trang phục lễ hội của họ cũng thường có hình mặt trời có cánh. Chân họ đi giày hoặc dép bằng da thuộc, mềm, mũi dài và nhọn hất lên; đầu họ đội mũ cao chóp nhọn; tay áo của họ rộng, có thể dài xuống tới sát đất, còn váy xòa quệt đất được gấp nếp rất khéo. Khác với người Syria, Mitanni và Babylon, họ cạo râu như người Ai Cập, một số người quyền quý còn cắt tóc, chỉ để một núm tóc tết trên đỉnh đầu. Cằm họ dày, chắc nịch, mũi cũng to và khoằm như của các loài chim ăn thịt. Quan lại và quý tộc sống trong thành phố béo tốt, mặt bóng mỡ vì quen sống xa hoa như những người giàu sang ở các thành phố lớn khác.

Họ không trả lương cho quân lính như các vương quốc văn minh, mà mọi người đều là chiến binh và đàn ông được xếp hạng theo thứ bậc trong quân ngũ, trong đó cao nhất là những người có nhiều chiến xa, và địa vị của họ được xác định dựa trên tài nghệ sử dụng vũ khí chứ không phải xuất xứ gia đình. Vì thế hằng năm, tất cả đàn ông chịu sự chỉ huy của các hoàng thân và võ quan của họ. Khattushash không phải là thành phố buôn bán như các thành phố lớn khác mà đường phố đầy các xưởng rèn phát ra tiếng búa chát chúa vang rền không dứt, vì các binh xưởng này là nơi họ rèn mũi giáo, mũi tên, làm bánh xe và khung cỗ chiến xa.

Tòa án của họ cũng khác với tòa án ở các vương quốc khác vì hình phạt của họ lạ lùng và phi lý. Chẳng hạn, nếu một hoàng thân âm mưu chống lại đức vua để tiếm ngôi, người đó không bị giết mà chỉ bị đày ra miền biên ải để lập công và cải thiện danh tiếng của mình. Người Hittite dùng quà cáp để xét xử hầu hết mọi tội lỗi, ví như một người có thể giết người khác nhưng không bị xử trảm mà chỉ trao quà cho người thân của nạn nhân để bồi thường những thiệt hại mà họ phải gánh chịu. Họ cũng không trừng phạt tội ngoại tình, vì nếu một người đàn bà gặp một người đàn ông thỏa mãn ham muốn của mình tốt hơn chồng mình, người nữ đó có quyền rời khỏi nhà mình đến ở nhà người đàn ông kia, và người kia phải vì người nữ này mà bồi thường cho chồng bà ta. Các cặp vợ chồng vô sinh cũng được công khai bỏ nhau, vì vua của họ đòi hỏi thần dân sinh nhiều con. Nếu ai đó giết người nơi vắng vẻ, người đó không phải đền bù nhiều như khi hành động này xảy ra trong thành phố và có nhiều người chứng kiến, vì họ cho rằng ai đó đi một mình đến nơi vắng vẻ là cố tình dụ người khác "hãy giết tôi đi" để luyện tập kỹ năng đánh giết. Chỉ có hai việc nếu phạm phải sẽ bị xử trảm, qua đó có thể thấy rõ nhất sự vô lý trong luật pháp của họ. Anh chị em ruột không được phép lấy nhau, nếu vi phạm sẽ bị xử tội chết. Không ai được hành nghề phù thủy khi

chưa được phép - phù thủy phải chứng minh được khả năng của mình trước các nhà chức trách và được những người này cấp giấy phép hành nghề.

Khi tôi đến xứ Hatti, vua Shubbiluliuma của họ đã trị vì được hai mươi tám năm, tên của ngài là nỗi kinh hoàng đến mức ai nghe thấy cũng cúi đầu, giơ tay lên trời và hét to những lời tôn kính ngài, bởi ngài đã thiết lập trật tự ở đất nước Hatti và thu phục nhiều bộ tộc khác về dưới quyền cai trị của Hatti. Ngài sống trong cung điện đá ở giữa thành phố và biết bao câu chuyện đã được kể về những hành động anh hùng của ngài trong các cuộc chiến cũng như sự ra đời của ngài, giống như người ta hay kể về các đức vua vĩ đại, nhưng tôi không thể thấy ngài và đến cả các sứ giả của Mitanni cũng vậy, họ chỉ có thể để lại những món quà của mình trên sàn của sảnh tiếp tân ở lâu đài và lính cận vệ của ngài cười cợt, chế nhạo họ.

Lúc đầu, thầy thuốc như tôi dường như không có nhiều việc phải làm ở Khattushash vì theo tôi hiểu, người Hittite lấy làm xấu hổ về bệnh tật của mình và cố giấu nhẹm bệnh càng lâu càng tốt. Những đứa trẻ tật nguyền và yếu ớt bị giết ngay sau khi sinh, nô lệ ốm cũng bị giết. Vì thế theo tôi, các thầy thuốc của họ không tài giỏi lắm mà là những người đàn ông ít học, không biết đọc, song họ khéo chữa lành các vết thương, các vết bầm tím; họ cũng có thuốc tốt để chữa các căn bệnh do địa hình, thời tiết gây ra và giúp hạ sốt nhanh chóng. Điều này tôi học được từ họ. Nhưng nếu ai đó mắc một căn bệnh hiểm nghèo và có thể chết, người đó sẽ thà chết hơn là được chữa bệnh, vì sợ rằng mình sẽ quá yếu hoặc mắc tật trong phần đời còn lại. Người Hittite không sợ chết như người các xứ văn minh mà sợ cơ thể yếu ớt nhiều hơn.

Nhưng thực ra tất cả các thành phố lớn đều giống nhau, cũng như người giàu và quý tộc ở tất cả các vương quốc rốt cuộc cũng như nhau. Khi danh tiếng của tôi lan xa, rất nhiều người Hittite bị những căn bệnh tôi biết rõ và có thể chữa khỏi đã đến nhà trọ gặp tôi, đúng ra là họ thích bí mật đến chỗ tôi khi trời đã tối trong bộ quần áo khác ngày thường để khỏi đánh mất thanh danh của mình. Họ cũng tặng tôi rất nhiều quà nên cuối cùng tôi đã kiếm được vô khối vàng và bạc ở Khattushash, dù lúc đầu tôi nghĩ mình sẽ phải rời khỏi đó như kẻ ăn xin. Kaptah đã góp công lớn cho khoản thu nhập này vì ông ta có thói quen la cà ở các quán bia, cửa hiệu và tất cả những nơi đông người, lớn tiếng khoe khoang, ca ngợi danh tiếng và tài nghệ của tôi bằng các thứ ngôn ngữ mà ông ta biết, nên nhiều gia nhân đã kể với các ông chủ của họ về tôi.

Phong tục của người Hittite rất nghiêm khắc và những người quyền quý không dám uống đến say xỉn ngoài phố vì sợ mang tiếng xấu. Nhưng giống như ở tất cả các thành phố lớn, giới thượng lưu và giàu có uống rất nhiều rượu, cả loại rượu pha rất nguy hiểm. Tôi chữa cho họ khỏi những cơn đau vì rượu và chứng run tay khi đến chầu đức vua; số khác nghĩ rằng chuột đang gặm nhắm cơ thể họ, tôi chữa bằng cách cho họ tắm và uống thuốc an thần. Tôi cũng để Minea múa mua vui cho họ và họ hết sức ngưỡng mộ cô ấy, tặng cô ấy những món quà quý giá mà không đòi hỏi cô ấy điều gì, vì người Hittite đã quý ai thì rất hào phóng. Vì thế tôi đã giành được cảm tình của họ nhiều đến mức tôi dám hỏi họ về những điều mà tôi thường không dám công khai dò hỏi. Tôi thu thập được nhiều thông tin nhất từ quản thủ văn khố của triều đình, người biết nói, biết viết nhiều ngôn ngữ và phụ trách việc trao đổi thư tín của đức vua với nước ngoài và không bị các phong tục, tập quán ràng buộc. Dĩ nhiên tôi làm cho người này tin rằng tôi đã bị trục xuất khỏi Ai Cập và không bao giờ được quay về, rằng tôi đã đi khắp các nước để kiếm vàng và bồi bổ kiến thức của mình chứ không có mục đích nào khác. Vì thế ông ta tin tôi và trả lời các câu hỏi của tôi, chỉ cần được uống rượu ngon và được nhìn Minea múa. Tôi hỏi ông ta:

- Vì sao Khattushash đóng cửa với người ngoài và các đoàn hành hương hay thương nhân chỉ được phép đi theo một số tuyến đường nhất định, mặc dù đất nước của các ông giàu có và thành phố của các ông có thể sánh với bất kỳ thành phố nào về danh lam thắng cảnh? Không tốt hơn sao nếu các dân tộc khác thấy được sức mạnh của các ông để họ ca ngợi Hatti trong các cuộc chuyện trò, vì đất nước của ông thật sự đáng được ca ngợi?

Ông ta vừa nhấp rượu vừa ngắm nhìn cơ thể mềm dẻo của Minea một cách thèm thuồng và đáp:

- Hoàng đế vĩ đại Shubbiluliuma của chúng tôi đã nói khi lên ngôi: "Hãy cho tôi ba mươi năm, tôi sẽ biến đất nước Hatti thành vương quốc vĩ đại nhất mà thế giới chưa từng thấy". Thời gian này sắp hết và tôi nghĩ thế giới sẽ sớm được biết thêm về đất nước Hatti hơn cả những gì họ muốn biết.

- Nhưng ở Babylon, - tôi nói, - tôi đã thấy sáu mươi lần sáu mươi lần sáu mươi lính diễu hành ngang qua nhà vua và tiếng chân đi rầm rập, vang rền như tiếng sóng biển vỗ bờ của họ. Ở đây tôi nhìn thấy cùng lúc một đoàn có lẽ chỉ mười lần mười lính, tôi không hiểu các cỗ chiến xa mà các ông làm ra tại các công xưởng của thành phố dùng để làm gì vì chúng chỉ dành cho chiến trận

nơi đất bằng, trong khi các ông ở vùng núi.

Ông ta cười nói:

- Anh là thầy thuốc mà tò mò quá vậy, Sinuhe, Người Ai Cập! Nhưng có lẽ chúng tôi kiếm được một ít bánh bằng cách bán chiến xa cho các vị vua ở các bình nguyên.

Khi nói điều đó, ông ta nheo mắt trông thật ranh mãnh.

- Tôi không tin, - tôi mạnh dạn nói. - Cứ như thể sói đưa nanh và vuốt của mình cho thỏ mượn.

Ông ta cười phá lên, đập tay xuống đầu gối khiến rượu tràn ra khỏi cốc và nói:

- Tôi phải nói điều đó với đức vua và có lẽ anh vẫn sẽ phải chứng kiến những cuộc săn thỏ khủng khiếp trong những ngày còn lại của đời mình, vì đạo lý của người Hittite khác với đạo lý ở các bình nguyên. Theo tôi biết, ở nước anh, người giàu cai trị người nghèo nhưng ở đất nước chúng tôi, kẻ mạnh cai trị kẻ yếu và tôi nghĩ rằng thế giới sẽ biết một thuyết mới trước khi tóc anh nhuốm bạc, Sinuhe ạ.

- Pharaon mới ở Ai Cập cũng tìm thấy một vị thần mới, - tôi nói, vờ tỏ ra ngớ ngẩn.

- Tôi biết điều đó, - anh ta nói, - bởi tôi đã đọc tất cả thư tín của quốc vương tôi. Vị thần mới này rất yêu hòa bình và tuyên bố rằng không có xung khắc nào giữa các vương quốc mà không thể hòa giải, nên chúng tôi không có gì chống lại vị thần này, mà ngược lại chúng tôi yêu quý ông ấy chừng nào ông ấy còn trị vì ở Ai Cập và ở xứ đồng bằng. Pharaon của các anh đã gửi cho quốc vương vĩ đại của chúng tôi một cây thánh giá Ai Cập và bảo đó là biểu tượng của sự sống. Chắc chắn ông ta còn giữ được hòa bình trong vài năm nữa, chỉ cần gửi cho chúng tôi nhiều vàng để chúng tôi có thể mua thêm vào kho nhiều đồng, sắt, lúa mạch và xây dựng thêm các công xưởng mới để sản xuất thêm nhiều chiến xa hạng nặng hơn so với trước đây, vì những việc này cần rất nhiều vàng và quốc vương chúng tôi đã chiêu mộ về Khattushash những thợ rèn vũ khí giỏi nhất từ tất cả các vương quốc, hào phóng trả họ lương cao. Nhưng vì sao ngài lại làm như vậy, tôi không nghĩ rằng trí khôn của thầy thuốc có thể trả lời được.

- Tương lai mà ông dự đoán có thể khiến quạ và chó rừng vui thích, - tôi nói, - chứ nó không làm tôi hài lòng và không thấy gì có

thể cười vui được. Tôi đã nhìn thấy những tù nhân bị chọc mắt quay những chiếc cối đá xay bột và ở biên giới Mitanni người ta kể nhiều chuyện về sự tàn bạo của nước ông mà tôi không muốn nhắc lại để tai ông không bị tổn thương, vì những chuyện ấy không thích hợp với những dân tộc văn minh.

- Văn minh là gì? - Ông ta hỏi và rót thêm rượu vào cốc mình. - Chúng tôi cũng biết đọc, viết và thu thập các đĩa đất sét được đánh số vào kho lưu trữ của chúng tôi. Chúng tôi chọc mù mắt những tù nhân phải quay cối xay suốt cuộc đời chỉ để thể hiện thiện chí với họ, vì công việc này rất nặng nhọc và nếu nhìn thấy bầu trời, mặt đất và những con chim bay lượn trên trời, họ sẽ còn cảm thấy nặng nề hơn, nó chỉ làm nảy sinh trong họ những suy nghĩ vô ích và nếu có ý định chạy trốn họ sẽ bị giết. Nếu quân lính ở vùng biên giới của chúng tôi chặt tay một vài đứa và kéo da đầu trùm lên mắt những đứa khác, điều đó không có nghĩa là chúng tôi tàn nhẫn, vì chính anh cũng đã thấy, trong nhà mình chúng tôi rất hiếu khách, thân thiện, yêu trẻ con, thương thú vật nuôi và không đánh đập vợ mình. Mục đích của chúng tôi là gieo rắc sự sợ hãi và hoảng loạn trong dân chúng của các nước thù địch để dần dần họ sẽ đầu hàng trước sức mạnh của chúng tôi mà không phải chém giết, không gây nên thiệt hại và thảm họa vô ích cho chính mình. Vì chúng tôi hoàn toàn không muốn sự diệt vong mà muốn các nước mình xâm chiếm không bị tàn phá và các thành phố được nguyên vẹn. Kẻ thù sợ hãi là đã thua đến một nửa rồi.

- Vậy tất cả các vương quốc đều là kẻ thù của các ông sao? - Tôi giễu cợt hỏi. - Các ông không khi nào có bạn ư?

- Bạn của chúng tôi là tất cả các vương quốc quy phục quyền lực của chúng tôi và cống nạp cho chúng tôi, - ông ta giảng giải. - Chúng tôi cho phép họ sống theo hoàn cảnh của riêng họ, chúng tôi không xúc phạm phong tục hay thần linh của họ, chừng nào chúng tôi được cai trị họ. Bạn của chúng tôi thường là các dân tộc không phải hàng xóm của chúng tôi, ít nhất cho đến khi họ trở thành hàng xóm của chúng tôi, vì sau đó chúng tôi thường thấy họ làm nhiều việc rất xúc phạm, ảnh hưởng tới sự hữu hảo láng giềng, buộc chúng tôi phải gây chiến chống lại họ. Đó là điều cho đến nay đã xảy ra, và tôi sợ rồi sẽ tiếp tục xảy ra vì tôi hiểu quốc vương vĩ đại của chúng tôi.

- Các vị thần của các ông không nói gì về chuyện này sao? - Tôi hỏi.
- Vì ở các vương quốc khác, các vị thần thường quyết định điều gì đúng và điều gì sai.

- Điều gì đúng và điều gì sai ư? - Ông ta hỏi lại. - Với chúng tôi, đúng là những gì chúng tôi muốn, và sai là những gì vương quốc láng giềng muốn. Đó là bài học rất đơn giản, làm cho cuộc sống và việc cai trị trở nên dễ dàng, và tôi nghĩ bài học này không khác nhiều lắm so với lời dạy của các vị thần ở xứ bình nguyên vì nếu tôi hiểu đúng, thần linh ở đó coi những gì người giàu muốn là đúng và những gì người nghèo muốn là sai. Nhưng nếu anh thật sự muốn biết điều gì đó về thần linh của chúng tôi thì thần duy nhất của chúng tôi là mẹ đất và trời cao, chúng tôi chào mừng họ vào mỗi mùa xuân khi cơn mưa đầu tiên từ trời cao rơi xuống thụ tinh cho mẹ đất, giống như tinh trùng của người đàn ông thụ tinh cho người đàn bà. Trong các lễ hội này, chúng tôi giảm nhẹ những hà khắc trong phong tục, vì người dân cũng cần được thỏa thuê mỗi năm một lần. Nên sau các lễ hội này nhiều đứa trẻ được sinh ra và thế là tốt vì vương quốc hùng mạnh lên nhờ trẻ em và những cuộc hôn nhân sớm. Dĩ nhiên, đám dân đen cũng có nhiều vị thần nhỏ khác, giống như các bộ lạc, nhưng anh không nên tính họ vào, vì các thần này không có tầm quan trọng trên toàn vương quốc. Vậy nên, anh không thể phủ nhận sự hào phóng của tôn giáo chúng tôi, nếu tôi có thể nói như vậy.

- Càng nghe nhiều về các vị thần, tôi càng thấy chán họ. - Tôi nói, lòng đầy phiền muộn, nhưng viên quản thủ văn khố của Shubbiluliuma chỉ cười, người ngả ra sau trên đệm ngồi, thỏa thuê vì rượu và cánh mũi dày đỏ ửng.

- Nếu anh là người nhìn xa trông rộng, - ông ta nói, - hãy ở lại với chúng tôi và bắt đầu phụng sự thần của chúng tôi, vì tất cả các vương quốc khác đã lần lượt thống trị thế giới và bây giờ đến lượt chúng tôi. Thần của chúng tôi rất hùng mạnh, tên là Quyền lực và Sợ hãi, và chúng tôi sẽ dựng những đền thờ lớn cho thần này từ những hộp sọ đã ngả màu trắng hếu. Tôi cũng không cấm anh nói điều này với người khác nếu anh dại dột mà rời bỏ chúng tôi, vì sẽ không ai tin anh bởi họ đều biết người Hittite chỉ yêu thích đồng cỏ và là những người du mục nghèo khó, sống trên núi với dê và cừu của mình. Nhưng tôi đã ngồi với anh quá lâu rồi, giờ tôi phải trở lại với khuôn phép cùng các lục sự của mình và đánh dấu các bảng đất sét mềm để khẳng định với tất cả các vương quốc những ý định tốt đẹp của chúng tôi, theo đúng trách nhiệm của mình.

Ông ta ra về và tối đó tôi nói với Minea:

- Anh đã biết rõ về xứ Hatti và đã tìm được thứ cần tìm. Vì thế, anh sẵn sàng cùng em rời khỏi nơi này nếu thần linh cho phép vì ở đây nồng nặc mùi xác chết và mùi tử thần làm anh nghẹt thở.

Thật thế, tử thần như cái bóng đè nặng xuống anh chừng nào chúng ta còn ở lại đây, và anh tin nếu vua của họ biết anh đã biết được những gì, ông ta sẽ cho xuyên người anh vào cọc nhọn, vì ở đây nếu muốn giết ai, họ sẽ không treo ngược người đó lên tường như ở các nước văn minh mà trồng cột rồi xuyên dọc cơ thể cho đến khi người đó chết. Vậy nên chừng nào ta còn ở trong biên giới của xứ này, bụng anh còn đau.

Nhờ sự giúp đỡ của các bệnh nhân quyền quý, tôi đã có được giấy phép, cho phép chúng tôi đi đến vùng duyên hải theo con đường quy định và lên thuyền để rời khỏi xứ này, mặc dù những bệnh nhân của tôi rất tiếc về sự ra đi của tôi, khuyên tôi nên ở lại và cam đoan rằng vài ba năm nữa tôi sẽ trở nên giàu có nếu tiếp tục hành nghề y giữa bọn họ. Nhưng cũng không ai ngăn cản sự ra đi của tôi, và tôi đã cười và kể cho họ nghe những chuyện khôi hài mà họ thích rồi chúng tôi chia tay nhau như những người bạn và tôi nhận được rất nhiều quà khi ra đi. Thế là chúng tôi bỏ lại sau mình những tường thành đáng sợ của Khattushash và thế giới của tương lai đang rình rập sau tường thành, chúng tôi lên lưng lừa, cưỡi chúng băng qua những cối xay bằng đá phát ra tiếng ầm ầm do những nô lệ mù nặng nhọc quay, qua những con đường mà hai bên bêu đầy xác phù thủy, vì ở Khattushash những phù thủy truyền bá các học thuyết không được nhà nước chấp thuận đều bị giết bởi vì nhà nước chỉ theo một học thuyết duy nhất. Tôi cố gắng đi càng nhanh càng tốt và sau hai mươi ngày, chúng tôi đã đến thành phố cảng.

4

Thành phố cảng này đón thuyền bè đến từ Syria và tất cả các hải đảo, cũng giống như tất cả các cảng trên thế giới, mặc dù người Hittite canh giữ nó, đánh thuế thuyền và kiểm tra bảng đất sét của tất cả những thuyền dự định rời đất liền. Nhưng không ai trên thuyền tìm cách đi vào sâu trong đất liền, từ thuyền trưởng, lái thuyền đến thủy thủ, không ai biết gì khác về miền đất Hatti ngoại trừ bến cảng này. Họ cũng có những tửu quán, những nhà vui, gái điếm và cả thứ nhạc Syria kinh khủng nơi bến cảng hệt như ở mọi cảng khác trên thế giới. Vì vậy họ cảm thấy bến cảng này rất thân thuộc và thích ở lại đây lâu hơn; họ không những không vội vàng rời bến mà để yên tâm còn cúng tế cho các vị thần Hittite, mẹ đất và trời cao, song cũng không quên các vị thần riêng của mình mà các thuyền trưởng giấu trong cabin của họ.

Lặng nhặng như một đàn ruồi, họ tụ tập tại cầu cảng, dùng cần mút bia trong vò, đông đến mức xung quanh mỗi vò có chừng mười, mười hai người đàn ông từ tất cả các nước thi nhau hút. Bia của người Hittite rất mạnh và bốc lên đầu như khói, khiến tối đến họ phá khóa cửa các nhà vui, đá đổ các bàn xoay của những thợ gốm, dùng chày gỗ đánh nhau bị thương và đưa gái lên thuyền cho đến khi lính canh Hatti đến và dùng cán giáo buộc họ yên. Nhưng dù có làm gì hay không, họ cũng phải trả tiền cho việc đó và đền bù bằng đồng và bạc để không bị ai hành hạ thêm nên họ đều biết trước phải trả bao nhiêu nếu đầu bị bổ toác, mắt bị chọc thủng hay vết thương toác miệng. Vì thế họ cười lớn với nhau và nói: "Đây là một đất nước tốt và chúng tôi sẽ trở lại". Còn nếu nhìn thấy phù thủy bị xâu dọc trên cột cạnh tường thành, họ sẽ nói: "Phép thuật là một điều xấu và người đàn ông này đã dùng lưỡi làm phép chọc thủng ruột mình". Nhưng người Hittite đã chiêu mộ những thủy thủ giỏi nhất và dụ họ trốn khỏi thuyền, vì người Hittite không phải là dân biển và trong khi các nước khác thuê lính thì người Hittite thuê thủy thủ, hoa tiêu, thợ đóng thuyền và đối xử tốt với những người này, làm họ lớn tiếng khoe khoang về mức lương và cuộc sống mới sung túc để dụ dỗ những người khác cũng trốn khỏi thuyền.

Chúng tôi ở lại thành phố này một thời gian, dù đó là một thành phố ồn ào đầy chuyện xấu xa và tội ác, vì khi chúng tôi thấy một thuyền sắp khởi hành đến đảo Crete, Minea nói: "Nó nhỏ quá, có thể gặp nạn trên biển và em không muốn chịu một vụ đắm thuyền mới". Còn khi chúng tôi thấy một thuyền lớn hơn, cô nói: "Đó là thuyền Syria và em không muốn đi trên thuyền Syria". Đến thuyền thứ ba, cô lại nói: "Thuyền trưởng có con mắt gian xảo, em sợ rằng anh ta sẽ bán hành khách của mình làm nô lệ cho những xứ xa lạ".

Thế là chúng tôi ở lại bến cảng nhưng tôi cũng không lấy thế làm tiếc vì có quá nhiều việc để làm - lúc khâu, khi làm sạch vết thương và khi khoan hộp sọ vỡ. Cả viên cai đội canh cảng cũng cần tôi vì anh ta mắc bệnh giang mai và không thể đụng vào đàn bà con gái vì sẽ đau khủng khiếp. Nhưng tôi biết bệnh này hồi ở Simyra và có thể chữa trị nó bằng thuốc của các thầy thuốc Simyra, nên anh ta hết lòng biết ơn khi được vui vẻ trở lại với các cô gái ở bến cảng. Ân ái là một ưu đãi dành cho anh ta, vì mọi cô gái muốn hành nghề ở bến cảng đều phải đồng ý vui vẻ với anh ta và những người thư lại của anh ta mà không đòi tiền. Do đó, anh ta đã rất tiếc khi không thể tận dụng lợi thế này.

Sau khi được tôi chữa lành bệnh, anh ta hỏi tôi:

- Sinuhe, tôi có thể tặng quà gì cho xứng với tài năng tuyệt vời của anh? Cân đo vàng để trả ơn anh đã chữa cho tôi lành bệnh?

- Tôi không muốn vàng của anh, - tôi nói. - Cho tôi con dao bên lưng anh, tôi sẽ rất biết ơn vì như thế tôi có vật lưu niệm để nhớ mãi về anh, còn anh không cần cảm ơn tôi.

- Con dao này đơn giản, - anh ta từ chối khéo, - nó không có sói chạy dọc theo lưỡi dao và tay cầm không được mạ bạc.

Nhưng anh ta nói thế vì con dao được làm bằng kim loại của người Hititte và không được phép tặng hoặc bán cho người ngoài, chính vì thế tôi đã không mua được một vũ khí như vậy ở Khattushash, bởi không muốn quá ngoan cố vật nài dễ gây nghi ngờ. Những con dao như vậy chỉ được thấy ở những người có địa vị cao nhất của Mitanni và có giá gấp mười lần trọng lượng vàng, mười bốn lần trọng lượng bạc mà người chủ vẫn không muốn bán vì loại dao như vậy không có nhiều trên thế giới. Nhưng với người Hittite, dao này không có giá trị lớn vì anh ta không được phép bán cho người lạ.

Nhưng viên cai đội biết tôi sẽ rời cảng sớm và nghĩ anh ta có thể dùng vàng của mình vào việc gì khác tốt hơn là làm quà cho danh y, vì thế anh ta quyết định tặng tôi con dao sắc lẻm, đến mức nó cắt râu ngọt hơn lưỡi dao cạo râu tốt nhất và lưỡi của nó có thể chặt vào đồng mà không hề sứt mẻ. Tôi rất thích con dao này và quyết định tráng cho nó một lớp bạc và sắm cho nó cái cán bằng vàng, như các quý tộc Mitanni thường làm sau khi nhận được con dao như vậy. Viên cai đội cảng không tiếc mà chúng tôi đã trở thành bạn vì tôi đã chữa cho anh ta khỏi hẳn bệnh. Tôi bảo anh ta hãy đuổi cô gái mà anh ta ân ái cùng ra khỏi cảng vì cô ta đã làm lây bệnh, nhưng anh ta nói đã sai xuyên cọc cô ả, vì bệnh như vậy rõ ràng từ ma thuật mà ra.

Thành phố cảng này cũng có một cánh đồng, ở đó có những con bò rừng như ở hầu hết các thành phố cảng ngày đó và thanh niên luyện tập sự nhanh nhẹn và lòng can đảm của mình bằng cách chiến đấu với những con bò này, đâm vật nhọn vào cổ chúng và nhảy qua chúng. Minea rất vui khi thấy bò và muốn thử tài nghệ của mình. Thế là lần đầu tiên tôi nhìn cô ấy nhảy múa trước những con bò rừng, cảnh tượng mà tôi chưa bao giờ được mục kích, mặc dù trái tim tôi lạnh cứng vì sợ hãi. Vì bò rừng là loài đáng sợ nhất trong tất cả các loài thú dữ, đáng sợ hơn cả voi, loài thú thường rất hiền lành trừ khi bị quấy rầy, sừng nó dài và nhọn như kim, dễ dàng đâm xuyên người và nó có thể hất người lên

không trung rồi chà đạp dưới chân nó.

Nhưng Minea chỉ mặc một bộ váy áo mỏng khi nhảy trước những con bò rừng, lẹ làng né tránh chúng khi chúng hạ thấp cổ và gầm gừ chực nhào đến tấn công cô. Mặt đỏ bừng, cô lao đến, lưới tóc màu bạc của cô bị hất tung ra khiến tóc bay bồng bềnh trong gió; điệu nhảy của cô nhanh đến mức mắt không thể theo dõi kịp mọi chuyển động khi cô nhảy lên giữa sừng của con bò đang lao đến, vừa giữ chặt sừng nó vừa lấy chân ấn vào trán nó lấy đà rồi tung người lên quay một vòng và hạ xuống đứng trên lưng bò. Tôi nhìn tài nghệ của cô ấy và nghĩ sự ngưỡng mộ này của tôi đã khiến cô trong phút chốc làm điều mà tôi không bao giờ tin con người có thể làm được, nếu chỉ nghe ai đó nói. Vì thế, tôi nhìn cô ấy đến nỗi cả người ướt đẫm mồ hôi và đứng bật dậy trên khán đài, mặc những người ngồi sau tôi chửi rủa và giật vai áo tôi.

Minea được chào mừng nhiệt liệt khi từ cánh đồng trở về, đầu và cổ quấn đầy vòng hoa, các chàng trai trẻ đã tặng cô một cái cốc kỳ lạ trên đó có hình những con bò được vẽ bằng màu đỏ và đen. Ai cũng nói: "Chúng tôi chưa bao giờ nhìn thấy điều như vậy". Các thuyền trưởng từng đến đảo Crete vừa nói vừa phả hơi rượu ra từ hai lỗ mũi: "Ngay cả ở đảo Crete cũng không vũ nữ nào có thể sánh với cô ta". Nhưng cô đến bên tôi và tựa vào tôi, váy áo mỏng ướt đẫm mồ hôi. Cô tựa vào tôi toàn bộ cơ thể mảnh mai rắn chắc, từng thớ thịt run rẩy vì kiệt sức lẫn tự hào của mình, tôi nói với cô: "Anh chưa bao giờ thấy ai như em". Nhưng trái tim tôi đau thắt, vì khi nhìn cô ấy nhảy múa trước những con bò rừng, tôi biết rằng những con bò như phù thủy độc ác đã chia lìa cô khỏi tôi.

Không lâu sau đó, một chiếc thuyền không quá lớn cũng không quá nhỏ từ đảo Crete cập bến, vị thuyền trưởng cũng không có vẻ ác độc và nói tiếng mẹ đẻ của cô ấy, vì vậy cô ấy bảo:

- Thuyền này sẽ đưa em an toàn về đến đất mẹ và với các thần của em, vì thế bây giờ chắc chắn anh sẽ bỏ em và thỏa sức vui mừng vì thoát được em, sau khi em đã gây ra cho anh rất nhiều phiền toái và mất mát.

Nhưng tôi nói:

- Minea, em biết là anh sẽ đi theo em đến đảo Crete.

Cô ấy nhìn tôi, cặp mắt xanh như biển dưới ánh trăng, đôi môi được tô phớt hồng, cặp lông mày mỏng như hai vệt kẻ đen trên đôi mắt. Cô bảo:

- Sinuhe, em không hiểu vì sao anh lại muốn đi theo em, vì thuyền đưa em đi thẳng, an toàn đến đất mẹ và không có chuyện gì xấu có thể xảy ra với em nữa.

- Cũng như anh, em biết rất rõ điều đó, Minea, - tôi nói.

Khi ấy cô đặt những ngón tay dài, rắn chắc của mình vào tay tôi rồi thở dài và nói:

- Em đã cùng anh trải qua rất nhiều điều, Sinuhe, đã nhìn thấy nhiều xứ sở khác nhau, khiến trong tâm trí em đất mẹ phai mờ giống như một giấc mơ đẹp và em không còn khao khát thần của em như trước. Vì vậy mà em đã trì hoãn chuyến đi với những lý do vớ vẩn, như anh thừa biết, nhưng khi nhảy múa trước đàn bò, em lại biết rằng mình phải chết nếu anh xâm hại em.

Tôi nói với cô ấy:

- Đúng, đúng, đúng, chúng ta đã nói về điều này quá nhiều lần và anh không muốn chạm vào em, bởi lẽ việc đó không đáng để chọc tức thần linh của em và bất kỳ nô tỳ nào cũng có thể cho anh điều mà em ngăn cấm anh, không có gì khác biệt trong việc đó, như Kaptah nói.

Lúc đó đôi mắt cô lóe lên xanh lục như mắt mèo hoang trong bóng tối rồi cô ấn móng tay vào lòng bàn tay tôi và rít lên:

- Đến ngay chỗ nô tỳ của anh đi, vì nhìn anh tôi phát điên lên. Chạy thẳng đến chỗ những con bé bẩn thỉu trong bến cảng đi, khi anh muốn thế, nhưng anh phải biết rằng tôi sẽ không nhìn đến anh nữa mà có thể còn làm anh đổ máu bằng con dao của mình. Điều gì tôi không thể có, anh cũng không thể có.

Tôi cười nói với cô ấy:

- Không thần linh nào ngăn cấm anh việc ấy.

Nhưng cô ấy bảo:

- Tôi cấm và cứ thử đến gần tôi sau khi làm việc đó xem.

Tôi nói với cô ấy:

- Đừng lo, Minea, anh đã thực sự ngán việc em nói đến tận cổ rồi! Mà hầu như không có gì đơn điệu hơn vui thú với đàn bà, vì thế sau một lần thử, anh không có hứng làm lại việc đó lần nữa.

Cô ấy lại nổi khùng lên:

- Lời anh nói xúc phạm ghê gớm tới nhân phẩm nữ giới trong tôi và tôi chắc chắn là anh sẽ không thể chán tôi, nếu việc đó xảy ra.

Cứ vậy tôi không thể nói bất cứ điều gì vừa lòng cô ấy mặc dù tôi đã cố gắng hết sức, và tối đó cô không ở bên tôi như trước mà lấy tấm thảm của mình và đi sang phòng khác, trùm chăn kín đầu định ngủ.

Lúc đó, tôi gọi cô ấy và gào lên:

- Minea, vì sao em không sưởi ấm anh như trước, khi em trẻ hơn anh mà đêm lại lạnh và anh rét run trên tấm thảm của mình.

- Anh không hề nói thật, - cô ấy nói, - vì người tôi nóng như lên cơn sốt và tôi không thể thở trong cái nóng ngột ngạt này. Nên tôi thích ngủ một mình, nếu anh bị lạnh hãy gọi mang chậu than vào phòng hoặc để con mèo nằm bên cạnh anh, đừng làm phiền tôi nữa.

Tôi đến chỗ cô ấy và sờ trán cô, người cô nóng ran và run lên dưới tấm chăn nên tôi nói:

- Có thể em bị ốm, để anh chữa cho em.

Nhưng cô đạp chăn, gạt tôi ra và gắt lên:

- Tránh ra, đi về chỗ của anh đi, thần của tôi sẽ chữa cho tôi khỏi bệnh.

Song một lúc sau, cô lại nói:

- Nhưng hãy cho em một ít thuốc gì đó đi, Sinuhe, nếu không ngực em sẽ tức nghẹn và em sẽ khóc.

Tôi cho cô thuốc an thần và cuối cùng cô ngủ thiếp đi, còn tôi thức cho đến khi những con chó bắt đầu sủa trong ánh xám bàng bạc của rạng ngày trên bến cảng.

Ngày khởi hành của chúng tôi đã đến, tôi nói với Kaptah:

- Hãy thu xếp hành lý, chúng ta sẽ lên thuyền để đi đến đảo Keftiu, đất mẹ của Minea.

- Tôi đã đoán được điều này, - Kaptah nói, - nên không vì thế mà xé quần áo của mình, bởi làm vậy thì lại phải khâu chúng và ông

cũng không đáng để tôi rắc tro lên tóc mình vì sự lật lọng của ông. Chẳng phải khi rời Mitanni ông đã thề rằng chúng ta sẽ không bao giờ dong buồm trên biển nữa ư? Tôi đã biết trước điều này khi thấy ông lén lút ở bến cảng như kẻ trộm và nghe lỏm được điều ông thì thào với cô Minea đáng nguyền rủa kia, người sẽ đẩy chúng ta đến thảm họa cuối cùng, như tôi đã đoán khi gặp cô ta lần đầu tiên, lúc cô ta lấy dép đập mũi tôi chảy máu trong khi tôi chỉ muốn điều tốt cho cô ta. Nhưng tôi cố kìm nén, không nói bất cứ điều gì, thậm chí không khóc bởi tôi sợ bị mù nốt con mắt còn lại, vì tôi đã khóc quá nhiều cho số phận ông ở tất cả những nước mà chúng ta đã đến do sự điên rồ đáng nguyền rủa của ông. Tôi chỉ nói với ông rằng tôi đã biết trước chuyến đi này là chuyến đi cuối cùng của tôi, vì dạ dày của tôi nói với tôi điều đó, nhưng tôi không thèm buộc tội ông nữa, bởi chỉ nhìn ông và ngửi cái mùi danh y của ông đã làm tôi phát khiếp. Nhưng tôi đã thu xếp đồ đạc và sẵn sàng đi, bởi vì không có bọ hung, ông không thể đi thuyền ra biển và không có bọ hung, tôi không thể sống sót nếu theo đường bộ đến Simyra, vì vậy tôi theo bọ hung và chết trên thuyền hoặc chết đuối với ông trên biển, chứ tôi không có niềm an ủi nào khác ngoài việc ông đã dùng gậy viết tất cả những điều này lên mông tôi vào ngày ông mua tôi từ chợ nô lệ Thebes.

Tôi ngạc nhiên thấy Kaptah thuận lòng, cho đến khi phát hiện ra là ông ấy đã hỏi nhiều thủy thủ ở bến cảng những cách thức khác nhau và đã mua từ họ những vật làm bùa hộ mệnh chống các bệnh trên biển với giá đắt. Thế nên trước khi chúng tôi khởi hành, ông ấy nhịn ăn, treo bùa hộ mệnh vào cổ, thắt chặt dây lưng quanh bụng và uống loại thảo dược chống say. Vừa bước lên thuyền, mắt trừng trừng như mắt cá luộc, ông ấy đã thều thào hỏi xin mỡ lợn vì đám thủy thủ cam đoan rằng đó là phương thuốc tốt nhất chống say sóng. Rồi ông ta chui vào chỗ của mình và ngủ thiếp đi, một tay cầm miếng thịt sấn còn tay kia nắm chặt bọ hung. Viên cai đội cảng lấy bảng đất sét của chúng tôi và tạm biệt tôi, sau đó những người chèo thuyền thả mái chèo xuống nước và chèo chúng tôi rời cảng.

Thế là chúng tôi bắt đầu chuyến đi đến đảo Crete. Ra khỏi bến cảng, thuyền trưởng dâng lễ cho thần biển và các vị thần bí mật trong buồng lái của mình rồi hạ lệnh kéo buồm lên khiến con thuyền nghiêng đi, bắt đầu rẽ nước, dạ dày tôi nảy từ thắt lưng lên đến cổ và trước mặt chúng tôi biển dập dềnh, mênh mông, không còn thấy bến bờ.

Sách thứ tám
Nhà tối

1

Biển bao la, sóng dềnh trước mặt và xung quanh, trong nhiều ngày liền chúng tôi không thấy bờ, nhưng tôi không sợ vì có Minea bên cạnh, nàng lấy lại thần sắc khi được hít thở không khí biển. Trăng lấp lánh trong mắt nàng khi nàng đứng trên mũi thuyền, người vươn về trước và tham lam hít khí trời như muốn dùng sức mạnh của mình thúc thuyền đi nhanh hơn. Bầu trời trong xanh phía trên chúng tôi, mặt trời tỏa sáng và gió không quá mạnh, chỉ vừa đủ thổi căng những cánh buồm và đưa chúng tôi đi đúng hướng. Đấy là thuyền trưởng nói thế và tôi không có lý do để nghi ngờ lời của anh ta. Khi đã quen với sự lắc giật của thuyền, tôi không bị say nữa, cho dù một nỗi sợ vô hình bóp nghẹt tim tôi khi những con mòng biển vẫn chấp chới đôi cánh trắng lượn vòng quanh chúng tôi rồi cuối cùng cũng bỏ thuyền lại vào ngày thứ hai và bay đi. Thay vào đó, các cỗ xe của thần biển bắt đầu bám theo thuyền và những con heo biển uốn mình phơi tấm lưng lấp lánh trên mặt nước, Minea hét to chào chúng bằng ngôn ngữ riêng của mình vì chúng trao cho nàng lời chào từ thần của nàng.

Biển cũng không hoàn toàn vắng vẻ, một thuyền chiến Crete với những tấm khiên đồng lấp lánh bên mạn thuyền đang chạy hướng ngược lại, họ chào chúng tôi bằng cờ hiệu sau khi nhận ra thuyền chúng tôi không phải là thuyền của cướp biển. Cả Kaptah cũng dậy, ra khỏi chỗ nằm sau khi nhận ra có thể đi lại trên thuyền và khoác lác với các thủy thủ về những chuyến đi đến nhiều nước của mình. Nhận thấy mình sẽ không bị say nữa, ông ấy kể về chuyến đi từ Ai Cập đến Simyra, về cơn bão đã xé toạc

cánh buồm ra khỏi thuyền khiến chỉ thuyền trưởng và ông ấy có thể ăn trên thuyền, còn những người khác nằm trên sàn rên rỉ và nôn thốc nôn tháo theo hướng gió. Ông ấy cũng kể về những quái vật biển đáng sợ canh giữ đồng bằng sông Nile và sẽ nuốt trọn bất cứ thuyền đánh cá nào dám đi quá xa ra biển. Đám thủy thủ cũng không chịu thua, kể cho ông ấy nghe về những cây cột chống trời ở nửa bên kia của biển và những nàng tiên đuôi cá bám theo các thủy thủ để phù phép, bắt họ vui thú cùng mình; những câu chuyện kể về quái vật biển khiến Kaptah sợ dựng tóc gáy, chạy đến chỗ tôi mặt tái xanh tái xám và túm chặt lấy vai áo tôi. Còn miếng mỡ lợn thì ông ấy đã ném xuống biển vì không thể nuốt được.

Minea ngày càng hoạt bát hơn, tóc nàng bồng bềnh trong gió, đôi mắt nàng giống như ánh trăng dưới biển, nàng trông thật mềm dẻo và xinh đẹp, khiến tim tôi tan chảy trong lồng ngực khi nhìn nàng và nghĩ về việc tôi sắp mất nàng. Tôi cảm thấy trở về Simyra và Ai Cập khi không có nàng thật vô vị, bởi tôi đã quen ở bên nàng; cuộc đời như đắng ngắt trong miệng khi tôi nghĩ sẽ đến lúc không nhìn thấy nàng nữa, tay nàng không còn để lên tay tôi và hông nàng không còn áp vào cạnh hông tôi. Nhưng thuyền trưởng và các thủy thủ rất cảm phục nàng khi nghe kể nàng nhảy múa trước những con bò đực và là người đã được chọn để có quyền bước vào nhà của thần trong đêm rằm, cho dù vụ đắm thuyền đã ngăn cản nàng. Khi tôi gặng hỏi về thần linh của họ, họ không trả lời tôi và nói: “Chúng tôi không biết”. Một số khác nói: “Chúng tôi không hiểu tiếng của anh, một ngôn ngữ lạ”. Tôi chỉ hiểu rằng thần Crete cai trị biển và các hải đảo đã gửi những chàng trai và cô gái trẻ của họ đến nhảy múa trước những con bò của thần.

Rồi đến ngày Crete nhô lên trước mắt chúng tôi như một đám mây xanh dương trên biển, đám thủy thủ thốt ra những tiếng kêu sung sướng, còn thuyền trưởng tạ ơn thần biển vì ngài đã ban cho chúng tôi gió thuận và thời tiết đẹp. Những ngọn núi và bãi biển dốc của Crete với những cây ô liu nhô dần lên trước mắt và tôi nhìn nó như một miền đất xa lạ mình không biết chút gì, dù sẽ phải chôn chặt trái tim mình ở đó. Nhưng Minea nhìn đất mẹ của mình và vui sướng khóc òa khi thấy vẻ hùng vĩ của những rặng núi và màu xanh êm ả của đất mẹ trong vòng ôm của biển, cho tới khi những cánh buồm hạ xuống và các tay chèo đẩy mái chèo xuống nước và chèo thuyền vào bến, lướt qua các con thuyền đang neo đậu, trong đó có những thuyền buôn và thuyền chiến từ khắp các nước. Ở cảng Crete có đến cả ngàn thuyền và Kaptah vừa nhìn chúng vừa nói rằng ông sẽ không bao giờ tin nếu ai đó nói trên thế giới có nhiều thuyền đến thế. Ở cảng không có tháp, tường thành hay đồn biên phòng, mà thành phố bắt đầu ngay từ

cảng. Quả thật Crete hoàn toàn cai trị biển và thần của Crete rất hùng mạnh.

2

Giờ tôi sẽ kể về Crete và tôi muốn kể những gì tận mắt nhìn thấy, chứ không muốn kể mình nghĩ gì về đất nước và thần linh xứ này, tôi giấu những suy nghĩ ấy trong tim và chỉ kể bằng mắt mình. Tôi chưa thấy nơi nào trong tất cả các vùng đất mình từng đặt chân tới đẹp và lạ như Crete. Như biển xô những con sóng lấp lóa vào bờ, như những bóng nước phát ra cả năm sắc cầu vồng và như những vỏ trai lấp lánh màu ngọc trong vắt, Crete cũng lấp lánh, chói lòa trong mắt tôi. Bởi không ở đâu niềm vui cuộc sống và sự hưởng lạc của con người lại tự nhiên và thất thường như ở Crete, họ không sẵn sàng làm bất cứ điều gì khác ngoài điều họ chợt nghĩ ra, do vậy rất khó có được thỏa thuận hay lời hứa với người ở đây, ai cũng làm theo ý mình và thay đổi quyết định như trở bàn tay. Cũng vì vậy, họ thường nói tất cả đều đẹp hoặc dễ thương mặc dù điều đó có thể không đúng, vì âm điệu du dương của từ ngữ làm họ thích thú; và ở đất nước họ không ai biết đến cái chết, thậm chí tôi nghĩ trong ngôn ngữ của họ không có từ chết, vì họ giấu nó đi và nếu ai đó chết, người đó được bí mật đưa đi để người khác không lấy làm buồn. Tôi nghĩ, mặc dù tôi không biết chắc, rằng họ đốt xác của người quá cố vì khi ở Crete tôi không thấy ai chết, cũng không thấy nấm mồ nào trừ lăng mộ của các vị vua trước đây được xây bằng những tảng đá lớn từ thời cổ đại và họ tránh nơi đó thật xa vì không muốn nghĩ đến cái chết, cứ như thể làm thế họ thoát được nó.

Nghệ thuật của họ cũng thật lạ lùng và kỳ dị, các nghệ sĩ đều vẽ như ý mình muốn, bỏ qua mọi quy tắc và chỉ yêu thích những gì đẹp theo cách nhìn của mình. Bình và lọ của họ màu sắc sặc sỡ, trên thân chúng tất cả các loài thủy vật và hải sản kỳ lạ của biển bơi lội tung tăng, những bông hoa khoe sắc mọc và những con bướm bay lượn trong không trung, khiến những người vốn quen với các quy tắc nghệ thuật nghiêm ngặt cảm thấy băn khoăn và nghĩ như mình đang mơ khi ngắm nhìn các tác phẩm của họ.

Các tòa nhà của họ không to lớn và hùng vĩ như các đền thờ và cung điện ở các xứ khác, mà khi xây họ nhằm đến sự thoải mái và sang trọng chứ không quá chú ý đến hình thức bên ngoài của các công trình. Họ yêu thích sự thoáng đãng và sạch sẽ, các chấn song

cửa sổ của họ thưa để gió lùa vào các phòng và nhà của họ có nhiều phòng tắm, trong đó cứ xoay vặn vòi là nước nóng và lạnh từ các ống bạc chảy xuống những cái bồn sáng loáng. Nhà vệ sinh của họ, nước xả xuống rất mạnh làm sạch mọi thứ phía dưới bồn, khiến tôi thấy không ở đâu có sự xa xỉ như trong các ngôi nhà Crete, và không phải chỉ nhà của giới quyền quý và giàu có mà cả nhà của những người không sống ở bến cảng, người nước ngoài và dân lao động.

Đàn bà của họ dành không biết bao nhiêu thời gian để tắm rửa, cạo nhổ lông trên người, làm đẹp và vẽ mặt đến nỗi mỗi khi được mời, họ không bao giờ sửa soạn xiêm áo xong kịp thời gian mà khi nào xong mới đến. Khi được vời đến yến tiệc của đức vua, họ cũng tùy ý đến lúc nào họ muốn. Nhưng lạ lùng nhất là xiêm áo của đàn bà: họ mặc những bộ đồ bó sát người được may từ vải dệt bằng sợi bạc và vàng, che kín cơ thể, chỉ để hở cánh tay và bầu vú, bởi vì họ hãnh diện về bầu vú đẹp của mình; họ thêu hàng ngàn hoa văn lên chiếc váy rộng, gấp nếp và để các họa sĩ vẽ lên đó nhiều hình trang trí. Họ cũng có những bộ trang phục được làm từ hàng trăm mảnh vàng hình những con cá mực, các loài bướm, những thuyền lá cọ và làn da của họ sáng lấp ló giữa chúng. Họ dành cả ngày khéo léo uốn xoăn tóc lên cao và trang trí tóc bằng những chiếc mũ nhỏ, nhẹ và gắn lên tóc những chiếc ghim vàng, khiến chúng rung rinh như những con bướm bay trên đỉnh đầu. Thân hình họ thon thả và mảnh mai, hông họ hẹp như của những đứa bé trai khiến việc sinh nở rất khó khăn với họ, họ gắng hết sức để không sinh con và không coi việc không có con là xấu hổ, hoặc chỉ có một hoặc hai con.

Đàn ông đi ủng có trang trí cao đến đầu gối, nhưng xà rông của họ rất đơn giản và họ quấn cơ thể rất chặt vì họ tự hào với vòng eo hẹp và bờ vai rộng. Đầu họ thon nhỏ, tay chân thanh tú và giống như đàn bà, họ không chịu để một sợi lông nào mọc trên cơ thể. Rất ít người trong số họ nói tiếng nước ngoài vì họ yêu mến đất nước mình và không muốn sang sống ở các vương quốc khác, những nước không mang lại cho họ sự thoải mái và niềm vui như ở đất nước mình. Mặc dù họ có được tất cả sự giàu có nhờ có bến cảng và việc buôn bán trao đổi hàng hóa, nhưng tôi đã gặp trong số họ những người đàn ông không bao giờ chịu đến bến cảng vì ở đó có mùi hôi và họ không thể làm các phép tính đơn giản, mà hoàn toàn tin tưởng người quản gia của mình trong mọi việc. Do đó, những người lạ có tay nghề cao sẽ nhanh chóng trở nên giàu có ở Crete nếu bằng lòng cư ngụ ở bến cảng.

Họ cũng có các loại máy nhạc phát âm thanh ngay cả khi nhạc

công không có mặt và còn khẳng định họ có thể ghi lại nhạc để người khác chỉ cần đọc những bản ghi ấy là chơi được nhạc ngay cho dù trước đó chưa bao giờ được nghe. Các nhạc công Babylon cũng khẳng định họ có kỹ năng như vậy và tôi không muốn tranh luận với họ hay người Crete, vì bản thân tôi không phải là nhạc công và nhạc cụ của các vùng đất khác nhau làm tôi bối rối. Nhưng từ những điều này, tôi hiểu tại sao người các xứ khác có câu tục ngữ nói về người dân xứ này: "Nói dối như người Crete".

Họ không có những ngôi đền nổi bật và cũng không quan tâm nhiều đến thần linh mà chỉ bằng lòng phụng sự những con bò đực của mình. Họ còn làm điều này hết sức nhiệt tình, đến mức hiếm có ngày nào trôi qua mà không thấy họ trên khán đài để xem bò. Tuy nhiên, tôi không nghĩ điều này là do tôn kính thần linh mà đúng hơn là bởi sự hồi hộp và niềm mê say mà những điệu nhảy múa trước những con bò mang đến cho người xem.

Tôi cũng không thể nói họ hết lòng tôn kính quốc vương của họ, vì ông ta cũng như họ, cho dù ông ta sống trong một cung điện lớn hơn nhiều so với nhà của dân chúng. Nhưng họ gặp gỡ, cư xử với vua của mình như người đồng vai phải lứa, đùa cợt và kể chuyện khôi hài về đức vua, đến chỗ vua khi được bất chợt vời đến và ra về theo ý muốn của mình khi thấy buồn chán hay chợt nảy ra điều gì đó khác. Họ uống rượu rất sành để tinh thần vui vẻ và tập quán của họ rất tự do, song không bao giờ họ uống say vì họ nghĩ đó là thói quen mọi rợ và tôi chưa thấy ai nôn ọe vì uống quá nhiều trong các bữa tiệc, như thường thấy ở Ai Cập và các vương quốc khác. Thay vào đó, họ bất chợt mê đắm nhau, bất kể đó là chồng hay vợ của ai và vui vẻ cùng nhau với bất cứ cách nào hay khi nào họ muốn. Những nam thanh nhảy múa trước bò đực rất được phụ nữ ưu ái, khiến nhiều quý ông thượng lưu luyện tập nhảy múa trước bò đực mặc dù không được thụ phong. Họ làm điều đó để giải trí và đôi khi để có được tài nghệ giống như những thanh niên đã được thụ phong cho thần linh, và họ không được ăn nằm với đàn bà, giống như các thiếu nữ được thụ phong bị cấm giao cấu với đàn ông. Nhưng vì sao lại thế, tôi không thể hiểu, bởi vì dựa trên phong tục của họ, ai có thể nghĩ là họ sẽ chú ý đến vấn đề này như vậy.

Tôi kể tất cả những điều này để chứng tỏ tôi đã kinh ngạc biết bao lần trước khi làm quen được với tập quán Crete, nếu như có lúc nào đó tôi có thể quen được, bởi họ luôn tự hào khi nghĩ ra điều gì đó mới mẻ và gây kinh ngạc, đến nỗi không bao giờ có thể biết trước điều gì sẽ xảy ra tiếp theo. Nhưng giờ tôi phải kể về Minea, mặc dù trái tim tôi quặn đau khi kể về nàng.

Sau khi cập cảng, chúng tôi vào một nhà trọ dành cho người ngoại quốc, một ngôi nhà về mặt tiện nghi là xa hoa nhất trong tất cả các nhà trọ mà tôi nhìn thấy, mặc dù nó không to lắm, đến mức "Vọng lâu Ishtar" ở Babylon, với tất cả sự tráng lệ bụi bặm và đám nô lệ dốt nát của nó, thật thô sơ, mọi rợ bên cạnh ngôi nhà này. Ở đó chúng tôi tắm rửa và thay quần áo, Minea cho uốn tóc, mua váy áo mới để có thể đi gặp bạn bè khiến tôi rất ngạc nhiên khi thấy nàng, vì trên đầu nàng có một chiếc mũ nhỏ giống như một cái đèn, dưới chân là đôi giày gót cao rất khó đi. Nhưng tôi không muốn làm nàng bực mình nên không nói gì về xiêm áo của nàng, thay vì thế tôi tặng nàng bông tai và một chiếc vòng cổ chạm những viên đá màu sắc khác nhau mà theo lời người bán là để dùng vào ngày hôm đó ở Crete, nhưng ngày mai sẽ dùng loại gì thì anh ta không thể nói. Tôi cũng kinh ngạc nhìn hai bầu vú để hở nhô lên từ làn da bàng bạc và hai núm vú được tô màu đỏ, khiến nàng tránh cái nhìn của tôi và bực tức nói rằng bầu vú của nàng không có gì đáng xấu hổ mà có thể sánh với bất kỳ phụ nữ nào ở Crete. Sau khi ngắm nhìn kỹ, tôi không phản đối vì thấy trong việc này có thể nàng nói đúng.

Sau đó chúng tôi gọi kiệu đưa mình từ bến cảng vào trong thành phố, nơi có những tòa nhà thanh thoát và những mảnh vườn nhỏ, một thế giới khác hẳn sau tiếng ồn ào, mùi tôm cá và cảnh buôn bán ở bến cảng. Minea đưa tôi đến gặp một nhà quý tộc lớn tuổi, là bạn đồng thời là người bảo trợ đặc biệt của nàng, người đã đánh cược tài năng của nàng ở sân đấu bò nên Minea đã sống ở chỗ ông ta và sử dụng nhà ông ta như nhà mình. Ông ta đang xem kỹ danh sách bò đực của mình và ghi chú vào tờ giấy để đặt cược cho ngày mai, nhưng khi thấy Minea ông ta quên hẳn việc đó, mừng vui khôn xiết, không ngượng ngùng ôm lấy Minea và nói:

- Cháu đã trốn ở đâu mà quá lâu ta không được gặp cháu, cứ nghĩ rằng cháu đã tới lượt vào ở nhà thần rồi. Tuy nhiên ta vẫn chưa chọn cho mình người mới để bảo trợ, vì vậy phòng của cháu vẫn y nguyên, nếu gia nhân vẫn nhớ lau dọn nó hay vợ ta không sai dỡ nó và xây một bể nước thay vào đó, vì bà ấy đã bắt đầu nuôi các loại cá trong nhiều bể nước và hiện giờ không còn nghĩ đến điều gì khác.

- Helea đã bắt đầu nuôi cá trong bể à? - Minea ngạc nhiên hỏi.

- Bà ấy không phải là Helea, - ông nói, với chút lúng túng, - mà ta có một người vợ mới và bà ấy vừa mới vào phòng với một người đấu bò trẻ chưa được thụ phong để xem cá và ta nghĩ bà ấy sẽ không vui nếu chúng ta làm phiền họ. Nhưng hãy nói cho ta hay

về người bạn của cháu để anh ấy cũng có thể là bạn của ta và nhà này là nhà của anh ấy.

- Bạn cháu là Sinuhe, Người Ai Cập, Người Cô Đơn và là danh y, - Minea nói.

- Ta ngờ rằng anh ta sẽ không cô đơn ở đây lâu, - ông già nói, giọng đùa đùa. - Nhưng cháu không bị ốm khi đi cùng danh y đó chứ Minea, điều mà ta không muốn, vì ta hy vọng cháu sẽ nhảy múa trước những con bò ngay ngày mai và đem lại may mắn cho ta? Cháu biết không, quản gia của ta ở bến cảng than phiền rằng thu nhập của ta không còn đủ chi tiêu hay chi tiêu không đủ cho thu nhập, thế nào cũng được, vì ta không hiểu các phép tính rối rắm mà anh ta luôn đưa ra trước mắt ta, khiến ta đâm lo lắng.

- Cháu không ốm, - Minea nói. - Nhưng bạn cháu đã cứu cháu khỏi nhiều hiểm nguy và chúng cháu đã đi qua nhiều vương quốc để trở về đất mẹ vì cháu bị đắm thuyền khi đang trên đường đến Syria để nhảy múa trước bò ở đó.

- Thật thế sao? Thật vậy ư? - Ông lão nói, vẻ bồn chồn. - Nhưng ta hy vọng cháu vẫn còn trinh trắng dù đã có tình bạn của mình, bởi vì nếu không cháu sẽ bị loại khỏi cuộc thi và sẽ gặp điều bất hạnh khác như cháu cũng biết rõ. Ta thật lấy làm tiếc về việc này, vì ta thấy cặp vú của cháu to ra và phát triển rất đáng ngờ, đôi mắt cháu ươn ướt. Minea, Minea, lẽ nào cháu đã làm hư mình?

- Không, - Minea tức giận đáp. - Khi cháu nói không thì ông có thể tin lời cháu và không ai cần phải động chạm sờ mó cháu, như người ta đã làm tại chợ nô lệ ở Babylon. Ông khó mà hiểu được rằng nhờ sự giúp đỡ của người bạn này mà cháu thoát khỏi tất cả những hiểm nguy để trở về đất mẹ của mình và cháu nghĩ bạn bè của cháu sẽ vui mừng khi thấy cháu trở về, nhưng ông chỉ nghĩ đến những con bò của mình và cá cược.

Nàng bắt đầu khóc nức nở vì tức giận khiến những giọt nước mắt chảy thành vệt dài làm bẩn hai gò má.

Ông lão trở nên bối rối và ân hận nói:

- Ta không nghi ngờ là cháu thấy khủng khiếp về hành trình của mình vì ở xứ lạ, cháu khó có thể tắm hằng ngày, phải vậy không? Ta không nghĩ bò ở Babylon được như bò của chúng ta. Từ chuyện này đột nhiên ta nhớ ra đáng lẽ mình cần ở chỗ Minos lâu rồi, mặc dù ta đã quên hẳn việc này, nên ta phải đi đây và thôi không cần thay quần áo nữa. Mà chắc không ai chú ý đến trang phục của ta

bởi ở đó luôn có rất nhiều người. Vậy nên ăn và uống đi nhé, những người bạn quý, Minea, hãy bình tĩnh lại và nếu vợ ta đến, hãy nói rằng ta lên chỗ Minos vì ta không muốn quấy rầy niềm vui với đấu sĩ bò trẻ trung của bà ấy. Thật ra ta cũng có thể đi ngủ, vì chắc chắn không có ai ở Minos để ý ta có ở đó hay không, nhưng ta chợt nhớ mình cũng có thể tạt qua chuồng để xem con bò mới có đốm bên hông thế nào, nên có lẽ tốt nhất là ta đi. Đó thật sự là một con bò tuyệt vời.

Ông ta hờ hững tạm biệt chúng tôi cho đến khi Minea nói:

- Chúng cháu sẽ đi cùng ông tới chỗ Minos để cháu có thể gặp tất cả bạn bè của mình và giới thiệu Sinuhe với họ.

Thế là chúng tôi đi đến cung điện của Minos và rốt cuộc là đi bộ, vì ông lão không dứt khoát được có nên đi kiệu hay không, với một quãng đường ngắn như vậy. Chỉ đến khi chúng tôi đến cung điện, tôi mới hiểu Minos là vua và biết được vua của họ luôn có tên là Minos, để phân biệt vua với người khác. Nhưng vua là Minos thứ bao nhiêu, không ai biết, bởi không ai đủ kiên nhẫn tính và ghi nhớ vì một ngày nào đó Minos này sẽ biến mất và một Minos mới sẽ thay thế hệt như trước, vậy nên không có gì thay đổi ở Crete.

Cung điện có rất nhiều phòng; trên tường của phòng khánh tiết, các loại rong biển đung đưa, những con cá mực và sứa lược tung tăng bơi trong nước trong veo. Cả sảnh lớn đầy kín người, người này ăn vận kỳ lạ và sang trọng hơn kẻ khác, họ đi lại và chào hỏi, nói chuyện với nhau, cười to, uống đồ uống lạnh, rượu hoặc nước trái cây từ những chiếc bát nhỏ và phụ nữ so bì xiêm áo với nhau. Minea giới thiệu tôi với một vài người bạn của nàng, tất cả đều quá lịch sự và lạnh lùng, vua Minos nói vài lời xã giao bằng tiếng Ai Cập, cảm ơn tôi đã giải cứu Minea cho thần của họ và đưa nàng về để việc đầu tiên là nàng có thể vào nhà của thần, mặc dù lượt của nàng do con tạo ấn định đã qua.

Sau đó, tôi đứng sang một bên, nhìn xung quanh và cảm thấy mình lạc lõng ở nơi tôi không thể hiểu được ngôn ngữ và nguyên cớ của niềm vui, cho đến khi một phụ nữ đứng tuổi với kiểu tóc búi cao như cái tháp được trang trí bằng những bông hoa tươi đi lại chỗ tôi, người mà tôi thấy dù có được trả tiền cũng không nên để lộ vú của mình. Bà ta nói với tôi bằng tiếng Ai Cập ngọng nghịu:

- Chắc chắn chúng ta đã từng gặp nhau mặc dù tôi không nhớ tên anh, nhưng chắc anh là giáo sĩ Ai Cập đã làm lễ thụ phong cho

chúng tôi trong một nghi lễ thần bí của thần Isis.

Tôi nói tôi không nhớ đã từng gặp bà ta và cam đoan với bà ta nếu đã gặp chắc chắn tôi sẽ nhớ, và điều đó là thật bởi bà ta thực sự giống một con dê đang ngoạm nhúm cỏ khô. Tôi cũng nói mình không phải là giáo sĩ mà là một danh y và bà ta hỏi:

- Anh cũng chữa cho cả bò chứ?

Tôi thấy bị xúc phạm dù không có lý gì để cảm thấy như thế bởi bò ở Crete được quý trọng hơn những người cao quý nhất, và chữa bệnh hay chọc chúng cho đến điên loạn chính là tài năng. Nhưng vì không biết thế nên tôi nói:

- Quả thực tôi đã chữa cho đôi ba dê và khỉ cái, nhưng chưa chạm vào bò.

Lúc ấy bà ta đùa đùa lấy quạt đánh tôi và nói tôi là một người đàn ông tồi tệ. Tôi nghĩ mình không thể thoát nếu Minea không đến và cứu tôi ra khỏi tầm với của bà ta.

Minea đi lại trong cung điện cứ như ở nhà và dẫn tôi đi từ phòng này sang phòng khác, nàng sung sướng reo lên khi nhìn thấy những đồ vật quen thuộc và chào hỏi những người hầu chào đón nàng như thể nàng chưa hề đi vắng. Minea cũng kể bất kỳ quý tộc nào của Crete cũng có thể rời thành phố về trang trại của mình hoặc đi xa đâu đó bất cứ lúc nào anh ta muốn, không cần báo với bạn bè và không ai ngạc nhiên về điều đó hay bất ngờ về sự vắng mặt của anh ta, mà khi trở về, anh ta gặp lại mọi người cứ như không có chuyện gì xảy ra. Có lẽ điều này cũng khiến người ta chết dễ dàng, bởi vì nếu ai đó mất đi, sẽ không ai hỏi cho đến khi người đó bị lãng quên, và nếu ai đó nhớ tới anh ta vì một hợp đồng, một cuộc gặp gỡ hay lời mời đã được đồng ý trước thì họ cũng không băn khoăn khi người đó không đến, bởi vì rốt cuộc có khi anh ta muốn làm một việc gì khác.

Cuối cùng Minea đưa tôi đến một căn phòng xinh đẹp nằm trên sườn đồi cao hơn hẳn các ngôi nhà khác, nên từ cửa sổ lớn của nó nhìn xuống thấy những sân bãi, cánh đồng, rừng ô liu và vườn cây như đang mỉm cười nơi ngoại vi thành phố. Nàng bảo đó là phòng của nàng, mọi thứ vẫn nguyên vẹn như thể nàng mới đi vắng hôm qua, mặc dù trang phục và đồ trang sức trong thùng quần áo và những cái hộp của nàng đã quá cũ kỹ nên không dùng được nữa. Khi đó tôi mới biết nàng sinh ra đã là một Minos của Crete, mặc dù tôi đã có thể đoán điều đó từ tên của nàng. Do đó

vàng, bạc và những món quà quý giá chẳng có ý nghĩa gì với nàng vì ngay từ bé nàng đã quen được nhận tất cả những gì nàng muốn. Nhưng nàng đã được dâng hiến cho thần ngay khi còn nhỏ nên được nuôi dưỡng trong nhà trại của bò và sống ở đó thay vì trong cung điện hay trong nhà của người bảo trợ hoặc với bạn bè, vì việc người Crete sống ở đâu cũng thất thường như cuộc sống của họ.

Tôi tò mò muốn được nhìn nhà trại của bò, vì vậy chúng tôi trở lại phòng khánh tiết để từ biệt người bảo trợ Minea; ông ấy vô cùng kinh ngạc khi thấy tôi và lịch sự hỏi liệu trước đây chúng tôi đã gặp nhau chưa vì theo ông ấy tôi nhìn rất quen. Sau đó Minea đưa tôi đến nhà trại bò, thực ra là cả một thành phố, với chuồng trại, đồng cỏ, đấu trường, sân chạy, trường học và khu nhà ở của giáo sĩ. Chúng tôi đi từ trại này đến trại khác trong mùi hôi thối của bò, Minea không ngớt nói chuyện với bò và gọi chúng bằng những cái tên âu yếm, mặc dù chúng cố chọc những chiếc sừng vào nàng qua hàng rào và gầm gừ đào cát bằng những chiếc móng sắc, mắt long lên sòng sọc.

Nàng cũng gặp các chàng trai và các cô gái mà nàng quen, mặc dù những người nhảy múa trước bò thường không phải là bạn bè vì họ ghen tị với tài năng của nhau và không muốn dạy cho nhau các mánh lới của mình. Nhưng các giáo sĩ huấn luyện bò và nuôi dạy các vũ công chào đón chúng tôi; khi biết tôi là danh y, họ đã hỏi tôi vô số điều về hệ tiêu hóa của bò, hỗn hợp thức ăn và độ mượt của lông, mặc dù có thể họ còn biết nhiều hơn tôi về những chuyện này. Họ đặc biệt ưa thích Minea, vì nàng được nhận bò và số dự thi cho cuộc thi vào ngày mai. Nàng gần như bị kích động bởi ước muốn cho tôi xem tài năng của mình trước những con bò tốt nhất.

Cuối cùng Minea đưa tôi đến một ngôi nhà nhỏ, nơi vị giáo sĩ trưởng của thần Crete sống một mình cùng những con bò ở đó, bởi vì dù Minos trên danh nghĩa cũng là giáo sĩ trưởng, song vì phải lo việc trị vì và thương chánh nên ngài không có thời gian để can thiệp vào việc đấu bò mà cũng chỉ cá cược trong những cuộc đua như những người Crete khác. Giống như Minos luôn được gọi là Minos, giáo sĩ trưởng luôn là Minotauros và vì lý do nào đó ông ta là người đáng kính và đáng sợ nhất ở Crete, mọi người tránh nhắc đến tên mà chỉ gọi ông là "người đàn ông trong nhà bò nhỏ". Ngay cả Minea cũng sợ đến nhà ông ta, mặc dù nàng không tiết lộ điều này với tôi song tôi nhận ra từ đôi mắt của nàng, đôi mắt mà mọi biểu hiện đều quá quen thuộc với tôi.

Khi được báo có chúng tôi đến thăm, ông ta tiếp chúng tôi trong

căn phòng sáng nhờ nhờ và khi thấy ông, tôi nghĩ mình đã thấy thần linh và tin mọi chuyện kể về Crete, vì đó là một người giống người nhưng có đầu bò vàng. Tuy nhiên sau khi chúng tôi cúi chào, ông ta lấy đầu bò vàng xuống và để lộ mặt trước chúng tôi. Nhưng dù ông ta mỉm cười lịch sự với tôi, tôi không thích ông ta vì có gì đó cứng rắn và tàn nhẫn trên khuôn mặt vô cảm của ông ta, mặc dù tôi không thể giải thích từ đâu tôi có cảm giác này, vì ông ta là một người đẹp trai, da rất sậm màu và dường như sinh ra để chỉ huy. Minea không cần giải thích gì với ông ta, vì ông ta đã biết tất cả về vụ đắm thuyền và các chuyến đi của nàng, ông ta cũng không hỏi bất cứ điều gì không cần thiết mà chỉ cảm ơn tôi về tình bạn tôi dành cho Minea, cho Crete cũng như thần của họ và nói rằng rất nhiều món quà mà ông ta nghĩ tôi sẽ thích đang đợi tôi ở nhà nghỉ.

- Tôi không nghĩ đến quà, - tôi nói. - Với tôi kiến thức quan trọng hơn vàng, vì thế tôi đã đi tới nhiều vương quốc để tích lũy thêm tri thức cho mình, nhờ vậy mà bây giờ tôi biết các vị thần của Babylon và cả của người Hittite. Giờ đây tôi muốn được biết về thần của người Crete, vị thần mà tôi đã nghe kể nhiều điều kỳ lạ, chỉ yêu thích các thiếu nữ trinh trắng và các chàng trai tơ, trái ngược với thần của Syria có các ngôi đền là những nhà vui và được các giáo sĩ hoạn phụng sự.

- Chúng tôi có nhiều thần mà người dân thờ phụng, - ông ta nói. - Ngoài ra ở bến cảng còn có đền thờ thần của các xứ khác, vì vậy anh có thể tế thần Amon hoặc thần Baal ở bến cảng nếu muốn. Tuy nhiên, vì không muốn anh hiểu lầm, tôi thừa nhận rằng sức mạnh của Crete phụ thuộc vào vị thần đã được bí mật tế lễ từ rất lâu kể từ khi chúng tôi biết đến thần. Chỉ những ai đã được thụ phong mới có thể biết ngài và cũng chỉ biết khi trực tiếp gặp, song chưa một ai trở về để kể hình dạng ngài ra sao.

- Thần của người Hittite là bầu trời và mẹ đất, và mưa từ trời rơi xuống làm cho đất màu mỡ, - tôi nói. - Tôi hiểu biển là thần của Crete, vì sức mạnh và sự giàu có của Crete bắt nguồn từ biển.

- Có lẽ anh nói đúng, Sinuhe ạ, - ông ta nói và mỉm cười rất lạ. - Song anh cần biết rằng người Crete chúng tôi thờ một vị thần sống, khác với các dân tộc lục địa thờ các vị thần đã chết và các tượng gỗ. Thần của chúng tôi không phải là tượng ảnh, mặc dù bò có thể tượng trưng cho ngài, nhưng chừng nào thần của chúng tôi còn sống, sức mạnh của Crete vẫn còn trên biển. Đó là điều đã được tiên đoán và chúng tôi biết điều đó, dù chúng tôi cũng rất tin vào các thuyền chiến của mình, những chiến hạm mà không

vương quốc biển nào có thể sánh được.

- Tôi nghe nói thần của các ông ở trong mê cung của ngôi nhà tối, - tôi gặng hỏi. - Tôi rất muốn được thấy mê cung mà tôi đã nghe nói đến rất nhiều, nhưng tôi không hiểu vì sao những người được thụ phong không bao giờ trở về từ đó, mặc dù họ được phép quay về sau khi ở đó một tuần trăng.

- Vinh dự lớn nhất và hạnh phúc tột bậc mà một chàng trai tơ và một trinh nữ Crete có được là được vào lâu đài của thần, - giáo sĩ Minotauros nhắc lại những lời ông ta đã nói không biết bao nhiêu lần, - vì thế các hải đảo đua nhau tiến cử những thiếu nữ xinh đẹp nhất và những chàng trai tài hoa nhất của họ đến nhảy múa trước bò của chúng tôi để họ được bốc thăm. Tôi không biết anh đã nghe chuyện về các sảnh lớn của thần biển chưa, nơi cuộc sống rất khác với cuộc sống trên đất liền, khiến không ai đã vào đó lại còn muốn trở về với đau khổ và nỗi buồn trên mặt đất. Hay cô còn sợ bước vào lâu đài của thần, Minea?

Nhưng Minea không trả lời, và tôi nói:

- Tôi đã thấy ở bãi biển Simyra xác những thủy thủ chết đuối, đầu bị sưng, bụng trương phồng và nét mặt không biểu lộ niềm vui gì. Đó là điều duy nhất tôi biết về các sảnh đường của thần biển, nhưng tôi không nghi ngờ lời ông nói và tôi chúc Minea mọi điều tốt đẹp.

Minotauros lạnh lùng nói:

- Anh sẽ được thấy mê cung, vì chỉ mấy hôm nữa thôi là đến đêm rằm và đêm đó, Minea sẽ vào nhà thần.

- Thế nếu Minea từ chối vào nhà thần thì sao? - Tôi vội hỏi, vì điều giáo sĩ nói khiến tôi ngạc nhiên và trái tim quặn đau, tuyệt vọng.

- Điều đó chưa bao giờ xảy ra, - Minotauros nói. - Anh đừng lo, Sinuhe, Người Ai Cập ạ. Sau khi nhảy trước những con bò của chúng tôi, Minea sẽ tự nguyện vào nhà thần.

Rồi ông ta nhấc đầu bò vàng đội lên đầu để báo hiệu đã đến lúc chúng tôi phải đi và chúng tôi không còn nhìn thấy ông ta nữa. Minea nắm lấy tay tôi và dắt tôi đi, không còn chút hào hứng nào nữa.

Khi tôi về nhà trọ, Kaptah đã ở nhà. Ông ấy đã uống rất nhiều trong quán rượu ở bến cảng và nói với tôi:

- Ông chủ ơi, đất nước này là miền tây của gia nhân, vì ở đây không ai lấy gậy đánh người hầu của mình, cũng không ai nhớ mình có bao nhiêu vàng trong túi hay mình đã sắm những vòng gì. Quả thật đây là miền tây trên mặt đất với người hầu, vì nếu người chủ tức giận và đuổi người hầu ra khỏi nhà là hình phạt tồi tệ nhất ở đây, thì người hầu chỉ cần trốn đi và trở lại vào ngày hôm sau khi người chủ đã quên mọi chuyện. Nhưng với thủy thủ và nô lệ trên bến cảng, đây là một nơi tồi tệ, bởi các giám quản là những người bủn xỉn, dùng những cây gậy sắc, và các thương lái lừa đảo người Simyra cũng dễ dàng như người Simyra lừa dối người Ai Cập. Tuy nhiên, họ có loài cá nhỏ được ngâm với dầu trong các hũ sành, nhắm cùng rượu ngon tuyệt. Tôi đã tha thứ cho họ rất nhiều vì loại cá tuyệt ngon này.

Ông ấy nói những điều này với vẻ hơi ngà ngà như thường lệ, nhưng sau đó ông đóng cửa lại và khi đã chắc chắn không có ai nghe trộm, ông nói:

- Ông chủ ơi, ở đất nước này đang xảy ra những chuyện kỳ lạ, bởi các thủy thủ trong quán rượu nói thần của Crete đã chết và các giáo sĩ đang khẩn cấp tìm vị thần mới. Nhưng đây là những lời nguy hiểm, vì vậy đã có một số thủy thủ bị ném từ vách đá xuống biển làm mồi cho bạch tuộc, bởi có tiên đoán rằng sức mạnh của Crete sẽ tiêu tan nếu thần của họ chết.

Lúc đó trong lòng tôi tràn ngập hy vọng điên rồ và tôi nói với Kaptah:

- Vào đêm rằm tới đây Minea phải vào nhà của thần, nhưng nếu thần của họ quả thực đã chết, có thể là vậy - cuối cùng người dân luôn biết mọi chuyện dù không ai nói gì với họ, lúc đó có lẽ Minea sẽ trở về từ nhà của thần, nơi mà từ trước đến nay chưa có ai trở lại.

- Không phải cô gái đáng nguyền rủa này đã mang đến cho chúng ta quá đủ rắc rối và khó xử rồi ư, - Kaptah nói, - vì theo suy nghĩ của tôi, thật không thích hợp với thanh danh của tôi khi một đứa con gái lấy dép của mình đánh tôi chảy máu mũi. Nhưng ông nói đúng: cuối cùng người dân luôn biết mọi chuyện, mặc dù không ai nói với họ, lúc đầu họ biết mọi chuyện mơ hồ như trong một giấc mộng, nhưng rồi mọi việc sẽ sáng rõ với họ như một tia chớp, và

lúc đó người ta đánh nhau ở các góc phố, những ngôi nhà bốc cháy và nhiều thứ thay đổi theo. Tôi hoàn toàn không ghen tị với giới quyền quý Crete nếu thần của họ quả thực đã chết, vì tôi nghĩ khi tin đó lộ ra, cả bến cảng sẽ ùa vào thành phố, thợ rèn cầm búa tạ, ngư dân cầm lưỡi câu và thợ khuân vác sẽ bẻ cây làm chùy, tôi nghĩ thế dù mọi việc có thể khác đi.

Khi ông ấy nói, tôi nhớ lại điều các nhà chiêm tinh Babylon đã dự đoán nên bảo:

- Các giáo sĩ Babylon đã tiên đoán dựa trên các vì sao rằng năm của thế giới sắp kết thúc và các dân tộc sẽ chuyển sang năm mới, khi đó các vị thần sẽ chết và sau đó tất cả sẽ đổi thay. Nhưng có lẽ lời tiên tri này dành cho Crete, bởi thần của Syria và Ai Cập không bao giờ chết mà tồn tại mãi mãi.

- Ông chủ của tôi thật thông thái, - Kaptah nói, - nếu như trong đầu tôi có đủ hơi men, chắc chắn tôi đã hiểu rõ điều ông nói, nhưng lúc này các vì sao và các giáo sĩ, các vị thần và các năm của thế giới rối loạn trong đầu tôi nên điều duy nhất tôi hiểu là điều ông nói về Minea. Cô ta là bắt đầu và kết thúc, là tâm điểm của vòng tròn trong tất cả những câu chuyện của ông nên tôi thấy thật thương hại ông, bởi đã nhiều lần tôi nói với ông, từ một đứa nô tỳ hay gái nhà vui ông vẫn nhận được điều đó, ít phiền toái hơn nhiều. Hơn nữa, những người đàn bà khoe vú như ở Crete này không khép gối vào nhau, theo như tôi nghe được trong quán rượu. Nhưng nếu ông muốn cô ta, vấn đề thật đơn giản: chúng ta lấy gậy đập đầu cô ta, bỏ cô ta vào một cái bao và đưa lên thuyền rồi cùng cô ta dong buồm đến Ai Cập với sự giúp đỡ của bọ hung. Điều này có gì khác hơn đâu, mặc dù tôi tin chắc rằng như thế là ông mang bao mèo hoang vào nhà mình. Nhưng tôi sẵn sàng vì ông mà giúp ông trong công việc nguy hiểm này, bởi tôi không thể đứng nhìn ông vừa nói vừa be be như con dê rầu rĩ và gầy rộc đi, tóc rối bết như lông mèo đực vào kỳ động cái.

Tôi không bực Kaptah vì sự hỗn xược đó mà đã ngẫm nghĩ rất lâu về những lời ông ấy nói và kế hoạch của ông cám dỗ tôi. Nhưng tôi quý trọng Minea và ý chí của nàng đến nỗi trong cơn điên của mình tôi cũng không làm theo lời khuyên của Kaptah. Tôi nghĩ Minea không bao giờ tha thứ cho tôi nếu tôi cướp nàng như mèo trong bao bố.

Ngày hôm sau, nhờ số của Minea, tôi được một chỗ ngồi tốt trong trường đấu bò rộng lớn, nơi những hàng ghế đá cao dần từ dưới lên, ghế sau cao hơn ghế trước nên không ai bị che và đều nhìn

thấy bò. Tôi ngạc nhiên và khâm phục sự sắp xếp hợp lý này, điều mà tôi chưa từng thấy ở bất kỳ nơi nào khác, vì ở Ai Cập người ta dựng các sân khấu cao cho các đám rước thần và các cuộc trình diễn để ai cũng nhìn thấy thần cũng như giáo sĩ và vũ công. Những con bò lần lượt được thả ra sân và mỗi vũ công khi đến lượt thực hiện tiết mục phức tạp, đòi hỏi sự khéo léo của mình; vì mỗi tiết mục liên quan đến nhiều màn trình diễn khác nhau, tất cả đều phải được thực hiện chính xác và theo một thứ tự nhất định, mà khó nhất là nhảy giữa sừng bò và từ đó nhảy lộn vòng lên không rồi kết thúc khi đứng trên lưng con bò đang chạy. Không phải tất cả những người thành thạo nhất đều có thể thực hiện toàn bộ các động tác mà không phạm lỗi, vì điều này phụ thuộc nhiều vào bò, cách nó dừng lại, chạy hoặc cúi đầu. Những người quyền quý và giàu có ở Crete đặt cược vào các con số và những vũ công mình mến mộ, nhưng sau khi nhìn các dãy số, tôi không còn muốn hiểu về sự nhiệt thành vô hạn của họ, bởi vì với tôi tất cả bò đều nhàm chán như nhau và tôi không thấy các màn trình diễn có gì khác nhau.

Minea cũng nhảy trước những con bò và tôi sợ thay cho nàng cho đến khi kỹ năng tuyệt vời và sự mềm dẻo của cơ thể nàng mê hoặc tôi, đến mức tôi không còn nhớ đến sự nguy hiểm mà nàng đối mặt nữa mà cùng những người khác mừng rỡ cổ vũ nàng. Ở đây các thiếu nữ cũng như các chàng trai đều trần truồng nhảy múa trước bò, bởi vì trò diễn của họ đầy xảo thuật đến mức ngay cả trang phục nhỏ nhất cũng có thể cản trở sự di chuyển của họ và có thể làm họ gặp nguy hiểm chết người. Theo tôi, Minea là người đẹp nhất, khi nàng nhảy múa thân thể lấp lánh ánh dầu, mặc dù phải thừa nhận cũng có những cô gái xinh đẹp khác, cũng được hò reo khích lệ. Tuy nhiên, mắt tôi chỉ hướng về Minea. So với những người khác, nàng chưa được luyện tập nhiều sau thời gian dài đi vắng và chưa giành được một vòng nguyệt quế nào. Người bảo trợ già đã đặt cược vào nàng rất đau khổ và tức giận về điều này, cho đến khi ông ta quên số bạc đã mất của mình và đi đến nhà bò để chọn những con bò mới và những con số mới mà ông ta được hưởng vì là người đỡ đầu của Minea.

Nhưng khi gặp lại tôi tại nhà bò sau buổi trình diễn, Minea nhìn xung quanh và lạnh lùng nói với tôi:

- Sinuhe, em không thể gặp anh được nữa, vì bạn em rủ em đến các bữa tiệc của họ và em còn phải chuẩn bị đến nhà thần vì ngày kia là rằm rồi. Vì thế chúng ta có thể sẽ không gặp nhau trước khi em đến nhà thần, nếu như anh muốn cùng với những người bạn khác của em tiễn em đến đó.

- Được thôi, như em muốn, - tôi đồng ý, - vì chắc chắn anh có rất nhiều thứ để xem ở Crete, và anh rất thích phong tục của vương quốc này cũng như trang phục của phụ nữ. Khi anh ngồi vào nơi có số của em, nhiều bạn gái của em đã mời anh đến nhà họ, mà nhìn khuôn mặt và ngực của họ cũng dễ chịu, cho dù họ hơi mập hơn và dễ dãi hơn em.

Lúc đó nàng níu chặt lấy cánh tay tôi và đôi mắt lóe lên, nàng thở gấp và nói:

- Em sẽ không cho anh ra ngoài vui chơi với bạn gái của em khi không có em bên cạnh. Sinuhe, vì em ít nhất anh hãy chờ đến khi em đi xa. Mặc dù có lẽ em quá gầy trong mắt anh, điều mà trước đây em không bao giờ nghĩ đến, nhưng anh có thể chấp thuận việc này vì tình bạn với em khi em đề nghị.

- Anh chỉ đùa thôi, - tôi nói, - anh cũng không muốn làm phiền em, vì em có rất nhiều việc phải làm trước khi vào nhà thần. Vậy nên anh sẽ về nhà trọ và chữa cho những người bệnh ở đó, vì ở bến cảng có rất nhiều người bệnh cần đến tay nghề của anh.

Tôi rời khỏi chỗ nàng và rất lâu sau này tôi vẫn ngửi thấy mùi bò trong mũi và cả mùi bò trong nhà bò Crete, tôi cũng không bao giờ quên được, đến nỗi mỗi khi nhìn thấy đàn bò và ngửi thấy mùi chúng, tôi phát ốm đến không thể ăn và trái tim tôi nhói đau. Nhưng tôi vẫn rời nàng, tiếp bệnh nhân ở nhà trọ, chữa cho họ và giúp họ đỡ đau cho đến khi trời tối, đèn trong các nhà vui ở bến cảng sáng lên. Tôi nghe thấy tiếng nhạc vang lên qua các bức tường, tiếng cười nói vô lo của mọi người, vì những nô lệ và người hầu ở Crete cũng học được sự vô lo của chủ nhân họ; ai cũng sống như thể không bao giờ phải chết và trên thế gian không có bệnh tật, nỗi buồn hay khổ đau.

Tối đến tôi ngồi trong phòng và Kaptah đã trải thảm để tôi ngủ, nhưng tôi không muốn thắp đèn mà chỉ ngồi trong bóng tối. Trăng lên to và sáng dù vẫn chưa tròn hẳn, song tôi thấy ghét nó vì đã chia cách tôi với người duy nhất mà tôi có thể gọi em yêu trong cuộc đời, tôi cũng ghét chính mình vì hèn nhát, yếu đuối và không biết mình muốn gì. Cho đến khi cửa mở, Minea bước vào, cẩn thận ngoái nhìn lại phía sau và xung quanh, không còn mặc theo kiểu Crete nữa, trên người chỉ có bộ xiêm áo đơn giản giống như khi nàng nhảy múa cho những người quyền quý cũng như thường dân ở nhiều vương quốc xem, tóc buộc bằng một dải ruy băng vàng.

- Minea, - tôi kinh ngạc kêu lên, - sao em đến đây, anh cứ nghĩ em phải chuẩn bị cho thần của mình?

Nàng bảo:

- Anh nói nhỏ thôi, vì em không muốn người khác nghe thấy.

Nàng ngồi xuống bên tôi, nhìn lên mặt trăng và thốt lên lạ lùng:

- Em không thích giường của mình trong nhà bò, cũng không muốn ngồi giữa đám bạn của mình như trước nữa. Nhưng vì sao em đến đây với anh, đến nhà trọ bến cảng này dù nó hoàn toàn không thích hợp, em không thể nói được. Tuy nhiên, nếu anh muốn ngủ, em không dám làm phiền anh mà sẽ đi, nhưng mỗi khi không ngủ được, em lại muốn một lần nữa được hít thở mùi thuốc và thảo dược quanh anh, véo tai và túm tóc Kaptah vì những lời nói ngu ngốc của ông ta. Những chuyến đi và những dân tộc xa lạ hẳn đã xáo động tâm tính em, bởi em không còn thấy nhà bò là nhà của mình như trước, em cũng không mừng vui vì được cổ vũ trên đấu trường và thậm chí không còn thấy luyến nhớ nhà thần; lời nói của mọi người xung quanh em giống như tiếng mè nheo của những đứa trẻ khờ dại, niềm vui của họ như bọt sóng ven biển và em không còn thấy có gì vui trong các trò tiêu khiển của họ. Trái tim em trống rỗng, đầu em cũng trống rỗng, em không có đến một ý nghĩ nào có thể gọi là của riêng mình. Tất cả những điều đó khiến em đau khổ và em chưa bao giờ cảm thấy buồn như vậy. Vì thế em muốn anh nắm chặt tay em một lúc như trước đây, vì khi anh nắm chặt tay em, em sẽ không sợ điều tệ hại nào và không sợ cả cái chết, Sinuhe ạ, mặc dù em biết anh thích nhìn những người phụ nữ đầy đặn hơn, xinh đẹp hơn em và muốn cầm tay họ.

Tôi nói với nàng:

- Minea, em yêu dấu của anh, thời thơ ấu và niên thiếu của anh giống như một con suối sâu trong vắt, nhưng thời trai trẻ của anh như một dòng sông lớn, nước tràn lên một vùng rộng lớn và bao phủ nhiều miền đất, song nước của nó nông, tù đọng và bốc mùi hôi. Nhưng khi em đến với anh, Minea ạ, em đã dồn nước lại và nước hân hoan chảy xuống dòng sâu, mọi thứ trong anh được gột sạch, thế giới mỉm cười trong mắt anh và tất cả những điều xấu xa đối với anh như mạng nhện, chỉ cần dùng tay nhẹ nhàng gạt nó sang bên. Vì em, anh muốn thành người tốt, chữa bệnh cho mọi người bất kể quà cáp họ cho anh là gì và những thần độc ác không còn quyền lực với anh. Mọi điều là vậy khi em đến với anh, nhưng

giờ đây khi em rời xa anh, mọi thứ xung quanh anh trở nên tối tăm và anh như con quạ cô đơn nơi hoang mạc, anh không còn muốn tốt với người khác nữa mà căm hận tất cả kể cả thần linh và không còn muốn nghe chút gì về những đấng ấy. Thế đấy Minea ạ, vì vậy anh muốn nói với em: trên thế giới có nhiều vùng đất, nhưng chỉ có một dòng sông Nile. Hãy để anh đưa em đến miền đất đen bên bờ sông, nơi những con vịt kêu trong đám sậy và mặt trời chèo thuyền vàng băng qua bầu trời mỗi ngày. Hãy đi với anh, Minea, chúng ta sẽ cùng nhau đập vỡ vò và trở thành vợ chồng, sẽ không bao giờ xa nhau, cuộc sống sẽ dễ dàng với chúng ta và khi chết thi thể của chúng ta gặp nhau ở miền tây, cùng sống ở đó mãi muôn đời.

Nhưng nàng bóp chặt tay tôi trong tay nàng rồi đưa ngón tay chạm vào mắt, môi và cổ tôi, nói:

- Sinuhe, em không thể đi cùng anh, dù em muốn, vì không thuyền nào đưa chúng ta ra khỏi Crete, không thuyền trưởng nào dám giấu chúng ta trên thuyền, vì người ta đã canh giữ em cho thần linh và em không thể để người ta giết anh vì em. Cho dù có muốn, em cũng không thể theo anh, vì khi em nhảy múa trước bò, ý chí của bầy bò mạnh hơn ý muốn của em, mặc dù em không thể giải thích điều đó với anh vì bản thân anh chưa trải qua việc ấy. Do đó, em phải bước vào nhà thần vào đêm trăng tròn, điều này em cũng như anh hay bất kỳ thế lực nào khác trên thế gian đều không ngăn cản được. Nhưng vì sao lại thế, em không thể giải thích và có lẽ không ai khác có thể biết ngoài Minotauros. Em đã lớn lên trong bóng thần linh từ khi còn nhỏ xíu và hôm nay khi em nhảy múa trước bò, chúng đã thắng em. Nhưng em bắt đầu căm hận những con bò với nỗi phẫn uất cay đắng, vì chúng bắt em lìa anh; em cũng bắt đầu chán ghét người dân nước mình, bởi họ xem niềm vui chỉ là cái bóng thoảng qua, cuộc đời là trò chơi trẻ con và họ độc ác như những đứa trẻ khát khao thấy máu tuôn chảy trước những con bò. Ngay cả hôm nay, họ rất bất mãn và tiếc nuối khi những đôi sừng bò không đâm thủng ai, không ai bị trượt chân để đàn bò có thể giày xéo lên, xé ruột người đó quấn quanh sừng. Đây là sự thật về cá cược và niềm đam mê lớn lao dành cho những con bò, mặc dù họ không thừa nhận điều đó với nhau hoặc với chính mình mà nói vì ngưỡng mộ tài năng trác tuyệt.

Nàng hôn môi và cổ tôi, dang tay ôm quanh người tôi rồi ép sát người vào tôi và nói:

- Vì tất cả những điều này, Sinuhe ạ, em sẽ rời nhà thần về với anh,

vì em được phép làm việc này theo luật của thần bò, mặc dù chưa có ai trở về từ đó. Nhưng em muốn mình là người đầu tiên sẽ trở lại. Sau đó anh sẽ làm cho em những gì anh muốn và cuộc đời của anh sẽ là cuộc đời của em, bạn của anh sẽ là bạn của em và thần của anh cũng là thần của em, Sinuhe ạ.

Nhưng tim tôi trống rỗng như một nấm mồ trong ngực, tôi nói:

- Không ai biết ngày mai chuyện gì sẽ đến và anh không tin là em sẽ trở về từ nơi mà từ trước đến nay chưa có ai trở về. Có lẽ trong các sảnh vàng của thần biển, em sẽ uống sự sống vĩnh cửu từ giếng thần và sẽ quên đi mọi thứ của trần gian, quên cả anh, mặc dù anh không tin điều đó, bởi tất cả những điều như thế chỉ là cổ tích và cho đến nay, tất cả những gì anh thấy từ thần linh ở tất cả các miền đất đều khiến anh không tin vào cổ tích. Vậy nên em phải biết anh sẽ theo dấu chân em vào nhà thần đón em nếu em không trở về trong thời gian đã ấn định. Anh sẽ đón em ngay cả khi em không muốn quay về. Đó là điều anh sẽ làm, Minea, cho dù đó là việc làm cuối cùng của anh trên thế gian này.

Nhưng Minea hoảng sợ đưa tay che miệng tôi và nhìn xung quanh rồi nói:

- Im nào! Điều như thế anh không thể nói ra, thậm chí không được nghĩ tới, vì nhà của thần là nhà tối tăm mà không người lạ nào tìm được đường đến và người chưa được thụ phong bước vào đó sẽ chết thảm thương. Thậm chí anh không thể đến đó vì những cánh cổng bằng đồng đỏ đóng kín nhà thần, em mừng vì thế bởi em biết anh sẽ làm điều anh nói trong sự điên rồ của mình và như thế sẽ đưa mình vào thảm họa. Nhưng hãy tin em, tự em sẽ vui lòng trở về với anh, vì thần của em không xấu xa đến nỗi không cho phép em quay lại với anh nếu em muốn. Ngài quả thật là một vị thần kỳ diệu và đẹp đẽ, người bảo vệ quyền lực của Crete và muốn điều tốt lành cho vạn vật, khiến những cây ô liu tươi tốt, ngũ cốc chín trên các cánh đồng và thuyền dong buồm từ cảng này đến cảng khác. Ngài làm gió thuận chiều và dẫn thuyền đi trong sương mù để những ai được sự bảo trợ của ngài không gặp điều gì xấu. Vậy thì sao ngài lại muốn làm tổn thương em?

Minea đã lớn lên dưới bóng của thần từ khi còn nhỏ, nên nàng lóa mắt vì mù quáng và tôi không thể làm mắt nàng sáng được, mặc dù tôi đã chữa cho người mù bằng kim và giúp họ nhìn lại được. Vì thế trong cơn giận dữ vì bất lực của mình, tôi ôm chặt nàng vào lòng rồi hôn và lấy tay vuốt ve nàng; chân tay nàng mềm, nhẵn như thủy tinh và nàng trong vòng tay tôi như nguồn nước mát

dành cho kẻ lang thang nơi hoang mạc. Minea không phản đối mà run rẩy áp mặt vào cổ tôi, nước mắt nàng chảy dài nóng rẫy trên cổ tôi khi nàng nói:

- Sinuhe, anh yêu của em, nếu anh nghi ngờ em sẽ không trở về, em không muốn từ chối anh điều gì nữa, mà anh hãy làm điều anh muốn với em, nếu điều đó mang lại cho anh niềm vui, cho dù vì thế mà em phải chết, vì trong vòng tay anh, em không sợ chết và tất cả đều vô nghĩa nếu thần của em bắt em xa anh.

- Nhưng liệu việc ấy có làm em vui không? - Tôi hỏi Minea.

- Em không biết, - Minea do dự đáp. - Em chỉ biết cả người em bứt rứt và em thấy tuyệt vọng khi không ở bên anh. Em chỉ biết mắt em mờ đi và đầu gối em bủn rủn khi được anh ôm. Trước đây, em ghét mình vì điều đó và sợ anh chạm vào em, bởi vì trước đây mọi thứ trong em đều trong sáng, không gì có thể làm mờ đi niềm vui của em khi em chỉ hãnh diện về tài năng của mình, về sự mềm dẻo của cơ thể và sự hoàn hảo của mình. Giờ đây em biết được vòng tay của anh thật nồng ấm dù nó có thể làm em đau, nhưng em vẫn thực sự không biết liệu mình có vui không nếu anh làm điều anh muốn với em, hay có thể em lại buồn sau đó. Nhưng nếu nó làm anh vui thì xin đừng ngần ngại vì niềm vui của anh là niềm vui của em và em không muốn gì hơn là mang lại niềm vui cho anh.

Tôi buông Minea ra, đưa tay lên vuốt tóc, mắt và cổ nàng rồi nói:

- Chỉ cần em lại là em như khi chúng ta cùng nhau trên hành trình trên những con đường của xứ Babylon, với anh thế là đủ. Hãy đưa cho anh dây vàng buộc tóc em, thế là đủ với anh và anh không muốn gì thêm từ em.

Nhưng nàng ngờ vực nhìn tôi, rồi đưa tay ướm vòng eo hông mình và nói:

- Có lẽ anh thấy em quá gầy, có khi cơ thể em không làm anh vui và có thể anh thích một người phụ nữ nhẹ dạ hơn em. Nhưng nếu anh muốn, em sẽ cố gắng vô tư hết mức có thể và làm mọi thứ theo cách anh muốn, để anh không thất vọng, vì em muốn mang đến cho anh thật nhiều niềm vui.

Tôi mỉm cười, đưa tay chạm vào đôi vai mịn màng của Minea:

- Minea, trong mắt anh không có thiếu nữ nào xinh đẹp hơn em và không ai có thể mang lại hạnh phúc cho anh nhiều hơn em,

nhưng anh không muốn ôm em chỉ cho niềm vui của riêng mình, vì điều đó có thể làm em không vui khi em luôn băn khoăn về thần của mình. Nhưng anh biết một việc chúng ta có thể làm mang lại hạnh phúc cho cả hai ta. Chúng ta hãy lấy vò theo phong tục của đất nước anh và cùng nhau đập vỡ nó. Sau khi cùng làm điều đó, chúng ta sẽ thành chồng và vợ, mặc dù anh chưa ân ái cùng em và ở đây không có giáo sĩ nào để làm chứng và viết tên của chúng ta vào sách của đền. Vậy ta hãy để Kaptah mang đến một cái vò để chúng ta có thể làm điều đó.

Đôi mắt nàng mở to, sáng bừng lên dưới ánh trăng và nàng vỗ tay, mỉm cười sung sướng. Vì vậy tôi đi gọi Kaptah, nhưng Kaptah đang ngồi trên sàn ngoài cửa phòng tôi, khóc tấm tức, lấy mu bàn tay chùi hai gò má đẫm nước và khóc òa thành tiếng khi nhìn thấy tôi.

- Có chuyện gì vậy, Kaptah, - tôi hỏi. - Vì sao ngươi khóc?

Kaptah nói ngay không hề ngần ngại:

- Ông chủ ơi, trái tim tôi yếu đuối nên tôi không thể không khóc khi nghe những gì ông chủ và cô gái eo thon đó nói với nhau trong phòng của ông, vì tôi chưa bao giờ nghe điều gì cảm động đến như thế.

Tôi tức điên, đá ông ấy và nói:

- Ngươi định nói ngươi đã ở trước cửa này và nghe lỏm được tất cả những gì chúng ta nói phải không?

Kaptah đáp vẻ ngây thơ vô tội:

- Đúng là điều tôi định nói, bởi có nhiều người đã xông đến trước cửa phòng ông để nghe, những người không có việc gì với ông mà chỉ đi theo rình mò cô ta, vì vậy tôi đã đuổi họ đi, dọa sẽ cho họ ăn gậy của ông và tôi ngồi trước cửa này để canh cho ông vì tôi nghĩ ông sẽ không vui vẻ gì nếu bị quấy rối giữa cuộc nói chuyện quan trọng này. Nhưng khi ngồi đây, tôi không thể không nghe những gì hai người nói, những điều thật đẹp, nên dù có ngốc nghếch khờ dại, tôi không thể không khóc.

Nghe ông ấy kể như vậy, tôi không thể giận được nữa vì sự hồn nhiên của ông, mà chỉ nói:

- Một khi ngươi đã nghe hết, ngươi biết ta muốn gì, vậy nhanh đi lấy vò đi.

Nhưng ông ấy chần chừ, hỏi:

- Ông chủ muốn vò nào? Vò gốm hay vò đá, vẽ hay không vẽ, cao hay thấp, to hay nhỏ?

Tôi quất ông ấy một cái, nhưng chỉ nhẹ thôi vì lòng tôi tràn ngập niềm yêu mến với tất cả mọi người, và nói:

- Ngươi biết rõ ta muốn gì và biết là bất kỳ vò nào cũng có thể đáp ứng được điều mong muốn của ta. Vì vậy, đừng quanh co nữa, mà đi lấy cho ta cái đầu tiên tay ngươi chạm đến.

Kaptah nói:

- Tôi đang đi đây, vội vã và còn chạy nữa, nhưng tôi chỉ nói như thế để ông chủ có thêm chút thời gian suy nghĩ về điều ông định làm, vì đập vò cùng với một phụ nữ là một việc hệ trọng trong cuộc đời của người đàn ông, không nên quá vội vàng mà thiếu cân nhắc. Nhưng tất nhiên tôi sẽ đi lấy vò, vì đó là điều ông muốn và tôi không thể ngăn cản.

Thế là Kaptah đem đến một chiếc vò đựng dầu cũ sặc mùi cá và chúng tôi, tôi và Minea, cùng đập vỡ nó. Kaptah là người làm chứng cho chúng tôi trở thành vợ chồng, ông đặt bàn chân Minea lên gáy mình và nói:

- Từ giờ trở đi bà là bà chủ của tôi và chắc sẽ sai bảo tôi nhiều hơn ông chủ, nhưng tôi vẫn hy vọng bà không hắt nước nóng vào chân tôi khi bà tức giận và tôi cũng hy vọng bà dùng dép mềm, không có gót cao, vì tôi không thích dép cao gót, chúng để lại vết xước và cục u trên đầu. Dù thế nào tôi cũng phục vụ bà thật tận tụy như phục vụ ông chủ tôi, vì thật lạ lùng, tôi thấy mình rất gắn bó với bà, mặc dù bà gầy gò, vú nhỏ và tôi không hiểu ông chủ tôi nhìn thấy gì ở bà. Nhưng tôi hy vọng điều này sẽ được cải thiện khi bà có đứa con đầu lòng. Tôi cũng sẽ chăm chỉ lấy trộm của bà như lấy của ông chủ tôi từ trước đến nay, vì khi trộm tôi cẩn thận cân nhắc lợi ích của bà trước chứ không vì lợi ích của tôi.

Nói đến đây Kaptah cảm động đến phát khóc và nức nở một lúc. Minea đưa tay xoa lưng ông ấy, rồi chạm vào gò má dày của ông và an ủi nên cuối cùng ông bình tĩnh lại, sau đó tôi bảo ông ấy nhặt các mảnh vò vỡ và đẩy ông ra khỏi phòng.

Tối đó chúng tôi ngủ bên nhau như trước, nàng ngủ trong vòng tay tôi, hơi thở của nàng phả vào cổ tôi và tóc nàng ve vuốt má tôi. Tuy nhiên, tôi không ân ái với nàng, vì tôi nghĩ khoái cảm không

làm nàng hạnh phúc, cũng như tôi, nhưng khi ôm nàng trong vòng tay mà không ân ái cùng nàng, niềm vui của tôi sâu đậm và lớn lao hơn khi làm việc ấy. Song tôi không thể khẳng định điều này vì tôi không biết mình sẽ hạnh phúc đến nhường nào nếu tôi ân ái cùng nàng, nhưng tôi biết chắc rằng đêm đó tôi muốn làm điều tốt với tất cả mọi người, trong lòng tôi không có đến một ý định xấu xa nào, mỗi người đàn ông là anh em trai tôi, mỗi phụ nữ là mẹ tôi và mỗi thiếu nữ đều là em gái tôi, ở miền đất đen cũng như tất cả các miền đất đỏ, dưới cùng một bầu trời vằng vặc ánh trăng.

4

Hôm sau Minea lại nhảy trước bò và tim tôi như thắt lại vì nàng, thật may không có điều gì tệ hại xảy ra với nàng. Nhưng một vũ công trẻ trượt khỏi trán bò, rơi xuống đất nên con bò đã đâm sừng xuyên vào người cậu ta và giẫm đạp cậu, khiến khán giả xung quanh trường đấu đứng cả dậy, hét to lên vì sợ hãi và cuồng nhiệt. Khi người ta đuổi được con bò đi và thi thể của vũ công được đưa vào nhà trại, đám đàn bà chạy đến nhìn cậu, đưa tay chạm vào thân thể đẫm máu của cậu rồi thở dốc vì bị kích động và nói với nhau: "Ôi khiếp quá!". Còn cánh đàn ông nói: "Lâu rồi chúng ta chưa được xem những cuộc đấu hay như hôm nay". Họ không đau buồn khi trả tiền cược hay cân vàng và bạc cho nhau mà bắt đầu uống rượu, ăn mừng với nhau trong nhà họ, ánh đèn chiếu rọi khắp thành phố đến tận khuya, các bà vợ bị lạc chồng mình và qua đêm trên giường người lạ song không ai coi đó là chuyện xấu vì tập quán của họ như thế.

Nhưng tôi nằm một mình trên thảm, vì đêm hôm đó Minea không thể đến với tôi được nữa, và sáng sớm tôi thuê một cái kiệu ở bến cảng, đi tiễn nàng đến nhà thần của nàng. Minea được đưa đến đó trong cỗ xe vàng do những con ngựa đầu bờm kéo, các bạn của nàng theo sau, người ngồi trong kiệu, kẻ đi bộ, cười nói ồn ào, ném hoa lên đầu nàng và dừng lại bên vệ đường uống rượu. Chặng đường dài nhưng mọi người đều có đồ ăn ngon mang theo, họ bẻ cành ô liu và dùng chúng vẫy nhau làm đàn cừu của những nông dân nghèo hoảng sợ và còn nghĩ ra nhiều chuyện nực cười khác. Nhà của thần ở một nơi hoang vắng dưới chân một ngọn núi gần bờ biển, khi đến gần đó mọi người im lặng và bắt đầu thì thầm với nhau chứ không cười nữa.

Nhưng nhà của thần như thế nào, thật khó giải thích, vì nó giống một trái núi thấp, cỏ hoa mọc đầy phía trên và tiếp lên tận đỉnh. Lối vào bị đóng bằng những cánh cổng đồng cao như núi, đằng trước là một ngôi đền nhỏ nơi làm lễ thụ phong và là chỗ ở của những người bảo vệ nhà thần. Đám rước lễ đến đó vào xẩm tối và các bạn của Minea xuống kiệu, dựng lều trên bãi cỏ xung quanh đó, ăn uống và cười đùa cùng nhau mà không nhớ mình là những người đến dự lễ và đang ở gần nhà thần, vì người Crete rất chóng quên. Tối đến, họ đốt đuốc và chơi trốn tìm trong các bụi cây, tiếng la hét của đàn bà và tiếng cười của đàn ông xuyên qua màn đêm; trong khi đó, Minea ngồi một mình trong đền, không ai được đến gần nàng nữa.

Tôi nhìn Minea ngồi trong đền. Người ta mặc đồ vàng cho nàng như tượng thần, đầu đội khăn vàng rất rộng và nàng cố gượng cười với tôi từ xa, không có chút niềm vui nào trong nụ cười ấy. Khi mặt trăng lên, người ta cởi trang phục vàng và đồ trang sức trên người nàng ra và mặc cho nàng một bộ xiêm áo mỏng tang, buộc tóc nàng vào một tấm lưới bạc. Sau đó lính canh tháo then cài và mở các cánh cổng đồng. Các cánh cổng nặng nề, mỗi cánh cần tới mười người đàn ông, ầm ầm từ từ mở ra, bóng tối há mồm toang hoác phía sau cổng, không còn ai dám thì thào, chỉ còn tĩnh lặng. Minotauros thắt chiếc thắt lưng vàng, thanh kiếm buộc bên hông, đầu đội đầu bò vàng khiến ông ta không còn giống người nữa. Người ta đặt vào tay Minea ngọn đuốc đã được thắp và Minotauros vừa ẩn nàng vừa đi vào nhà tối cho đến khi cả hai biến mất và ánh sáng của ngọn đuốc mờ dần. Sau đó, cánh cổng đồng được đẩy về chỗ cũ rồi được đóng chèn bằng những súc gỗ lớn và tôi không còn nhìn thấy Minea nữa.

Một nỗi tuyệt vọng không thể diễn tả chế ngự tôi, đến nỗi trái tim tôi như vết thương mở toang, máu chảy ra đến cạn kiệt khiến tôi không còn chút sức lực nào, ngã khuỵu và úp mặt xuống đất. Vì ngay lúc đó tôi hiểu rõ rằng mình sẽ không bao giờ thấy Minea nữa, mặc dù nàng hứa sẽ trở lại từ nhà thần để đi theo tôi và sống cùng tôi. Tôi biết nàng sẽ không trở lại, nhưng từ đâu tôi biết, tôi không thể nói, vì cho đến lúc đó tôi vẫn chỉ hết hồ nghi rồi lại tin và lo sợ, rồi lại hy vọng và muốn tưởng tượng rằng thần Crete khác với tất cả các vị thần khác, sẽ trả tự do cho Minea vì tình yêu của nàng dành cho tôi. Nhưng giờ thì tôi không còn hy vọng nữa, tôi nằm úp mặt xuống đất, Kaptah ngồi bên cạnh, hai tay ôm đầu lắc lư và than vãn. Những người quyền quý và giàu có của Crete đốt đuốc rừng rực rồi vừa cầm đuốc chạy ngang qua tôi vừa nhảy những điệu nhảy phức tạp và hát những bài hát mà tôi không hiểu lời. Khi các cánh cổng bằng đồng đóng lại, họ vô cùng phấn

khích, nhảy múa và nhào lộn cho đến khi mệt lử, tiếng hò hét của họ vẳng trong tai tôi như tiếng quạ kêu từ tường thành.

Nhưng một lúc sau Kaptah ngừng than khóc và nói:

- Chúng ta không thể làm được gì cho điều đã xảy ra và không ai biết ngày mai chuyện gì sẽ đến. Vậy nên ông chủ ơi, chúng ta hãy ăn và uống để tăng sức cho mình, vì tôi mang theo rượu và nhiều món ăn ngon khi biết đó là phong tục ở đây trong những dịp như thế này. Tôi cũng có thể nói với ông chủ rằng nước mắt không làm ai no nê, và người ốm o thường có những suy nghĩ tồi tệ, còn người no đủ lại hòa hợp với muôn loài. Vì thế sau khi đã buồn quá đủ, tôi sẽ ăn và uống nếu ông cho phép.

Rồi ông ấy lau nước mắt và ăn rồi uống khá nhiều, nhưng tôi không thể động đến thức ăn, còn rượu uống vào như bùn bẩn trong cổ họng. Tôi vẫn nằm sấp trên mặt đất cho tới khi Kaptah nói, khiến tôi ngẩng phắt đầu lên:

- Nếu mắt tôi không đánh lừa, tôi không nghĩ thế vì tôi chưa uống đến nửa lượng rượu để say đến mức nhìn một thành hai, thì cái đầu sừng đã quay lại từ núi, nhưng y quay lại bằng cách nào thì tôi không hiểu vì không ai mở cổng đồng.

Ông ấy nói đúng, quả thật Minotauros đã từ nhà thần trở lại, cái đầu bò vàng sáng rực đến rợn người dưới ánh trăng khi ông ta nhảy điệu nhảy nghi lễ giữa các vũ công khác, đôi chân thay nhau giẫm xuống mặt đất. Khi thấy ông ta, tôi không thể kìm được mà đứng phắt dậy, lao đến, nắm lấy cánh tay ông ta và hỏi:

- Minea đâu?

Ông ta hất tay tôi ra và lúc lắc cái đầu bò, nhưng thấy tôi không chịu rời đi, ông ta để lộ cả khuôn mặt và tức giận nói:

- Hoàn toàn không phải lối khi phá rối nghi lễ linh thiêng, nhưng chắc ngươi không biết vì ngươi là kẻ lạ, vậy nên ta tha thứ cho ngươi, nếu ngươi không chạm vào ta lần nữa.

- Minea đâu? - Tôi vẫn tiếp tục hỏi ông ta cho đến khi ông ta buộc phải trả lời.

- Ta để Minea lại trong bóng tối của nhà thần theo phong tục và quay trở lại để nhảy điệu nhảy nghi lễ tôn vinh thần của chúng ta. Nhưng ngươi còn muốn gì từ Minea nữa chứ, khi đã được nhận quà vì đưa cô ấy trở lại?

- Sao ông có thể trở lại mà nàng thì không? - Tôi hỏi và sấn đến trước mặt ông ta, nhưng ông ta đẩy tôi ra và các vũ công nhảy xen vào giữa chúng tôi. Kaptah nắm lấy tay tôi kéo đi và việc này chắc chắn là tốt, vì nếu không tôi không biết chuyện gì sẽ xảy ra. Kaptah nói:

- Ông thật ngu ngốc và dại dột khi làm ầm lên như thế, sẽ tốt hơn nếu ông cũng nhảy múa với những người khác, cũng cười và hát như họ, nếu không có khi điều không hay sẽ xảy ra với ông. Tôi đoán Minotauros đi ra từ cổng nhỏ cạnh cổng đồng, điều đó không có gì kỳ lạ, vì tôi đã đến nhìn cổng này và thấy lính canh khóa nó lại và mang chìa khóa đi. Nhưng hãy uống rượu đi, ông chủ ạ, để bình tĩnh lại, vì mặt ông méo xệch như mặt kẻ mắc bệnh dại và mắt ông trợn tròn như mắt cú mèo.

Ông ấy ép tôi uống rượu và tôi ngủ trên bãi cỏ dưới ánh trăng khi những ngọn đuốc đung đưa lướt qua trước mắt tôi, vì ông ấy đã ma mãnh pha nhựa anh túc vào rượu khi thấy tôi trong tình trạng đó. Bằng cách ấy, ông ấy đã trả đũa tôi vì những gì tôi đã làm ở Babylon để cứu mạng ông, nhưng ông ấy không nhốt tôi trong chum mà đắp chăn cho tôi và ngăn các vũ công giẫm đạp phải tôi. Có lẽ bằng cách này, ông ấy đã cứu mạng tôi, vì trong lúc tuyệt vọng biết đâu tôi có thể đâm Minotauros và giết ông ta. Thế là Kaptah ngồi bên tôi cả đêm cho đến khi hũ rượu cạn sạch và ngủ thiếp đi bên cạnh tôi, phả hơi rượu vào tai tôi.

Hôm sau tôi thức dậy muộn, thuốc mạnh đến nỗi lúc đầu tôi ngạc nhiên không biết mình đang ở đâu. Khi nhớ ra mình ở đâu và chuyện gì đã xảy ra, tôi khá bình tĩnh, đầu óc tỉnh táo, và nhờ có thuốc nên tôi không làm ầm lên nữa. Nhiều người tham gia đám rước đã trở về thành phố, nhưng một số vẫn ngủ trong bụi cây, đàn ông và đàn bà nằm chung chạ, cơ thể hở hang mà không biết xấu hổ vì họ đã uống rượu, nhảy múa và hò reo thâu đêm. Khi thức dậy, họ thay xiêm áo mới, phụ nữ cài búi tóc lên và thấy khó chịu vì không thể tắm, vì với những người đã quen nước nóng chảy ra từ vòi bạc trong phòng tắm như họ thì nước suối quá lạnh.

Họ súc miệng, bôi dầu lên mặt, kẻ lông mày, tô môi và ngáp rồi nói với nhau: “Ai ở lại đợi Minea và ai trở lại thành phố?”. Trò chơi trên bãi cỏ và trong các bụi cây không còn lôi cuốn nhiều người, hầu hết đã trở lại thành phố vào cuối ngày và chỉ những người bạn trẻ nhất và nhiệt tình nhất của Minea ở lại bên ngoài nhà thần, chơi đùa với nhau nhưng viện cớ chờ Minea trở lại, mặc dù ai cũng biết chưa từng có ai trở lại từ nhà thần. Họ ở lại vì ban đêm họ đã gặp người họ thích và những người vợ nhân cơ hội này tống ông

chồng trở lại thành phố vì muốn thoát khỏi cái ách. Chứng kiến việc này, tôi đã hiểu vì sao trong thành phố không có đến một nhà vui nào mà chỉ ở bến cảng mới có. Sau một ngày và một đêm xem cách họ chơi đùa, tôi hiểu được rằng những cô gái đang hành nghề bán hoa sẽ rất khó cạnh tranh với phụ nữ Crete.

Trước khi Minotauros đi, tôi hỏi ông ta:

- Tôi có thể ngồi lại chờ Minea với bạn bè của cô ấy được không, dù tôi là một người lạ?

Ông ta nhìn tôi vẻ thù địch và đáp:

- Không ai cấm anh cả, nhưng ta nghĩ ở cảng đang có một chiếc thuyền thích hợp có thể đưa anh về Ai Cập, vì chờ chỉ hoài công thôi. Ai đã được tấn phong cho thần, kẻ đó sẽ không trở lại từ nhà thần.

Nhưng tôi làm ra vẻ ngờ nghệch và nói để lấy lòng ông ta:

- Đúng là tôi từng rất thích Minea, mặc dù cô ta ngày càng tẻ nhạt bởi tôi không thể chạm vào vì cô ta đã có thần. Nếu nói thật lòng, tôi không chờ cô ta trở lại, mà tôi chỉ nói như những người khác là ở lại đợi Minea, bởi ở đây có rất nhiều thiếu nữ và thiếu phụ xinh đẹp, cứ nhìn vào mắt tôi quyến rũ và ấn cặp vú vào tay tôi mời mọc, điều mà trước đây tôi chưa bao giờ trải nghiệm. Nói thật tình Minea ghen tuông khủng khiếp, rất khó chiều và chỉ quấy rối ham muốn của tôi, mặc dù tôi không thể chạm vào cô ấy. Có lẽ tôi cũng phải xin ngài thứ lỗi nếu đêm qua tôi uống nhiều rượu đến say xỉn và có thể đã vô tình xúc phạm ngài, mặc dù tôi không nhớ vì đầu tôi vẫn còn váng vất. Tôi chỉ nhớ mình có quàng tay quanh cổ ngài và đòi ngài dạy tôi điệu nhảy mà ngài nhảy rất đẹp và trang nghiêm mà tôi chưa bao giờ được nhìn thấy. Nhưng nếu tôi xúc phạm ngài, từ đáy lòng mình tôi thành thật xin lỗi, vì là người lạ nên tôi chưa biết hết tập quán của các ngài và không biết rằng không được chạm vào ngài, vì ngài gần như là thần linh.

Tôi huyên thiên, lắp bắp những điều này với ông ta, nheo nheo mắt, rên rỉ kêu đau đầu cho đến khi ông ta mỉm cười coi tôi như thằng ngốc và nói:

- Nếu vậy, ta không muốn ngăn anh vui chơi vì ở đây người Crete chúng tôi cũng không sống quá khổ hạnh. Ừ, thì hãy đợi Minea đến chừng nào anh muốn, nhưng cẩn thận đừng làm ai có thai, đó là điều không thích hợp bởi anh là người lạ. Ta không có ý xúc phạm anh bằng lời khuyên này mà chỉ nói với anh như đàn ông

với nhau, để giải thích tập quán của chúng tôi.

Tôi hứa với ông ta sẽ thận trọng và lảm nhảm kể cho ông ta nghe đủ mọi chuyện như thể tôi đã từng trải nghiệm với các trinh nữ trong đền ở Syria và Babylon, cho đến khi ông ta nghĩ tôi còn xuẩn ngốc hơn ông ta tưởng và phát chán, vỗ vai tôi rồi bỏ tôi lại đó để về thành phố. Nhưng tôi nghĩ ông ta đã sai lính canh để mắt đến tôi và cũng khích lệ nhiều người đến tiêu khiển cùng tôi, vì sau khi ông ta đi được một lúc, một nhóm thiếu phụ đến gần tôi, treo vòng hoa vào cổ tôi, nhìn vào mắt tôi và vừa xán lại gần vừa dí cặp vú trần vào cánh tay tôi. Rồi họ kéo tôi đến giữa những bụi nguyệt quế để ăn và uống rượu cùng họ. Thế là tôi thấy được tập quán và sự phóng đãng của họ, những người không chút xấu hổ thẹn thùng với tôi, nhưng tôi uống rất nhiều rượu và giả vờ say mèm, khiến họ không vui thú được gì và cuối cùng phát chán, bắt đầu đẩy tôi ra và gọi tôi là đồ con heo, đồ mọi rợ. Kaptah đến xốc nách kéo tôi đi và lớn tiếng mắng mỏ sự bê tha rượu chè của tôi rồi ngỏ ý muốn cùng họ vui vẻ thay tôi. Họ cười phá lên khi nhìn thấy ông ấy, còn lũ trẻ ranh chế nhạo và chỉ tay vào cái bụng căng phồng và cái đầu hói tới sau gáy của ông. Nhưng ông ấy là một người lạ và sự lạ lẫm luôn dụ dỗ đàn bà ở tất cả mọi miền đất, nên sau khi đã cười nhạo ông quá đủ, họ cho ông nhập bọn, chuốc rượu và ấn trái cây vào miệng ông, ấn hông mình lên mạn sườn ông, gọi ông là con dê cụ của họ và ngửi ngửi ra vẻ khiếp đảm mùi của ông cho đến khi mùi này cũng bắt đầu hấp dẫn họ.

Tôi để mặc Kaptah với họ và bỏ đi vì tôi không thể nghĩ đến điều gì khác ngoài Minea và sự tuyệt vọng giống như con chuột đói gặm nhấm lòng tôi. Nhân khi lính canh ngủ trưa, tôi đến gần cổng đồng và tìm thấy cánh cổng nhỏ bên cạnh đó, nhưng không mở được vì không có chìa khóa, tôi đành chỉ áp miệng vào cánh cổng kim loại và thì thầm tên Minea vì không dám gọi to. Khi lính canh dậy, tôi mang một hũ rượu đến rồi rót rượu mời họ uống và nói chuyện với họ, cách cư xử của tôi khiến họ hết sức ngạc nhiên vì ở Crete, người thượng lưu không nói chuyện với ai thuộc tầng lớp thấp hèn, mà họ sống như thể trên đời này không hề có những người bần cùng và nghèo khó. Nhưng vì lính canh biết tôi là người lạ và cách cư xử của tôi khiến họ coi tôi là kẻ ngốc nên họ uống rượu và nói với nhau những lời nhạo báng tôi bằng ngôn ngữ của họ.

Giáo sĩ coi đền thờ thấy ganh tị liền rời đền đến chỗ chúng tôi và uống rượu của tôi. Ông ta đã già và sống cả đời trong đền để canh giữ cổng đồng, nhưng khi tôi hỏi ông ta đã có lúc nào vào nhà thần chưa, ông ta vô cùng kinh hãi và nói rằng không ai có thể vào

nhà thần ngoài những người được thụ phong và Minotauros; những người khác nếu vào đó sẽ bị chết rất đau đớn. Để chứng minh điều này, ông ta kể rằng cách đây lâu lắm rồi, khi quyền lực và danh tiếng của Crete chưa lớn như bây giờ, một đám cướp biển đã lên bờ, đến gần ngôi đền và tấn công lính canh hòng tìm báu vật trong nhà thần. Nhưng nhóm cướp vào nhà thần đã không bao giờ quay trở ra và một nhóm nữa vào tìm chúng cũng vậy, còn lính canh chỉ nghe thấy những tiếng kêu hoảng loạn từ hành lang sâu thẳm của nhà thần vọng ra. Khi ấy, những tên cướp còn lại hoảng sợ và thả lính canh mà không dám giết họ rồi tháo chạy lên thuyền của chúng. Kể từ đó, không ai dám xông vào nhà thần. Vì vậy ông ta nghĩ canh nhà thần cũng vô ích vì không ai dám bước vào đó, nên ông ta rủ tôi về nhà mình; hoàn toàn không giấu giếm, ông chỉ cho tôi xem chìa khóa cổng và kể rằng Minotauros đã lấy chìa khóa khi vào nhà thần để có thể quay trở ra qua cổng nhỏ mà không ai nhìn thấy, khi cổng đồng to đóng lại phía sau người được thụ phong.

Tôi mua của ông ta mấy bùa hộ mệnh với mấy con bò nhỏ mà ông ta tạc bằng đá để giết thời gian, khiến ông ta rất vui nên chúng tôi đã trở thành bạn. Nhưng khi nói về nhà thần, ông ta hạ thấp giọng và tôi thấy ông ta rất sợ ngôi nhà mà mình đang canh gác. Ông ta cũng nói với tôi rằng sẽ không dám ở trong đền nếu cánh cổng đồng để ngỏ, nhưng vì sao thì ông không thể giải thích cho tôi.

Tôi không muốn ở trong nhà ông ta quá lâu vì sợ gây chú ý nên quay lại với những người khác, cùng uống rượu, cố gắng vui vẻ, cười đùa với họ và làm ra vẻ rất thích đàn bà. Kaptah đã uống đến say xỉn và huyên thiên với họ nhiều điều phét lác về các xứ sở mà chúng tôi đã đến khiến họ cười, vỗ tay tán thưởng và reo lên thích thú như trẻ con. Ông ấy cũng kể cho họ nghe về ngày ông là vua Babylon và những phán quyết mà ông đã đưa ra khi ngồi trên ngai vàng cùng với chiến công hiển hách của mình trong hậu cung, nhưng họ coi tất cả những điều đó là khoác lác và càng cười nhiều hơn, họ nói: “Ông ta chắc chắn có máu Crete trong huyết quản”.

Ngày hôm ấy trôi qua như thế cho đến khi tôi phát chán với sự vui thú, vô lo và lối sống tự do của họ, đến mức tôi không thể tưởng tượng cuộc sống nào nhàm chán hơn, vì tôi nghĩ một cuộc sống bất thường không tuân theo bất cứ một phép tắc nào theo thời gian sẽ trở nên buồn chán hơn một cuộc sống có mục đích. Họ qua đêm như đêm trước, suốt đêm giấc ngủ chập chờn của tôi bị hành hạ bằng tiếng la hét của lũ đàn bà trong khu rừng nhỏ khi họ vừa ve vãn vừa trốn tránh các chàng trai trẻ đuổi theo họ trong bóng

tối nhằm giật quần áo khỏi người họ. Nhưng sáng ra họ mệt mỏi bơ phờ và ngán ngẩm vì không thể tắm và hầu hết trở về thành phố hôm đó, chỉ còn những người trẻ nhất và hăng hái nhất ở lại bên cổng đồng.

Nhưng ngày thứ ba, những người cuối cùng cũng ra về và tôi để họ mang theo cả chiếc kiệu đang chờ tôi, bởi vì những người đã đi bộ đến đây không còn sức nữa mà bước đi loạng quạng vì thức quá nhiều và ham vui quá mức; hơn nữa tôi cũng muốn họ mang chiếc kiệu đón tôi theo để không còn ai đợi tôi. Ngày ngày tôi cho lính gác uống rượu nên tối đó khi tôi mang đến một hũ rượu lớn, họ không ngạc nhiên và vui vẻ tiếp nhận, vì họ không có nhiều trò vui, sự cô đơn của họ kéo dài cả tháng cho tới khi đoàn đưa rước người được thụ phong mới đến nhà thần. Nếu có điều gì đáng để họ ngạc nhiên thì đó là tại sao tôi lại chờ Minea một mình, vì việc này trước đây chắc chắn chưa từng có, nhưng tôi là một người lạ và họ coi tôi là kẻ ngốc nên họ uống, và khi thấy vị giáo sĩ cũng nhập cuộc với họ, tôi đến chỗ Kaptah và bảo:

- Thần linh đã ban lệnh nên bây giờ chúng ta phải xa nhau, vì Minea chưa trở lại và ta không tin nàng sẽ quay lại trừ khi ta đi đón nàng. Nhưng chưa từng có ai bước vào nhà tối đó quay trở lại, vì thế có thể ta cũng vậy, nên tốt nhất là ngươi trốn vào rừng và nếu sáng ra ta không quay lại, ngươi hãy về thành phố một mình. Nếu có ai hỏi, ngươi hãy nói ta đã rơi từ một vách đá xuống biển, hoặc nói điều ngươi nghĩ là tốt nhất, vì ngươi biết bịa ra điều gì đó tốt hơn ta. Nhưng chắc chắn ta sẽ không quay lại, vì vậy ngươi có thể đi ngay nếu ngươi muốn. Ta đã viết cho ngươi một bảng đất sét có dấu bằng cái triện Syria của ta để ngươi có thể đi đến Simyra và nhận tiền của ta từ thương điếm ở đó. Ngươi cũng có thể bán nhà của ta ở đó nếu ngươi muốn. Bán xong nhà, ngươi được tự do đi về tùy ý. Còn nếu ngươi sợ ở Ai Cập sẽ bị đe dọa vì là nô lệ bỏ trốn thì hãy ở lại Simyra, sống trong nhà ta và làm gì ngươi muốn bằng của cải của ta. Đã thế này rồi, ngươi không phải lo giữ thi thể của ta, vì nếu ta không thể tìm thấy Minea, với ta thi thể còn hay mất không quan trọng nữa. Ngươi là đầy tớ trung thành của ta, mặc dù ngươi thường làm ta mệt mỏi với những lời lải nhải không dứt, vì thế ta ân hận đã đánh ngươi quá nhiều và quá mạnh bằng gậy của mình, nhưng ta tin rằng điều đó chỉ tốt cho ngươi và ta làm việc đó với ý tốt, vì vậy ta hy vọng ngươi không vì thế mà thù oán ta. Hãy đi với may mắn của bọ hung mà ngươi có thể mang theo cùng, vì ngươi tin vào nó hơn ta. Ta không nghĩ ta cần bọ hung ở nơi ta đến.

Kaptah im lặng một lúc lâu và không nhìn tôi, cuối cùng ông nói:

- Ông chủ ơi, tôi không bao giờ oán giận ông cả, mặc dù đôi khi ông đánh tôi rất đau, vì ông đã làm điều đó với ý tốt theo cách nghĩ của ông. Nhưng thường ông vẫn nghe lời khuyên của tôi, thậm chí thường xuyên chuyện trò với tôi như một người bạn hơn là như một đầy tớ hay nô lệ, khiến đôi khi tôi thấy lo cho danh giá của ông, cho đến khi cây gậy của ông lấy lại sự khác biệt được thần linh xác lập giữa chúng ta. Nhưng bây giờ Minea này cũng là bà chủ của tôi, vì tôi đã đặt bàn chân được ban phước của bà lên đầu mình, do đó tôi có trách nhiệm với bà vì là người hầu của bà. Mặt khác, tôi cũng không thể để ông vào nhà tối ấy một mình, vì nhiều lý do khác nhau mà tôi không muốn kể lể ở đây, nên nếu là người hầu, tôi không thể theo ông đến đó vì ông đã ra lệnh cho tôi phải về và tôi phải làm theo lệnh ông tuy cái lệnh ấy thật xuẩn ngốc, song là một người bạn, tôi phải đi cùng ông, bởi tôi không thể để ông lại một mình trong nguy hiểm, nhất là không có bọ hung, mặc dù cũng như ông, tôi nghĩ bọ hung khó có thể giúp chúng ta trong việc này.

Ông ấy nói rất nghiêm túc và cân nhắc trước sau khiến tôi không còn nhận ra ông ấy nữa và ông ấy không còn kêu than như trước. Nhưng tôi nghĩ thật vô nghĩa khi cả hai đi vào cái chết, bởi chỉ một thôi là đủ, nên tôi nói điều đó với ông ấy và bắt ông biến đi theo lệnh của tôi và đừng nói những điều ngu ngốc nữa. Nhưng ông ấy bướng bỉnh nói:

- Nếu ông không cho tôi đi cùng, tôi sẽ đi theo sau ông và ông không thể cấm tôi, nhưng tôi muốn đi cùng ông vì tôi rất sợ bóng tối. Mặt khác, tôi sợ cái nhà tối tăm đó đến nỗi chỉ nghĩ đến thôi, xương tôi đã rữa thành nước rồi, vì vậy tôi hy vọng ông cho phép tôi mang theo hũ rượu để thỉnh thoảng rượu cho tôi thêm can đảm, vì nếu không tôi bắt đầu sợ và la hét, làm phiền ông. Mà tôi cũng không mang vũ khí theo người, vì tôi là người đàn ông yếu đuối, khiếp sợ cảnh máu me và tôi tin vào đôi chân mình hơn tin vào vũ khí, do đó nếu ông định quyết chiến với thần, ông phải liệu chuyện đó một mình, còn tôi chỉ đứng nhìn và khuyên ông can đảm. Tôi cho rằng những điều này đã được ghi vào sao chiếu mệnh trước ngày sinh đáng nguyền rủa của tôi, như ông hay nói, nhưng điều đó không đủ để an ủi tôi, mà niềm an ủi duy nhất là tôi đã sống quá lâu so với một đời người và cái đầu lơ mơ của tôi ngập chìm trong quá nhiều quán rượu, nhiều hơn cả con số tôi biết để kể ra, và tôi cũng đã vui thú quá đủ với đàn bà con gái, những ả Crete này là cuối cùng, làm đệm ngủ thì vừa đủ mềm nhưng xin Amon rủ lòng đừng để tôi phải đập vỡ vò với họ. Tôi nói thế không phải định ám chỉ bà chủ Minea của chúng ta, một người quá trong sáng đến nỗi tôi có thể nói rằng khuyết điểm của bà là

quá khiết tịnh và số phận của bà cho thấy trong trắng quá mức nguy hiểm như thế nào, mặc dù tôi không thể đem tính cách ấy ra làm thí dụ cảnh báo cho các con tôi, mặc dù tôi chưa bao giờ thấy chúng, những đứa có lẽ đang ở khắp các miền gió khác nhau. Tôi chỉ nói là nếu bà ta thật lòng lên giường với ông, như một người phụ nữ đoan chính khi gặp người đàn ông mình yêu, thì đã không xảy ra những chuyện như thế này, mà chúng ta đã ở Simyra hay Ai Cập và bà làm chủ nhà ông, một việc có lẽ sẽ mang đến những chuyện rắc rối khác mà tôi không tiện kể ra lúc này, song vẫn chưa thấm gì so với nỗi buồn đau giờ đây đang chờ đợi chúng ta. Ngay cả việc bảo quản thi thể của mình, việc mà với tôi không phải là điều phù phiếm như với ông chủ, mà tôi còn rất lo lắng về nó, rằng liệu cuộc sống tương lai của tôi sẽ ra sao. Nhưng điều sẽ xảy ra là điều không thể ngăn chặn được, như mụ già thường nói khi ngón tay bị kẹt giữa hai thớt cối đá.

Tôi biết Kaptah khi đã bắt đầu thì có thể nói suốt đêm, như giờ đây khi nỗi sợ hãi đã khiến lời lẽ của ông ấy liến láu hơn trước. Vì thế tôi nói:

- Hãy thôi lải nhải đi và cầm lấy hũ rượu nếu ngươi muốn, nhưng chúng ta phải đi ngay để làm cho xong việc này vì ta nghĩ lũ lính canh đang ngủ say vì uống rượu ta pha.

Lính canh đã ngủ say mê mệt và cả giáo sĩ cũng ngủ, nên tôi có thể dễ dàng lấy chìa khóa cổng của Minotauros từ nơi cất giấu mà giáo sĩ đã chỉ cho tôi. Chúng tôi cũng mang theo mồi lửa và đuốc song chưa đốt chúng, vì dưới ánh trăng có thể nhìn rõ và dễ dàng dùng chìa khóa mở cánh cổng nhỏ ra. Nhờ vậy, chúng tôi vào trong và bước vào nhà của thần rồi đóng cánh cổng lại; trong bóng tối tôi nghe thấy tiếng răng Kaptah va lập cập vào miệng hũ rượu.

5

Được rượu tiếp thêm can đảm, Kaptah nói giọng khàn khàn:

- Ông chủ ơi, đốt đuốc thôi, từ đây ánh sáng không lọt ra ngoài đâu và bóng tối này còn khủng khiếp hơn cả bóng tối nơi địa ngục, nơi không ai có thể thoát ra còn chúng ta tự nguyện bước vào.

Thế là tôi thổi than rồi thắp đuốc lên và thấy chúng tôi đang ở trong một khoang rỗng lớn, lối vào bị chặn bằng các cổng đồng. Từ khoang này có mười hành lang dẫn ra các hướng khác nhau,

được ngăn cách bằng những bức tường gạch dày. Nhưng tôi đã chuẩn bị cho tình thế này khi tôi nghe kể thần của Crete sống trong mê cung, và các giáo sĩ Babylon đã dạy tôi rằng các mê cung được xây dựng phỏng theo ruột của những con vật hiến tế. Vì vậy, tôi tin có thể tìm thấy lối đi đúng, bởi nhiều lần khi hiến tế tôi đã nhìn thấy ruột bò và đoán mê cung của Crete có lẽ được xây dựng từ ngày xưa theo ruột của bò. Do vậy, tôi chỉ cho Kaptah hành lang phía trước và nói:

- Chúng ta sẽ đi từ đằng kia.

Nhưng Kaptah bảo:

- Vội vàng thì có ích gì, cẩn thận cũng chẳng thừa, nên tốt hơn là chuẩn bị để không bị lạc và trước tiên cần đảm bảo chúng ta có thể tìm lại được chỗ này nếu chúng ta quay lại, điều mà tôi không tin, vì tôi rất sợ chúng ta sẽ không bao giờ quay lại.

Nói rồi ông ấy lấy từ trong túi ra một cuộn chỉ, buộc chỉ quanh một mẩu xương rồi cắm thật chắc vào giữa hai viên gạch. Sáng kiến giản đơn này của ông ấy thật thông thái, đến mức tôi chắc sẽ không bao giờ nghĩ ra được, nhưng tôi không nói với ông ấy điều này để khỏi mất thanh danh của mình trong mắt ông ấy. Bởi vậy nên tôi cáu kỉnh giục ông ấy làm nhanh lên. Rồi tôi đi vào mê cung của nhà tối với hình dung trong đầu sơ đồ ruột chạy trong bụng bò, còn Kaptah vừa đi vừa tháo chỉ ra khi chúng tôi tiến về phía trước.

Chúng tôi đi loanh quanh trong bóng tối vô tận theo các hành lang khác nhau và các hành lang mới mở ra trước mặt chúng tôi, đôi khi chúng tôi quay lại khi gặp bức tường chặn đứng phía trước và tiếp tục lần theo hành lang khác cho đến khi Kaptah dừng lại, hít ngửi không khí, hai hàm răng bắt đầu va vào nhau lập cập và cây đuốc trên tay rung lên, ông ta nói:

- Ông chủ ơi, ông có thấy mùi bò không?

Tôi cũng ngửi thấy rất rõ một mùi ghê sợ, hôi thối nồng nặc gợi nhớ đến mùi bò, mặc dù mùi này còn khủng khiếp hơn và có vẻ như bốc ra từ những bức tường chúng tôi đi qua, như thể toàn bộ mê cung là một chuồng bò khổng lồ. Nhưng tôi bảo Kaptah đừng ngửi mà hãy đi tiếp và sau khi ông ấy uống một ngụm dài từ hũ rượu, chúng tôi vội vã đi về phía trước cho đến khi chân tôi trượt vào một thứ gì đó trơn trơn, tôi cúi xuống nhìn và nhận ra cái sọ đã thối rữa của một người phụ nữ, trên đầu vẫn còn tóc. Ngay khi

nhìn thấy, tôi đã biết mình chỉ có thể thấy được xác Minea, nhưng ước muốn điên rồ phải thấy đẩy tôi về phía trước nên tôi ẩn Kaptah đi và cấm ông ấy khóc rồi chúng tôi đi về phía trước, vừa đi vừa tháo cuộn chỉ ra. Nhưng không lâu sau, một bức tường lại nhô lên trước mặt buộc chúng tôi phải quay lại và tìm một lối đi khác.

Đột nhiên Kaptah dừng lại và chỉ tay xuống đất, những sợi tóc lưa thưa dựng đứng trên đầu và mặt ông ấy tái nhợt hẳn. Tôi cũng nhìn xuống và thấy phân súc vật khô trên lối đi, nhưng đống phân này có kích thước to bằng một người đàn ông, nếu là phân bò thì con bò này phải to đến mức không thể tưởng tượng nổi. Kaptah cũng nghĩ như tôi, ông nói:

- Không thể là phân bò vì con bò như vậy làm sao lọt được vào hành lang này. Tôi cho đây là phân của rắn khổng lồ.

Nói rồi ông ấy nốc một hơi rượu dài, răng va lập cập vào miệng hũ, còn tôi nghĩ về những lối đi được xây để rắn khổng lồ di chuyển được và tôi chợt nghĩ đến việc quay trở lại. Nhưng tôi lại nhớ đến Minea, nỗi tuyệt vọng khủng khiếp xâm chiếm trong đầu khiến tôi kéo Kaptah đi về phía trước, siết chặt con dao trong tay ướt đẫm mồ hôi, mặc dù tôi biết đây là việc vô ích.

Nhưng khi chúng tôi dò dẫm về phía trước, mùi hôi thối trong lối đi mỗi lúc một đậm đặc hơn phả vào chúng tôi, giống như uế khí từ một ao xác lớn, khiến chúng tôi thở mỗi lúc một khó khăn hơn. Trong thâm tâm tôi thấy mừng vì tôi biết chúng tôi sẽ sớm đến đích. Chúng tôi tiến về phía trước cho đến khi ánh xám nhờ nhờ tràn vào lối đi khiến tôi linh cảm về một nguồn sáng ở xa xa. Và rồi chúng tôi lọt vào trong núi, các hành lang không còn bằng gạch xây mà được đục vào đá mềm. Hành lang đưa chúng tôi xuống phía dưới, chúng tôi vấp phải xương người và những đống phân, như thể chúng tôi đang ở trong hang ổ của loài thú dữ khổng lồ. Cuối cùng, một hang động lớn mở ra trước mặt và chúng tôi đứng bên rìa một vách đá nhìn xuống nước, một mùi hôi không thể tả vây quanh chúng tôi.

Ánh sáng xanh lè khủng khiếp từ biển lọt vào hang khiến chúng tôi không cần đuốc vẫn nhìn được xung quanh mình và nghe thấy tiếng sóng vỗ vào ghềnh đá ở đâu đó xa xa. Nhưng trên mặt nước ở phía trước chúng tôi bồng bềnh thứ gì trông như một dãy bao tải da khổng lồ, cho đến khi mắt thường có thể nhận ra đó là một quái vật chết trong nước, to hơn và kinh khủng hơn bất cứ con vật nào mà con người có thể tưởng tượng, đang nồng nặc bốc mùi

thối rữa. Đầu nó chìm trong nước nhưng trông như đầu của một con bò khổng lồ và thân như một con rắn kinh tởm, đang phân hủy ra nhiều khúc nên nhẹ nổi lềnh bềnh trên mặt nước. Tôi biết vật kinh dị tôi đang nhìn là thần của Crete, nhưng tôi cũng biết rằng con vật này đã chết cách đây nhiều tháng. Vậy thì Minea ở đâu?

Khi nghĩ về nàng, tôi cũng nghĩ về tất cả những ai đã vào nhà thần trước nàng, những người được thụ phong dành cho thần sau khi học nhảy múa trước bò. Tôi nghĩ về những chàng trai tơ không được ôm ấp phụ nữ, về những cô gái phải giữ trinh tiết để có thể bước vào đó trong ánh hào quang và niềm vui sướng của thần, tôi nghĩ tới sọ và xương của họ rải rác trên các lối đi của nhà tối, nghĩ tới con quái vật khi nó đuổi theo họ trong hành lang của mê cung và chặn đường họ bằng thân hình kinh khủng của nó, khiến những điệu múa và tài nghệ nhảy trước bò của họ không còn giúp được họ nữa. Con quái vật này sống bằng thịt người, mỗi tháng ăn một lần là đủ và bữa ăn này được các quốc vương Crete hiến tế bằng những trinh nữ đẹp nhất và những chàng trai tơ tuyệt vời nhất, với hy vọng rằng nhờ đó họ sẽ tiếp tục thống trị biển. Chắc quái vật này đã bị bão tố dồn ẩn vào hang từ vực sâu thăm thẳm dưới đại dương vào thời kỳ xa xưa nào đó và họ đã chặn đường ra của nó, xây dựng mê cung cho nó có nơi để chạy và nuôi sống nó bằng các nạn nhân hiến tế cho đến khi nó chết và không còn quái vật nào khác như vậy tồn tại trên thế gian này. Vậy thì Minea ở đâu?

Điên cuồng vì tuyệt vọng, tôi hét tên Minea và lòng hang âm âm vọng lại cho đến khi Kaptah chỉ xuống mặt hang cho tôi xem những vết máu khô trên đá. Theo vết máu, tôi nhìn xuống nước và thấy thi thể Minea, hay những thứ còn lại của nàng, vì thân xác này chầm chậm di chuyển dưới đáy khi bị các loài gặm nhấm từ mọi phía khiến khuôn mặt cũng không còn nguyên vẹn mà tôi chỉ nhận ra nàng nhờ chiếc lưới bạc trên tóc. Tôi cũng không cần phải tìm vết kiếm trên ngực nàng vì tôi đã biết Minotauros đưa nàng đến đây và từ phía sau đâm xuyên thanh kiếm qua người nàng rồi ẩn nàng xuống nước để không ai được biết thần Crete đã chết. Chắc chắn hắn đã làm điều tương tự với những cô gái và chàng trai trước Minea.

Sau khi nhìn thấy, biết được và hiểu ra mọi chuyện, tôi hét lên một tiếng kinh hoàng rồi ngã khuỵu xuống ngất lịm, và chắc chắn tôi đã rơi xuống nước cạnh Minea nếu như Kaptah không vội nắm lấy cánh tay tôi và kéo tôi lại nơi an toàn như ông ta kể lại với tôi sau này. Từ lúc đó trở đi, tôi không còn biết những gì đã xảy ra với

mình, ngoại trừ những điều được Kaptah kể lại. Sau bao đau khổ, xót thương và tuyệt vọng, sự bất tỉnh đã nhân từ và bí ẩn trấn tĩnh tôi.

Kaptah kể ông ấy đã khóc một lúc lâu bên cạnh tôi vì nghĩ rằng tôi cũng đã chết, ông ấy khóc vì cả Minea, cho đến khi tỉnh táo lại, sờ vào người tôi và biết tôi còn sống; ông ấy nghĩ ít nhất có thể cứu được tôi, khi không thể làm gì cho Minea được nữa. Ông ấy cũng kể đã nhìn thấy thi thể của những nam thanh, nữ tú khác bị Minotauros giết, bị loài giáp xác rỉa hết thịt khiến xương rải đầy trên đáy cát trắng mịn. Nhưng có phải ông ấy kể với tôi như thế để an ủi tôi không, tôi không biết. Khi ấy, mùi hôi thối bắt đầu khiến ông ấy nghẹt thở, và khi biết không thể cùng một lúc vác cả hũ rượu và tôi, ông liền uống cạn hũ rượu rồi ném hũ xuống nước; nhờ có rượu đem lại thêm sức lực, ông vừa vác vừa kéo tôi trở lại cổng đồng, đi theo sợi chỉ chúng tôi đã gỡ ra khi vào. Sau một lát suy nghĩ, ông cũng vừa đi vừa cuộn chỉ lại khi quay ra nhằm tránh để lại dấu vết chuyến viếng thăm mê cung của chúng tôi và ông nói, dưới ánh sáng của ngọn đuốc, ông thấy trên tường và ngách của hành lang những dấu hiệu bí ẩn mà ông đồ rằng chính Minotauros đã đánh dấu để tìm được đường ra. Ông cũng kể đã ném hũ rượu xuống nước, để Minotauros ngạc nhiên khi làm công việc đao phủ của y vào lần kế tiếp.

Trời vừa hửng sáng, ông ấy đưa được tôi ra ngoài rồi khóa cổng lại và đưa chìa khóa về chỗ của nó trong nhà giáo sĩ, vì cả lính canh và giáo sĩ vẫn đang ngủ mê mệt sau khi uống rượu tôi pha. Sau đó, ông ấy vác tôi vào bụi cây ở bên bờ con suối, hắt nước lên mặt tôi và xoa tay tôi cho đến khi tôi tỉnh lại. Nhưng tôi cũng không nhớ gì về việc này, vì ông bảo tôi quẫn trí và không nói được, do vậy ông đã cho tôi uống thuốc để tôi trấn tĩnh lại. Phải sau đó rất lâu, khi chúng tôi đã ở gần thành phố tôi mới tỉnh hẳn lại, và ông ấy đã nắm cánh tay tôi dìu đi. Từ lúc đó tôi mới nhớ mọi chuyện.

Nhưng tôi không nhớ mình đã cảm thấy đau đớn ra sao và khi ấy tôi không nghĩ nhiều về Minea mà nàng chỉ là một cái bóng mờ trong tâm trí tôi, như thể tôi đã gặp nàng ở một kiếp trước xa xôi nào đó. Thay vì nghĩ đến nàng, tôi nghĩ thần của Crete đã chết và quyền lực của Crete bị hủy diệt đúng như tiên đoán và tôi không hề hối tiếc; mặc dù người dân Crete đối xử tốt với tôi, niềm vui của họ và cả nghệ thuật của họ cũng đều như bọt sóng lấp lánh hay sóng bạc đầu đổ xuống bãi biển. Khi đến gần thành phố, tôi rất vui khi nghĩ rằng một ngày nào đó những tòa nhà đẹp, thanh thoát này sẽ bùng cháy, những tiếng rên rỉ dâm đãng của đàn bà sẽ biến thành những tiếng thét gào hấp hối, đầu bò vàng của Minotauros

sẽ bị búa đập dát thành miếng mỏng và cắt thành từng mảnh trong cuộc phân chia chiến lợi phẩm, quyền lực của Crete sẽ không còn dấu vết và hòn đảo của họ chìm vào lòng biển, nơi mà từ đó quỷ bò biển đã nổi lên.

Tôi cũng nghĩ về Minotauros mà không có đến một ý nghĩ xấu về ông ta, vì Minea chết nhẹ nhàng, không cần dùng hết tài nghệ để nhảy và trốn chạy trước bò biển, nàng chết và gần như không biết chuyện gì xảy ra với mình. Tôi nghĩ Minotauros là người duy nhất biết thần của họ đã chết, Crete đang trên đường diệt vong và tôi hiểu ông ta đã rất khó khăn để giữ bí mật này. Khi quái vật còn sống, tôi không biết liệu việc mang giữ bí mật này có dễ dàng không, tháng này đến tháng khác, năm này qua năm khác ông ta phải đưa các nam thanh nữ tú của đất nước mình đến ngôi nhà tối và biết rõ điều gì sẽ xảy ra với họ ở đó. Không, tôi không hề nghĩ xấu về Minotauros, mà chỉ lải nhải hát và cười như điên dại khi được Kaptah dìu đi, nhờ vậy ông ấy có thể dễ dàng nói với những người bạn của Minea đi đón chúng tôi rằng tôi vẫn say trong khi chờ Minea, điều có thể hiểu được, vì tôi là người lạ, không hiểu hết phong tục của xứ này và không biết say xỉn giữa ban ngày ban mặt trước người khác là mọi rợ đến thế nào. Cuối cùng ông ấy mượn được một chiếc kiệu và cho người khênh tôi về nhà trọ, ở đó tôi được thoải mái uống rượu theo ý mình và sau đó ngủ một giấc dài mê mệt.

Nhưng khi thức dậy, tôi hoàn toàn tỉnh táo và có thể nghĩ sáng suốt, sâu xa về mọi việc đã xảy ra, tôi nghĩ đến Minotauros và có thể đi giết ông ta, nhưng rồi lại nghĩ điều đó chẳng ích gì và cũng chẳng đem lại niềm vui cho tôi. Rồi tôi nghĩ mình nên tiết lộ cho dân ở bến cảng về cái chết của thần Crete để họ cho lửa cháy và máu chảy trong thành phố, nhưng có lẽ việc đó cũng không mang lại niềm vui hay lợi ích gì cho tôi. Tôi còn nghĩ nếu kể sự thật, tôi sẽ cứu sống những ai đã và sắp ném xúc xắc để nhờ đó được bước vào nhà của thần, nhưng tôi biết sự thật chỉ là con dao trần trong tay một đứa trẻ và phản lại kẻ cầm nó.

Vì thế tôi nghĩ thần Crete không liên quan đến tôi, bởi tôi là người lạ và tôi sẽ không bao giờ có được Minea nữa, những loài giáp xác sẽ rỉa trắng bộ xương mảnh dẻ của nàng, để nàng vĩnh viễn nằm lại nơi đáy biển. Tôi nghĩ tất cả những điều này đã được ghi vào các vì sao trước ngày tôi chào đời và tôi được sinh ra vào lúc hoàng hôn của thế gian, khi thần linh chết đi và mọi thứ thay đổi trước khi năm thế giới này kết thúc và năm thế giới khác bắt đầu. Ý nghĩ này đã an ủi tôi và tôi nói điều đó với Kaptah rất nhiều lần, nhưng Kaptah nói tôi bị bệnh, bảo tôi nghỉ ngơi và không cho phép bất cứ

ai gặp tôi nếu tôi muốn nói với họ những điều như thế.

Tôi quá ngán Kaptah trong những ngày này vì ông ấy liên tục ép tôi ăn dù tôi không đói và thấy chỉ uống rượu là đủ. Quả thật tôi liên tục thấy khát và chỉ rượu mới làm tôi khuây khỏa, vì tôi điềm tĩnh và hiểu biết nhất vào lúc rượu làm tôi nhìn một hóa hai. Khi đó tôi biết không gì giống như bề ngoài của nó, bởi vì khi uống rượu đủ say, người ta nhìn mọi thứ một thành hai và điều này đúng với anh ta mặc dù anh ta biết sự thật không phải thế. Nói cho cùng, theo tôi đây là bản chất của sự thật, nhưng khi tôi kiên nhẫn và bình tĩnh giải thích điều này với Kaptah, ông ấy không chịu nghe mà ép tôi nằm thẳng người ra và nhắm mắt lại để trấn tĩnh. Nhưng tôi thấy mình bình tĩnh và lạnh lùng như con cá chết trong hũ dầu và tôi không muốn nhắm mắt lại vì lúc đó tôi thấy những thứ khó chịu, chẳng hạn như xương người bị gặm nhấm đến trắng xóa và thối rữa trong nước và một Minea mà tôi biết trước đây đang nhảy một vũ điệu đòi hỏi tài nghệ điêu luyện trước con rắn đầu bò. Vì thế tôi không muốn nhắm mắt lại và gượng lấy gậy đánh Kaptah vì tôi đã quá chán, nhưng rượu khiến tay tôi quờ quạng nên ông ấy dễ dàng lấy gậy đi. Ông ấy còn giấu con dao đắt tiền tuyệt hảo mà viên cai đội cảng người Hittite đã tặng tôi, để tôi không thể tìm thấy.

Kaptah cũng rất cứng đầu, không chịu gọi Minotauros đến chỗ tôi, mặc dù tôi đã nhiều lần cương quyết bảo ông ấy rằng tôi muốn nói chuyện với Minotauros, rằng tôi cảm thấy như ông ta là người duy nhất trên thế giới có thể hoàn toàn hiểu tôi cũng như những ý nghĩ lớn lao của tôi về thần linh, về sự thật và những điều tưởng tượng. Kaptah cũng không mang cho tôi một cái đầu bò máu me để tôi có thể trò chuyện với nó về bò, về biển và các điệu nhảy trước bò. Ngay đến một yêu cầu nhỏ như vậy, ông ấy cũng không muốn đáp ứng, vì vậy tôi có lý do để phát chán ông ấy.

Về sau tôi hiểu được rằng lúc đó chắc tôi bị bệnh nên không nhớ lại được tất cả những ý nghĩ trong đầu, bởi vì rượu đã làm tôi bối rối và làm nhiễu trí nhớ tôi. Tuy nhiên tôi tin rượu ngon đã cứu tôi khỏi mất trí và giúp tôi vượt qua giai đoạn tồi tệ nhất khi vĩnh viễn mất Minea cũng như đức tin vào thần linh và lòng tốt của con người. Vì thế mỗi khi ai đó đến gặp tôi đầu đầy tro bụi và quần áo tả tơi, tôi luôn nói: “Không có nỗi đau nào mà rượu không xoa dịu được. Không có rủi ro nào mà rượu không giúp vượt qua. Không có mất mát nào mà rượu không an ủi được. Vậy nên hãy uống rượu, để nỗi buồn chìm trong rượu như chuột trong chảo dầu, và đừng lo lắng cả khi bạn cảm thấy rượu có vị đắng trong miệng lúc ban đầu vì vị của nó càng ngon khi uống càng nhiều và

chẳng mấy chốc nỗi buồn của bạn sẽ như một đám mây bồng bềnh trên bầu trời".

Còn nếu ai đó đến gặp tôi với vòng hoa trên đầu và quanh cổ, người xoa dầu đắt tiền và ăn vận quần áo đẹp nhất với nước mắt hạnh phúc trong khóe mắt, tôi sẽ nói: "Hãy cẩn thận với niềm vui quá khích, bạn của tôi ạ, vì niềm vui nguy hiểm hơn nỗi buồn và bất hạnh; niềm vui trong bạn giống như con rắn, nhìn thật đẹp và long lanh trong ánh sáng nhưng nó rót chất độc chết người vào tĩnh mạch bạn. Hãy coi chừng niềm vui, bạn ạ, và hãy dìm nó vào rượu, đừng ngần ngại, vì không niềm vui nào mà rượu không thể nhấn chìm, dù nó làm cho niềm vui của bạn thành rồ dại lúc đầu và để lại trong miệng bạn vị ngọt ngon, bởi vì càng uống, miệng bạn sẽ càng đắng, cho đến khi niềm vui của bạn chỉ như một mớ giẻ rách trên cát khô, và điều đó thật tốt, vì niềm vui là món quà xảo trá nhất với con người và những điều tưởng tượng dùng nó để dụ dỗ anh ta".

Thế là rượu đã khiến điều gì đó vỡ vụn trong tôi, giống như cậu bé trong tôi đã mất đi điều gì đó khi nhìn thấy giáo sĩ Amon nhổ nước bọt lên mặt của thần và lau mặt thần bằng ống tay áo trong thánh đường linh thiêng nhất. Dòng đời tôi như ngừng trôi và vỡ vụn xuống một cái ao rộng, nhìn trên bề mặt thì đẹp, phản chiếu bầu trời và các vì sao, nhưng nếu cắm gậy của mình xuống đó, bạn sẽ thấy nước cạn, đáy đầy xác và bùn.

Rồi đến một buổi sáng khi tỉnh dậy ở nhà trọ, tôi thấy Kaptah đang ngồi trong góc phòng tôi, tay ôm đầu, lắc lắc và khóc thút thít. Tôi đưa tay run run nghiêng hũ rượu, nhưng uống rồi, tôi bực bội hỏi:

- Ngươi khóc cái gì vậy, con chó kia?

Đây là lần đầu tiên tôi chịu nói với ông ấy sau nhiều ngày, vì đã quá chán với sự chăm sóc và đầu óc ngu ngốc của ông.

Ông ấy ngẩng đầu lên, đáp:

- Ở bến cảng có một con thuyền sắp rời đi Syria và có thể đây là chiếc cuối cùng rời đi trước những cơn bão mùa đông tồi tệ nhất, thế nên tôi khóc.

Tôi liền quát:

- Vậy hãy xéo lên thuyền của ngươi đi, trước khi ta lại nện cho mấy gậy để khỏi phải nhìn bộ mặt méo xệch và nghe tiếng lải nhải, lè

nhè muôn thuở của ngươi.

Nhưng sau khi nói thế, tôi tự thấy xấu hổ và để hũ rượu sang bên, một ý nghĩ chua chát đã an ủi tôi rằng trên thế gian có ít nhất một người phụ thuộc vào tôi, mặc dù ông ấy chỉ là một nô lệ bỏ trốn.

Nhưng Kaptah nói:

- Ông chủ của tôi ạ, quả thật tôi cũng phát ngán phải nhìn ông nốc rượu và ụt ịt như lợn đến nỗi rượu đã mất hết vị trong miệng tôi, điều mà tôi không bao giờ tin được, thậm chí tôi không thèm lấy ống hút bia từ vò nữa. Người chết thì đã chết và sẽ không bao giờ trở về, vì vậy tôi nghĩ tốt nhất chúng ta nên rời khỏi đây càng nhanh càng tốt. Vàng bạc và những thứ ông thu được trong chuyến đi của mình, ông đã ném qua cửa sổ xuống rãnh và tôi không tin ông còn có thể chữa bệnh cho bất cứ ai với bàn tay run rẩy của mình, khi mà đến hũ rượu ông cũng không cầm nổi. Tôi phải thừa nhận rằng lúc đầu tôi nghĩ thật tốt khi ông uống chút rượu để bình tâm lại; tôi khuyến khích ông uống, mở tiếp nắp các hũ rượu mới và tôi cũng uống. Tôi cũng khoe khoang với mọi người: "Hãy nhìn xem tôi có ông chủ tuyệt vời như thế nào! Ông ta uống như một con hà mã, dìm vàng, bạc vào rượu và lấy đó làm vui". Nhưng tôi không còn hãnh diện nữa, mà xấu hổ thay chủ của mình, vì mọi thứ đều có giới hạn của nó, và tôi nghĩ ông chủ lúc nào cũng làm quá lên trong mọi chuyện. Tôi không bao giờ lên án một người đàn ông uống đến say mềm và đánh lộn nơi góc phố, đầu bị sưng vù và tỉnh dậy trong nhà vui bởi vì đây là cái cách thông thường để xua bớt những nỗi niềm đau khổ mà bản thân tôi thường làm. Nhưng phải chữa thói say xỉn dần dần bằng bia và cá muối, làm việc trở lại như thần linh đã sai khiến và như tập tục tốt đòi hỏi. Thay vào đó, ông uống như thể mỗi ngày là ngày cuối cùng; tôi sợ ông uống để chết, mà nếu ông muốn thế, thà ông chết chìm trong bể rượu, bởi vì cách này nhanh hơn, dễ chịu hơn và không mang lại sự xấu hổ cho ông.

Tôi nghĩ về những điều ông ấy nói và nhìn vào đôi tay mình, vốn là đôi tay của một thầy thuốc nhưng bây giờ run rẩy như thể chúng có ý muốn riêng mà tôi không thể điều khiển được nữa. Tôi cũng nghĩ về tất cả tri thức đã học hỏi được ở nhiều vương quốc và hiểu rằng sự cường điệu thật vô nghĩa, và rằng thật xuẩn ngốc khi quá đà trong ăn và uống cũng như trong nỗi buồn và niềm vui. Vì vậy, tôi nói với Kaptah:

- Được rồi, cứ cho là ngươi nói đúng, nhưng ngươi phải biết rằng ta hiểu rất rõ tất cả những gì ngươi vừa nói và lời nói của ngươi

không hề tác động đến quyết định của ta, mà giống như tiếng ruồi vo ve khó chịu trong tai ta. Nhưng bây giờ ta sẽ ngừng uống và sẽ không mở hũ rượu nào khác trong một thời gian dài vì ta đã thật hiểu mình, ta dự định rời khỏi Crete, trở về Simyra.

Nghe thế, Kaptah reo lên rồi vừa cười vừa nhảy cẫng lên, hai chân giẫm xuống sàn theo thói quen của nô lệ, nhưng tôi nói tiếp:

- Chuyến đi này thực sự hữu ích cho ta, bởi vì trên hòn đảo giữa biển này ta đã rũ bỏ được trách nhiệm của mình với thần linh và ta không còn nợ họ bất cứ điều gì, cũng như thần linh không nợ gì ta hết, mặc dù có lẽ ta không nên công khai nói điều đó bởi vì mọi người sẽ lên án và coi lời nói của ta là một sự sỉ nhục. Do đó, ta dự định để cho mỗi người được cứu rỗi theo đức tin của chính họ mà không dính dáng đến việc của thần linh nữa, dù là người Ai Cập hay Crete, Babylon hay Hittite, những người mà ta nghĩ vẫn sẽ tiếp tục dạy cho các dân tộc khác về quyền lực và ý nghĩa của các vị thần. Ta sẽ tự mình đi đến Simyra và dự định đi trên mọi con đường mở ra cho ta mà không quan tâm nó dẫn đến đâu. Có lẽ rốt cuộc sự sống tốt hơn cái chết và người sống quan trọng hơn thần linh đã chết, mặc dù chắc ta chưa thể nói được điều đó trước khi có trải nghiệm về cái chết. Tuy nhiên, ta nghĩ cái chết không kỳ lạ hơn một vài tuần say xỉn, nên ta cho là mình đã trải qua cái chết. Vậy nên, ngươi hãy mau đặt chỗ cho chúng ta trên thuyền, thu gom đồ đạc còn lại và giúp ta lên thuyền, bởi ta chưa hoàn toàn tin vào đôi chân của mình, chúng giống như những vật xa lạ và mỗi chân bước theo một hướng khác nhau.

Nhưng trước khi ông ấy kịp đi trong niềm vui khôn xiết, tôi lại nói thêm:

- Trong bất cứ hoàn cảnh nào, ngươi cũng không bao giờ được nói đến cái tên Minea để ta nghe thấy, tên đó đã bị lãng quên và bị xóa sổ, như thể nó chưa từng tồn tại. Ta không đòi hỏi bất kỳ ánh sáng hay lời hứa nào của ngươi về điều này vì chúng chỉ là tiếng ruồi vo ve, nhưng ta cam đoan với ngươi rằng nếu ngươi thốt ra cái tên đó một lần từ miệng mình, ta sẽ bán ngươi cho mỏ đá hoặc mỏ đồng và tiết lộ ngươi là một nô lệ bỏ trốn. Hãy ghi nhớ điều đó, Kaptah, vì ta chưa bao giờ nói với ngươi những lời thật hơn.

Kaptah không nói gì mà bỏ đi và chúng tôi lên thuyền ngay hôm đó. Các tay chèo thả mái chèo xuống nước và chèo thuyền ra khỏi bến cảng, vượt qua hàng chục, hàng trăm ghe thuyền và cả các thuyền chiến bọc đồng của Crete. Ra khỏi bến cảng, các tay chèo rút mái chèo lên, thuyền trưởng dâng lễ cúng thần biển trong

cabin của mình và ra lệnh cho kéo buồm lên. Thuyền tròng trành và sóng vỗ xoàm xoạp lên mạn thuyền. Chúng tôi dong buồm về phía bờ biển Syria khi Crete mờ dần phía sau chúng tôi như một đám mây xanh, một cái bóng hay một giấc mơ và xung quanh chúng tôi chỉ còn những con sóng dập dềnh, bát ngát.

Sách thứ chín
Quán đuôi cá sấu

1

Vậy là sau ba năm phiêu bạt trên nhiều miền đất để thu thập tin tức cả tốt lẫn xấu, tôi trở lại Simyra khi đã vào tuổi trung niên chứ không còn là thanh niên trai trẻ. Gió biển thổi bay hơi rượu khỏi đầu tôi, làm mắt tôi sáng trở lại và cơ thể phục hồi, nên tôi đã ăn uống bình thường như những người khác, dù tôi không còn nói nhiều như họ mà thậm chí còn cô đơn hơn trước. Tất nhiên cô đơn là một phần của tuổi trưởng thành nếu điều đó đã được định trước, nhưng tôi đã cô đơn từ khi còn nhỏ và là người xa lạ trên thế gian từ sau khi chiếc thuyền sậy đưa tôi tấp vào bờ sông Nile, nên tôi không cần phải làm quen với điều đó như nhiều người khác mà cô đơn như là nhà và giường với tôi trong đêm tối.

Nhưng khi đứng nơi mũi thuyền trên biển xanh dập dềnh xung quanh mình và gió biển thổi bay mọi suy nghĩ phù phiếm hư vô, tôi vẫn thấy ở nơi xa xăm nào đó đôi mắt sáng như ánh trăng trên biển, nghe tiếng cười lạ thường của Minea từ rất xa và thấy nàng đang nhảy múa trên nền đất bên những con đường Babylon, xiêm áo mỏng tang, trẻ trung và mềm dẻo như cây sậy non. Hình bóng nàng không còn đem lại cho tôi nỗi buồn hay sự dằn vặt mà trong tâm trí tôi, nàng chỉ còn lại như một nỗi đau ngọt ngào con người ta cảm thấy mỗi sáng mai thức dậy khi nhớ về giấc mơ đẹp hơn cuộc đời đêm qua. Vì vậy, khi nghĩ về nàng, tôi mừng vì đã được gặp nàng và không muốn từ bỏ bất cứ khoảnh khắc nào từng được ở bên nàng mà chỉ biết tôi không thể như tôi lúc này nếu như không gặp nàng. Biểu tượng gắn ở mũi thuyền có khuôn mặt phụ nữ dù chỉ là gỗ lạnh và được sơn; đối mặt với gió ở cạnh nó, tôi cảm thấy sức đàn ông trong tôi tràn đầy, mạnh mẽ và biết rằng

trong đời mình tôi sẽ vẫn còn vui với nhiều phụ nữ, bởi người cô đơn mà đêm nào cũng đơn chiếc thì thật lạnh lẽo. Nhưng tôi tin rằng đối với tôi, tất cả những người đàn bà khác chỉ là gỗ lạnh và sơn vẽ; khi ôm họ trong bóng tối, tôi sẽ chỉ tìm Minea trong họ; đôi mắt sáng như ánh trăng, hơi ấm của thân hình mảnh dẻ, mùi hương cây bách của làn da đều chỉ khiến tôi nhớ đến Minea. Tôi nói lời từ biệt với Minea như vậy ở mũi thuyền.

Hành trình của chúng tôi thật khó khăn vì gió thổi mạnh và thuyền phải chạy vát để tránh ngược gió nên không ngừng lắc lư, những con sóng ầm ầm như những ngọn núi đập vào hai bên mạn thuyền. Vì thế, những bùa chú không còn giúp ích cho Kaptah, mặc dù ông ấy đã buộc chặt dây quanh bụng nhiều vòng; cả bọ hung cũng không giúp được, nên ông cho thần biển hết mọi thứ, nhịn ăn vì thần và ước giá như mình không được sinh ra trên thế gian này. Nhưng ông ấy không còn sợ chết như trước nữa mà cố tự an ủi trong sự khốn khổ của mình, vì ông biết mình sẽ khỏe lại ngay sau khi đặt chân lên đất liền, dù ông ấy nói không thể nào tin được nếu trước đây chưa trải qua.

Vì thế khi chúng tôi đặt được chân lên đất Simyra, ông ấy úp mặt xuống đất rồi vừa chà miệng vào những tảng đá ở cầu cảng vừa khóc và thề với bọ hung rằng ông sẽ không bao giờ bước chân lên thuyền nữa. Tâm trí tôi cũng tràn ngập niềm vui khi nhìn thấy những con hẻm chật chội và những ngôi nhà cao của Simyra, trang phục của người đi trên phố, những con chó sắp chết và những đàn ruồi bu quanh giỏ cá, vì tôi đã sống ở Simyra trong hai năm, thành phố trở nên thân thuộc với tôi và là nơi tôi có được những thành công đầu tiên khi làm thầy thuốc chữa bệnh cho nhiều người.

Nhà tôi ở Simyra vẫn ở nguyên chỗ cũ, mặc dù kẻ trộm đã phá cửa sổ và vào lấy đi tất cả những đồ đạc đáng giá mà tôi đã không gửi vào kho của thương điếm khi ra đi. Vì tôi đi vắng quá lâu nên hàng xóm đã bắt đầu dùng khoảng trống trước nhà tôi để làm chỗ đổ rác và phóng uế, vì vậy mùi hôi thối bốc lên thật kinh khủng và lũ chuột chạy dọc nền nhà khi tôi bước vào phòng, quơ mạng nhện nơi ô cửa. Hàng xóm không vui khi thấy tôi, quay lưng đóng sầm cửa trước mặt tôi và nói với nhau: “Anh ta là người Ai Cập và tất cả sự xấu xa đến từ Ai Cập”. Vậy nên lúc đầu tôi ở nhà trọ để cho Kaptah dọn xong nhà rồi mới chuyển về và tôi đến các thương điếm mà tôi đã đầu tư tài sản của mình. Sau ba năm phiêu bạt, tôi nghèo khó trở về Simyra, không những mất hết tài sản tôi có được khi chữa bệnh mà còn mất cả số vàng Horemheb đã đưa cho tôi, phần lớn số đó buộc phải đưa cho các giáo sĩ Babylon để cứu

Minea.

Những chủ thuyền giàu có ở các thương điếm vô cùng ngạc nhiên khi thấy tôi và họ bối rối, lo lắng cào cào râu, vì nghĩ rằng đã có được tài sản của tôi khi tôi vắng quá lâu. Tuy nhiên, họ vẫn rất trung thực xem xét việc của tôi và dù tôi đã mất cổ phần của mình vào một số thuyền gặp nạn trên biển, song những thuyền khác đã thu được rất nhiều lợi nhuận nên khi tính gộp lại, hóa ra khi trở về tôi còn giàu hơn so với lúc tôi rời đi và tôi không cần lo lắng đến sinh kế của mình ở Simyra.

Các bạn chủ thuyền của tôi đã mời tôi đến văn phòng của họ, đãi tôi rượu, bánh mật ong và lúng túng phân trần với tôi: "Sinuhe, thầy thuốc của chúng tôi, anh là bạn tốt của chúng tôi nhưng anh là người Ai Cập, và cho dù chúng tôi vui lòng buôn bán với Ai Cập, chúng tôi không hề thoải mái thấy dân Ai Cập cư ngụ nơi góc phố của chúng tôi, vì người dân than phiền rằng họ khổ sở vô cùng với những khoản sưu thuế phải nộp cho Pharaon. Chúng tôi không biết những việc như vậy bắt đầu từ đâu, nhưng quả thật người Ai Cập đã bị ném đá trên đường phố, đền thờ của họ bị ném lợn chết vào và mọi người không muốn xuất hiện trên đường phố với người Ai Cập. Sinuhe ạ, anh là bạn chúng tôi và chúng tôi rất kính trọng anh vì tài chữa bệnh của anh mà chúng tôi vẫn nhớ. Vì thế chúng tôi kể với anh tất cả những điều này để anh biết mà đề phòng và hành xử cho thích hợp".

Những điều họ nói khiến tôi hết sức kinh ngạc, vì trước khi tôi đi, người Simyra đua nhau kết bạn với người Ai Cập và mời họ đến nhà, và nếu ở Thebes người ta bắt chước tập quán Syria thì ở Simyra người ta cũng học theo phong tục Ai Cập. Tuy nhiên, Kaptah công nhận lời họ nói, ông trở về nhà trọ đầy uất ức:

- Chắc chắn quỷ dữ đã chui vào người bọn Simyra qua lỗ đít, vì chúng cư xử như những con chó điên, vờ như không biết nói tiếng Ai Cập lưu loát và đuổi tôi khỏi tiệm bia mà tôi rẽ vào khi họng tôi khô khốc sau tất cả những việc ông bắt tôi làm, ông chủ ạ. Họ đã đuổi tôi ra khi phát hiện tôi là người Ai Cập rồi gào lên những từ xấu xa sau lưng tôi và bọn trẻ con ném cứt lừa vào tôi. Do vậy tôi đã khôn ngoan hơn khi đến tiệm bia khác, vì quả thật cổ họng tôi khô như bịch rơm và tôi thèm thứ bia mạnh Syria ghê gớm. Tôi không nói gì ở đấy, mặc dù điều đó rất khó đối với tôi, như ông quá biết, lưỡi tôi giống như con vật hiếu động, không bao giờ chịu nằm yên một chỗ. Dù vậy, tôi đã khôn ngoan hơn, không nói lời nào mà chỉ lẳng lặng cắm ống hút của mình vào vò bia cùng với những người khác và lắng nghe họ nói. Họ nói rằng vào ngày xửa

xưa, Simyra vốn là một thành phố tự do không phải nộp sưu cho bất kỳ ai, nên họ không muốn con mình sinh ra làm nô lệ cho Pharaon nữa. Các thành phố khác của Syria cũng được tự do, do đó phải đập vỡ sọ và đuổi tất cả người Ai Cập ra khỏi các thành phố của Syria, đó là nhiệm vụ của tất cả những ai yêu tự do và thấy chán sống cuộc đời nô lệ của Pharaon. Họ nói những điều ngu ngốc như vậy, mặc dù ai cũng biết rằng Ai Cập chỉ bảo vệ Syria vì lợi ích của chính Syria chứ đâu được lợi lộc gì nhiều; người Ai Cập chỉ quên mình bảo vệ người Syria khỏi đánh nhau, vì nếu để họ tự cai quản, các thành phố Syria sẽ như lũ mèo hoang trong bao tải, sẽ tranh cãi, gây chiến và cấu xé nhau khiến việc chăn nuôi, trồng trọt cũng như buôn bán bị thiệt hại nghiêm trọng. Điều này người Ai Cập ai cũng biết, vì mỗi đứa trẻ đều được dạy như vậy ở trường, mặc dù tôi không được đến trường mà chỉ ngồi ở cổng trường chờ thằng con trai hư hỏng của một trong những ông chủ cũ của tôi, đứa luôn đá vào chân tôi và đâm cây bút viết vào những chỗ hiểm của tôi. Tôi không muốn kể với ông chuyện này mà chỉ nhắc lại những gì tôi nghe được ở quán bia, vì những người Syria ở đó ngạo mạn về sức mạnh của mình, họ nói về liên minh giữa các thành phố của Syria, khiến người Ai Cập là tôi phát ngán với điều họ nói nên đã bỏ đi khi chủ quán không để ý, bỏ bia lại không trả tiền và bẻ gãy ống hút bia của mình.

Tôi không cần đi lại nhiều trong thành phố mới thấy những gì Kaptah nói là thật. Thực ra tôi không bị đánh đuổi vì tôi đã học cách mặc quần áo Syria, nhưng những người quen biết tôi trước đây quay mặt đi khi nhìn thấy tôi và người Ai Cập đi lại trong thành phố đều có người đi theo bảo vệ, dù thế họ vẫn bị chế nhạo, bị ném trái cây thối và cá chết vào người. Song tôi không coi những điều này là quá nguy hiểm, vì người Simyra có lẽ bực tức với các loại thuế mới và tình trạng hỗn loạn như vậy thường qua đi rất nhanh, vì Syria cũng được hưởng lợi từ Ai Cập như Ai Cập nhận được từ Syria và tôi không tin rằng các thành phố ven biển sẽ tồn tại được lâu nếu không có ngũ cốc của Ai Cập.

Vì vậy tôi đã cho sửa sang lại nhà mình và tiếp nhận người bệnh, chữa cho họ như trước và bệnh nhân đã tìm đến tôi như xưa sau khi biết tin tôi trở về, bởi bệnh tật và đau đớn không gặng hỏi tộc tính mà chỉ cần tài năng của thầy thuốc. Tuy nhiên, bệnh nhân thường tranh cãi với tôi:

- Ông là người Ai Cập, ông nói xem, Ai Cập thu thuế và hưởng lợi từ chúng tôi, như đỉa béo mầm hút máu từ sự nghèo khó của chúng tôi, vậy là đúng ư? Cả quân đồn trú Ai Cập đóng trong thành phố cũng là một sự ô nhục đối với chúng tôi, vì chúng tôi có

thể tự mình duy trì trật tự trong thành phố và chống lại được kẻ thù của mình, nếu người ta cho chúng tôi cơ hội để làm điều đó. Chúng tôi không được xây dựng lại các bức tường và sửa chữa các tháp của mình, điều đó thật không đúng một khi chúng tôi muốn và đồng ý trả tiền cho việc này. Vua quan của chúng tôi cũng có thể trị vì chúng tôi tốt và đúng, không cần người Ai Cập can thiệp vào việc đăng quang của quốc vương chúng tôi hay việc thực thi pháp luật của chúng tôi. Thề có thần Baal, không có người Ai Cập, chúng tôi sẽ thành công và thịnh vượng, nhưng người Ai Cập như bầy châu chấu trên cổ chúng tôi và Pharaon của các ông cố tình bắt chúng tôi nhận thần mới khiến chúng tôi mất đi sự ưu ái dành cho các thần của mình.

Tôi không muốn tranh luận với họ, nhưng vẫn nói:

- Các ông xây tường và tháp chống lại ai, nếu không phải Ai Cập? Quả là vào thời cụ kỵ tổ tiên của các ông, có lẽ thành phố tự do trong các tường thành của mình, nhưng các ông đã đổ máu và trở nên khánh kiệt trong vô số cuộc chiến với các nước lân bang mà cho đến bây giờ các ông vẫn còn căm thù, còn các quốc vương của các ông thì chuyên quyền, khiến người giàu cũng như kẻ nghèo khó mà được an toàn với họ. Bây giờ khiên đao, giáo mác của Ai Cập bảo vệ các ông trước kẻ thù và luật pháp Ai Cập bảo đảm công lý cho cả người giàu lẫn người nghèo.

Nhưng họ đã nổi nóng, mắt bắt đầu long lên hằn tia máu, cánh mũi phập phồng và họ nói:

- Tất cả luật pháp của Ai Cập đều là cứt, và thần linh Ai Cập là những thứ kinh tởm với chúng tôi. Nếu các quốc vương của chúng tôi hành xử độc đoán và sai trái, điều mà chúng tôi không tin vì đó chỉ là lời dối trá của Ai Cập để chúng tôi quên đi tự do, họ vẫn là quốc vương của chính chúng tôi và tim chúng tôi mách bảo rằng sự bất chính trong một xứ sở tự do còn tốt hơn công lý ở một vương quốc nô lệ.

Tôi vặc lại họ:

- Tôi không thấy ở các ông những dấu hiệu của kẻ nô lệ mà trái lại các ông phát phì và luôn miệng khoe khoang đã giàu lên từ sự ngu dốt của Ai Cập. Nhưng nếu các ông tự do, có lẽ các ông sẽ cướp thuyền bè của nhau, chặt phá vườn tược, cây trái của nhau và tính mạng các ông không còn an toàn khi đi vào sâu trong đất liền.

Nhưng họ không nghe tôi mà quăng quà của mình ra trước mặt

tôi và vừa bỏ đi vừa nói:

- Trong tim mình, ông là người Ai Cập, mặc dù ông mặc quần áo Syria. Mỗi người Ai Cập là một kẻ áp bức và bất lương, người Ai Cập tốt bụng luôn luôn là người Ai Cập đã chết.

Nghe những điều ấy, tôi không còn ưa Simyra nữa mà bắt đầu thu gom của cải còn lại của mình và chuẩn bị rời khỏi đây để trở về Ai Cập, vì tôi đã hứa sẽ gặp Horemheb và kể cho anh ấy những gì mình đã thấy ở các miền đất tôi đến. Tuy nhiên, khi nghĩ mình sẽ lại được uống nước sông Nile, một cảm giác lạ lùng chế ngự trong tim, nên tôi không vội đi ngay.

Một buổi tối, khi tôi trở về từ đền thờ Ishtar, nơi tôi thỉnh thoảng đến như kẻ đang khát cần nước uống mà không quan tâm nước từ giếng nào, mấy người đàn ông từ phía tường thành đi lại phía tôi và nói với nhau: "Không phải gã kia là người Ai Cập à? Chả lẽ chúng ta để cho một kẻ đã cắt bao quy đầu ăn nằm với các trinh nữ của chúng ta và làm mất uy tín đền thờ của chúng ta?".

- Tốt hơn nên gọi trinh nữ của các anh bằng một cái tên khác, - tôi nói. - Họ không nhìn người đàn ông qua bề ngoài hay tộc tính mà cân đong niềm vui của mình bằng số vàng người đó có trong ví, và tôi không chê trách họ về điều đó, vì bản thân tôi đã vui vẻ cùng họ và tôi sẽ tiếp tục bất cứ khi nào tôi muốn.

Nghe thế, chúng kéo áo choàng lên che mặt rồi lao đến, quật tôi xuống đất và đập đầu tôi vào tường cho đến khi tôi nghĩ mình sắp chết đến nơi. Nhưng khi chúng bắt đầu trấn lột và kéo quần áo của tôi ra để ném xác tôi xuống cảng, một trong số chúng nhìn rõ mặt tôi và hỏi:

- Đây không phải là Sinuhe, danh y Ai Cập và là bạn của vua Aziru ư?

Tôi nhận mình là Sinuhe và nói tôi sẽ giết chúng và ném xác chúng cho chó, vì đầu tôi đau nhức vô cùng và tôi rất tức giận nên không nghĩ gì đến sợ hãi. Khi ấy chúng buông tôi ra, trả lại quần áo cho tôi và vừa bỏ chạy vừa kéo áo choàng lên che mặt. Tôi hoàn toàn không hiểu tại sao chúng làm như thế, vì chúng không có lý do gì để sợ những lời đe dọa của tôi khi tôi thật sự bất lực trong tay chúng.

Vài ngày sau, một tín sứ cưỡi ngựa đến trước nhà tôi, một hình ảnh hiếm gặp, vì người Ai Cập không bao giờ ngồi lên lưng ngựa và người Syria cũng rất ít khi, chỉ lũ cướp vô học ở vùng hoang mạc mới cưỡi ngựa. Ngựa là loài vật cao lớn và hung dữ, nó đá và húc, hất bất kỳ ai cố trèo lên lưng và cưỡi nó, khác hẳn lừa vốn quen chịu tất cả. Những con ngựa được thắng vào trước cỗ xe cũng trở nên đáng sợ và chỉ những chiến binh đã qua huấn luyện mới biết điều khiển chúng bằng cách đút ngón tay vào lỗ mũi chúng. Dù thế nào, người đàn ông này cũng đang cưỡi trên lưng ngựa đến trước nhà tôi, thân con ngựa ướt đẫm, miệng rỉ máu và nó thở phì phì rất đáng sợ. Qua quần áo của người đàn ông, tôi nhận ra anh ta đến từ núi cừu và nhìn nét mặt, tôi đoán anh ta đang rất hoảng sợ.

Viên tín sứ nhào đến chỗ tôi vội đến mức không kịp cúi đầu trước tôi mà đặt tay lên trán để chào và hoảng hốt kêu lên:

- Hãy sai lấy kiệu của ông đi, danh y Sinuhe, đi theo tôi nhanh lên vì tôi từ xứ Amori đến và vua Aziru sai tôi đến đón ông. Con trai ngài bị bệnh mà không ai biết bệnh gì, nhà vua gầm gào như sư tử nơi rừng hoang và nói sẽ cắt chân tay ai đến gần ngài. Vì thế, hãy lấy tráp thuốc của ông và đi theo tôi nhanh lên, nếu không tôi sẽ cắt cổ ông và lấy chân đá đầu ông trên đường phố.

- Quốc vương của anh khó dùng được đầu của tôi, vì không có đôi tay thì đầu tôi không thể chữa cho ai được, - tôi nói với anh ta. - Nhưng tôi bỏ qua cho sự hồ đồ của anh và đi theo anh. Không phải vì tôi sợ những lời đe dọa của anh, mà vì vua Aziru là bạn tôi và tôi muốn giúp ngài.

Tôi bảo Kaptah gọi kiệu và vui vẻ theo viên tín sứ, vì tôi đang cô đơn đến nỗi chỉ mong được gặp Aziru, người mà tôi đã từng lấy vàng bọc răng cho. Nhưng tôi chẳng vui được lâu, vì khi đến đầu hẻm núi, tôi bị nhấc sang một chiến xa cùng với tráp đồ nghề, những con ngựa hoang dã hồng hộc kéo xe đi dọc theo triền núi đá và vượt qua đèo dốc khiến tôi nghĩ các bộ phận trên cơ thể mình bị nghiền nát nhừ và tôi thét lên vì sợ hãi, còn người hộ tống tôi bị bỏ lại đằng sau trên lưng con ngựa mệt mỏi của anh ta và tôi mong anh ta sẽ ngã gãy cổ.

Đến sau dãy núi, người ta quẳng tôi cùng với tráp đồ nghề từ cỗ chiến xa này sang cỗ xe khác và được những con ngựa sung sức kéo, khiến tôi không còn biết mình đứng bằng chân hay bằng đầu và tôi không thể làm gì khác hơn là hét lên với những người đánh

xe: “Lũ chết tiệt, lũ thối tha, lũ bẩn thỉu!” và nắm chặt tay đấm vào lưng họ khi đến đoạn đường bằng phẳng hơn và tôi dám bỏ tay nắm khỏi hai bên thành xe. Nhưng họ không thèm để ý mà chỉ kéo dây cương và quất mạnh roi khiến chiếc xe ngựa chồm chồm qua những tảng đá và lúc ấy tôi nghĩ bánh xe sẽ bị rơi ra.

Theo cách đó, hành trình đến xứ Amori không mất nhiều thời gian, và chúng tôi đã đến một thành phố với những bức tường cao mới xây bao quanh trước khi mặt trời lặn. Quân lính vác khiên đao đi lại trên tường thành nhưng cổng thành đã được mở sẵn cho chúng tôi và chiến xa phóng qua thành phố giữa tiếng lừa kêu, tiếng la hét của đám đàn bà và trẻ em, những giỏ trái cây bị bắn lên không trung và vô số nồi, vò bị nghiền nát dưới bánh xe, vì người đánh xe không thèm để ý xe đè lên ai và những gì. Khi được nhấc ra khỏi xe ngựa, tôi không thể bước được nữa mà chỉ lảo đảo trên đôi chân như kẻ say, buộc các tay xà ích phải xốc nách và đưa tôi vào nhà Aziru, còn lũ nô lệ bê tráp thuốc đi theo phía sau tôi. Nhưng chúng tôi mới chỉ vừa đến phòng chờ treo đầy khiên, áo giáp che chắn ngực, giáo cắm lông và đuôi sư tử, Aziru đã xông ra đâm sầm vào tôi, miệng gầm vang như con voi bị thương. Anh ta đã xé quần áo mình, làm tóc dính đầy tro và còn lấy móng tay cào mặt khiến da mặt bị xước và rỉ máu.

- Các ngươi đã nán lại ở đâu, quân chết tiệt, đồ ăn hại, lũ ốc sên, - anh ta gầm lên và giật giật bộ râu xoăn tít, khiến những dải ruy băng vàng buộc râu lóe lên như chớp. Anh ta đấm những tay xà ích đang dìu tôi vào và gầm gừ như thú dữ:

- Các ngươi chần chừ ở đâu, lũ đầy tớ chết tiệt, khi con trai ta sắp chết?

Các tay xà ích vội thanh minh:

- Bẩm quốc vương, bề tôi đã bắt bầy ngựa phóng nhanh đến đứt hơi và lao qua những ngọn núi nhanh hơn chim bay. Công lao lớn nhất ở đây thuộc về danh y mà bề tôi đã đón được vì ông ta sùng sục muốn nhanh đến để chữa cho con trai quốc vương, ông ta gào thét khích lệ khi bề tôi mệt mỏi và đấm vào lưng bề tôi khi xe bị chậm lại, điều mà bề tôi không bao giờ tin người Ai Cập sẽ làm và bề tôi nghĩ chưa bao giờ có ai vượt qua quãng đường từ Simyra đến Amori trong một thời gian ngắn như vậy.

Khi ấy Aziru ôm chặt lấy tôi, vừa khóc vừa nói:

- Hãy chữa lành cho con trai tôi nhé, Sinuhe, chữa lành cho nó, tất

cả những gì của tôi cũng sẽ là của anh.

Nhưng tôi nói với anh ta:

- Trước tiên hãy đưa tôi đến chỗ con trai anh, lúc đó tôi mới biết có thể chữa được không.

Anh ta vội vàng dẫn tôi đến một phòng lớn, nơi chậu than đang bốc lên hừng hực dù đang là mùa hè, khiến trong phòng nóng bức và ngột ngạt đến tức thở. Ở giữa sàn có một cái nôi và trong nôi, đứa bé chừng chưa đầy tuổi trong bộ đồ len đang gào khóc và la hét. Nó gào khóc đến tím tái mặt mũi và mồ hôi đọng từng giọt trên má; mái tóc nó đen và dày giống cha dù vẫn còn rất nhỏ. Tôi nhìn thằng bé và thấy nó không có bệnh gì nguy hiểm cho lắm vì nếu sắp chết, nó không thể gào lên điên cuồng như vậy. Tôi cũng nhìn xung quanh và thấy trên sàn, bên cạnh cái nôi là Keftiu, thiếu phụ mà tôi đã tặng cho Aziru làm vợ, cô ta béo và trắng hơn trước nhiều, da thịt bóng mượt rung rinh khi cô ta buồn bã đập trán mình lên sàn nhà và gào rên, khóc lóc. Từ góc phòng vang lên tiếng hét và khóc của một đám nô lệ và vú nuôi với những vết bầm tím trên mặt vì bị Aziru đánh khi họ không thể giúp con trai anh ta.

- Đừng lo, Aziru, - tôi nói. - Con trai anh sẽ không chết, nhưng tôi muốn rửa ráy cho cậu bé trước khi thăm khám. Có điều hãy cất cái chậu than đáng nguyền rủa kia đi, nếu không chúng ta sẽ ngạt thở ở đây.

Lúc đó, Keftiu đột nhiên ngẩng đầu lên khỏi sàn và sợ hãi nói:

- Thằng bé có thể bị cảm lạnh.

Nhưng sau đó cô ta nhìn tôi một lúc lâu rồi mỉm cười, ngồi dậy sửa tóc và váy áo, rồi lại mỉm cười và hỏi:

- Sinuhe, có phải anh không?

Nhưng Aziru vặn vẹo đôi tay và bảo:

- Thằng bé không ăn mà nôn ngay ra những gì ăn vào, người nó nóng và nó gần như không ăn gì trong ba ngày mà chỉ khóc, khiến tim tôi quặn thắt khi nghe tiếng hét gào của nó.

Tôi bảo anh ta đuổi vú nuôi và nô lệ ra khỏi phòng, anh ta ngoan ngoãn làm theo, quên hẳn mình là vua. Rửa ráy cho thằng bé xong, tôi cởi quần áo len của nó ra rồi cho mở cửa sổ để căn phòng

được thông thoáng, luồng khí đêm mát lành từ bên ngoài ùa vào. Thằng bé im bặt, chân tay bụ bẫm bắt đầu vung đạp và không còn gào hét nữa. Khám người và bụng của nó, tôi thấy ngờ ngợ nên đút ngón tay vào miệng nó, và tôi đã đoán đúng: chiếc răng đầu tiên đã nhú ra như một hạt ngọc trắng trong hàm thằng bé.

Lúc ấy tôi cáu kỉnh gắt lên:

- Aziru, Aziru! Vì thế này mà anh đã cho những con ngựa hoang đến đón danh y lành nghề nhất của Syria ư, vì dù không muốn tự khen, tôi có thể nói rằng tôi đã học được rất nhiều từ chuyến đi của mình tới các miền đất khác nhau. Con anh không đau ốm gì cả, nó chỉ thiếu kiên nhẫn và cáu bẳn hệt như cha mình, và có lẽ nó bị sốt nhẹ, nhưng đã hết rồi. Nó đã nôn tức là nó rất khôn ngoan khi làm việc đó để giữ mạng sống của mình, vì các người đã nhét cho nó quá nhiều sữa béo. Đã đến lúc Keftiu nên cai sữa cho nó và cho thằng bé làm quen với thức ăn thích hợp, nếu không nó sẽ cắn đứt núm vú mẹ mình, điều mà tôi nghĩ sẽ làm anh buồn khổ, vì có lẽ anh vẫn muốn vui thú với vợ. Anh cần biết rằng con trai anh khóc vì thiếu kiên nhẫn khi chiếc răng đầu tiên nhú lên và nếu không tin tôi, anh hãy tự xem đi.

Tôi vạch miệng thằng bé và chỉ cho Aziru xem chiếc răng, anh ta òa lên mừng rỡ, vỗ tay và nhảy xung quanh, chân giậm xuống sàn nhà thình thịch. Tôi cũng cho Keftiu xem chiếc răng và Keftiu nói cô ta chưa bao giờ nhìn thấy một chiếc răng đẹp như vậy trong miệng một đứa trẻ. Nhưng khi cô ta gắng quấn cậu bé vào bộ đồ len một lần nữa, tôi đã ngăn lại và bảo chỉ cần quấn vải mát xung quanh để đứa bé không bị cảm lạnh vào buổi tối.

Aziru giậm chân thình thịch, vừa múa vừa hát, giọng ồm ồm, không hề ngượng ngùng vì đã bắt tôi vượt cả quãng đường dài vô ích, mà còn muốn cho các quý tộc và cận thần thấy răng con trai mình; anh ta cho gọi cả lính gác từ trên tường thành xuống xem chiếc răng, họ chen nhau xúm quanh nôi, vừa làm giáo khiên chạm nhau loảng xoảng vừa kinh ngạc ngắm đứa trẻ và cố đưa những ngón tay cái bẩn thỉu vào miệng nó để thấy chiếc răng cho đến khi tôi đuổi tất cả ra khỏi phòng và nhắc nhở Aziru hãy coi trọng phẩm giá và làm chủ bản thân mình.

Aziru bối rối nói:

- Có lẽ đúng là tôi đã mất bình tĩnh và quá lo lắng sau nhiều đêm thức bên nôi con trai, tim quặn đau vì tiếng khóc của con, nhưng anh phải hiểu thằng bé là con trai tôi, là đứa con đầu của tôi, thái

tử của tôi, con mắt của tôi, viên ngọc của tôi, sư tử nhỏ của tôi, và một ngày nào đó, con tôi sẽ đội vương miện của Amori và cai trị nhiều dân tộc, vì quả thật tôi muốn xây dựng Amori thành một vương quốc vĩ đại, để con tôi có cái được thừa hưởng và sẽ ca ngợi danh tiếng của cha mình. Sinuhe, Sinuhe, anh không biết tôi biết ơn anh như thế nào khi anh dời được tảng đá ra khỏi trái tim tôi, vì chắc anh phải công nhận rằng chưa bao giờ nhìn thấy thằng bé nào khôi ngô như thế, mặc dù anh đã chu du qua nhiều miền đất. Giả dụ anh hãy nhìn vào mái tóc của nó, cái bờm sư tử đen trên đầu nó, và nói cho tôi biết anh đã nhìn thấy mái tóc nào như vậy trên đầu một đứa trẻ ở độ tuổi đó chưa! Bản thân anh cũng thấy răng của thằng bé giống như viên ngọc, hoàn hảo và long lanh, chân tay và bụng của thằng bé giống như một cái thùng nhỏ.

Tôi thấy ngán ngẩm với những lời huyên thiên của anh ta đến mức tôi bảo anh ta hãy cùng con trai cút xuống địa ngục, và nói chân tay tôi rời rã, mỏi nhừ vì chuyến đi khủng khiếp, đến nỗi tôi không biết mình đang đứng bằng đầu hay bằng đôi chân đây. Nhưng anh ta vòng tay qua vai tôi, xoa dịu tôi rồi mời tôi nhiều món ăn từ khay bạc, như thịt cừu chiên, yến mạch nấu trong mỡ, và rượu từ cốc vàng, cho đến khi tôi lại sức và tha thứ cho anh ta.

Thế là tôi đã nán lại nhiều ngày với tư cách là khách của vua và anh ta đã cho tôi rất nhiều quà, cả vàng và bạc, vì anh ta đã giàu lên rất nhiều kể từ lần cuối cùng chúng tôi gặp nhau. Nhưng bằng cách nào mà tiểu quốc nghèo khổ của anh ta giàu lên như thế, anh ta không muốn nói mà chỉ mỉm cười sau bộ râu quăn tít của mình và khẳng định người vợ mà tôi tặng anh ta đã mang lại cho anh ta may mắn. Keftiu cũng đối xử thân mật với tôi và rất kính trọng tôi, hẳn vì còn nhớ cây gậy mà rất nhiều lần tôi dùng để thử thách độ bền của làn da cô ta, và đi theo tôi với điệu bộ đung đưa, ngúng nguẩy của mình, nhìn tôi âu yếm và mỉm cười với tôi. Hình dáng đầy đà và nước da trắng trẻo của cô ta cũng làm lóa mắt tất cả tướng lĩnh của Aziru, vì người Syria thích phụ nữ mập mạp chứ không như người Ai Cập, cũng như họ có những tập quán khác với người Ai Cập. Vì thế, các nhà thơ Amori đã làm thơ ngợi ca cô ta và ngân nga chúng với những điệp khúc kéo dài và những lời tương tự được lặp lại; lính gác tường thành cũng hát những bài ca ngợi cô ta, vì vậy Aziru rất hãnh diện về cô và yêu cô một cách cuồng nhiệt, nên rất ít khi anh ta đến thăm những thê thiếp khác của mình và chỉ làm điều này cho phải phép, vì anh ta lấy con gái của các tù trưởng Amori làm vợ nhằm ràng buộc tất cả các tù trưởng với vương quyền của mình.

Vì tôi đã đi nhiều và thấy nhiều miền đất nên anh ta thấy cần phải

khoe khoang về vương quyền của mình và kể với tôi nhiều điều mà sau này có thể anh ta sẽ thấy ân hận. Tôi được nghe kể lại chính anh ta đã sai những kẻ che mặt đánh tôi ở Simyra, định ném tôi xuống nước ở cảng vì tôi là người Ai Cập và chính chúng đã báo với anh ta là tôi đã trở lại Simyra. Anh ta rất lấy làm tiếc về những gì đã xảy ra, nhưng vẫn nói:

- Còn phải đập vỡ sọ nhiều dân Ai Cập hơn và nhiều binh sĩ Ai Cập sẽ bị ném xuống cảng trước khi Simyra, Byblos, Sidon và Gaza cuối cùng cũng nhận ra không phải Ai Cập là bất khả xâm phạm và máu người Ai Cập có chảy và linh hồn họ rời khỏi thể xác khi da họ bị dao đâm thủng. Vì thương lái Syria thận trọng đến khó chịu, các quốc vương của họ hèn nhát và người dân chậm chạp như bò, nên những người khôn ngoan hơn phải đi tiên phong và cho họ thấy bằng ví dụ, những gì thuộc về lợi ích của họ.

Tôi hỏi anh ta:

- Vì sao cần phải làm như thế và tại sao anh lại ghét người Ai Cập đến vậy, Aziru?

Aziru vừa vuốt bộ râu xoăn vừa nhìn tôi cười tinh quái và nói:

- Ai bảo tôi ghét người Ai Cập, Sinuhe? Tôi đâu có ghét anh, mặc dù anh là người Ai Cập. Tôi cũng là một đứa trẻ lớn lên trong nhà vàng của pharaon, như cha tôi trước đây và giống như tất cả các quân vương của Syria, nhờ thế tôi biết phong tục Ai Cập, tôi có thể đọc và viết, mặc dù các thầy giáo đã giật mái tóc xoăn của tôi và thường xuyên dùng thước đập vào ngón tay tôi nhiều hơn những đứa trẻ khác vì tôi là người Syria. Nhưng nếu chỉ vì thế, tôi sẽ không ghét người Ai Cập, vì khi trí tuệ và hiểu biết của tôi tăng dần, tôi học được ở Ai Cập rất nhiều điều khôn ngoan mà tôi có thể dùng để chống lại Ai Cập. Tôi đã học được rằng nếu là người văn minh thì tất cả các dân tộc rốt cuộc đều giống nhau và không có sự khác biệt giữa các dân tộc, vì mọi đứa trẻ trên thế gian sinh ra đều trần truồng dù đó là người Syria hay người Ai Cập. Không phải dân tộc này dũng cảm hay hèn nhát hơn, ác độc hay đáng thương hơn, công bằng hay bất công hơn dân tộc khác, mà trong tất cả các dân tộc đều có người anh hùng và kẻ hèn nhát, người đúng và kẻ sai, cả ở Syria và Ai Cập cũng thế. Do đó, bản thân các đấng minh quân và bậc vương quyền không hận ai và không có sự khác biệt giữa các dân tộc, nhưng sự thù hận là một sức mạnh ghê gớm trong tay kẻ trị vì, mạnh hơn cả vũ khí, vì không có lòng thù hận thì cánh tay không có đủ sức mạnh để nâng vũ khí. Tôi sinh ra làm người cầm quyền và ra lệnh, vì dòng máu của các quốc

vương Amori chảy trong huyết quản tôi, và vào thời Hykos xa xưa, dân tộc tôi đã thống trị tất cả các dân tộc từ biển này sang biển khác. Vậy nên tôi sẽ làm hết sức mình để gieo rắc hận thù giữa Syria và Ai Cập, để thổi viên than đang nguội dần hừng lên và một khi phát lửa, nó sẽ bùng lên và thiêu rụi quyền lực của Ai Cập khỏi Syria. Vì thế tất cả các thành phố và bộ tộc trên khắp Syria phải học để biết người Ai Cập đáng khinh, hèn nhát, độc ác, tinh quái, tham lam và vô ơn hơn người Syria. Họ phải học để biết nhổ nước bọt khi nghe nhắc đến người Ai Cập và phải thấy người Ai Cập là những kẻ áp bức, những kẻ hút máu, những kẻ tra tấn đánh đập và hiếp dâm trẻ em, cho đến khi lòng thù hận của họ đủ lớn để dời cả núi.

- Nhưng điều đó không đúng, như anh đã nói, - tôi lưu ý anh ta.

Anh ta xòe hai lòng bàn tay ra và vừa cười vừa hỏi:

- Sự thật là gì, Sinuhe? Sau khi đã hấp thụ vào huyết quản của mình đủ sự thật mà tôi truyền tải, họ sẽ thề với tên của tất cả thần linh rằng điều đó là đúng, họ sẽ không tin nếu ai bảo đó là lời dối trá mà sẽ coi người đó là kẻ phỉ báng và đáng bị đánh chết. Họ phải tin rằng họ mạnh mẽ hơn, dũng cảm hơn và chính trực hơn bất kỳ dân tộc nào khác trên thế giới, tin rằng họ yêu tự do hơn cái chết, sự đói khát và áp bức nên họ sẵn sàng trả mọi giá cho tự do của mình. Tôi sẽ dạy cho họ điều này; tôi đã khiến nhiều người tin vào sự thật của mình và cứ một người tin sẽ truyền niềm tin cho người khác, cho đến khi đất âm ỉ cháy trên khắp Syria. Một sự thật nữa là Ai Cập đem đến Syria lửa và máu, nên giờ đây lửa cũng sẽ cháy và máu cũng sẽ đổ khi Ai Cập bị đuổi khỏi Syria.

- Tự do mà anh nói với họ là gì? - Tôi hỏi vì những điều anh ta nói làm tôi thấy sợ cho Ai Cập và tất cả những khu kiều dân, vì họ là đồng bào tôi.

Anh ta lại xòe hai lòng bàn tay và mỉm cười độ lượng:

- Tự do là một từ có nhiều nghĩa, người hiểu thế này, kẻ hiểu thế khác, nhưng điều đó không thành vấn đề cho đến khi giành được tự do. Để giành được tự do cần nhiều người, nhưng một khi đã giành được tự do thì cách giữ nó chắc chắn nhất vẫn là giữ cho riêng mình chứ đừng chia sẻ cho nhiều người. Vì thế tôi nghĩ sẽ có một ngày xứ sở Amori sẽ được gọi là cái nôi tự do của Syria. Tôi cũng có thể nói với anh một dân tộc tin tất cả những gì người ta nói với họ sẽ như một đàn bò bị gậy nhọn lùa ra khỏi cổng, hay một bầy cừu đi theo cừu đực mà không cần biết cừu đực dẫn đi

đâu. Có lẽ tôi vừa là gậy nhọn vừa là cừu đực.

- Tôi ngờ anh đúng là đầu cừu ngốc nghếch, - tôi nói, - vì anh nói những điều như thế, bởi đó là những lời nguy hiểm mà nếu nghe được, Pharaon có thể gửi chiến xa và giáo thủ sang bắt anh, phá đổ tường thành rồi treo ngược anh và con trai anh trên mũi thuyền chiến khi họ trở về Thebes.

Nhưng Aziru chỉ mỉm cười và nói:

- Tôi không nghĩ Pharaon là mối hiểm họa cho tôi, vì tôi đã nhận từ tay ông ấy biểu tượng sự sống và đã dựng đền thờ cho thần của ông. Vì vậy, ông ấy tin tôi hơn bất cứ ai khác ở Syria, hơn cả các sứ thần của ông ấy và các quan trấn thủ vốn chỉ phụng sự Amon. Để tôi chỉ anh xem một thứ chắc chắn sẽ làm anh vui.

Anh ta dẫn tôi đến bức tường thành và chỉ vào một cái xác đã khô, trần truồng, đầu treo ngược, ruồi nhặng bu đầy xung quanh.

- Nếu nhìn kỹ, - anh ta nói, - anh sẽ thấy người ấy đã cắt bao quy đầu và hắn ta đúng là người Ai Cập. Hắn từng là tay thu thuế của Pharaon, dám đến dinh nhà tôi để hỏi vì sao tôi trì hoãn nộp thuế trong vài năm. Quân lính của tôi đã lấy hắn làm trò giải trí trước khi treo ngược hắn lên tường vì sự hỗn xược của hắn. Bằng việc này, tôi đã làm người Ai Cập không muốn đến đất Amori dù đi cả nhóm lớn, và các thương gia thích đóng thuế cho tôi hơn cho họ. Anh biết điều đó nghĩa là gì, khi tôi nói Megiddo thuộc quyền của tôi và phục tùng tôi chứ không tuân theo viên tổng trấn, kẻ ẩn nấp trong thành và không dám chường mặt ra phố.

- Máu của người tội nghiệp đó sẽ đổ xuống đầu anh, - tôi sợ hãi nói. - Anh sẽ còn bị trừng phạt thích đáng khi việc làm của anh bị lộ vì ở Ai Cập, có thể đùa giỡn với tất cả mọi người trừ quan thuế vụ của Pharaon.

- Tôi đã treo sự thật lên tường để ai cũng thấy, - Aziru đắc chí nói. - Vụ việc đã được điều tra biết bao lần và tôi đã rất vui vẻ viết đầy giấy tờ lẫn bảng đất sét để giải thích sự việc. Tôi cũng nhận được nhiều bảng đất sét về vấn đề này, những bảng đất sét tôi đã cho lưu giữ và đánh số cẩn thận để giải thích sự việc vào những bảng đất sét mới, cho đến khi có thể dùng chúng để xây một bức tường bảo vệ tôi. Thề có thần Baal của xứ Amori, tôi đã làm việc này rồi tung khiến tổng trấn Megiddo phải nguyền rủa ngày mình sinh ra khi bị tôi liên tục phiền nhiễu bằng những bảng đất sét mới đòi công lý cho mình khi tôi bị viên quan thuế vụ kia sách nhiễu. Với

rất nhiều nhân chứng, tôi đã chứng minh hắn ta là kẻ giết người, là một tên trộm và là kẻ biển thủ tài sản của Pharaon. Tôi đã chứng minh hắn gạ gẫm bao nhiêu đàn bà ở tất cả các ngôi làng và xúc phạm các vị thần của Syria, thậm chí đái lên bàn thờ thần Aton trong thành phố của tôi và những việc tôi làm trở nên chắc như núi trước Pharaon. Vậy nên Sinuhe ạ, luật pháp và công lý, những điều được viết trên các bảng đất sét, luôn chậm và phức tạp hơn, và càng phức tạp khi càng nhiều bảng đất sét xếp chồng đống trước các quan tòa, cho đến khi cả quỷ sứ cũng không thể tìm ra sự thật. Về mặt này, tôi mạnh hơn người Ai Cập và không lâu nữa cũng sẽ mạnh hơn họ về nhiều mặt khác.

Đây không phải là điều duy nhất Aziru kể với tôi, mà anh ta còn nói nhiều chuyện khác, khoe khoang về vương quyền, về sự xảo quyệt của mình và khẳng định sẽ để lại cho đứa con trai bé bỏng một di sản gồm nhiều vương quốc, nhiều như ngón tay và ngón chân của anh ta. Anh ta còn dạy tôi:

- Nếu anh có một đối thủ mà anh muốn đánh bại, đừng bao giờ quên điều cốt yếu là phải đánh bại anh ta và hãy luôn giữ điều đó trước mắt mình. Vì thế, hãy nói sai về đối thủ trong tất cả các mối quan hệ, giải thích sai tất cả những việc hắn ta làm; hãy nói rằng lòng khoan dung của hắn ta là bịa đặt, tính hào hiệp của hắn ta là xảo quyệt và tình bạn của hắn ta là giả tạo. Nếu hắn ta mạnh và đề nghị anh hòa giải, hãy đồng ý hòa giải để đến gần hắn ta hơn và nếu có thể thì xúi giục những người khác chống lại hắn hay liên minh với kẻ thù của hắn, chỉ cần lưu ý là sau khi đánh bại hắn thì chính anh sẽ là người chiếm nhà hắn, chứ không phải những kẻ khác. Nếu anh muốn đánh bại nhiều người, hãy chia rẽ chúng, gieo rắc sự dối trá giữa chúng, khiến chúng gây chiến với nhau rồi anh đánh bại từng kẻ một, hoặc giữa chừng cam kết tình bạn với những kẻ khác, khiến họ tin vào điều tốt đẹp của anh cho đến khi anh lần lượt đánh bại từng kẻ một. Mẹo trị nước này, tôi đã học được từ người Ai Cập, vì bằng cách đó họ đã bắt người Syria làm nô lệ trong thời cổ đại.

Sự phẫn nộ và vẻ ác cảm của tôi khiến Aziru vô cùng thích thú, anh ta chế nhạo tôi:

- Nếu trong anh có dòng máu hoàng gia, anh sẽ hiểu tất cả những điều này, không cần ai phải kể ra mà nó ngấm vào máu thịt anh qua dòng sữa mẹ, nhưng anh không được sinh ra làm người ra lệnh như tôi mà chỉ làm kẻ chờ lệnh, vì thế anh ghét lời nói của tôi.

Như thế tôi đã ở lại bên Aziru nhiều ngày và không thể thù ghét anh ta, vì anh ta là bạn tôi, tình bạn của anh ta thật cuốn hút, hào phóng và tiếng cười của anh ta làm tôi cũng muốn cười. Lòng kiêu hãnh của người được làm cha và sự cưng chiều âu yếm của anh ta đối với con trai mình cũng buồn cười và thật trẻ con, trái ngược với tất cả sự xảo quyệt, mánh khóe của anh ta trong việc khác. Mặc dù anh ta nói bằng lý trí, tôi biết tình cảm của anh ta lớn hơn lý trí và nó bùng lên dữ dội, ví như trong lời nói, tiếng cười và bước chân của anh ta, hơn tất cả giới đàn ông của xứ sở anh ta. Tôi cũng chữa răng anh ta và bọc lại vàng cho những chiếc răng đã bị bong lớp mạ trước đây để khi cười, miệng anh ta lại lấp lánh vàng như mặt trời ở giữa bộ râu đen và để quần thần ngày càng trọng vọng anh ta hơn.

Nhưng anh ta càng nói nhiều với tôi càng khiến tôi nhớ đến Horemheb, vì có điều gì đó trong tính cách đàn ông của anh ta giống như tính nam nhi của Horemheb và cả hai đều sinh ra để làm người lính, dù Aziru lớn tuổi hơn và bị đầu độc bởi các mưu lược trị nước của Syria. Nhưng tôi cũng không tin với mưu lược của mình, anh ta có thể cai trị các dân tộc lớn mà nghĩ rằng những suy nghĩ và kế hoạch đó được anh ta kế thừa từ ông cha mình và nảy sinh vào lúc Syria giống như một ổ rắn đang phun phì phì với vô số tiểu quốc tranh giành quyền lực và tiêu diệt lẫn nhau cho đến khi Ai Cập bình định Syria và những đứa con trai của các tiểu vương ấy được nuôi dưỡng và dạy dỗ trong hoàng cung của Pharaon. Tôi cũng cố gắng giải thích là anh ta không có cái nhìn đúng đắn về sự vĩ đại và thịnh vượng của Ai Cập, cảnh báo anh ta đừng tự thổi phồng quá mức, vì cái bao da phồng căng khi được thổi đầy không khí nhưng sẽ bẹp dí và sự to lớn của nó sẽ biến mất ngay khi bị chọc thủng. Nhưng Aziru chỉ cười khoe với tôi hàm răng vàng và sai bê ra trước mặt tôi nhiều thịt cừu rán trong những chiếc khay bạc nặng để hợm hĩnh khoe khoang về sự giàu có của mình.

Phòng làm việc của anh ta quả thật đầy ắp bảng đất sét như anh ta kể và các sứ thần từ tất cả các thành phố của Syria đã đến trình thư cho anh ta. Anh ta cũng nhận được thư đất sét từ vua Hittite và từ Babylon, và anh ta không ngớt khoe khoang, mặc dù không cho tôi xem những gì được viết trên đó. Anh ta tò mò hỏi tôi về đất nước của người Hittite và Khattushash, nhưng tôi thấy anh ta cũng biết về người Hittite nhiều như tôi. Các sứ thần Hittite cũng diện kiến anh ta, chuyện trò với quân lính và các tướng lĩnh của anh ta, nên sau khi thấy những việc này, tôi nói với anh ta:

- Đúng là sư tử và chó hung sa mạc có thể liên minh để cùng săn

mồi, nhưng anh đã bao giờ thấy chó hung sa mạc được những miếng ngon nhất chưa?

Anh ta chỉ cười khoe hàm răng vàng và nói:

- Tôi muốn biết thật nhiều và tôi muốn học như anh thôi, mặc dù vì bận trị vì vương quốc tôi không có điều kiện chu du như anh, một người tự do như chim trên trời, không phải chịu trách nhiệm về bất cứ việc gì. Nếu các võ quan Hittite tham vấn cho các tướng lĩnh của tôi về nghệ thuật chiến tranh thì có gì xấu, vì họ có các loại vũ khí mới và kinh nghiệm trận mạc, điều mà chúng tôi thiếu. Việc này hẳn có lợi lớn cho Pharaon, bởi vì nếu chiến tranh xảy ra, Syria từ lâu đã là lá chắn của Ai Cập ở phía bắc và thường thì chiếc khiên này đẫm máu, điều mà chúng tôi luôn ghi nhớ khi tính sổ với Ai Cập vào một lần nào đó.

Lời anh ta nói về chiến tranh khiến tôi lại nhớ đến Horemheb, tôi nói với anh ta:

- Tôi được thụ hưởng lòng hiếu khách của anh đã quá lâu và giờ muốn trở lại Simyra, nếu anh cho tôi được dùng một chiếc kiệu, bởi vì thà bị xẻ vỡ sọ chứ tôi không bao giờ lên cỗ chiến xa đáng sợ của anh nữa. Nhưng Simyra đã trở nên đáng sợ với tôi và là một người Ai Cập, có lẽ tôi đã hút đủ máu từ Syria nghèo khó, vì vậy tôi muốn trở về Ai Cập trên một con thuyền thích hợp. Do đó, có lẽ chúng ta sẽ không gặp nhau trong một thời gian dài và có thể không bao giờ gặp lại, vì ký ức về nước sông Nile ngọt lịm trong miệng tôi, có lẽ tôi hài lòng uống nó suốt đời mình sau khi đã nhìn thấy đủ sự xấu xa của thế giới và còn nhận được những lời chỉ giáo của anh về sự xấu xa đó.

- Không ai biết ngày mai chuyện gì sẽ đến, - Aziru nói, - giống như rêu không mọc trên tảng đá đang lăn, sự khắc khoải âm ỉ trong mắt anh chắc chắn không cho anh ở lại đất nước nào lâu dài. Nhưng hãy chọn một người vợ, bất cứ ai trong đám thần dân của tôi, rồi tôi sẽ xây cho anh một ngôi nhà trong thành phố của tôi, anh sẽ không phải ân hận nếu anh ở lại đây để hành nghề của mình.

Tôi châm chọc đáp lại anh ta:

- Vương quốc Amori là miền đất hiểm độc nhất và đáng ghét nhất trên thế giới, thần Baal của họ thật kinh tởm đối với tôi, phụ nữ của họ có mùi dê trong mũi tôi. Vì vậy tôi đặt hận thù vào giữa mình và xứ sở Amori, khoan thủng hộp sọ của những ai nói tốt về

Amori và tôi cũng sẽ làm nhiều việc nữa mà tôi không thèm kể ra lúc này vì tôi không nhớ, nhưng tôi định viết vào rất nhiều bảng đất sét những đơn từ trong đó tôi xác nhận anh đã hiếp vợ tôi và ăn trộm bò của tôi, những thứ mà tôi chưa bao giờ có, cũng như làm ma thuật cùng nhiều điều khác, cho đến khi anh bị treo ngược trên tường, tôi sẽ cướp nhà của anh, lấy vàng của anh và dùng vàng mua một trăm lần một trăm vò rượu để uống và nhớ về anh.

Anh ta cười vang trong sảnh của hoàng cung và hàm răng vàng lóng lánh trong đám râu xoăn. Tôi thường nhớ đến anh ta như thế sau biết bao nhiêu ngày tồi tệ. Nhưng chúng tôi chia tay nhau như những người bạn, anh ta đã cho tôi một chiếc kiệu với rất nhiều quà và lính của anh ta đã đưa tôi trở lại Simyra để không ai có thể xúc phạm tôi vì là người Ai Cập.

Trước cổng vào Simyra, một con én lao vút qua đầu tôi nhanh như một mũi tên, tâm trí tôi trở nên bồn chồn và đường phố nóng rực dưới chân tôi. Vì thế khi về đến nhà, tôi nói với Kaptah:

- Hãy thu gom đồ đạc của chúng ta và bán căn nhà này, vì chúng ta sẽ dong thuyền trở về Ai Cập.

Kaptah nói:

- Ngày hôm nay lẽ ra rất hạnh phúc với tôi, nếu như ông không có một tài năng phi thường và không thể tin nổi là luôn hòa lẫn ngải đắng vào bát niềm vui của tôi. Quả thật tôi không còn muốn tính số năm đã trôi qua kể từ lần cuối cùng tôi uống nước sông Nile và sống lưng tôi nhồn nhột như có kiến bò khi tôi nghĩ về những nhà vui và quán bia ở Thebes, nhất là cái quán nhỏ nơi bến cảng có tên Đuôi Cá Sấu, cái tên bắt nguồn từ cam đoan của chủ quán, rằng lũ phù thủy pha rượu của quán mạnh như cú quật của đuôi cá sấu. Ông ta nói sự thật, vì chính tôi đã trải nghiệm điều đó thường xuyên, mặc dù lúc này tôi không kịp kể nhiều hơn về chuyện này. Tôi chỉ muốn nói là tôi không thể đi theo ông nếu trong cơn điên không thể hiểu nổi của mình, ông lại muốn đi thuyền về Ai Cập, trong khi với vị thế này của mình, chúng ta có thể đi trên đất liền mà không gặp nguy hiểm và không chết sặc trong nước mặn. Như ông biết, tôi đã thề sẽ không bao giờ bước chân lên thuyền nữa và tôi không muốn làm trái lời thề, bởi vì bọ hung có thể giận tôi và chúng ta sẽ mất đi vận may.

Tôi nhắc Kaptah nhớ lại những cơn đau và nỗi vất vả không thể diễn tả nổi mà ông ấy đã phải chịu khi cưỡi trên lưng lừa, khiến

ông tỏ ra lo lắng. Tôi cũng nhắc ông ấy rằng cả Syria đang sục sôi nỗi căm hờn người Ai Cập và nếu đi bằng đường bộ, chúng tôi có thể gặp nguy hiểm hơn đi bằng đường biển. Kaptah bắt đầu vò đầu và nghĩ một lúc lâu, cuối cùng ông nói:

- Ông chủ ơi, ông có thể là chúng ta sẽ đi bằng thuyền trong lộng để đất liền không khuất khỏi tầm nhìn, vì cho dù nó chậm hơn thuyền chạy ngoài khơi nhưng nó sẽ dừng lại ở nhiều bến cảng, nơi có lẽ có nhiều cảnh quan và các quán bia kiểu mới. Nếu vậy, tôi sẽ theo ông xuống thuyền, nhưng với điều kiện tôi không phải đặt chân lên mạn thuyền. Để làm điều này, tốt nhất là tôi uống đến say mềm rồi ông cho khiêng tôi lên thuyền và giữ cho tôi say suốt quãng đường đi để tôi không phải đứng trên đôi chân của mình, bởi vì đó là cách duy nhất tôi giữ đúng lời mình đã thề.

Tôi chấp nhận yêu cầu của ông ấy, ngoại trừ việc say, vì tôi rất muốn thấy các thành phố ven biển của Syria để biết liệu sự hận thù Ai Cập đã lan đến tất cả các thành phố hay chưa, để có thể kể với Horemheb. Thế là Kaptah bán nhà của chúng tôi, thu các khoản có thể thu được và tôi giàu có rời khỏi Simyra. Tôi sai trói Kaptah vào giường với lý do ông ấy bị bệnh và khiêng lên thuyền để ông không phá vỡ lời thề của mình.

3

Kể bao nhiêu về chuyến trở về Ai Cập cũng không ích gì với tôi, bởi hành trình này như một bóng mờ hay một giấc mơ khắc khoải không yên trong tâm trí tôi. Vì cuối cùng khi tôi đã ở trên thuyền trở về miền đất đen để một lần nữa nhìn thấy Thebes, thành phố thời thơ ấu của mình, cảm giác bồn chồn trào dâng trong tâm trí tôi, khiến tôi không thể đứng hay ngồi hay nằm yên một chỗ mà cứ đi đi lại lại quanh các cuộn thảm và đống hàng hóa trên khoang thuyền chật chội, khi mũi tôi vẫn nghe mùi của Syria, và ngày lại ngày, nỗi khát khao được nhìn thấy vùng đất thấp màu xanh lá cây với những vạt lau sậy thay vì núi đá trải dài dọc bờ biển càng cháy bỏng trong tôi. Khi thuyền đỗ lại nhiều ngày tại bến cảng ở các thành phố ven biển, tôi không còn đủ kiên nhẫn vào thăm thành phố hay thu thập thêm tin tức, tai tôi không còn phân biệt được tiếng kêu của lừa trên bờ biển, tiếng la hét của những người bán cá và tiếng những ngôn ngữ lạ với tiếng gầm gào của sóng biển.

Mùa xuân lại bừng nở trong các thung lũng Syria; từ biển nhìn vào, những ngọn núi đỏ sậm màu rượu, tiết xuân nhuộm những bọt nước tối tối tràn lên bờ biển thành màu xanh nhạt nhòa, các giáo sĩ của thần Baal làm ầm ĩ, vừa lấy dao đá cào mặt làm máu chảy nhoe nhoét vừa la hét the thé trong những con hẻm chật chội và những người đàn bà mắt lóe sáng, tóc rối bù kéo những chiếc xe cút kít gỗ theo sau các giáo sĩ. Nhưng trước đây tôi đã nhiều lần thấy những cảnh này và khi hình bóng quê hương lờ mờ hiện lên trước mắt tôi, những tập quán lạ lùng cùng với sự cuồng tín thô bạo lại làm tôi ngán ngẩm. Tôi cứ tưởng trái tim mình đã chai cứng, cứ nghĩ mình đã có thể thích nghi với mọi phong tục và tín ngưỡng khi đã hiểu và không khinh thường những người có màu da khác nhau và mục đích duy nhất của tôi là thu thập kiến thức, thế nhưng ý nghĩ mình đang trên đường trở về miền đất đen đã như ngọn lửa xóa sạch sự chai cứng trong trái tim tôi. Cũng như những trang phục xa lạ, những suy nghĩ lạ lùng rơi ra khỏi tâm trí tôi và trong trái tim mình, tôi lại là người Ai Cập, tôi nhớ mùi cá rán trên những con hẻm Thebes vào lúc hoàng hôn khi những người vợ nhóm bếp lửa trước những túp lều đất sét, tôi thèm mùi rượu Ai Cập trong miệng và khát nước sông Nile với mùi bùn màu mỡ. Tôi nhớ tiếng xì xào của đám sậy trong gió xuân, nhớ những cánh sen nở xòe bên bờ sông, nhớ những cây cột sặc sỡ với những hình ảnh vĩnh cửu, nhớ những hình chữ chạm khắc của các ngôi đền và mùi nhang cổ xưa trong những hàng cột đá; trái tim tôi điên rồ đến thế.

Tôi đang trở về nhà mặc dù tôi không có nhà và là kẻ xa lạ trên mặt đất. Tôi đang trở về nhà và ký ức không còn làm tôi đau, mà thời gian và kiến thức như cát che phủ lên những ký ức đắng cay đó. Tôi không còn cảm thấy buồn bã hay nhục nhã mà chỉ có một khát khao khôn nguôi gặm nhắm trái tim tôi.

Syria giàu có, màu mỡ, đầy hận thù và mê đắm lùi lại phía sau chúng tôi. Thuyền chúng tôi khỏa nước qua các bãi biển đỏ Sinai, gió khô và nóng rẫy từ sa mạc quét qua mặt chúng tôi mặc dù đang là mùa xuân. Cho đến một sáng kia, biển chuyển sang màu vàng và sau nó là đất liền, một dải xanh lá cây mỏng mảnh, các tay chèo thả sợi dây da buộc vò đất sét xuống biển, kéo nước lên khoang, nước không còn mặn nữa mà là nước của sông Nile vĩnh cửu và đượm vị bùn Ai Cập. Trong miệng tôi chưa bao giờ có thứ rượu nào ngon bằng ngụm nước nhuốm bùn được múc lên từ vùng biển còn xa đất liền đó. Nhưng Kaptah nói:

- Nước vẫn là nước ngay cả ở trong sông Nile. Hãy kiên nhẫn, ông chủ ạ, cho đến khi chúng ta đến được quán ra quán, nơi bia sủi

tăm và trong vắt nên không cần phải dùng ống hút để tránh vỏ hạt. Chỉ đến lúc đó tôi mới tin là mình đã ở Ai Cập.

Vào giây phút ấy, lời nói vô đạo và báng bổ của ông ấy đã xúc phạm tôi, nên tôi nói:

- Kẻ nô lệ vẫn là nô lệ dù khoác trên người vải lanh đắt tiền. Hãy đợi đấy Kaptah, đến khi ta có trong tay một cây gậy dẻo chỉ có thể được cắt ra từ đám sậy của sông Nile, lúc ấy chắc chắn ngươi sẽ tin rằng mình lại được ở nhà.

Nhưng Kaptah không hề tự ái mà nước mắt ông ấy trào ra vì xúc động, cằm ông ấy run rẩy và ông cúi đầu trước tôi, hai tay thả xuống ngang đầu gối và nói:

- Đúng thế, ông chủ của tôi ạ, đôi lúc ông có biệt tài tìm ra được đúng từ vào thời điểm thích hợp đến khó tin, bởi vì tôi đã quên nhát quất của cây sậy dẻo vào mông và vào ống chân ngọt đến thế nào. Ôi, ông chủ Sinuhe của tôi, đó là một trải nghiệm mà tôi cũng muốn ông có được, vì nó kể về cuộc sống ở Ai Cập tốt hơn nước và bia, tuyệt hơn mùi khói nhang trong các đền thờ và bầy vịt trong đám sậy, nơi mỗi người được đặt đúng chỗ của mình, không có gì thay đổi theo thời gian mà tất cả vẫn nguyên như cũ. Vì vậy, ông đừng ngạc nhiên nếu tôi khóc vì quá xúc động, bởi vì chỉ đến lúc này tôi mới thực sự cảm thấy mình được về nhà sau khi nhìn thấy rất nhiều điều lạ, những điều không thể hiểu và đáng khinh. Ôi, cây gậy linh thiêng, mi đặt từng người vào đúng chỗ và giải quyết mọi vấn đề, không gì sánh được với mi.

Ông ấy khóc một lúc vì xúc động, sau đó đi xức dầu cho bọ hung, nhưng tôi để ý ông không còn dùng loại dầu đắt tiền như trước nữa, vì sắp vào bờ và ông ấy tin mình sẽ vượt qua mọi chuyện với sự láu cá của mình khi ở Ai Cập.

Chỉ đến khi thuyền cập vào bến cảng rộng lớn ở miền Hạ, tôi mới hiểu mình đã chán nhìn những bộ quần áo rộng thùng thình nhiều màu sắc, những bộ râu quăn tít và những thân hình to béo đến mức nào. Những mạn sườn mỏng gầy của phu khuân vác, xà rông của họ, những cái cằm cạo nhẵn râu, tiếng địa phương miền Hạ, mùi mồ hôi, mùi bùn, mùi lau sậy, mùi của bến cảng, tất cả đều khác với ở Syria, tất cả đều quen thuộc, và quần áo Syria quấn quanh thân thể tôi bắt đầu giày vò tôi, khiến cơ thể tôi không còn hít thở được nữa. Vì thế sau khi thoát khỏi các viên kiểm soát của bến cảng và viết tên mình vào nhiều loại giấy tờ, tôi liền đi mua cho mình quần áo mới và da tôi lại được vải lanh mỏng mềm mại

nhất vuốt ve. Nhưng Kaptah quyết định cứ xuất hiện như một người Syria, vì ông ấy sợ tên mình vẫn còn nằm trong danh sách những nô lệ bỏ trốn, mặc dù tôi đã xin được từ nhà chức trách Simyra một bảng đất sét chứng minh ông ấy là nô lệ sinh ra ở Simyra, được tôi mua hợp pháp.

Sau đó, chúng tôi chuyển đồ đạc của mình lên một thuyền sông để ngược dòng. Sau nhiều ngày hành trình, chúng tôi làm quen lại với Ai Cập, những cánh đồng đang khô hai bên bờ sông, những con bò chậm chạp kéo cày gỗ và những người nông dân bước dọc theo những luống cày, cúi đầu lom khom gieo hạt xuống bùn mềm. Những con én vừa chíu chít kêu vừa chao liệng phía trên thuyền, phía trên dòng nước chầm chậm chảy để rồi nhanh chóng biến vào đáy sông và chui xuống đám bùn trong thời gian nóng nhất của năm. Những thân cọ uốn cong nhô cao bên bờ sông Nile, những cây sung to lớn che khuất những túp lều thấp bằng đất sét của các ngôi làng; thuyền cặp vào cầu tàu của các thành phố lớn, nhỏ, và không có quán ven bờ nào mà Kaptah không vội vã đến làm dịu cơn khát bằng bia Ai Cập, huyên thiên, khoác lác về chuyến đi của mình và tài năng của tôi với những lời dối trá kỳ quặc nhất khiến những người làm việc trên bến cảng vừa nghe vừa cười vừa chọc ghẹo và cầu xin thần linh giúp đỡ. Kaptah vội đến nỗi thường chỉ có mặt trên bến trước khi dây neo được buộc xong, nhưng khi bị tôi mắng về điều này, ông nói:

- Ông chủ ạ, chỉ đến lúc này tôi mới nhận ra mình đã mang về cho bản thân cơn khát kỳ lạ và không dứt trong suốt hành trình của chúng ta. Cứ như thể cát bụi từ tất cả các miền đất, đường sá và thành phố vẫn còn làm cổ họng tôi khô rát và tôi chưa tìm được loại bia nào làm dịu nó một cách tốt nhất. Vì vậy, lẽ ra ông không nên trách mắng mà hơn thế phải khen ngợi tôi, vì tôi đã nhẫn nại, không quản ngại công sức săn lùng mọi quán xá để tìm ra loại bia có thể chữa được cơn đau của mình, vì cơn đau này theo thời gian sẽ khá tốn kém với ông, ông chủ của tôi ạ. Tôi làm như thế chỉ vì ông, nên đừng bao giờ trách mắng tôi vì sự bồn chồn của tôi, vì chúng ta càng đi xa ngược sông, cơn đau vì khát của tôi càng tăng lên khiến tôi rất sợ hãi khi nghĩ về nó. Ông cũng nên nhớ rằng tôi còn truyền bá trước danh tiếng của ông bằng cách kể về tất cả các ca chữa bệnh kỳ diệu mà ông đã làm ở những đất nước xa xôi, mà những kẻ ngốc nghếch này chưa bao giờ được nghe nói đến. Tôi còn buộc phải làm quen với nhiều thần, vì tôi chưa bao giờ nghĩ rằng thần linh ở Ai Cập nhiều đến thế. Mỗi ngày tôi nghe nói đến ít nhất một hoặc hai vị thần đáng chú ý mà tôi chưa bao giờ nghe đến trước đây, mặc dù tôi không tiết lộ điều này với những kẻ ngốc đó. Dĩ nhiên, tất cả vinh quang đều thuộc về bọ hung, song

không có gì là xấu nếu chúng ta tìm thấy một vị thần phù hợp để có thể thờ phụng, để chúng ta trở nên ngoan đạo và có danh tiếng tốt.

- Ngươi biết ta nghĩ gì về thần linh, - tôi nói với ông ta, - ta không tin cho lắm giá trị của các vị thần mà ngươi tìm thấy trong các vò bia màu sắc khác nhau. Hơn nữa, ta không nhớ cơn khát của ngươi có lỗi gì trong các chuyến đi của chúng ta tới những vùng đất xa xôi, mà trái lại ngươi ngày càng có nhiều lời giải thích mới để biện hộ cho cơn khát bia của mình ở mỗi một vùng đất, vì vậy đừng ngạc nhiên nếu thỉnh thoảng ta phát chán với sự lải nhải của ngươi.

- Ôi, ông chủ của tôi ơi, - Kaptah nói và trở nên buồn bã, - ông có tài năng lạ lùng và khó tin khi chỉ bằng một vài từ đã đưa ra rất nhiều bằng chứng sai, khiến tôi mất tới cả ngày để bác bỏ chúng. Trước hết là những suy nghĩ của ông về thần linh, tôi không muốn can thiệp mà chỉ cố gắng một mình xử lý những vấn đề thần học này vì lợi ích của ông, để ông khỏi mang tiếng dị giáo, vì điều này theo thời gian có thể làm hại đến việc hành nghề của ông. Còn về các vị thần mà tôi tìm thấy trong các vò bia hay đúng hơn là xung quanh chúng, tôi không muốn tranh cãi với ông về giá trị của họ, nhưng ông cũng phải công nhận rằng trong số họ có một số thần đáng chú ý và việc hiểu biết hơn về họ hoàn toàn không có hại. Giả dụ như hôm qua tôi tìm thấy vị thần bảo vệ đàn bà khỏi thụ thai khi họ không muốn, vì nhiều lý do khác nhau mà tôi không nên kể ra. Đây là một điều thực sự lạ lùng, bởi các thần thường cạnh tranh với nhau vì những lợi ích trái ngược hẳn với việc ấy và các giáo sĩ khoe khoang thần của mình giúp đàn bà sinh con. Vậy nên lúc đầu tôi hoàn toàn không muốn tin vào sự tồn tại của một vị thần như vậy, nhưng người đàn bà đã kể về thần ấy cho tôi nghe lại rất tin về điều mình kể, nên khi tôi tỏ ra không tin, thị đã bực bội, cho tôi xem bùa chú đeo trên cổ mình và giục tôi thử xem nó có tác dụng hay không. Thị đưa tôi đến lều của mình và tôi đã cố gắng hết sức để có được chứng cứ về việc này, nhưng tất nhiên tôi không thể biết chắc được vì thuyền của chúng ta tiếp tục hành trình vào buổi chiều, vì vậy tôi không thể chờ đợi xem thị có con hay không. Tôi chỉ biết rằng thị đã lấy tất cả đồng mà tôi mang theo người.

- Kaptah, Kaptah, ta đã nói là ta không muốn nghe những lời ngu ngốc của ngươi, - tôi đe.

Nhưng ông ấy tiếp tục:

- Đây là về các vị thần, chứ tôi không hối tiếc gì cả về đồng của mình, vì người đàn bà đó hồn nhiên, thân mật và thân hình cũng không đến nỗi nào. Nhưng còn cơn khát của tôi, điều mà ông rất bực bội, thì ông chủ của tôi ạ, chính ông nên cảm ơn cơn khát của tôi vì nếu không có nó, ông có thể chỉ là một kẻ nghèo khổ và có khi đàn quạ đã mổ hộp sọ của ông ở đâu đó dọc đường. Ông nên nhớ cơn khát của tôi đã hoàn toàn đúng đắn khi dẫn tôi đến gặp đôi ba người, mà từ họ tôi nghe được bao điều có ích cho ông, hệt như thần trong khoang của thuyền trưởng đã dẫn thuyền trên biển cập vào cảng không chút nhầm lẫn. Vì thế, không có lý do gì để ông trách mắng cơn khát của tôi, mà nếu bản thân ông sùng tín hơn, ông có thể thấy điều gì đó huyền bí trong cơn khát của tôi.

Tôi liền bỏ đi vì tranh luận với ông ấy chẳng ích gì. Thuyền chúng tôi dong buồm chạy dọc theo khúc sông trống vắng, những con cá sấu già nằm bất động dưới ánh nắng mặt trời trên bờ cát và những con chim nhảy nhót không chút sợ hãi giữa những cái mõm há rộng của chúng để nhặt những mẩu thức ăn bị mắc trong răng. Đêm đó, giữa giấc ngủ tôi cũng nghe thấy tiếng hà mã gầm trong đám sậy và sáng ra vô số chim màu đỏ hồng bay lượn trên không trung xung quanh thuyền. Tôi lại ở Ai Cập, quê hương tôi, nhưng sau khi đã quen với ý nghĩ này, khi sông Nile mỗi ngày cuồn cuộn nước lướt qua thuyền, tôi lại cảm thấy mình cô đơn, xa lạ trên thế gian, trái tim tôi tràn ngập nỗi chán nản kỳ lạ và cảm giác hư ảo phù phiếm, nên tôi đi xuống khoang và nằm xuống thảm của mình, không còn muốn ngắm nhìn xung quanh, không còn muốn nói chuyện say sưa với mọi người như trong những ngày đầu chuyến đi. Tôi biết việc trở lại Thebes sẽ không giúp tôi thôi cật vấn lòng mình và dù tôi ở lại bất kỳ thành phố nào dọc bên bờ sông, mua một ngôi nhà ở đó và bắt đầu hành nghề của mình thì nỗi cô đơn trong lòng cũng vẫn thế. Nhưng tôi phải gặp Horemheb và lý do này cũng tốt như bất cứ lý do nào khác để tôi tiếp tục hành trình về Thebes.

Thế là từ dưới lòng sông, tôi lại được nhìn thấy ba đỉnh núi, ba hộ vệ vĩnh cửu của Thebes, nằm chắn ngang bầu trời phương đông. Dân cư dần trở nên đông đúc, làng mạc nghèo khó với những túp lều đất sét xen kẽ với những khu phố giàu có, cho đến khi những bức tường thành hiện ra hùng vĩ như những ngọn núi; tôi đã thấy mái và cột của ngôi đền lớn và nhiều tòa nhà trong khu vực đền thờ và hồ thánh. Ở phía tây, thành phố của người chết trải dài vô tận đến những ngọn núi, lăng mộ của các pharaon trắng lóa trước những ngọn núi màu vàng và những hàng cột của ngôi đền thờ Hoàng hậu Đại đế vẫn nhô cao đỡ biển cây đang trổ hoa. Phía sau

dãy núi là thung lũng cấm đầy rắn và bọ cạp, nơi thi thể khô của bố tôi Senmut và mẹ tôi Kipa được bọc trong da bò yên nghỉ vĩnh hằng trong cát của thung lũng, bên lối vào lăng mộ của Pharaon Đại đế. Xa xa về phía nam trên bờ sông, hoàng cung của Pharaon nhô cao, thanh thoát màu xanh dìu dịu giữa những vườn cây và các bức tường thành. Tôi băn khoăn liệu có phải bạn tôi Horemheb sống ở đó không.

Thuyền cặp vào bến đá quen thuộc bên bờ sông, tất cả vẫn như trước và chỉ cách mấy góc phố là nơi tôi sống thời thơ ấu mà không biết mình sẽ hủy hoại cuộc đời của bố mẹ khi trưởng thành. Cát bụi thời gian lại bắt đầu khuấy động những ký ức cay đắng của tôi khi tôi nghĩ về chúng, ước muốn trốn vào đâu đó, giấu mặt đi lại xâm chiếm tôi và tôi không còn thấy chút niềm vui nào, mặc dù bao quanh tôi vẫn là không khí nhộn nhịp của bến cảng một thành phố lớn và tôi cảm thấy sự náo nhiệt của Thebes trong ánh mắt, trong sự vội vã, bồn chồn của mọi người. Tôi không có dự định gì cho lần trở lại này mà đã quyết định để mọi việc tùy thuộc vào cuộc gặp với Horemheb và địa vị của anh ấy trong triều đình. Nhưng khi bàn chân tôi chạm lên đá lát của bến thuyền, đột nhiên trong đầu tôi xuất hiện một dự định không dính dáng gì tới danh tiếng nghề y, tới sự giàu có hay những món quà lớn nhờ tất cả tri thức tôi đã thu thập được, như tôi đã tưởng tượng trước đây, mà về một cuộc sống giản dị không danh vọng và những bệnh nhân nghèo khó. Thế nhưng một sự thanh thản lạ lùng tràn ngập tâm hồn tôi khi tôi cảm nhận được tương lai của mình là sự hiển linh ấy, và điều này một lần nữa cho thấy con người ta biết ít như thế nào về tâm tưởng của mình, mặc dù tôi từng nghĩ rằng tôi hiểu chính mình đến tận tâm can. Trước đây chưa lần nào tôi nghĩ đến một điều như vậy, nhưng có lẽ điều này đã âm thầm chín muồi trong tôi như kết quả của tất cả những gì tôi đã trải qua. Tôi trở lại là đứa trẻ nghiêm trang, tò mò quan sát bố Senmut tiếp đón, chữa trị bệnh nhân trong phòng mạch của mình, nghe tiếng ồn ào của Thebes xung quanh mình và bàn chân chạm vào những tảng đá nóng dưới ánh nắng mặt trời nơi bến cảng. Vì thế, tôi vừa xua đám cửu vạn đang nhao nhao xô đẩy nhau xông đến bên mình, vừa nói với Kaptah:

- Hãy để đồ đạc của chúng ta trên thuyền đã và đi mua ngay cho ta một ngôi nhà, thế nào cũng được, gần bến cảng, trong khu nghèo, gần nhà của bố mẹ ta trước khi nó bị phá dỡ. Làm nhanh lên để ta có thể chuyển đến nhà mình hôm nay và ngày mai bắt đầu hành nghề được.

Kaptah há hốc mồm và cả khuôn mặt như mất hết sinh khí, vì ông

ấy tin rằng trước tiên chúng tôi sẽ vào nghỉ ở một nhà trọ tốt nhất cho nô lệ phục vụ. Nhưng ít nhất lần này ông không cãi tôi một lời nào mà im thin thít, nhìn thẳng vào mặt tôi rồi lặng lẽ cúi đầu bỏ đi. Tối hôm đó, tôi chuyển đến ngôi nhà vốn của một người đúc đồng trong khu phố nghèo, đồ đạc của tôi được mang từ thuyền đến và tôi trải thảm trên nền đất sét. Những ngọn lửa bếp lại bùng cháy phía trước những túp lều bằng đất của những con hẻm nghèo và mùi cá rán xộc lên lan khắp khu phố bẩn thỉu, nghèo khổ, bệnh hoạn cho đến khi đèn được thắp lên trên cánh cửa của các nhà vui, nhạc Syria bắt đầu vang lên từ các quán rượu, hòa lẫn với tiếng hò hét của các thủy thủ ngất ngưởng say và bầu trời Thebes rực đỏ với vô số ánh đèn ở trung tâm thành phố. Tôi lại ở quê nhà sau khi đã đi hết nhiều con đường lầm lỗi và ở nhiều miền đất, vừa trốn tránh bản thân vừa thu thập kiến thức.

4

Sáng hôm sau, tôi nói với Kaptah:

- Hãy đặt một bảng hiệu thầy thuốc treo lên cửa nhà ta, nhưng đơn giản thôi, không có hình vẽ và trang trí. Nếu có ai hỏi ta, đừng kể về danh tiếng và kiến thức của ta, mà chỉ nói danh y Sinuhe sẽ nhận chữa bệnh cho người giàu lẫn người nghèo và chỉ cần trả quà theo khả năng của người bệnh.

- Cả người nghèo ư? - Kaptah thực sự hoảng hốt, hỏi lại. - Ôi, ông chủ ơi, ông không ốm đấy chứ? Ông không uống nước đầm lầy hay bị bọ cạp cắn đấy chứ?

- Hãy làm như ta nói, nếu ngươi muốn ở lại với ta, - tôi nói. - Còn nếu ngôi nhà đơn sơ này không giữ được ngươi và nếu mùi của đám dân nghèo làm phiền cái mũi đã tao nhã hơn khi ở Syria của ngươi, ngươi có thể tự do đi và về tùy ý. Ta đoán ngươi đã lấy trộm của ta tương đối, đủ để mua nhà riêng cho mình và lấy vợ nếu ngươi muốn. Ta không ngăn cấm.

- Vợ ư? - Kaptah kêu lên còn kinh hoàng hơn. - Ông ốm thật rồi, ông chủ ạ, và đầu của ông nóng. Vì sao tôi lấy vợ, người sẽ áp bức tôi và ngửi ngửi hơi thở của tôi khi tôi trở về từ thành phố và sáng sáng đứng cạnh tôi với cây gậy trong tay, miệng chứa đầy lời cay nghiệt khi tôi thức dậy đầu còn đau nhức. Quả thật, tại sao tôi phải lấy vợ, khi nô tỳ tầm thường nhất có thể làm điều tương tự

với tôi, điều này tôi nói với ông rồi. Không còn nghi ngờ gì nữa, thần linh đã lấy sự điên rồ trừng phạt ông, và tôi cũng không ngạc nhiên vì tôi biết ông nghĩ gì về các vị thần, nhưng ông là ông chủ của tôi, đường ông đi là đường của tôi và hình phạt của ông cũng là hình phạt của tôi, mặc dù tôi đã nghĩ rằng cuối cùng tôi có thể được nghỉ ngơi và thanh thản sau tất cả những gánh nặng khủng khiếp mà ông đặt lên vai tôi, chưa kể những chuyến hành trình qua biển mà sau đó tôi không hề muốn nghĩ đến nữa. Nếu thảm cói thích hợp để trải chỗ cho ông nằm thì có lẽ cũng thích hợp cho tôi và dù sao cũng có phần an ủi trong nỗi thống khổ này là không chỉ các quán bia và các nhà vui đều trong tầm với mà cả Đuôi Cá Sấu, quán tôi kể với ông, cũng không xa đây lắm. Hy vọng ông sẽ tha thứ cho tôi nếu hôm nay tôi đến đó và uống đến say xỉn, vì tất cả những điều này làm tôi vô cùng hoảng sợ và tôi phải dùng cách nào đó để trấn tĩnh lại. Quả thật mỗi khi nhìn ông, tôi linh cảm điều tồi tệ và tôi không bao giờ biết trước ông sẽ nói hay sẽ làm gì, bởi ông nghĩ và làm mọi việc ngược hẳn với những người khôn ngoan, mà điều này thì tôi không hề chờ đợi từ ông. Chỉ kẻ điên mới giấu đá quý vào đống phân, hệt như vậy, ông chôn vùi kỹ năng và kiến thức của mình vào thùng rác.

- Kaptah, - tôi nói, - tất cả đều được sinh ra trần truồng trên thế gian, trong bệnh tật không có sự khác biệt giữa người nghèo và người giàu, giữa người Ai Cập và người Syria.

- Có thể không, nhưng quà mà họ tặng thầy thuốc lại rất khác nhau, - Kaptah nói rất có lý. - Tuy nhiên, suy nghĩ của ông đầy thiện ý và tôi không có gì phản đối nếu người khác thực hiện nó chứ không phải ông, vì cuối cùng, sau tất cả những vất vả, chúng ta có thể ngồi trên cành vàng. Tốt hơn là ông nên suy nghĩ như một kẻ sinh ra làm nô lệ, bởi hồi còn trẻ đôi khi tôi đã có những suy nghĩ như ông, cho đến khi cây gậy dạy tôi trở nên khôn ngoan hơn.

- Để ngươi biết hết, - tôi nói thêm, - ta nói thêm là sau một thời gian, nếu tình cờ gặp một đứa trẻ bị bỏ rơi nào đó, ta sẽ đón nhận và nuôi dạy nó như con trai ta.

- Tại sao cần làm thế? - Kaptah sửng sốt hỏi. - Chẳng phải trong đền có nhà cho những đứa trẻ bị bỏ rơi ư, một số được các giáo sĩ bậc thấp nuôi dưỡng, một số trở thành hoạn quan và có cuộc sống hào nhoáng hơn những gì mẹ chúng từng mơ ước trong hậu cung của pharaon và nhà tỳ thiếp của quý tộc. Mặt khác, nếu ông muốn con trai, điều đó là dễ hiểu, không có gì đơn giản hơn, chỉ cần ông không dại dột đập vỡ vò với người đàn bà lạ nào đó, người chỉ gây

phiền phức cho chúng ta. Nếu không muốn mua nô tỳ, ông vẫn có thể ăn nằm với một cô gái nghèo nào đó, cô ta sẽ rất hạnh phúc và biết ơn nếu ông nhận đứa bé làm con của mình và như vậy, cô ta được giải thoát khỏi sự nhục nhã. Nhưng trẻ con chỉ đem lại phiền phức, khó chịu và chắc chắn người ta đã cường điệu niềm vui mà chúng đem đến, mặc dù trong chuyện này tôi không biết nói gì, vì tôi chưa bao giờ nhìn thấy con mình, dù tôi có đủ chứng cứ để nói rằng chúng là cả một đội quân đang lớn lên ở các miền gió khác nhau. Khôn ngoan hơn, nếu ngay hôm nay ông mua một nô tỳ trẻ, nó cũng có thể giúp được tôi, vì chân tay tôi cứng còng run rẩy sau tất cả những khó nhọc mà tôi đã chịu đựng, nhất là vào buổi sáng khi tôi có quá nhiều việc phải làm, trong khi đó ngoài việc trông coi ngôi nhà này và nấu ăn cho ông, tôi còn phải giám sát việc đầu tư tài sản của ông.

- Đó là điều ta không nghĩ đến, Kaptah, - tôi nói, - nhưng ta không muốn mua nô lệ, nên hãy thuê cho mình một người hầu bằng tiền của ta, vì quả thật ngươi đáng được hưởng điều đó. Nếu ngươi ở trong nhà ta, ngươi có thể tự do đi và về tùy ý vì sự trung thành của ngươi và ta nghĩ ngươi có thể giúp ta có được nhiều thông tin hữu ích qua cơn khát của ngươi. Vì vậy hãy làm như ta nói và đừng hỏi thêm nữa, bởi có gì đó trong ta đưa ra quyết định này, mạnh mẽ hơn ta và ta không thể thay đổi.

Nói xong, tôi rời nhà đi hỏi tin tức bạn bè. Tôi dò hỏi về Thotmes ở quán Vò Rượu Syria, nhưng quán đã đổi chủ và không ai biết gì về họa sĩ nghèo kiếm sống bằng cách vẽ mèo trong sách tranh cho những đứa trẻ con nhà giàu có. Để hỏi về Horemheb, tôi đã đến trại lính nhưng nó trống không. Trong sân trại không có vật dụng, không có binh lính tập đâm giáo vào những bao tải sậy như trước đây, những cái nồi nấu cháo to tướng không còn bốc hơi trong nhà bếp, mà tất cả đều trống không. Một viên phó đội lỗ mãng người Shardana vừa di ngón chân trên cát vừa nhìn tôi, khuôn mặt nâu đen gầy gò và khô khốc, nhưng vội vã cúi đầu trước mặt tôi khi tôi hỏi về Horemheb, thống lĩnh quân đội của Pharaon, người đã chiến thắng quân Khabiri ở miền hoang mạc gần biên giới Syria vài năm trước. Horemheb vẫn là tể tướng quân đội hoàng gia, viên phó đội nói bằng phương ngữ Ai Cập, nhưng mấy tháng nay ngài đang ở đất Kush để giải tán quân đồn trú ở đó và cho các đội quân giải nghệ, không ai biết bao giờ ngài trở về. Tôi cho anh ta một miếng bạc vì thấy anh ta đang buồn, anh ta mừng rỡ đến nỗi quên mất thanh danh người Shardana, vừa mỉm cười với tôi vừa kinh ngạc nguyền rủa một thần vô danh nào đó. Khi tôi chuẩn bị đi, anh ta giữ tôi lại và bất lực đưa tay chỉ vào khoảng sân trống.

- Horemheb là vị chỉ huy vĩ đại, hiểu quân sĩ, bản thân là một người lính nên ngài không sợ gì, - anh ta nói. - Horemheb là con sư tử, Pharaon là con dê không sừng. Doanh trại không lính, không lương, không có thức ăn. Đồng đội của tôi về miền quê xin ăn. Chuyện gì sẽ đến từ tất cả những điều này, tôi không biết. Xin Amon ban phước cho anh vì miếng bạc, người đàn ông tốt bụng ạ. Đã nhiều tháng rồi tôi không được uống đến say. Bụng tôi đầy nỗi lo. Người ta đã dụ dỗ tôi rời đất nước mình với nhiều lời hứa. Những người tuyển mộ lính của Ai Cập đi từ lều này sang lều kia và hứa nhiều bạc, nhiều đàn bà, nhiều cuộc say. Giờ thì sao? Không bạc, không chè chén và không đàn bà!

Anh ta nhổ nước bọt để thể hiện sự khinh bỉ của mình và lấy bàn chân chai sạn dí miếng nước bọt vào bụi đất. Anh ta là một người Shardana đau khổ và tôi rất tiếc cho anh ta, vì qua lời anh ta nói, tôi hiểu rằng Pharaon đã bỏ rơi binh lính của mình và giải tán các đội quân đã được Thái thượng hoàng vĩ đại vào thời đó tuyển mộ và thuê mướn từ nước ngoài với chi phí rất lớn. Ngay lúc đó, tôi nhớ đến Ptahor già và vì muốn biết nơi ông ở, tôi dẹp suy nghĩ sang bên và đi đến đền thờ Amon và Nhà Sống để hỏi tên ông trong sách. Nhưng viên ký lục cho biết danh y khoan sọ hoàng gia đã chết và được chôn cất tại thành phố của người chết hơn một năm trước. Thế là tôi không thể tìm thấy người bạn nào ở Thebes nữa.

Khi đã ở trong khu đền, tôi đi đến thánh đường lớn, cảm nhận lại ánh hoàng hôn linh thiêng của Amon xung quanh mình và mùi nhang lễ trong những cột đá nhiều màu sắc được chạm khắc đầy những dòng chữ linh thiêng và trên cao, những con chim nhạn lao vút ra và vào qua các khung cửa mắt cáo bằng đá. Nhưng ngôi đền rất vắng vẻ và sân trước cũng trống trơn, không còn cảnh làm việc khẩn trương và buôn bán nhộn nhịp ở vô số các quầy hàng và xưởng trong đền như trước nữa. Các giáo sĩ mặc áo choàng trắng, đầu cạo nhẵn, xức dầu bóng loáng lấm lét nhìn tôi, đám đông trong sân trước nhỏ nhẹ nói với nhau và nhìn trước ngó sau như sợ người khác nghe lén. Tiếng ồn ào, náo nhiệt của sân này vào những buổi sáng sớm, giống như tiếng gió thổi qua đám sậy xa xa, rất quen thuộc với tôi trong những ngày còn đi học, giờ đây đã bị nén xuống thành tiếng thầm thì. Tôi chưa bao giờ yêu quý Amon, nhưng một nỗi niềm bâng khuâng kỳ lạ vẫn cứ tràn ngập tim tôi như khi con người ta nghĩ về tuổi trẻ đã qua của mình dù tuổi trẻ đó đẹp hay xấu.

Khi bước ra khỏi tháp môn giữa những bức tượng pharaon khổng lồ đầy uy lực, tôi nhận thấy một ngôi đền mới đã mọc lên ngay

cạnh ngôi đền lớn, với kích thước đồ sộ và kiến trúc kỳ lạ mà tôi chưa từng thấy trước đây. Xung quanh nó không có tường bao và khi bước vào, tôi thấy những hàng cột bao quanh một khoảng sân trống và trên các bàn thờ ở đó có đặt các loại ngũ cốc, hoa và trái cây làm đồ cúng. Aton tròn vành vạnh ban vô vàn tia sáng của mình lên pharaon đang làm lễ hiến tế trên một bức phù điêu lớn, mỗi tia nắng kết thúc trên một bàn tay ban phước và mỗi bàn tay có một thánh giá sự sống. Các giáo sĩ mặc áo choàng trắng không cạo tóc, đa số là các chàng trai trẻ, nét mặt sáng bừng say mê khi họ hát một bài thánh ca, trong đó có những lời mà tôi nhớ lâu lắm đã có lần được nghe ở Jerusalem của Syria. Nhưng bốn mươi cây cột lớn gây ấn tượng mạnh hơn với tôi, hơn các giáo sĩ và những bức phù điêu, từ mỗi cột, vị pharaon mới được chạm khắc với kích thước siêu phàm đang chằm chằm nhìn người xem, hai cánh tay bắt chéo trước ngực và trong tay cầm một cây trượng cong và roi hoàng gia.

Các cột điêu khắc đó mô tả Pharaon, tôi biết điều đó, vì tôi quen khuôn mặt "trong cơn nhiệt huyết thì rất đáng sợ" đó, quen thân thể gầy gò nhưng căng phồng ở hông với đôi chân và cánh tay thon thả. Một nỗi kinh ngạc đến khiếp sợ tràn ngập tâm trí khi tôi nghĩ tới người nghệ sĩ đã có thể và đã dám chạm khắc những bức tượng này, bởi vì nếu bạn tôi, Thotmes, đã thỉnh thoảng mơ ước đến nghệ thuật tự do thì ở đây anh ấy sẽ thấy nghệ thuật tự do dưới dạng khủng khiếp như biếm họa. Tất cả các dị tật trên cơ thể của Pharaon được các nghệ sĩ nhấn mạnh một cách lạ thường, cặp đùi căng phồng đó, mắt cá chân gầy gò đó, và cái cổ lêu nghêu đầy nhiệt huyết đó, tất cả như có một ý nghĩa thần thánh và huyền bí. Nhưng đáng sợ nhất là khuôn mặt của Pharaon, khuôn mặt dài khác thường với đôi lông mày xếch và gò má nhô cao, nụ cười bí hiểm của người mơ mộng và hay báng bổ quanh đôi môi dày. Các pharaon bằng đá, những hình người khổng lồ, hùng dũng như những vị thần ngồi hai bên tháp môn của đền thờ Amon. Còn ở đây, hình người lêu nghêu, sưng phồng này đang chằm chằm ngó từ bốn mươi cây cột xuống những bệ thờ Aton. Cũng giống con người, anh ta nhìn từ các cột ra xa hơn, như bất kỳ người nào khác, và toàn bộ hình thể tạc vào đá của anh ta là sự mỉa mai đầy đam mê, sự cuồng tín đầy căng thẳng.

Nhìn vào những cột đá này, tôi rùng mình và run rẩy vì lần đầu tiên tôi thấy Amenhotep Đệ Tứ như thể chính ngài thấy bản thân mình như thế. Tôi đã từng gặp ngài một lần, khi ngài còn trẻ, ốm yếu, bị căn bệnh thần thánh làm cho co giật và với bản tính thông thái trước tuổi của mình, tôi đã lạnh lùng quan sát ngài dưới con mắt của người khám phá và của một thầy thuốc, chỉ để hiểu

những lời mê sảng của ngài. Bây giờ tôi thấy ngài như người nghệ sĩ thấy, có lẽ cả ghét lẫn yêu, người nghệ sĩ can đảm nhất từ trước tới nay ở Ai Cập, bởi nếu trước đây có ai dám khắc hình pharaon như vậy, người đó sẽ bị đánh cho bầm dập và treo trên tường như một kẻ báng bổ.

Cả trong đền này cũng không có nhiều người lắm, ngoài mấy người đàn ông và đàn bà mà tôi đoán thuộc giới thượng lưu và sống trong hoàng cung, qua quần áo vải lanh hoàng gia, những cổ áo nặng và đồ trang sức bằng vàng. Dân thường lắng nghe các bài thánh ca của giáo sĩ với vẻ mặt ngu ngơ rất rõ, vì các giáo sĩ hát lời mới và chắc sẽ quá mệt mỏi để đoán xem chúng có nghĩa gì. Chúng khác với những lời cũ, vốn được truyền lại từ thời kim tự tháp cách đây vài ngàn năm, với những từ ngữ mà các đôi tai ngoan đạo đã nghe từ thời thơ ấu, đến nỗi người ta nhận ra và hiểu chúng bằng tấm lòng mà không bao giờ phải nghĩ về nội dung của chúng, nếu quả thật trong những lời đó có ý nghĩa, hoặc ít nhất theo cách hiểu của tôi, những ý nghĩa đó đã thay đổi và hòa lẫn với nhau trong sự lưu truyền nhầm lẫn qua các thế hệ và được các giáo sĩ cần mẫn chép sai.

Tuy nhiên sau khi bài thánh ca kết thúc, một ông già, qua trang phục tôi đoán là người nhà quê, bước tới cung kính nói chuyện với các giáo sĩ và ngỏ ý muốn mua một bùa chú thích hợp hoặc cái che mắt hoặc một tờ giấy với dòng chữ bùa phép, nếu chúng được bán với giá phải chăng.

Các giáo sĩ nói với ông là trong đền này không bán những thứ như vậy, bởi Aton không cần phép thuật và giấy tờ mà giao tiếp với bất cứ ai tin vào thần, không cần sự hiến tế và quà tặng. Nghe nói thế, ông lão tỏ ra rất bực tức và bỏ đi, lầm bầm những lời báng bổ về những lời nói dối trá và tôi thấy ông bước vào nha môn Amon thân quen.

Vợ một ngư phủ bước lại gần các giáo sĩ, nhìn họ với cặp mắt sùng kính và hỏi:

- Không ai cúng cừu hay bò cho Aton để các ngài có ít thịt để ăn nên các ngài gầy ốm thế này, các chàng trai đáng thương. Nếu thần của các ngài hùng mạnh và vĩ đại, như người ta nói là mạnh hơn cả Amon, mặc dù tôi không tin điều đó, thì các giáo sĩ của ngài cần to lớn và da dẻ mỡ màng. Tôi chỉ là một người đàn bà chất phác và không hiểu biết gì nhiều hơn, nhưng từ trong tim mình tôi mong ước cho các ngài được nhiều thịt và mỡ.

Các giáo sĩ cười khúc khích và thì thầm với nhau tinh nghịch như các cậu bé, cho đến khi người lớn tuổi nhất trong số họ trở nên nghiêm túc và nói với người đàn bà:

- Aton không đòi hiến máu và bà không nên nói về Amon trong đền của ngài, bởi vì Amon là vị thần giả và không lâu nữa, ngai của ông ta sẽ bị đổ và đền của ông ta sẽ bị phá dỡ.

Người đàn bà vội quay ngoắt đi và nhổ nước bọt lên mặt đất, rồi vừa dùng tay làm dấu để tôn kính thần Amon vừa nói vội vàng:

- Cậu đã nói điều đó chứ không phải tôi, nên xin lời nguyền rơi xuống đầu cậu.

Bà ta nhanh chóng bỏ đi và mấy người khác đi theo, vừa sợ hãi ngoái lại liếc các giáo sĩ. Nhưng các giáo sĩ cười phá lên rất to và đồng thanh hét lên:

- Đi đi, những kẻ vô thần, nhưng Amon là một vị thần giả! Amon là một vị thần giả, và quyền lực của thần sẽ đổ rạp như cỏ trước lưỡi liềm.

Lúc đó, một trong những người bỏ đi nhặt một hòn đá từ dưới đất, ném về phía các giáo sĩ và trúng vào mặt một giáo sĩ làm ông ta bị chảy máu. Ông ta vừa đưa hai bàn tay che mặt vừa rên rỉ, các giáo sĩ hét lên gọi lính canh, nhưng người ném đã bỏ chạy và lẩn vào đám đông trước tháp môn của Amon.

Tất cả những điều này từng khiến tôi suy nghĩ rất nhiều, vì vậy tôi lại gần các giáo sĩ và nói:

- Tôi đúng là một người Ai Cập, nhưng tôi đã sống một thời gian dài ở Syria nên tôi không biết vị thần mới mà các anh gọi là Aton này. Các anh có thể vui lòng khai sáng và giải thích cho tôi biết ngài là gì, ngài đòi hỏi gì và ngài được thờ phụng như thế nào không?

Họ nghi ngờ và hoài công tìm kiếm sự giễu cợt trên mặt tôi, cuối cùng họ nói:

- Aton là vị thần duy nhất. Ngài đã sáng tạo ra đất và sông suối, con người, động vật và tất cả những gì di động trên trái đất. Ngài luôn hiện hữu và ban đầu người ta thờ cúng sự hiển linh của ngài dưới dạng thần Ra, nhưng vào thời của chúng ta, ngài hiển linh như là Aton cho con trai của mình là Pharaon, người chỉ sống bằng sự thật. Từ đó ngài là vị thần duy nhất, còn lại là những vị

thần giả. Ngài không từ bỏ bất cứ ai xin ngài giúp đỡ, cả người giàu lẫn người nghèo đều bình đẳng trước Aton và mỗi buổi sáng chúng tôi chào đón ngài, vầng hào quang mặt trời, thần ban phước cho trái đất bằng những tia sáng, cho cả thiện và ác, trao cho mọi người thánh giá sự sống. Nếu ông công nhận điều đó, ông là người thờ phụng ngài, vì bản chất của ngài là tình yêu, ngài trường tồn, vĩnh cửu và có mặt ở khắp mọi nơi, vậy nên không có gì xảy ra ngoài ý muốn của ngài.

Tôi nói với họ:

- Tất cả những điều này chắc chắn rất đẹp và đúng, nhưng liệu ngài có muốn hòn đá vừa rồi đập vào miệng cậu bé khiến máu bắt đầu chảy không?

Các giáo sĩ bối rối nhìn nhau và nói:

- Ông báng bổ.

Nhưng cậu bé bị hòn đá rơi trúng mặt đã hét lên với tôi:

- Ngài cho phép nó xảy ra, vì tôi không xứng đáng với ngài để học điều đó. Tôi đã tự hào quá nhiều về sự yêu mến của Pharaon, vì tôi xuất thân từ một tầng lớp thấp, cha tôi chăn nuôi gia súc và mẹ tôi kín nước từ dưới sông cho đến khi Pharaon cho tôi hưởng đặc ân của ngài, vậy nên tôi phụng sự thần của ngài bằng giọng hát hay của mình.

Tôi nói vẻ tôn kính:

- Chắc chắn vị thần này phải là một vị thần vĩ đại, vì ngài có thể đưa một người từ bùn đen đến nhà vàng của Pharaon.

Họ đồng thanh nói:

- Ông nói đúng, vì Pharaon không nhìn vào bề ngoài, sự giàu có hay xuất thân của con người mà chỉ nhìn vào trái tim của người đó và với sức mạnh của Aton, Pharaon nhìn thấu tim của tất cả mọi người và những suy nghĩ thầm kín nhất của họ.

Tôi phản đối và nói:

- Vậy thì ngài không phải là con người, vì với quyền năng của con người thì không thể nhìn thấy trái tim của người khác, mà chỉ chính Osiris mới có thể cân đo trái tim của con người.

Họ bàn luận với nhau và nói:

- Osiris chỉ là một câu chuyện dân gian mà con người không còn sùng kính nữa khi đã tin vào Aton. Mặc dù Pharaon chỉ muốn là con người, nhưng chúng ta không hồ nghi rằng bản chất của ngài thật sự là thần thánh và điều này đã được chứng minh bằng những ảo ảnh mà ngài thấy, trong đó ngài có thể sống nhiều cuộc đời trong một khoảnh khắc ngắn. Nhưng chỉ những người yêu ngài mới có thể biết được điều đó. Vì thế, các nghệ sĩ cũng đã tạc khắc ngài vừa như một người đàn ông vừa như một người đàn bà trên các cột của đền, bởi vì Aton là nguồn sống mạnh mẽ đem sự sống cho hạt giống của người đàn ông và tạo ra một đứa trẻ từ trong bụng mẹ.

Khi ấy tôi giơ tay giễu cợt rồi ôm lấy đầu mình và nói:

- Tôi chỉ là một người đàn ông chất phác, giống như người vừa nãy chỉ là một người đàn bà cục mịch, không thể hiểu hết sự thông thái của các anh. Nhưng có vẻ như sự thông thái của các anh cũng làm các anh bối rối, vì các anh phải bàn bạc với nhau trước khi có thể trả lời tôi.

Họ hào hứng đáp:

- Aton tuyệt vời, như vầng hào quang mặt trời tuyệt hảo, tất cả những gì có trong ngài đều tồn tại, sống động và thở, đều hoàn hảo, còn ý nghĩ của con người không hoàn hảo mà giống như sương mù, do đó chúng tôi không thể khai sáng cho ông vì chúng tôi chưa biết hết tất cả, nên chúng tôi học thêm mỗi ngày theo ý muốn của ngài, ý muốn mà chỉ Pharaon biết, vì người là con trai của ngài và sống vì sự thật.

Những lời đó làm tôi đau xót vì tôi thấy họ thật sự rất chân thành, mặc dù họ mặc đồ lanh đẹp, tóc xức dầu và khi hát, họ cũng vui sướng trước ánh mắt ngưỡng mộ của phụ nữ và cười nhạo những người hiền từ, chất phác. Một cái gì đó tôi không thật rõ, bất chấp tài năng và kiến thức của tôi, dần chín trong tôi và đang đáp lại những lời này, và lần đầu tiên tôi nhận ra suy nghĩ của con người dường như không hoàn hảo, vì thế có thể tồn tại một cái gì đó ngoài ý nghĩ của con người mà mắt không thể thấy, tai không thể nghe và tay không thể chạm tới. Có lẽ Pharaon và các giáo sĩ của ngài đã phát hiện ra sự thật này và đặt tên cho điều xa lạ nằm ngoài suy nghĩ của con người đó là Aton.

Cho đến lúc này, tôi đã từng nghĩ rằng suy nghĩ của con người có

thể mở tất cả các cánh cửa và kiến thức có một giới hạn mà con người có thể đạt tới, và khi kiến thức được nâng cao, tâm hồn của con người cũng lớn theo. Nhưng tôi đã đạt được gì với tất cả kiến thức của mình? Kiến thức của tôi càng lớn, lòng tôi càng khô héo và tôi càng cảm thấy cuộc sống của mình buồn tẻ hơn cho đến khi nó chỉ đứng yên, như vũng nước đọng giữa bùn. Tôi vô cùng ngán ngẩm bản thân, kiến thức và kỹ năng của mình. Vì thế tôi quyết định chôn vùi kiến thức và kỹ năng để làm một thầy thuốc của người nghèo. Tôi không làm điều đó theo mệnh lệnh của trái tim mà vì sự thất vọng với bản thân, nhưng bây giờ Aton hiện ra với tôi như một sự bí ẩn nằm ngoài suy nghĩ và kiến thức của con người, ngay cả hình Pharaon nhìn chằm chằm từ những cột đá cũng không còn làm tôi phẫn nộ hay hoảng sợ nữa, mà tôi nhìn chúng như thể mình hoàn toàn bị mê hoặc, như thể những đôi mắt đá kia đang nhìn vào một nơi mà con người chưa bao giờ nhìn thấu. Vì thế cái miệng kia mới có nụ cười nhạo báng, kiêu ngạo với đầy sự tự tin bí ẩn như thế. Và tôi tự hỏi liệu những giáo sĩ trẻ này, trong sự thiếu từng trải của mình, có linh cảm chút gì về điều họ nói hay không. Bởi vậy, tôi không nhận thánh giá sự sống mà họ hoài công chào mời tôi.

Tôi bước ra khỏi đền Aton với cảm giác cuộc đời mình cho đến lúc này chỉ là một căn phòng tường đá kín mít không có lối ra và bây giờ, lần đầu tiên, tôi đã tìm thấy một lỗ hổng hẹp giữa những tảng đá, nơi ánh sáng chiếu vào bóng tối và không khí tràn vào để trái tim tôi thở. Tôi cảm thấy cuộc đời mới đã mở ra với tôi, giống như lần đầu tiên tôi bị mê hoặc bởi kiến thức và sức mạnh của người thầy thuốc. Nhưng tôi nghĩ cảm giác này chỉ có được với một người rất cô đơn và đã mất mát rất nhiều. Tôi, Sinuhe, một người xa lạ trên mặt đất, đã có trải nghiệm này một lần trong đền thờ Aton, khi tôi đoán được những gì Pharaon nhìn thấy qua con mắt bệnh tật của ngài. Tôi cảm nhận được điều đó với sự ngạc nhiên và ngưỡng mộ ngài, nhưng đồng thời tôi biết rằng ngài không bao giờ nên là một pharaon, vì quyền lực là thứ nguy hiểm đối với nhà tiên tri, người thấy những ảo ảnh không phải về thế giới này.

5

Tôi về đến nhà khi trời đã nhá nhem tối, một tấm biển khám chữa bệnh đơn sơ đã được treo phía trên cửa và một vài bệnh nhân nhếch nhác đang kiên nhẫn ngồi chờ tôi trong sân. Kaptah ngồi trên hiên nhà có vẻ không hài lòng, phe phẩy lá cọ trên mặt

và chân để đuổi lũ ruồi theo người nghèo đến, nhưng ông ta có một hũ bia mới mở ở bên cạnh để an ủi.

Trước hết tôi bảo ông ấy cho người mẹ đang bế đứa bé gầy gò trên tay vào phòng, vì thuốc với người này là chỉ cần một miếng đồng để bà ta mua thức ăn cho mình và có sữa cho con. Tiếp theo, tôi chữa cho một nô lệ có ngón tay bị kẹt trong cối xay hạt ngũ cốc, nắn xương và khớp ngón tay vào vị trí rồi cho anh ta uống một loại thuốc hòa trong rượu để giảm đau. Sau đó, tôi còn giúp một viên ký lục già có một khối u trên cổ to như đầu một đứa bé, đến nỗi ông ta đi lại với cái đầu ngoẹo sang bên, mắt lồi lên và chỉ có thể thở một cách khó nhọc. Tôi cho ông ta một loại thuốc chiết ra từ rong biển mà tôi đã học được ở Simyra, mặc dù không tin nó có thể giúp được ông ta nhiều nữa. Ông ta moi từ trong một miếng giẻ sạch ra một vài miếng đồng và đưa cho tôi, nài nỉ xin tôi bỏ quá cho sự nghèo khó của ông ta, nhưng tôi không nhận mà nói rằng tôi sẽ cho gọi ông ta khi nào tôi cần đến việc biên chép, ông ta mừng rỡ ra về khi vẫn giữ được đồng của mình.

Một cô gái từ một nhà vui không xa nhờ tôi giúp vì đôi mắt bị ghẻ gây bất lợi cho nghề nghiệp của cô ta. Tôi rửa mắt và pha cho cô ta thuốc đắp lên mắt để diệt ghẻ, cô ta e thẹn cởi xiêm áo, tặng tôi món quà theo cách duy nhất mà cô ta có thể làm. Để khỏi xúc phạm cô, tôi nói tôi phải kiêng phụ nữ vì phương thuốc điều trị quan trọng mà tôi sắp thực hiện và cô ta tin lời tôi, vì cô không có hiểu biết gì về nghề y và rất kính trọng tôi vì tôi đã kiềm chế được mình. Để cô ta thấy sự nhiệt thành của mình không hoàn toàn bị lãng phí, tôi lấy dao cắt bỏ một vài mụn cóc bên hông và bụng của cô sau khi xoa kem gây tê quanh chỗ đó, nên việc cắt bỏ gần như không đau đớn và cô ta vô cùng thỏa mãn ra về.

Thế là trong ngày đầu tiên làm thầy thuốc cho người nghèo, đến muối tôi cũng không kiếm được để rắc lên bánh của mình, vì thế Kaptah đã chọc ngoáy tôi bằng cách cho tôi ăn một con ngỗng béo được chế biến theo kiểu Thebes, một món ăn không tìm được ở bất kỳ nơi nào khác trên thế giới. Ông ấy đã mua nó từ một hầm rượu ngon ở trung tâm thành phố, giữ nó nóng trong nồi rán và rót rượu ngon nhất từ đồi nho của Amon vào một cốc thủy tinh sặc sỡ cho tôi, rồi dè bỉu ngày làm việc đầu tiên của tôi. Nhưng lòng tôi nhẹ bỗng và tôi vui với công việc của ngày hôm nay, vui hơn nhiều so với việc chữa khỏi cho một thương gia lắm của và được trả công bằng vòng vàng. Liên quan đến việc này, tôi buộc phải kể thêm rằng mấy ngày sau, người nô lệ ở cối xay lúa mạch đã đến cho tôi xem những ngón tay đã lành của ông ta, mang theo cả một vò lúa mạch mà ông ta trộm được của chủ làm quà cho tôi,

để tôi không đến mức trắng tay sau ngày làm việc đầu tiên.

Còn Kaptah an ủi tôi:

- Tôi tin sau hôm nay, danh tiếng của ông sẽ lan tỏa khắp khu phố và sân nhà ông sẽ chật kín bệnh nhân ngay từ sáng sớm, vì tôi nghe như dân nghèo đang kháo nhau: "Hãy nhanh chóng đến ngôi nhà của người nấu đồng trước đây ở góc bến cảng, vì một thầy thuốc vừa chuyển vào đó khám chữa bệnh không lấy tiền, không gây đau đớn, với kỹ năng tuyệt vời và còn cho các bà mẹ gầy gò miếng đồng, phẫu thuật thẩm mỹ cho những cô gái điếm nghèo khó mà không đòi quà cáp. Hãy nhanh chóng đến nhà ông ta, vì ai đến trước nhất sẽ nhận được nhiều nhất và ông ta sẽ khánh kiệt rất nhanh, buộc phải bán nhà và chuyển đi, nếu không sẽ bị nhốt vào một căn phòng tối và bị thả đỉa lên đầu gối". Nhưng những kẻ ngốc đó đã nhầm, vì may là ông có vàng và tôi đã khôn khéo bắt vàng đó làm việc thay ông để ông không phải chịu cảnh thiếu thốn ở tuổi của mình, mà nếu muốn, ông có thể ăn ngỗng béo mỗi ngày và uống rượu ngon nhất, sau đó trở nên giàu có, nếu ông vẫn vừa lòng với ngôi nhà đơn sơ này. Thậm chí ông cũng không phải làm bất cứ việc gì như những người khác, nên tôi cũng không ngạc nhiên nếu một buổi sáng nào đó thức dậy, tóc tôi lại đầy tro và ông ném vàng của mình xuống giếng rồi bán nhà mình và cả tôi vì nỗi khắc khoải ghê gớm của trái tim ông. Không, điều đó không có gì đáng ngạc nhiên, vì thế, ông chủ của tôi ạ, có lẽ tốt hơn nếu ông cho viết giấy vào văn khố hoàng gia, rằng tôi được tự do đi và về như tôi muốn, bởi vì lời nói dễ bị quên và mất đi, còn giấy tờ được giữ mãi, và tốt hơn nếu nó được đóng triện đất sét của ông và ông tặng cho ký lục của hoàng gia những món quà cần thiết. Tôi có lý do đặc biệt cho đề nghị này, nhưng tôi không muốn kể điều đó ra để khỏi làm phiền cái đầu và lãng phí thời gian của ông.

Đó là một buổi tối xuân ấm áp, những đám lửa phân khô cháy rào rào trước những túp lều đất, làn gió đêm từ bến cảng mang đến mùi hương của cây tuyết tùng và nước hoa Syria, bụi keo cũng tỏa hương; tất cả những mùi này hòa quyện ngọt ngào trong mũi tôi cùng với mùi cá muối rán tối tối ngập tràn khu phố nghèo. Tôi đã ăn món thịt ngỗng kiểu Thebes và uống rượu, tâm hồn tôi thư thái và rượu xua đi những suy nghĩ nặng nề cùng những khát khao và nỗi buồn lẩn khuất đâu đó sau tấm màn che trong lòng tôi. Vậy nên tôi cũng để Kaptah tự rót rượu vào cốc của mình và nói với ông ấy:

- Ngươi được tự do, Kaptah, tự do lâu rồi, như ngươi biết, bởi vì bỏ

qua sự láo xược của ngươi, ngươi là bạn của ta hơn là nô lệ kể từ ngày ngươi cho ta vay đồng và bạc của ngươi, mặc dù ngươi nghĩ sẽ không bao giờ lấy lại được. Hãy làm người tự do, Kaptah, và hãy hạnh phúc, ngày mai chúng ta sẽ để các ký lục hoàng gia viết các giấy tờ pháp lý mà ta sẽ đóng cả hai dấu triện Ai Cập và Syria của ta. Nhưng hãy kể cho ta nghe, ngươi đã đầu tư tài sản và vàng của ta như thế nào, vì ngươi nói rằng vàng sẽ làm việc thay ta, mặc dù ta không đáng được hưởng. Ngươi vẫn chưa gửi vàng của ta vào quỹ đền thờ như ta bảo ư?

- Không, thưa ông chủ! - Kaptah đáp một cách thành thật và nhìn thẳng vào mắt tôi với con mắt duy nhất của mình.

- Tôi không làm theo lệnh của ông, vì đó là một lệnh ngu ngốc và tôi chưa bao giờ làm theo những cái lệnh ngu ngốc, mặc dù đó là suy nghĩ của ông, mà làm theo suy nghĩ của mình. Có lẽ bây giờ là lúc tôi nên nói với ông, khi tôi đã được tự do và ông uống cũng nhiều rượu rồi nên không tức giận nữa. Nhưng dĩ nhiên, vì tôi quá quen với bản tính nóng nảy và khinh suất mà tuổi tác vẫn chưa làm giảm bớt của ông, nên để đề phòng tôi đã giấu gậy của ông đi rồi. Tôi nói với ông để ông khỏi mất công tìm nó, khi tôi bắt đầu kể cho ông nghe những gì tôi đã làm. Chỉ có những kẻ ngu như bò mới gửi tiền của mình vào đền, vì đền không trả gì cho việc bảo quản vàng mà đòi quà khi người ta gửi vàng vào kho của đền để lính canh bảo vệ vàng khỏi bị trộm. Nhưng việc đó thật ngu ngốc, vì đơn giản thuế quan biết ông có bao nhiêu vàng và sau đó vàng của ông sẽ giảm đi nhanh chóng khi nằm ở đó cho đến khi nó không còn nữa. Mục đích hợp lý nhất trong việc tích cóp vàng là để nó làm việc thay mình, để mình chỉ cần ngồi rung đùi và cắn một nắm hạt sen rang mặn, đem lại một cơn khát dễ chịu. Vì thế tôi đã chạy cả ngày khắp thành phố trên đôi chân khập khiễng của mình để tìm cách tốt nhất cho vàng sinh lời ở Thebes, trong khi ông lang thang đến các đền thờ và nhìn ngắm phong cảnh. Nhờ cơn khát của mình, tôi biết được nhiều điều. Người giàu không còn gửi vàng của họ vào kho của đền, vì người ta nói ở đó vàng không an toàn và nếu đúng vậy thì vàng không còn an toàn ở bất cứ nơi nào ở Ai Cập. Tôi cũng biết đền thờ Amon đang bán đất.

- Ngươi nói dối, - tôi giận dữ nói và đứng dậy, vì chỉ nghĩ thôi cũng thấy rất vô lý. - Amon không bán đất, mà mua đất. Từ xưa đến nay Amon chỉ mua đất cho đến khi thần sở hữu một phần tư đất của xứ đất đen và một khi chiếm được chỗ nào, Amon sẽ không bao giờ nhả nó ra.

- Dĩ nhiên, dĩ nhiên, - Kaptah nói như để trấn an và rót thêm rượu

vào cốc thủy tinh của tôi, rồi lơ đãng rót đầy cốc đất sét của mình.
- Ai khôn ngoan cũng biết rằng đất đai là tài sản duy nhất luôn tồn tại và có giá trị nếu biết cách đối xử tốt với những tay địa chính và hiểu ra là hằng năm nên tặng quà cho họ sau mùa lũ. Nhưng bây giờ Amon lại bí mật và vội vàng bán đất cho bất cứ ai sùng tín thần và có vàng. Tôi cũng sợ hết hồn khi nghe tin này và tìm hiểu thì quả thật Amon đang bán đất với giá rẻ, nhưng trong hợp đồng bán mua có điều kiện rằng nếu Amon muốn thì sau một thời gian nhất định, thần có quyền mua lại đất đó với giá cũ. Dù vậy mua thế này vẫn hời, vì đất gồm cả các nhà trại, thiết bị nông nghiệp, gia súc và nô lệ, nên mỗi năm người mua sẽ kiếm được lợi nhuận lớn trên tài sản của mình nếu canh tác tốt đất đai. Ông hẳn biết Amon sở hữu những vùng đất màu mỡ nhất ở Ai Cập. Nếu mọi thứ vẫn như trước, sẽ không có gì hấp dẫn hơn một thương vụ như vậy, vì nó chắc chắn và nhanh chóng sinh lời. Trong một thời gian ngắn, Amon đã bán một lượng đất khổng lồ và thu vén tất cả số vàng trôi nổi của Ai Cập vào các hang động của mình, khiến vàng đang khan hiếm và giá bất động sản đã giảm xuống rất nhiều. Nhưng tất cả điều này là bí mật, không được phép nói đến và tôi sẽ không biết gì về nó nếu như cơn khát hữu ích của tôi không đưa tôi gặp được đúng người.

- Ngươi không mua đất đấy chứ, Kaptah? - Tôi hoảng hốt hỏi.

Nhưng Kaptah trấn an tôi:

- Tôi không điên đến vậy, ông chủ ạ, bởi lẽ ra ông phải biết là tôi không sinh ra với phân giữa các ngón chân, mặc dù tôi là một nô lệ, mà tôi đã sinh ra nơi có những con đường rải đá và những ngôi nhà cao. Tôi không hiểu gì về đất đai, nếu tôi mua đất cho ông thì hằng năm người quản lý, người chăn nuôi gia súc, nô lệ và con bé làm thuê sẽ hở ra là lấy trộm của tôi, trong khi đó, không ai ở Thebes có thể lấy cắp bất cứ thứ gì của tôi, mà chỉ có tôi mới lấy của người khác. Lời lãi lớn từ các thương vụ của Amon cũng rõ ràng đến mức ngay cả kẻ ngốc cũng chú ý đến nó, vì thế tôi đoán có điều gì đáng ngờ trong các thương vụ này và sự nghi ngờ của đám nhà giàu vào mức độ an toàn của quỹ đền cũng chứng minh điều đó. Tôi nghĩ tất cả những điều này đang xảy ra là do vị thần mới của Pharaon. Rất nhiều điều sẽ xảy ra, thưa ông chủ, rất nhiều điều đáng chú ý sẽ xảy ra trước khi chúng ta thấy và hiểu tất cả những điều này sẽ dẫn đến đâu. Nhưng tôi, chỉ nhìn vào lợi ích của ông, đã dùng vàng của ông mua một loạt nhà ở với giá hời trong thành phố, cùng với các cửa hàng và nhà cho thuê, vì hằng năm chúng đem lại lợi nhuận tương đối; các giao kèo này đã sẵn sàng, chỉ cần dấu triện với chữ ký của ông. Hãy tin tôi, tôi đã mua

chúng với giá rẻ và nếu những người bán tặng tôi quà sau khi giao kèo hoàn tất, điều đó không thuộc về ông mà là vấn đề giữa tôi với họ, phát sinh từ sự ngu ngốc của họ và trong các thương vụ này tôi không hề ăn chặn gì của ông. Tuy nhiên, tôi sẽ không phản đối nếu chính ông muốn tặng tôi cái gì đó làm quà, sau khi tôi đã thu xếp các thương vụ này một cách có lợi cho ông.

Tôi suy nghĩ một lát rồi nói:

- Không, Kaptah, ta không có ý định tặng ngươi món quà gì trong các thương vụ này, vì rõ ràng ngươi đã tính có thể ăn cắp đủ của ta khi tính tiền cho thuê và thỏa thuận với các nhà thầu xây dựng về việc sửa chữa hàng năm.

Kaptah không hề tỏ ra thất vọng, mà cam chịu theo lời tôi nói:

- Tôi cũng nghĩ như thế vì sự giàu có của ông chủ là sự giàu có của tôi, do vậy, lợi ích của ông là lợi ích của tôi và tôi phải là người trông coi tất cả tài sản của ông. Nhưng tôi phải thừa nhận rằng sau khi nghe nói về các thương vụ của Amon, tôi bắt đầu chú ý rất nhiều đến nông nghiệp nên đã đi đến các tiệm buôn bán lúa mạch và đi hết quán rượu này đến quán rượu khác vì cơn khát của tôi, lắng nghe họ nói cho đến khi tôi học được nhiều điều. Với vàng và sự cho phép của ông chủ, tôi sẽ mua lúa mạch để tích trữ, cụ thể là vào vụ hè tới, vì lúc đó các cửa hàng bán nhiều và giá cả vẫn khá hợp lý. Kỳ thực, lúa mạch dễ hư hỏng hơn đá và nhà cửa, lũ chuột ăn nó và nô lệ đánh cắp nó, nhưng chuyện đó thường xảy ra trong nông nghiệp, và muốn thắng điều gì đó thì phải dám chấp nhận rủi ro. Dù sao, nông nghiệp và mùa màng phụ thuộc vào con nước, châu chấu, chuột đồng và kênh rạch tưới tiêu cùng với nhiều thứ khác mà tôi không muốn liệt kê thêm vì tôi không biết về chúng. Tôi chỉ muốn nói là người nông dân có trách nhiệm lớn hơn tôi vì khi mua, tôi biết là với giá này, vào mùa thu trong kho của mình sẽ có lúa mạch. Tôi sẽ giữ và bảo vệ lúa mạch cẩn thận trong kho, bởi có gì đó trong tôi mách bảo rằng giá lúa mạch sẽ tăng lên theo thời gian. Thực ra tôi chỉ dự đoán theo trí khôn của mình về các thương vụ đất đai của Amon, vì nếu mọi kẻ ngốc đều trở thành nông dân, mùa màng không thể bội thu như trước. Vì thế tôi cũng đã mua các kho hàng để chứa lúa mạch, những kho khô ráo và xây gạch cẩn thận, bởi vì khi không cần đến chúng nữa, chúng ta luôn có thể cho thương lái lúa mạch thuê và kiếm lời từ đó.

Tôi thấy Kaptah đã mệt mỏi không cần thiết và chuốc cho mình nhiều nỗi lo với những kế hoạch này, nhưng chắc chắn chúng đã khiến ông ấy thích thú nên tôi không phản đối gì các khoản đầu

tư của ông, khi mà tôi không phải dính dáng gì với chúng. Tôi nghĩ vậy và khi tôi nói điều đó với ông ấy, ông cẩn thận giấu sự mãn nguyện của mình và nói với vẻ ủ ê:

- Còn một kế hoạch có lẽ sinh lời nhất mà tôi muốn thực hiện bằng tiền của ông. Một trong những thương điếm lớn nhất ở chợ nô lệ đang được rao bán và tôi có thể khẳng định mình biết tất cả những gì cần biết về nô lệ, vì tôi là một nô lệ suốt cuộc đời mình, nên với việc buôn bán nô lệ, tôi tin chắc sẽ đưa ông thành người giàu có một cách nhanh chóng. Tôi biết cách giấu các khuyết tật và nhược điểm của nô lệ như thế nào và tôi có thể sử dụng cây gậy một cách đúng đắn, điều mà ông không bao giờ biết, ông chủ ạ, nếu ông cho phép tôi nói bây giờ, khi tôi đã giấu gậy của ông. Nhưng tôi rất lấy làm tiếc, vì tôi nghĩ cơ hội đáng giá này sẽ bị bỏ qua và ông sẽ không đồng ý, có phải vậy không, thưa ông chủ?

- Ngươi nói đúng, Kaptah, - tôi nói, - chúng ta không thể trở thành những người buôn bán nô lệ, vì nó là một công việc bẩn thỉu và đáng khinh, nhưng vì sao, ta không thể nói, bởi vì mọi người vẫn mua nô lệ, sử dụng nô lệ và cần nô lệ. Xưa đã thế và sau này vẫn thế. Nhưng điều gì đó trong ta nói rằng ta không muốn trở thành một người buôn bán nô lệ và ta không bao giờ muốn ngươi thành như thế.

Kaptah thở phào nhẹ nhõm và nói:

- Vậy là tôi đã nhìn thấu tâm can ông, ông chủ ạ, và như thế chúng ta thoát khỏi cái xấu xa đó, vì khi nghĩ kỹ về việc này, tôi nghĩ có thể mình sẽ chú ý quá nhiều đến đám nô tỳ khi tìm hiểu kỹ chúng biết làm những gì, và như thế sẽ mất quá nhiều sức lực, điều mà tôi không còn đủ khả năng để làm, vì tôi bắt đầu già đi và các bộ phận của tôi đã xơ cứng lại, ngón tay tôi run rẩy, nhất là mỗi khi thức dậy vào buổi sáng trước khi cầm được hũ bia. Vì đã hiểu tâm can ông, tôi nói ngay với ông rằng tất cả những căn nhà tôi mua thay ông đều là nhà lương thiện, lợi nhuận không nhiều, nhưng chắc chắn. Tôi không mua nhà vui nào, cũng không mua những con hẻm của người nghèo, nơi có những túp lều xiêu vẹo mang lại lợi nhuận tốt hơn những ngôi nhà bền vững của các gia đình tử tế. Quả thật, tôi đã phải đấu tranh ghê gớm với mình để làm như vậy, vì tại sao chúng ta lại không được kiếm lợi nhuận như tất cả những kẻ khác đã làm. Tuy nhiên, trái tim tôi nói rằng ông sẽ không chấp nhận điều đó, ông chủ ạ, vì thế với cố gắng lớn nhất, tôi đã từ bỏ những mong ước quý giá của mình. Song, tôi có thêm một điều để xin ông.

Kaptah chợt ngần ngừ và nhìn tôi dò xét bằng con mắt duy nhất của mình để đoán định sự mềm yếu trong tâm trạng tôi. Tôi tự rót rượu vào cốc của ông ấy và khuyến khích ông nói, vì tôi chưa bao giờ thấy Kaptah thiếu tự tin như thế và điều đó làm tôi tò mò. Cuối cùng, ông ấy bảo:

- Mong muốn của tôi hỗn hào và trơ trẽn, nhưng vì ông từng nói tôi được tự do nên tôi mạnh bạo thổ lộ với ông, hy vọng ông không tức giận và để cho chắc tôi đã giấu gậy của ông. Cụ thể là tôi muốn ông đi cùng tôi đến quán rượu Đuôi Cá Sấu ở bến cảng mà tôi thường kể với ông, để chúng ta cùng vui vẻ thưởng thức rượu ngâm và ông sẽ thấy đó là nơi nào mà tôi hằng mơ thấy cả khi mắt vẫn mở khi uống bia đặc qua ống hút ở Syria và Babylon.

Tôi phá lên cười và không hề tức giận, vì rượu khiến tôi mềm yếu. Đêm mùa xuân thật sầu muộn và tôi rất cô đơn. Mặc dù việc này tôi chưa từng được nghe và thật không thích hợp với vị thế của một ông chủ, nếu tôi đi cùng người hầu của mình đến một quán rượu tồi tàn ở bến cảng để uống một thứ đồ uống gọi là đuôi cá sấu vì sự tăng lực của nó, song tôi nhớ có lần cách đây đã lâu, Kaptah đã cùng đi với tôi đến một nơi, đã tự nguyện bước qua cánh cổng vào chỗ tối tăm, mặc dù biết rằng không ai còn sống trở về từ nơi đó. Vì thế, tôi đặt tay lên vai ông ấy và nói:

- Trái tim ta mách bảo rằng đuôi cá sấu là thứ rất hay để kết thúc một ngày. Chúng ta đi thôi.

Kaptah sung sướng nhảy cẫng lên theo thói quen của nô lệ, quên hết sự xơ cứng của tay chân mình. Ông ta vội chạy đi lấy cây gậy của tôi từ chỗ mình cất giấu và quàng tấm vải khoác vai lên vai tôi. Thế là chúng tôi đi ra bến cảng và vào quán Đuôi Cá Sấu, gió mang hơi nước lên cây tuyết tùng khô và cả mùi đất bùn nở hoa.

6

Quán Đuôi Cá Sấu nằm giữa khu vực bến cảng, lèn giữa các nhà kho lớn bên một con hẻm nhỏ được che chắn. Nó được xây bằng gạch đất sét, tường rất dày để mát mẻ mùa hè và ấm áp mùa đông. Phía trên cửa quán, cạnh một hũ bia và hũ rượu có treo một con cá sấu khô khổng lồ với đôi mắt thủy tinh lấp lánh, miệng há hốc với nhiều răng. Kaptah hào hứng dẫn tôi vào trong, hét gọi chủ quán và tìm cho chúng tôi chỗ có ghế mềm. Ông ấy là khách quen trong

quán, đi lại ở đó như thể ở nhà, nên sau lúc đầu liếc nhìn tôi nghi ngờ, những người khách khác bình tĩnh lại và tiếp tục chuyện trò. Tôi ngạc nhiên nhận thấy sàn quán bằng gỗ, tường quán cũng được ép gỗ và trên tường treo rất nhiều kỷ vật từ những chuyến đi dài, như giáo và chùm lông trên mũ của người da đen, ốc sò từ các hải đảo và vò, hũ Crete được vẽ hoa văn. Kaptah hãnh diện nhìn theo ánh mắt của tôi và nói:

- Chắc ông chủ ngạc nhiên khi thấy tường của quán được làm bằng gỗ, giống như trong nhà của người giàu. Ông biết không, tất cả ván này đều được lấy từ những con thuyền cũ bị tháo dỡ và mặc dù không muốn nghĩ về những chuyến đi trên biển, tôi cũng cần nói rằng tấm ván bị nước biển bào mòn màu vàng kia đã đi đến vùng đất của Punti và tấm màu nâu kia đã kẹt trên cầu thuyền của hải đảo. Nhưng nếu ông cho phép, bây giờ chúng ta sẽ thưởng thức cái đuôi mà chủ quán đã tự tay pha.

Tôi được đưa cho một chiếc cốc xinh xắn hình vỏ sò, cầm vừa trong lòng bàn tay, nhưng tôi không nhìn chiếc cốc mà dán mắt vào người mang nó đến cho tôi. Cô ta không còn thật trẻ như những hầu bàn thường thấy trong quán rượu, cũng không ăn vận nửa kín nửa hở đi lại trên sàn để thu hút khách, mà ăn mặc đoan trang, khuyên bạc đeo trên tai và vòng bạc trên cổ tay thon thả. Cô đáp lại cái nhìn của tôi và nhìn thẳng vào mắt tôi không chút sợ hãi, né tránh như đàn bà thường làm. Lông mày của cô được tỉa mỏng và mắt cô toát lên niềm vui lẫn nét buồn, cặp mắt màu nâu ấm và sống động làm trái tim ta tĩnh lại khi nhìn vào đó. Tôi cầm chiếc cốc từ tay cô vào lòng bàn tay mình, cả Kaptah cũng cầm cốc của ông ta vào lòng bàn tay và tôi hỏi theo thói quen khi vẫn nhìn chằm chằm vào mắt cô:

- Cô tên gì, người đẹp?

Cô ta nhỏ nhẹ đáp:

- Tôi tên là Merit và tôi không quen được gọi là người đẹp, như các chàng trai nhút nhát thường làm để lần đầu tiên chạm tay vào vòng eo của một cô hầu bàn. Tôi xin ông nhớ cho điều đó, nếu như ông chiếu cố đến quán chúng tôi một lần nữa, danh y Sinuhe, Ngài Cô Đơn ạ.

Tôi cảm thấy bị tổn thương và nói:

- Tôi không hề có ý định sờ soạng vòng eo của cô, Merit xinh đẹp ạ. Nhưng sao cô biết tên tôi?

Cô ta cười, nụ cười thật đẹp trên khuôn mặt mịn màng, sạm nâu, và tinh nghịch nói:

- Danh tiếng của ông đi trước ông, Con Trai Lừa Hoang ạ, và khi gặp ông, tôi biết rằng danh tiếng của ông không bị thổi phồng, mà tất cả những gì người ta truyền tụng về ông đều là sự thật.

Sâu thẳm trong mắt cô ẩn chứa nỗi buồn xa xăm giống như ảo ảnh và trái tim tôi nhìn thấy nỗi buồn ấy qua nụ cười, vì thế tôi không thể giận mà chỉ nói với cô:

- Nếu cô muốn nói danh tiếng của tôi chính là Kaptah đang ở cạnh tôi đây, người vốn là nô lệ của tôi và hôm nay đã được tôi trả tự do, thì cô không nên tin vào lời ông ấy. Ngay từ khi sinh ra, lưỡi của ông ấy đã có một nhược điểm là không phân biệt giả dối với sự thật mà yêu thích cả hai và có lẽ thường thích lừa dối nhiều hơn sự thật. Tài năng thầy thuốc của tôi cũng không khá hơn cây gậy của mình khi chữa nhược điểm ấy.

- Có lẽ lời nói dối đôi khi ngọt ngào hơn sự thật, - cô ta nói, - khi con người ta rất cô đơn và mùa xuân đầu tiên của người đó đã trôi qua. Vì thế tôi vui lòng tin lời ông khi ông gọi tôi là "Merit xinh đẹp" và tôi tin tất cả những gì mà nét mặt ông nói với tôi. Nhưng ông không muốn nếm rượu đuôi cá sấu mà tôi mang đến cho ông sao, vì tôi tò mò muốn biết liệu nó có thể sánh với những đồ uống khác thường ở tất cả những miền đất xa lạ mà ông đã ghé thăm hay không?

Vẫn nhìn thẳng vào mắt cô, tôi nâng cốc trong lòng bàn tay lên uống, nhưng sau khi uống một ngụm, tôi không nhìn vào mắt cô nữa mà máu dâng lên đầu và tôi bắt đầu ho, cổ họng nóng như lửa đốt. Cuối cùng, khi hít được một hơi vào trong lồng ngực, tôi nói:

- Thú thật, tôi rút lại tất cả những gì mình vừa nói về Kaptah, bởi vì ít nhất trong chuyện này ông ấy đã không hề nói dối. Đồ uống của cô quả thật mạnh hơn bất kỳ đồ uống nào mà tôi đã nếm, nóng hơn dầu lửa mà người Babylon dùng để thắp đèn và tôi tin nó giống như một cú đập của đuôi cá sấu, hạ gục ngay cả một người đàn ông khỏe mạnh.

Nói rồi, tôi lắng nghe và cảm thấy thân thể mình đang bốc lửa, trong vòm miệng cháy khô của tôi còn đọng lại mùi dầu thơm và các loại gia vị. Trái tim tôi được chắp thêm đôi cánh như con én và tôi nói:

- Nhân danh Seth và tất cả loài quỷ dữ, tôi không thể hiểu đồ uống

này được pha như thế nào và tôi không biết liệu tôi bị nó hay đôi mắt của cô thôi miên, Merit ạ. Nhưng, quả thật ma thuật đang chạy trong tay chân tôi và trái tim tôi đang trẻ lại, nên đừng ngạc nhiên nếu tôi đặt tay lên eo cô, vì lỗi tại cái đuôi này chứ không phải tại tôi.

Cô ta thận trọng tránh xa tôi hơn, giơ tay lên tinh nghịch, và cô trông thật mảnh mai, chân tay dài thon thả khi mỉm cười và nói với tôi:

- Ông không nên chửi thề, vì đây là một quán rượu đàng hoàng, tôi chưa già và gần như còn trong trắng nữa, mặc dù mắt ông có thể không tin. Nhưng về đồ uống, tôi có thể nói rằng đó là món quà hồi môn tuyệt vời tôi được thừa hưởng từ cha tôi, vì thế nô lệ Kaptah này của ông đã không ngớt cầu hôn tôi nhằm có được bí quyết mà không mất gì, nhưng ông ta chỉ có một mắt, béo ú và già, và tôi không tin người nữ trưởng thành nào lại hứng thú với ông ta. Vì thế, ông ta sẽ phải mua quán rượu này bằng vàng và còn định mua cả bí quyết của tôi, mà nói thật chắc chắn ông ta phải cân rất nhiều vàng trước khi chúng tôi có thể ưng thuận.

Kaptah làm những cử chỉ hăm dọa để buộc cô ta im lặng, nhưng tôi uống thêm ngụm nữa và lửa lại hừng lên trong cơ thể, nên tôi nói:

- Tôi tin Kaptah sẵn sàng cùng cô đập vỡ vò vì đồ uống này, dù biết rằng cô có thể sẽ bắt đầu hắt nước nóng vào chân ông ấy. Nhưng ngay cả khi không có bí quyết của cô, ông ấy vẫn sẵn lòng, tôi hiểu ông ấy khi tôi nhìn vào mắt cô, mặc dù cô nên nhớ rằng lúc này đuôi cá sấu trong tôi đang nói, chứ ngày mai lưỡi của tôi có thể không còn chịu trách nhiệm với những lời này nữa. Nhưng có đúng là Kaptah sở hữu quán rượu này không?

- Xéo đi, ả đàn bà to gan! - Kaptah nói và chen thêm vào lời nói của mình tên của tất cả các vị thần mà ông đã học được ở Syria. Rồi ông quay sang tôi, nói như van xin:

- Ông chủ ơi, bất ngờ quá, vì tôi muốn từ từ chuẩn bị cho ông chủ và xin sự ưng thuận của ông, bởi vì tôi vẫn là người hầu của ông. Nhưng đúng là tôi đã mua quán này từ người chủ và tôi cũng định moi bí quyết pha chế đuôi cá sấu từ con gái ông ta, bởi vì đồ uống đó đã làm quán này nổi tiếng khắp triền sông, nơi nhiều đàn ông vui vẻ tụ tập, và lúc đi xa tôi đã nhớ đến nó hằng ngày. Như ông biết, bằng sự thông minh và khéo léo nhất của mình, tôi đã lấy trộm của ông trong suốt những năm qua, vì thế tôi đã gặp khó

khăn khi đầu tư bạc và vàng của riêng mình, bởi vì tôi phải nghĩ đến tuổi già khi không còn đủ sức ngược xuôi làm vô số chuyện của ông và tôi muốn bộ xương mình được sưởi ấm bên bếp than.

Ông ấy nhìn tôi như thấy mình có lỗi, vì tôi bắt đầu cười khi nghĩ Kaptah sẽ thế nào khi ông ấy gắng sức chạy, rồi đến khi ông ấy dùng kiệu còn tôi đi bộ. Tôi cũng nghĩ xương của ông ấy sẽ khó được sưởi ấm qua lớp mỡ dày bên cạnh lò than, nhưng rồi tôi nhớ ra chắc đuôi cá sấu đã làm tôi có những suy nghĩ này. Vì vậy tôi thôi cười, xin lỗi Kaptah một cách nghiêm túc và giục ông ấy nói tiếp.

- Khi còn là một nô lệ trẻ, tôi chỉ ước ao được làm chủ một quán rượu, - Kaptah nói, vì đuôi cá sấu khiến ông xúc động. - Hồi đó quả thật tôi nghĩ chủ quán được uống nhiều bia không phải trả tiền mà không bị ai chê trách. Giờ đây tôi biết chủ quán chỉ được uống vừa phải, không bao giờ được phép say và điều này tôi thấy khá lành mạnh, vì uống quá nhiều bia khiến tôi cảm thấy lạ lùng, đôi khi tôi nhìn thấy hà mã và những thứ đáng sợ khác. Nhưng chủ quán rượu được liên tục gặp gỡ những người có thể đem lại lợi lộc cho ông ta, được nghe và biết mọi chuyện xảy ra và điều này mê hoặc tôi khủng khiếp, vì từ khi sinh ra tôi đã có tính tò mò. Với tư cách là chủ quán, tôi cũng sử dụng lưỡi của mình như một lợi thế, và tôi nghĩ mình có thể giải trí cho khách bằng những câu chuyện của mình, khiến họ vô tình uống cạn hết cốc này đến cốc khác và chỉ ngạc nhiên khi phải trả tiền. Bởi vậy khi ngẫm lại kỹ càng mọi chuyện, tôi thấy ban đầu thần linh định cho tôi làm chủ quán rượu, nhưng do nhầm lẫn mà tôi sinh ra là nô lệ. Tuy nhiên, điều này bây giờ chỉ có lợi cho tôi, vì quả thật không có mánh khóe, xảo thuật hay trò dối lừa để tìm cách quỵt tiền nào của khách mà tôi không biết và từng thử qua. Mặc dù phải công nhận, tôi nghĩ mình quen biết mọi người và biết rõ có thể cho ai uống nợ, ai không và đây là điều quan trọng nhất đối với một chủ quán, bởi vì bản tính con người thật lạ lùng, khi được nợ có thể uống vô độ không nghĩ đến ngày phải trả tiền, nhưng nếu phải trả tiền ngay thì khư khư giữ bạc tiết kiệm của mình.

Kaptah uống cạn cốc của mình rồi hai tay ôm đầu, mỉm cười buồn bã và nói:

- Tôi cũng nghĩ nghề chủ quán chắc chắn nhất và đáng tin cậy nhất trong tất cả các nghề, vì dù thế nào thì con người vẫn khát và dù cho quyền lực của pharaon lung lay, các vị thần rời khỏi ngai vàng, các quán rượu và quán bia cũng không vắng khách hơn trước. Bởi lẽ khi vui con người ta uống rượu, lúc buồn cũng uống

rượu, khi được việc uống rượu mừng và khi thất vọng cũng đắm chìm trong rượu. Anh ta uống khi yêu và cả khi bị vợ đánh. Anh ta tìm đến rượu khi thất bại trong kinh doanh và tắm trong rượu mừng khi có lợi nhuận. Thậm chí nghèo đói cũng không ngăn người ta uống rượu, vì lúc đó anh ta sẽ làm việc chăm chỉ hơn để có thể tô điểm cho sự nghèo khó của mình bằng rượu. Điều gì đúng với rượu cũng đúng với bia, mặc dù tôi nói về rượu cho thêm thi vị và cho lời nói thêm đẹp, vì thật lạ là các nhà thơ vẫn chưa viết những bài thơ ca ngợi bia mà lẽ ra nó rất đáng được nhận, vì chỉ cần uống bia thôi, ta cũng có thể say mềm, say đích đáng, thậm chí say hơn rượu. Nhưng tôi không muốn làm ông chán ngán khi ca ngợi lợi ích của bia cùng rượu, mà trở lại vấn đề của mình, tôi xin nói rằng theo kinh nghiệm của mình, tôi thấy nghề chủ quán rượu là an toàn nhất trong tất cả các nghề, vì thế tôi đã đầu tư vào quán này tất cả vàng và bạc tôi tằn tiện được trong nhiều năm qua. Quả thật, tôi khó có thể nghĩ đến nghề nào tốt hơn và thú vị hơn trừ nghề điếm, một nghề không cần vốn ban đầu mà luôn mang trên mình cả cửa hàng và nhà kho và nếu khôn ngoan sẽ được dưỡng già trong ngôi nhà được xây bằng hông và eo mình. Nhưng xin lỗi tôi lại lỡ miệng nói về việc của người khác, vì sự thật là tôi vẫn chưa kịp quen lại với đuôi cá sấu, nó lại làm lưỡi tôi huyên náo. Tôi định nói quán đã là của tôi và hiện tại chủ quán điều hành quán với sự giúp đỡ của phù thủy Merit này và chúng tôi sẽ chia đều lợi nhuận cho đến khi tôi nghỉ ngơi lúc về già. Chúng tôi đã thỏa thuận việc này và đã thề với cả hàng ngàn thần linh Ai Cập, do vậy tôi không nghĩ ông ta sẽ lấy trộm quá mức cho phép từ phần lời của tôi vì ông ta là một người ngoan đạo, đến đền thờ trong tất cả các ngày lễ để cúng tế, mặc dù tôi tin ông ta làm điều này để các giáo sĩ cũng đến quán và họ là những khách hàng tốt, vì họ đã quen với các loại rượu mạnh nơi đồi nho của mình, thưởng thức chúng hàng vò và một, hai đuôi cá sấu vẫn chưa hạ gục được họ. Nhưng tôi không nghi ngờ lòng mộ đạo của ông ta, vì không có gì sai nếu người khôn ngoan kết hợp chuyện làm ăn với việc tu hành đạo đức và, vâng, chắc chắn tôi không còn nhớ mình đã bắt đầu từ đâu và cần phải nói gì, vì đây là một ngày rất vui với tôi và tôi thấy sung sướng nhất là ông đã không tức giận và trách mắng vì việc tôi đã làm mà vẫn tiếp tục coi tôi là người hầu của mình, mặc dù tôi là chủ một quán rượu, một nghề mà không phải ai cũng coi là đáng tôn trọng.

Sau bài nói dài dòng này, Kaptah bắt đầu líu ríu và gục đầu vào lòng tôi khóc rồi ôm chặt lấy đầu gối tôi vì xúc động và rõ ràng là đang say. Tôi lấy hết sức đỡ vai, kéo ông ta ngồi thẳng lên và nói:

- Quả thật, ta tin ngươi không thể tìm được một nghề thích hợp

hơn có thể đảm bảo cho tuổi già của mình, nhưng chỉ có một điều ta không hiểu. Nếu một khi chủ quán biết quán của ông ta đang bán tốt và giữ bí quyết pha đuôi cá sấu, thì tại sao ông ta lại đồng ý bán cho ngươi mà không giữ lợi nhuận cho mình?

Kaptah nhìn tôi vẻ trách móc với con mắt duy nhất đầy nước mắt và nói:

- Chẳng phải tôi đã nói hàng ngàn lần rằng ông có một biệt tài lạ lùng là luôn hủy hoại tất cả niềm vui của tôi bằng lý lẽ đắng hơn cả ngải của mình sao? Chưa đủ sao khi tôi cũng nói như ông ta, rằng chúng tôi là bạn từ hồi còn trẻ và quý nhau như anh em, vì thế chúng tôi muốn chia sẻ niềm vui và lợi nhuận của mình? Nhưng từ ánh mắt ông tôi thấy rằng điều đó chưa đủ với ông, cũng như nó chưa đủ với tôi, vì thế tôi thừa nhận rằng dĩ nhiên trong vụ làm ăn này cũng có điều gì đó đáng ngờ. Người ta đồn đoán về những bất ổn lớn sẽ xuất hiện khi Amon và thần của Pharaon đánh nhau để giành quyền lực, và như ông biết rõ, trong lúc bất ổn, các quán rượu bia sẽ phải hứng chịu đầu tiên, các cửa sổ của quán sẽ bị phá vỡ, chủ quán sẽ bị đánh đập và ném xuống sông, vò rượu bị lật nhào, đồ đạc bị đập vỡ và trong trường hợp xấu nhất, toàn bộ ngôi nhà bị đốt cháy sau khi các vò rượu bị uống cạn. Điều này dễ xảy ra hơn nếu người chủ ở bên phi nghĩa, như chủ quán này là người của Amon và tất cả đều biết điều đó nên ông ta không kịp thay đổi chính kiến nữa. Ông ta bắt đầu nghi ngờ việc của Amon sau khi nghe tin Amon bán đất và tôi, tất nhiên, đã kích động sự nghi ngờ của ông ta, mặc dù những người quá lo xa cho tương lai của mình thường dễ bị trượt vỏ trái cây trên đường, bị mái ngói rơi xuống gáy hay nằm dưới bánh xe bò. Ông chủ quên là chúng ta có bọ hung và tôi tin chắc là nó có thể bảo vệ Đuôi Cá Sấu, mặc dù nó có rất nhiều việc để bảo vệ, là các lợi ích của ông.

Tôi nghĩ một lúc lâu rồi nói:

- Kaptah, dù sao, ta phải công nhận rằng trong một hôm nay thôi, ngươi đã kịp làm được nhiều việc.

Nhưng Kaptah đã từ chối lời khen của tôi và nói:

- Ngài quên sao ông chủ ơi, chúng ta đã rời thuyền hôm qua. Song, có thể nói cỏ không kịp mọc dưới chân tôi và chắc chắn là ông không thể tin, nhưng tôi phải thừa nhận lưỡi của tôi cũng mệt mỏi, vì một cái đuôi cá sấu khiến nó lắp bắp rồi.

Thế là chúng tôi đứng dậy tạm biệt chủ quán ra về, Merit tiễn

chúng tôi đến cửa, những chiếc vòng bạc lẻng rẻng ở cổ tay và mắt cá chân. Dưới ánh lờ mờ giữa khung cửa, tôi đặt tay lên eo cô ấy và thấy cô ở gần tôi, nhưng cô ấy vừa dứt khoát gỡ tay tôi ra vừa nói:

- Cái chạm của ông có thể dễ chịu, nhưng tôi không muốn ông chạm vào khi đuôi cá sấu cho biết quá rõ về lòng bàn tay ông.

Tôi xấu hổ giơ hai tay lên nhìn, quả thật trông chúng rất giống những móng chân cá sấu, rồi chúng tôi đi thẳng về nhà, trải thảm ra và ngủ rất ngon.

7

Cuộc sống của tôi ở khu phố nghèo Thebes trong ngôi nhà cũ của thợ đúc đồng bắt đầu như thế. Tôi có rất nhiều bệnh nhân, như Kaptah dự đoán, song tôi không kiếm được nhiều tiền mà mất nhiều hơn số tiền kiếm được, vì tôi thường cần nhiều loại thuốc đắt tiền để chữa cho bệnh nhân và tôi không có lợi từ việc chữa cho những người đói khát, nếu họ không có đủ chất béo và cháo bột để lấy lại sức. Những món quà tôi nhận được không có nhiều giá trị nhưng chúng đem đến cho tôi niềm vui, và vui hơn khi tôi nghe rằng những người nghèo bắt đầu cầu nguyện cho tên của tôi. Mỗi đêm, ánh sáng từ những ngọn đèn ở trung tâm thành phố bừng lên đỏ rực trên bầu trời Thebes nhưng tôi đã kiệt sức vì công việc và tối đến tôi nghĩ về các chứng bệnh của bệnh nhân và cả về Aton, thần của Pharaon.

Kaptah thuê một bà đã luống tuổi về quán xuyến việc nhà, một người tỏ ra rất mệt mỏi với cuộc sống lẫn cánh đàn ông, như có thể nhìn thấy được trên khuôn mặt bà. Nhưng bà ấy nấu ăn ngon, ít lời và không kêu ca về mùi của những người nghèo ngồi ngoài hiên và không đuổi họ ra khỏi chỗ tôi với những lời độc ác. Tôi đã quen với bà ấy rất nhanh và bà không làm phiền tôi, mà sự hiện diện của bà giống như một cái bóng khiến tôi không còn chú ý đến sự có mặt của bà nữa. Tên bà là Muti.

Cứ thế, tháng này qua tháng khác, tình trạng bất ổn ngày càng lớn dần ở Thebes và không ai nói gì về việc Horemheb trở lại. Mặt trời thiêu đốt các sân nhà thành vàng sạm, thời gian nóng nhất của mùa hè đã gần kề. Thỉnh thoảng tôi thèm được thay đổi nên đi cùng Kaptah đến quán Đuôi Cá Sấu, vui đùa với Merit và nhìn vào mắt cô ấy, mặc dù cô ấy vẫn giữ khoảng cách với tôi khiến trái tim

tôi nhói đau. Nhưng tôi không còn uống thứ rượu mạnh quán mang tên mà hài lòng với một cốc bia lạnh trong thời tiết nóng nực, thứ làm dễ chịu chứ không say và làm cho tâm trí trở nên tỉnh táo khi ngồi trong những bức tường đất mát mẻ. Tôi lắng nghe những cuộc trò chuyện của khách đến quán rượu và sớm nhận ra rằng không phải ai cũng có chỗ ngồi và cốc để uống trong quán này, mà chỉ những khách được chọn, dù trong số họ có thể có kẻ đã phải đào trộm mộ để có vàng, có kẻ sống cuộc sống của người tống tiền, nhưng khi ở trong quán rượu, họ quên nghề nghiệp của mình và cư xử đứng đắn. Tôi tin Kaptah khi ông ấy nói chỉ những người có ích cho nhau mới gặp nhau ở đây. Chỉ có tôi là ngoại lệ, không ai được lợi lộc gì từ tôi và tôi cũng là một người xa lạ ở đây, mặc dù họ vẫn chịu cho tôi ngồi đây và sự hiện diện của tôi không đáng sợ vì tôi là bạn của Kaptah.

Tôi đã nghe nhiều chuyện ở đây và nghe Pharaon bị nguyền rủa lẫn được ngợi ca, nhưng vị thần mới của ngài phần nhiều bị chế giễu. Cho đến một buổi tối kia, một thương nhân bán hương nhang bước vào quán rượu, quần áo rách tươm và tóc rắc đầy tro, ông ta đến dùng đuôi cá sấu để xoa dịu nỗi buồn. Ông ta kêu lên:

- Quả thật hãy để vị pharaon giả này, người thừa kế độc ác và giả dối này, bị nguyền rủa mãi mãi, vì không còn ai giữ tay ông ta và ông ta sẽ làm mọi thứ theo cách riêng của mình và phá hủy nghề nghiệp chính đáng của tôi. Cho đến giờ, tôi đã nhận được lợi nhuận tốt nhất từ nhang đèn được nhập khẩu từ xứ Punt và những chuyến đi trên vùng biển mạn đông này không nguy hiểm chút nào, bởi vì mỗi mùa hè, tàu thuyền được trang bị cho chuyến đi thương mại và ít nhất hai trong mười thuyền trở về vào năm sau, nên tôi có thể tính trước được lợi nhuận và vốn của mình. Nhưng các vị đã nghe chuyện này chưa? Khi đội thuyền sắp khởi hành, Pharaon thường đích thân ra tận cảng kiểm tra. Thể có thần Seth, vì sao ông ta phải như linh cẩu chõ mũi vào mọi thứ như thế chứ? Ông ta có những người ký lục và cận thần làm việc này, theo đúng luật pháp và tập quán như trước đây. Nhưng Pharaon nhìn thấy các thủy thủ kêu khóc trên thuyền, vợ con họ kêu khóc trên bờ và lấy đá sắc rạch mặt, như một phong tục tốt khi người đàn ông chuẩn bị cho chuyến đi biển, vì ai chả biết nhiều người đi biển ít người trở lại. Tất cả những việc này liên quan tới đội thuyền đi Punt và đã có từ thời của Hoàng hậu vĩ đại, nhưng tin hay không tùy các ông, tên khốn nhãi ranh này, Pharaon đáng nguyền rủa này, đã cấm đội thuyền rời bến và tuyên bố sẽ không bao giờ cho đóng và trang bị cho thuyền đi Punt nữa. Xin Amon chứng giám, mọi thương gia chân chính đều biết điều này có nghĩa là gì. Nó có nghĩa là chết chóc và phá sản sẽ đến với rất nhiều người, có nghĩa

là nghèo khổ và đói khát với vợ con thuyền viên. Rốt cuộc, nhân danh thần Seth, không người đàn ông nào đi biển nếu số phận không buộc phải thế, vì anh ta đã làm gì đó phạm tội và các quan tòa dựa trên giấy tờ pháp lý mà xử anh ta phải làm công trên thuyền. Cũng hiếm khi họ bị xử sai và bị cưỡng bức xuống thuyền mà việc này chỉ xảy ra vào những năm bội thu, khi tội phạm giảm, nhưng tội phạm đã có quá nhiều từ khi Pharaon này lên trị vì trên đất Ai Cập, khi con người không còn sợ thần linh mà ai cũng sống như ngày tận thế sắp đến. Các ông hãy nghĩ về những tài sản được đầu tư vào thuyền và kho hàng hóa, đồ thủy tinh và đất nung. Các ông hãy nghĩ về các đại diện thương chánh của Ai Cập, những người buộc phải mãi mãi ở lại trong những túp lều rơm của xứ Punt vì đã bị thần của họ chối từ. Tim tôi rỉ máu khi nghĩ về họ cùng với những người vợ và những đứa con đang than khóc của họ, những người sẽ không bao giờ còn gặp lại cha mình, vì thực ra nhiều người đã lập gia đình mới và sinh con ở đó, những đứa trẻ nghe kể là có nhiều màu da.

Chỉ sau khi uống hết ba đuôi cá sấu từ cốc trong lòng bàn tay, thương gia nhang đèn mới bình tĩnh lại, nín lặng rồi vội vàng xin lỗi vì có thể trong nỗi buồn quá sức chịu đựng của mình, ông đã nói lời xúc phạm đến Pharaon.

- Nhưng, - ông ta nói tiếp, - tôi đã nghĩ là Hoàng thái hậu Teje, người rất thông thái và am hiểu, sẽ giữ con trai mình trong khuôn phép và tôi cũng đã nghĩ giáo sĩ Eje là người khôn ngoan, thế nhưng tất cả bọn họ chỉ muốn đánh đổ Amon, vì vậy nên mới để cho Pharaon tự do phá phách với những dự định điên rồ của ngài ta. Tội nghiệp Amon! Người đàn ông thường tỉnh ra sau khi đập vỡ bình cùng đàn bà và kết hôn, thế nhưng Nefritite này, Hoàng hậu vĩ đại này, chỉ quan tâm đến váy áo của mình với những kiểu mẫu lố lăng. Tin hay không tùy các ông, chứ bây giờ đàn bà trong cung toàn lấy đá lông công kẻ mắt xanh rờn và đi lại trong xiêm áo hở từ eo xuống phơi cả rốn ra cho đàn ông nhìn.

Kaptah thấy tò mò và hỏi:

- Kiểu mẫu như thế, tôi chưa bao giờ thấy ở các xứ khác, cho dù tôi bị buộc phải nhìn bao nhiêu điều kỳ quặc trong ăn vận của đàn bà. Ông nói thật đi, lẽ nào họ để hở cả âm hộ, cả Hoàng hậu cũng thế?

Thương gia nhang đèn bực tức:

- Tôi là người đàn ông ngoan đạo và tôi có vợ con, nên tôi không hạ ánh mắt xuống dưới rốn và tôi cũng khuyên ông đừng làm điều

thất thố như vậy.

Merit xen vào câu chuyện và tinh quái nói:

- Cái miệng của ông trơ trẽn thì có, chứ không phải những xiêm áo mới cho hè này; chúng rất mát mẻ và tôn vẻ đẹp phụ nữ theo đúng quyền của người ấy nếu có cái bụng đẹp, khuôn hình thon thả và bà đỡ vụng về không làm xấu cái rốn của cô ấy. Mà ông cũng có thể hoàn toàn an tâm nhìn xuống dưới, vì dưới chiếc váy để hở, nếu có một chiếc khố nhỏ may từ loại vải lanh mỏng thì sẽ không xúc phạm đến đôi mắt của ngay cả người ngoan đạo nhất, chỉ cần người ấy cẩn thận nhổ hết lông như người phụ nữ lương thiện vẫn làm.

Thương gia nhang đèn rất muốn vặc lại lời Merit nhưng không được nữa, vì đuôi cá sấu thứ ba mạnh hơn cái lưỡi của ông ta. Vì vậy ông ta ôm đầu trong hai bàn tay và khóc tức tưởi vì lối ăn vận của đàn bà trong cung và vì số phận khốn khổ của những người Ai Cập bị mắc lại ở xứ Punt. Nhưng một vị giáo sĩ Amon già với hai má béo xệ và cái đầu cạo trọc bóng loáng thơm mùi dầu đã xen vào câu chuyện thay ông ta. Vị giáo sĩ, được đuôi cá sấu làm cho kích động, đập tay xuống bàn và gào to:

- Việc này đi quá xa rồi! Tôi không nói về việc ăn vận của phụ nữ, vì thần Amon chấp nhận bất cứ kiểu mẫu nào, chỉ cần họ mặc đồ trắng trong các ngày lễ và bất kỳ ai cũng được phép nhìn rốn với cái bụng tròn của phụ nữ xinh đẹp. Nhưng khi Pharaon làm ra vẻ thương xót số phận của các thủy thủ nên đã ngạo mạn ngăn cấm việc nhập tất cả các loại gỗ thơm từ xứ Punt về đây, thì việc này đi quá xa rồi, vì Amon đã quen với những mùi thơm quyến rũ ấy và bây giờ chúng ta dùng phân đốt đồ cúng tế của chúng ta chăng? Việc làm này đúng là sự chọc tức đáng hổ thẹn, là sự xúi giục có chủ đích, và tôi cũng không ngạc nhiên nếu sau việc này bất cứ người lương thiện nào cũng sẽ nhổ vào mặt những ai mặc trên người bộ đồ có thêu thánh giá sự sống, biểu trưng cho vị thần đáng nguyền rủa mà tôi không muốn nhắc đến tên vì sợ làm bẩn mồm cao quý của mình. Nói thật, tôi sẽ trả thật nhiều đuôi cá sấu cho người nào đêm nay đến cái đền mà các ông ai cũng biết rất rõ và giải quyết nhu cầu lên bàn thờ ấy, vì đền mở cửa, không có thành bao quanh và tôi nghĩ một người khéo léo sẽ dễ dàng đánh lừa lính canh ở đó. Thực ra chính tôi cũng có thể làm việc đó nếu như danh giá của tôi cho phép và nếu như tiếng tăm của Amon không bị thương tổn vì việc đó.

Giáo sĩ nhìn quanh với vẻ thách thức và một lúc sau, một người

đàn ông mặt rỗ chằng chịt vết dịch hạch đến bên lão ta. Hai người bắt đầu thì thào với nhau và giáo sĩ gọi hai đuôi cá sấu, cho đến khi người mặt rỗ bắt đầu to tiếng:

- Tôi thật sự sẽ làm việc đó, không phải vì vàng ông hứa, mà chỉ vì tội lỗi của tôi, vì cho dù tôi đã phạm nhiều tội và không hề run tay khi phải cứa đứt cổ hay lấy dao cắt cả hai tai ai đó nếu cần, tôi vẫn tin điều mẹ tôi dạy và Amon vẫn là thần của tôi, tôi muốn được hưởng sự ưu ái của ngài trước khi chết, bởi vì cứ mỗi lần đau bụng, tôi lại lo lắng nhớ đến bao nhiêu việc làm đen tối trước đây của mình.

- Đúng như vậy, - giáo sĩ đáp lời, ngà ngà không kém, - việc làm của ông thật đáng khen và ông sẽ được tha thứ. Nếu như nguy hiểm đe dọa khi ông vì Amon, thì ông hãy biết là ông sẽ đến thẳng miền tây, cho dù thi thể của ông thối rữa trên tường thành. Cả các thủy thủ bị chết chìm dưới biển vì phụng sự Amon khi lấy cho thần các loại gỗ và hương thơm quý giá cũng sẽ đến thẳng miền tây như vậy mà không cần lội qua đầm lầy của địa ngục. Chính vì vậy Pharaon là tội đồ khi đã tước đi của những thủy thủ ấy cơ hội chết đuối vì Amon.

Giáo sĩ đập cái cốc ốc biển xuống bàn và quay về phía tất cả khách của quán rượu, gào to:

- Với tư cách là giáo sĩ bậc bốn, ta có quyền buộc và cởi bỏ tội lỗi của các người. Vậy nên ta bảo với các người, mỗi việc các người làm vì Amon sẽ được tha thứ, cho dù đó là giết người, đánh người, trộm cắp hay hãm hiếp, vì Amon nhìn vào tâm của con người ta và đánh giá việc làm của họ theo mục đích của tâm. Hãy đi đi, lấy vũ khí giấu xuống vạt áo và...

Câu kêu gào của giáo sĩ bị đứt giữa chừng vì chủ quán đã bình thản đến gần, lấy cây chùy da đập vào đỉnh đầu lão, khiến đầu lão gục xuống giữa hai đầu gối và từ ngữ nằm lại trong cuống họng. Khách khứa bừng dậy và gã mặt rỗ rút dao ra khỏi thắt lưng, nhưng chủ quán đã bình tĩnh lưu ý khách khứa:

- Tôi làm việc này vì Amon, vì vậy tôi đã được tha thứ từ trước và bản thân giáo sĩ cũng sẽ làm điều đó khi ông ấy tỉnh lại. Bởi vì dù ông ấy có nói thật trên danh nghĩa của Amon nhưng đó cũng là lời nói của đuôi cá sấu, và vì ông ấy gào quá to, mà trong quán này không ai được phép hò hét và làm ầm ĩ trừ tôi ra. Tôi nghĩ các vị ai cũng hiểu điều tôi nói, nếu các vị là người khôn ngoan.

Tất cả khách đều thừa nhận là chủ quán nói đúng và nói thật. Gã mặt rỗ lay lay giáo sĩ trong khi mấy người khách lẻn nhanh ra ngoài cửa. Cả tôi và Kaptah cũng rời đi và khi đến cửa, tôi nói với Merit:

- Nàng đã biết là tôi cô đơn, nhưng đôi mắt nàng cũng kể cho tôi biết là nàng cũng cô đơn. Tôi đã nghĩ rất nhiều về những lời một lần nàng nói với tôi và tôi tin rằng với người cô đơn, đôi lúc lời nói dối ngọt ngào hơn sự thật, khi mùa xuân đầu tiên của người ấy đã trôi qua. Vì vậy tôi muốn nàng hãy mặc bộ xiêm áo hè mẫu mới nhất, bộ mà nàng nói, vì dáng hình nàng đẹp, chân tay nàng dài và thon thả, và tôi nghĩ nàng cũng không cần phải xấu hổ vì bụng của mình khi tôi đi cạnh nàng trên Đại lộ Nhân Sư.

Merit không hất tay tôi ra khỏi eo mình mà khẽ bóp nhẹ tay tôi và nói:

- Có lẽ tôi sẽ làm điều ông khuyên.

Nhưng lời hứa của nàng không làm tôi vui khi tôi bước ra ngoài vào buổi tối nóng nực nơi bến cảng, tâm hồn tôi tràn ngập nỗi buồn man mác và từ nơi nào đó xa xa bên dòng sông đêm yên tĩnh vẳng lại tiếng sáo sậy hai ống cô đơn.

Ngày hôm sau, Horemheb trở lại Thebes và anh ta quay lại cùng đội quân của mình. Nhưng để kể lại điều này và tất cả những điều khác đã xảy ra thì tôi phải bắt đầu vào quyển sách mới. Nhưng dù sao tôi vẫn muốn nói thêm là trong thời gian chữa bệnh cho người nghèo này, đã hai lần tôi buộc phải mổ sọ, lần đầu là một người đàn ông đã già và lần thứ hai là một người đàn bà nghèo khăng khăng mình chính là nữ hoàng Hatshepsut vĩ đại. Cả hai người đã hoàn toàn bình phục, đem lại cho tôi niềm vui vô bờ vì tài chữa bệnh của mình, nhưng tôi nghĩ người đàn bà nghèo đã từng hạnh phúc khi nghĩ mình là nữ hoàng Hatshepsut, hạnh phúc hơn cả khi đã được chữa lành.

(Mời quý độc giả xem các Sách tiếp theo trong tập 2)